1963 – 2013
NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI

TẬP III



Tuyển tập của **99 tác giả**
và những lời ***Phê phán của 100 Chứng nhân***
về chế độ Ngô Đình Diệm

Thomas Ahern, Jr. ● Vũ Bằng ● Đào Văn Bình ● Nguyễn Văn Bông ● Peter Brush ● Nguyễn Trí Cảm ● Nhóm Caravelle ● Niguel Cawthorn ● Vũ Ngự Chiêu ● Vũ Hoàng Chương ● Lê Cung ● Tiểu Dân ● Ngô Diệp ● Cao Thế Dung ● Lý Nguyên Diệu ● Trần Quang Diệu ● Trần Quốc Đại ● Phan Quang Đán ● Chính Đạo ● Cao Hữu Điền ● Lương Hữu Đính ● Trần Kiêm Đoàn ● Trần Văn Đôn ● Phan Lạc Giang Đông ● Góp Gió ● Bobby Ghosh ● Nguyễn Phan Hoàng ● Lê Mạnh Hùng ● Nguiễn Ngu Í ● KHHB ● Bùi Kha ● Nguyễn Kha ● Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê ● Bảo Quốc Kiếm ● Phan Ký ● Pháp Lạc ● Trần Lâm ● Thái Kim Lan ● Nguyễn Lang ● Nguyễn Hiến Lê ● Lịchsữviệtnam.info ● Trần Hồng Liên ● Khúc Hà Linh ● Trịnh Bá Lộc ● Hồng Quốc Lộc ● Lê Nguyên Long ● Chính Luận ● Phạm Trọng Luật ● Vũ Tài Lục ● Nguyên Ly ● Avro Manhattan ● Hoành Linh Đỗ Mậu ● Minh Không Vũ Văn Mẫu ● Trần Chung Ngọc ● Định Nguyên ● Minh Nguyện ● Lê Chân Nhân ● Lý Đương Nhiên ● Quán Như ● Trần Ngọc Nhuận ● Hoàng Nguyên Nhuận ● Lê Xuân Nhuận ● O.V.V. ● James Olsen ● Lloyd Phạm ● Nguyễn Hữu Phiếm ● Nguyễn Kỳ Phong ● Trần Gia Phụng ● Nguyễn Phương ● Lê Quân ● Phùng Quân ● Nguyễn Mạnh Quang ● Võ Văn Sáu ● Nguyễn Tường Tâm ● Minh Tân ● Nguyễn Thái ● Lê Quang Thái ● Nguyễn Hy Thần ● Minh Thạnh ● Nguyễn Tường Thiết ● Cao Huy Thuần ● Ngô Đình Thục ● Văn Thư ● Trần Văn Thưởng ● Trần Tam Tĩnh ● Ngô Đắc Triết ● Nguyễn Văn Trung ● Nguyễn Quốc Tuấn ● Nguyễn Tường ● Phạm Tưởng ● Hồ Hữu Tường ● Trần Thị Vĩnh Tường ● Lê Tuyên ● Phạm Quý Vinh ● VirtualArchivist ● VTruong ● Huyền Vũ ● Hàn Phong Quốc Vũ ● Nguyễn Hạnh Hoài Vy ● Erich Wulff ● và …

Lời phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Nhân chứng

DẪN NHẬP

Nửa thế kỷ trước đây, tại miền Nam Việt Nam, một biến cố bi hùng đã làm chao nghiêng lịch sử và trở thành một trong những dấu ấn quan trọng trong dòng sinh mệnh dân tộc vào hạ bán thế kỷ thứ hai mươi. Biến cố đó là sự **sụp đổ của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm**, kéo theo sự **phá sản của một sách lược cải đạo ở cấp độ quốc gia** của Công giáo La Mã tại miền Nam Việt Nam.

1963 – 2013! Năm mươi năm đã trôi qua… Một nửa thế kỷ là khoảng thời gian đủ dài để có thể soát xét và suy nghiệm xem từ biến cố đó ta rút ra được những bài học lịch sử gì. Tuy nhiên, ở trong nước, từ lâu, đã **không có một công trình** quy mô nào nghiên cứu và trình bày một cách toàn diện, nghiêm túc và cập nhật hơn về chế độ Ngô Đình Diệm. Còn ở hải ngoại, một vài trí thức Công giáo có nỗ lực "xét lại" bản chất và thành quả của chế độ nầy, nhưng **vì phải mạo hóa lịch sử để biện minh cho ý đồ chạy tội** nên những tác phẩm của họ vừa không có giá trị lịch sử vừa thiếu tiêu chuẩn trí thức.

Trong tình hình đó, sự hình thành Tuyển Tập nầy là một động thái trí thức chủ yếu nhằm đóng góp vào 4 nỗ lực:

1. Thứ nhất là đúc kết lại thành một **chứng liệu lịch sử** từ cả hai góc độ *chứng nhân* và *văn bản*, đóng góp thêm vào việc kiện toàn các nghiên cứu tương lai về chế độ Ngô Đình Diệm.
2. Thứ nhì là để làm **sáng tỏ một số ngộ nhận** dấy lên vì những biến động sau đó trên đất nước ta, khiến sự thật đã vô tình bị biến dạng đàng sau những lăng kính và bụi mù do một số người Việt và người nước ngoài vô tình hay cố ý tạo ra.
3. Thứ ba là nhận diện để **phản biện một số xuyên tạc và mạo hóa lịch sử** của tàn dư chế độ Ngô Đình Diệm tại hải ngoại đang tìm cách đánh tráo sự thật để chạy tội quá khứ. Nỗ lực nầy có thể là để âm mưu, dưới hình thức nầy hay hình thức khác, thiết lập một chế độ "*Diệm không Diệm*" trong tương lai tại Việt Nam. Điều **bất hạnh** nầy, nếu xảy ra, thì sẽ chỉ vì **lợi ích của một thiểu số giáo quyền** mà đi ngược lại lợi ích của toàn thể Dân tộc.

4. Và thứ tư là nỗ lực trao gửi một **bài học cho thế hệ tương lai** để cảnh giác họ đừng bao giờ để cho một chế độ như chế độ Diệm xuất hiện trên quê hương ta nữa.

Vì bốn lý do kể trên, Tuyển Tập nầy sẽ không được bán mà chỉ in với một số lượng giới hạn để gửi tặng những cá nhân hoặc định chế nào nghiên cứu chủ đề nầy mà thôi.

Trong quá trình hình thành Tuyển Tập, việc thu thập tài liệu (mà đa số đã được phổ biến rộng rãi trên Internet từ nhiều năm qua) và liên lạc với các tác giả để xin phép là một điều vô cùng khó khăn, hầu như là bất khả thi nên xin các tác giả thông cảm và rộng lòng tha thứ. Nhất là khi có một số ít bài viết xuất xứ từ trong nước và/hoặc đã được phổ biến (trên báo giấy) từ trước 1975. Cho nên **122 bài viết của 99 tác giả**, và **100 lời nhận định** về chế độ Ngô Đình Diệm trong Tuyển Tập nầy, dù chỉ là một số lượng rất nhỏ trong hàng núi tài liệu cả trong lẫn ngoài nước, nhưng có lẽ cũng đủ để nhận diện được nguyên nhân, mô tả được bản chất và đánh giá được công tội của chế độ nầy rồi.

Nội dung các bài viết được phân bố thành ***8 Chương*** là để dễ truy cứu theo từng chủ đề hơn là theo một cấu trúc trình bày nhất định nào đó. Và vì Tuyển Tập dài hơn một ngàn sáu trăm trang nên sẽ được chia thành **3 Tập**, phát hành trong năm 2013 để đánh dấu mốc *50 năm nhìn lại*.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ những tác giả có bài trong Tuyển Tập "*1963-2013 – Năm Mươi Năm Nhìn Lại*" nầy. Những tác giả đó, đã mất hay còn sống, đa số đã là những **chứng nhân** và cũng đã là, trong nhiều trường hợp, những **nạn nhân**, cho nên tiếng nói của họ thì trung thực, cần được phổ biến rộng rãi và bảo lưu lâu dài.

Trân trọng,

Nhà Xuất bản **Thien Tri Thuc Publications**
P.O. Box 4805
Garden Grove, CA.92842-4805 - USA

MỤC LỤC

Dẫn Nhập……..5
Mục lục……..…7

TẬP I

■ Chương Một - **TỘI TỔ TÔNG**
Hễ đã Phi dân tộc thì thế nào cũng Phản dân tộc
Nguyễn Mạnh Quang - Trần Thị Vĩnh Tường - Lý Nguyên Diệu Trần Tam Tỉnh - Nguyễn Hạnh Hoài Vy - Vũ Ngự Chiêu - Ngô Đình Thục – Văn Thư - Chính Đạo

■ Chương Hai – **VÌ ĐÂU NÊN NỖI**
Đoạn trường ai có qua cầu mới hay …
Trần Lâm - Vũ Văn Mẫu - Nguyễn Hy Thần - Hồ Hữu Tường - Cao Thế Dung - "Nhóm Caravelle" - Lê Xuân Nhuận - Trần Văn Đôn - O.V.V - Ngô Diệp - Nguyễn Phương - Phan Lạc Giang Đông - Trần Ngọc Nhuận - Võ Văn Sáu - Nguyễn Hiến Lê - Huyền Vũ - Vũ Bằng - Phan Quang Đán - Tạp chí *Góp Gió* số 112, 7-2-2003 - Trịnh Bá Lộc - Phạm Tưởng - Virtualarchivis - Bobby Ghosh - Phạm Trọng Luật - Nguiễn Ngu Í - Virtualarchivis - Nguyễn Hữu Phiếm - Khúc Hà Linh - Nguyễn Tường Tâm - Vũ Hoàng Chương - Ngô Đắc Triết - Lý Đương Nhiên - Hoành Linh Đỗ Mậu - Lê Chân Nhân

■ Chương Ba – **CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ –**
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ
Phê phán chế độ Ngô Đình Diệm của 100 Chứng nhân

TẬP II

■ Chương Bốn - **BÁNH XE LỊCH SỬ**

Thiên thời Địa lợi Nhân hòa

Nguyễn Thái - Nguyễn Văn Bông - Avro Manhattan - Hoành Linh Đỗ Mậu - Hội Khổng học Việt Nam - Lê Mạnh Hùng - Nguiễn Ngu Í - Peter Brush - KHHB - Trần Chung Ngọc - Nhật báo *Chính Luận* 22-7-1964 - Lê Xuân Nhuận - Nguyễn Hữu Ngư / Nguyễn Văn Trung

■ Chương Năm - **MA GIỮA BAN NGÀY**

Những ngụy biện và tráo trở lịch sử của tàn dư chế độ Diệm

Phan Ký - Vtruong2602 - Định Nguyên - Bảo Quốc Kiếm - Minh Thạnh - Lê Xuân Nhuận - Trần Lâm - Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu – Vân Xưa Hồ Sĩ Khuê - Trần Quốc Đại - Lý Nguyên Diệu - Nguyễn Tường Thiết - Nguyễn Mạnh Quang - Nguyễn Trí Cảm - Trần Quang Diệu - Trần Gia Phụng - Nguyễn Phan Hoàng – Lloyd Phạm - Lê Quân – Pháp Lạc - Hồng Quốc Lộc.

TẬP III

■ Chương Sáu – **KIM CƯƠNG BẤT HOẠI**

Hoa sen trong biển lửa

1- *Lễ Phật Đản 8/5/1963 tại Huế*
Erich Wulff ……..13

2- *Chiến dịch "Nước Lũ" của Ngô Đình Nhu*
Quán Như Phạm Văn Minh ……..……..….27

3- *Mùa Phật đản đẫm máu*
Chính Đạo ……...….30

4- *Phù Đổng 63*
Hoàng Nguyên Nhuận ……..……...93

5- *Sen đồng và Nắng Hạ 63*
Trần Kiêm Đoàn ……..…111

6- *Đàn áp Tôn giáo và các cuộc Tự Thiêu* (*Vietnam – Why Did We Go?*, Chương 14), Avro Manhattan ……..….131

7- *Kỳ thị Tôn giáo*
Vũ Tài Lục……..….136

8- Sinh viên và Học sinh đứng dậy
Nguyễn Lang ……..……..137
9- Quách Thị Trang - Vì sao sáng
Hàn Phương Quốc Vũ ……..…….……..141
10- Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn
Lương Hữu Định ……146
11- Cuộc vận động chống đàn áp Phật giáo năm 1963,
Nguyễn Lang 150
12- Tường trình tại Liên Hiệp Quốc (9/1963)
Erich Wulff …….……199
13- Tại sao có cuộc tranh đấu của Phật giáo?
Vũ Ngự Chiêu ……....206
14- Phật đản 1964 trong Ký ức người dân Sài Gòn
Nguyên Ly……...208
15- Thăm đài Thánh Tử Đạo bên bờ sông Hương
Lê Quang Thái ……...…….213
16- Viết về Cố Hòa thượng Mãn Giác và anh Hoàng Văn Giàu,.
Cao Hữu Điền ……...…..216
17- Giới thiệu sách"Sáu tháng Pháp nạn 1963"
của Minh Không Vũ Văn Mẫu, Minh Nguyện ……..…….221
18- Cuốn sách bị bỏ quên của Nhà báo Thanh Thương Hoàng:
Phật giáo đấu tranh, Đào Văn Bình ……..230
19- Những ngày tháng không quên
Thái Kim Lan ……..252
20- Mục tiêu Công bằng Xã hội nhìn từ
Phong trào Phật giáo 1963, Lê Cung …….……261
21- Nhìn lại cuộc Tranh đấu Phật giáo 1963
Trần Chung Ngọc ……...……273
22- *Vài điều căn bản về Phong trào Phật giáo*
Cao Huy Thuần ……...294

■ Chương Bảy - **LỬA TỪ BI**
Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ
23- Lời Dặn Dò ngày 10 tháng 6 năm 1963 của
Hòa Thượng Thích Quảng Đức, lichsuvietnam.info …….…307
24- Về một bức thủ bút chữ Nôm của Thích Quảng Đức
Phạm Quý Vinh ……..314
25- Từ Ngọn lửa Thích Quảng Đức
Nguyễn Quốc Tuấn ……319

26- Dư luận và Cảm phục của Thế giới
Minh Không Vũ Văn Mẫu ……..324
27- Sức mạnh Bất bạo động nhìn từ
Ngọn lửa Thích Quảng Đức, Lê Cung ……...…….353
28- Hòa Thượng Quảng Đức, biểu tượng về tinh thần Dân tộc
và Đạo Pháp của Phật giáo Việt Nam, Trần Hồng Liên 369
29- *Vài cảm* nghĩ về Thượng Tọa Thích Quảng Đức
Vũ Ngự Chiêu …….374

■ Chương Tám - **GỬI LẠI NGHÌN SAU**
Suy nghiệm về một số bài học lịch sử

30- Bất đắc dĩ khơi đống tro tàn
Lê Nguyên Long …….…....391
31- Xin đừng tiếp tục lừa dối lịch sử nữa
Quang Phục Võ Văn Sáu ……...……403
32- Sáng mai chim hót
Quán Như ……...……408
33- *Chế độ NĐD, chế độ Ngược lòng dân*
và Phản thời đại, Nguyễn Kha ……..…..413
34- Ngô Đình Diệm, Bảy nguyên nhân Thất bại
Bùi Kha ……..……..438
35- CIA và Việt Nam Cọng Hòa
Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong ……...……...470
36- Toàn trị và Ngoại thuộc
Cao Huy Thuần ……..……....480
37- Ngô đình Diệm, Một số đánh giá
Sưu tầm của Lê Xuân Nhuận ……....496
38- Tên "Ngô Đình Diệm" trong danh sách 100 kẻ
Bạo ngược trong Lịch sử nhân loại, Nigel Cawthorne ……..519
39- Cảm nghĩ về sự Cáo chung
của một Chế độ Độc tài, Tiểu Dân ……....524
40- Tháng Mười Một, chợt nhớ đến
vài bài thơ thời Diệm, Phùng Quân …….……..531
41- Quy luật của Tháng Tám định mệnh
Lý Nguyên Diệu ……...…….....546

Chương Sáu

KIM CƯƠNG BẤT HOẠI

Hoa sen trong biển lửa

LỄ PHẬT ĐẢN 8/5/1963 TẠI HUẾ

Trích hồi ký Bác sĩ **ERICH WULFF**
Việt dịch: ***Minh Nguyện***

Lời người dịch: Bài này được trích dịch từ quyển **Vietnamesische Lehrjahre (Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Verlag, Taschenbuch Ausgabe , st 73, Germany, 1972, trang 129-142** với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Bác sĩ người Đức **Erich Wulff**. BS Wulff dạy tại trường Đại học Y khoa Huế 1961-1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại Đài Phát thanh Huế đêm 8/5/1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Ủy ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên hiệp quốc vào tháng 9/1963.

******

Khi tôi cùng với Fred, Tuân (1), Phương và người chị tên Hà đi dạo đến chùa Từ Đàm vào buổi tối ngày mồng 7 tháng 5 (1963), chúng tôi cảm thấy có một điều gì đặc biệt đang xảy ra. Đó là buổi tối trước ngày mừng lễ Phật Đản lần thứ 2507. Lá cờ năm màu của Hội Phật giáo quốc tế được treo lên bên cạnh những cây lồng đèn đủ màu trước mỗi nhà. Tại những quán ăn hay cà phê bên đường, người ta thấy nhiều nhóm sinh viên, dân lao động và các vị lớn tuổi bận lễ phục đang thảo luận một cách hăng say. Đêm hôm đó là một trong những đêm hè đầu tiên trong năm. Sau cái nắng chói chan lúc ban chiều, nay người ta cảm thấy được thoải mái hơn, mặc dầu khí trời chưa được dịu mát cho lắm. Những mặt đường, những bức tường và các mái nhà đã được nung nóng suốt ngày, nay bắt đầu nhả lại bớt cái nóng cho không khí bao quanh. Nếu người ta tiến lại gần những vật nóng đó, người ta sẽ cảm thấy chúng dường như đang rung động.

Trên các con đường người ta thấy quang cảnh của một ngày lễ hội lớn. Những gia đình với đông đảo con cái đi đến viếng thăm các ngôi chùa trang hoàng với nhiều cây lồng đèn hay đứng trố mắt nhìn các quyền môn với nhiều ánh đèn néon sáng chói hay các hương án kết bằng giấy đầy mầu sắc sặc sỡ. Không khí giống như là một ngày

mừng lễ chiến thắng vậy.

Fred kể cho chúng tôi nghe do đâu mà có không khí như thế. Ngày hôm trước, đức Tổng giám mục Ngô đình Thục, người anh cả của Tổng thống Diệm, đã thành công trong việc vận động chính quyền ban hành một công văn truyền đi bằng điện tín cấm treo cờ Phật giáo quốc tế. Sáng hôm nay đã có một viên cảnh sát theo đạo Gia tô giựt xuống một lá cờ treo trên một hương án nằm bên đường. Chiều nay đã có những toán cảnh sát đi vào nhiều nhà tư nhân và tịch thu các lá cờ bị cấm. Điều này không thể làm cho giới tăng già Phật giáo ngồi yên được. Họ đã kêu gọi quần chúng Phật tử hãy đến phản đối sự cấm đoán này trước tòa Tỉnh trưởng Thành phố Huế. Chiều nay đã có hàng ngàn người biểu tình trước tòa Tỉnh trưởng và đòi thu hồi lại ngay biện pháp kỳ thị kia. Đứng trước phản ứng mạnh mẻ bất ngờ đó, ông Tỉnh trưởng đã ra lệnh cảnh sát tạm thời cho phép treo cờ Phật giáo vào dịp lễ mừng ngày Phật Đản ngày mai. Ông ta cũng thông báo cùng các vị lãnh đạo Phật giáo rằng ông sẽ can thiệp vào Saigòn để yêu cầu thu hồi lại lệnh cấm đoán trên. Không khí tưng bừng tối hôm nay như thế là do kết quả của cuộc biểu tình hồi chiều nay. Đám đông bắt đầu ý thức được sức mạnh của mình khi cùng nhau tranh đấu cho một mục tiêu chung.

Trong những năm vừa qua, các người bạn của tôi như Tuân, Miên và Quát (1) đã kể lại cho tôi nghe về sự căng thẳng ngày càng tăng giữa chế độ và Phật giáo. Vào tháng 3 năm 63 tôi có đọc một bài viết trên một tờ báo Thiên chúa giáo Pháp lên án thái độ "huyênh hoang đắc thắng" của Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam (sau này vào năm 65 tôi có gặp tác giả bài báo đó, linh mục Nguyễn ngọc Lan tại nhà bạn tôi Raoul). Ngoài ra tôi còn nghe nói đến những khóa học về thuyết Nhân vị do đức Tổng giám mục Thục tổ chức tại Vĩnh Long. Rất nhiều công chức và sĩ quan không theo đạo Thiên chúa cũng phải tham dự. Nhiều người kỳ vọng sau khi tham dự các khóa học đó sẽ được thăng quan tiến chức nhanh hơn, trong số đó có tướng Nguyễn văn Thiệu sau này.

Tôi cũng có nghe nói đến trường hợp nhiều người đã theo phe kháng chiến Việt minh hay những phe đối lập chính trị khác đã phải đổi theo đạo Thiên chúa để khỏi bị công an làm khó dễ. Toàn bộ viện trợ thực phẩm của Hoa kỳ (Chương trình thực phẩm vì hòa bình) đã bị Tổ chức xã hội Thiên chúa giáo và các linh mục tại các thôn xã lợi dụng để vận động "cải đạo" trong quần chúng Phật tử. Có một tin đồn nói rằng Tổng giám mục Thục muốn đổi đạo cho một phần ba dân số

Việt nam để hy vọng sẽ được phong làm Hồng y. Tôi cũng biết rằng Giáo hội Thiên chúa giáo là tôn giáo duy nhất tại Việt nam được công nhận như là một hiệp hội công cọng, trong khi đó Phật giáo phải bằng lòng với tư cách của một hiệp hội tư, không khác gì một hội đá banh. Tuy đây là một điều còn sót lại từ thời Pháp thuộc, nhưng nay vẫn còn được áp dụng, mặc dù giới tăng già Phật giáo đã lên tiếng nhiều lần yêu cầu thay đổi. Phật giáo phải xin phép chính quyền mỗi khi muốn mở một bệnh viện hay trường học, muốn mua đất đai để xây chùa hay tổ chức các lễ hội rước tượng Phật – một sự bó buộc mà Thiên chúa giáo không phải tuân hành do tính cách được biệt đãi. Trong vòng hai năm vừa qua, các đơn xin phép như thế của Phật giáo chỉ được chấp nhận một cách khó khăn và thưa thớt , hay chỉ được cấp rất trể nải, gây ra nhiều khó khăn về mặt tổ chức. Trong một quốc gia mà có tới 80 phần trăm dân số tự cho mình là theo Phật giáo, mặc dầu chỉ có khoảng một nửa là tham gia tích cực vào các nghi lễ đạo Phật, trong lúc chỉ có 10 phần trăm theo Thiên chúa giáo, những cố gắng cải đạo hay những lôi kéo vì quyền lợi vật chất hay nghề nghiệp dành riêng cho những con chiên ngoan đạo, cùng lúc với những biện pháp hành chánh kỳ thị đối với Phật giáo tất nhiên đã tạo nên những sự bất bình và lo lắng trong quần chúng.

Tất cả những căng thẳng này ở Huế, nơi trung tâm của Phật giáo Việt nam, đã chưa dẫn đến một sự bùng nổ, là do sự khéo léo của người em út của Tổng thống Diệm là ông Ngô đình Cẩn. Mặc dầu ít học, không nói được tiếng ngoại ngữ nào, với lập trường vô cùng bảo thủ và bài ngoại, ông ta đã tìm được với các nhà lãnh đạo Phật giáo tại địa phương một sự đồng thuận nào đó về mặt chính trị và ý thức hệ, vì cùng có quan điểm quốc gia cực đoan. Ông ta cũng không phải là một người ngoan đạo. Ông ta chán ngán những lời khuyên bảo của các linh mục trong những lần xưng tội, vì họ tìm cách khuyên ông hãy từ bỏ những chuyến buôn gạo và súng đạn cho "Việt cọng" cũng như những chuyến buôn thuốc phiện. Họ cũng đã chỉ trích việc ông ta thanh toán một cách không thương tiếc những kẻ đối thủ trên thương trường hay đã can thiệp một cách trắng trợn vào công việc của chính quyền. Ông ta bày tỏ thái độ không muốn trở về con đường thánh thiện của một con chiên và cũng không nghĩ đến việc ủng hộ một cách tích cực các cố gắng truyền giáo của Giáo hội Gia tô. Ngược lại, theo một lời đồn đải, mỗi tuần vào ngày thứ bảy ông ta ngồi uống trà với nhà sư Thích Trí Quang và bàn luận về cách thức đẩy lùi các ảnh hưởng của Tây phương trên các lãnh vực văn hóa, kinh tế cũng như

chính trị. Ông ta đã có lần nói với Linh mục Cao văn Luận, đương kim Viện trưởng Viện Đại học Huế, một con người cởi mở và đứng đắn rằng: "Thưa Cha, thế nào con cũng xuống địa ngục. Thế thì tại sao con không làm những điều mà con thích". Và thật vậy, ông ta thích có nhiều tiền, thích chơi đồ cổ, thích nhiều quyền lực và thích kinh tài. Ông ta có riêng một vườn nuôi thú với nhiều hổ và beo cũng như một lực lượng quân sự đặc biệt.

Những việc làm lộ liễu có tính cách băng đảng đó của ông Cẩn, sự độc lập chính trị cũng như các hành vi coi thường đạo đức đó của ông ta đã thúc đẩy hai ông Diệm và Nhu phải vận động Giám mục Thục đương nhiệm tại Vĩnh Long đổi về Huế đảm nhiệm chức vụ Tổng giám mục. Năm 1960 đức cha Thục về Huế thật và đã giành lấy nhanh chóng sự trung thành của những người cầm đầu nghành công an và quân đội tại đây. Trung tâm quyền lực đã dần dần được chuyển từ trụ sở băng đảng về tòa Tổng giám mục. Đồng thời một chiến dịch tấn công Phật giáo, những kẻ được coi là "vô đạo và vô thần" cũng được bắt đầu. Đức cha Thục với phương tiện tài chánh dồi dào đã cho xây rất nhiều nhà thờ và chủng viện. Đức cha để cho các vị linh mục dưới tay làm việc chung với Công an mật vụ và dùng Công an mật vụ này để phục vụ tôn giáo của mình. Đức cha cho các viên chức hành chánh hay quân sự hay rằng sự tham dự lễ nhà thờ mỗi chủ nhật sẽ có lợi ích cho sự nghiệp của họ. Những biện pháp kỳ thị trước đây được thi hành một cách lỏng lẻo đối với Phật giáo thì nay bất ngờ được siết chặt. Trường học không được xây cất nữa, các lễ rước Phật chỉ được cho phép trong những dịp đặc biệt. Trong các thôn xã nếu những ai không vâng lời các vị linh mục thì liền bị tình nghi là chống đối chế độ, hay được coi là nối giáo "cọng phỉ".

Trong lúc ở tại Saigòn và Đà nẵng bắt đầu có những cơ sở ăn chơi trụy lạc hay kinh tài mờ ám dính líu đến một vài người có thanh thế của chế độ, thì ở tại Huế một phong trào bắt đầu hướng về đạo Phật được coi như là để chống đối chế độ. Những người sinh viên, tiểu chức và giới buôn bán nhỏ, trước đây quá lắm đi chùa mỗi năm một lần do sự thúc dục của người mẹ hay vợ thì nay bắt đầu tham gia hàng loạt những tổ chức Phật giáo như Gia đình Phật tử, Sinh viên Phật tử, Tiểu thương Phật tử v.v…Như thế chính nhà cầm quyền vô tình đã thúc đẩy một sự đối lập có tổ chức.

Một số lớn quần chúng Huế từ lâu đã tìm thấy trong đạo Phật một định hướng tinh thần. Trong những năm 30 một phong trào chấn hưng đạo Phật đã khởi đầu từ chùa Từ Đàm, lan tràn khắp miền

Trung và ra tận đến đồng bằng Cửu long. Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và bác sĩ Lê đình Thám đã phát họa những nền tảng lý thuyết và thực hành của phong trào chấn hưng này. Phật giáo cần được tổ chức một cách thống nhất trên toàn quốc, do đó một Tổng hội Phật giáo Việt nam đã được thành lập. Đồng thời các tu sĩ không còn phải học thuộc lòng những kinh kệ để cúng tế hay làm phù phép, mà phải tu dưỡng theo con đường tu hành trong sáng của đức Phật và đem truyền bá những điều đó đến các đệ tử hay những người quen biết. Hội Phật học tại Saigòn cũng được thành lập trong tinh thần đó. Trong những chùa chiền mới được xây cất, các hình tượng của những vị thần linh hay ma quỷ không còn được trưng bày, còn tại các ngôi chùa cũ thì không được đem thêm vào nữa. Các tu sĩ trẻ tuổi được gởi đến học tại các trường trung hay đại học. Sự thành lập các trường học, cô nhi viện và nhà hộ sinh chứng minh một sự tham dự vào các hoạt động xã hội và từ thiện mà từ nhiều thế kỷ qua Phật giáo đã vắng bóng.

Hiện tượng dấn thân và về nguồn này cũng làm trỗi dậy trong những tín đồ và tu sĩ Phật giáo tinh thần dân tộc yêu nước. Họ khám phá ra rằng chính một người Á đông đã rao truyền một lối sống tâm linh và đạo đức đã được toàn thế giới kính phục và đồng thời cũng là một con đường đem lại hòa bình và hạnh phúc cho con người. Họ cảm thấy rằng "con đường trung đạo" của đức Phật Thích Ca thích hợp với tâm tính người Á đông hơn là đạo Thiên Chúa được nhập cảng từ phương Tây với lối truyền giáo thô bạo đi cùng với sự xâm chiếm của giới thực dân và xa lạ đối với những nguyên tắc đạo đức truyền thống của dân tộc. Từ những nhận định đó, họ đã xích lại gần với đòi hỏi phải có một Đông Nam Á mang tính chất Phật giáo, độc lập đối với Tây phương về các phương diện chính trị và văn hóa. Họ nỗ lực theo đường hướng này, đúng ngay vào lúc mà người Mỹ có chính sách ủng hộ Tổng thống Diệm chống lại Mặt trận Giải phóng, mà người Mỹ xem như là một tranh chấp quốc tế để "đẩy lùi lại Trung Cọng". Nhưng người Phật tử thì lại xem như là một cuộc chiến tranh tôn giáo. Những người học trò đầu tiên của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết và bác sĩ Lê đình Thám càng ngày càng cổ võ cho một nền văn hóa dân tộc mang tính chất Phật giáo và một sách lược chính trị trung lập. Người ta có thể tìm đọc cơ sở lý luận của khuynh hướng này trong những bài viết của Thượng tọa Thích Trí Quang, vị lãnh đạo có uy tín chống chế độ Ngô đình Diệm và những chính phủ quân nhân sau này của các tướng Khánh, Kỳ và Thiệu.

Tất cả những điều này tôi chỉ biết được một cách mù mờ vào tối ngày mồng 7 mà thôi. Trước đó chỉ có một lần sau khi đến Huế vài tuần, tôi có dịp tiếp xúc với giới tăng già Phật giáo, khi được mời tham dự một buổi chiêu đãi dùng cơm chay nhân dịp có một vị sư người Anh đến ghé thăm một chùa nhỏ tại ngoại ô. Sau đó vào buổi tối tôi tháp tùng Hòa thượng Thích Mật Nguyện đến dự lễ đón tiếp chính thức vị sư người Anh tại chùa Diệu Đế nằm bên kia sông Hương và tôi có dịp làm quen với sự trang nghiêm của nghi lễ Phật giáo. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy rất nhiều người trẻ tham dự với một thái độ thư thái và hớn hở. Trên khuôn mặt của họ, tôi không thấy vết tích của một sự chán đời nào. Ngược lại người ta có thể cảm nhận một sự tích luỹ của sức mạnh và ý chí, để được sử dụng vào một ngày nào đó. Rất có thể ngày đó là ngày hôm nay.

Trên đường trở về lại nhà, chúng tôi gặp Orje va Hans (2). Tôi kể sơ lược cho họ nghe về các biến cố ngày hôm nay. Họ liền nói ngày mai họ muốn quây phim đoàn rước Phật lên chùa Từ Đàm cũng như buổi lễ trịnh trọng trước bàn thờ vĩ đại đã được bày trước chùa. Họ cũng muốn đem theo máy ghi âm vì thế nào cũng có một lời tuyên bố của một vị lãnh đạo Phật giáo về những biện pháp kỳ thị của nhà cầm quyền và về những cuộc biểu tình đã xảy ra ngày hôm nay.

Sáng ngày hôm sau tôi thức dậy trễ nên không theo dõi được phần đầu của đoàn rước, và chỉ có thể đứng nhìn đoàn người đi qua từ lầu thượng căn nhà tôi ở. Tôi không thấy có gì đặc biệt đáng để ý, ngoài những biểu ngữ thông thường chào mừng ngày đức Phật đản sanh. Đến trưa, Orje và Hans về kể lại cho tôi nghe rằng Thích Trí Quang (đây là lần đầu tiên tôi nghe tên vị sư này) đã lên án những biện pháp kỳ thị Phật giáo, cũng như những hành vi nhục mạ các biểu tượng tôn giáo của cảnh sát và tuyên bố rằng, các phật tử sẽ không khoanh tay ngồi yên trước những khiêu khích đó. Sau đó là những lời hoà hoãn và Thích Trí Quang đã nói lời cám ơn viên tỉnh trưởng đã ngưng thi hành lệnh cấm treo cờ. Buổi lễ được chấm dứt trong không khí hòa bình và nhất trí, và mọi việc có thể được xem như tạm giải quyết ổn thỏa.

Fred đã lấy máy bay trở lại Saigòn lúc buổi trưa và Tuân và Phương thì muốn đi ngủ sớm. Do đó tôi quyết định đi xem xinê, vì đinh ninh rằng sẽ không có gì xảy ra nữa đâu. Buổi tối hôm đó trời thật nóng bức; khí trời dường như đã biến thành một khối nặng nề và đứng yên một chỗ khiến người bộ hành khó bước xuyên qua được. Nơi một góc đường ở trước tòa Đại biểu chính phủ, tôi thấy một đoàn

người đông đảo đi không dứt và đổ xuống từ hướng chùa Từ Đàm và di chuyển về con đường lớn. Tôi tự hỏi, buổi lễ hôm nay sao chấm dứt sớm vậy. Nhưng tôi để ý thấy rằng rất nhiều người bước đi một cách vội vàng. Chắc có chuyện gì đang xảy ra. Tôi bỗng nghe một người nào đó gọi tên tôi. Đó là Tý (3), một người học trò của tôi, mà tôi đã để ý ngay đầu năm học vì sự khôi hài và lanh lợi của anh ta. Tý hỏi tôi muốn đi cùng đến nghe phát thanh lại bài nói chuyện sáng hôm nay của Thích Trí Quang, bài này sẽ được phát đi trong vòng vài phút nữa và sẽ được truyền ra bên ngoài bởi những loa phóng thanh đặt trước trụ sở Đài. Anh ta muốn phiên dịch cho tôi bài nói chuyện đó. Tôi nghĩ rằng đây là một cơ hội tốt để biết biến cố ngày hôm qua đã được giải quyết êm thắm hay chưa.

Trong khuôn viên của Đài Phát thanh Huế nằm bên đầu cầu Trường tiền bắc ngang qua sông Hương, một đám đông quần chúng đã tụ tập ở đó. Mỗi phút lại thêm nhiều người đổ xô đến, đứng chật ních lan ra đến hàng rào và ngã tư đường trước Đài. Lúc 9 giờ tối số người lên đến khoảng 6000. Sau đó có một tin đồn truyền miệng nói rằng buổi phát thanh đặc biệt hằng năm nhân ngày Phật đản nay đã bị cấm vào giờ phút chót. Quần chúng Phật tử đã tụ tập đông đảo trước đài phát thanh vì họ chỉ nghe trong máy thu thanh phát đi những bản quân nhạc thay vì tiếng nói của Thích Trí Quang và dự đoán sẽ có những chướng ngại mới sau lệnh cấm treo cờ ngày hôm trước, và để sẵn sàng phản đối nếu cần thiết. Sinh viên, học sinh, người già và trẻ con đứng xen lẫn bên nhau. Rất nhiều người còn dắt theo xe đạp. Lại có không khí như một ngày lễ hội giống như ngày hôm qua. Mọi người nói chuyện với nhau mặc dù chưa quen biết bao giờ.

Loa phóng thanh loan báo hiện đang có những cố gắng thương thuyết với viên Tỉnh trưởng và khoảng nữa giờ nữa bài nói chuyện sẽ được phát đi. Các tín đồ cần chứng tỏ quyết tâm bằng sự nhẫn nhục chờ đợi trong sự yên lặng và trật tự. Một người học sinh nóng nẩy đã đem treo lá cờ Phật giáo năm màu trên nóc nhà Đài phát thanh đã được yêu cầu đem cờ xuống. Lâu lâu đám đông lại được yêu cầu kiên nhẫn và giữ trật tự, mỗi khi có vài người hô to những câu chống chính phủ. Chúng ta không chống chính phủ, giọng nói của một vị tu sĩ phát ra từ loa, chúng ta chỉ đòi hỏi quyền lợi đã trở thành truyền thống của chúng ta, và chúng ta sẵn sàn hy sinh khi cần thiết để bảo vệ niềm tin. Từ từ đám đông trở lại yên tĩnh. » Ông có biết Trần đức Thảo không?» , một sinh viên đứng sau lưng tôi hỏi như vậy. Thảo là một triết gia, học trò của Husserl và Heidegger, đã cố gắng tổng hợp

những triết thuyết của Husserl và Marx và đã trở về Hà nội năm 1954. Những năm trước đây tôi có đọc về Hiện tượng luận, do đó tôi biết tên ông ta. Nhưng điều mà làm tôi ngạc nhiên, là ở thành phố Huế này, có người dám nêu tên ông một cách công khai. Nhiều phụ nữ và trẻ con cùng hát những bài vui nhộn. Đám đông ý thức được sự quan trọng của giờ phút này và uy quyền của chính mình. Mỗi người đều tin tưởng rằng lần này viên Tỉnh trưởng cũng sẽ nhượng bộ. Như thế một kỷ nguyên chính trị mới sẽ bắt đầu tại Việt nam, trong đó quần chúng không còn là những thần dân cúi đầu chấp nhận những kẻ cầm quyền cai trị theo ý trời.

Thình lình có một đoàn xe chạy lại. "Chúng ta cám ơn vị Tỉnh trưởng đã đến với chúng ta, yêu cầu đồng bào nhường chỗ", đó là giọng nói của Thích Trí Quang truyền qua loa phóng thanh. Dưới tràng pháo tay viên Tỉnh trưởng tìm một lối đi giữa đám đông và biến mất cùng với vị Sư vào trong toà nhà. Nét căng thẳng của đám đông càng lúc càng tăng lên. Không biết cuộc thương thuyết bên trong xảy ra thế nào?

Vài phút sau đó có tiếng ầm ầm của một đoàn xe thiết giáp. Có tất cả năm xe thiết giáp xuất hiện. Một chiếc tìm cách đi thẳng vào trong khuôn viên của Đài phát thanh. Nó dừng lại chỉ cách Tý và tôi vài bước mà thôi. Dòng chữ trắng mang tên Ngô đình Khôi được kẻ trên nền lục của phần trên sắt dày của chiếc xe thiết giáp. "Lẹ lên, mau ra khỏi đây", Tý nói, "Chiếc xe này thuộc một binh đội đặc biệt tuyệt đối trung thành với ông Diệm". Ngô đình Khôi là tên của người anh cả của ông Diệm, đã bị Việt minh giết trong sự hỗn loạn của năm 1945, lúc đó đang làm tỉnh trưởng tỉnh Quảng nam và từng cọng tác mật thiết vì tư lợi trong nhiều năm với giới bảo hộ Pháp. Mặc dầu ông Diệm có thái độ chính trị khác với ông anh, nhưng không bao giờ ông tha lỗi cho người cọng sản đã giết chết anh ông và do đó từ chối mọi sự hợp tác với Hồ chí Minh, ngay cả vào lúc mà một số chức sắc Thiên chúa giáo ở tại miền Bắc đi biểu tình dưới lá cờ Việt minh chống thực dân Pháp.

Chúng tôi tìm cách vượt qua hàng rào của Đài. Điều này không dễ dàng. Hàng trăm người cũng cảm thấy tình hình trở nên đáng lo ngại nên tìm cách chạy ra khỏi cổng ra vào rất hẹp của Đài. Nhiều người tìm cách đem xe đạp của mình ra, một số khác phải quăng xe để lại, nên người ta phải bước lên chúng để thoát ra ngoài. Vành xe, bánh xe và tăm xe kêu rào rạo dưới chân người bước qua. Tý và tôi rốt cuộc cũng nhảy qua được hàng rào cao 1,20 mét. Từ phía bên kia

đường chúng tôi có thể nhìn lại quang cảnh xảy trước mắt một cách rõ ràng hơn. Một xe chữa lửa đang xịt nước lên đám đông đang thưa dần. Nhưng áp xuất nước rất yếu để có thể gây sợ hãi cho người khác. Làn nước chỉ có tác dụng đem đến sự mát mẻ trên các khuôn mặt và áo quần những người có mặt, gây nên một tràn cười vui vẻ.

Và rồi những phát đạn đầu tiên được bắn ra từ nòng súng ca nông của xe thiết giáp ; chúng tôi nghe khoảng 10 phát súng nổ kêu vang và khô khan. Như những người chung quanh, Tý và tôi nằm rạp xuống đất. Tôi có thể nhìn thấy rõ ràng đầu ngọn lửa phát ra từ họng súng của hai chiếc xe án ngự nơi bồn tròn nằm phía đầu cầu Trường tiền. Sau tiếng súng là một chập im lặng. Với một vài bước nhảy, Tý và tôi băng qua con đường lớn để vào núp nơi một con đường nhỏ bên cạnh. Những người chung quanh chúng tôi cũng làm như thế. Từng nhóm từ mười đến hai mươi người vung tay lên bày tỏ sự bất bình của mình. Đúng vào lúc đó một loạt súng trường bắt đầu nhả đạn. Một chiếc thiết giáp bắt đầu tìm cách phân tán những đám nhỏ này.

Chúng tôi tìm cách trốn bỏ đi và cuối cùng chạy về được đến nhà của Orjes và Hans chỉ nằm cách chỗ tai biến khoảng 150 mét. Hans đang đứng trước nhà. Tôi kể cho anh ta nghe những gì đã xảy ra. Tiếng súng sau đó đã ngưng. Hans hỏi, có ai chết hay bị thương không. Chúng tôi không biết. Câu hỏi này làm chúng tôi bất an, rất có thể người ta cần sự cứu thương. Cho nên chúng tôi ba người đi trở lại Đài phát thanh. Giữa đường, trước khách sạn dành riêng cho cố vấn quân sự Mỹ, tôi gặp Paul Miller, một người Mỹ trẻ làm việc trong Văn phòng trường Đại học. Anh ta kể rằng 'họ đã đi qua đây'. Thiếu tá Đặng Sỹ, người cầm đầu đoàn quân, đã bảo anh ta phải lánh mặt đi chỗ khác. Sắp có màn phải giết người, vì ông ta đã nhận được lệnh từ cấp trên đến dẹp tan vụ bạo loạn tại Đài phát thanh với bất cứ giá nào. Ngay cả Paul cũng không biết có người chết hay không. Anh ta đã trải qua trận bắn phá trong khách sạn "Cố vấn". Nhưng anh ta biết rằng Thiếu tá Sỹ là một người Ki tô quá khích và là một người thân tín của Tổng giám mục Thục (4).

Ngã tư đường trước Đài phát thanh giống như một bãi chiến trường giờ đây hoang vắng. Vô số chiếc xe đạp cong queo và dày dép đủ màu nằm ngổn ngang trên đường giờ đây đã vắng bóng người; chỉ có một nhóm nhỏ thanh niên Phật tử cầm cờ năm màu đi về hướng phía bên kia chiếc cầu, theo sau là một chiếc thiết giáp, thỉnh thoảng bắn đuổi theo sát trên đầu người. Có hai viên cảnh sát đứng ở đó,

nhưng chắc cũng không rõ tại sao họ có mặt. Chúng tôi hỏi các người cảnh sát, có gì trầm trọng không. Họ nói không biết gì và khuyên chúng tôi nên vào nhà thương xem thử sao.

Trong khu nhập viện có khoảng 20 người bị thương đang nằm. Không có ai bị thương trầm trọng cả. Họ chỉ bị trầy xước va trẹo xương vì trong lúc hỗn loạn, họ đã bị đè bẹp và dẫm lên người. Họ đang được chăm sóc bởi bác sĩ Tô đình Cự, trưởng phòng mỗ của bệnh viện. Ông ta có vẻ hốt hoảng khi thấy chúng tôi xuất hiện. "Các ông hãy về đi, đây không phải là chuyện của các ông. Chỉ có một vài vết thương nhẹ, một mình chúng tôi cán đáng được rồi", ông ta nói như vậy. Khi chúng tôi sắp sửa ra về, thì có một người y tá trước đây làm trong khu Tâm thần ra dấu kêu tôi lại. "Ông hãy vào xem trong nhà xác", ông ta nói khẻ bên tai tôi như vậy.

Nhà xác nằm bệnh cạnh nhà thương điên và do những lao công của nhà thương này canh gát. Không có ánh đèn điện. Dưới ánh sáng yếu ớt của đèn bạch lạp, chúng tôi thấy có bảy thân người đầy máu me được đặt trên ba bàn khám nghiệm bằng đá. Từ chân đến ngực thân thể họ còn nguyên vẹn. Nhưng năm cái xác – tất cả là trẻ em- thì không còn đầu. Nơi một người phụ nữ thì có những vết đạn bắn vào cánh tay, vai và cổ. Các xe thiết giáp đã bắn nát đầu các em thiếu nhi, có lẽ vào lúc các em leo qua hàng rào của Đài phát thanh và nhô đầu ra trước. Nếu như các em khôn ngoan như người lớn, tức là nằm xuống dưới đất lúc súng đạn bắt đầu nổ, thì có lẽ các em đã không hề hấn gì.

Cha mẹ của những người tử nạn đang thút thít khóc. Người cha của một em bé gái đã chết yêu cầu chúng tôi chụp hình những xác chết. Nhưng chúng tôi không có mang theo máy hình. Hans và Tý đi về kiếm Orje, vì anh ta có đem về Huế đầy đủ máy móc. Khi tôi muốn quay đi không muốn nhìn cảnh thê thảm này nữa, thì tôi chợt thấy bên cạnh cánh tay của một xác trẻ em không đầu một con mắt dính vào một ít da đầu và một khúc xương trán. Trước nhà xác tôi gặp một vị sư trẻ tuổi của chùa Bảo quốc và đang theo học tiếng Phạn tại Đại học. Ông ta đã trốn vào nhà thương vì sợ bị bắt giữa đường. Tôi đưa ông ta về lại chùa, tọa lạc chỉ cách căn phòng tôi ở vài bước (5).

Khi về đến khu cư xá giáo sư đại học tôi vội bước lên các tầng cấp để đến căn phòng của gia đình Giáo sư Krainick. Tình cờ lúc đó bà Krainick đang đọc vào máy ghi âm bức thư gia đình hỏi thăm các người con. Trong sự hốt hoảng lúc bà và ông chồng nghe tôi kể lại

những biến cố vừa xảy ra, bà đã quên tắt máy. Do đó mà có được lời tường thuật đầu tiên ghi lại chỉ không đầy một giờ đồng hồ sau các biến cố trên; cuộn băng nhựa ghi âm này đã được dùng làm bằng cớ vào tháng chín năm 1963 trước Ủy ban Việt Nam của Liên hiệp quốc, kèm theo với lời khai danh dự chứng thật nguyên bản của Giáo sư Krainick.

Sau đó cũng vào khoảng 11 giờ 30 đêm, tôi đến đánh thức ông bạn Tuân và cũng kể những gì đã xảy ra. Tuân tức thời hiểu được tầm quan trọng chính trị của biến cố. Tuân nhận định rằng những cuộc biểu tình khắp toàn quốc của các giới Phật tử sẽ làm giảm uy tín của ông Diệm, và cuối cùng người Mỹ phải bỏ rơi ông ta. Quân đội vì sợ cúp viện trợ sẽ tìm cách lật đổ ông ta. Tôi cần phải đi vào Saigon để thông báo cho Miên và Quát (6) biết, đồng thời tìm cách đưa tin cho các hãng thông tấn Mỹ để họ khai thác biến cố này. Có một sự trùng hợp là Giáo sư Krainick và tôi đã dự định từ lâu sẽ vào Saigon trong các ngày tới để gặp ông bộ trưởng bộ Giáo dục và vé máy bay đã được mua sẵn rồi. Đây là một cơ hội tốt để về thủ đô mà không ai để ý.

Sáng hôm sau vào lúc 7 giờ vị sư trẻ mà tôi đã đưa về chùa tối hôm qua đến gặp tôi và đưa hai bức thư nhờ chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu hiện đang du học tại Ấn độ và Tổ chức Phật giáo quốc tế. Tôi được yêu cầu tìm cách chuyển ngầm hai bức thư này ra khỏi nước. Trước khi chúng tôi lên đường ra phi trường Phú bài, Orje xuất hiện và giao cho tôi cuộn phim chụp tối hôm qua. Nửa giờ trước khi cảnh sát cấm không cho ai vào nhà xác, anh ta đã chụp được tất cả xác những người chết. Giáo sư Krainick bỏ cuộn phim vào túi quần của ông ta – để phòng trường hợp cảnh sát đã ngửi biết được sự có mặt của tôi tại nơi xảy ra tai biến và sự lục lọi sau đó của chúng tôi tại bệnh viện. Nhưng ở Phi trường Phú bài hay tại Saigòn không ai để ý gì đến chúng tôi. Chắc hẳn đối với mật vụ của ông Diệm, các biến cố đã xảy ra một cách quá bất ngờ và không ai tính đến chuyện sẽ có những nhân chứng ngoại quốc.

Cùng với ông Krainick tôi thuê một căn phòng tại khách sạn. Tôi tìm đến Miên (7) liền và đánh thức ông ta ra khỏi giấc ngủ trưa. Ông ta mở cửa cho tôi mà đang còn ngáy ngủ và mặt mày nhăn nhó. Nhưng bộ tịch ông ta thay đổi liền sau khi hiểu được vấn đề. Thái độ tính toán của ông ta là một gáo nước lạnh vào sự phấn uất và nóng lòng của tôi. Giống như Tuân, ông ta chỉ nhìn thấy nơi những xác chết những con bài sáng giá có được một cách bất ngờ trong công

cuộc vận động chống chế độ độc tài. Trong lúc Tuân chống chế độ độc tài vì chịu không nổi những bất công thì đối với Miên, đây chỉ là một mưu toan phản loạn. Miên thay áo quần và chúng tôi kéo đến nhà Quát. Ông này cũng được đánh thức ra khỏi giấc ngủ trưa. Sự điềm tĩnh và trịnh trọng thường lệ của ông ta bỗng chốc đã biến thành một sự kích động sau khi đã nghe tôi kể chuyện. Phải tạo một thế liên minh tức khắc với Phật giáo, trước khi người khác cùng có ý tưởng này. Sự việc đã có nhiều người chết chỉ là chuyện bên lề đối với ông ta. Ông ta nhận lấy cuộn phim từ tay tôi và hứa sẽ nhờ người thân tín sang ra khoảng 12 bản trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Sau đó chúng tôi trở về lại khách sạn, vì lúc 5 giờ chiều Giáo sư Krainick và tôi có hẹn với ông bộ trưởng giáo dục.

Nội dung của buổi tiếp kiến này chỉ còn lưu lại trong trí nhớ của tôi một cách rời rạc. Dự thảo xây dựng những trung tâm lâm sàn cho trường đại học đã được bàn đến. Ông Krainick và tôi đã chiết tính phí tổn xây cất và bảo quản, kê những dụng cụ cần thiết cần mua và những đề nghị xin tài trợ. Đó là một trong những đồ án phát triển toàn hảo về mặt kỹ thuật, nhưng nếu xét về các mặt chính trị, kinh tế và tâm lý thì là hảo huyền, mà bất cứ một người cộng tác viên ngoại quốc nào đầy thiện chí đều đưa ra trong những năm đầu tiên đến nơi quốc gia mình muốn giúp. Trong lúc nói chuyện, thật tình hồn vía của tôi để chỗ khác. Những giọng nói của Giáo sư Krainick, của ông Bộ trưởng, và ngay cả của chính tôi đã xa rời thực tại, tất cả đối với tôi như tiếng phát âm ngây ngô của những người gỗ được lên giây cót; những cử chỉ buồn cười của ông bộ trưởng, những cúi đầu thái quá của ông Krainick và ngay khuôn mặt dài thòn ra của chính tôi đã khiến tôi muốn bật cười. Lúc cuộc nói chuyện kết thúc, tôi có cảm tưởng giống như một người điên được thả ra lầm trước cửa nhà thương điên.

Buổi tối hôm đó Raoul mời tôi ăn chung với hai nhà báo, phóng viên người Mỹ Neel Sheehan và người Úc Nick Turner. Lúc tôi kể cho họ nghe về những gì đã xảy ra ở Huế, họ nghi ngờ không tin tưởng chút nào lời kể của tôi. Chuyện xảy ra đối với họ quá động trời, nên họ không muốn đụng chạm đến nếu không có một đảm bảo nào. Sau khi tôi đưa cho họ xem các ảnh do người của ông Quát sang, họ nhẩy đẩy lên và lôi giấy bút ra để ghi chép. Ngay trước nửa khuya họ đã chuyển đi bằng máy viễn ký những bản tin đến khắp thế giới. Vì Turner làm việc cho hãng thông tấn Reuter, Sheehan cho hãng UPI, tôi hy vọng sẽ đọc được những hàng chữ lớn trên báo chí khắp

năm châu. Một sự lầm to, một sự ngây thơ làm sao! Sau 48 tiếng đồng hồ, tôi phải nhận ra rằng, ngoại trừ đài Hà nội, không một đài phát thanh nào đưa tin, ngay cả những tờ báo lớn như Le Monde, New York Times đều im bặt.

Không chịu bó tay, tôi quyết định lấy máy bay qua Phnom Penh. Chính quyền Campuchia trong thời gian qua đã bị chính quyền ông Diệm đả kích dữ dội vì đường lối ngoại giao trung lập. Vào cuối những năm 50, cơ quan phản gián Mỹ CIA với sự cọng tác của một vài điệp viên Việt nam đã tìm cách lật đổ chính quyền của hoàng thân Sihanouk, nhưng đã bị thất bại. Chính Miên và một người lanh lợi khác tên là Đặng đức Khôi đã điều khiển công tác này. Ở Lào thì họ thành công hơn. Tướng Phoumi Nosavan đã lên nắm quyền với sự giúp đỡ của họ và CIA. Thái độ không thích chế độ ông Diệm của hoàng thân Sihanouk làm tôi hy vọng có thể đạt được một kết quả nào đó trong việc báo động của tôi. Từ nơi đó, tôi cũng có thể viết thư cho một vài tờ báo Tây Đức kèm theo với những hình ảnh do Orje chụp và gởi lá thư mà vị sư trẻ người Huế nhờ tôi chuyển đến Thượng tọa Thích Minh Châu. Ngoài ra cuộn phim có những âm bản chụp những xác chết làm tôi không yên lòng chút nào. Chừng nào những âm bản này chưa ra khỏi Việt Nam, thì tôi còn lo lắng cho an ninh của ngay chính bản thân tôi…

BS ERICH WULFF

Minh Nguyện (Dịch để tưởng niệm 8 vị Thánh tử đạo đêm 8/5/1963 tại Đài Phát thanh Huế).

(bổ túc tháng 4/2007)

Chú thích của người dịch:

(1) Vì bài tường thuật được phổ biến lần đầu tiên năm 1968 tại Tây Đức trong lúc chiến tranh đang xảy ra dữ dội tại Việt Nam và để tránh những hệ lụy không tốt cho các nhân vật trong bản hồi ký, tên thật của rất nhiều người bạn của tác giả đã được ghi dưới một tên khác, như Tuân tức là Giáo sư Bùi tường Huân, sau này sẽ làm bộ trưởng và thượng nghị sĩ, Miên tức là Đại sứ Bùi Diễm, Quát tức là Thủ tướng Phan huy Quát sau này v.v..

(2) Tức hai Giáo sư Raimund Kaufmann và Hans Hoelterscheid. Xem **Ký ức của BS Wulff** được phổ biến trên trang nhà Khuông Việt số 7:
http://www.khuongviet.com/kv-archive/PD63/Kyuc_Wulff.htm

(3) Tức anh Tôn thất Kỳ, sinh viên y khoa .

(4) Theo sự tiết lộ của GS Trần Hữu Thế, cựu bộ trưởng Giáo dục với GS Vũ văn Mẫu trong quyển sách "*Sáu tháng pháp nạn"* (Giao Điểm xuất bản 2003), chính TGM Ngô đình Thục đã ra lệnh cho Thiếu tá Đặng Sỹ phải „**dẹp**" đám đông phật tử tại đài Phát thanh Huế tối 8/5/1963. Trích:
"*Chính tối hôm Phật đản cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn văn Đẳng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó.*

*Ngô đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẻ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô đình Thục đang ăn bổng ngưng lại, giơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ "**Dẹp…**!". Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ*" (tr.215-216).

(5) Vị sư trẻ này chính là Thầy Lê Mạnh Thát, theo sự xác nhận của Thầy với người dịch vào tháng 7/2006 tại Sai Gòn. Thầy cũng là người đã đặt câu hỏi với tác giả về triết gia Trần Đức Thảo.

(6) Xem chú thích 1.

(7) Xem chú thích 1.

CHIẾN DỊCH "NƯỚC LŨ" CỦA NGÔ ĐÌNH NHU 20-8-1963

Quán Như Phạm Văn Minh

Trong khi các Tướng Lãnh bận rộn tổ chức đảo chánh, Tổng Thống Diệm và Nhu càng ngày càng bị cô lập và ngay cả những cộng sự 'trung thành' cũng bắt đầu đối ngựa.

Giám Đốc cơ quan tình báo (Sở Nghiên Cứu Chánh Trị), Trần Kim Tuyến, do chính Nhu tuyển lựa, cũng bị nghi ngờ tổ chức đảo chánh. Tuyến bị 'đày' ra ngoại quốc với chức vụ Đại Sứ VNCH tại Ai Cập. Việc các cộng sự thân tín của Diệm Như đào ngũ giải thích tại sao kế hoạch nước lũ nhằm trừng trị các '*nhà sư ít học*' bị tiết lộ 2 tuần trước khi được thi hành! Tất các các nhà lãnh đạo Phật giáo từ chối không chịu đi trốn và tình nguyện ở lại để chứng tỏ chánh quyền trong tình trạng tuyệt vọng đến mức nào. Một Phát ngôn nhân của Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo (Đức Nhuận?) tuyên bố là "*chúng tôi quăng vỏ chuối để chánh quyền trượt*".

Ủy Ban lãnh đạo biết là Nhu đã đặt tất cả con bài lên bàn và không còn con bài nào khác để đánh. Tuy nhiên họ gởi một phái đoàn sư tăng Tiểu Thừa trốn lên Cam Bốt để thông báo cho thế giới bên ngoài việc đàn áp tôn giáo tại Việt Nam và yêu cầu Liên Hiệp Quốc can thiệp và gởi một phái bộ đến Việt Nam quan sát. Tất các các nhà lãnh đạo kiên nhẫn chờ Nhu ra tay đánh một món đòn cuối. Nhu hành động không những với viễn ảnh có thêm nhiều vụ tự thiêu khác, nhưng còn lo ngại vì Tổng Thống Kennedy tuyên bố gởi một Đại Sứ mới đến Việt Nam, Henry Cabot Lodge, đến Sài Gòn vào ngày 22 tháng Tám. Nhu muốn chấm dứt cuộc tranh đấu một lần rồi thôi và đặt viên đại sứ mới trước một sự đã rồi. Lực lượng Đặc Biệt và Mật Vụ của Nhu tấn công chùa chiền trên toàn Việt Nam và bắt giữ tất cả các nhà sư tranh đấu.

Neil Sheenhan (lúc bấy giờ là Trưởng nhiệm sở của Thông tấn xã Mỹ UPI tại Sài Gòn) được một số Mật Vụ thông báo cuộc tấn công này và chứng kiến hành động đàn áp trong kế hoạch nước lũ tại chùa Xá Lợi, tổng hành dinh của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật

Giáo. Sheenhan viết:

> *Cuộc lục soát chùa Xá Lợi cũng như các chùa khác trên toàn quốc được thi hành chuẩn xác. Nó làm tôi nhớ đến một đoạn trong một phim về các Kháng Chiến Pháp- khi các nhân viên Gestapo đến các nơi trú ẩn của các người kháng chiến tại Paris. Mật vụ và quân sĩ Đức trên các xe nhà binh canh giữ dày đặc vĩa hè, các sĩ quan ra lệnh và binh sĩ Đức xếp theo đội ngũ.*
>
> *Trong chùa các nhà sư bắt đầu đánh chuông mõ huyên náo trong đêm thanh vắng. Các nhà sư còn đập các nồi niêu vào nhau trong cố gắng tuyệt vọng để thông báo cho dân chúng quanh đó biết họ đang bị tấn công. Mật vụ đập phá cổng chính và lực lượng đặc biệt dương súng dẫn đầu cuộc tấn công. Tiếng gương kiếng bể loảng xoảng và cổng chính không còn chịu nổi sức tấn công của báng sung và giầy đinh nên bị mở toang ra. Tiếng súng nổ chát chúa lẫn trong tiếng la thất thanh của chư tăng bị lôi sềnh sệt từ phòng ra. Quân lính bắn để ngăn chận các vị sư trèo tường sau trốn đi. Mật vụ quăng các nhà sư mặc y vàng lên các xe nhà bình đậu ở lề đường . Khi một xe đã đầy, chạy đi thì một xe khác đến và đậu thay thế. Chư tăng bị chở về khám Chí Hoà và một số về một trại tập trung Cát Lái.*

Cuộc đàn áp diễn ra chừng 2 tiếng vì các nhà sư chống cự, chận cửa vào phòng bằng bàn ghế. Tuy nhiên cảnh sát và mật vụ phải cần 8 tiếng đồng hồ trấn áp hoàn tòan chư tăng và một số học sinh và sinh viên khác nghĩ là cảnh sát chỉ muốn vào cướp xác một nhà sư đã tự thiêu trước đó vài hôm. Số lượng chư tăng bị mất tích và bị bắt giữ không chắc là bao nhiêu. Nhưng theo con số do Quốc Hội Mỹ cung cấp và sau này được Ngũ Giác Đài xác nhận là **một ngàn bốn trăm** vị. Ba mươi vị tăng ở Xá Lợi bị thương nặng và số **người chết bị mật vụ phi tang** không tìm ra xác là bảy người.

Mặc dù cơ quan tình báo CIA có bổn phận theo dõi bất cứ hành vi của Ngô Đình Nhu, việc tấn công chùa chiền trên toàn quốc đã làm trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn, John Richardson, bất ngờ. Một tuần lễ trước, Tổng Thống Diệm, và Nhu **hứa với Đại Sứ** vừa mãn nhiệm, Frederick Nolting là họ **sẽ không thi hành biện pháp đàn áp nào nữa** đối với Phật Giáo. Nolting đặt danh dự và uy tín của mình đối với Washington khi ra mặt ủng hộ chế độ Diệm, rất tức giận vì hành động thất hứa này. Lá bài cuối cùng của Nhu đã làm hạ màn chấm dứt một giai đoạn và chánh sách 'cùng chìm hay bơi' với Diệm (*sink or swim with Diem*)

Phản ứng của dư luận quần chúng rõ ràng và dữ dội. Thân phụ của Bà Nhu, ông Trần Văn Chương, đại sứ VNCH tại Mỹ từ chức và tuyên bố là dưới chánh phủ do Diệm Nhu lãnh đạo, **VNCH không có một hy vọng nào chiến thắng Cộng Sản**. Bà Chương và hầu hết các nhân viên ngoại giao khác của sứ quán VN tại Mỹ đồng loạt từ chức. Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu từ chức, cạo đầu và xin đi hành hương Ấn Độ. Giáo chức đại học Huế từ chức và sau đó là các giáo chức đại học Sài Gòn. Khoa trưởng Y Khoa Phạm Biểu Tâm từ chức và bị bắt giữ sau đó.

Sinh viên Sài Gòn nổi loạn, bãi khóa vào ngày 24 tháng 8. Hơn **5000 sinh viên** tụ tập tại trường luật để nghe Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu nói chuyện. Sinh viên ra một quyết nghị yêu cầu chánh phủ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng Vào ngày 25 tháng 8 SV biểu tình tại chợ Bến Thành và nữ sinh Quách Thị Trang bị cảnh sát bắn tử thương. Sinh viên biểu tình càng ngày càng đông và trong một buổi sáng có chứng 1 ngàn sinh viên bị 'hốt' về bót. Chánh phủ đàn áp và bắt giữ con em của các nhân viên trung cấp đang phục vụ chế độ, và sau đó không còn biện pháp nào là **đóng cửa các đại học** vô thời hạn.

Phạm Văn Minh

*Tác giả lược dịch một trích đoạn từ tác phẩm "*Vietnamese Engaged Buddhism: The Struggle Movement of 1964 and 1966*" của Quán Như Phạm Văn Minh, tr. 203-205*

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-135_4-7199_5-50_6-1_17-24_14-1_15-1/

MÙA PHẬT ĐẢN ĐẪM MÁU

Chính Đạo

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo năm 1963 là một đề tài còn gây nhiều xúc động và tranh cãi. Tuy nhiên, tới nay vẫn chưa có nghiên cứu sử đích thực nào về đề tài này. Một trong những lý do là thiếu sử liệu. Tài liệu văn khố chưa được hoàn toàn giải mật. Đa số tác giả đều đứng về phe này hay phe kia, xếp đặt và diễn giải các dữ kiện vốn bị giới hạn và thiếu sót theo sự yêu ghét hay khuynh hướng chính trị, tôn giáo của họ. Tác nhân lịch sử bị đặt lên những chiếc giường của tên tướng cướp, thừa chặt bớt, ngắn kéo dài ra cho vừa khuôn thước thành kiến tiên thiên của mình. Không ít người còn bịa đặt ra những chi tiết không thực để bẻ cong lịch sử. Trong cuốn *Tôn Giáo Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967*, do nhà Văn Hóa xuất bản năm 1994 tại Houston, Texas, tôi đã dành một chương khá dài cho cuộc tranh đấu năm 1963 của Phật giáo miền Nam. 10 năm sau, nhiều tài liệu văn khố Mỹ, Pháp, Việt Nam và Liên Hiệp Quốc được giải mật thêm, nên tác giả đã hiệu đính chương này sau mỗi lần nghiên cứu ở các văn khố, kết đúc thành bài "*Mùa Phật Đản Đẫm Máu*" trong tập **Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng** (Houston: Văn Hoá, 2004). Mới đây, nhờ được du khảo tại Việt Nam, làm việc trên các tư liệu văn khố VNCH tại Trung tâm Lưu trữ Quốc Gia II Sài Gòn, chúng tôi lại hiệu đính thêm bài này. Tuy nhiên, trên đại thể, những nét chính không thay đổi bao lăm. Xin đọc thêm "*Cái chết của một hàng tướng: Dương Văn Minh, 1916-2001*," trong Nguyên Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston: Văn Hóa, 2002), tr. 9-156; bản hiệu đính đăng trên Phụ Bản tháng 9 &10/2006 của Hop Luu online.

I. TỪ CỜ ĐẾN MÁU LỬA:

Ngày 6/5/1963, Đổng lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống, Quách Tòng Đức, gửi đi khắp nơi lệnh cấm treo cờ tôn giáo ngoài các nơi thờ tự, **theo "chỉ thị" của Tổng thống Ngô Đình Diệm** (1955-1963).(1) Lệnh này, dù đã có sự tham khảo mật với Mai Thọ Truyền, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, được ban hành không đầy 48 tiếng đồng hồ trước Lễ Phật Đản 2507 (15/4 Quí Mão, tức

8/5/1963), và tới các địa phương trong ngày, khi các tư gia, chùa chiền đã treo cờ ngũ sắc Phật giáo, cùng biểu ngữ và cổng chào. Theo lời khai của viên chức chính phủ với phái đoàn Liên Hiệp Quốc [LHQ] vào tháng 10/1963, **Diệm biết rõ rằng lệnh cấm treo cờ trên sẽ ảnh hưởng đến ngày Phật Đản sắp tới**–ngày lễ quan trọng nhất của Phật Giáo–nhưng bất chấp hậu quả.(2)

Lập luận của chính phủ để biện minh cho lệnh cấm treo cờ là quốc kỳ (cờ vàng ba sọc đỏ) phải được tôn trọng hơn cờ tôn giáo. Dân chúng phải treo quốc kỳ, còn cờ tôn giáo chỉ được phép treo trong các ngày lễ, tại các nơi thờ tự hay tư gia, với sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Đó là tinh thần Nghị định 189/BNV/NA/P5, ngày 12/5/1958 của Bộ Nội Vụ, được tái xác nhận ngày 14/6/1962.(3) Cờ Phật giáo ngũ sắc được chính thức công nhận tại Đại Hội Phật Giáo Thế Giới [World Fellowship of Buddhists, hay Hội Bằng Hữu Phật Giáo Thế Giới] tại Colombo (Sri Lanka, hay Tích Lan), từ ngày 26/5 tới 7/6/1950. Thượng tọa Tố Liên (1903-1977) đại diện cho Việt Nam tại Đại Hội này. Chùa Quán Sứ Hà Nội là nơi lá cờ của Phật giáo được trương lên trước tiên trên toàn thể đất nước Việt Nam. Trong thập niên 1950, lá cờ Phật Giáo ngày càng trở thành quen thuộc vì sự phát triển khá mạnh của các hệ phái Phật Giáo tại phía Nam vĩ tuyến 17.

Sự phát triển đặc biệt này, cần nhấn mạnh, không do sự khuyến khích của tam đầu chế Ngô Đình Thục-Ngô Đình Diệm-Ngô Đình Nhu. Việc **giúp đỡ bất cứ tôn giáo *không* Ki-tô nào chỉ có tính cách tượng trưng**, do các cấp viên chức địa phương (như không khắt khe áp dụng luật số 10 về các hiệp hội, hay cho mở sổ số để gây quĩ, v.. v...). Nhận hiểu rằng Phật tử chiếm đa số dân chúng trong nước, trong những năm đầu, Thục-Diệm-Nhu làm ngơ trước sự phát triển của các khuôn hội, đoàn Phật tử, v.. v... Những người góp công lớn trong việc phát triển của Phật giáo là tăng ni di cư và Phật tử chống Cộng. Xây dựng chùa chiền, tổ chức các ban đại diện, phong trào Phật tử, phát huy và hoằng dương đạo pháp là một phương thức chống Cộng hòa bình và hữu hiệu nhất: Lấy tôn giáo chống lại Cộng Sản vô thần (những người từng ví von tôn giáo như thuốc phiện).(4)

Ngoài ra, việc phát triển các chùa chiền, khuôn hội còn phản ảnh một giai đoạn mới của cuộc chiến tranh lạnh giữa Phật Giáo và Ki-tô giáo, **đã kéo dài hơn bốn thế kỷ, và lên cao độ dưới thời Pháp thuộc** (1858-1945, 1945-1955). Trong giai đoạn Pháp xâm chiếm Việt Nam, Ki-tô giáo ngày một vượt thắng vì là **tôn giáo của**

giai tầng chiếm đóng (Pháp) và đa số giai tầng trung gian bản xứ trung kiên. Rất nhiều danh tự của Đại Nam **đã biến thành nhà thờ** ở Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định hay Quảng Trị. Mặc dù từ thập niên 1910, viên chức Pháp quyết định đoạn tuyệt với chính sách đồng hóa và Ki-tô hóa của Hội truyền giáo, chuyển sang chính sách hợp tác hay Pháp-Việt đề huề, mãi tới thập niên 1920 Phật giáo và các tổ chức tôn giáo bản xứ khác mới bắt đầu được "duy tân" và khuyến khích đoàn ngũ hóa. Nhưng thời gian này, **các cộng đồng Ki-tô bản xứ đã trở thành những quốc gia trong một quốc gia, tự ban danh hiệu "*công giáo*,"** và cung cấp cho giai tầng trung gian bản xứ cũng như thị dân một nhân số quan trọng.

Chính vì thế, Ngô Đình Diệm (1897-1963)–với thành tích hết hợp tác với Pháp tới Nhật, và bị đánh giá là "*cuồng đạo*" [a Catholic mystic hay religious fanatic]–vẫn **được chọn cầm đầu miền Nam**. Ngắn và gọn, số chùa chiền, tu viện, khuôn hội Phật giáo gia tăng từ 1954 tới 1963 không chỉ do ảnh hưởng quốc sách chống Cộng, mà còn phản ảnh sự chống đối vừa tiêu cực vừa tích cực của Phật giáo với chế độ giáo phiệt Ki-tô Diệm-Thục-Nhu.(5) Tổng Giám Mục Thục (1897-1984), người cai quản địa phận Huế từ năm 1961, dĩ nhiên chẳng muốn thấy sự hiện hữu của bất cứ lá cờ Phật giáo nào tại Huế hay miền Trung, nói chi sự phát triển vững mạnh của Tổng Giáo Hội Phật Giáo. Thục, theo Tướng Lê Văn Nghiêm, từng tuyên bố với những người tín cẩn rằng "***cần phải hạ Phật giáo bằng mọi phương tiện**, nếu không Phật giáo sẽ mạnh hơn Ki-tô*," và "*ngay cả đời sống giáo dân sẽ bị đe dọa*."(6)

Mùa Xuân 1963 Thục có thêm lý do khác để "ra tay" với Phật Giáo. Lễ kỷ niệm 25 năm thụ phong Giám mục sắp đến. Thục–theo lời một nhân chứng ngoại quốc, viết bằng Mỹ ngữ ngày 12/6/1963, và Linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Đại học Huế–đã xin với Vatican lên chức Hồng Y vì "*80% dân chúng trong giáo phận Huế là giáo dân Ki-tô*." Vatican bèn gửi một phái đoàn điều tra tới miền Trung vào đầu tháng 5/1963. Mặc dù cờ Ki-tô giáo nửa vàng, nửa trắng giăng mắc khắp nơi trong thời gian phái đoàn ở Việt Nam, đại biểu Vatican cũng ghi nhận Phật tử đang chuẩn bị cờ ngũ sắc, biểu ngữ và cổng chào mừng đón Phật đản 2507. Bởi thế phái đoàn Vatican kết luận sơ khởi rằng **chỉ có 20% dân miền Trung theo đạo Ki-tô mà không phải 80% như Thục báo cáo**. Để che dấu sự thực, Thục ngầm cho lệnh viên chức địa phương cấm treo cờ hay tuần hành rước lễ Phật Đản. (7) Dù Thục có áp lực Diệm ban hành lệnh cấm

treo cờ Phật giáo ngày Phật Đản 2507 hay chăng, văn thư nhắc nhở lệnh cấm ngày 6/5/1963 là sỉ nhục lớn với Phật tử. Vì, cho tới ngày 5/5, cờ Ki-tô giáo–nói theo Thục, chỉ là mấy thước vải vô nghĩa biểu hiệu cho nước Vatican mà không đại diện cho Ki-tô giáo–còn phấp phới khắp miền Nam, trong khi tổng số giáo dân không đầy 10% dân số. Ngày này, Tổng thống Diệm còn cử hành quốc lễ chúc mừng kỷ niệm 25 năm Thục được phong chức Giám Mục tại nhà thờ trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn.(8)

Ngay chiều ngày 6/5 (13/4 Quí Mão), Tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm Thị trưởng Huế là Nguyễn Văn Đẳng sao gửi công điện của Quách Tòng Đức cho các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là Ban trị sự Giáo hội Tăng già và Hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung Phần và tỉnh Thừa Thiên, cùng Ban tổ chức Lễ Phật Đản tại Thừa Thiên-Huế. Các lãnh đạo Phật giáo phản ứng một cách chừng mực. Sáng hôm sau, một phái đoàn đại diện Tăng Già và ban tổ chức Phật Đản–gồm Thượng tọa Thích Trí Quang, Thích Mật Nguyện, Thích Thiện Minh và Thích Thiện Siêu–đến gặp Thị trưởng Đẳng để "*trình bày những thắc mắc và uất ức*" của Phật tử về lệnh cấm treo cờ. Không thỏa mãn với lời giải thích của Đẳng, đại diện Phật Giáo yêu cầu được tiếp kiến Cố vấn chỉ đạo miền Trung là Ngô Đình Cẩn (1911-1964) về lệnh cấm treo cờ. Ngô Đình Cẩn đồng ý, mời Trí Quang tới tư dinh, dự một cuộc họp với Bộ trưởng Nội vụ Bùi Văn Lương và Thị trưởng Đẳng vào lúc 11G45 ngày 7/5/1963 (14/4 âm lịch). Sau một hồi thảo luận, Cẩn đồng ý cho các chùa chiền và lễ đài tiếp tục treo cờ, nhưng các tư gia thì nên cho Cảnh Sát đi thuyết phục họ hạ cờ. Bởi thế, lúc 12 giờ trưa ngày 7/5/1963, Đẳng gọi Trưởng ty Cảnh sát Huế tới tư dinh Cẩn, **cho lệnh sử dụng Mật vụ để áp lực dân chúng hạ cờ**.(9) Có lẽ vì thế một số nhân viên Cảnh Sát, Công An đã sốt sắng tháo gỡ cờ Phật giáo bất chấp sự phản đối của dân chúng.(10)

Khoảng 17G45 ngày 7/5, một phái đoàn gồm các đại diện Giáo Hội Tăng Già, ban tổ chức Phật đản 2507 và khoảng 200 Phật tử kéo tới Toà Hành chánh tỉnh gặp Đẳng.(11) Theo lời Bộ trưởng Nội vụ Lương khai với Phái đoàn Liên Hiệp Quốc ngày 30/10/1963, đích thân Lương cho tạm hoãn thi hành lệnh cấm treo cờ, và lãnh đạo Phật giáo rất mãn nguyện.(12) Tại Đà Nẵng, cách Huế khoảng 100 cây số về phía Đông Nam, Cảnh sát cũng tới các cơ sở thương mại, ra lệnh cấm treo cờ mừng Phật đản; bằng không sẽ bị rút giấy phép. Chẳng hiểu việc làm này liên hệ gì đến Thị trưởng Hà Thúc Luyện hay chăng. Cách nào đi nữa, ngày 8/5, Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm, Tư

lệnh Quân Đoàn I, vẫn cho phép quân nhân Phật tử tổ chức lễ Phật Đản.(13) Tại Đà Nẵng, quân nhân Phật tử dựng một khán đài tại góc đường Thống Nhất và bờ sông Bạch Đằng (sông Hàn), và tổ chức diễn hành xe hoa. Tại Huế, Phật tử cũng dựng khán đài và kết cờ Phật Giáo. Nhưng không khí đấu tranh phảng phất trong không gian. Trong cuộc rước lễ từ chùa Diệu Đế tới chùa Từ Đàm vào sáng ngày 8/5/1963, Phật tử đã trương lên một số biểu ngữ đòi bình quyền tôn giáo và thề bảo vệ giáo kỳ bằng mọi giá. Người châm ngòi nổ cho cuộc tranh đấu là Thượng tọa Trí Quang, Chủ tịch Hội Phật Giáo Trung Phần, qua bài diễn văn nẩy lửa trong buổi lễ sáng 8/5 tại chùa Từ Đàm, với sự tham dự của nhiều viên chức cao cấp địa phương (ngoại trừ Đại biểu Trung Nguyên Trung Phần và Thị trưởng Đẳng).

Chưa hết. Tối đó, một biến cố đẫm máu đột ngột xảy ra. Giữa lúc hàng ngàn Phật tử tụ họp trước Đài phát thanh Huế vào khoảng 8 giờ tối để nghe chương trình phát thanh đặc biệt Phật Đản, **một nhóm thanh niên Ki-tô giật cờ Phật Giáo tại một cổng chào, rồi xông tới đập phá lễ đài**. Bạo động bùng nổ. Giám đốc đài Huế, Ngô Ganh, sau khi nhận chỉ thị phải từ chối phát thanh lại cuốn băng buổi lễ Phật Đản tại chùa Từ Đàm, khóa trái cửa "*để bảo vệ máy móc*" trước sự đe dọa của một số Phật tử hung hãn. Khoảng 22 giờ, Thị trưởng Đẳng được mời tới Đài phát thanh bàn thảo với Thượng Tọa Trí Qang về nội dung chương trình Phật Đản mà hàng ngàn người đang chờ đợi, Thiếu tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh trưởng Nội An, dẫn Cảnh Sát, và lực lượng an ninh (*Biệt đội Ngô Đình Khôi*) gồm 8 tuần thám xa [blinder] của Địa Phương Quân, 1 đại đội ĐPQ, 1 đại đội trừ Bộ Binh, đến tái lập trật tự. Sau khi đám đông không chịu giải tán, Sỹ cho lệnh dùng lựu đạn cay, vòi rồng phun nước, và rồi nổ súng. Đa số binh sĩ không tuân lệnh, **chỉ có đơn vị riêng của Sỹ thẳng tay đàn áp**. Xe tuần thám chạy ngang dọc giữa đám đông. Dân chúng hoảng hốt tranh nhau bỏ chạy tứ phía. 9 người chết (kể cả 2 trẻ em bị tuần thám xa cán), và 14 bị thương.(14)

Đây là một hành động có thể bị truy tố về tội ác chiến tranh [war crime] và tội ác chống lại nhân quyền [crime against Human rights] của Sỹ; và các cấp chỉ huy, kể cả Ngô Đình Diệm, phải liên đới trách nhiệm.(15) Để che đậy sự thực, thoạt tiên chính phủ loan tin một quả lựu đạn của quân khủng bố (Cộng Sản) từ đám đông ném ra, vì quân đội chỉ bắn lên trời hoặc dùng đạn mã tử. Lời giải thích này được ghi vào mật điện số 100/MM, từ văn phòng Đại biểu Trung nguyên Trung Phần (Hồ Đắc Khương) gửi về Phủ Tổng thống ngày

9/5/1963. Theo Mật điện trên, trong lúc Đặng Sỹ đàn áp đám đông, "*một quả lựu đạn MK-2 đã từ trong đoàn người phóng ra làm cho 7 thường dân chết, 1 thường dân và 5 binh sĩ bị thương. Cơ quan an ninh đã phải xử dụng lựu đạn cay mắt để giải tán đoàn người và tình hình đã trở lại tương đối yên tịnh vào lúc 24G00*." VP/ĐBCP/TNTP cũng qui tội cho Việt Cộng, và xin được tổ chức biểu tình ngày 9/5/1963.(16) Sau khi đám đông bị giải tán, viên chức chính phủ mang 9 xác chết tới bệnh viện Trung ương Huế. Theo một nguồn tin an ninh Mỹ, dù được lệnh phải ghi vào giấy chứng tử là các nạn nhân "*chết vì lựu đạn do khủng bố Việt Cộng ném*," Y sĩ Lê Khắc Quyến, Giám đốc Bệnh viện kiêm Giám đốc Y tế miền Trung, không đồng ý: Các y sĩ thực hiện giảo nghiệm (lý khám) kết luận rằng đa số nạn nhân đều chết vì những vết thương trên đầu, và di thể **không hề** có mảnh "lựu đạn MK-2" nào.(17)

Bởi vậy, viên chức chính phủ, dù vẫn nhất tề trút mọi trách nhiệm cho Việt Cộng, nhưng bắt đầu **sửa sai từ "lựu đạn" sang "mìn từ lực"** [plastic] cho có vẻ hợp lý hơn.(18) Ngày 11/7/1963, Phó TT Nguyễn Ngọc Thơ, trong thư gửi Thượng tọa Thiện Minh, biện minh rằng các nạn nhân đêm 8/5/1963 là do "*plastic*" của Việt Cộng; chính Y sĩ Quyến, Giám đốc Bệnh viện Trung Ương Huế, đã xác nhận viêc này trong buổi tiếp xúc ngày 8/7/1963 với Đại biểu TNTP và các y sĩ lý khám.(19) Tháng 10/1963, Trần Tử Oai khai với phái đoàn LHQ tìm sự thực về sự vi phạm nhân quyền tại Nam Việt Nam rằng Cộng Sản đã cho nổ hai trái mìn từ lực mà quân đội VNCH cũng như Mỹ không có [That night another more violent meeting took place at the Huê radio station. Communist elements took advantage of it to explode two plastic charges which caused the death of eight persons, including several children and a Catholic girl]. Ở một đoạn khác, Oai lập lại lời cáo buộc này [With regard to the charge that the Government had ordered the killing of the demonstrators by tanks, cannons, rifles and grenades, this was an absolute slander. According to the findings of the medical experts, all the wounds on the victims' bodies were caused by the explosion of plastic charges, which are not used by the Army or the security forces of Vietnam, but only by Communists."(20) Bộ trưởng Nội vụ cùng một luận điệu.(21)

Những ngày kế tiếp, tình hình Huế cực kỳ sôi động. Suốt đêm mồng 8 rạng 9/5, thanh thiếu niên kéo nhau đi quanh đường phố, hô to khẩu hiệu đả đảo Diệm. Khoảng 11G00 sáng, chừng 800 Phật tử tụ họp biểu tình. Đăng yêu cầu họ giải tán để tránh bị "phản loạn" lợi

dụng. Đẳng cũng ra lệnh giới nghiêm từ 9 giờ tối. Ngày 9/5, Diệm sai Bộ trưởng Nội vụ trở lại Huế giải quyết. Lương áp lực Trí Quang đi theo xe phóng thanh kêu gọi mọi người ra về. Trí Quang chỉ hòa thuận bề ngoài, chưa chịu lùi bước.(22)

Chiều 9/5, Phong trào Cách Mạng Quốc Gia tổ chức mít-tinh, lên án Cộng Sản phá hoại, khủng bố trong đêm 8/5. Rất ít người tham dự, và không ai lên diễn đàn. Một số tiểu đoàn Dù gốc Nùng được điều tới Huế để "bảo vệ trật tự." Mật vụ bắt đầu **lùng bắt các lãnh tụ Phật tử**, và lực lượng an ninh **cô lập hàng ngàn người biểu tình** trong vòng rào kẽm gai.(23)

Ngày 10/5, trong cuộc biểu tình qui tụ khoảng 5,000-6,000 Phật tử, tăng ni tại chùa Từ Đàm, Trí Quang đọc diễn văn, kêu gọi bất bạo động và Phật tử tiếp tục treo cờ. Sau đó, đại diện Ủy ban tranh đấu trao cho Đẳng một Tuyên Ngôn [Manifesto], đòi hỏi 5 điều tương đối ôn hoà: tự do treo cờ; Phật giáo được hưởng quyền dành cho Ki-tô giáo qui định trong Dụ số 10 [ngày 6/8/1950]; ngưng bắt giữ và khủng bố Phật tử; tự do tín ngưỡng; bồi thường cho nạn nhân ngày 8/5 và trừng trị những người có trách nhiệm. Năm người ký tên là Hòa Thượng Tường Vân, Thượng tọa Mật Nguyện, Mật Hiển, Trí Quang, và Thiện Siêu.(24) Với đại đa số Phật tử, "Dụ số 10" nêu trong Thông Bạch ngày 10/5/1963 có vẻ xa lạ. Dụ này do Bảo Đại ban hành ngày 6/8/1950, liên quan đến qui chế các hiệp hội, đảng phái, gồm 5 chương, 45 điều. Điều thứ 44 ghi nhận: "*Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên chúa và Gia tô, và các Hoa kiều lý sự hội sẽ ấn định sau.*"(25) Điều này có nghĩa các tổ chức tôn giáo *không* Ki-tô như Phật giáo, Hoà Hảo, Cao Đài, Islam v.. v... đều **chỉ được phép hoạt động nếu có sự đồng ý của chính phủ**. Thị trưởng Đẳng, "con nuôi tinh thần" của Hòa thượng Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật Giáo, lên diễn đàn xin lỗi về tai nạn đã xảy ra, và hứa bồi thường cho gia đình nạn nhân. Cẩn cũng áp lực Trí Quang phải ngưng tranh đấu, tìm cách giải quyết.

Hôm sau, 11/5, Trí Quang triệu tập một buổi họp với các giáo sư và sinh viên, học sinh để giải thích 5 nguyện vọng của Phật giáo.(26) Đồng thời, các lãnh tụ Phật Giáo bắt đầu khai thác cái chết của các nạn nhân tối Phật Đản, ca ngợi họ như "thánh tử đạo." Ngày 12/5, Trí Quang yêu cầu Đẳng cho làm lễ cầu siêu cho các nạn nhân vào ngày 14/5. Đẳng không dám tự quyền, đề nghị Phật Giáo thảo luận với Tư lệnh Quân Đoàn I và Đại biểu Chính phủ tại TNTP vào hôm sau. Phật Giáo đồng ý lùi ngày cầu siêu lại một tuần, tức

21/5/1963. Riêng ngày 14/5, chỉ được làm lễ cầu siêu trong chùa Từ Đàm.

Trong ngày 13/5, Trí Quang cũng gặp Đại biểu chính phủ để thảo luận về 5 đòi hỏi của Phật Giáo. Mặc dù cho rằng những yêu sách của Phật Giáo "vô căn" [groundless], viên chức này tuyên bố chính phủ sẽ cứu xét. Đại biểu của chính phủ thêm rằng đòi hỏi của Phật Giáo mang tích cách một "tối hậu thư," và đây là một sai lầm.(27) Tại Sài Gòn, mặc dù Quách Tòng Đức đã bí mật hội ý với Mai Thọ Truyền trước ngày ban hành lệnh cấm treo cờ, Phật tử biểu tình liên tiếp trong hai ngày 7 và 8/5 để chống lệnh cấm và đòi bình quyền tôn giáo. Ngày 9/5, Thượng tọa Tâm Châu, Phó Hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo–quyết "Tử Vì Đạo."

Ủy ban Liên Phái qui tụ 11 Hội đoàn, gồm Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, Giáo Hội Tăng Già Trung Việt, Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam, Hội Phật Học Nam Việt, Hội Phật Giáo Trung Việt, Hội Phật Giáo Bắc Việt tại miền Nam [thuộc Tổng hội Phật giáo Việt Nam; 1960-1965: Hội chủ: Hòa thượng Thích Tịnh Khiết; Phó Hội chủ: Thượng tọa Thích Tâm Châu, Mai Thọ Truyền], Giáo Hội Thiền Định Đạo Tràng (chùa Phật Bửu, đường Cao Thắng; Đạo chủ là Hòa thượng Minh Trực, có 16 chùa), Giáo Hội Tăng Già Kampuchia [người Việt gốc Khmer], Hội Phật Giáo Kampuchia [người Việt gốc Khmer], (chùa Chantareansey, đường Trương Minh Giảng, Phú Nhuận; Lục cả Lâm Em), Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy [Therevada] (chùa Kỳ Viên, đường Phan Đình Phùng [người Việt], Đại Đức Bửu Chơn, Tăng thống), Hội Phật Giáo Nguyên Thủy [người Việt] (Hội trưởng: Nguyễn Văn Hiếu; ngoài chùa Kỳ Viên còn có 6 chùa khác: chùa Bình Đông, Phú Lâm, Gò Dưa, Bình Hòa (chùa Phổ Minh) và Đà Nẵng (Tam Bảo)). Tâm Châu, một tăng di cư, từng vận động chống việc chiếu phim về Phật Thích Ca, được cử làm Chủ tịch; với Mai Thọ Truyền, Tổng thư ký. Văn phòng đặt tại chùa Xá Lợi trên đường Bà Huyện Thanh Quan. (28) Thượng tọa Tâm Châu cũng gửi một tâm thư cho các tăng ni mọi cấp, kêu gọi mọi người quyết tâm bảo vệ giáo kỳ với tinh thần "tử vì đạo." (29) Riêng Thượng tọa Thiện Hòa (1907-1978), Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc, kêu gọi tinh thần bất bạo động, hòa giải. (30)

Cuộc đàn áp ở Huế không chỉ tạo nên tia lửa điện tranh đấu trong hàng ngũ Phật tử Việt Nam mà cũng khiến Bộ Ngoại Giao Mỹ đặc biệt quan tâm. Dù tuyên bố trung lập, Bạch Cung có thiện cảm

với Phật Giáo. Từ Oat-shinh-tân, chiều 9/5 [04G24 sáng 10/5 VN], Ngoại trưởng Dean Rusk chỉ thị Đại sứ Frederick Nolting yêu cầu Diệm: (1) Không nên đàn áp Phật tử, (2) bày tỏ cảm tình với gia đình nạn nhân và giúp tiền an táng, (3) sử dụng những biện pháp thích nghi để vãn hồi trật tự, và (4) tạo tinh thần thân ái giữa các nhóm giáo dân.(31) Trong khi đó, Trung ương Tình báo Mỹ [CIA] ghi nhận **Cao Đài và Hoà Hảo đang thảo luận phối hợp hành động với Phật giáo**. Lại cũng có tin tuyệt thực đã bắt đầu tại Huế từ ngày 12/5. Theo Trung tá Trần Văn Thưởng–Giám đốc Cảnh Sát Công An Trung nguyên Trung Phần, người đã điều tra về việc đàn áp Phật Giáo ở miền Trung năm trước–Phật tử dự định biểu tình khắp đồng bằng miền Trung ngày 21/5.

Tại Sài Gòn cũng có tin sẽ biểu tình ngày 21/5.(32) Do sự dàn xếp của Nolting, ngày 15/5, Tổng thống Diệm tiếp đại diện Phật giáo tại Sài Gòn. Phái đoàn đầu tiên này gồm Thượng tọa Thiện Hòa (Trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn quốc); Thiện Hoa (Trị sự trưởng Giáo Hội Nam Việt); Thiện Thái (Trị sự trưởng Giáo Hội Bắc Việt), Lâm Em (Trị sự trưởng Chùa Chantereansey), Dũng Chí (đại diện Phật Giáo Nguyên Thủy), cùng hai cư sĩ Mai Thọ Truyền (Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt), và Vũ Bảo Vinh (Hội trưởng Hội Phật học Bắc Việt). Phe chính phủ có Bui Văn Lương (Nội vụ) và Paul Ngô Trọng Hiếu (Công dân vụ).(33)

Theo Việt Tấn Xã ngày 17/5, về đòi hỏi số 1 (rút lại lệnh cấm treo cờ Phật giáo), Diệm cho rằng cả Ki-tô lẫn Phật giáo đã có lỗi về việc treo cờ; chỉ được treo giáo kỳ trong các thánh đường hay chùa. Về đòi hỏi thứ hai (Dụ số 10), Diệm nói sẽ cứu xét lại. Điểm 3, về việc bắt giữ Phật tử và tăng ni, Paul Hiếu nói không hề có "*khủng bố*." Lương cũng khẳng định "*không hề có việc quân đội ném lựu đạn, xe thiết giáp bắn trọng pháo hay cán vào đám đông. . . . Sự thật chỉ có hai trái mìn từ lực [plastic] do Việt Cộng thừa lúc lộn xộn mà giựt, vì Quân đội không có plastic và căn cứ vào vết tích còn lại*." Diệm nói những người bị bắt có hành động bất an cho dân chúng và chính quyền, nếu tha ra, phần tử xấu sẽ lợi dụng. Điểm 4, về tự do tín ngưỡng, Diệm xác nhận đó là quyền hiến định. Điểm 5, về bồi thường, Diệm chỉ hứa sẽ nghiên cứu việc trợ cấp. Đại diện Phật giáo đưa thêm hai đề nghị: ra Huế thăm viếng những người bị bắt giữ và tổ chức cầu siêu cho nạn nhân. Diệm nói sẽ cứu xét đòi hỏi thứ nhất, và đồng ý đòi hỏi thứ hai, với điều kiện chỉ tổ chức trong khuôn viên các chùa. Nhưng đại diện Phật giáo, qua buổi họp này, kết luận rằng

Diệm chưa có quyết định nào rõ rệt.(34) Tuy nhiên, họ kiên nhẫn chờ đợi thiện chí của chính phủ. Có lẽ vì vậy, Trí Quang đồng ý tu chính lại 5 nguyện vọng, và ngày 15/5, nhờ Đẳng chuyển thư cho Cẩn, hứa không tranh đấu nữa.(35)

Đáng ghi nhận là từ ngày 15/5 này, Bộ trưởng Nội vụ Lương bắt đầu thay "lựu đạn" bằng hai trái mìn từ lực của Cộng Sản mà quân đội không được cấp phát. Đây là nỗ lực "sửa sai" đầu tiên của chế độ **để chối bỏ tội lỗi** (trong khi mãi tới ngày 25/5, **Diệm mới thú nhận là cấp dưới đã báo cáo sai lạc** về một hay nhiều trái lựu đạn).(36) Vì sắp qua Greece [Hy Lạp] nghỉ thường niên, Nolting khuyên Diệm nên ra tuyên cáo chính thức về vấn đề Phật Giáo. Nolting cũng tiếp xúc Khâm sứ Vatican là Salvatore d'Asta và Linh mục Cao Văn Luận để thuyết phục Diệm. Theo Bộ trưởng Phủ Tổng thống Nguyễn Đình Thuần, thương thuyết với Phật giáo tiến triển tốt đẹp, nhưng chủ chốt là **chính phủ muốn tránh trách nhiệm**.(37)

Ngày 18/5, khi cùng XLTV Đại sứ William C. Trueheart qua chào tạm biệt Diệm, Nolting cố thuyết phục Diệm đáp ứng nguyện vọng của Phật giáo. Nolting muốn Diệm tuyên bố chịu trách nhiệm về biến cố ở Huế, bồi thường cho nạn nhân, và tái khẳng định chính sách bình quyền tôn giáo và không kỳ thị. (38) Diệm không hứa điều gì. Diệm vẫn tin, hoặc muốn diễn giải rằng biến cố ở Huế là do các lãnh tụ Phật giáo khích động; những người ở Huế chết vì một hay nhiều trái lựu đạn, do Cộng sản hay phe chống chế độ ném, không phải viên chức chính phủ; và một số lãnh đạo Phật giáo lợi dụng biến cố ở Huế để củng cố thế lực trong nội bộ Giáo hội. Dưới mắt Diệm, vấn đề Phật giáo không quá nghiêm trọng như Mỹ tưởng nghĩ.(39) Dù được xem những khúc phim về cuộc đàn áp Diệm không thay đổi lập trường.(40) Diệm chỉ cách chức Đẳng, đưa Nguyễn Văn Hà ra Huế. Đồng thời, bổ nhiệm Nguyễn Xuân Khương, đương kim Tổng Giám Đốc Điền Địa, làm Đại biểu Trung Nguyên Trung Phần, hiệu lực từ ngày 1/6/1963. Cho rằng chính phủ kỳ thị Phật Giáo, các tăng ni quyết tranh đấu đến cùng.

Ngày 19/5, Hòa thượng Tịnh Khiết thông báo cho Đại biểu TNTP và Thiếu tướng Tư lệnh QĐ I rằng đã chấp thuận cho hai Thượng tọa Mật Nguyện và Trí Quang tuyệt thực để cầu cho nguyện vọng của Phật Giáo.(41) Ngày 23/5, năm lãnh tụ Phật giáo, gồm cả Hòa thượng Tịnh Khiết, ra tuyên ngôn khẳng định lập trường bất bạo động và phi chính trị, nhưng cương quyết đòi chính phủ phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật Giáo "*trong một thời [gian] càng sớm càng*

tốt," đồng thời ngưng ngay những cuộc "khủng bố, bắt giữ."(42)

Tại Sài Gòn, sáng ngày 21/5, 600 tu sĩ làm lễ cầu siêu cho nạn nhân ở Huế, rồi diễn hành từ chùa Ấn Quang đến chùa Xá Lợi. Bốn ngày sau, Ủy Ban Liên Phái ra tuyên cáo ủng hộ 5 nguyện vọng của Phật Giáo, và hứa đoàn kết tranh đấu cho bằng được các nguyện vọng trên. (43) Phần chính phủ vẫn im lặng khó hiểu. Mặc dù từ ngày 24/5 các chuyên viên y khoa khẳng định rằng thương tích nạn nhân ở Huế đêm 8/5 không do mảnh lựu đạn gây nên Diệm vẫn chẳng tỏ một thái độ hòa giải nào.(44) Các lãnh đạo Phật Giáo bèn quyết định mở rộng cuộc tranh đấu: Ngày 28/5, Tâm Châu thông báo với Tổng thống Diệm là sẽ tổ chức tuyệt thực trong vòng 48 giờ, kể từ 14 giờ ngày 30/5/1963.(45)

Hôm sau, 29/5, báo chí mới đăng thông cáo của Diệm, khẳng định quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng được qui định trong điều 17 của Hiến Pháp; nhưng vẫn bảo vệ lệnh treo cờ, vì quốc kỳ phải có địa vị tối thượng, và khẳng định chính phủ "*không hề có ý nghĩ phân biệt đối xử với bất cứ tôn giáo nào*."(46) Thời gian này, báo chí Mỹ cũng ra sức ủng hộ Phật Giáo. Gây chấn động nhất là bài trên tuần báo *Newsweek* số đề ngày 27/5/1963, vạch trần **sự lộng hành của tập đoàn cai trị Ki-tô của Thục cùng các "quan" ở Huế**.(47) Ngày 29/5, tại Mỹ, báo *New York Times* [New York Thời Báo] cũng khai thác ngay bản tin mà Ủy Ban Liên Phái gửi cho các cơ quan truyền thông và nhiệm sở ngoại giao, tường thuật rằng Phật tử rất bất mãn về cách đối xử của Diệm, và đang chuẩn bị đấu tranh tuyệt thực, đồng thời tổ chức cầu siêu trong vòng 4 tuần lễ. David Halberstam–một ký giả lập nên sự nghiệp nhờ chiến tranh Việt Nam và chủ trương nhà Ngô phải ra đi–thuật lại rằng trong buổi họp ngày 15/5, Diệm đã lên án các tăng sĩ là "*bọn khùng*" [damn fools] khi đòi hỏi bình đẳng tôn giáo, vì quyền này đã được Điều 17 của Hiến pháp (một bộ tiểu thuyết luật pháp và nhân quyền) bảo đảm.

Bộ Ngoại Giao Mỹ vội thông báo cho Trueheart về nội dung bài báo trên, đồng thời chỉ thị Trueheart phải đích thân gặp Diệm, thuyết phục Diệm thỏa mãn nguyện vọng của Phật giáo.(48) Hôm sau, Bộ Ngoại Giao đồng ý cho Trueheart gặp Khâm sứ Vatican, nhờ khuyên bảo Diệm về vấn đề Phật Giáo.(49) Trueheart chưa kịp gặp Diệm, Phật Giáo đã hành động. Hòa thượng Tịnh Khiết–đúng hơn nhóm lãnh đạo tranh đấu–chỉ thị cho các tăng sĩ tuyệt thực 48 tiếng đồng hồ kể từ 2 giờ chiều ngày 30/5. Ngày này, tại Sài Gòn, 350 tăng ni biểu tình trước Quốc Hội, rồi tuyệt thực.(50) Tại Huế, dù chùa Từ

Đàm bị cô lập, các cấp lãnh đạo Phật giáo vẫn tuyệt thực. Khoảng **3,000 Phật tử bị vây hãm trong vòng rào kẽm gai**. Tại Quảng Trị, Phật tử biểu tình trong trật tự.

Ngày Thứ Bảy, 1/6, đúng ngày Tỉnh trưởng Đẳng, Phó Nội an Sỹ và Đại biểu Trung phần bị thay thế, nhiều đoàn Phật tử Huế tụ họp tại một số địa điểm trong thành phố, kể cả Dinh tỉnh trưởng và Tòa Đại biểu chính phủ tại miền Trung. Khoảng 10,000 người tụ họp trước chùa Từ Đàm. Sau đó giải tán do yêu cầu của các tăng sĩ. Đỗ Cao Trí điều Nhảy Dù và M-113 từ Quảng Trị vào Huế đề phòng bất trắc.(51) Tại Đà Nẵng, Phật tử cũng tổ chức tuần hành không bạo động vào ngày 1/6, do các tăng ni dẫn đầu. Tối hôm trước, 31/5, Đại tá Lâm Văn Phát, Tư lệnh Sư đoàn 2 BB–một giáo dân Ki-tô tân tòng, thường tự chứng tỏ là rất trung thành với chế độ–cho lệnh các đơn vị dưới quyền chuẩn bị chống biểu tình.

Chiều 1/6, một xe vận tải hai tấn rưỡi (GMC) của quân đội chở đầy đạn bỗng dưng bị hư máy ở một ngã tư cách Toà Thị chính một khu phố về phía Bắc. Cấp chỉ huy bèn phái một xe GMC khác tới tháo rỡ đạn, dưới sự bảo vệ an ninh của một đơn vị tác chiến. Quân Cảnh, Cảnh Sát và Công An cũng chặn đường từ phía Nam lên Toà Thị chính. Kế hoạch của Phát không đủ ngăn cản Phật tử biểu tình trong trật tự. Các tăng ni dẫn đầu một đoàn phụ nữ và thiếu niên diễn hành qua đường phố, với khẩu hiệu đòi tự do tín ngưỡng và bình quyền tôn giáo. Tới trước cửa Toà Thị chính, 7 nhà sư rời đám đông, biểu tình ngồi; trong khi Phật tử tiếp tục cuộc diễn hành, rồi giải tán. Giữa lúc Phật tử đang biểu tình, Phát vào gặp Thị trưởng Đà Nẵng là Hà Thúc Luyện, cho lệnh phải dời 7 nhà sư đang ngồi trước Toà Thị chính, và giải tán cuộc diễn hành, cho dẫu "*đích thân Thị trưởng phải ném lựu đạn vào đám đông*." Luyện, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp thân tín của Cẩn, từ chối.

Trong đêm 2/6, Phát điều thêm một số đơn vị khác vào thành phố. Một đại đội tăng cường cho Ty Công An Đà Nẵng (đối diện khách sạn). Phần quân nhân Phật tử bị cấm trại. Trong đêm, 7 nhà sư bị bắt đi mất tích. Qua hôm sau, 3/6, Luyện bị cất chức Thị trưởng; gọi vào Sài Gòn trình diện. Trung tá Trần Ngọc Châu, Tỉnh trưởng Kiến Hoà, một Phật tử gốc miền Trung, ra thay. (52) Trong khi Đà Nẵng đang sôi động, ngày 2/6, Phật tử Quảng Trị lại biểu tình. Chính quyền đàn áp bằng lựu đạn cay. Giao thông với Huế bị cắt đứt. (53) Chiều hôm sau, 3/6, tại Huế, khoảng 500 thanh niên tụ họp trước Tòa Đại Biểu Trung Phần. Quân đội "dàn chào" bằng lưỡi lê và lựu đạn

cay. Các nẻo đường dẫn đến chùa bị phong tỏa bằng kẽm gai. Phật tử biểu tình ngồi. Binh sĩ dùng lựu đạn cay giải tán. Trong khi đó, Trí Quang đã tuyệt thực nhiều ngày, sức khoẻ suy giảm. Đại tá Trí ra lệnh giới nghiêm. Khoảng 18G30, quân đội lại tấn công mạnh Phật tử biểu tình tại chợ Bến Ngự. **Dùng cả chất hóa học (blister gas), khiến 67 nạn nhân bị nôn mửa, lưu lại vết bỏng trên da.**(54)

Được báo cáo, ngày 3/6 [sáng 4/6 Việt Nam] Bộ Ngoại Giao Mỹ hai lần chỉ thị Trueheart phải yêu cầu Diệm hoà giải với Phật giáo và báo cáo rõ hơn về khói hóa học sử dụng để đàn áp Phật tử.(55) Trueheart vội đến gặp Thuần vào khoảng 11G45 ngày 4/6. Khác với Nolting, Trueheart trở lại thái độ công khai áp lực mà cựu Đại sứ Elbridge Durbrow đã áp dụng. Trueheart cảnh cáo rằng Mỹ có thể ngưng yểm trợ nếu còn đàn áp Phật Giáo. Thuần tiết lộ Hội đồng chính phủ đã đề nghị thành lập một Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] để cứu xét các đòi hỏi của Phật Giáo như Trueheart yêu cầu từ ngày 1/6, và Diệm đã chấp thuận. Nhu cũng hứa sẽ tiếp xúc với lãnh tụ Phật Giáo. Ngay chiều đó, Thuần còn mời Trueheart tới tư dinh, nói đã thành lập một ủy ban điều tra về hơi độc ở Huế, do Đại tá Nguyễn [Trần] Văn An, và Trung tá Y sĩ Liêm cầm đầu. Diệm cũng sẽ tuyên bố thành lập UBLB, gồm Phó Tổng Thống Thơ, Lương và, Thuần.(56) Nhưng khoảng 17G00, Bộ Tư lệnh Quân viện Mỹ tại Việt Nam [MAC-V] lại xin ý kiến Trueheart về việc Bộ Tổng Tham Mưu yêu cầu MAC-V không vận 300 Cảnh sát từ Vũng Tàu ra Huế. Trueheart không chấp thuận.(57)

III. TUYÊN CÁO CHUNG 16/6/1963:

Do áp lực Mỹ, từ giữa tháng 5/1963, Diệm đã gặp lãnh tụ Phật Giáo để thảo luận về 5 đòi hỏi ngày 10/5. Tuy nhiên, chế độ có vẻ chỉ muốn kéo dài thời gian để vô hiệu hóa dần cuộc tranh đấu. Họ Ngô không muốn nhìn nhận trách nhiệm vì cho đó là nhược điểm. Diệm cũng không muốn thỏa mãn các nguyện vọng đưa ra ngày 10/5 vì sợ Phật Giáo sẽ tiếp tục đòi hỏi nhiều hơn. Áp lực của Mỹ khuyên Diệm hòa hoãn thì được giải thích theo một ý nghĩa khác–thực ra, **chế độ Diệm đang rơi vào một cuộc khủng hoảng niềm tin với Mỹ, và Nhu đang bí mật ve vãn Cộng Sản với sự tiếp tay của Pháp và India.**(58) Trong khi đó, lãnh tụ Phật Giáo khéo léo phối hợp giữa biểu tình và ngoại giao, nhất là việc sử dụng các cơ quan truyền thông quốc tế. Một số giáo chức Tây Germany [Đức] và ký giả ngoại quốc cũng tích cực tiếp tay.(59)

Biến cố gây xúc động nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức ở Sài Gòn ngày 11/6/1963. Có thể nói lần đầu tiên mới có một cuộc đấu tranh chính trị tinh xảo đến thế. Bởi vậy, chính phủ Mỹ không ngừng áp lực Diệm phải giải quyết cuộc khủng hoảng. Ngày 16/6, Diệm và Tịnh Khiết ra một Thông cáo chung. Nhưng Diệm **không thực tâm thi hành những điều đã ký kết.** Thục và vợ chồng Nhu-Lệ Xuân cũng tìm mọi cách ngăn chặn việc thực thi tuyên cáo ngày 16/6. Phật giáo không lùi bước.

A. THƯƠNG THUYẾT:

Chiều ngày 5/6/1963, Ủy Ban Liên Bộ [UBLB] cùng các Thượng Tọa Thiện Minh và Thiện Hoa ngồi vào bàn thương thuyết. Ngay sau buổi họp đầu, cả đôi bên đều thất vọng về sự thiếu thành khẩn của nhau. Dẫu vậy, Thuần cùng Thiện Minh, phụ tá của Trí Quang, bí mật đạt được thỏa thuận sơ khởi trên 5 đòi hỏi của Phật giáo, với điều kiện phải được Diệm phê chuẩn.(60) Hôm sau, 6/6, hai bên đồng ý chính phủ sẽ rút quân đội và an ninh khỏi vùng lân cận các chùa, Đỗ Cao Trí ngừng biểu dương võ lực. Ngược lại, Phật giáo ngừng tuyên truyền chống chính phủ.

Thiện Minh lập tức lên đường ra Huế tường trình về những điều thỏa thuận với UBLB, mang theo một cư sĩ quen biết Thuần để bảo đảm rằng những phần tử "quá khích" [extremist elements] không phá hoại thương thuyết. Theo dự trù, Tịnh Khiết, đang tuyệt thực ngoài Huế, cũng sẽ vào Sài Gòn ký tuyên cáo chung.(61)

Ngày 6/6 này, Diệm đọc một diễn văn truyền thanh ngắn, kêu gọi mọi người hãy bình tĩnh vì chính phủ cần thời gian để giải quyết cuộc khủng hoảng.(62) Nhưng tại Huế, tình hình thêm căng thẳng. Trong ngày 5/6, bạo động lại diễn ra khiến 4 Phật tử chết, hơn 100 bị thương và hơn 1,000 người bị bắt. Hai sinh viên bị mất tích. 3 y sĩ Germany [Đức] và 2 y sĩ Mỹ đang phục vụ tại Huế đã tích cực giúp đỡ Phật tử. Diệm bèn cho lệnh hai y sĩ Germany, Erich Wulff và Hans Holterscheidt, **phải lập tức rời cố đô**. Sau đó, trục xuất họ khỏi Sài Gòn với lý do "*không được ưa chuộng*" [Persona Non Grata].(63) Chính quyền Huế còn ngưng tiếp tế cho những người biểu tình bị cô lập. Lãnh sự John J. Helble báo cáo rằng tình trạng thực phẩm và nước uống tại chùa Từ Đàm đã ở mức báo động đỏ. Phi cơ chính phủ thì rải truyền đơn đả kích Trí Quang và đòi bắt giữ cả Tịnh Khiết.(64)

Tại Sài Gòn, thái độ họ Ngô cũng đột ngột cứng rắn. Vợ chồng Nhu-Lệ Xuân công khai trách mắng Thuần đã nhân nhượng quá

nhiều.

Ngày 7/6, Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới [PTPNLĐ] của Lệ Xuân ra "quyết nghị" lên án những cuộc biểu tình chống chính phủ là chống lại chính nghĩa quốc gia (anti-nationalist), bị "*Cộng sản khai thác và lợi dụng, dẫn đến hỗn loạn và trung lập*." Và yêu cầu chính phủ không thể tiếp tục im lặng trước những mưu toan chính trị, lập tức trục xuất những ngoại nhân chuyên phá hoại, dù mặc áo thày tu hay không, đặc biệt là những kẻ mưu toan biến Việt Nam thành chư hầu ngoại bang.(65) Quyết nghị này được trao cho báo chí ngày hôm sau, 8/6/1963.

Ngày này, Trueheart gặp Thuần về quyết nghị của PTPNLĐ trên nhưng Thuần thú nhận mình không giải quyết được gì. Chiều đó, Truehart vào Dinh Gia Long, đích thân phản đối lời tuyên bố của vợ Nhu, và dọa sẽ công khai không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Diệm nói không thể bác bỏ quyết nghị của PTPNLĐ, vì đây là một hội đoàn tư nhân, nhưng sẽ cho lệnh Bộ trưởng Nội vụ phải để những người biểu tình tại chùa Từ Đàm được tiếp tế lương thực và nước uống. Diệm cũng nói không biết gì về việc **phi cơ chính phủ thả truyền đơn sỉ nhục lãnh tụ Phật giáo.** Sau đó, Diệm khẳng định lập trường: Sẽ thương thuyết trong thế mạnh; Phật giáo vi phạm lời cam đoan tạm ngưng chiến dịch tuyên truyền, tiếp tục phát tài liệu cho báo chí ngoại quốc (như Thiện Minh đã tiết lộ về những điều khoản thỏa thuận); Phật giáo thiếu thành tín (bad faith).

Lần đầu tiên, Diệm thú nhận với Trueheart rằng chính quyền địa phương bất lực trong việc đối xử với Phật giáo; vì mãi đến ngày 24/5–tức hơn hai tuần lễ sau cuộc thảm sát ở Huế–chuyên viên y khoa mới báo cáo là thương tích không do mảnh lựu đạn gây nên. Nhưng Diệm nhấn mạnh sẽ sử dụng mọi biện pháp cần thiết để duy trì trật tự nếu hỗn loạn tiếp tục.(66)

Hôm sau, 9/6, báo *Times of Vietnam* [Việt Nam Thời Báo] đăng nghị quyết ngày 7/6 của PTPNLĐ. Báo này nhấn mạnh vai trò các tăng sĩ Nam tông (Therevada) trong những cuộc rối loạn hiện nay. Hàm ý là phe Nam tông có liên hệ với chính sách trung lập hoá miền Nam của Charles de Gaulle và Norodom Sihanouk. Các báo Việt ngữ không đăng. Diệm cũng cho lệnh đài phát thanh không nhắc đến lời Lệ Xuân đả kích Phật Giáo. Tuy nhiên, lệnh này ban hành sau khi đài Sài Gòn đã phát thanh vài ba lần.

Tại Huế, số Phật tử bị phong tỏa đã 3 ngày không có nước uống, thực phẩm và thuốc men. Một số tư nhân mang tặng thực phẩm,

nước uống. Chính phủ cho chụp hình, loan báo đó là do chính phủ cung cấp. Trong khi đó, điện thoại với Sài Gòn bỗng dưng bị "hư." Lãnh sự Huế Helble không thể liên lạc được với Trueheart. Thuần cũng lâm vào cảnh tương tự. Phi cơ chính phủ tiếp tục rải truyền đơn, tố cáo Trí Quang là Cộng Sản. Đây là bước chuẩn bị cho việc bắt giữ các lãnh tụ tranh đấu–vì chỉ cần "liên hệ với phiến Cộng" đã là trọng tội, có thể bị kết án từ khổ sai tới tử hình. Không ít người đã bị tra tấn đến chết hay thủ tiêu.(67)

Tại Oat-shinh-tân, trưa ngày 8/6 [đêm 8 rạng 9/6 tại Việt Nam], Ngoại trưởng Rusk chỉ thị Trueheart yêu cầu Diệm bác bỏ nghị quyết của PTPNLĐ, rút lại Sắc luật số 10, và cần xác định chính phủ duyệt trước hay chăng lời tuyên bố của Lệ Xuân. Lời tuyên bố của Lệ Xuân, Rusk nhấn mạnh, làm suy giảm vị thế của VNCH, và làm tổn hại uy tín của Mỹ, có thể gây khó khăn cho việc tiếp tục yểm trợ VNCH tại Quốc Hội cũng như dư luận Mỹ. (68) Gặp Thuần ngày 9/6, Trueheart cho biết chỉ thị của BNG Mỹ. Rồi đả kích việc chính phủ đang chuẩn bị phản biểu tình vào ngày 10 hay 11/6. Kế hoạch phản biểu tình của Paul Hiếu này gồm có những thủ thuật sử dụng "sư giả" từ các tỉnh, Thanh Niên Cộng Hoà và bọn tệ đoan xã hội ở Chợ Lớn giả làm sư. Trueheart cảnh cáo rằng nếu quả thực như vậy, cần phải ngừng ngay. Trueheart cũng nêu lên vấn đề **giáo dân Đà Nẵng đang chuẩn bị ra nghị quyết cách chức Thiếu tá Thiệt, Tỉnh trưởng Quảng Nam**, nhân dịp làm lễ cầu hồn cho Giáo hoàng John XXIII (1958-1963) vào ngày 10/6. Nếu đúng sự thực, cần chấm dứt ngay. Trueheart còn nêu lên vấn đề 4 ký giả (Michaud của *AFP*, Sheehan của *UPI,* Browne của *AP* và Parry của báo *NY Times*) đã bị bắt giữ 1 giờ đồng hồ tại Quận 3. Hành động này, Trueheart bảo thẳng Thuần, là "khùng" và bất lợi.(69)

Mãi tới 9 giờ sáng ngày Thứ Hai, 10/6, Thuần mới gặp Trueheart để phúc đáp. Thuần nói đã trình bày với Diệm và Nhu về những đề nghị của Mỹ. Về Sắc luật số 10, Diệm không có quyền rút lại. Quyết nghị của PTPNLĐ không phải là "tuyên bố của bà Nhu," mà là của "một tổ chức đại chúng" (cả Thuần lẫn Trueheart đều mỉm cười). Diệm đã điện thoại cho Paul Hiếu trước mặt Thuần về vấn đề tổ chức phản biểu tình. Hiếu chối không có kế hoạch đó. Cũng không có kế hoạch đòi cách chức Tỉnh trưởng Quảng Nam. Đang dàn xếp cho những người trong chùa Từ Đàm ở Huế ra về không gặp trở ngại, ngoại trừ các công chức. Chính phủ không đứng ra tổ chức lễ cầu hồn cho John XXIII. Diệm vẫn muốn thương thuyết, nhưng cần cô lập

những thành phần quá khích. UBLB của PTT Thơ sẽ họp lúc 10G00 để nghiên cứu lá thư mới nhất của UB Tranh đấu Phật giáo.(70)

B. NGỌN LỬA CÚNG DƯỜNG ĐẠO PHÁP:

Biến cố khiến cuộc tranh đấu của Phật giáo được dư luận thế giới chú ý nhất là cuộc tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức tại ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt Sài Gòn (trước Tòa Đại sứ Kampuchea).

Quảng Đức, tục danh Lâm Văn Tức (1897-1963), đang tu tại chùa Quán Thế Âm trên đường Nguyễn Huệ, Gia Định. Lúc 9G30 sáng ngày 11/6–giữa lúc Diệm và **hầu hết nhân viên cao cấp trong chính phủ đang tham dự buổi quốc lễ cầu hồn cho Giáo Hoàng** John XXIII– chiếc xe Austin của một Phật tử, dưới sự dẫn đường của một đoàn 400-500 tăng sĩ, đưa Quảng Đức tới chỗ hóa thân. Địa điểm này được các tăng ni làm hàng rào cản không cho Cảnh sát can thiệp. Số khán giả tò mò lên tới khoảng 500 người, ngày càng đông. Một số ký giả như Sheehan của hãng UPI cũng được báo trước. Từ xe bước xuống giữa ngã tư, Quảng Đức ngồi xuống theo thế thiền định, nhờ một Đại đức đổ xăng lên thân thể mình, rồi **tự tay châm lửa bằng diêm** (quẹt). Malcolm Browne, nhân viên hãng AP, thu được tấm hình này–bức hình rồi sẽ gây chấn động dư luận thế giới.(71) Trưa đó, khoảng 400 tăng sĩ đưa thi hài Quảng Đức tới chùa Xá Lợi. 2,000 Phật tử cũng lũ lượt kéo nhau tới chùa. Khoảng 1,000 Cảnh sát tới "bảo vệ an ninh," nhưng các tăng ni được di chuyển tự do trong khu vực này.(72)

Khoảng 12G30, quân đội được lệnh cấm quân. Bảy tiểu đoàn Dù nhận lệnh ứng chiến. Đại tá Lê Quang Tung tăng cường 2 Đại đội Lực Lượng Đặc Biệt [LLĐB] cho Sài Gòn, trí quân trong phi trường Tân Sơn Nhất. Nhân viên Mỹ được nghỉ sớm, và khuyến cáo không nên đến gần các đám biểu tình.(73)

Phần Trueheart tới gặp Thuần tại tư dinh, bảo thẳng Thuần rằng Diệm phải có thái độ ngay chiều đó, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không liên hệ đến chính sách tôn giáo của Diệm. Khi Thuần hỏi có thể dẫn lời Trueheart cho Diệm và Nhu nghe được không, Trueheart đồng ý. Trueheart cũng lưu ý Thuần về kháng thư của PTPNLĐ đăng trên *Times of Vietnam* sáng đó để phản đối hãng UPI khi gửi đi bản tin của Sheehan; và cảnh cáo rằng nếu đây là bước đầu để trục xuất Sheehan thì là một điều "*ngu xuẩn*" (stupid). (74) Phó Tổng thống Thơ và Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu cũng vào yêu cầu Diệm phải có

hành động tức khắc, đồng thời chỉ thị UBLB xúc tiến nhanh việc thương thuyết với Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo Tranh Đấu.(75)

Ngay tối 11/6 đó, Diệm đọc diễn văn, cam kết là "*phía sau Phật Giáo trong nước còn có Hiến Pháp, tức là có tôi*."(76) Diệm hy vọng diễn văn truyền thanh của mình sẽ trấn an dư luận cho tới hôm sau, khi UBLB gặp mặt Ủy Ban Liên Phái. Tại Oat-shinh-tân, gần nửa đêm 11/6 [gần trưa 12/6 tại Việt Nam], Rusk chỉ thị cho Trueheart: "Nếu Diệm không có những bước cấp tốc và hiệu lực để giải quyết cuộc khủng hoảng để gây lại niềm tin của Phật tử, chúng ta sẽ phải tái duyệt xét việc ủng hộ chế độ Diệm."(77)

Tối ngày 12/6, Trueheart mới gặp được Diệm. Không những thông báo cho Diệm biết cuộc tự thiêu của Quảng Đức đang gây sôi nổi dư luận thế giới, Trueheart còn trao cho Diệm một văn bản cảnh giác–theo đúng chỉ thị của Rusk–là Mỹ có thể sẽ công khai tuyên bố không ủng hộ chính sách Phật giáo của Diệm. Trước khi kiếu từ, Trueheart nêu lên 3 điểm:

1. Báo cáo ngày 11/6 cho biết chính quyền Huế và Đà Nẵng tiếp tục bắt giữ người biểu tình.

2. Chính phủ không thể truy tố những người "giúp" Thượng tọa Quảng Đức tự thiêu. (Diệm nói có người giúp Quảng Đức đổ xăng lên mình, và châm lửa. Trueheart nhấn mạnh rằng hai nhân chứng đích mắt thấy Quảng Đức tự mình tưới xăng và châm lửa).

3. Có tin chính phủ đang cấm các tăng ni từ các tỉnh vào Sài Gòn. (Cả Diệm lẫn Thuần trả lời là vì lý do an ninh. Diệm thêm rằng Quốc Hội đang thành lập tiểu ban nghiên cứu việc sửa đổi D ụ số 10). (78)

C. THÔNG CÁO CHUNG:

Từ sáng 12/6, Hoà thượng Tịnh Khiết cùng Trí Quang và Thiện Minh rời Huế vào Sài Gòn để thương thuyết với UBLB. Ba lãnh tụ Phật giáo tới phi trường Tân Sơn Nhất lúc 13G15, và tạm trú tại chùa Xá Lợi. (79) Phó TT Thơ viết thư yêu cầu hai bên họp ngay lúc 18G00 hôm đó để giải quyết mau chóng các đòi hỏi của Phật giáo. Phe Phật giáo muốn trì hoãn ít ngày để bàn bạc với các đại diện miền Nam, nên nêu lý do Tịnh Khiết còn yếu sau 5 ngày tuyệt thực, cần tĩnh dưỡng ít lâu. Thơ lại đề nghị gặp nhau hôm sau, giờ và địa điểm do Phật giáo chọn. Cuối cùng, Phật giáo đề nghị họp ngày 14/6, với điều kiện chính phủ phải nhân nhượng toàn bộ 5 đòi hỏi ngày 10/5/1963.(80)

Ngày 14/6, phái đoàn Phật Giáo do Thiện Minh làm Trưởng đoàn–gồm Thiện Hoa, Tâm Châu, Huyền Quang (Thư ký), và Đại đức Đức Nghiệp (Phó Thư ký)–bắt đầu họp với UBLB. Do áp lực của Trueheart, ngay sáng hôm đó, chính phủ nhượng bộ đòi hỏi thứ nhất: đồng ý cho Phật tử treo cờ Phật Giáo. Trong phiên họp chiều, đồng ý sửa lại Sắc luật số 10 của Bảo Đại. Để chứng tỏ thiện chí, Tịnh Khiết kêu gọi Phật tử tạm ngưng biểu tình.(81)

Hôm sau, khoảng 18G30, thương thuyết hoàn tất. Ngày Chủ Nhật, 16/6, hai bên ra thông cáo chung với những điều khoản sau: Tạm ngưng áp dụng Dụ số 10; cứu xét lại những khiếu nại của Phật Giáo; xác nhận tự do tôn giáo; sẽ "trợ cấp" (không phải "bồi thường") cho gia đình nạn nhân ở Huế. Tịnh Khiết và Diệm cùng ký vào bản Tuyên Cáo trong Dinh Gia Long–nhưng Diệm không ký ngang chỗ "Khán" của Tịnh Khiết mà **ghi vào góc trên** của bản Thông cáo chung như sau: "*Những đều được ghi trong thông cáo nầy thì đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu; Ngô Đình Diệm*." (82)

Trong khi thương thuyết đang diễn ra, Phật tử và một số lãnh tụ Phật giáo thiên về bạo động hơn. Ngày 13/6, Phật tử khắp nơi treo cờ Phật Giáo, chống lại lệnh cấm của Diệm (thực ra Diệm đã bí mật đồng ý). Buổi lễ cầu siêu cho Quảng Đức ngày 16/6 tại chùa Xá Lợi qui tụ hàng chục vạn người. Hơn **500,000 thanh niên, hoc sinh và Phật tử** xuống đường biểu tình. Xô xát Cảnh Sát kéo dài 45 phút trước chùa Xá Lợi.(83) Buổi tối, Thiết Giáp phải đến tăng cường cho Cảnh Sát. Một thiếu niên 15 tuổi bị tử thương vì trúng đạn ở đầu. 3 tăng và 2 Phật tử bị thương. **Hàng ngàn người bị bắt giữ.**(84) Ba ngày sau, 19/6, nhờ Cảnh Sát, Công An nỗ lực ngăn chặn Phật tử tham dự, lễ hỏa táng Quảng Đức bớt hỗn loạn hơn.

IV. GIAI ĐOẠN "HƯU CHIẾN," 19/6-20/8/1963:

Thông cáo chung ngày 16/6/1963 là cơ hội tốt nhất cho chính phủ Diệm giải quyết cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Nhưng vì những nguyên do thầm kín, **họ Ngô quyết định không tôn trọng những điều đã cam kết**. Phật Giáo chẳng phải không đề phòng. Lãnh đạo Phật Giáo chỉ tạm thời "ngưng chiến" trong vòng 2 tuần lễ, chờ đợi thành tâm của chính phủ.

A. NỖ LỰC PHÁ HOẠI THÔNG CÁO CHUNG 16/6/1963:

Có dấu hiệu cho thấy **vợ chồng Nhu-Lệ Xuân muốn phá hoại việc thực hiện thông cáo chung** với Phật giáo. Một mặt, Nhu vận

động các hội Phật giáo độc lập chống lại cuộc tranh đấu. Ngày 20/6, Phật Giáo Cổ Sơn Môn –mới thành lập tại chùa Giác Lâm, Chợ Lớn; do Huệ Tâm, Hoà thượng trụ trì chùa Trung Nghĩa, Sa Đéc, thủ lĩnh Lục Hòa Tăng làm Tăng thống–tuyên bố ủng hộ chính sách tôn giáo của chính phủ, và đứng ngoài chính trị.(85) Nhu còn cho lệnh **cắt bỏ đoạn phim thời sự về cuộc thương thuyết** giữa chính phủ và Phật giáo.

Mặt khác, Nhu sai các tỉnh tổ chức mít-tinh **lên án phong trào tranh đấu của Phật giáo và phong tỏa các chùa chiền.** Đoàn viên Thanh Niên Cộng Hoà [TNCH] mặc đồng phục xanh dương đậm đi lấy chữ ký để ra thỉnh nguyện thư phản đối bản thông cáo chung 16/6/1963, và chuẩn bị biểu tình đòi xét lại thông cáo chung này. Bản thông cáo số 3 của TNCH đệ trình lên "Tổng thủ lãnh" Nhu đề ngày 25/6/1963 gồm nhiều lời đả kích Phật giáo nặng nề như "*dị đoan cuồng tín*," "*phản loạn, tay sai của kẻ thù chung*," v.. v... Đồng thời, lên án Tuyên cáo chung 16/6/1963 là "không phù hợp với lý tưởng của TNCH, co đặt những đặc quyền và độc quyền cho một nhóm, có những chủ trương trái với luật lệ hành chánh."(86) Trước sự phản kháng của Phật giáo, ngày 1/7/1963, TNCH lại ra Tuyên cáo số 4, ám chỉ lãnh tụ Phật giáo tranh đấu liên hệ với bọn phản loạn và phản quốc, trong khi đích thân Tổng thủ lãnh "cảnh giác để không cho phép bọn đầu cơ chính trị và Cộng Sản lợi dụng Thông cáo chung [16/6] đó hầu làm sai lệch nó ra ngoài phạm vi tôn giáo."(87)

Lệ Xuân thì cho PTPNLĐ họp tại trụ sở trung ương ngày 16/6, dùng loa phóng thanh công bố Quyết nghị ngày 7/6. Rồi ra một Bạch thư [Sách trắng], do vợ chồng Gene và Ann Gregory, chủ nhiệm báo *Times of Vietnam* soạn thảo, đăng trên chính tờ Times of Vietnam số ra ngày 17/6, **miệt thị cuộc tranh đấu** của Phật giáo, tố cáo cuộc tranh đấu không vì lý do tôn giáo mà chỉ vì lý do chính trị.(88) Rồi đến kế hoạch ăn mừng lớn suốt ba ngày, từ 25 tới 27 tháng 6/1963, để kỷ niệm 25 năm Thục được phong chức Giám mục (Lễ Ngân Khánh = Tea Deum).(89)

Có lẽ anh em họ Ngô muốn sử dụng ngày lễ này **để vận động sự ủng hộ của khối giáo dân Ki-tô chống lại Phật Giáo**. Bởi thế, ngày 16/6, Tổng Giám Mục Paul [Nguyễn Văn] Bình chỉ thị các họ đạo phải giữ tôn giáo biệt lập với chính quyền. "*Một giáo dân Ki-tô tốt, và đạo hạnh, là công dân thượng hạng, ràng buộc với tổ quốc, trung thành với chế độ cầm quyền, bất kể sự chính thống của chính quyền ấy*." Đó là lời giải thích của Pie XI, trong Sắc Dụ ngày

31/12/1929."(90) Hệ thống tuyên truyền của chế độ cũng tìm đủ cách hạ giá trị các lãnh tụ và mục tiêu tranh đấu của Phật tử. Cán bộ chính phủ loan tin Cộng Sản đã nhúng tay vào máu khi ném lựu đạn vào đám đông đêm 8/5/1963. Khi những cuộc giải phẫu tử thi không tìm thấy mảnh lựu đạn, câu chuyện biến thành mìn từ lực Cộng Sản. Ít năm sau, lại mọc ra chi tiết **một Đại úy Mỹ đã chết** từng tự nhận đặt chất nổ.

Thượng tọa Trí Quang, linh hồn của cuộc tranh đấu miền Trung, bị cáo buộc là cán bộ Cộng Sản cao cấp, từng bị Pháp bắt giữ, âm mưu lật đổ chính quyền từ năm 1960. Hòa thượng Tịnh Khiết, theo những lời tuyên truyền này, không biết quốc ngữ, chỉ ký vào những gì các sư trẻ, quá khích bắt buộc phải ký. Cuộc tự thiêu của Quảng Đức không tự nguyện, mà là một hình tội sát nhân. Quảng Đức, theo lập luận này, **đã bị chích thuốc trước khi "sát nhân" đổ dầu và châm lửa đốt cháy**. Diệm và Nhu còn đe sẽ truy tố những người đã trợ giúp thượng tọa hóa thân ra tòa.

Lệ Xuân thì khẳng định rằng cuộc tự thiêu của Quảng Đức chỉ là một màn "*nướng thịt sư*" [barbecue of a bonze] với xăng nhập cảng. Bác sĩ riêng của Diệm mật báo với Nolting rằng Quảng Đức bị một số sư trẻ thuyết phục nên tự thiêu; vì ít năm trước, Quảng Đức từng hứa với một người bạn là sẽ "đồng tử," và nay người bạn đó đã chết, Quảng Đức cần giữ lời thề. Nói cách khác, Quảng Đức không thích chính trị, và không tự thiêu để chống chính phủ.(91) Trong khi đó, tại vài địa phương, viên chức thông tin loan tin chống Phật Giáo, chùa chiền bị phong tỏa, sinh viên, học sinh và thanh niên Phật tử liên tục bị gây khó khăn, và bắt giữ. Điều khiến các lãnh tụ tranh đấu bất mãn nhất là tổ chức Cổ Sơn Môn công khai tố cáo phe tranh đấu có ý đồ làm chính trị. Ngày 26/6, Tịnh Khiết phải than với Diệm rằng "*tình thế không những không thay đổi mà còn trầm trọng hơn*."(92) Ngày 1/7, Hoàng Văn Giàu, Trưởng đoàn Thanh Niên Phật Tử, gay gắt lên án thái độ của chính phủ và kêu gọi Phật tử quyết tâm tranh đấu. (93)

B. NỖ LỰC HÒA GIẢI CỦA MỸ:

Kennedy và các cố vấn cực kỳ bối rối. Trong một phiên họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia [ANQG], Kennedy đặt câu hỏi phải chăng Quảng Đức đã bị "thuốc" [drugged], nhưng các cố vấn khẳng định **đức tin đã quá đủ cho những hy sinh tương tự**. Dù là một giáo dân Ki-tô, ủng hộ Diệm từ thập niên 1950, Kennedy chỉ thị toà Đại sứ

Sài Gòn phải áp lực bắt Diệm đáp ứng ngay đòi hỏi của Phật giáo. Ngày 14/6 [11 giờ sáng 15/6/1963 VN], Rusk chỉ thị Trueheart cứu xét việc đưa Phó Tổng thống Thơ lên thay Diệm trong trường hợp bất trắc, và Trueheart phải tiếp xúc Thơ cùng những người không ủng hộ Diệm.(94) Nhưng hai ngày sau, Trueheart trả lời là không tiện bàn với Thơ, vì tình hình đã sáng sủa hơn–Phật giáo và UBLB đạt được thông cáo chung. Trueheart chỉ hứa sẽ thuyết phục Diệm hoà hoãn với Phật giáo, và nếu Diệm không chịu thực thi thông cáo chung, sẽ xúc tiến tìm "một giải pháp khác Diệm."(95)

Ngày 18/6, Trueheart bảo Thơ rằng chỉ nên coi những thỏa thuận như bước khởi đầu mà chưa phải hồi kết của cuộc khủng hoảng. Diệm cần thực hiện những điều đã thỏa thuận. Sáng đó, khi gặp Thuần, Trueheart cũng nói tương tự, với lời lẽ cứng rắn hơn. Trueheart đặc biệt nhắc Thuần về luận điệu của tờ Times of Vietnam ngày 17/6 về tuyên cáo chung, và hành vi khiêu khích của PTPNLĐ.(96)

Tối 19/6 [8G28 ngày 20/6/1963 tại VN], Roger Hilsman chỉ thị cho Trueheart nên lưu ý các viên chức Việt là đừng nên đồng hoá một cá nhân với chế độ. Thí dụ như lời tuyên bố "Phật giáo có thể tin cậy nơi Hiến pháp, nghĩa là tôi" của Diệm tạo nên những cảm tưởng xấu ở Mỹ. Viên chức Việt cũng cần tiếp xúc thường xuyên với các lãnh tụ Phật giáo và đối xử đồng đẳng với họ. Đặc biệt, thỏa ước 16/6/1963 phải được tôn trọng và nhanh chóng thực hiện để giảm thiểu sự nghi ngờ của Phật tử.(97)

Dư luận thế giới cũng đã chú ý hơn đến cuộc tranh đấu của Phật giáo. Ngày 14/6, Norodom Sihanouk viết thư cho Kennedy, phản đối việc đàn áp Phật giáo tại miền Nam VN. Sihanouk cũng gửi cho TTK/LHQ U Thant, Thủ tướng Bri-tên McMillan, TT Pháp de Gaulle và TT India, Radhakrishnan, thông điệp tương tự. Sihanouk còn trao cho Đại biện VNCH tại Phnom Penh một công hàm về vụ tàn sát Phật tử ở Huế.(98)

Hôm sau, 15/6, lần đầu tiên tin Phật Giáo Việt Nam được lên trang nhất báo *The New York Times* [Nữu Ước Thời Báo], tờ báo uy tín của giới trung lưu Mỹ. Max Frankel, tác giả, cho rằng nhân viên ngoại giao Mỹ đã nói thẳng với Diệm bằng giọng điệu gay gắt rằng VN phải thỏa mãn các đòi hỏi của Phật Giáo, bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không yểm trợ chính sách Phật Giáo của Diệm.(99) Thông báo cho Trueheart tin này, BNG chỉ thị Trueheart nói với Diệm rằng chính phủ Mỹ vẫn yểm trợ Diệm; tạm thời không đề cập đến bài báo

trên NYT. Hầu hết báo lớn và các lãnh tụ Mỹ đều chỉ trích chế độ Diệm.

Ngày 18/6, Thủ tướng Ceylon là Bandaranaike cũng gửi thư cho Kennedy, yêu cầu hòa giải để Phật tử, vốn chiếm đa số tại Việt Nam, được quyền tự do tín ngưỡng. Mười ngày sau, 28/6, đại biểu Cambodia, Ceylon và Nepal tại LHQ gặp đại biểu Mỹ để bày tỏ quan tâm về tình hình Phật giáo Việt Nam.(100) Đáng lưu ý là trong hai tháng đầu đấu tranh của Phật Giáo–mặc dù chính phủ Ngô Đình Diệm không ngớt vu cáo cuộc tranh đấu do Cộng Sản xúi dục, và sau này Nguyễn Hữu Thọ đánh gía nó như "*món quà từ trên trời rơi xuống*"– cả Hà Nội lẫn MT/GPMN đều **chưa bày tỏ một thái độ rõ ràng nào** ngoài những phản kháng chung chung của Võ Nguyên Giáp hay Hà Văn Lâu gửi Ủy Ban Quốc Tế Kiểm soát Đình chiến, hay Tuyên cáo của MTGPMN về việc vi phạm Hiệp định "Giơ neo vơ."(101)

Mãi tới ngày 15/7 mới có tin tình báo là MTDTGPMN kêu gọi binh sĩ và cảnh sát ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo. (102) Cũng từ ngày này, có dấu hiệu **cán bộ nằm vùng CS xâm nhập** vào các cuộc tranh đấu, lôi kéo thanh thiếu niên nam nữ. (103) Các cơ quan tuyên truyền của Đảng Lao Động Việt Nam mở nhiều chiến dịch khai thác cuộc tranh đấu:

- *Mít tinh, tuyên cáo đả kích Mỹ-Diệm và ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo trước dư luận quốc nội cũng như quốc tế.*

- *Xâm nhập cán bộ vào các đô thị và phong trào tranh đấu*

- *Gia tăng hoạt động quân sự, đánh phá các đồn bót và Ấp chiến lược.*

- *Khoét sâu sự khác biệt giữa chính quyền miền Nam và Phật Giáo.*

Vì vậy, có lúc an ninh Mỹ phải đặt câu hỏi thực chăng CS đã bỏ vùng thôn quê, dồn vào mặt trận tỉnh thị.

C. THAY ĐỔI ĐẠI SỨ MỸ:

Giữa thời gian này, Oat-shinh-tân gửi công hàm hỏi ý kiến Diệm về việc thay Đại sứ ở Sài Gòn. Ngày 20/6/1963, BNG Mỹ chỉ thị cho Trueheart xin gặp Diệm để xin ý kiến về việc cử Henry Cabot Lodge thay Nolting.(104)

Sau khi tiếp Trueheart khoảng 1 tiếng đồng hồ chiều ngày 22/6, ba ngày sau, 25/6, Diệm sai Thuần cho Truheart biết Diệm rất bất mãn. Diệm cho rằng Mỹ đang thay đổi chính sách và nỗ lực bắt Diệm phải làm theo Mỹ hay sẽ bị loại bỏ [Diem thought a new American

policy was involved and an effort to force him to do our bidding or to unseat him]. Diệm cũng nhắn đến tai Lodge rằng "*họ có thể gửi 10 Lodge tới đây, nhưng tôi không để cá nhân tôi hay đất nước này bị hạ nhục, kể cả việc họ huấn luyện pháo binh bắn vào dinh thự này* [they can send ten Lodges, but I will not permit myself or my country to be humiliated, not if they train their artillery on this Palace].(105) Theo Thuần, Diệm sẽ trở nên cứng đầu hơn. Truheart bảo thẳng Thuần rằng cách tốt nhất để tránh đương đầu với Mỹ là chính phủ Diệm nên bắt đầu thay đổi cách làm việc.(106)

Ngày 26/6, Thứ trưởng Ngoại giao George W. Ball chỉ thị cho Trueheart gặp Diệm, giải thích rằng chính sách của Mỹ không thay đổi; đó là yểm trợ chính phủ chống Cộng miền Nam. Riêng việc bổ nhiệm Lodge đã được quyết định từ tháng 4/1963, trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng Phật giáo, vì Nolting đã ở Việt Nam hai năm. Mục đích của Mỹ là cảnh giác Diệm về những hiểm họa có thể tránh, không để làm suy yếu Diệm. Nhưng quyết định và hành động là trách nhiệm của riêng Diệm.(107) Hôm sau, Diệm tiếp Trueheart khoảng 2 tiếng rưỡi đồng hồ, tuyên bố sẽ thực hiện việc dân chủ hóa từ nông thôn lên, nhưng không muốn vợ chồng Nhu bị tách xa cá nhân mình.(108) Thuần cũng thông báo với Trueheart là Chính phủ Việt Nam sẽ ra chỉ thị cho các tỉnh thi hành nghiêm chỉnh bản tuyên cáo chung 16/6/1963. Cá nhân Diệm có thể sẽ ra Huế để nghiên cứu và giải quyết mọi sự; Diệm cũng sẽ đọc diễn văn về việc thực thi tuyên cáo chung.

Nhưng ngày 27/6, Bộ trưởng Nội Vụ Lương lại tuyên bố với một nhân viên CIA rằng Cộng sản đã xâm nhập phong trào tranh đấu của Phật giáo, và trong vài ngày tới, sẽ ra thông cáo về việc những người bị bắt giữ. (109) Lời cáo buộc của Lương báo hiệu chính sách mới của họ Ngô với Phật giáo. Rất có thể chính sách này được thảo luận kỹ càng hơn trong dịp anh em họ Ngô về Huế dự lễ kỷ niệm 25 năm ngày thụ phong Giám mục của Thục, trong các cuộc họp mật vào cuối tháng 6/1963.(110)

Tại Mỹ, Kennedy và các cố vấn theo dõi những biến chuyển ở Sài Gòn với mắt nhìn bi quan. Phản ứng tại nội địa Mỹ cũng chẳng có gì đáng lạc quan. Ngày 27/6, báo *New York Times* đăng bài cậy đăng nguyên một trang của 12 lãnh tụ Tin lành Mỹ, kể cả Reinhold Niebuhr và James Pike, yêu cầu Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam. Bài cậy đăng trên có cả hình Quảng Đức tự thiêu của Browne. Chỉ còn **vài ký giả ủng hộ Diệm trên những tờ báo mà Giáo Hội Ki-tô Mỹ**

có ảnh hưởng.

Quyết định bổ nhiệm Lodge cũng tạo nên những tia lửa điện trong chính giới và hàng ngũ Tướng tá Việt Nam. Lodge, một lãnh tụ đảng Cộng Hoà từng đứng phó trong liên danh Richard M. Nixon năm 1960, nổi danh là "vua đảo chính" (đặc biệt là việc đảo chính Lý Thừa Vãn ở Nam Hàn). Bởi thế, các mưu toan đảo chính Diệm bắt đầu rộn rịp tại Sài Gòn. **Tin đồn đảo chính loan truyền rộng rãi.** Cuối tháng 6/1963, cơ quan CIA đã thiết lập được danh sách các nhóm có ý làm đảo chính. Đáng kể nhất có **nhóm "Bác sĩ" Trần Kim Tuyến**. Tuyến mới mất chức Giám đốc Mật Vụ, và đang chờ đi ngoại quốc. Quanh Tuyến có một số nhân viên Bộ Công Dân Vụ của Paul Hiếu, Tổng Nha Thông Tin, Mật Vụ, và một số sĩ quan trẻ. Nhóm khác do Huỳnh Văn Lang và Trung tá [Albert] Phạm Ngọc Thảo, Thanh tra Ấp Chiến Lược, chủ trương. Nhóm này gồm hầu hết cựu đảng viên của hệ Cần Lao "Liên kỳ Nam-Bắc Việt" do Lang thiết lập tại miền Nam, kể cả Thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, Tham Mưu trưởng Liên quân.

Từ ngày 30/5, đã có tin đồn Tuyến và Albert Thảo mưu làm đảo chính. (Tuyến bị thất sủng; sau đó bị gửi qua Morocco [Ma Rốc] và Cộng Hòa Arab, nhưng hai xứ này không nhận). **Hai nhóm Tuyến và Thảo, phần đông là Ki-tô giáo, không muốn thấy "thiên mệnh Mỹ" rơi vào tay Phật giáo**. (Theo tình báo Mỹ, Tuyến được sự yểm trợ của Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, Hoà thượng Thích Tâm Châu, Thích Thiện Minh, Trung Tướng Dương Văn "Big" Minh và Thiếu tướng Tôn Thất Đính. Lãnh tụ của nhóm Tuyến có lẽ là Nguyễn Ngọc Thơ). Nhưng mạnh nhất, và được Mỹ tin cậy nhất, là nhóm do Trung Tướng [André] Trần Văn Đôn, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, đại diện. Từ tháng 6/1963, André Đôn và em rể là Lê Văn Kim đã xin Nolting cho làm đảo chính, nhưng bị Nolting nghiêm khắc trách mắng: "Đừng cho tôi mấy thứ làm loạn và yểm trợ nổi loạn. Tại sao mấy ông không lo làm trọn nhiệm vụ của các quân nhân? Nước Mỹ không dính líu vào vấn đề đảo chính.(111)"

Ngày 8/7, André Đôn nói với một nhân viên CIA là nhóm mình được đa số cấp chỉ huy ủng hộ, ngoại trừ Thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, Tư lệnh QĐ IV, và Tôn Thất Đính, Tư lệnh QĐ III.(112)

Nhưng khuôn mặt mà chế độ gờm sợ nhất vẫn là Trung Tướng Dương Văn Minh (1916-2001). "Big" Minh, một thời được ca tụng như "Anh hùng Rừng Sác," đang là một Tướng không có quân, vô quyền lực với chức vụ Cố Vấn Quân Sự Phủ Tổng Thống từ ngày

8/12/1962. Không ai rõ tại sao Tướng Minh bỗng dưng bị thất sủng. Người nêu lý do Minh đã dấu đi một phuy vàng tịch thu được trong chiến dịch truy lùng Bình Xuyên. Người suy diễn rằng Diệm không tin Minh, một Tướng ngoại đạo, do Pháp đào tạo, lại có em trai theo Việt Minh. Thêm vào đó, một số quan Tướng Mỹ, kể cả Lansdale, không ưa "Big" Minh. Ngày 27/12/1961, chẳng hạn, Lansdale phản đối việc cử "Big" Minh nắm giữ quân đội vì, theo Lansdale, Minh từng công khai nói về ý định đảo chính Diệm.(113) Theo Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, cá nhân ông ta và Big Minh bị Ngô Đình Nhu dèm xiểm với Tổng thống Diệm là thành phần "chủ bại," nên bị nghi ngờ và thất sủng từ năm 1959.

Cách nào đi nữa, "Big" Minh từng mưu định ám sát Nhu, nhưng phải bỏ dở. Trong số đồng minh "tự nhiên" của "Big" Minh có Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim, **các sĩ quan gốc miền Nam và một số đảng viên Đại Việt** thời cơ như Đặng Văn Sung và Bùi Diễm.

D. ĐỢT TRANH ĐẤU THỨ HAI CỦA PHẬT GIÁO:

Phần Phật giáo vẫn chuẩn bị tiếp tục tranh đấu, nếu cần. Ngày 26/6, Thiện Minh viết thư phản đối với UBLB về việc thành lập Phật Giáo Cổ Sơn Môn. Không hài lòng với thư trả lời ngày 28/6 của UBLB, nhóm tranh đấu quyết định xuống đường. Ngày 30/6, hàng ngàn tăng ni Sài Gòn bắt đầu tuyệt thực. Qua đầu tháng 7/1963, sinh viên, học sinh Sài Gòn biểu tình trước Quốc hội để yểm trợ cuộc tuyệt thực của các tăng ni.

Ngày 1/7, tờ *Times of Vietnam* cho đăng trên trang nhất bản tin tựa đề: "Băng keo Scotch bí ẩn và Đoạn kết chứng hoang tưởng đã ló dạng" [Mysterious Scotch Tape and End to Schizophrenia In Sight]. Bài này hàm ý **có sự chia rẽ giữa Nhu và Thơ-Thuần**, cáo buộc **Quảng Đức đã bị "thuốc" trước khi tự thiêu**, và đưa ra nhận định thời gian hưu chiến hai tuần đã qua, nhưng Sài Gòn vẫn yên tĩnh; ngoại trừ có một biến cố đặc biệt nào, thí dụ như một cuộc tự thiêu khác, có thể kết luận rằng những đòi hỏi của Phật giáo đã được thỏa mãn."(114) Hai ngày sau, 3/7, Phó TT Thơ tuyên bố là, theo sự điều tra của chính phủ, chính "Việt Cộng" đã gây nên cuộc thảm sát đẫm máu ở Huế. (Vì việc này, ngày 10/12/1963, Thơ đã bị chất vấn gay gắt trong một buổi họp báo ở Sài Gòn sau ngày đảo chính Diệm)

Tại Mỹ, từ ngày Thứ Hai, 1/7, Michael Forrestal đã yêu cầu cho Nolting trở lại Việt Nam vì Phật giáo có thể biểu tình trở lại sau thời gian "hưu chiến." Tối 1/7 đó, Ball chuyển chỉ thị của Hilsman và

Nolting cho Trueheart là phải gặp Diệm ngay, bảo thẳng Diệm rằng dư luận Mỹ nghĩ rằng người thân của Diệm đang cố tình phá hoại sự thỏa thuận với Phật giáo. Đúng hay sai, dư luận Mỹ cũng cho rằng **đang có bách hại tôn giáo ở miền Nam**. Khi gặp Thuần, Trueheart yêu cầu Thuần đọc bài viết trên *Times of Vietnam*, và đề nghị Mỹ muốn Lệ Xuân đừng nên tuyên bố gì hết; bài báo trên Times of Vietnam hàm ý thách thức Phật giáo tiếp tục tự thiêu. Rồi thêm chẳng lẽ Diệm không hiểu rằng chỉ cần một vụ tự thiêu nữa là chính phủ Mỹ sẽ tuyên bố không dính líu gì đến chính sách tôn giáo của Diệm? Thuần trả lời rằng Diệm không biết điều đó, và đề nghị Trueheart nên nói thẳng với Diệm.(115)

Trueheart xin chỉ thị của Bộ Ngoại Giao và Ball cho gặp Diệm, nói thẳng với Diệm; và nếu cần, gặp cả Nhu. (116) Buổi Diệm gặp Trueheart chiều ngày 3/7 khiến liên hệ giữa hai bên thêm căng thẳng. Khi Trueheart đề nghị Diệm đích thân gặp các lãnh tụ tôn giáo để giải quyết, Diệm nói sẽ nghiên cứu lại. Khi Trueheart đề cập đến bài trên Times of Vietnam, Diệm cũng chỉ nói sẽ nghiên cứu.(117)

Hôm sau, Thuần cho Trueheart biết rằng có lẽ Diệm không hành động gì về những đề nghị của Trueheart và yêu cầu Nolting trở lại Sài-Gòn càng sớm càng tốt.(118) Cũng trong ngày 4/7 này Lệ Xuân viết bài "*Who Is Spokeman of Whom?*" [Ai là phát ngôn viên của ai?] trên Times of Vietnam, phủ nhận tờ Times of Vietnam là cơ quan ngôn luận của mình. Nếu những bài trên Times of Vietnam có trùng hợp ý kiến của Lệ Xuân, đó cũng không phải là quan điểm của chính phủ. Lệ Xuân cũng khẳng định không đại diện cho chính phủ VNCH, và những kẻ xuyên tạc có thể bị lợi dụng bởi Cộng Sản và tay sai [lackeys] của chúng. Bài này đã được phát cho báo chí ngày hôm trước.(119)

Trong phiên họp HĐ/ANQG từ 11G00-11G45 ngày 4/7 (khoảng nửa đêm ngày 4/7 tại Sài Gòn), ý kiến chung của các viên chức Mỹ là Diệm không chịu xa Nhu. Hilsman, Phụ tá Ngoại trưởng Mỹ, thông báo cho Kennedy biết sẽ có đảo chính trong vòng 4 tháng.(120)

Hôm sau, 5/7, từ Greece về tới Oat-shinh-tân, Nolting được mời tham dự phiên họp của HĐ/ANQG, rồi nhận lệnh trở lại Sài Gòn càng sớm, càng tốt, với hy vọng cho Diệm cơ hội chót. Giữa lúc Nolting đang trên đường về nhiệm sở, ngày Chủ Nhật, 7/7, tại đường Trương Minh Giảng, Công an hành hung một nhóm ký giả ngoại quốc nổi danh chỉ trích chế độ như Browne, Trưởng văn phòng hãng

AP, Peter Arnett, gốc New Zealand, Sheehan, Halberstam, v.. v..., khi họ đang quan sát và thu hình cuộc biểu tình của các tăng ni chùa "Miên."(121)

Ngày 10/7, bản ước lượng tình báo đặc biệt [SNIE 53-2-63] của Hội đồng ANQG Mỹ dự đoán rằng nếu Diệm không thi hành nghiêm chỉnh tuyên cáo chung 16/6, sẽ có đảo chính trong tương lai gần, với hơn 50% cơ hội thành công.(122)

E. NỖ LỰC VÔ VỌNG CỦA NOLTING:

Nolting vừa về tới Sài Gòn ngày 11/7 đã được Diệm mời vào Dinh Gia Long, trình bày tình hình. Để trả lời câu tuyên bố của Nolting với giới truyền thông khi vừa bước xuống phi trường–là mong muốn hai bên tiếp tục nói chuyện để đạt thỏa thuận–Diệm nói kết quả thương thuyết tùy thuộc vào phe tranh đấu.(123) Vì nghi ngờ rằng Phật giáo bị Cộng Sản giật giây, Nolting nỗ lực nối lại mối giao hảo giữa Toà Đại sứ và Diệm. Ngày 15/7, Nolting khuyên Diệm nên công bố một số nhân nhượng cần thiết với Phật giáo. Diệm đồng ý, nhưng chưa có hành động nào. Theo Nolting, **chính Diệm cũng đang muốn tử vì đạo** (124)

Nhưng cuộc diễn hành tới trước tư thất Đại sứ Nolting ngày 16/7, do Tâm Châu dẫn đầu, để phản đối việc chính phủ tiếp tục đàn áp, bắt giữ tăng ni, Phật tử, và khẳng định Phật giáo không phải là Cộng sản hay bị Cộng sản lợi dụng, khiến Diệm cứng rắn hơn.(125) Hôm sau, 17/7, Trần Văn Tư, Giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành, sai Cảnh sát **đàn áp dữ dội cuộc biểu tình bất bạo động** ở Sài Gòn và chùa Giác Minh tại Chợ Lớn. Hàng chục xe **chở người bị bắt đến các trại tập trung** vào An Dưỡng Địa Phú Lâm để sưu tra lý lịch. Các chùa đều bị phong tỏa.

Sau khi Kennedy tuyên bố trong buổi họp báo ngày 17/7 tại Oat-shinh-tân là hy vọng cuộc tranh chấp tôn giáo sẽ được giải quyết sớm, ít giờ sau [ngày 18/7 tại Việt Nam], Diệm tuyên bố trên đài thanh không hề đàn áp Phật giáo, yêu cầu mọi người đoàn kết sau lưng chính phủ, rồi kết luận bằng câu "*Xin ơn trên ban phép lành cho chúng ta*."

Hôm sau nữa, 19/7, Diệm cho phát lại bài diễn văn truyền thanh vỏn vẹn 2 phút kể trên. Ngày này, Ủy Ban Liên Phái Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo tán thành lời kêu gọi của Diệm; và yêu cầu có những biện pháp cụ thể để thực hiện Tuyên cáo chung 16/6/1963, như phóng thích những người bị bắt giữ từ ngày 8/5, trừng phạt những người gây

nên tội ác trong ngày 8/5, và bồi thường thiệt hại cho các nạn nhân và gia đình. Hôm sau, 20/7, đích thân Paul Hiếu và Trần Văn Tư tới Phú Lâm yêu cầu các tăng ni bị bắt giữ được trở lại chùa Xá Lợi.(126)

Ngày 22/7, Ủy Ban tranh đấu gửi điện văn thông báo khắp nơi là cuộc đấu tranh đòi hỏi thực thi Thông cáo chung chưa chấm dứt: Luân phiên cầu nguyện và tuyệt thực.(127) Các lãnh tụ tranh đấu cũng tổ chức họp báo tại chùa Xá Lợi, lên án chính phủ không giữ lời hứa.(128) Điều đó, có lẽ Nolting rõ hơn ai hết. Chiều ngày 16/7/1963, khi Nolting vào Dinh Gia Long gặp Nhu, Nhu đã tuyên bố Phật giáo không có sự đe dọa nào đáng kể.

Nhưng các cố vấn của Kennedy nhìn sự việc một cách khác. Ngày 23/7, Hilsman chỉ thị cho Nolting là Bộ Ngoại Giao dự trù sẽ còn nhiều cuộc biểu tình của Phật giáo; những cuộc biểu tình này khích động thị dân, và có thể sẽ có đảo chính trong vài tháng, nếu không phải vài tuần; và những cuộc đảo chính ấy hy vọng thành công. Bởi thế, Nolting có thể ra tuyên cáo tự cách biệt với chính sách của Diệm; khuyến khích việc kế vị hợp hiến (Thơ lên thay); thuyết phục những người muốn đảo chính bỏ ý định; hoặc, tiếp tục chờ đợi, hy vọng Diệm cải cách. Hiện tại, nên theo đuổi chính sách chờ đợi.(129)

Nolting vẫn ra công bảo vệ Diệm. Theo Nolting, Diệm là cơ hội tốt nhất của miền Nam.(130) Ngày 28/7, Nolting còn tuyên bố với hãng UPI là không hề có việc đàn áp Phật Giáo ở VNCH, vì Bộ trưởng Nội Vụ Lương đã cho Nolting biết sẽ không dùng biện pháp mạnh để đàn áp; và dân chúng đã chán ngán cảnh hỗn loạn. Diệm còn trực tiếp chỉ thị cho Đại tá Nguyễn Văn Y, Giám đốc Mật vụ, và Trần Văn Tư, Giám đốc Cảnh Sát Đô thành, không được dùng võ lực. Phó Tổng thống Thơ cũng nói đại diện Phật giáo đồng ý gặp Thơ trên căn bản bán chính thức từ ngày 31/7/1963.

Nhu và Lệ Xuân tiếp tục sử dụng **cán bộ Cần Lao** cùng các tổ chức ngoại vi như Thanh Niên Cộng Hoà, Thanh Nữ Cộng Hoà chống Phật Giáo. Vì quá hăng say phục vụ lãnh tụ và để chuộc tội thua trận Tua Hai (Tây Ninh) hơn ba năm trước, ngày Chủ Nhật 23/7, Trung Tá Trần Thanh Chiêu, Giám đốc Nha Thanh Tra Dân Vệ, tụ tập khoảng 100 dân vệ, gia đình tử sĩ và thương phế binh trước chùa Xá Lợi, yêu cầu "các thày trở lại việc tu hành, ngưng tiếp tục gây rối loạn chỉ làm lợi cho Cộng Sản."(131)

Lỗ mãng nhất là Lệ Xuân. Không những chỉ thị cho tờ *Times of Viet Nam* đả kích Phật giáo, mà còn hàm ý **thách thức các tăng ni tiếp tục tự thiêu**.(132) Để trả lời Lệ Xuân, ngày 23/7, Sư bà Diệu

Huệ, mẹ Giáo sư Bửu Hội, họp báo tuyên bố sẵn sàng tự thiêu cúng dường tam bảo. Tuy nhiên, cuối cùng Bửu Hội thuyết phục được mẹ mình ngưng tự thiêu.(133)

Ngày 1/8, Lệ Xuân tuyên bố với phóng viên đài truyền hình Mỹ CBS rằng các lãnh tụ Phật giáo đang âm mưu lật đổ chính phủ; và tất cả những gì Phật tử đã làm chỉ có mỗi việc "*nướng thịt một sư*" [barbecue a bonze] với "*săng nhập cảng*" [imported gas]. Hai ngày sau, 3/8, Lệ Xuân tuyên bố trước khoá sinh khoá III Phụ Nữ Bán Quân Sự rằng những vụ tranh đấu chỉ có bề ngoài tôn giáo, nhưng mục đích là chính trị, với thủ thuật Cộng Sản, cần phải bẻ gãy. Đại sứ Trần Văn Chương, cha ruột Lệ Xuân, phải công khai trách Lệ Xuân là "*thiếu tư cách và hỗn láo*" [impertinent and disrespectful] trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ [VOA] vào ngày 6/8. Ngày 8/8, để trả lời Đại sứ Chương, Lệ Xuân tuyên bố dù có "*thiếu lễ độ*" cũng phải nói "*sự thực*." Lệ Xuân cũng biện hộ cho những lời tuyên bố trên đài CBS ngày 1/8; khẳng định các lãnh tụ Phật giáo không đại diện cho Phật giáo hay dân tộc Việt Nam.

Hôm sau nữa, 9/8, trong bài phỏng vấn của tuần báo Mỹ *Newsweek*, Lệ Xuân còn hung hăng hơn.(134) Ngoài ra, còn có tin em trai Lệ Xuân, Trần Văn Khiêm, lên thay Trần Kim Tuyến làm Giám đốc Mật vụ, và Khiêm đã lập sẵn danh sách những người chống đối để quăng lưới. Khiêm mang danh sách trên ra khoe với cả một ký giả Australia.(135) Nhu cũng tiếp tay vợ trong chiến dịch **đả kích Mỹ và Phật giáo.** Trả lời câu hỏi của *Reuters* ngày 3/8, Nhu tuyên bố chùa Xá Lợi đang trở thành một trung tâm mưu lật đổ chính phủ, và nếu không giải quyết được vấn đề Phật giáo, sẽ có một cuộc đảo chính chống Mỹ và Phật giáo.(136) Ngày 7/8, Nhu nói với Nolting là hoàn toàn ủng hộ chính sách của Diệm qua bản tuyên cáo ngày 18/7, nhưng Lệ Xuân có quyền phát biểu ý kiến riêng của một công dân.

Ngày 8/8, nhật báo *New York Times* đăng hai bài trên trang nhất về Việt Nam. Bài thứ nhất của Halberstam, từ Sài Gòn, với tựa "Bà Nhu Tố Cáo Mỹ Bắt Chẹt ở Việt Nam" [Mrs. Nhu Denounces U.S. for "Blackmail" in Vietnam]. Lệ Xuân, theo Halberstam, tuyên bố rằng Diệm **không có quần chúng ủng hộ, phải dựa vào vợ chồng Nhu**. Bài thứ hai của Tad Szulc ở Oat-shinh-tân, tiết lộ mối quan tâm ngày một gia tăng của chính phủ Kennedy về việc chính phủ Diệm khó sống còn nếu không hòa hoãn với Phật giáo. Tính sổ chung với những tuyên bố đòi **rút số cố vấn Mỹ** trong tháng 5/1963, kế hoạch **âm thầm ve vãn Cộng Sản** Bắc Việt và **sử dụng Pháp để giải tỏa**

áp lực Mỹ, vợ chồng Nhu mới đích thực trở thành Persona Non Grata với Oat-shinh-tân.

Đặt mình trước nhiều hơn một lần đạn–và nhất là đã bị thuyết phục rằng cuộc tranh đấu của Phật giáo chẳng những không thuần túy tôn giáo mà chỉ là một âm mưu chính trị, nhằm lật đổ chính phủ, do Cộng Sản xúi dục–mọi nỗ lực của Nolting ở Việt Nam hầu như uổng phí. Ngày 30/7, Phật tử tổ chức linh đình giỗ thất tuần (49 ngày) Quảng Đức. Hôm sau, 31/7, Ủy Ban Tranh Đấu Bảo Vệ Phật Giáo ra tuyên cáo phản đối lời tuyên bố ngày 28/7 của Nolting; và hôm sau nữa, 1/8, Tâm Châu gửi thư trách cứ Nolting, khẳng định "*những vụ đàn áp là cực độ của cả một chuỗi lạm quyền, áp bức giết chóc mà Phật tử phải gánh chịu trong nhiều năm, dưới nhiều hình thức, do cấp thừa hành bên dưới của một nền hành chánh cố tình dung túng gây ra*."(137)

Ngày 1/8, Tịnh Khiết cũng gửi công điện cho Kennedy, phản đối lời tuyên bố của Nolting rằng không có việc đàn áp Phật Giáo ở VNCH.(138) Một Nhóm Người Yêu Nước thì ra tuyên ngôn phản đối Nolting là không hiểu biết gì về tình cảnh Phật giáo tại Việt Nam.

Ba ngày sau, 4/8, Đại Đức Nguyên Hương (Huỳnh Văn Lễ) tự thiêu trước Dinh Tỉnh trưởng Phan Thiết, và Phật tử xuống đường biểu tình đòi lại xác đã bị Cảnh Sát lấy đi. Ngày 12/8, một nữ sinh chặt một bàn tay phản đối chính quyền và luận điệu hỗn hào của Lệ Xuân đối với các tăng ni. Rồi, ngày 13/8, Đại Đức Thanh Tuệ cúng dường tam bảo ở chùa Phước Duyên, Hương Trà, Thừa Thiên. Hai ngày sau, ni cô Diệu Quang tự thiêu ở Ninh Hòa. Hôm sau nữa, 16/8/1963, Thượng tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế.(139)

Bẽ bàng hơn nữa là anh em họ Ngô cũng bắt đầu coi thường Nolting. Khi Nolting cho Diệm xem bức công điện khẳng định chính phủ Mỹ không thay đổi chính sách về Việt Nam, Diệm nói: "*Tôi tin ông, nhưng không tin nội dung bức điện ông nhận được*."(140) Khi Nolting đề nghị Diệm có biện pháp với Lệ Xuân–người mà theo Nolting đã vượt ngoài sự kiểm soát của cha mẹ và anh chồng–Diệm chỉ hứa "*sẽ cứu xét*."(141)

Ngày 12/8, khi tiếp kiến Nolting, Diệm cho rằng các tăng ni không thành thực, và thế giới không biết đến việc các sư giả muốn lật đổ chế độ. Sau dạ tiệc đưa tiễn Nolting của Diệm, ngày 13/8, Thơ họp báo, tuyên bố sẽ truy tố một số người tham dự biểu tình ngày 8/5, và những người bị bắt sau ngày 16/6 có thể không được khoan hồng.

Trong phần hỏi đáp, Thơ so sánh trường hợp Lệ Xuân với những lời chỉ trích chính phủ VNCH của Thượng Nghị Sĩ Mansfield. Buổi họp báo của Thơ khiến Ngoại trưởng Rusk phải gửi điện tín cho Nolting, hỏi liệu Diệm có muốn đi nghỉ mát chung với vợ chồng Nhu chăng? (142)

Sau nhiều lần xin ở lại Sài Gòn nhưng bị từ chối, ngày 14/8, Nolting vào chào từ biệt Diệm. Gần lúc chia tay Diệm mới **hứa sẽ phủ nhận những lời lỗ mãng của Lệ Xuân**. Những lời hứa cho có. Ngày 15/8, tờ Times of Viet Nam ca ngợi Nolting như "người đầu tiên xứng đáng với tước hiệu đại sứ."(143)

Do sự dàn xếp của Nolting, báo *New York Herald Tribune* [Diễn Đàn Tiền Phong New York] đăng bài phỏng vấn Diệm của Marguerite Higgins. Higgins trích lời Diệm là chính phủ vẫn theo đuổi chính sách ôn hoà với Phật giáo. Diệm và gia đình cũng rất vui lòng về việc bổ nhiệm tân Đại sứ Lodge.(144) Thực ra, đây chỉ là món quà tiễn chân Nolting, và để trấn an dư luận Mỹ, vì Diệm-Nhu đang có **kế hoạch xuống tay mạnh với Phật giáo**.(145)

Tại miền Trung, việc bắt giữ, hành hung, ám sát Phật tử vẫn diễn ra hàng ngày. Tại Huế, sau phiên họp giữa Thị trưởng Nguyễn Văn Hà và lãnh đạo Phật Giáo ngày 9/8, thái độ chính quyền ngày một cứng rắn. Ngày 10/8, Thị trưởng Huế yêu cầu Thượng tọa Thiện Minh tháo gỡ các biểu ngữ chống chính phủ theo tinh thần buổi gặp mặt ngày 9/8/1963. (146) Phó Tỉnh trưởng Hồ Ứng Dần cũng yêu cầu Tỉnh hội Phật Giáo Thừa Thiên chấm dứt việc phổ biến các tin tức và tài liệu bất hợp pháp. Đồng thời ra thông cáo cấm dân chúng tập trung đông đảo tại chùa Từ Đàm và Diệu Đế vào những giờ phát thanh của Phật Giáo. (147)

Mờ sáng Thứ Ba, 13/8/1963, Đại đức Thanh Tuệ tự thiêu tại chùa Phước Duyên. (148) Cuộc tự thiêu này châm ngòi cho một đợt tranh đấu mới.

Ngày14/8, Hoà thượng Tịnh Khiết gửi văn thư than phiền về việc di chuyển linh cữu Thanh Tuệ. (149) Thượng tọa Mật Hiển cũng xin gặp Đại biểu TNTP tường trình về trường hợp Thanh Tuệ. Trong khi đó, một thợ mộc Phật tử phụ trách việc treo biểu ngữ và cờ bị bắn chết. (150) Hôm sau, 15/8, khoảng 100 học sinh và sinh viên Huế biểu tình từ chùa Từ Đàm về Tòa Hành Chánh tỉnh. Cảnh sát trưởng quận Hữu ngạn chặn đoàn biểu tình trước trường Đồng Khánh, bị xô đẩy, mang thương tích cùng một cảnh binh. Sau đó đoàn biểu tình kéo tới ngồi tại hoa viên trước tòa hành chính. (151)

Cảnh sát đặt nút chặn phong tỏa chùa Từ Đàm. Buổi trưa, khoảng 300 Phật tử tụ họp trên đường Trần Hưng Đạo. Chính quyền thả chó đàn áp. Xô xát dữ dội. Một số bị bắt. Đám đông bị giải tán trong vòng nửa giờ. 50% nhà hàng, cửa tiệm đóng cửa. 70% sạp vải Đông Ba ngưng hoạt động. (152) Ngày này, Ni cô Diệu Quang–tục danh Ngô Thị Thu (1936-1963), sinh tại Phù Cát, Thừa Thiên, tu tại ni viện Vạn Thạnh, Nha Trang–tự thiêu tại chùa Ninh Hoà.(153) Hôm sau nữa, 16/8, Đại đức Tiêu Diêu–tục danh Đoàn Văn Mễ (1893-1963), cha của Đoàn Văn An, giảng sư Đại học Huế; năm 1930 mới đi tu, học trò Tịnh Khiết–tự thiêu ở chùa Từ Đàm. Chính quyền ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn. (154) Hội Phật Giáo tung tin quân đội đã cướp thi hài Tiêu Diêu dấu đi. Anh ruột Tiêu Diêu là Bùi Câu minh xác đã đến tận nơi xin lãnh thi hài về quê mai táng. (155)

Ngày Thứ Bảy, 17/8, Thị trưởng Huế Nguyễn Văn Hà lại ra thông cáo: "Yêu cầu đồng bào tuyệt đối tránh mọi lợi dụng tôn giáo để đả kích chính phủ, vi phạm luật pháp quốc gia và làm trở ngại công cuộc bảo vệ an ninh trật tự công cộng."

Đưa ra 4 điểm sẽ thi hành:

Triệt để thi hành thông cáo chung;

Phật tử được hoàn toàn tự do đi chùa dự lễ tôn giáo;

Không hề chủ trương bắt bớ Phật giáo đồ nếu các đồng bào đó không hành động gì phạm đến kỷ luật quốc gia; trong trường hợp có sự bắt bớ trái phép yêu cầu cấp tốc can thiệp với tòa [tỉnh] để giải quyết gấp;

Sẽ thiết lập một Ủy Ban đặc biệt có nhiệm vụ tiếp xúc với đồng bào Phật Giáo để giải quyết nhanh chóng những việc liên quan đến vấn đề thực thi thông cáo chung. (156)

Tuy nhiên thông cáo trên không đủ ngăn chặn tăng ni, Phật tử tấp nập tới chùa Từ Đàm bái viếng thi hài Thích Tiêu Diêu. Buổi chiều, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Trong khi đó, Chủ Nhật, 18/8, Thích Minh Nhật, Tổng thư ký THPG tại Sài Gòn, diễn thuyết tại chùa Diệu Đế. Đề tài: "Phật tử trong giai đoạn hiện tại." Khoảng 2000 người tham dự. Tại Sài Gòn, Phật tử cũng tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi vì có tin chính phủ sẽ ra tay tấn công. Trong khi đó, mười Tướng lãnh và Tư lệnh đơn vị họp mật. Đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa.

Thời gian này, **sinh viên Huế cũng bắt đầu xao động.** Ngày

15/8, đại diện sinh viên Phật tử gặp Viện trưởng Đại học Huế là Cao Văn Luận, xin can thiệp trả tự do cho những người bị bắt giữ. Mới xuất ngoại trở về, ghi nhận được những đổi thay của chính giới Mỹ, Luận có phần thiện cảm với phe tranh đấu, nên hứa sẽ can thiệp.(57) Nhưng ngay chính Linh mục đang bị thất sủng. Ngày 16/8, trong khi chính quyền địa phương ban hành lệnh thiết quân luật từ 6 giờ sáng, bố trí xe tăng án ngữ ở một số ngã tư, kẽm gai kéo ra ngăn chặn dự định tự thiêu của Đại đức Tiêu Diêu ở chùa Từ Đàm, Bộ trưởng Giáo Dục Nguyễn Quang Trình cùng Trần Hữu Thế, tân Viện trưởng Đại học Huế, tới cố đô để làm lễ bàn giao với Linh mục Luận vào ngày hôm sau.(158)

Nhân cơ hội này, sinh viên tranh đấu khai thác việc thay thế Viện trưởng Luận. Ngày 17/8, lễ bàn giao chức Viện trưởng được đánh dấu bằng vụ từ chức tập thể của các Giáo sư Đại học Huế: Lê Khắc Quyến, Khoa trưởng Y khoa; Bùi Trần Huân, Luật khoa; Tôn Thất Hanh, Khoa học; Nguyễn Văn Trường, ban Khoa học Sư phạm; Lê Tuyên. Thế phải bỏ vào Sài-gòn báo cáo. Trong khi Luận lên đường vào Đà Nẵng, các giáo sư lại ký kiến nghị phản đối việc cách chức Luận (159)

Buổi chiều 17/8, Tiểu khu Thừa Thiên mở cuộc họp báo trình bày vụ Tiêu Diêu. Lúc 16G00, ký giả ngoại quốc kéo nhau rời phòng họp vì có tin khoảng 200 sinh viên Huế bắt đầu biểu tình tới Tòa Đại biểu TNTP đưa kiến nghị yêu cầu lưu giữ Viện trưởng Luận. Nguyễn Xuân Khương và Bộ trưởng Trình ra nhận kiến nghị trước cổng Tòa Đại biểu. (160)

Chủ Nhật, 18/8, một số Khoa trưởng, Giáo sư và khoảng 500 sinh viên hội thảo tại Đại học Huế. Vận động bãi khóa, bỏ thi cử, phản đối việc cách chức Cao Văn Luận, và thành lập một Ban chấp hành Sinh viên mới, hầu mở rộng liên lạc với Tổng hội Sinh viên Sài Gòn và Đà Lạt. Họ đưa kiến nghị lên Tổng thống. (161)

Hôm sau, 19/8, sinh viên Huế hủy bỏ một cuộc biểu tình vì sợ bị chụp mũ Cộng Sản (ngày kỷ niệm Cách Mạng tháng 8/1945). Nhưng các **giáo chức đệ đơn từ chức** trong khi sinh viên yêu cầu tân Viện trưởng Thế–đương kim Đại sứ Philippines, mới được Ngô Đình Thục đề cử thay Linh mục Luận mà không hề thông báo cho Bộ Ngoại Giao–chuyển thỉnh nguyện mời Cao Văn Luận trở lại. (162) Thứ Ba, 20/8, Viện trưởng Thế cho lệnh những buổi hội họp trong khuôn viên trường phải xin phép trước. (163)

Giọt nước làm tràn ly, và cũng là chiếc đinh đầu tiên đóng lên

nắp quan tài VNCH, là cuộc **tấn công hầu hết các chùa chiền trên toàn quốc** vào nửa đêm ngày 20, rạng ngày 21/8/1963. Đây là một tội ác vi phạm nhân quyền khác, nặng nề gấp trăm lần cách dùng đèn cầy [nến] đốt hậu môn tù nhân mà có nhân chứng tiết lộ rằng Tri huyện Ngô Đình Diệm sinh dùng để khảo cung nghi can ngày còn làm quan cho Pháp hơn 30 năm trước. Cuộc tấn công này và **những thủ thuật bưng bít, xuyên tạc của anh em ông Diệm-Nhu** trong những ngày kế tiếp–như ông Diệm cả quyết rằng chỉ lục soát vài chục ngôi chùa lớn trong số 4,700 chùa khắp miền Nam–gỡ xuống chiếc mặt nạ "*tiết trực tâm hư*" của ông Diệm, và gột sạch bất cứ thiện cảm nào còn sót lại với ông ta trong đám đông thầm lặng cũng như viên chức Mỹ. **Cho đến nay, vẫn còn người cố tình xuyên tạc về biến cố tấn công các chùa chiền đêm 20 rạng 21/8**. Bởi thế tưởng nên thuật lại tóm lược biến cố trên.

IV. GIỌT NƯỚC LÀM TRÀN LY:

Sau khi Nolting rời Việt Nam, anh em Diệm-Nhu quyết chào đón tân Đại sứ Lodge bằng vài món quà ngoạn mục. Hai món quà lớn nhất là cuộc tổng tấn công các chùa trên toàn quốc và công khai tiếp xúc với sứ giả Hà Nội. Nguyên cớ gần có lẽ là bức điện văn mật ngày 16/8/1963 của Đại sứ Trần Văn Chương: Theo Chương, dư luận thế giới và đặc biệt là tại Mỹ tin rằng Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng Sản. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Bởi thế, Diệm phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cẩn.(164)

Đúng ngày 16/8 này, báo *Life* đăng lại lời Lệ Xuân tuyên bố là sẽ phá tan Phật giáo. Trong khi đó, Hòa thượng Tịnh Khiết viết thư cho Diệm, cực lực phản kháng "sự ác độc của một chế độ xem dân như cỏ rác," và "mong được chết an hơn sống khổ."(165)

Ngày 17/8, Phật tử tụ họp đông đảo ở chùa Xá Lợi. Hôm sau, hơn 10,000 Phật tử đến chùa Xá Lợi làm lễ cầu siêu.

A. CUỘC TỔNG CÀN QUÉT CHÙA CHIỀN:

Ý định tấn công các chùa chiền và ban hành thiết quân luật từ nửa đêm ngày 20/8 không được giữ bí mật hoàn toàn như người ta thường nghĩ. Bộ trưởng **Nguyễn Đình Thuần đã cho nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ biết** về Thiết quân luật trước nhiều giờ.(FRUS, 1961-1963, III:595n2) Một ký giả Mỹ cũng tự nhận được "mật báo" từ một viên chức nào đó tại Dinh Gia Long, nên đã tới chùa Xá Lợi trước khi

xảy ra cuộc tấn công. Và, thực ra, từ hơn nửa tháng trước, đích thân ông Nhu đã răn đe trong cuộc phỏng vấn của hãng thông tấn Reuters là sẽ **phá tan chùa Xá Lợi**, nhưng khi bị Nolting chất vấn đã qui trách cho ký giả Mỹ dẫn không đúng lời mình.

Từ ngày 7/8/1963, Hòa thượng Tịnh Khiết cũng đã báo động với Tổng thống Diệm về "*Kế hoạch Nước Lũ*," nhằm cô lập và phân hoá các chùa, đồng thời đàn áp cuộc đấu tranh của Phật Giáo. (165bis) Ngày Chủ Nhật 18/8, mười Tướng và Tư lệnh đơn vị–kể cả Huỳnh Văn Cao và Tôn Thất Đính–họp mật, rồi đồng ý yêu cầu Diệm thiết quân luật, để bắt buộc các tu sĩ trở lại chùa.(166) Hai ngày sau, 20/8, các Tướng trình dự thảo Thiết quân luật lên Nhu và Diệm. Diệm chấp thuận, cho lệnh André Đôn, mới được cử làm Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng thay Đại tướng Lê Văn Tỵ, ký tên và công bố ngay nửa đêm đó. Đính được cử làm Tổng trấn. Tuy nhiên, Diệm không hề hé môi về kế hoạch trên trong buổi họp chính phủ suốt chiều ngày 20/8.(167)

Khoảng nửa giờ sau khi Thiết Quân luật có hiệu lực, **Nhu cho lệnh tấn công các chùa trên toàn quốc**. Tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, nơi đặt bản doanh Ủy ban Tranh đấu Liên Phái, hai đại đội thuộc Liên đoàn 31 Lực Lượng Đặc Biệt [LLĐB], Đại đội 16 Bảo An, và Cảnh Sát mặc giả quân phục đánh chiếm mục tiêu. Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Tâm Châu, cùng nhiều tăng sĩ bị bắt giam sau một giờ chống cự. Khoảng 30 tăng sĩ bị thương, và 2 người bị mất tích. Đích thân Đại tá Lê Quang Tung, Chỉ huy trưởng LLĐB, và Giám đốc Cảnh sát CA Đô thành, Trần Văn Tư [tài liệu Pháp ghi là Cò Túc?], chỉ huy, dưới sự điều động của Đính. Do mật báo từ Dinh Độc Lập, ký giả ngoại quốc biết trước tin này và có mặt tại chùa Xá Lợi để chứng kiến cuộc "vét chùa", và quyết tâm bảo vệ đạo pháp của các tăng ni. Các chùa Ấn Quang, Chantareansay (Sài Gòn) đều bị chiếm. Các tăng trụ trì, Thiện Hoa và Lâm Em, bị bắt .(168) Đồng thời, hai chùa Linh Mụ và Từ Đàm (Huế), cùng các chùa ở Đà Nẵng, Nha Trang v.. v... đều bị chìm trong "nước lũ" bạo lực.

Tại Huế, khoảng 3 giờ đêm tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu vang lên khắp nơi. Đồng bào quanh chùa đánh mõ, gõ thùng thiếc báo nguy. Đợt tấn công đầu, Cảnh sát bị đẩy lui. Sau đó, Đỗ Cao Trí cho lệnh nổ súng. Những giáo sư, sinh viên và học sinh tranh đấu cũng bị bắt giữ.(169) Tổng cộng khoảng 1,400 tăng sĩ, bị bắt trên toàn quốc. Chỉ có hai sư từ chùa Xá Lợi thoát được tới Phái Bộ Kinh Tế [USOM] gần đó xin tị nạn. Qua ngày 23/8, Trí Quang cũng trốn được

vào Toà Đại sứ Mỹ.(170)

Tại Sài Gòn, Diệm triệu tập Hội đồng chính phủ vào lúc 5G30 sáng. Diệm chỉ giải thích rằng phải thiết quân luật theo điều 44 Hiến pháp vì Cộng Sản đã xâm nhập một số tỉnh lỵ, quận lỵ gần thủ đô; nhưng tuyệt nhiên không đả động đến vụ tấn công chùa Xá Lợi. Vì đã được một nhân viên báo tin cuộc tấn công chùa Xá Lợi, Ngoại trưởng Mẫu phản đối. Phó Tổng thống Thơ cũng ngả theo Mẫu.(171) Nửa giờ sau, đài phát thanh bắt đầu loan đọc Tuyên cáo ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn lãnh thổ, hiệu lực từ ngày 21/8: "Chiếu điều 44 Hiến Pháp, kể từ ngày 21/8/1963, tôi tuyên bố ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn thể lãnh thổ Quốc Gia. Ủy nhiệm cho QĐVNCH tận dụng mọi phương tiện và thi hành mọi biện pháp cần thiết bảo vệ Quốc Gia chiến thắng Cộng Sản, xây dựng tự do, dân chủ". "Số người đầu cơ chính trị, lợi dụng tôn giáo, lợi dụng thái độ hòa giải tột bực của chính phủ liên tiếp hành động bất hợp pháp để tạo nên một tình trạng rối loạn phá hoại chính sách ấy và cản trở chủ trương dân chủ pháp trị, rất tổn thương cho uy tín Phật Giáo, chỉ lợi cho Cộng Sản." (HS 8501 & 8506) Quân đội VNCH từ nay "chịu trách nhiệm hoàn toàn về an ninh công cộng, có quyền xét các tư gia bất cứ giờ nào, bắt giữ những người xét ra có hại cho an ninh công cộng; cấm mọi cuộc hội họp, tụ tập có thể phương hại cho an ninh trật tự công cộng; hạn chế tự do báo chí, kiểm soát hệ thống phát thanh, kiểm soát phim ảnh kịch trường; cấm tàng trữ, lưu hành những ấn loát phẩm, tài liệu, truyền đơn xét có hại cho an ninh công cộng (điều 3); tất cả mọi vi phạm đến trật tự công cộng đều thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự (điều 4). (Sắc lệnh này gồm 5 điều, công bố theo tình trạng khẩn cấp. (172) Nhu cũng đọc diễn văn, yêu cầu Thanh Niên Cộng Hòa yểm trợ chính phủ. (173)

Trong phiên họp hàng tuần về Ấp Chiến Lược ngày Thứ Sáu, 23/8, Ngô Đình Nhu dành nhiều thì giờ giải thích về cuộc đấu tranh của Phật Giáo. Theo Nhu, tình trạng trầm trọng trong nước từ hơn 3 tháng qua là "*do một số Sư Sãi đã tiếm đoạt địa vị của Phật Giáo và có những hành vi, ngôn ngữ và thái độ hoàn toàn trái ngược với Pháp Chánh của Đạo Phật và luật pháp của Quốc Gia, đồng thời bất chấp đến ý chí hòa giải tột bực của Tổng thống và chính phủ… Thiện chí ôn hòa của chính phủ đã bị số sư sãi trên coi là biểu hiệu của một sự nhu nhược, nên họ càng làm tới. Họ đã biến các chùa chiền nhất là chùa Xá Lợi thành những trung tâm khuấy rối, khủng bố các vị chân tu, hàng ngày mạt sát và đả kích chính phủ, rồi cứ thế được đà, họ đã*

tiến tới những âm mưu vận động phá hoại quốc gia, và tổ chức đảo chánh cố kết với Cộng Sản và Ngoại quốc." Họ dùng phương pháp "bình nghị" để cưỡng ép các vị chân tu phải lần lượt tự thiêu để họ liên tục khai thác bên cạnh những xác chết đó hầu thực hiện những âm mưu chính trị của họ. Ban Trị sự Giáo Hội Tăng Già Nam Việt phải bỏ chùa Ấn Quang về miền Tây.

"**Thiêu đốt Thượng tọa Thích Quảng Đức**." [tr. 7] Có người bật quẹt đốt Quảng Đức vì hộp quẹt trong người Thượng tọa bị ướt, không cháy. Vị sư đưa hộp quẹt đốt Quảng Đức hối hận bỏ trốn, bị lùng bắt để thủ tiêu. Với chính phủ thì bọn người lợi dụng tôn giáo này đã đi từ khiêu khích này tới khiêu khích khác liên tục... Chính phủ tự mình đặt vào một thế bất động trong lúc bọn người lợi dụng tôn giáo cứ tiến tới vừa khiêu khích vừa ru ngủ mình [Tâm Châu và Thiện Minh xin gặp Nhu nhưng không đến, không viết thành văn lời yêu cầu; không tham gia Ủy Ban Hỗn Hợp] Ai ưng tu hành thì quyết tâm tu cho đắc đạo, và ai ưng làm chính trị thì phải từ bỏ áo tu, ra hẳn ngoài đời để làm chính trị, chứ không thể kéo dài tình trạng mập mờ, nửa đạo nửa đời như từ hơn ba tháng nay được. (174) Ngày này, các cấp TNCH gửi kiến nghị ủng hộ Diệm. (175) Tại Huế, ngày 24/8, Tỉnh trưởng Nguyễn Mâu sử dụng TNCH xét giấy người khả nghi. Hôm sau, 25/8, tổ chức "50,000 người" biểu tình trước bến Phú Văn Lâu chống và "lên án bọn lưu manh phản động đội lốt tôn giáo âm mưu phá rối an ninh công cộng," và lên án bọn phản loạn đội lốt tôn giáo. (176) Mâu còn cho lệnh bắt giữ Thích Trí Hữu, Tổng Thư Ký Phật Giáo Trung Phần, cùng hai người tháp tùng. (177)

Chiến dịch Nước Lũ nhằm đánh chiếm chùa và bắt giữ tăng ni là một thứ chiến thắng cay đắng cho chế độ Diệm-Nhu. Mặc dù hầu hết các lãnh đạo phong trào tranh đấu đều bị bắt giữ–ngoại trừ Thượng tọa Thích Trí Quang và hai tăng trốn vào được Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn–biến cố này **gây nên một chuỗi phản ứng giây chuyền** mà kết quả chung cuộc là cái chết bi thảm của ba anh em họ Ngô. Trên bình diện quốc nội, sinh viên, học sinh Huế–có sự tiếp tay của cán bộ Cộng Sản hay chăng–xuống đường biểu tình dữ dội. Đường phố Đà Nẵng cũng rung chuyển khí thế đấu tranh và quyết tâm đánh dẹp biểu tình của nha trảo chế độ. Thục, rồi Nhu yêu cầu Linh mục Luận, lúc đó đang tạm trú ở Đà Nẵng, trở lại Huế giải quyết. Luận từ chối, dù là một cán bộ Cần Lao cao cấp–chuyến tham quan Mỹ trong mùa Hè 1963 cho Luận nhận hiểu ngày tàn của chế độ đã điểm.(178)

Một biến cố chấn động dư luận là chiều ngày 22/8, Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đột ngột xuống tóc, đệ đơn xin từ chức. Sau đó, tiếp kiến các phái đoàn Ngoại giao (Trung Hoa Quốc Gia, Thái Lan, Đại Hàn, Nhật Bản, Lãnh sự India, Chủ tịch UHQTKSĐC), và chào từ biệt Nguyễn Ngọc Thơ tại Hội trường Diên Hồng. Sáng ngày Thứ Bảy, 24/8, Mẫu tới Đại học Luật khoa nói chuyện với khoảng 3000 sinh viên các phân khoa sinh viên. Hô hào sinh viên tranh đấu bất bạo động. Có Vũ Quốc Thúc và Nguyễn Văn Bông xuất hiện. Hẹn sẽ gặp lại vào ngày hôm sau. Nhưng từ ngày này, bị giam lỏng tại gia. (179) Ngày 23/8, Diệm đã không chấp thuận cho Mẫu từ chức, mà chỉ cho nghỉ dài hạn ba tháng, qua Nepal hành hương. Ngày 26/8, trên đường ra phi trường qua India, Mẫu bị Tổng trấn Tôn Thất Đính cản lại tịch thu thông hành. Mãi tới ngày 29/8, Mẫu mới được rời nước.

Biến cố thứ hai là **sự nhập cuộc của giới sinh viên, học sinh Sài Gòn**. Ngày 22/8, 1253 sinh viên trường Kỹ thuật Phú Thọ (trên tổng số 1291 người) bãi khoá. Chỉ có 15/80 sinh viên ban Cao đẳng hỗn hợp, 7/302 sinh viên Công chánh và 16/189 sinh viên ban Điện đi học. (180) Hôm sau, 23/8, sinh viên Y-Dược Sài Gòn xuống đường ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử và sinh viên, giáo chức tại miền Trung. Cảnh sát đàn áp mạnh, bắt giữ nhiều người. Việc sinh viên Y-Dược, được coi là cốt cán của chế độ và những thành phần bảo thủ nhất trong xã hội, nghiêng về phe Phật Giáo cho thấy uy tín chế độ đã suy tàn. Anh em Diệm-Nhu tìm cách vuốt ve, nhưng không thành công. Nhiều người trong số 19 thành viên ủy ban đại diện bị bắt. (181) Sáng Chủ Nhật 25/8, hàng chục ngàn sinh viên học sinh biểu tình tại Chợ Bến Thành và nhiều địa điểm khác trong thủ đô. Hai anh em Diệm-Nhu thẳng tay đàn áp. Nhiều người chết, bị thương, hay bị bắt giữ. Vì dám chống đối chế độ, sinh viên, học sinh được chụp ngay cho cái mũ "Cộng Sản." Trong khi đó, Trần Văn Chương–cha vợ Nhu, đương kim Đại sứ tại Mỹ –cũng từ chức phản đối, hoặc bị Diệm cách chức, từ ngày 22/8/1863. Mẹ Lệ Xuân, Thân Thị Nam Trân, từ chức Quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc.

Từ ngày 17/8, Chương đã gửi mật điện cho Diệm, báo cáo rằng dư luận thế giới và đặc biệt tại Mỹ tin rằng **Diệm không thể mang lại chiến thắng Cộng Sản**. Cuộc khủng hoảng Phật Giáo vốn dĩ không phải là nguyên nhân, mà chỉ là hậu quả, một giọt nước làm tràn ly. Phải ngưng tin dùng các cố vấn Nhu và Cẩn. Nội các cho rằng điện văn đó không thể chấp nhận được, "*khiêu khích và huênh hoang*," nên ngày 21/8/1963 bị Diệm cách chức trước khi xin từ chức. Diệm tuyên

bố phải loại trừ bọn phá hoại, không đàn áp Phật Giáo, và tin tưởng ở quân đội. (182) Tối 27/8, hai vợ chồng Chương còn thúc dục Tướng Lansdale là Mỹ phải lật đổ ngay Diệm-Nhu, bằng không dân chúng sẽ trở thành chống Mỹ. Đích thân Nam Trân yêu cầu Lansdale qua ngay Sài Gòn, khuyên anh em Diệm rời nước. Nam Trân nhấn mạnh: "*Dân chúng đã ghét họ, và họ không nên ở lại để chờ dân chúng giết. Họ chắc chắn sẽ bị giết nếu còn ở lại, và chẳng có ai trong Dinh* [Gia Long] *bảo thẳng với họ về cảm tưởng của dân chúng. Họ đã bị cách biệt hẳn với thực tế. Sau chín năm cầm quyền, tại sao họ còn muốn tiếp tục nếu toàn gia bị chết. Nước Mỹ đã bảo Syngman Rhee* [Lý Thừa Vãn của Nam Hàn] *rời nước* [năm 1961]. *Tại sao không làm như thế với Diệm và Nhu?*(183)"

Ngày 24/8, Vũ Văn Thái–cựu Giám đốc Ngân sách và Ngoại viện, hiện đang làm việc cho cơ quan LHQ tại Lome, Togo– cũng viết thư cho Harriman, đề nghị **Diệm và gia đình phải ra đi**. Nội dung thư Thái tương tự như thư riêng của Vũ Văn Mẫu gửi Chester Bowles từ New Dehli.(184) Trong khi đó, cuộc tấn công chùa chiền ngày 21/8 gây nên những phản ứng sâu đậm khắp thế giới. Từ ngày 11/6, bức hình tự thiêu của Thượng tọa Quảng Đức đã trở thành biểu tượng của cuộc tranh đấu của Phật giáo và **chính sách giáo phiệt Ki-tô của anh em Diệm**. Vào thượng tuần tháng 8/1963, một số nước Phật giáo chính thức yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thảo luận. Ngày 22/8, từ Nam Vang, chính phủ Cao Miên ra tuyên cáo: "Chính phủ Hoàng gia Căm-bốt kinh hoàng đón nhận tin chính phủ Sài-gòn đàn áp man rợ các tăng ni và Phật tử Nam Việt Nam vào rạng sáng ngày 21/8/1963. Việc tấn công các chùa bằng lực lượng tinh nhuệ của chính phủ, việc tàn sát tăng ni, việc bắt giữ, việc phong tỏa các nơi thờ tự đang diễn ra tại thủ đô Việt Nam **là một thách thức thế giới văn minh**. Trong lịch sử hiện đại chỉ có chế độ Hitler mới dám vi phạm những tội ác chống lại quyền tối thượng của con người như thế." Tiếp đó, chính phủ Sihanouk kêu gọi các quốc gia tố cáo và ngăn chặn tội ác đàn áp Phật giáo của chính phủ Diệm. Nam Vang còn kêu gọi Vatican cho lệnh chính quyền Diệm và tín đồ Ki-tô phải theo đúng nguyên tắc cao cả của Ki-tô giáo. (185)

Ngay đến **Vatican**, điểm tựa vững chắc nhất của chế độ Diệm, cũng bất bình. Khâm sứ Vatican d'Asta từng bảo thẳng Diệm rằng việc tấn công chùa chiền và đàn áp Phật Giáo **làm hại cho uy tín Vatican và đi ngược lại quyền lợi của quốc gia Việt Nam**. Tại Mỹ, hầu hết các cơ quan ngôn luận đều yêu cầu chính phủ Mỹ có thái độ

tức khắc. Tờ *New York Times* kịch liệt lên án chính phủ Diệm, mà sự mất lòng dân, độc tài và tàn bạo biểu lộ qua cuộc đàn áp Phật giáo. Báo này cũng chỉ trích chính phủ Kennedy đã không sử dụng áp lực thích đáng với Diệm và chậm trễ trong việc minh định thái độ. (186) Những báo khác gọi chế độ Diệm là độc tài, cảnh sát trị, làm mất giá trị sự tham chiến của lính Mỹ trong cuộc chiến chống Cộng. (187)

Chỉ riêng tờ *New York Herald Tribune* muốn chính phủ Kennedy tiếp tục yểm trợ chính phủ Diệm trước hiểm họa Cộng Sản. Marguerite Higgins, trong loạt bài viết về chế độ Diệm, lập lại hầu như nguyên văn lời tuyên truyền của chế độ Diệm: không có kỳ thị tôn giáo mà những biến động thuần có tính cách chính trị, do Cộng Sản giật dây, với sự hỗ trợ của báo chí ngoại quốc, đặc biệt là Mỹ. Bối rối và giận dữ nhất là các viên chức Mỹ. Tại Sài Gòn, để bảo mật, ngay sau nửa đêm 20/8, Nhu cho lệnh cắt đứt dây điện thoại tới Tòa Đại sứ Mỹ và tư gia các viên chức Mỹ. Bởi thế, ngày 21/8, từ Trueheart tới Chánh sở CIA John H. Richardson đều không biết rõ chính Diệm đã cho lệnh, hay các Tướng lãnh đã làm đảo chính, đánh chiếm chùa chiền. Ngộ nhận các Tướng làm đảo chính, đài VOA và Bộ Ngoại Giao Mỹ nghiêm khắc qui trách cho quân đội.(188) Mãi tới 6G00 sáng ngày 21/8–sau khi Diệm đã cho công bố lý do hành quân cảnh sát lục soát một số chùa, và giới nghiêm vì Cộng Sản xuất hiện gần Sài Gòn–Tướng André Đôn mới điện thoại cho Paul Harkins thông báo về lý do ban hành thiết quân luật. Theo Đôn, Diệm cho lệnh Thiết quân luật để chống lại Phật giáo. Lệnh này chắc không kéo dài quá ngày bầu cử [Quốc Hội dự trù vào ngày 31/8/1963]. Đôn cũng tiết lộ mới chỉ sử dụng 1 tiểu đoàn Dù, 1 tiểu đoàn TQLC, và quân cảnh ở Sài Gòn.

Tuy nhiên, các đơn vị ven đô đều đặt trong tình trạng báo động. Thiết giáp cũng xuất hiện tại thủ đô và Chợ Lớn. Đại sứ Nolting–đang dự hội nghị Honolulu với tân Đại sứ Lodge, Hilsman, Đề Đốc Harry D. Felt, và Paul Kattenburg, tân Chủ tịch Ủy Ban Đặc Nhiệm Việt Nam tại Bộ Ngoại Giao Mỹ–gửi cho Diệm một công điện phản đối, trách móc Diệm: "*Đây là lần đầu tiên ông không giữ lời hứa với tôi*." (189) Hôm sau, 22/8, Tổng thống Kennedy chỉ thị Lodge nhận nhiệm sở càng sớm càng tốt, vì Lodge dự định ghé thăm Hong kong ít ngày, rồi trình ủy nhiệm thư vào ngày 26/8. Oat-shinh-tân vội gửi một phi cơ quân sự đặc biệt cho Lodge tới ngay Sài Gòn. Khoảng 21G30 ngày 22/8, Lodge mới có mặt tại thủ đô miền Nam. Tới trước Lodge vài tiếng đồng hồ là mật điện của Hilsman, chỉ thị phải tìm cách giảm

quyền lực Nhu. (190)

Lodge là một lãnh tụ quan trọng của Đảng Cộng Hòa Mỹ. Năm 1960, Lodge từng đứng chung liên danh với Richard M. Nixon, nhưng bị liên danh Kennedy-Johnson của Đảng Dân Chủ đả bại khít khao. Từ tháng 6/1963, khi Oat-shinh-tân hỏi ý kiến về việc đề cử Lodge, Diệm không phản đối, nhưng không dấu sự bất mãn và lo ngại. Nhu mỉa mai gọi Lodge là Toàn quyền [Gouverneur General], trong khi Diệm tuyên bố dù có gửi 10 Lodge qua Việt Nam, Mỹ vẫn phải huấn luyện người bắn pháo binh vào Dinh Gia Long. Trong buổi tiếp kiến Kennedy vào trưa ngày 15/8, Lodge có cảm tưởng rằng Kennedy đặc biệt lo ngại về tình hình Việt Nam, và hàm ý rằng chế độ Diệm đang đi vào đoạn kết. Cuộc tấn công chùa ngày 21/8 đặt Lodge trước một việc đã rồi. Một cái tát xiếc, như một ký giả Mỹ nhận định, nếu xét kỹ những áp lực và đòi hỏi "hòa hoãn với Phật giáo" của Oat-shinh-tân. Ngay trong ngày 23/8, Lodge cho nhân viên đi tiếp xúc hầu hết các nhân vật cao cấp Việt để có được một hình ảnh rõ ràng về tình hình. Lodge còn mời các ký giả Mỹ tới tham khảo hầu cải thiện liên hệ giữa Tòa Đại sứ với các ký giả. Không kém quan trọng, Lodge cho người đi tháo gỡ dây kẽm gai mà Cảnh sát giăng kín trụ sở USOM, đích thân tiếp xúc hai nhà sư xin tị nạn, và gặp đại diện nhóm Caravelle. Lodge còn tiếp xúc với Đại sứ Italia Giovanni d'Orlandi và Khâm sứ Vatican Salvatore d'Asta.

Chỉ trong vòng 24 giờ, Lodge đã nắm vững được tình hình. Trước hết, **quân đội không dính líu gì đến cuộc tấn công chùa chiền**, và **nhiều nhóm muốn làm đảo chính**. Nhân viên CIA Lucien "Lu" Conein và Rufus Phillips được Nguyễn Đình Thuần, Võ Văn Hải, Chánh văn phòng của Diệm, André Đôn, và Lê Văn Kim, khẳng định rằng **chính Nhu cầm đầu cuộc tấn công chùa chiền**.(191) Buổi nói chuyện giữa Đôn và Conein tại Bộ Tổng Tham Mưu khiến Lodge chú ý nhất. Đôn yêu cầu đài VOA cải chính là không phải quân đội đã tham gia cuộc đàn áp, tấn công các chùa chiền, mà chính Cảnh sát đặc biệt của Nhu. Theo Đôn, khoảng 1,420 tăng ni bị bắt giữ khắp miền Nam trong ngày 21/8. Nhu là "khối óc" [thinker] của Diệm; nhưng Diệm có quyền quyết định. Lệ Xuân hành xử như "vợ" [platonic wife] Diệm. Diệm chưa bao giờ lấy vợ và không quen có đàn bà bao quanh. Chín năm qua, Lệ Xuân chăm sóc Diệm sau mỗi ngày làm việc mệt nhọc. Lệ Xuân nói chuyện, giúp Diệm giải tỏa áp lực, và giống như bất cứ người vợ nào, thống trị gia đình. Giữa Diệm và Lệ Xuân không có liên hệ tình dục, vì Diệm chưa hề trải qua mùi vị nam

nữ. **Diệm và Lệ Xuân, theo Đôn, giống như Hitler và Eva Braun. Đôn cũng tiết lộ Diệm rất thích những thanh niên đẹp trai**. Một Trung sĩ làm vườn đã được cất nhắc lên Trung tá, trông coi dinh điền quân đội, nhờ đẹp trai. Theo Đôn, không thể tách rời Diệm với vợ chồng Nhu. Nếu phải chọn giữa Diệm và Nhu, Đôn muốn Nhu ra đi.(192) Tướng Lê Văn Kim, phụ tá báo chí của Đôn, tâm sự với Phillips, Giám đốc Phòng Cải Cách Điền Địa của cơ quan USOM, đặc trách Ấp Chiến Lược, là **quân đội đã trở thành "tay sai" của Nhu**. Chính Nhu đã bầy mưu để các Tướng yêu cầu ban hành thiết quân luật. Và, 1426 tăng ni, Phật tử đã bị bắt giữ.

Sáng ngày 23/8, **sinh viên Y khoa và Dược** đã bắt đầu biểu tình. Nhu đã cho lệnh Cao Xuân Vỹ tổ chức phản biểu tình vào ngày 25/8. Trong bữa điểm tâm tại tư dinh Nguyễn Đình Thuần ngày 24/8, Thuần cũng nói với Phillips rằng vợ chồng Nhu phải ra đi. Theo Thuần, ngày hôm trước (23/8), Diệm đã viết thư cho Lệ Xuân, yêu cầu từ nay đừng tuyên bố gì nữa. Diệm cũng đã chuyển cho Bénoit Trần Tử Oai và Tổng Giám Đốc Thông Tin [Phan Văn Tạo?] biết lệnh này. Theo Thuần, Mỹ đừng lo ngại việc mở cửa cho Cộng Sản với cái giá phải yểm trợ một chính phủ có Nhu. Nếu Mỹ cả quyết, các Tướng sẽ hành động.(193) Vị đắng của cảm giác bị anh em Diệm-Nhu "phản bội" và ý niệm vai trò Diệm đã mất đi sự tối thiết hoặc hữu dụng trong chiến lược của Mỹ khiến Lodge giữ thái độ xa cách với Dinh Gia Long. Sách lược của Lodge là giai đoạn mềm mỏng dưới thời Nolting đã qua. Diệm phải tìm đến Lodge–như ngày nào Diệm đã phải tìm đến tu viện Maryknoll ở New Jersey và Oat-shinh-tân cầu viện trợ. Vì, thực ra **Diệm cần Mỹ hơn Mỹ cần Diệm**. Chỉ có Tướng Harkins vẫn ủng hộ Diệm.

Trong báo cáo ngày 22/8 về Oat-shinh-tân, Harkins tán thành việc tấn công các chùa, vì muốn ổn định tình hình. Harkins cũng không đồng ý việc đặt Đôn lên chức Tổng Tham Mưu trưởng, hay Đính nắm Quân đoàn III và Biệt Khu Thủ Đô, vì việc bổ nhậm này tạo cho phe đảo chính cơ hội nắm quyền dễ dàng.(194) Tuy nhiên, phe Cố vấn ANQG Bundy cùng Harriman và Hilsman tại Bộ Ngoại Giao cảm thấy đã quá đủ với họ Ngô. Ngày cuối tuần 24/8, XLTV Ngoại trưởng George Ball bật đèn xanh cho Lodge tìm một giải pháp khác Diệm.

KẾT TỪ:

Mùa Phật Đản 2507 (1963) đã đi vào lịch sử Phật giáo Việt

Nam như một trong những trang bi hùng nhất. **Bảy ngọn lửa cúng dường cho đạo pháp của tăng ni làm rúng động lương tâm nhân loại, ngoại trừ anh chị em nhà họ Ngô và nha trảo**, trong "*cơn điên cuồng tập thể của một gia đình cai trị chưa từng thấy từ thời các Nga hoàng*."(195) Đây là lần đầu tiên Phật Giáo đã vượt ra ngoài thế thụ động, "xuất thế" quen thuộc, đứng lên tranh đấu cho quyền tự do và bình đẳng tín ngưỡng của mình. So với đồng đạo ở phía Bắc vĩ tuyến 17, lãnh đạo Phật Giáo miền Nam đã chứng tỏ một lòng vì đạo cao sâu hơn nhiều bậc. Họ đã giành đoạt được quyền tự do và bình đẳng tôn giáo bằng máu, nước mắt và mồ hôi, mà không chờ đợi, van vái ân sủng của nhà cầm quyền. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo miền Nam trong năm 1963, qua những tài liệu văn khố hiện đã giải mật, **nặng tính chất tôn giáo hơn chính trị**. Mặc dù chế độ Diệm-Nhu-Thục cố tình diễn giải cuộc tranh đấu của Phật Giáo dưới góc cạnh xấu xí nhất–như nặng mang tính chất chính trị hơn tôn giáo, có bàn tay Cộng Sản giật giây, có bàn tay ngoại cường (hiểu như người Mỹ), v.. v...– mùa Phật đản đẫm máu 1963 là cao điểm của phong trào duy tân Phật Giáo Việt Nam từ thập niên 1920. Tính cách phi-chính-trị của cuộc tranh đấu khiến người Mỹ, đặc biệt là Cố vấn ANQG Bundy và Đại sứ Lodge ra sức tiếp trợ.

Nói cách khác, cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã khơi động niềm cảm phục của các viên chức Mỹ cũng như dư luận thế giới, nơi giáo hội và chính phủ đã hoàn toàn biệt phân, và tự do tín ngưỡng được coi như nhu cầu tối thiết, một quyền người cơ bản. **Ngay đến đại diện Vatican ở Sài Gòn cũng phải cảnh cáo Diệm rằng việc đàn áp Phật Giáo là một tội ác, làm giảm uy tín giáo hội Ki-tô**. Các tăng ni lãnh đạo phong trào tranh đấu không chỉ chứng tỏ tinh thần Bồ tát đại dũng trước bạo lực, sẵn sàng dùng nhục thân bảo vệ Phật pháp, mà còn chứng tỏ một chiến thuật vận động đấu tranh tỉ mỉ, xuất sắc. Họ đã phối hợp giữa vận động quần chúng và các cơ quan truyền thông quốc tế để tạo nên những biến động thu hút dư luận và cảm tình của ngay những người chưa đủ khả năng tìm kiếm ra vị trí Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo hẳn có thể đã không xảy ra, hoặc giảm bớt cường độ và rút ngắn về thời gian, nếu nhà cầm quyền khéo léo kiểm soát và giảm thiểu những hậu quả tại hại. Nhưng chế độ Diệm-Thục-Nhu, giống như bất cứ một chế độ giáo phiệt tương tự nào, đã đánh giá thấp biên độ và khả năng phát triển của phong trào tranh đấu. Họ đã sử dụng nguyên vẹn những thủ thuật đã áp dụng đối

với Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên của tám chín năm trước, khi người Mỹ can đảm hy sinh cả giao tình với nước Pháp để giữ Diệm ở lại chiếc ghế Thủ tướng. Nhưng hơn tám năm đã qua, hơn hai tỉ Mỹ kim đã đổ vào Việt Nam. Viễn ảnh thua trận bắt đầu ám ảnh những chuyên viên về Việt Nam, mà Fishel, Mendendall hay Mansfield chỉ là ít nhân vật tiêu biểu. Dù rằng vẫn chưa có một con ngựa nào khá hơn Diệm xuất hiện, các viên chức Mỹ đã mất đi ảo tưởng về khả năng duy trì một miền Nam chống Cộng của họ Ngô. Đó là chưa nói đến mối bận tâm canh cánh bên lòng về âm mưu ve vãn Cộng Sản của anh em Diệm-Nhu trong mùa Xuân-Hè 1963, hoặc mối đại họa là bỗng một ngày nào đó Diệm-Nhu công khai đòi Mỹ triệt thoái khỏi Nam Việt Nam. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo cũng bùng nổ trong một tình thế an ninh-quân sự đặc biệt.

Từ năm 1962-1963, Bắc Kinh đã sốt sắng hơn trong việc sử dụng thanh nam, thanh nữ và tài nguyên Việt Nam, Lào, Kampuchea–cùng cái gọi là học thuyết Mao về "chiến tranh giải phóng"–để gạt ảnh hưởng Mỹ khỏi ngưỡng cửa chiến lược Đông Nam. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã có cả lực lượng vũ trang lên tới cấp trung đoàn, và một hệ thống hành chính nông thôn, cùng tình báo tại các thành thị. Mặc dù không chính thức ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo, Trung Ương Cục Miền Nam–mới được cải tổ vào cuối Hè 1961–đã lợi dụng cơ hội gửi cán bộ tình báo chiến lược xâm nhập vào thành thị, khoét dần những lỗ hổng làm cơ sở tiềm sinh trong giới sinh viên, học sinh, tôn giáo. Cho đến một lúc, các lãnh đạo Phật Giáo mới khám phá ra rằng chiến thắng của Phật Giáo năm 1963 mới chỉ là chiến thắng phiến diện. Giai đoạn 1966-1968, khi Cố vấn QNQG Bundy đã rời chính quyền và Lodge cùng Ellsworth Bunker đã mất hết thiện cảm, các lãnh tụ Phật Giáo sẽ tri nghiệm được rằng đừng nên trộn lẫn giữa tôn giáo và chính trị.

Phụ chú:

1. CĐ số 9195, ngày 6/5/1963; Kho Lưu Trữ Quốc Gia [KLTQG] II (Thành phố Hồ Chí Minh), Phủ Tổng thống Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa [PTT/Đ1CH], HS 8501; 8352; Lê Cung, Phong trào Phật Giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (Huế: Thuận Hóa, 2003), tr. 131-132.

2. Xem, chẳng hạn, lời khai của Bénoit Trần Tử Oai, Bộ trưởng Thông tin, UN/GA Official Records, Agenda Item 77: "The violation of Human rights in South Vietnam;" Doc. A/5630, 7/12/1963, tr. 12-

16. [Sẽ dẫn UNGA Doc. A/5630]. Bùi Văn Lương khai với Phái đoàn LHQ ngày 30/8/1963, là đích thân Lương cho lệnh tạm hoãn treo cờ, và các lãnh đạo Phật giáo rất mãn nguyện. [I also gave instructions to the administrative local authorities provisionally, not to apply the circular [of 6 May 1963]. The leaders of the monks are very pleased. They . . . told me I had given complete satisfaction to their desires.]; Ibid., tr. 22, 23. Xem thêm lời Ngô Đình Diệm, Ibid., tr. 16; Ngô Đình Nhu: Ibid., tr. 16-20; Nguyễn Ngọc Thơ: Ibid., tr. 20-21; Nguyễn Đình Thuần: Ibid., tr. 25-27; Hồ Đắc Khương, Đỗ Cao Trí: Ibid., tr. 27-29; Trương Công Cừu: Ibid., tr. 29-31. Để chuẩn bị đón phái đoàn LHQ điều tra về việc vi phạm nhân quyền ở Nam Việt Nam, cơ quan Việt Tấn Xã [VTX] của chính phủ Diệm, do Tôn Thất Thiện cầm đầu, cũng lưu hành một tài liệu bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, gồm 3 tập. Xem Vấn đề Phật giáo [The Buddhist Questions]; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8506, 8511. Xem thêm Thích Trí Quang, "Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;" Liên Hoa nguyệt san (29/1/1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91.

3. Tác giả luật hạn chế treo cờ là Lâm Lễ Trinh, Bộ trưởng Nội vụ; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8368. Ngày 29/5/1963, chính phủ ra thông cáo: "Khi qui định thể thức treo quốc kỳ và đạo kỳ, chánh phủ chỉ muốn nhắc nhở Quốc kỳ là tượng trưng cho chánh nghĩa, là kết tinh ý thức đấu tranh toàn diện, toàn dân, toàn quân." Vấn đề Phật giáo (1963), I:1; Ibid., HS 8511. Xem thêm chi tiết trong Ibid., HS 8507.

4. Xem, chẳng hạn, thư ngày 11/3/1955, gửi Thủ tướng, của Đoàn Trung Côn [Còn], Hội trưởng sáng lập Tịnh Độ Tông Việt Nam, TTK Uy ban vận động Phong trào Phật Giáo Xã hội; KLTQG II (TP/HCM), Phủ Thủ tướng [PThT], HS29229: (Phật Giáo, 1954-1955). Xem bảng tổng kết số chùa tại miền Nam vào tháng 9-10/1963 trong Ibid., PTT/Đ1CH, HS 8506, & 8512. Tại Sài Gòn có 180 chùa: 69 thuộc THPGVN, 22 thuộc Cổ Sơn Môn, và 89 thuộc các môn phái khác và chùa tư. Ibid. Từ 1954 tới 1963, chính phủ trợ cấp 24 tổ chức Phật Giáo 3,681,000 đồng, quá chênh lệch so với trợ giúp cho Ki-tô; Ibid, HS 8540.

5. Xem, thư ngày 20/2/1962, Thích Tịnh Khiết gửi Ngô Đình Diệm, về việc đàn áp Phật Giáo tại Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 7941; thư ngày 17/2/1962, Wesley Fishel gửi John A. Hannah, Viện trưởng Đại học

Tiểu bang Michigan (MSU); Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, II:148-52; báo cáo của Đại sứ Roger Lalouette ngày 10/3/1962; Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu, 1939-1975 [VNNB], I-C: 1955-1963, tr. 248-250. Xem thêm chú [32] infra.

6. Archives du Ministère des Affaires Etrangères [AMAE] (Paris), Cambodge-Laos-Vietnam [CLV], Sud Vietnam [SV], 17:70-73.

7. Xem Phụ Bản I, Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967 (Houston: Văn Hóa, 1994). Đa số chi tiết dưới đây rút từ tài liệu Mỹ ngữ trên. Chúng tôi chỉ ghi những tài liệu khác nếu cần thiết. Xem thêm Cao Văn Luận, Bên Giòng Lịch Sử (Sài Gòn: 1972), tr. 328. Ngày 16/9/1963, Lãnh sự Pháp ở Tourane báo cáo rằng theo Tướng Nghiêm chính sách bài Phật giáo chỉ là của Thục. Ngày 8/5, khi Nghiêm vào Sài Gòn gặp Diệm, Diệm cho lệnh phải thẳng tay với Phật giáo, và nhận lệnh từ Cẩn. Đại tá Đỗ Cao Trí, Tư lệnh Sư đoàn 1, được lệnh "duy trì trật tự ở Huế." Sau đó Trí được thăng cấp Tướng, thay Nghiêm nắm Vùng I. AMAE (Paris), CLV, SV, 17:70-73. Về những việc làm của Trí, xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8527.

8. Ngày 5/5/1963 này, Diệm long trọng tổ chức Lễ Tạ Ơn chào mừng ngày thụ phong của Tổng Giám Mục Thục tại nhà thờ Dòng Cứu Thế trên đường Kỳ Đồng, Sài Gòn. Thục cũng tham dự. Ngoài lễ nghi quân cách, cờ Ki-tô giáo chi chít khắp nơi. Xem KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8425.

9. Nguyễn Văn Đẳng, "Phúc trình của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên về lễ Phật Đản tại Huế (20/5/1963)," tr. 2; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529. Theo một nguồn tin, Cẩn còn sai Hồ Đắc Khương, Đại biểu Chính phủ tại Trung nguyên Trung Phần, gửi điện tín xin hoãn thi hành lệnh trên. Cẩn cũng bảo Đẳng đừng can thiệp vì có giao tình với Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và, theo lời đồn, bài vị Ngô Đình Dinh, cha Ngô Đình Khả, còn đặt tại chùa Diệu Đế. Dinh theo đạo thờ cúng tổ tiên. Khả (1856-1914)Ư, cha Diệm, là người đầu tiên theo đạo Ki-tô, và hành nghề thông ngôn trong thời gian Pháp đánh chiếm Bắc và Trung Việt. Chức vụ cuối cùng của Khả là Đề đốc kinh thành vào cuối đời Thành Thái, và được hàm Thượng thư khi về hưu. Nhờ tước hàm Thượng thư này của Khả, năm 1917 Diệm được tập ấm chức cửu phẩm, làm việc tại Tân Thư viện Huế, tức Musée Khải Định. Xem Chính Đạo, "Jean Baptiste Ngô Đình Diệm (1897-1963);" Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston:

Văn Hoá, 2004). Cũng có tin bài vị Dinh đặt tại chùa Từ Hiếu. Tuy nhiên, vào tháng 12/2004, chưa thể khẳng định có chăng bài vị nói trên (tiếp xúc với một tăng của chùa này).

10. Báo cáo số 249-VP/M, ngày 10/5/1963; [KLTQG II (TP/HCM), TNTP.167;] Lê Cung, 2003:136.

11. Báo cáo số 2262-TT/VP/BTM, ngày 9/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529.

12. UN Doc. A/5630, 7/12/1963:22, col2. Xem thêm Thích Trí Quang, "Cuộc vận động Phật giáo Việt Nam: Giai đoạn phát khởi;" Liên Hoa nguyệt san (29/1/1964), tr. 22, 28; dẫn trong Vũ Văn Mẫu, Sáu tháng pháp nạn 1963 (Giao Điểm: 2003), tr. 91.

13. Xem thêm Nguyễn Ngu Í, "Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ qua hai giờ nói chuyện với Giáo sư Lê Tuyên;" Bách Khoa, số 171 (15/2/1964), tr. 37-47, và số 172 (1/3/1964), tr. 27-42. Sẽ dẫn: Nguyễn Ngu Í, 1964a, và Nguyễn Ngu Í, 1964b.

14. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 3, p. 5; CĐ số 5, 10/5/1963, Huế gửi BNG; US Department of State, Foreign Relations of the United States [FRUS], 1961-1963, III:284; Airgram A-20, 3/6/1963, Helble gửi Sài Gòn; III:277,n2; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 279-280.

15. Xem danh sách các nạn nhân trong Phụ lục đính kèm của báo cáo của Nguyễn Văn Đẳng ngày 20/5/1963; TTLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529. Sỹ sau này bị kết án chung thân khổ sai, nhưng được Nguyễn Văn Thiệu ân xá vào năm 1966Ô sau cuộc nổi dạy của miền Trung.

16. CĐ số 100/MM, ngày 9/5/1963, TNTP gửi Đổng lý VPTT; TTLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8523.

17. KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529 [?].

18. Xem, chẳng hạn, báo cáo của Thị trưởng Huế và các cấp chỉ huy cảnh sát, quân đội trong KLTQG II (TP/HCM), PTT, Đ1CH, HS 8529.

19. Ibid., HS 8506.

20. UN/GA Doc. A/5630, 1963, tr. 12, col.2.

21. "I had concluded, according to the specialists in artillery and artificiers, whom we had consulted in Hue and Sai Gon, that it was probably bombs of plastic . . . that we had many bullets because the United States had given us many free, but we had no plastic; plastic is the arm of the Viet Cong guerilla." A/5630, 1963:24, col 1.

22. Theo Lương, Trí Quang đã âm mưu chống chính quyền từ năm 1960, với sự xúi dục của Cộng Sản. Đặng Ngọc Lựu, thân cận

của Trí Quang, cung cấp tin này; UN/GA Doc. A/5630, 1963:22-23.

23. FRUS, 1961-1963, III:284-285.

24. Tâm thư 10/5/1963, công điện cùng ngày của Thích Tịnh Khiết, và tài liệu giải thích ngày 16/5/1963, 23/5/1963 (Tịnh Khiết, Mật Nguyện, Mật Hiền, Trí Quang, Thiện Siêu ký) có thể tìm thấy trong KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8541. Tường Vân là tên chùa Hòa thượng Tinh Khiết trụ trì. TT Mật Nguyện, tục danh Trần Lộc, 56 tuổi, tu tại chùa Linh Quang. TT Mật Hiển, tục danh Nguyễn Duy Quang, 56 tuổi, tu tại chùa Trúc Lâm. TT Trí Quang, tục danh Phạm Trí Quang, sinh năm 1922, và TT Thiện Siêu, tục danh Vũ Trọng Tường, 43 tuổi, tu tại chùa Từ Đàm; Ibid., HS 8531. Bản dịch Mỹ ngữ trong FRUS, 1961-1963, III:287-288.

25. Công báo Việt Nam [CBVN], III:3 [19/8/1950]:434-437. Người soạn thảo luật này là Nguyễn Khắc Vệ, Tổng trưởng Tư Pháp của chính phủ Trần Văn Hữu. Bản dịch Anh ngữ Dụ số 10 ngày 6/8/1950 cùng hai tu chính ngày 19/12/1952 và 3/4/1954 trích in trong phần phụ bản XV của UNGA, Doc. A/5630, 7/12/1963:86-89.

26. Nguyễn Ngu Í 1964a:40-41. [Xem chú 13 supra]

27. FRUS, 1961-1963, III:288, n3. Đại biểu chính phủ cũng yêu cầu hoãn ngày cầu siêu cho nạn nhân Huế từ 14/5 tới 21/5; CĐ ngày 13/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8529.

28. Tâm Châu, Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với Việt Nam Quốc Tự (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr:17. Một nhân chứng khai UBLP/BVPG gồm 14 hội đoàn. Xem thêm Việt Nam Cộng Hòa, Phủ Tổng thống, Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, "Bảờn nghiên cứu đặc biệt: Phật Giáo Việt Nam" [n.d.]; PTTĐ1CH, HS 8573.

29. Tục danh là Đoàn Văn Hanh, sinh khoảng năm 1922 tại Ninh Bình, Bắc Việt. Tu tại chùa Xuân Dương, huyện Đa Phúc, Phúc Yên (Phái Vĩnh Nghiêm). 1951: Cùng Tố Liên vào Huế tổ chức Đại hội thống nhất Phật giáo. 1952: Phó Trị sự Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc Việt Nam. 1955: Tham gia Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam. 1959: Thành lập Hội Phật Giáo Quán Âm Phổ Tế. Trụ sở tại 584/1 đường Phan Thanh Giản Sài-gòn. 1/1963: Lập Ủy Ban Liên Phái chống phim Sakya. 9/5/1963: Thành lập Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, qui tụ 11 hội đoàn. Trụ sở đặt tại chùa Xá Lợi. 25/5/1963: Phát động phong trào tranh đấu tích cực ở miền Nam. 30/5/1963: Tuyệt thực 48 giờ cùng hàng trăm tăng ni. Thứ Sáu,

14/6/1963: Tham gia phái đoàn Phật Giáo nói chuyện với Ủy Ban Liên Bộ của chính phủ Diệm. 16/7/1963: Dẫn đầu một đoàn biểu tình trước tư dinh Đại sứ Nolting. 21/8/1963, mờ sáng: Bị bắt tại chùa Xá Lợi cho tới ngày 1/11/1963. 31/12/1963: Tham dự Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo ở Chùa Xá Lợi [cho tới ngày 4/1/1964]. Được bầu làm Chủ tịch Viện Hoá Đạo với nhiệm kỳ 2 năm. 13/1/1964: Nhận chức Viện trưởng Hoá Đạo. 20/1/1965: Cùng Trí Quang, Pháp Tri, Thiện Hoa và Hộ Giác tuyệt thực chống chính phủ Trần Văn Hương. 27/1/1965: Hội Đồng Quân Lực ra tuyên cáo nắm lại chính quyền. Viện Hoá Đạo ra lệnh ngừng tranh đấu. Các sư ngưng tuyệt thực. 24/8/1964: Khánh yêu cầu Trí Quang, Tâm Châu và Thiện Minh kêu gọi sinh viên, học sinh và Phật tử ngưng biểu tình. Các lãnh tụ Phật giáo ra điều kiện: hủy bỏ hiến chương Vũng Tàu, thành lập chính phủ dân sự, bảo đảm tự do tôn giáo, và tổ chức bầu cử ngày 1/11/1965. /1975: Tị nạn ở Pháp, rồi Canada. Hiện tu tại Tổ đình Từ Quang, Montréal, Québec. 9/1/1995: Cùng 126 tăng sĩ ký tên vào kháng thư phản đối việc bắt giữ Huyền Quang và Trí Độ. 2/5/1995: Tham dự biểu tình ở Oat-shinh-tân.

30. Thiện Hoà, tục danh Hứa Khắc Lợi, sinh tại Chợ Lớn, đi tu từ năm 1935. 1935: Theo học Phật học đường Lưỡng Xuyên. 1936-1938: Theo học An Nam Phật học đường tại chùa Tây Thiên, Huế. 1938-1939: Theo học Phật học đường Long Khánh, Bình Định. 1939: Theo học Phật học đường Báo Quốc, Huế. 1945-1950: Ở Bắc. 5/1950: Về Sài Gòn. Dạy tại Phật học đường Sùng Đức. 1951: Giám đốc Phật học đường Nam Việt tại chùa Ấn Quang. 1953: Trị sự trưởng GHTGNV. 1959: Trị sự trưởng GHTGTQ. 15/5/1963: Gặp Ngô Đình Diệm về 5 nguyện vọng của Phật Giáo. 26/8/1963: Chủ tịch Ủy Ban Liên Hiệp Bảo Vệ Phật Giáo Thuần Túy, ủng hộ Ngô Đình Diệm. 1967: Tổng Vụ trưởng TV Tài chính & Kiến thiết của GHPGVNTN tại Ấn Quang. 1973: Phó Tăng Thống. 7/2/1978: Chết tại chùa Ấn Quang.

31. CĐ 1066, ngày 9/5/1963, BNG gửi Sài Gòn, FRUS, 1961-1963, III:283. Xem thêm báo cáo ngày 18/6/1962 của Bùi Văn Lương; KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 7941.

32. FRUS, 1961-1963, III:310.

33. Bộ Công Dân vụ [Civic Action] bao gồm Tổng Nha Thông tin dưới quyền Phan Văn Tạo.

34. FRUS, 1961-1963, III:309-310; Mẫu 2003:246-255.

35. Tâm Châu, Bạch Thư về vấn đề chia rẽ của Ấn Quang với

Việt Nam Quốc Tự (Montréal: Tổ đình Từ Quang, 1994), tr. 18.

36. Không rõ Lương hay VTX của Tôn Thất Thiện và Đặng Đức Khôi đã phát minh ra lối giải thích mới này.

37. FRUS, 1961-1963, III:311.

38. Đề nghị này Nolting đã trình về BNG ngày 18/5 và được Rusk chấp thuận ba ngày sau, 21/5; FRUS, 1961-1963, III:312,n3.

39. FRUS, 1961-1963, III:314. Sau này, Nhu còn phát minh ra lối giải thích "pain of growth" [sự đau đớn khi phát triển] của Phật giáo Việt Nam, một hiện tượng quen thuộc của các nước chậm tiến.

40. Gravel, II:226. Theo Trueheart, Diệm có vẻ "giận dữ" [quite agitated], và không muốn nghe theo lời khuyên của Mỹ; FRUS, 1961-1963, III:338.

41. CĐ ngày 19/5/1963, Thừa Thiên gửi BNV; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8529.

42. Ibid., HS 8541.

43. Ibid.

44. CĐ 1136, 9/6/1963, Trueheart gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:368.

45. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541.

46. VNCH, Vấn đề Phật Giáo: Lập trường của chính phủ VNCH: Văn kiện căn bản, Tập I (từ 6/5/1963 tới 21/8/1963), tr. 1; Ibid., HS 8511. Người chủ biên tập tài liệu này là Tôn Thất Thiện, Giám đốc Việt Tấn Xã.

47. Nguyên văn: The Buddhists (estimated at some ten million) have long been resentful of the mandarins of Hue and their ruling Catholic oligarchy; the Buddhists particularly resent a host of restrictions imposed on their religious freedom by President Diem. Most of Ngo Dinh Diem's high Government officials, chiefs of provinces and military officers are Catholics, and most young army officers are convinced that they must be at least nominal Catholics if they wish to rise above the rank of captain. Diem apparently believes (and with some reason) that Catholics are more loyal to him personally and also more genuinely dedicated in their anti-Communism. Catholicism, therefore, seems to have become a kind of status symbol, as well as a prerequisite for advancement . . .

The Buddhists say that most Government supplies pass through Catholic hands and are distributed chiefly to Catholics. One American adviser has reported that Catholic battalion commanders in South Vietnam's army get better equipment and heavier weapons

than the non-Catholics. In the countryside, there are a number of villages where Christian priests are in control and maintain their own private armies. In the northern coastal region around Hue, small units of these troops, known as the 'Bishop's Boys', are directly responsible to the Archbishop, and their primary mission is to protect churches and priests. They are armed with United Sattes weapons and trained at least in part by United States advisers.

Vast supplies of United States food relief (wheat, flour, rice, cooking oils) are distributed in South Vietnam through Catholic Relief Services to Catholic priests in the provinces. Some Viet-Namese are convinced that many of these supplies never reach the intended beneficiaries but find their way into the black market instead." A/5630:90.

48. NYT, 29/5/1963; FRUS, 1961-1963, III:335-336.

49. CĐ 1162, 30/5/1963, BNG gửi Sài Gòn; FRUS, 1961-1963, III:337n3.

50. Thư ngày 28/5/1963, Tâm Châu gửi TT; Báo cáo ngày 30/5/1963 của Q. Đô trưởng Vũ Tiến Huân; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501.

51. FRUS, 1961-1963, IV:340-341.

52. Xem Trần Ngọc Châu, "Phúc trình về cuộc tranh chấp của Tỉnh hội Phật giáo tại Đà Nẵng" (19/9/1963); TTLTQG II (Sài Gòn), HS 8520.

53. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8520.

54. FRUS, 1961-1963, III:343-347; A/5630.

55. FRUS, 1961-1963, III:348-349. Tướng Đôn báo cáo rằng đây là loại lựu đạn cay Pháp sử dụng trong Thế chiến thứ nhất (1914-1918).

56. Ngày 26/2/1964, Thích Trí Quang yêu cầu Thủ tướng Nguyễn Khánh điều tra và trừng trị thủ phạm; đồng thời bồi thường xứng đáng cho các nạn nhân. Ngày 7/3/1964, đích thân Trí Quang gặp Thiếu tướng Tôn Thất Xứng, Tư lệnh QĐ I, Vùng I Chiến thuật, yêu cầu giải quyết. Ngày 17/3/1964, Thiếu tướng Xứng xác nhận một đơn vị quân đội đã nhận lệnh xua chó berger và ném lựu đạn cường toan vào đám đông Phật tử đang tiến đến chùa Từ Đàm. Ngày 5/3/1964, Nha CS Trung nguyên Trung phần đã xác nhận việc này. "Hiện còn khoảng 40 nạn nhân bị xuất huyết, mắt càng ngày càng mờ, cơn điên cuồng ngày càng tăng." [41 người bị thương trong các ngày 3, 4, 5, và 6/6/1963 điều trị tại Huế. 20 người xin về nhà. 47

người trong số trên là Phật tử. Danh sách do Nha CSBTNTP: 45 người. Phật tử trở lại điều trị ở Huế, 10 người]; (PThT, HS 29369) Ngày 21/3/1964, do sự can thiệp của Đại tá Nguyễn Chánh Thi, 12 nạn nhân được phi cơ quân sự đưa từ Huế vào Sài Gòn. 5 người điều trị tại Grall, 7 người khác ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. (Tờ trình số 330/BYT/VP/M, ngày 13/4/1964, Đại tá Vương Quang Trường gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn Hóa-Xã hội; (PThT, HS 29369)

57. FRUS, 1961-1963, III:349-352.

58. Xem Chính Đạo, "Phiến Cộng trong Dinh Gia Long;" Đi Tới (Montréal, Canada), số 73 & 74, 9-10/2003, tr. 46-77; Idem., Cuộc thánh chiến chống Cộng (Houston, TX: Văn Hoá, 2004). Bản cập nhật đăng trên Hợp Lưu online.

59. Xem báo cáo của Nha Cảnh Sát Bắc Trung nguyên Trung Phần về những hành động và âm mưu của người Mỹ có liên hệ đến cuộc đấu tranh của Phật Giáo, 12-16/9/1963 [Thiếu tá Đào Quang Hiếu, 16/9/1963]; HS 8502.

60. FRUS, 1961-1963, III:356-358; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8509.

61. FRUS, 1961-1963, III:359-360, 360-361. Sau này, mới xác nhận "phần tử quá khích" là nhóm "Phật giáo nhập thế," hay "tân tăng," mà người dưới phố gọi là "sư hổ mang"–và đa số đi tu để trốn lính. Họ gọi phái Lục Hòa Tăng là "thày cúng."

62. FRUS, 1961-1963, III:360; Vấn đề Phật Giáo, I:1; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8511.

63. CĐ ngày 4/6/1963, Nguyễn Quang Trình gửi Viện trưởng Huế; Ibid., HS 8501. Giáo sư Wulff, một chứng nhân của cuộc thảm sát 8/5 tại Huế, đã viết hồi ký về biến cố trên, và bạn ông chụp được nhiều hình ảnh tại nhà xác Huế. Các tài liệu này được nạp cho Liên Hiệp Quốc, khiến LHQ quyết định mở cuộc điều tra. Trong dịp viếng thăm Bệnh viện Huế ngày 18/4/1964, Đại tá Nguyễn Chánh Thi đã yêu cầu di tản những bệnh nhân bị phỏng vì chất cường toan trong ngày 4/6/1963 tại Huế vào Sài Gòn điều trị. Xem tờ trình ngày 13/4/1964, Bộ trưởng Y tế gửi Phó Thủ tướng đặc trách Văn hoá-Xã hội; TTLTQG II, Phủ Thủ tướng, HS 29369.

64. FRUS, 1961-1963, III:367-368.

65. "Quyết nghị của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới Việt Nam" (Sài Gòn, 7/6/1963), KLTQG II (TP/HCM), PTT/Đ1CH, HS 8515; FRUS, 1961-1963, III:362n2.

66. The Pentagon Papers (Gravel), II:208; FRUS, 1961-1963,

III:366-369.

67. Năm 1956-1957, Hồ Vinh, một giáo sư Pháp văn trường Phan Châu Trinh Đà Nẵng từng bị tra tấn đến chết trong nhà lao Thừa Phủ (Huế). Nguyễn Đăng Ngọc, hiệu trưởng, một cán bộ Cần Lao, đích thân đến các lớp đọc bức công điện mật, loan tin "tên Cộng Sản Vinh" đã "tự tử" trong ngục. Xem thêm lời khai của Phan Quang Đông, và bản án Ngô Đình Cẩn ngày 22/4/1964 về những cuộc thủ tiêu những người bị vu cáo là Cộng Sản hay gián điệp Pháp, như Nguyễn Văn Yến, v.. v...

68. CĐ 1194, 8/6/1963 & 1196, 8/6/1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:363-364, 364-366. Trong số các đề nghị, BNG yêu cầu VNCH "ít nữa cũng tạm thời ít nhắc đến thuyết Nhân Vị trước công chúng và tuyên truyền của chính phủ vì đám đông đồng hóa Nhân Vị với Ki-tô giáo; bổ nhiệm các tuyên úy Phật giáo; thành lập một Hội Đồng Tôn Giáo Quốc Gia, vài tăng hay lãnh tụ Phật tử ứng cử trong cuộc tranh cử vào Quốc Hội tháng 8/1963, và cho họ đắc cử [at least temporarily playdown Personalism in public pronouncements and GVN propaganda because of popular identification Personalism with Catholicism; appoint Buddhist chaplains; create National Religious Council, permit several monks or lay Buddhist leaders run for and win seats in August National Assembly elections [NVN: two monk representatives]; Ibid., III:364-365. Trong báo cáo về Oat-shinh-tân, Trueheart nói không có ý định gặp Diệm, vì Thuần đã đạt được một số tiến bộ. BNG Mỹ đồng ý.

69. FRUS, 1961-1963, III:369-371. Giao tình giữa chính phủ Diệm và báo chí Tây phương đầy sóng gió từ năm 1957, sau khi Diệm được tâng bốc như "Winston Churchill của Đông Nam Á."

70. FRUS, 1961-1963, III:371-373. Về lễ cầu hồn cho John XIII, Paul Hiếu không nói đúng sự thực. Xem văn thư về lễ trên trong KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8428.

71. FRUS, 1961-1963, III:374. Hiện nay, tại góc đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình ChiểUu (trụ sở UyỰ Ban Nhân Dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, tức Tòa Đại sứ Cao Miên cũ), còn một miếu nhỏ thờ Thượng tọa Quảng Đức)

72. FRUS, 1961-1963, III:375-376.

73. FRUS, 1961-1963, III:376-378.

74. FRUS, 1961-1963, III:376-378.

75. Mẫu, 2003:277.

76. "Thông điệp của Tổng thống gởi đồng bào thủ đô ngày

11/6/1963;" KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8506, 8501; NYT, 12/6/1963. Sau này, có lẽ do áp lực Mỹ, bản dịch tiếng Anh được viết nhẹ hơn: "Buddhism in Vietnam finds its fundamendal safeguard in the Constitution of which I personally am the guardian."

77. Nguyên văn: "If Diem does not take prompt and effective steps to reestablish Buddhist confidence in him we will have to reexamine our entire relationship with his regime;" CĐ 1207, 11/6/1963, BNG gửi Đại sứ Việt Nam; FRUS, 1961-1963, III:383.

78. FRUS, 1961-1963, III:385-387. Theo tài liệu Bạch Cung ngày 14/6/1963, Kennedy không biết gì về đe dọa giải kết [disassociation] này, và nhấn mạnh rằng đây là lần chót; từ nay bất cứ lời đe dọa chính thức nào cần được sự phê chuẩn của Kennedy. Ibid., III:386-387.

79. Tâm Châu 1994:19; FRUS, 1961-1963, III:384.

80. FRUS, 1961-1963, III:387-389. Theo Thuần, Phật giáo đã sửa đổi đôi chút các đòi hỏi, nhưng Trueheart nhấn mạnh nên bỏ các tiểu tiết để đạt ngay thỏa ước.

81. FRUS, 1961-1963, III:391.

82. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8509. [Xem Phụ Bản] Xem thêm Tâm Châu, 1994:41-4; The Pentagon Papers (Gravel), II:226-7; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 177, 178, 179.

83. NYT, 16/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397.

84. NYT, 17/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:396-397. Theo bản tin AP ngày 17/6, đây là cuộc biểu tình chống chính phủ bạo động nhất từ nhiều năm qua; Ibid., III:397n3.

85. Lãnh đạo hệ phái này cho rằng họ là hệ phái lâu đời nhất tại Việt Nam, với hai triệu Phật tử. Mãi tới năm 1964, Cổ Sơn Môn mới gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất.

86. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501; Mẫu, 2003:302-304.

87. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501; Mẫu, 2003:307-313. Theo Nhu, TNCH lên tới 1.5 triệu đoàn viên; Ibid., tr.300, 304, 310.

88. FRUS, 1961-1963, III:401. Gene Gregory từng quen biết Diệm từ thập niên 1950.

89. FRUS, 1961-1963, III, tr. 409-410.

90. Nguyên văn bản dịch tiếng Pháp: "Un bon catholique, en vertu même de la doctrine catholique, est le meilleur des citoyens, attaché à sa patrie, loyalement soumis à l'autorité civile établie, sous n'importe quelle légitime de gouvernement." Ainsi s'explique Pie XI dans l'encyclique illius Magistri du 31 décembre 1929."

91. Nolting, From Trust to Tragedy: The Political Memoirs of Frederick Nolting [Từ tin cậy tới thảm kịch: Hồi ký chính trị của Frederick Nolting] (New York: Preager, 1988), tr. 115-116. Lập luận của Nolting giống hệt tuyên cáo của chính phủ Diệm ngày 21/8/1963– "lợi dụng tín ngưỡng cho mục đích chính trị."

92. Thư ngày 26/6/1963, Tịnh Khiết gửi TT; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541.

93. Ibid., HS 8541.

94. CĐ 1219, 14/6/1963, BNG gửi Đại sứ SG; FRUS, 1961-1963, III:394-395. Charles Ben Wood, người phụ trách Phòng Đông Dương, soạn thảo Kế hoạch này từ tháng 5/1963, chuyển về Oat-shinh-tân ngày 23/5/1963, và được Bạch Cung chấp thuận ngày 6/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 133. Ngày 16/6, Sài-gòn mới nhận được lệnh trên.

95. Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 296, 298.

96. FRUS, 1961-1963, III:400-401.

97. FRUS, 1961-1963, III:402-404.

98. FRUS, 1961-1963, III:392.

99. Max Frankel, "US Warns South Viet-Nam on Demands of Buddhists" [Mỹ cảnh giác Nam Việt-Nam về những đòi hỏi của Phật tử]; NYT, 15/6/1963. Tài liệu BNG ghi là ngày 14/6/1963; FRUS, 1961-1963, III:393.

100. FRUS, 1961-1963, III:392.

101. Báo cáo của Đại tá Nguyễn Văn An ngày 22/5/1963 & 15/6/1963; KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8508.

102. Ngày 18/7, Cảnh sát Quận 5 bắt giữ ba người bị tình nghi hoạt động nội tuyến cho CS trong hàng ngũ Phật Giáo; Ibid., HS 8501.

103. Hội nghị Khu Ủy Khu V mở rộng [từ 15/7 tới ngày 31/7/1963] ra nghị quyết: "trước mắt ra sức nuôi dưỡng mở rộng cuộc đấu tranh của đồng bào Phật Giáo và nhân dân các tầng lớp chống địch đàn áp Phật Giáo, chia rẽ các tôn giáo." [tr. 942] (Huế: thuộc Liên tỉnh 1 của Khu V) Tuy nhiên, đường lối tổng quát không thay đổi: Cần phải và có khả năng kiềm chế địch trong loại chiến tranh thứ ba và thắng địch trong loại chiến tranh ấy [tr. 907]; trường kỳ kháng chiến, đánh địch trường kỳ, giành thắng lợi từng phần [tr. 908]; ở miền núi, đấu tranh võ trang là chính [tr. 910]; ở đồng bằng, đấu tranh chính trị, vũ trang song song.[tr.910]; ở đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu, có kết hợp đấu tranh vũ trang trong một mức độ

nhất định.[tr. 911] [VKĐTT, 24:895-954]

Nghị quyết tháng 10/1963 của Khu VI mới ghi nhận "cần chú ý tranh thủ xây dựng cơ sở trong tín đồ Phật Giáo và từng mặt liên minh hành động tiến tới nắm một số sư sãi tiến bộ, có uy tín trong giới Phật Giáo, cũng như phải tích cực tranh thủ xây dựng những phần tử lớp trên . . . có xu hướng tiến bộ để tiến tới hình thành Mặt Trận lâm thời của thành phố." (VKĐTT, 24:989)

104. CĐ số 1250 gửi Sài Gòn, DOS, Central Files, PER-Lodge, Henry Cabot. (Ngày 22/6, Trueheart báo cáo là Diệm đồng ý tiếp Trueheart vào chiều ngày 22/6; CĐ số 1230 từ Sài Gòn; Ibid)

105. FRUS, 1961-1963, III:414. Diệm khẳng định với Trueheart là sẽ tôn trọng những điều thỏa thuận với Phật giáo; phủ nhận không có việc Nhu sử dụng Thanh Niên Cộng Hoà để chống lại Phật giáo; nhưng không đề cập gì đến Bạch thư của Lệ Xuân. Về Cổ Sơn Môn, Diệm nói họ có quyền tự do họp Đại Hội và bày tỏ ý kiến. Việc phóng thích những người tham dự biểu tình, Diệm nói cần thanh lọc; nếu họ không Cộng sản sẽ được phóng thích. Tóm lại, chính Diệm tách dần khỏi những lời cố vấn của Mỹ; Ibid., III:411-413.

106. Ibid.

107. CĐ 1271, 26/6/1963, Ball gửi Đại sứ VN; Ibid., III:415-416.

108. FRUS, 1961-1963, III:427-428.

109. FRUS, 1961-1963, III:426n3.

110. FRUS, 1961-1963, III:429-431; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 304-305.

111. Nolting, 1988:126.

112. The Pentagon Papers (Gravel), II:236; FRUS, 1961-1963, III:474; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 307.

113. US-Vietnam Relations, 1945-1967, Bk 11, tr. 427.

114. FRUS, 1961-1963, III:433n2.

115. FRUS, 1961-1963, III:441-443.

116. FRUS, 1961-1963, III:443-444.

117. FRUS, 1962-1963, III:445-447.

118. FRUS, 1962-1963, III:449-450.

119. Thời thực dân Pháp, cái mũ "Cộng Sản" đồng nghĩa với "phản loạn." Nhưng hiện tượng chụp mũ "Cộng Sản" cho người khác ý kiến hoặc mình không ưa còn phát triển rộng rãi hơn, vì quốc sách miền Nam là "chống Cộng." Tàn tích của thói quen "Tố Cộng" này được bảo quản tốt đẹp ở hải ngoại.

120. FRUS, 1962-1963, III:451-453.

121. Hôm sau, Browne và Arnett bị truy tố về tội hành hung hai Phó Thẩm sát viên công nhựt Nguyễn Văn Lăng và Lâm Văn Lý. Xem báo cáo của Phạm Công Kỉnh, Quận trưởng Cảnh Sát Q. 3, trong KLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8536. Theo Trần Thiện Khiêm, các ký giả này dùng đá và máy ảnh để đánh trả Cảnh sát. Một viên chức nào đó, phê bằng mực đỏ: "Có thực không?" Ibid., HS 8527. BNG Mỹ chỉ thị Trueheart can thiệp để miễn tố. Thoạt tiên, Diệm không đồng ý. Mãi tới ngày 17/7 mới thuận. FRUS, 1962-1963, III:470-472.

122. The Pentagon Papers (Gravel), II:729-33; US-Vietnam Relations, Bk 12:534;

123. FRUS, 1962-1963, III:483-485.

124. Nguyên văn: [He is hurt by what he considers misrepresentations and calumnies (both in Vietnam and outside), torn by conflicting advise, resentful of US pressure, and not completely in control of his government's actions (Nhus). He is, in brief, in a martyr's mood himself.]; CĐ 85, ngày 15/7/1963, Nolting gửi BNG; FRUS, 1961-1963, III:487; Nolting 1988:113.

125. Khán giả và công an, mật vụ khoảng 500 người. Khoảng 11G45, đoàn biểu tình kéo về chùa Xá Lợi, tuyên bố sẽ tuyệt thực 48 giờ. FRUS, 1961-1963, Tài liệu 221; Tâm Châu, 1994:19. Ngày 9/7/1963, Tâm Châu đã viết thư cho Đại sứ Mỹ, yêu cầu Mỹ cho quân bảo vệ chùa Xá Lợi vì đang có dấu hiệu Diệm-Nhu sẽ đánh chùa. Ibid., III:478-479.

126. Mẫu, 2003:353.

127. Báo cáo ngày 23/7/1963 của Đại biểu CP tại Cao nguyên trung phần; TTLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8501.

128. Mẫu, 2003:354-360.

129. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 234. Tưởng nên ghi nhận Hilsman từng là Giám đốc cơ quan sưu tầm và tình báo, từng ghé thăm Sài Gòn vào tháng 1/1963 và gặp gỡ nhiều nhân vật quan trọng, kể cả Ngô Đình Diệm. Xem FRUS, 1961-1963, vol III: Jan-August 1963 (Washington, DC: GPO, 1991), tr. 1-16.

130. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 237.

131. Ngày 24/7, Thuần cho Nolting biết Chiêu đã bị phạt kỷ luật. Báo chí loan tin Chiêu bị 40 ngày trọng cấm. Ngày 26/7, Tịnh Khiết viết thư xin Diệm nhẹ tay hơn với Chiêu. Ngày 30/7, Nhu định truy tố Chiêu ra tòa để có dịp nói rõ "nguyên do thúc đẩy Chiêu biểu tình ... cho báo chí ghi chép." CĐ ngày 31/7/1963, Đổng lý văn

phòng Phủ TT gửi Bộ trưởng Phụ tá Quốc Phòng; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Sau đó, Chiêu được ân thưởng "Trung dũng bội tinh." Theo Vũ Văn Mẫu, các thương phế binh đều là giả; Mẫu, 2003:313-314.

132. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 198, 200.

133. TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Hội còn đại diện chế độ qua New York trình bày với Tổng thư Ký LHQ về cuộc tranh đấu của Phật Giáo vào tháng 10/1963. Tưởng cũng nên ghi nhận, Hội chỉ bênh vực Nhu, và đồng ý bắt Thục cũng như Lệ Xuân phải rời nước để trấn an dư luận.

134. Newsweek, 9/8/1963; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 314.

135. Ngày 11/8, Thuần báo cáo với Nolting là Lệ Xuân giao cho Khiêm tổ chức một lực lượng Mật vụ riêng; nhưng Nhu phủ nhận. Ngày Thứ Bảy, 31/8, khi được ký giả người Úc, Denis Warner, phỏng vấn, Khiêm cho Warner coi một danh sách các viên chức mà Khiêm định ám sát. Theo CIA, Chương, cha Khiêm và Lệ Xuân, coi Khiêm như "bất lực, tham nhũng và hèn nhát;" FRUS, 1961-1963, IV:Tài liệu 68.

136. Ngày 5/8, báo NYT đăng lại tin này; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 312. Tại Việt Nam, Tịnh Khiết cũng viết thư cho Diệm, báo động về Kế hoạch Nước Lũ, gồm hai giai đoạn đảo chính và phản đảo chính giả; Thư ngày 5 & 7//8/1963, Tịnh Khiết gửi TT; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541.

137. Ibid., HS 8541; Mẫu, 2003:344-346.

138. TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541; Mẫu, 2003:343-344.

139. Chính Đạo, Tôn Giáo & Chính trị, 1994:334-335. Xem thêm TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541 (Thanh Tuệ), 8532 (Diệu Quang), 8534 (đô thành)

140. Nolting 1988:117.

141. Trong báo cáo ngày 10/8, Nolting cho biết Thơ, Thuần, Nhu, Mẫu, Bửu Hội v.. v... đưa ra giải pháp sau: Lệ Xuân đi "nghỉ dài hạn," Tổng Giám Mục Thục sẽ được thăng cấp [về Roma]. Thuần còn mật báo rằng các Bộ trưởng đều đồng ý đã đến giờ thứ 11 của Diệm. Lệ Xuân cùng em ruột là Trần Văn Khiêm tổ chức một toán cảnh sát đặc biệt để bắt cóc đối thủ. Chắc chắn Nhu cũng biết việc này.

142. FRUS, 1961-1963, III:Tài liệu 252; Chính Đạo, VNNB, I-C:1955-1963, tr. 315.

143. Nolting, 1988:119.

144. NYHT, 15/8/1963; Nolting 1988:118; KLTQG II, PTT, Đ1CH, HS 8506.

145. Ngày 9/8/1963, trong phiếu trình lên Kennedy về vợ chồng Nhu, Michael Forrestal tiết lộ Miên, Ceylon [Sri Lanka], và Nepal đã đưa vấn đề Phật giáo ra trước văn phòng Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Có thể sẽ họp Đại Hội Đồng LHQ.

146. Văn thư số 4406/NA/CT ngày 10/8/1963; HS 8529)

147. CĐ số 4435-TT/NA/CT/M ngày 12/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

148. Tục danh Bùi Huy Chương (1945-1963), 17 tuổi, tu tại chùa Phước Duyên, Hưng Long, Thừa Thiên; HS 8541; Nguyễn Ngu Í 1964a:42.

149. HS 8541.

150. Nguyễn Ngu Í 1964a:42.

151. CĐ số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í, 1964a:42-43. [Xem chú 13 supra]

152. CĐ số 4470-TT/NA/CT/M ngày 15/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:43)

153. (HS 8532)

154. HS 8527; Nguyễn Ngu Í 1964a:43.

155. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

156. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529)

157. Nguyễn Ngu Í 1964a:43)

158. Nguyễn Ngu Í 1964a:43-44. [Xem chú 13 supra]

159. Nguyễn Ngu Í 1964b:28)

160. CĐ số 4545-TT/NA/CT/M ngày 17/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529; Nguyễn Ngu Í 1964a:46.

161. CĐ số 4529-TT/NA/CT/M ngày 18/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8529.

162. Nguyễn Ngu Í 1964a:33.

163. Nguyễn Ngu Í 1964b:35-6. Theo Vũ Văn Mẫu, Thế đã lẻn về Sài-gòn, xin cho trở lại nhiệm sở cũ. Ngày 19/8,ờ Mẫu ký giấy cho Thế ra đi; Mẫu, 2003:218-221, 387.

164. Phạm Trọng Nhân, "Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi," Bách Khoa, số 169 (15/1/1964), tr. 34. [Sẽ dẫn: Nhân 1964a]

165. Mẫu, 2003:377-379.

165 bis. KLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8541.

166. Phiếu trình ngày 17/8/1963 của Bộ TTM v/v Cộng Sản đang lợi dụng Phật Giáo; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501.

167. Thông cáo của TT/VNCH ngày 20/8/1963; Ibid., HS 8501.

168. Theo tờ trình của Tôn Thất Đính ngày 22/8/1963, phía Tăng ni không có ai bị thương; phía công lực, 20 người bị thương. Tại Sài Gòn, 389 sư ni, 106 Phật tử và 133 học sinh bị bắt giữ. Phiếu Đệ Trình số 0289/QĐIII/VPTL, ngày 22/8/1963, Tôn Thất Đính kính đệ Tổng thống; TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8527 [số cũ: TM-HS.209]; Lê Cung, 2003:312-316. Xem thêm The Pentagon Papers (Gravel), II:232; Tâm Châu 1994:19. Nguyễn Ngu Í 1964b:37-44. [Xem chú 13 supra]

169. Nguyễn Mâu, "Bản tổng kết thành tích kế hoạch thanh toán vụ tranh chấp bạo động của Phật Giáo tại Thừa Thiên-Huế, từ 21/8 tới 20/9/1963 (3/10/1963);" TTLTQG II, PTT/Đ1CH, HS 8501. Theo Mâu, 964 người, kể cả 100 tăng ni, 42 giáo chức, 40 công chức bị bắt, nhưng 638 người, trong đó có 96 tăng ni, được phóng thích; Ibid.

170. Nhân, "Cuốn sổ tay;" Bách Khoa, số 169 (15/1/1964), tr. 31-43, và số 170 (1/2/1964), tr. 21-31); Mẫu, 2003:390-398. Riêng tại Sài-gòn, số tăng ni Phật tử bị bắt lên tới 2,000 người.

171. Nhân 1964a:35-36; Mẫu, 2003:399-418.

172. Sắc Lệnh số 84-TTP, ngày 20/8/1963; KLTTƯ II, PTT/1CH, HS 8501 & 8506 [SC.04-HS.8466; Cung, 2003:311]. Lệnh này hết hiệu lực từ 12G00 ngày 16/9/1963; SL số 104-TTP, ngày 14/9/1963. Tuy nhiên, tình trạng khẩn cấp ban hành ngày 15/10/1961, qua SL 209-TTP, được duy trì cho đến khi có lệnh mới.; Ibid. [8561?] [SC.04-HS.8466]; Lê Cung, 2003:311. "Sắc lệnh tuyên bố tình trạng giới nghiêm" trên toàn quốc.

173. Ngày 6/9, ông Nhu biện bạch với một viên chức CIA Mỹ rằng không liên quan gì đến việc ban hành thiết quân luật hay tấn công chùa chiền. Tối ngày 18/8, các Tướng đã yêu cầu Diệm ban hành thiết quân luật. Ngày 19 hay 20/8, Đỗ Cao Trí cũng vào gặp Nhu trình bày một kế hoạch tấn công các chùa và danh sách những người cần bắt mà Trí đã chuẩn bị từ một tháng trước. Nhu chỉ là con dê tế thần trong cuộc khủng hoảng này. Từ sau ngày 21/8, Nhu vẫn theo đuổi chính sách hòa hoãn. Nhân viên CIA có cảm tưởng Nhu dấu diếm sự thực [deception]; FRUS, 1961-1963, IV, Tài liệu 69.

174. VNCH, UBLBĐTACL, Biên bản số 62: Phiên họp của UBLBĐTACL tại Dinh Gia Long ngày 23/8/1963, tr. 6-12; PTT/1CH, HS 8278.

175. PTT/1CH, HS 8511.

176. HS 8530; CĐ ngày 29/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530) Tài liệu Việt Tấn Xã tăng lên 80,000 người "lên án bọn người lợi dụng tôn giáo để đầu cơ chính trị;" HS 8511.

177. CĐ ngày 29/8/1963, Thừa Thiên gửi BNV; HS 8530.

178. Cao Văn Luận 1972:352-386.

179. Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, Bản tin đặc biệt ngày 24/8/1963; HS 8513; Nhân 1964a:37, 39.

180. PTT ICH, HS 8501.

181. PTT ICH, HS 8513.

182. HS 8511; Herald Tribune, 24/8/1963; Nhân 1964a:34.

183. Nguyên văn: "You must go to Saigon fast and tell Diem and the Nhu's to leave the country now. The people hate them and they shouldn't stay for the people to kill them. They will surely be killed if they stay, and nobody at the Palace now is telling them how the people really feel. They are cut off from reality. Why do they need power, after nine years of it, if the family is killed? The US told Synman Rhee to leave. Why not Diem and Nhu?" JFK Library, NSF Country File, Vietnam; FRUS, 1961-1963, III:666; William C. Gibbons, The U.S. Government and the Vietnam War, 3 vols (Princeton, NJ: Princeton Univ Press, 1993), II:155.

184. FRUS, 1961-1963, IV:114-5. Ngày 5/9/1963, Harriman mới chuyển thư này cho Bundy, Cố vấn ANQG của Kennedy.

185. CĐ số 896, ngày 23/8/1963, Phnom Penh gửi Paris; CLV, SV, d. 17)

186. Bộ Ngoại Giao Pháp, CĐ số 4879/83, Đại sứ ở Mỹ gửi BNG; CLV, SV, 17:29.

187. CLV, SV, 17:33.

188. Từ ngày 11/7/1963, cơ quan an ninh Mỹ đã ghi nhận có dấu hiệu là các sĩ quan cao cấp và ngay chính Nhu đang âm mưu đảo chính. Trong hai buổi tiếp xúc với "khoảng 14 Tướng," kể cả tân Thiếu tướng Đỗ Cao Trí, Tư lệnh QĐ I, Nhu tuyên bố có thể có một cuộc đảo chính nếu Diệm trở thành "nô bộc" của Mỹ [if he believed the government, meaning Diem, was becoming servile to the United States, he himself would lead a coup d'Etat]. Ngày 25/6, chính Nhu cũng nói với một quan sát viên Mỹ như trên. FRUS, 1961-1963,

III:490-491. Ngày 13/7, cơ quan CIA báo cáo Đôn tự nhận nằm trong một nhóm âm mưu đảo chính; Ibid., III:491. Ngày 15/7, một cá nhân thuộc nhóm Trần Kim Tuyến tuyên bố sắp có đảo chính, nhưng không trước ngày 20/7. Ngày 16/7, Big Minh nghĩ cần phải có sự thay đổi chính phủ; Ibid., III:491n8.

189. Nolting, 1988:121.

190. FRUS, 1961-1963, III:605.

191. The Pentagon Papers (Gravel), II:234.

192. FRUS, 1961-1963, III, tài liệu 275; Chính Đạo, VNNB, IC: 1961-1963, tr. 208, 322-323. Trong hồi ký của McNamara, đoạn nói về Lệ Xuân, tương tự như nhận định này. McNamara còn gọi Lệ Xuân là "một mụ phù thủy." Theo cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, năm 1954, đài phát thanh Quân Đội Quốc Gia đã phát thanh hầu như mỗi ngày một câu đồng dao: "Nực cười cho họ Ngô Đình, Trai không có vợ, mượn tình em dâu." Trai không có vợ ám chỉ Ngô Đình Diệm, và "em dâu" là Lệ Xuân; Trả Ta Sông Núi (Houston: Văn Hóa, 2001), tập I, tr. 310.

193. FRUS, 1961-1963, III, Tài liệu 174, 273.

194. FRUS, 1961-1963, III:607-610.

195. FRUS, 1961-1964, IV:175.

9/2003 - 8/5/2008

Chính Đạo

[Source: Tạp chí *Hợp Lưu* số 88, 89 và 90 http://www.hopluu.net/default.aspx?LangID=0&tabId=445&ArticleID=250]

PHÙ ĐỔNG 63

(Để nhớ tất cả những vị khách bất đắc dĩ
của Hội Trường Nha Công An Trung Nguyên Trung Phần
kể từ sáng ngày 21.8.1963)

Hoàng Nguyên Nhuận

Qua cuộc đấu tranh chống lại chế độ nhà Ngô năm 1963, Phật giáo vùng đứng dậy như một Thánh Gióng, một Thạch Sanh để chống lại một chế độ đã nhân danh tư cách và quyền lợi ý thức hệ để xâm phạm và chà đạp những quyền căn bản và truyền thống của đồng bào đồng loại.

Biến cố nầy cũng đẩy Phật giáo Việt Nam vào vận thăng trầm chung của đất nước đang ở vào thời cao điểm cùng tắc biến của Chiến Tranh Lạnh.

Biến cố nầy thường được sử sách nhắc tới nhiều cách khác nhau như "*vụ Đài Phát Thanh Huế*", "*vụ cờ Phật Giáo*", "*phong trào Phật giáo chống chính quyền*", "*vụ Phật Đản 63*".v.v... Và sử sách cho đến bây giờ vẫn chưa đồng ý về một vài điểm như lệnh cấm treo cờ Phật giáo, "bài diễn văn" của Thượng Tọa Trí Quang trong lễ Phật Đản 1963, cuộc biểu tình tại Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản, thỏa hiệp giữa chính quyền và Phật giáo sau vụ Đài Phát Thanh Huế, Hoa Kỳ và biến cố 1963, kế hoạch Nước Lũ 20.8, việc Thượng Tọa Trí Quang tỵ nạn chính trị trong Tòa Đại Sứ Mỹ, Phật giáo và cách mạng 1.11.

Vì mọi chuyện xảy ra đều do trùng trùng duyên khởi, vì người ta thường nhớ những gì "đáng" nhớ, vì ngôn từ có thể bộc bạch mà cũng có thể ngụy trang thực tại nên tham vọng xác quyết một sự thật khách quan chỉ là tham vọng bắt lươn đầu đuôi. Lão Tử đã nhắc nhở điều đó khi nói về "đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh". Một đôi người vẫn tin vào các sử liệu chính thức là các hồ sơ công văn đã - hoặc sẽ dần dần, được bạch hóa. Nhưng cứ xem qua một vài ví dụ như *Pentagon Papers* của Daniel Ellsberg, hay *Before The Fall* của William Safire (1), hay *In Retrospect* của

MacNamara (2) mới thấy công văn hay ý kiến công khai chính thức của người chủ động trong cuộc chưa hẳn đã rành rọt khúc chiết như hai với hai là bốn.

Sự thật trước tiên là điều để mà sống với chứ không phải là điều để mà nói về. Truyền đạt hay cảm thông sự thật đó với người khác là chuyện đến sau, tùy cơ duyên người nói người nghe. Những điều được ghi lại sau đây vẫn còn thiếu sót, đã hẳn. Khác biệt duy nhất - nếu có, chính là chỗ điều ghi lại ở đây đã được tẩm bằng máu, nước mắt, nụ cười của kẻ đã chấp nhận dấn thân vào biến cố đó như một cách trả nợ đời, một cách giải nghiệp.

LÁ CỜ CHỈ LÀ MIẾNG VẢI KHÔNG ĐÁNG BA XU

Michael MacLear gọi Huế là thánh địa của Phật giáo Việt Nam như Mecca là thánh địa của Hồi giáo hay Vatican là thánh địa của Kitô giáo (3). Huế là cái nôi và là trụ sở của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam thành lập năm 1950 do sự hợp nhất của Phật giáo Bắc, Trung, Nam.

Nguyện vọng của Phật giáo bấy giờ là nhất thống tổ chức để có thể điều hợp một cách hiệu quả hơn các Phật sự của tín đồ toàn quốc trong một tình thế đang có nhiều chuyển biến. Nhưng luật pháp không cho phép nguyện vọng đó thành tựu vì Dụ số 10 do Bảo Đại ban hành năm 1950 chỉ mặc nhiên thừa nhận một tôn giáo duy nhất ở Việt Nam là Kitô giáo Vatican dù Kitô giáo ở đây cũng chỉ là một chi nhánh của Kitô giáo Pháp do Hội Truyền Giáo Hải Ngoại Paris (MEP: Mission Etrangère de Paris) trực tiếp điều hành mãi đến năm 1960 mới được thay thế bằng Hội Đồng Giám Mục được Vatican khai sinh để quản trị Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. Theo tinh thần đó, Việt Nam không có một tôn giáo nào đúng nghĩa cả, trừ Kitô giáo. Phật giáo cũng như Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo đều chỉ có tư cách pháp nhân của hiệp hội, tương tự như hội đua ngựa, hội thể thao, hội tương tế... Điều nầy giải thích tại sao khi đã hợp nhất rồi Phật Giáo Việt Nam vẫn phải núp dưới cái tên *Tổng Hội* Phật Giáo (Association Générale) chứ không thể xưng là *Giáo Hội* Phật Giáo (Église hay Chrch), chưa kể một khó khăn khác là bất cứ lúc nào chính quyền có thể cấm dùng luôn hai chữ Phật Giáo và bắt phải gọi là Phật Học mới chấp nhận cho lập hội.

Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đặt trụ sở trung ương tại chùa Từ Đàm Huế và quyết định lấy cờ Phật Giáo quốc tế làm cờ của Phật giáo Việt Nam. Miếng vải ngủ sắc nầy quả đã ấp ủ nguyện vọng thâm

trầm của Phật giáo trong giai đoạn đó là thoát khỏi những áp lực tôn chính nặng nề do ngoại nhân áp đặt để được tồn tại như một tôn giáo Việt Nam, trước mắt là hủy bỏ những ràng buộc kỳ thị bất công của Dụ số 10.

Huế có hai cuộc lễ quần chúng lớn lao là lễ Phật Đản và ngày cúng âm hồn 23 tháng Năm âm lịch - thường được gọi là ngày thất thủ kinh đô, trong đó dân Huế đã dùng tín ngưỡng để kỷ niệm ngày độc lập quốc gia bị bức tử khi Pháp đánh chiếm thủ đô Huế.

Theo thông lệ hàng năm, đến ngày Phật Đản các tư gia đều treo cờ Phật giáo, có nơi lập bàn thờ trước nhà hay những nơi công cộng như ngã ba, ngã tư đường hay các công viên công trường.

Năm 1963, Đài Phát Thanh Huế cũng dành cho Phật giáo mấy chương trình buổi tối để kỷ niệm Phật Đản. Phụ trách buổi phát thanh Phật giáo đêm 6 tháng 5 là Gia Đình Phật Tử, đêm 7-5 là Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế, và đêm 8-5 hay đêm Phật Đản do chính Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, ngoài phần tin tức Phật sự, chương trình thường cho phát thanh lại phần ghi âm buổi lễ Phật Đản chính thức hồi trưa.

Chương trình Phật Đản 1963 còn có lễ rước Phật từ Chùa Diệu Đế về Chùa Từ Đàm để cử hành lễ chính thức. Chịu trách nhiệm chung về buổi lễ Phật Đản 1963 tại Huế là Thượng Tọa Trí Quang, Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần, trực tiếp chịu trách nhiệm cuộc rước Phật là Thượng Tọa Mật Hiển mà Phật tử thường gọi là Ôn Trúc Lâm (4).

Trước lễ Phật Đản, các tỉnh thị toàn quốc đều nhận được công điện số 9195 ngày 6.5.1963 của Phủ Tổng Thống nhắc lại lệnh cấm treo cờ tôn giáo nơi tư gia cũng như nơi công cộng nghĩa là ở các lễ đài, các quyền môn mừng Phật Đản. Công điện nầy đến Huế vào ngày 7.5 và đúng là giọt nước rót vào bình nước đã đầy be. Phát ngôn viên của Tòa Đại Sứ Mỹ sau nầy đã ví von rằng Tổng Thống Việt Nam ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo trong ngày Phật Đản thì cũng chẳng khác gì Tổng Thống Mỹ ra lệnh cấm hát thánh ca trong lễ Giáng Sinh (5). Cảnh sát công an cứ theo lệnh mà thi hành khiến cho nhiều nơi xảy ra xô xát giữa Phật tử và nhân viên công lực. Phật tử Huế còn xúc động hơn vì suốt mấy tuần qua, Kitô giáo và chính quyền Huế đã tưng bừng kỷ niệm lễ thụ phong linh mục của Ngô đình Thục, và thành phố Huế tràn ngập cờ Vatican, ngay cả những nơi không có một tín đồ hay một cơ sở Kitô giáo nào cả.

Đối phó với lệnh cấm treo giáo kỳ đó, Tổng Hội Phật Giáo đã

họp khẩn vào chiều 7.5 và quyết định cử một phái đoàn Trưởng Lão đến gặp Thị trưởng Huế kiêm Tỉnh trưởng Thừa Thiên Nguyễn văn Đẳng yêu cầu chính quyền thu hồi công điện về giáo kỳ. Cuộc đấu tranh của Phật Giáo chính thức bắc đầu từ lúc đó chứ không phải đợi đến ngày hôm sau với những phát biểu nẩy lửa của Thượng Tọa Trí Quang hay thảm cảnh đẩm máu tại Đài Phát Thanh Huế.

Nếu tinh ý, chính quyền hẳn thấy quyết tâm của Phật giáo qua hành động xuất tướng bằng phái đoàn trưởng lão đó để rồi có thể đối phó thức thời và uyển chuyển hơn. Đáng tiếc là chính quyền không chịu nhận thấy điều đó cho nên phái đoàn đại diện Phật Giáo chỉ nhận được những giải thích quanh co và những hứa hẹn mơ hồ tự thị. Phần lớn cũng vì uy quyền quốc gia trong chế độ nầy không nằm trong một hệ thống minh bạch nào cả. Trên Thị Trưởng còn có Đại Biểu Chính Phủ, trên Đại Biểu Chính Phủ còn có Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung Ngô đình Cẩn, trên Ngô đình Cẩn còn có ông bà Cố Vấn Chính Trị Ngô đình Nhu, trên ông bà Ngô đình Nhu là Tổng Thống Ngô đình Diệm, trên Tổng Thống là Giám Mục Ngô đình Thục vừa chăn chiên vừa giữ thành trong tư cách "quyền huynh thế phụ" tuyệt đối. Và đương nhiên, trên tất cả những quyền lực bản xứ đó là Đại Sứ Vatican hay Khâm Sứ Tòa Thánh nắm trọn linh hồn tập thể tín hữu Ki - tô đang đứng sau lưng anh em họ Ngô và Toà Đại Sứ Mỹ thần hộ mạng Ngô đình Diệm.

Trong khi Tổng Thống Ngô đình Diệm dằn mặt những âm mưu đối lập rằng "*sau Hiến Pháp còn có tôi*" và Giám Mục Ngô đình Thục nói thẳng "*lá cờ chỉ là một miếng vải ba xu có chi mà phải tranh đấu...*" (6) thì Phật Giáo Huế quả đã đi vào con đường hẽm một chiều vậy.

CUỘC RƯỚC PHẬT VÀ NHỮNG BIỂU NGỮ BỐC LỬA

Ngày Phật Đản 1963 bắt đầu bằng lễ rước Phật từ Chùa Diệu Đế lên Chùa Từ Đàm do các đoàn thể như Khuôn Hội Phật giáo, Gia Đình Phật Tử, Sinh Viên Phật Tử, Công Chức Phật Tử, Tiểu Thương Phật Tử... phụ trách. Hàng lãnh đạo Phật giáo, các hàng Phật tử, đại diện chính quyền trong đó có Thị Trưởng Huế, các quan khách trong đó có đại diện của Toà Lãnh Sự Mỹ và Đài Loan và đại diện của Phòng Thông Tin Văn Hóa Pháp tại Huế và Phật tử thì tề tựu ở Từ Đàm chờ Phật "về" đến để cử hành lễ chính thức.

Hôm nay Phật về hơi trễ. Lý do vì đoàn rước Phật vừa băng qua cầu Gia Hội để vào đường chính của thành phố thì một loạt các biểu

ngữ lạ xuất hiện ngay trong đoàn rước Phật như sấm chớp làm ù tai hoa mắt không những số công an cảnh sát đang lăm le canh chừng đoàn rước Phật mà cả đối với những dân chúng và Phật tử đứng đầy hai bên đường xem đoàn rước đi ngang. Những biểu ngữ ấy viết:

- Chúng tôi đã đến lúc bị bắt buộc phải tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng. Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào

- Phản đối chính sách bất công gian ác

- Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ

- Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo

- Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng

- Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ Chánh Pháp dù phải hy sinh

Không đợi chính quyền phản ứng bằng cách ngăn chận và giải tán đoàn rước, tịch thu các biểu ngữ và bắt giam những người căng biểu ngữ v.v..., với tư cách người chịu trách nhiệm về đoàn rước, Thượng Toạ Mật Hiển đã ra lệnh ngưng đoàn rước và tịch thu các biểu ngữ rồi mới cho đoàn rước tiến hành. Các biểu ngữ bị tịch thu, đoàn rước tiếp tục tiến lên một quảng thì đợt biểu ngữ thứ hai với nội dung y hệt lại lác đác xuất hiện ở những đoạn khác trong đoàn rước. Tình trạng đó xảy ra mấy lần và cuối cùng Ban Tổ Chức phải mời cả Thượng Toạ Trí Quang xuống hiện trường ra lệnh dẹp các biểu ngữ để lễ rước Phật có thể tiếp tục và hứa với những người trương biểu ngữ là khi về đến Từ Đàm Thượng Toạ sẽ trả lời về những yêu sách trên các biểu ngữ đó. Đoàn rước cuối cùng đã về đến Từ Đàm...

Với tư cách trưởng ban tổ chức lễ Phật Đản 1963 tại Huế, Thượng Toạ Trí Quang đã đứng ra cáo lỗi vì lễ đã không cử hành đúng chương trình. Lý do chậm trễ đó là các biểu ngữ đột ngột xuất hiện trong cuộc tuần hành. Một lần nữa, Thượng Toạ yêu cầu Phật tử căng các biểu ngữ ấy lên cao cho mọi người thấy rõ họ muốn gì. Những biểu ngữ đã biến mất hồi sáng giờ lại xuất hiện. Thượng Toạ đọc lần lượt từng biểu ngữ, giải thích nội dung cũng như nguyên nhân tại sai có biểu ngữ đó và ghi nhận nguyện vọng phản ảnh qua những biểu ngữ đó. Không khí khuôn viên Chùa Từ Đàm như có chuyền điện, mặt đất khuôn viên chùa như rung chuyển theo từng lời của Thượng Toạ. Thượng Toạ không đọc một diễn từ soạn sẵn hay ứng khẩu nào cả nhưng những lời giải thích các biểu ngữ của Thượng Toạ đã biến thành một cáo trạng mạch lạc và minh bạch về thảm cảnh bất bình đẳng và đàn áp tôn giáo mà Phật giáo là nạn nhân từ thời Pháp

thuộc và nhất là từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

Sau phần ứng khẩu giải thích biểu ngữ của Thượng Tọa Trí Quang là phần nghi lễ diễn ra một cách bình thường êm đẹp. Nhưng đó chỉ là êm đẹp bề mặt bởi theo đúng chương trình thì những lời ứng khẩu nẩy lửa của Thượng Tọa Trí Quang trưa hôm nay đã được ghi băng và sẽ được phát lại trong buổi phát thanh Phật giáo tối hôm nay...

KHÔNG PHẢI LÀ LẦN ĐẦU

Trước biến cố Phật Đản 1963 và về phương diện đối kháng không cộng sản, ít ra chính quyền, trong 8 năm cai trị, cũng đã đi qua 6 cơn bão tố chính trị như (i) cuộc biến động Bình Xuyên-Nguyễn văn Hinh, (ii)vụ đối đầu của lực lượng vũ trang Quốc Dân Đảng tại chiến khu Ba Lòng, (iii) vụ ám sát hụt ở Ban Mê Thuột của Hà minh Trí, (iv) phong trào vận động dân chủ chính trị hay phong trào Caravelle 4/1960 của nhóm Nguyễn xuân Chữ, (v) vụ binh biến 11/1960 của Nguyễn chánh Thi và (vi) cuộc ném bom Dinh Độc Lập 2/1962 của Phạm phú Quốc - Nguyễn văn Cử. Trong cả sáu lần đó, không một bản cáo trạng công khai nào nhằm vào chế độ được tung ra. Thượng Tọa Trí Quang là người đầu tiên công khai ứng khẩu bản cáo trạng cô đọng thành sáu tấm biểu ngữ mộc mạc nhưng vang như sấm, xẹt lửa như lằng chớp và xoáy sâu vào tâm khảm của hơn tám mươi phần trăm dân chúng cảm thấy mình là Phật tử cách nầy hay cách khác. Sáu biểu ngữ đó chỉ xoáy vào điểm duy nhất là tự do tín ngưỡng và bình đẳng tôn giáo (7).

Nhưng về điểm nầy, Thượng Tọa Trí Quang cũng không phải là người đầu tiên.

Đất nước chia đôi, Ngô đình Diệm được Mỹ đưa về xóa bỏ chế độ Quốc Gia, lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại, thành lập chế độ Cộng Hòa Việt Nam. Chính quyền Ngô đình Diệm là một cái Big Mac một bên là chính quyền Mỹ, một bên là thế lực Kitô giáo Hoa Kỳ và Vatican, kẹp ở phần giữa là gia đình họ Ngô và tay chân. Ngoài ba thành phần đó ra, tất cả còn lại đều được nhìn dưới con mắt "ai không theo ta là kẻ thù của ta" như Thánh Kinh dạy. Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, và cả Tin Lành đều được nhìn dưới con mắt ấy. Tình trạng trở thành tệ hại cho người Phật tử từ khi có chiến dịch Tố Cộng, có phong trào Dinh Điền khẩn hoang lập ấp và có phong trào Ấp Chiến Lược. Dưới mắt một số người hăng say với nhiệm mệnh thừa sai và tin rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện thì các biện pháp chính

trị kinh tế xã hội đó là những cơ hội tốt để đưa những kẻ ngoại đạo về với "ánh sáng Phúc Âm". Sa vào hoàn cảnh ấy, người Phật tử chỉ còn ba đường hoặc theo đạo Ki - tô để hưởng đặc ân, hoặc "bõ" đạo Phật "theo" Đạo Ông Bà để được tạm thời yên thân, hoặc chọn cái chết để giữ đạo gốc. Tình trạng đó ngày càng trở thành tệ hại, nhất là ở Nam Trung Phần và cao nguyên kể từ năm 1959. Phật giáo đã không nhắm mắt trước hiện tượng "bất công gian ác" đó. Ngày 20.2.1962, Pháp Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đã gởi cho Tổng Thống Ngô đình Diệm và Chủ Tịch Quốc Hội Trần văn Lắm một hồ sơ đúc kết hàng trăm vụ "bất công gian ác" đối với Phật tử và yêu cầu chính quyền hãy vì quyền lợi quốc gia kịp thời can thiệp (8). Nhưng ngay cả việc đơn giản hồi âm cho Phật giáo biết là đã nhận được hồ sơ -một biện pháp hành chánh và lịch sự tối thiểu, Ngô đình Diệm và Trần văn Lắm đều không nhớ đến nữa thì còn mong gì chuyện xét can thiệp.

Trưa ngày Phật Đản 1963, trong khi đọc và giải thích nội dung sáu biểu ngữ "tự phát" nêu trên, Thượng Tọa Trí Quang thật ra chỉ nhắc lại những gì Phật Giáo đã nói từ trước. Khác chăng là lần nầy Phật giáo không dùng văn thư tay đôi tay ba nữa mà bằng biểu ngữ, bằng lời nói công khai cho vạn người nghe, và có thể cho triệu người nghe khi cuộn băng thu âm lễ Phật Đản được quây phát lại trong chương trình phát thanh của Phật giáo tối hôm đó.

ĐÀI PHÁT THANH HUẾ ĐÊM PHẬT ĐẢN

Đài Phát Thanh Huế nằm ngay chân cầu Tràng Tiền phía hữu ngạn sông Hương. Đến tối, xướng ngôn viên đài xin lỗi vì lý do … kỷ thuật chương trình thường lệ dành cho Phật giáo không thể phát thanh được và lấp chỗ trống bằng nhạc. Điều nầy khiến Phật tử thắc mắc tức bực đổ về trong khuôn viên đài mỗi lúc một đông. Không biểu ngữ, không hoan hô đả đảo, chỉ lặng yên chờ cho đài giải quyết xong phần kỷ thuật để được nghe lại những lời Thượng Tọa Trí Quang nói hồi sáng tại chùa Từ Đàm. Thế thôi, ít ai nghĩ rằng mình đang được chứng kiến một cuộc biểu tình, một cuộc đấu tranh bất bạo động đang diễn ra trước mắt.

Rồi nhạc lấp chỗ trống cũng hết, làn sóng đài bỗng lặng câm, mở đầu cho một diễn biến mới khi một chiếc xe thông tin gắn loa phóng thanh cực mạnh đến loan báo là chính quyền được tin đêm nay Việt Cộng sẽ xâm nhập phá hoại một vài cơ quan công quyền trong thị xã vậy yêu cầu đồng bào giải tán. Thông báo đầy hăm dọa đó được

lặp đi lặp lại nhiều lần cùng với sự tăng cường dồn dập của cảnh sát công an và quân đội tháp tùng một số xe cứu hỏa và xe bọc thép trong đó có một chiếc mang tên *Ngô Đình Khôi*. Đồng lúc, Thượng Tọa Trí Quang cùng với Tỉnh Trưởng Thừa Thiên kiêm Thị Trưởng Huế đến và đi thẳng vào Đài Phát Thanh. Họ vừa vào chưa được bao lâu thì các xe cứu hỏa bắt đầu xịt nước vào dân chúng và tiếp đó những tiếng nổ lớn như tiếng mìn hay lựu đạn mở đầu cho hàng loạt tiếng súng lớn nhỏ từ các xe bọc thép, từ số quân nhân và công an cảnh sát tăng cường. Các xe bọc thép vừa bắn vừa húc bừa vào dân chúng hoảng loạn và phẫn nộ. Phe chính quyền cố đánh đuổi dân chúng khỏi khuôn viên Đài Phát Thanh Huế bằng những biện pháp sắt máu và quyết liệt nhất trong khi một số Phật tử quyết nhào vào để cứu những người bị thương đang quằn quại và số bị chết đang nằm la liệt khắp nơi cũng như "để bảo vệ Thầy" đang kẹt trong đó.

Kẻ chỉ huy cuộc giải tỏa nầy là Thiếu Tá Đặng Sỹ, Phó Tỉnh Trưởng Nội An. Phe chính quyền vô sự, phía Phật giáo thì Thượng Tọa Trí Quang được hộ tống về chùa an toàn nhưng đã có 9 Phật tử chết và 14 bị thương.

NGUYỆN VỌNG NĂM ĐIỂM

Vụ thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế đêm Phật Đản biến Huế thành mồi lửa làm cháy rụi cả một cơ đồ chính trị tôn giáo xây dựng hơn trăm năm qua. Quả vậy, khi vụ Phật Đản mới bùng nổ, Linh Mục Jean Renou một nhà thừa sai kỳ cựu với ba mươi bảy năm kinh nghiệm ở Viễn Đông đã phải lo ngại thốt lên: "*Thằng cha nầy* (Diệm) *điên rồi! Hắn đang hủy hoại tất cả những gì chúng ta hoàn thành được suốt một trăm năm mươi năm qua!*" (9)

Suốt đêm 8.5 và ngày 9.5, Huế có hàng ngàn đám biểu tình tự phát không chỉ của dân chúng thanh niên sinh viên học sinh nội thành mà cả của đồng bào ngoại thành xa xôi đổ về chùa Từ Đàm để bày tỏ nguyện vọng và hỏi thăm tin tức. Công an cảnh sát quân đội tràn ngập phố phường. Các đám biểu tình tuần hành nầy phải đi qua nhiều nút chận căng thẳng nhưng chưa có hành hung đập phá, đốt nhà đốt xe, đốt công sở. Suốt cả ngày 9.5, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên đã đích thân đưa Thượng Tọa Trí Quang đi khắp nơi trấn an đồng bào và Phật tử. Hình ảnh một ông Tỉnh Trưởng lái chiếc Citroen 2CV và một ông thầy tu mặc áo nâu đội nón lá đứng trên mui xe khản cổ kêu gọi đồng bào Phật tử giải tán đợi lệnh chùa là hình ảnh đặc thù ngày hôm đó.

Chính quyền một mặt nhờ chùa "chữa lửa", một mặt lại rửa tay

chạy tội bằng cách tuyên bố cuộc thảm sát ở Đài Phát Thanh Huế là do Việt Cộng gây ra. Điều nầy đã khiến cho quần chúng Phật tử nổi nóng thêm, càng hăng biểu tình hơn, càng quyết liệt hơn khi đối đầu với nhân viên công lực ngăn chận biểu tình.

Ngày 10.5. Phật giáo triệu tập đông đảo quần chúng về chùa Từ Đàm để thông báo hai quyết định, thứ nhất xác quyết các Phật tử bị tàn sát tại đài Phát Thanh Huế là những Thánh Tử Đạo, thứ hai công bố bản Tuyên Ngôn Của Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam thường được gọi là bản "nguyện vọng năm điểm" gồm có thứ nhất lệnh cấm giáo kỳ phải được thu hồi, thứ hai Phật giáo phải được đối xử bình đẳng như Ki - tô giáo, thứ ba chấm dứt đàn áp khủng bố Phật tử, thứ tư Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo, và thứ năm quy trách kẻ chủ mưu tàn sát và đền bù cho các nạn nhân vụ Đài Phát Thanh Huế.

Bản Tuyên Ngôn nầy do Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết nhân danh toàn thể Phật Giáo Việt Nam ký phổ biến. Phật giáo đã chính thức minh định vấn đề, đến lượt chính quyền phản ứng vậy.

CÔ LẬP VÀ ĐÀN ÁP

Bản Tuyên Ngôn năm điểm của Phật giáo công bố ngày 10.5, đến ngày 23.5 lại được bổ túc bằng một "phụ đính", và đến 25.5 lại được thêm vào một "phụ trương". Nói thế khác, chính quyền càng né tránh giải quyết vấn đề thì yêu sách của Phật giáo càng cụ thể chi tiết thêm.

Vì chính quyền chỉ có một phản ứng duy nhất là cô lập và đàn áp nên công việc cấp thiết của các nhà lãnh đạo Phật giáo là nuôi dưỡng tinh thần quật khởi của Huế, gấp rút chuyển địa bàn hoạt động vào Sài Gòn và phát khởi hoạt động đấu tranh tại các tỉnh lớn.

Thượng Toạ Trí Quang, linh hồn của phong trào tranh đấu, Thượng Tọa Thiện Minh, đầu não chiến lược của phong trào, và Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội đều vào Sài Gòn. Công việc ở Huế giao lại cho Thượng Tọa Trí Thủ, Thiện Siêu, Mật Nguyện, Mật Hiển cùng đảm nhận. Thượng Tọa Tâm Châm đại diện Phật giáo Bắc Việt và là Phó Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam được suy cử làm Chủ Tịch phong trào đấu tranh dưới danh nghĩa Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, Chùa Xá-Lợi trụ sở chính của Phật giáo Nam Phần biến thành tổng hành dinh của Ủy Ban.

Ở Huế, sau ngày 10.5, phong trào được quạt lên với chiến dịch mít-tinh, học tập, tuyệt thực, cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo được thành tựu. Chủ chốt của chiến dịch đợt nầy là sinh

viên học sinh Phật tử. Thành phần trẻ có học nầy đem lại cho phong trào một sinh khí và sắc diện mới chứng tỏ Phật giáo không chỉ lôi cuốn thành phần vong niên hay cao niên đã chán sự đời mà còn hấp dẫn thế hệ đang hăm hở hướng về tương lai của dân tộc và tín ngưỡng. Mấy chữ "*Công Bằng Xã Hội*" đã được nhắc nhở nhiều hơn trong ngôn từ tranh đấu của tầng lớp nầy. Hai điểm tập họp chính của họ là Từ Đàm và Diệu Đế. Họ đến nghe tin tức, trò chuyện với bạn bè đồng lứa, tụng kinh cầu nguyện, phát thanh tin tức Phật sự qua hệ thống phóng thanh trong chùa, phổ biến truyền đơn tài liệu, tuyệt thực, xuống đường bày tỏ nguyện vọng. Họ thường bị đàn áp thẳng tay. Dùi cui, mũi giày trận, báng súng, lưỡi lê, quân khuyển, lựu đạn cay, lựu đạn cháy, xe cây, nhà tù là chuyện cơm bửa. Nhưng chính quyền càng mạnh tay thì lực lượng nầy càng trở nên đông đảo vì cái tính "quân tử Tàu" hay mã thượng của đám trẻ. Tầng lớp nầy lại kéo theo những thế lực hỗ trợ mới là giới tiểu thương, quân nhân, công chức, giáo chức, Hướng Đạo... để tăng cường cho lực lượng cơ hữu nòng cốt của Phật giáo là các Thầy các Cô chùa Hội (10), các Khuôn Hội Phật tử địa phương và các đoàn Gia Đình Phật Tử kỳ cựu thuần thành.

Tình trạng đó kéo dài cho đến 3.6. khi sinh viên Phật tử tung ra những đợt biểu tình ồ ạt rộng lớn để rồi nhận chịu những đàn áp khốc liệt nhất. Một số sinh viên bị bắt, 149 người bị thương trong đó có 69 người bị thương trầm trọng. Khi bị đàn áp truy kích, cả ngàn sinh viên học sinh phải rút về chùa Từ Đàm. Chính quyền ra lệnh giới nghiêm và phong tỏa chùa, đồng thời cắt điện cắt nước và cắt luôn thực phẩm tiếp tế cho chùa.

Cuộc đàn áp và phong tỏa nầy đã gây những chấn động không lường trước được...

HOA KỲ VÀ VỤ PHẬT GIÁO

Khi vụ Phật Đản xảy ra, chính quyền Kennedy đã bàng hoàng tự hỏi "*Họ* (Phật tử Việt Nam) *là ai vậy*"? Nếu Kennedy và các cố vấn thân cận không biết chút gì về Phật giáo thì cũng chẳng có gì lạ bởi hai tai mắt chính của Washington ở Sài Gòn là Đại Sứ Nolting và Giám Đốc CIA Richardson đều bênh vực anh em nhà Ngô từ đầu đến cuối.

Rủi cho anh em nhà Ngô là khi vụ Phật Đản xảy ra thì Nolting lại rời Việt Nam đi nghỉ phép thường niên để cho Phó Đại Sứ Trueheart xử lý thường vụ. Cho nên khi lờ mờ hiểu được "họ" là ai

thì Kennedy đã vội chỉ thị Trueheart phải "*dùng những lời lẽ mạnh mẽ nhất để khuyến cáo những biện pháp cần thiết*". Ngày 4.6 Trueheart gặp Bộ Trưởng Nguyễn đình Thuần cho biết Tòa Bạch Ốc muốn Ngô đình Diệm phải ngưng đàn áp Phật giáo và phải giải quyết cụ thể những yêu sách của Phật giáo. Ngày 5.6, Phó Tổng Thống Nguyễn ngọc Thơ được lệnh tiếp xúc sơ bộ với Phật giáo.

Nhưng trong khi Ngô đình Diệm tỏ ra nhượng bộ áp lực của Mỹ thì Bà Ngô đình Nhu lại không. Ngày 7.6, Bà đã tố cáo các nhà lãnh đạo Phật giáo là tay sai cộng sản. Trueheart gặp Diệm để than phiền và yêu cầu cách cãi chánh thì Diệm tảng lờ như thể là ông cũng nghĩ như bà em dâu vậy.

Ngày 11.6, Washington nhận được phúc trình về tình hình của Trueheart gởi sang. Trueheart xác quyết cộng sản không có ảnh hưởng đối với phong trào Phật giáo và quả thật một số Phật tử muốn lật đổ chính phủ. Mặt khác, Trueheart nhận rằng nếu để lâu quá thì những phản ứng tích cực của chính quyền nếu có sẽ không gây ra được hậu quả mong muốn nhưng có còn hơn không và Trueheart tin chính quyền vẫn chưa muộn để thỏa mản những đòi hỏi của Phật giáo. Hy vọng của Trueheart đã bị ngọn lửa Quảng Đức đốt cháy sém. Colby trùm CIA nhận định rằng ánh lửa Quảng Đức đã làm cho dân Mỹ thấy dân chúng Việt Nam không đứng sau lưng chính quyền của họ và do đó dân Mỹ sẽ không ủng hộ chính sách Mỹ ở Việt Nam nữa. Ánh đuốc Quảng Đức là một mồi lửa giữa cánh đồng khô hạn. Phong trào tranh đấu của Phật giáo đã âm ỉ dâng lên sau vụ Đài Phát Thanh Huế, sau các cuộc biểu tình tuyệt thực quyết liệt của sinh viên giờ đã ngùn ngụt lan rộng từ Đông Hà đến Cà Mâu, từ Sài Gòn lên cao nguyên. Nơi nào có chùa là nơi đó có tụng kinh cầu nguyện, có cờ, có biểu ngữ, có truyền đơn, có phát thanh. Phong trào đấu tranh không chỉ thu hút đồng bào Phật tử, tầng lớp trẻ, mà còn thu hút cả những đồng bào khác tín ngưỡng, phong trào Phật giáo quốc tế, và đặc biệt hơn cả là phần lớn phóng viên truyền thông ngoại quốc đang hoạt động ở Sài Gòn.

Sau vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức ngày 11.6 Bộ Ngoại Giao Mỹ chỉ thị cho Trueheart nói thẳng với Diệm phải công khai thỏa mản hoàn toàn các nguyện vọng của Phật giáo bằng không Mỹ sẽ tuyên bố không nhắm mắt làm ngơ nếu chính quyền Việt Nam thiếu thiện chí thỏa mản các yêu sách chính đáng của hàng lãnh đạo Phật giáo. Washington cũng muốn Trueheart cho Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ biết tuy Mỹ không chủ trương lật Diệm nhưng nếu

Diệm bị lật thì Mỹ sẽ ủng hộ Thơ như người kế vị hợp hiến. Trueheart nghĩ đó không phải là một đề nghị hợp thời trong hoàn cảnh nầy nên không nói gì với Thơ. Ngày 12.6, Trueheart chỉ cho Diệm biết Bộ Ngoại Giao đã mạnh mẽ khuyến cáo Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Ngày 14.6, chính quyền và Phật giáo chính thức họp ở Hội Trường Diên Hồng và hai ngày sau, ngày 16.6, Thông Cáo Chung về năm nguyện vọng của Phật giáo được hai bên ký kết. Ngày 17.6, Phật giáo tuyên bố trở lại đời sống bình thường và thành tâm cầu nguyện cho Thông Cáo Chung được thi hành nghiêm chỉnh.

Phật giáo lo âu cầu nguyện là phải bởi cả gia đình nhà Ngô đều không muốn Thông Cáo Chung được thi hành. Vợ chồng Ngô đình Nhu và Giám Mục Ngô đình Thục đã mở chiến dịch phản công rộng lớn qua các tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa, Phụ Nữ Liên Đới, Trung Tâm Nhân Vị Vĩnh Long, Phong ytào Cách mạng Quốc gia, các cơ quan chính quyền như Thông Tin Dân Vận, Thương Phế Binh, Mật Vụ, Công An Cảnh Sát để vu khống, mạ lỵ, hăm dọa, đàn áp, khủng bố bằng các hành động như ám sát, bắt cóc, bắt giam, tra tấn, thủ tiêu, cách chức, cô lập, sách nhiễu. Ngô đình Diệm không xốc nổi như những người khác trong nhà nhưng chính ông đã khơi mầm loạn khi bảo rằng "*Sau Hiến Pháp còn có tôi*", nghĩa là không phải ông đội Hiến Pháp trên đầu mà lót Hiến Pháp dưới đít, muốn tôn trọng Hiến Pháp hay không là tùy ông.

Mỹ cũng thấy rõ điều đó nên ngày 25.6, trưởng CIA ở Việt Nam là Richardson đã đích thân thuyết phục Nhu nên hòa hoãn. Nhu đã trả lời thẳng thừng các cuộc biểu tình của Phật giáo là phi pháp và hăm dọa trầm trọng đối với chế độ. Và một chế độ không biết thi hành luật pháp thì chế độ đó phải đổ. Ngô đình Nhu quả thực đã gián tiếp cho Mỹ biết đừng hòng bắt bí Ngô đình Diệm, bởi Ngô đình Diệm nhượng bộ quá thì ông sẽ không để yên (11).

TỪ NƯỚC BÍ ĐẾN NƯỚC LŨ

Tình cảnh giữa ba phe anh em nhà Ngô, Hoa Kỳ và Phật giáo đều lâm vào thế bí. Anh em ông Diệm không tin Mỹ dám thay ngựa giữa giòng vì Mỹ cũng cần ông Diệm chứ không phải chỉ ông Diệm cần Mỹ thôi. Mỹ không tin anh em ông Diệm còn biết đặt quyền lợi Miền Nam lên trên hết để giải quyết thỏa đáng vấn đề Phật giáo trong khi Phật giáo lại không còn tin anh em nhà Ngô còn chịu nhìn nhận những đòi hỏi của Phật giáo là công bằng và chính đáng. Thế nên, anh em nhà Ngô không còn cách nào khác hơn là khai thác triệt để

tình cảnh *Mỹ đang cần mình chứ không cần Phật giáo* để dứt gọn Phật giáo và đặt Mỹ trước một sự đã rồi trong khi Mỹ cũng không còn cách nào khác hơn là tìm cách thay anh em nhà Ngô, Phật giáo thì cũng không còn cách nào khác hơn là để chính Ngô đình Diệm chứng minh những điều Phật giáo tố cáo là đúng, nói thế khác cách tố giác "bất công gian ác" hay nhất là để cho bất công gian ác xảy ra trước mắt mọi người.

Sai lầm chí tử của Ngô đình Diệm không chỉ là đã nghĩ rằng ở Miền Nam Mỹ không thể kiếm đâu ra một người như ông, sai lầm chí tử của Ngô đình Diệm còn là ở chỗ đã quên rằng Kennedy cũng là tín đồ Kitô giáo. Kennedy thừa biết là dân chúng Mỹ đang âm thầm theo dõi từng hành động của vị Tổng Thống Kitô giáo đầu tiên trong lịch sử Mỹ nầy. Kennedy đâu ngu dại hy sinh tất cả tương lai chính trị của mình để bao che những sai lầm của một người đồng song đồng đạo ở Việt Nam. Kennedy có khắt khe với Diệm thì cũng vì chính tương lai chính trị của Kennedy.

Ngày 4.7, Kennedy cùng các cố vấn thân cận duyệt lại tình hình Việt Nam và đi đến các kết luận như sau: thứ nhất, Quảng Đức tự thiêu là một hành động tín ngưỡng đích thực chứ không phải dàn cảnh, thứ hai vợ chồng Nhu phải đi nhưng chưa chắc Diệm đã chịu do đó tình trạng sẽ trở nên trầm trọng và thế nào cũng có binh biến. Trong cùng ngày CIA ở Sài Gòn phúc trình cho Washington biết là đã có những âm mưu đảo chính thật. Một tuần sau, CIA ở Washington lương định rằng đảo chính chuyến nầy thì dễ thành công hơn chứ không dấm dớ ạch đụi như lần trước.

Ngày 7.7, văn hào Nhất Linh tự tử vì mục đích "*cũng như Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do*". Ngày 14.7 Phật giáo chính thức tái phát động đấu tranh đòi chính quyền thực thi Thông Cáo Chung. Đại Sứ Nolting lại ra sức cứu Ngô đình Diệm bằng cách một đàng tuyên bố với báo chí là không có kỳ thị tôn giáo ở Miền Nam và đàng khác khuyên Ngô đình Diệm nên khôn khéo hơn. Cho nên, ngày 18.7, sau khi tiếp Nolting, Ngô đình Diệm đã lên đài phát thanh tuyên bố chính quyền sẽ giải quyết êm đẹp vấn đề Phật giáo. Ngày 23.7, Sư Bà Diệu Huệ - thân mẫu của Giáo Sư Bữu Hội đang được chính quyền nhờ tiếp sức, họp báo đòi tự thiêu. Ngày 1.8, Phật giáo chính thức phản đối với Kennedy về những ý kiên thiên lệch của Nolting. Ngày 3.8, Bà Ngô đình Nhu lại xông vào vòng chiến bằng một bài diễn văn dài trong lễ khai mạc khóa Phụ Nữ Bán Quân Sự tại Tòa Đô Chính Sài Gòn với

nội dung vu khống, mạ lỵ và hăm dọa Phật giáo cũng như gián tiếp tố cáo chính quyền Mỹ đã đe dọa và bắt chẹt chính quyền Việt Nam hầu bịt mồm bịt miệng Bà. Bà khuyên mọi người nên phớt lờ các cuộc tranh đấu của Phật giáo và chớ quan tâm đến điều mà Bà gọi là vụ "*nướng Sư*" nghĩa là cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức ngày 11.6. Lời kêu gọi của Bà Ngô đình Nhu có hiệu quả tức thì. Ngày hôm sau, 4.8 Đại Đức Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiết. Ngày 5.8, Phật giáo chính thức báo động về những âm mưu của chính quyền nhằn triệt hạ Phật giáo cũng như những thành phần đối lập bằng những cuộc đảo chính giả gọi là *Bravo 1* và *Bravo 2* và kế hoạch "Nước Lũ". Ngày 7.8, Phật giáo chính thức phản đối với Tổng Thống Ngô đình Diệm về những lời tuyên bố của Bà Nhu. Ở Đà Lạt, Phật tử Âu dương Quang đã chặt ngón tay để góp phần cầu nguyện cho năm nguyện vọng của Phật giáo chóng thành đạt. Cùng ngày, sinh viên Phật Tử Huế lại phát động đợt tuyệt thực mới để hưởng ứng phong trào tái vận động cho Thông Cáo Chung được chính quyền tôn trọng thi hành. Ngày 12.8, Mai Tuyết An chặt tay ở Sài Gòn để phản đối Bà Ngô đình Nhu. Ngày 13.8, Đại Đức Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế gây ra những cuộc biểu tình lớn phản đối chính quyền cướp xác của người đã hy sinh. Ngày 14.8, Nolting đến từ giả Tổng Thống Ngô đình Diệm trước khi rời nhiệm sở. Nolting là người đã cảnh cáo Washington rằng lật Ngô đình Diệm xuống thì sẽ không tránh được nội chiến ở Miền Nam. Nolting cũng là Đại Sứ đã nghe đài phát thanh mới biết mình đã bị cách chức và có người khác thay thế rồi. Nolting đã yêu cầu Ngô đình Diệm nên trấn an dư luận bằng cách xác nhận thiện chí giải quyết vấn đề của chính quyền. Ngày 15.8 Nolting rời Sài Gòn, và Ngô đình Diệm đã xác nhận "*thiện chí hòa giải tột bực*" của chính quyền trong vụ Phật giáo. Ít nữa là có một người không chịu tin lời xác nhận đó, người đó là Ni Cô Diệu Quang đã tự thiêu cùng ngày hôm đó tại Ninh Hòa. Ngày 16.8, Thượng Tọa Tiêu Diêu tự thiêu tại Chùa Từ Đàm Huế. Ngày 18.8, Giáo Sư Đại Học và tiếp đến là Giáo Sư Trung Học ở Huế từ chức trong khi ở chùa Xá Lợi Sài Gòn, ba chục ngàn người tham dự tuyệt thực và cầu siêu cho những người đã hy sinh trong cuộc tranh đấu từ ngày Phật Đản đến nay. Đây là cuộc biểu tình tại chỗ lớn nhất từ ngày phong trào bùng nổ.

Đêm 20.8, năm ngày sau khi xác nhận "thiện chí hòa giải tột bực" của mình, Ngô đình Diệm tuyên bố tình trạng giới nghiêm và đồng loạt tấn công các chùa toàn quốc, hốt hết các nhà lãnh đạo Phật giáo và những thành phần tham gia phong trào. Cách giải quyết vấn

đề Phật giáo hay nhất là dứt hết các Phật tử. Thượng Tọa Thiện Minh bị bắt ở chùa Từ Đàm Huế, Thượng Tọa Tâm Châu, Huyền Quang và tất cả hàng lãnh đạo Phật giáo đều bị bắt ở Sài Gòn. Thượng Tọa Trí Quang cũng bị bắt ở chùa Xá Lợi và bị đưa qua giam trong một khu đồn bỏ hoang ở Rạch Cát, Quận 7 ngoại ô Chợ Lớn để thanh lọc như bao nhiêu người khác. Sang đó, Thầy được một người tình nguyện tráo tên với Thầy nên đến lúc thanh lọc thì Thầy được tha về trước. Trên đường về, Thầy không còn biết đi về nơi nào an toàn hơn là vào tỵ nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ. Người đóng vai "Lê Lai cứu chúa" nầy hiện đang sống ở Mỹ.

Ngày 21.8, Nolting đang họp bàn giao với Tân Đại Sứ Cabot Lodge ở Honolulu thì được thông báo về kế hoạch Nước Lũ, Nolting ngao ngán gởi cho Ngô đình Diệm một bức điện riêng ngậm ngùi than thở "*lần đầu tiên Ngài dối tôi*".

KẾT LUẬN TẠM

Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm? Phong trào đấu tranh của Phật giáo thực sự kết thúc vào ngày 21.8 khi Ngô đình Diệm thi hành kế hoạch Nước Lũ đột kích chùa chiền triệt hết các thành phần lãnh đạo và tham gia phong trào. Nói thế khác, phong trào Phật giáo 1963 chỉ kéo dài 106 ngày - từ ngày 7.5 đến ngày 21.8, và thực sự kết thúc 73 ngày trước khi Tướng Dương văn Minh tuyên bố dứt điểm chế độ, hủy bỏ Hiến Pháp 1956 và đặt Miền Nam dưới quyền lãnh đạo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng vào ngày 2.11.1963. Cho nên, bảo Phật giáo lật đổ Ngô đình Diệm là một cách "cướp công cách mạng" vậy, dù không thể phủ nhận rằng không có phong trào đấu tranh của Phật giáo năm 1963 thì chưa chắc chế độ nhà Ngô đã bị xóa bỏ.

Phật giáo đã làm xong phần mình vào đêm 20.8 khi cả tiếng cầu kinh lẫn lời phản kháng chế độ bất công gian ác đều im bặt. Kế hoạch Nước Lũ là luồng gió thổi sáng ánh đuốc Quảng Đức soi rõ bản sắc của chế độ Ngô đình Diệm để cho những người có trách nhiệm với chế độ đó phải có thái độ. Những người có trách nhiệm đó là dân chúng và quân đội - trong đó đa số là Phật tử, đã từng "truất phế" nhà Nguyễn "suy tôn" nhà Ngô, là Hoa Kỳ - kẻ đã chọn nhà Ngô để trao nhiệm mệnh bảo vệ những quyền lợi của Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Hoa Kỳ không gây ra vụ Phật giáo để làm áp lực hay lật Ngô đình Diệm, bởi Hoa Kỳ không hề bận tâm Phật giáo là gì, là ai cả. Băn khoăn của Kennedy trước ánh lửa Quảng Đức là câu hỏi "*Họ là ai vậy?*" Ánh đuốc Quảng Đức soi cho Hoa Kỳ thấy rõ thực lực quần

chúng của Phật giáo. Nếu đã nghĩ đến chuyện lợi dụng - hoặc đã lợi dụng được, Phật giáo ngay từ đầu thì Kennedy hẳn không cần phải băn khoăn như vậy. Chưa kể là dù có muốn chăng nữa thì Hoa Kỳ cũng chẳng bao giờ lợi dụng được Phật giáo. Cứ xem Lodge rồi Bunker, Johnson, Nixon đã đối xử với Phật giáo như thế nào thì đủ rõ.

Giả thuyết cho rằng Hoa Kỳ tạo ra - hay lợi dụng, vụ Phật Đản 63 để làm áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm là một giả thuyết viễn vông vì quả thực lúc đó Kennedy cũng chưa dứt khoát tính gì ở Việt Nam nữa thì áp lực hay lật đổ Ngô đình Diệm để làm gì? Kennedy đang tiến thối lưỡng nan. Nhưng leo thang hay rút lui thì Hoa Kỳ đều cần có ổn định ở Miền Nam. Hoặc giả muốn giữ nguyên trạng không đánh mà cũng không rút thì Kennedy cũng vẫn cần thế ổn định ở Sài Gòn để chuẩn bị cho cuộc tái ứng cử sắp tới của chính Kennedy. Quấy động hay đàn áp Phật giáo không phải là cách bảo đảm thế ổn định đó. Cũng vì vậy mà sau ngày Phật Đản ở Huế, cả hai phe diều hâu và bồ câu ở Tòa Bạch Ốc đều gặp nhau ở điểm thúc đẩy Ngô đình Diệm phải thỏa hiệp với Phật giáo để tạo ổn định cho Miền Nam hầu có thể phụ với Hoa Kỳ một tay trong chuyện đánh cũng như đàm.

Anh em Ngô đình Diệm đã điên lên khi nghĩ rằng Hoa Kỳ đã coi trọng Phật giáo và coi nhẹ mình. Trong khi thực tế, Hoa Kỳ chỉ cần thế ổn định ở Miền Nam và anh em Ngô đình Diệm càng bức ép Phật giáo thì thế ổn định đó càng bị hăm dọa. Ngô đình Diệm không thấy điều đó, trái lại còn nghĩ rằng ngoài anh em mình ra Hoa Kỳ sẽ chẳng kiếm được ai hơn nữa nên cơ nghiệp nhà Ngô sụp đổ. Hoa Kỳ không phải là kẻ đầu tiên nghĩ đến chuyện đảo chánh khi vụ Phật giáo bùng nổ. Đảo chánh là chuyện tự các tướng tá Việt Nam nghĩ đến trước. Chính CIA ở Sài Gòn xác nhận điều ấy. Cái chết của ba anh em nhà Ngô là điều đau thương đáng tiếc về phương diện nhân đạo, mặc dù đó chỉ là hậu quả đương nhiên của trò chơi quyền lực chính trị. Không ai tin những kẻ thực tâm tham gia ngày 1.11.1963 lại ngây thơ mong muốn anh em nhà Ngô còn sống. Bài học lừa lọc của Ngô Đình Diệm mà Nguyễn Chánh Thi và binh chũng Nhãy Dù học 3 năm trước đã dạy cho họ nhớ rõ điều đó. Cho nên lòng "ân hận" về những cái chết nầy xét cho cùng chỉ là những "ân hận" chính trị của Pontius Pilate.

Người Phật tử không quên ơn những người chủ động chính biến 1.11 dù biết rằng Dương văn Minh không lật đổ Ngô đình Diệm vì Phật giáo. Bằng chứng là mục tiêu đấu tranh pháp lý của Phật giáo là

Dụ số 10 thế nhưng khi chế độ đã bị lật đổ rồi Dương văn Minh không hề nghĩ đến chuyện hủy bỏ hay ngưng áp dụng văn kiện pháp lý đó, chẳng khác nào Ngô đình Diệm truất phế Bảo Đại nhưng vẫn duy trì Dụ số 10 của Bảo Đại vậy. Mặt khác, chính Nguyễn Khánh - chứ không phải Dương văn Minh, là người thừa nhận tư cách pháp nhân của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Tùy cơ duyên hoàn cảnh, nếu có một đối tượng thế tục nào cần phục vụ tức thời thì đó chính là dân tộc. Vì dân tộc chính là chúng sinh cận kề thân thiết nhất. Đó là điều người Phật tử muốn nhấn mạnh khi nói đến *Phật giáo Lý Trần*, nói đến *Hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam*. Đó cũng là điều mà một số người không biết -hoặc không muốn biết, khi đặt vấn đề cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963 có lợi có hại gì cho công cuộc chống Cộng hay công cuộc giải phóng Miền Nam. Phản ứng của người Phật tử năm 1963 là một phản ứng tự vệ của kẻ đã bị dồn vào đường cùng, tự vệ không phải trong tinh thần "*tôi chết hãy trả thù cho tôi*" như giáo đồ Ngô đình Diệm nói nhưng là "*tôi chết hãy cầu nguyện cho kẻ đã giết tôi*" như lời Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã nhắn nhủ. Ánh đuốc Quảng Đức hay ngọn lửa tự vệ của Phật giáo đã làm cháy sém một cơ đồ. Bỏ hay giữ cơ đồ đó lại, giữ lại như thế nào, giữ lại để làm gì đó là câu hỏi đặt ra cho người dân, cho quân đội và cho chính Hoa Kỳ. Phật giáo không nhân danh tự do dân chủ, không nhân danh "quyền lợi" chống Cộng để phản đối chính quyền. Đúng ra, Phật giáo đã chống lại việc nhân danh tư cách và quyền lợi chống Cộng để chà đạp tự do, xâm phạm dân chủ của kẻ khác. Vì ý thức hệ cũng chỉ là một vô minh huyền hoặc nên người Phật tử không đồng hóa tín ngưỡng với ý thức hệ, và cũng không đem tín ngưỡng phục vụ chiến tranh ý thức hệ. Phật giáo không chống đối ai vì ý thức hệ và cũng không thỏa hiệp với kẻ nhân danh nhu cầu và quyền lợi ý thứ hệ để làm ác.

Đối với người Phật tử Việt Nam, 106 ngày ngắn ngũi trong mùa hạ 1963 là kết tinh của hàng ngàn năm duyên nợ giữa Phật giáo và dân tộc nầy. Biến cố đó chính là khởi điểm của con đường thế trị -mà mục tiêu tối hậu là Giải Nghiệp bằng Giải Thực và Giải Hoặc, để chung vai góp sức vào nổ lực kiến tạo Hòa Bình Dân Tộc - Độc Lập Quốc Gia - Cách Mạng Xã Hội. Đó cũng là cách đền ơn trả nghĩa công đức của bao nhiêu thế hệ Phật tử suốt ngàn năm đã góp phần giữ nước và dựng nước.

Phong Trang Mùa Vu Lan (12).

Hoàng Nguyên Nhuận

***Nguồn Tư Liệu**: Tạp Chí Hoa Sen Số 49 1-5-03 Chùa Quán Thế Âm Orange County USA*

Ghi chú:

1. *W. Safire - Before The Fall, Belmont Tower Books, NY 1975.*
2. *R.S. McNamara - In Retrospect, Random House, NY 1995.*
3. *M. Maclear - Vietnam: The Ten Thousand Day War, Thames Methuen, London 1981, tr. 374.*
4. *Phật tử thường gọi các vị trú trì các chùa bằng ôn đứng trước tên chùa. Ví dụ Thượng Tọa Mật Hiển là Ôn Trúc Lâm, Hoà Thượng Tịnh Khiết là Ôn Tường Vân, Thượng Tọa Đôn Hậu là Ôn Linh Mụ, Hòa Thượng Trí Thủ là Ôn Già Lam, Hòa Thượng Thiện Siêu là Ôn Từ Đàm.*
5. *W.Rust - Kennedy In Vietnam, Da Capo Press, NY 1985, tr. 94.*
6. *Lời của Giám Mục Ngô đình Thục trong buổi nói chuyện với đại diện quân cán chính tại đại giảng đường Đại Học Văn Khoa Huế sau vụ Đài Phát Thanh Huế xảy ra.*
7. *Quốc Tuệ - Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam Từ Phật Đản Đến Cách Mạng, tái bản Khánh Anh Paris 1987, tr. 43.*
8. *Tuệ Giác -Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử, Hoa Nghiêm SG 1965, tr. 80 và 119 và Quốc Tuệ sđd. tr.28-29.*
9. *H. du Berrier -Background To Betrayal, Western Islands, Boston 1965, tr. 129.*
10. *Có những chùa và những Phật tử tại gia cũng như xuất gia không chịu gia nhập cuộc cách mạng tôn giáo của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam nên họ đã gọi những người chấp nhận cuộc cách mạng tôn giáo đó là Thầy Cô chùa Hội, Phật tử chùa Hội.*
11. *Toàn bộ trích dẫn trong phần nấy là từ sách đã dẫn trong ghi chú số 5 từ trang 94 đến trang 107.*
12. *Sau khi bài nầy được phổ biến, Hoàng tôi nhận được mấy lời sau đây của một người trong cuộc:*
13. *"Chỉ mấy trang mà viết đầy đủ cả một biến cố rất nhiều phức tạp. Riêng phần tôi, vì có dính dáng vào cuộc cách mạng 1.11.63, đọc bài của Nguyên Nhuận tôi hết sức xúc động. Đọc xong tôi muốn khóc. Cảm ơn Hoàng Nguyên Nhuận. Đỗ Mậu."*

SEN ĐỒNG VÀ NẮNG HẠ 63

Trần Kiêm Đoàn

Huynh trưởng miệt đồng

Khát vọng bất tử là một là một ước mơ truyền đời đầy bi tráng của kiếp người yếu đuối. Cái chết vẫn là một ẩn số mà chỉ có đức tin tôn giáo mới mong tìm ra một đáp án tạm thời bằng cách xây dựng một ẩn số khác. Niết bàn, thiên đàng, cõi trời... vừa là một đáp án nhưng cũng vừa là ẩn số của niềm tin để cụ thể hóa khát vọng của con người về một kiếp sống miên viễn ở một thế giới, một cõi đời, một vùng đất hứa khác. Phật giáo đi vào cuộc đời không phải nhằm để thể hiện quyền năng trên chuyện sống chết mà để giải phóng ám ảnh tù đày về chuyện sống chết. Sự sinh diệt trong nhân sinh quan Phật giáo là một tiến trình thành-trụ-hoại-không, luôn luôn biến dịch trong vòng sinh thái: Từ chủng tử trở nên hiện hình; từ hiện hình quay về chủng tử. Cho nên, "sự sống đời đời" trong ý thức hệ Phật giáo là trạng thái Vô Sanh.

Tôi sinh ra và lớn lên ở chốn đồng quê, ở đó, đức tin cũng tự nhiên như những gốc lúa: Dân làng sinh ra để sống bằng cơm gạo. Muốn có cơm gạo thì phải trồng lúa; lúa mọc lên từ đất. Một năm hai mùa, nơi đâu còn có con người thì có những gốc lúa. Lúa hột, lúa mạ, lúa non, lúa trổ đòng đòng, lúa phơi mao ngậm sữa, lúa chín, lúa vàng, lúa giã thành gạo và gạo nấu thành cơm. Cái vòng tuổi xanh, tuổi chín, tuổi vàng của con người làng quê gần gũi với tín lý của Phật giáo một cách hài hòa đến tự nhiên. Và, niềm tin tôn giáo của người nông dân trong bối cảnh văn hóa miệt đồng cũng an nhiên tự tại và nhẹ nhàng như thế đó.

Như cây đa đầu làng và bến sông nhấp nhô những tảng đá cừ xanh rêu, khi tôi mới ra đời thì Phật giáo đã ở đó. Những bước chân chim đầu tiên đi chùa với mẹ tôi yên chí là ai cũng phải có một ông Phật để thờ cúng. Mãi cho đến tuổi khai tâm đi học trường Đạo tôi mới vỡ lẽ ra rằng, còn ông Chúa cũng "to" như ông Phật để mà thờ. Cái bóng hạnh phúc tôn giáo trong tuổi hoa niên của tôi không phải là ông Chúa hay ông Phật mà là bầu không khí và giao tình ở nơi thờ tự.

Phật Đản năm 1963 không đến với tôi một cách nhẹ nhàng và

hồn nhiên như mọi năm vì từ mùa Đông năm 1962, khi các anh huynh trưởng lớn tuổi đi lính, tôi phải thay thế lên làm liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử Liễu Hạ ở vào một lứa tuổi chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho chức vụ mới.

Ở vùng quê tôi, rằm tháng tư đến sau mùa gặt Đông Xuân, khi nắng ấm đã về trên khắp xóm làng, khi cây trái, lúa gạo và lòng người tràn đầy nhựa sống. Nhờ vậy lễ Phật Đản thường được tổ chức long trọng và rực rỡ khắp vùng.

Tháng tư âm lịch năm 1963, đầu mùa hạ, trời không mưa nên hoa đèn, cờ xí đón mừng Phật Đản được trang hoàng từ một tuần trước ngày lễ. Ở làng tôi và khắp các vùng thôn xóm khác, từ đường quan lộ đến quyền môn, cổng xóm, hàng tre, đình chùa, tư gia... đâu cũng có bóng dáng tung bay của cờ đèn Phật giáo đã được giăng lên để chào đón ngày Phật đản sanh.

Một ngày trước lễ Phật Đản, bác khuôn trưởng Quyền Vân và tôi, đại diện cho Khuôn hội Phật giáo và gia đình Phật tử Liễu Hạ, được gọi về xã, đến trụ sở xã Hương Cần để họp khẩn cấp. Khi chúng tôi đến thì các thành phần lãnh đạo Khuôn hội và liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử các làng khác như Triều Sơn Trung, Hương Cần, Vân Cù, Cổ Lão, Nam Thanh, An Thuận đều đã có mặt. Ai nấy đều giật mình khi ông chủ tịch Xã đọc và giải thích thông cáo của chính phủ là: *"Kể từ Phật Đản năm nay (1963), chỉ cho phép Phật giáo treo cờ hay giăng đèn mừng lễ Phật Đản và tất cả các lễ khác giới hạn trong chùa hay xung quanh bên trong khuôn viên chùa mà thôi. Cấm treo cờ Phật giáo bên ngoài chùa như thường lệ mỗi năm."* Ông xã trưởng giải thích là việc ngăn cấm như thế nhằm để *"bảo vệ an ninh trật tự công cộng"*. Mọi thắc mắc kế tiếp đều được "trả lời một cách không trả lời gì cả" bằng câu nói cửa quyền muôn thuở là *"thi hành nghiêm chỉnh chỉ thị của cấp trên!"*

Hình ảnh các em thiếu nam, thiếu nữ, oanh vũ nam, oanh vũ nữ trong đồng phục áo lam vội vàng đi quanh các xóm với các anh chị huynh trưởng để tháo cờ và xếp cờ Phật giáo trong im lặng vừa tội nghiệp vừa buồn trong nỗi uất ức vì không ai hiểu tại sao "năm nầy lại khác mọi năm?!" Nhưng dẫu sao thì niềm vui vẫn còn hứa hẹn vì cuộc cắm trại Phật Đản của Liên Gia đình Phật tử Hương Cần tại Phe Chùa vẫn tiến hành như dự định.

Trại Tất Đạt Đa năm 1963 với sự tham gia của 6 đơn vị Gia đình Phật Tử 6 làng thuộc xã Hương Cần trải rộng trên một diện tích hơn năm mẫu đất của cánh đồng lúa vừa mới gặt. Tôi giữ chức vụ

"Sơn Ca", nghĩa là làm trách nhiệm cầm còi canh gác giờ giấc đời sống trại, điều khiển tổng quát chương trình sinh hoạt của toàn trại suốt hai ngày hai đêm trên đất trại với gần 5 trăm trại sinh. Có lẽ trong Ban quản trại, Sơn Ca là người bận rộn nhất từ khi tập họp dựng lều *"Nào chúng mình ra quây một vòng hát mà chơi!"* cho đến khi hạ lều *"Dây thân ái lan rộng muôn nhà; tay sắp xa nhưng tim không xa..."*.

Đêm rằm trên đồng lúa mênh mông vừa mới gặt chỉ còn gốc rạ lô nhô, trăng đồng quê dịu mềm như sữa mẹ rót xuống lòng đời biền biệt không bao giờ khô cạn. Đêm văn nghệ lửa trại còn để lại âm vang trìu mến trên từng gốc rạ và đống lửa chưa tàn. Sơn Ca và Ban quản trại là những người không được ngủ khi chưa nghe hết tiếng ngáy thân thương của các em trong mỗi cụm lều. Tôi thổi còi im lặng, báo giờ ngủ cho toàn trại nhưng tiếng cười rúc rích "mỗi năm mới có một lần" của các em trại sinh vẫn lao xao đây đó. Đêm đã khuya, tôi và các anh chị trong Ban quản trại cố đi quanh dập tắt tiếng cười tíu tít của các em trong đêm chia tay, nhưng tiếng cười đó lại chảy vào lòng mình thân thương và ấm quá! Đêm về sáng. Tôi và anh Lũy, trại trưởng, vẫn còn thức. Trên đường quan lộ, hình như có ai đang về. Tiếng xe đạp dừng lại và anh Đãi, chú Phẩm, chị Gái... vừa chạy lúp xúp, vừa thở hổn hển báo tin dữ: *"Phật tử bị giết ở đài phát thanh nhiều lắm! Nguy rồi! Chắc chuyến ni chết hết!"* Rồi các anh chị kể lại, không đầu không đuôi, rằng là các anh chị từ chùa Từ Đàm về, qua đài phát thanh Huế, nhưng chỉ thấy xe tăng, lính tráng, cảnh sát đang giành giựt, xô xát nhau với đám đông; rồi vòi rồng xịt nước, súng bắn, lựu đạn nổ, máu đổ, người chết... mới xảy ra hồi 9, 10 giờ tối. Tôi chưa biết ai giết ai nhưng một cảm giác rúng động chạy dài trong dòng suy nghĩ. Tôi liên tưởng đến mội chuỗi mắc xích nối kết giữa việc cấm treo cờ Phật giáo và cuộc bạo động đổ máu vừa xảy ra. Tôi chong mắt chờ sáng để nghe những tin tức mới. Sáu giờ sáng 9 tháng 5 năm 1963, đài BBC Luân Đôn và tiếp đó, đài VOA loan tin về cuộc biến động xảy ra trước đài phát thanh Huế. *Theo thông lệ hàng năm, chương trình phát thanh đặc biệt dành cho lễ Phật Đản được phát thanh vào lúc 8 giờ tối trên làn sóng điện của đài phát thanh Huế. Nhưng năm nay, chương trình này không được phát sóng. Quần chúng chờ đợi ở nhà không được nghe nên đã tìm đến đài phát thanh Huế để biết sự việc. Vì số lượng người khá đông đảo nên thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an kiêm tiểu khu trưởng tiểu khu Thừa Thiên đã gọi đó là "đám biểu tình" và huy động lực*

lượng thiết giáp Bảo an, vũ trang quân cảnh và cảnh sát thành phố Huế tới vây quanh. Mở đầu là xe vòi rồng cứu hỏa đến xịt nước giải tán. Tiếp theo là bắn đạn mã tử, lựu đạn khói, lựu đạn cay được tung vào. Sau cùng là súng trường, lựu đạn nổ và xe thiết giáp được sử dụng vào lúc 9 giờ 30 tối. Hậu quả của cuộc xung đột nầy là máu đã đổ: Tám người thiệt mạng và bốn người bị thương. Xe thiết giáp cán vỡ đầu một thiếu nhi, một em nhỏ khác bị cán mất nửa đầu và một em nữa mất hẳn đầu. Mãi đến 2 giờ sáng quân chúng mới giải tán hết khỏi khu vực đài phát thanh Huế.

Nghe và phối kiểm xong mấy bản tin, tôi trực cảm như có một đường lạnh băng chạy dài dọc theo xương sống. Tôi nhìn lên kỳ đài, cờ ngũ sắc của Phật giáo tung bay trong gió sớm. Bầu trời xanh ngọc bích của quê hương dần dần bị mây mù vây phủ. Tổ quốc, dân tộc, đạo pháp đang bị đặt trên bàn cân thiên lý. Lệch một chút sẽ nghiêng trời một phương. Lạy trời có được một bàn tay tạo hóa cầm cân cho vững...!

Tôi thổi còi báo thức muốn không nổi. Tin "Phật giáo bị đàn áp" loan đi rất nhanh. Sáng sớm, tôi cầm còi đứng giữa vòng tập họp chung với dáng sững sờ như lau sậy. Các anh chị trưởng cúi đầu, các em mắt đỏ hoe, rất nhiều em quay mặt đi để khóc. Ban quản trại quyết định nhổ trại. Tôi tập họp đàn, đội, chúng, trưởng ra lệnh hạ lều và tự nhiên bật khóc. Các em khóc theo...

Phật giáo tranh đấu

Những biến cố trong mùa Phật Đản năm 1963 đã châm ngòi cho ngọn lửa âm ỉ có từ thời cựu hoàng Bảo Đại, khi Đạo dụ số 10 do ông ký ra đời từ ngày 6-8-1950 quy định Phật giáo theo quy chế hiệp hội trong khi Thiên Chúa giáo không bị khống chế bởi sắc lệnh nầy. Tổng thống Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại năm 1955, ban hành hiến pháp và luật pháp mới, nhưng vẫn tiếp tục duy trì Đạo dụ số 10 nói trên. Năm 1957, chính quyền lại ra lệnh loại bỏ ngày lễ Phật Đản ra khỏi ngày nghỉ chính thức trong năm đã gây nhiều bất mãn trong giới Phật giáo... Những năm tiếp theo có nhiều xung đột giữa chính quyền và sư sải, Phật tử tại nhiều tỉnh như Huế, Quảng Nam, Sài Gòn, Cần Thơ, Biên Hòa… vì cách đối xử "nhất biên trọng, nhất biên khinh" so với tôn giáo khác. Và ngọn lửa đó đã cháy bùng với lệnh cấm treo cờ Phật giáo và biến cố Đài phát thanh Huế.

Là một huynh trưởng miệt đồng, giữ chức vụ liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử trong thời kỳ sôi động nhất của lịch sử Phật giáo

Việt Nam (từ 1962 đến năm 1968), tôi thường phải ở thế "vận dụng và sáng tạo" trong sinh hoạt sao cho phù hợp với khuôn khổ của GĐPT, áp dụng tại địa phương mình. Tuy không chủ động phát khởi chuyện gì mới, thế nhưng khi cần, tôi vẫn "cứng đầu" bảo vệ và đứng vững một cách xác quyết với điều mình đã suy nghĩ và cho là đúng. Tuy một con én không làm nổi mùa xuân, nhưng con én sẽ làm đẹp bầu trời phảng phất hương Xuân.

Hôm sau, cùng với một số anh chị em huynh trưởng từ các làng Vân Cù, Hương Cần, Nam Thanh, Cổ Lão, tôi đạp xe từ làng lên phố. Thành phố Huế mang một bộ mặt khác lạ. Lính tráng và xe thiết giáp, xe lội nước tập trung trước tiểu khu. Khắp thành phố có những toán quân nhân và cảnh sát vũ trang mang súng tiểu liên và súng gắn lưỡi lê, lựu đạn cay túc trực khắp các ngã đường. Chúng tôi lên chùa Từ Đàm. Đã có rất nhiều người đứng ở sân chùa và quanh các con đường kế cận. Bầu không khí của chùa khác hẳn vẻ êm đềm và tĩnh lặng mọi khi. Một sự căng thẳng vô hình đang chờ đợi. Tôi ghé vào văn phòng Ban Hướng dẫn GĐPT Thừa Thiên bên phải khuôn viên chùa Từ Đàm. Các anh chị trưởng Nguyễn Khắc Từ, Mai Đình Nam, Đặng Ngọc Lựu, Phan Văn Gái, Hoàng Kim Cúc... trông có vẻ khác hẳn. Dáng tươi mát, hồn nhiên, đùa vui thường nhật được thay bằng vẻ bơ phờ và căng thẳng. Các anh chị đăm chiêu, ít nói và kiên nhẫn đợi chờ... Số Phật tử và huynh trưởng ghé vào văn phòng Ban hướng dẫn mỗi lúc một đông. Anh Từ, trưởng ban hướng dẫn, dặn dò vắn tắt: *"Các em về chùa, đợi lệnh quý Thầy!"*

Sau biến cố đài Phát thanh Huế, chiếc cầu đối thoại giữa chính quyền và giới lãnh đạo Phật giáo dường như từ từ bị nhận chìm dưới làn nước trong suốt của sông Hương. Hai bên đang đứng hai phía đầu cầu, đều có thể nhìn thấy nhau, nhìn thấy chiếc cầu hiện hữu, như có như không, nên không thể qua cầu gặp nhau. Có nói vẫn không nghe, có nhìn vẫn không thấy. Phía chính quyền thì chỉ muốn đơn giản hóa vấn đề bằng cách đổ lỗi và chụp mũ "Việt Cộng phá hoại" để trấn áp phong trào Phật giáo bằng vũ lực. Phía Phật giáo thì đòi hỏi chính quyền phải giải quyết rạch ròi, đen trắng phân minh; không phải để "bắt đền" sự mất mát đêm rằm tháng tư tại đài phát thanh Huế mà để mưu cầu một thế đứng bình đẳng tôn giáo lâu dài trong lòng dân tộc. Thế nhưng, cùng nói và viết tiếng Việt Nam mà hai bên lại dùng hai ngôn ngữ khác nhau: Ngôn ngữ phủ quyết về phía cầm quyền và ngôn ngữ xác quyết về phía đòi hỏi. Phong trào tranh đấu Phật giáo bùng nổ từ Huế, rồi lan dần ra khắp nước. Cuộc "thư hùng không binh lửa"

kéo dài cho đến khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị quân nhân đảo chánh và hạ sát vào cuối năm 1963!

Đúng 40 năm sau ngày biến cố, khối quần chúng xuống đường, lên đường, chận đường, mở đường, phá đường... nay đã vắng mặt thiên thu hay còn hiện diện với mái tóc hoa râm. Còn ai nhớ và ai quên một thời bão nổi đó?!

***

Suốt cả tháng 5-1963, nhân mùa nghỉ Hè, tôi có dịp lên về chùa Từ Đàm, nơi được coi như là trung tâm chỉ đạo cho phong trào Phật giáo tranh đấu. Với chiếc xe đạp lọc cọc lên Huế về làng, tôi cảm thấy cuốc xe không vất vả bằng bộ áo quần mặc trong người. Mặc đồng phục GĐPT thì cứ e sợ sẽ không an toàn lúc đi đường; mà mặc đồ thường lên chùa Từ Đàm lại có cảm giác như mình là "con cháu ngoại".

Sau nhiều tuyên ngôn và thông cáo xác định cuộc đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo và phương thức tranh đấu bất bạo động theo tinh thần thánh Gandhi, sự đối thoại giữa giới lãnh đạo Phật giáo và chính quyền có khuynh hướng đi vào ngõ cụt vì chỉ có "hình" mà không có "thức" nên thiếu mất đi một mẫu số chung làm căn bản.

Một ngày trước, các GĐPT được thông báo là sẽ có một cuộc tuyệt thực của tăng ni toàn quốc trong 48 tiếng đồng hồ kể từ 14 giờ ngày 30-5-1963 để đòi hỏi chính quyền giải quyết 5 nguyện vọng ghi trong Tuyên Ngôn ngày 10-5-1963 đã được ủy ban Bảo vệ Phật giáo gửi lên Tổng thống và Chính phủ. *Huynh trưởng và đoàn sinh GĐPT miệt đồng xa thành phố như chúng tôi được Ban hướng dẫn khuyến khích ở lại tại chùa địa phương mình, gióng chuông u minh và thành tâm cầu nguyện cho đạo pháp được thoát nạn kỳ thị và dân tộc trường tồn. Nếu bị đàn áp thì không tìm cách chống cự mà phải nhất loạt ngồi xuống xếp bàn tại chỗ và chấp tay niệm Phật. Chúng tôi cũng được khuyến khích là tại mỗi chùa nên treo một biểu ngữ ghi nội dung một trong 5 nguyện vọng của Tuyên Ngôn đã gửi lên chính quyền.* Suốt đêm tôi và ban huynh trưởng cùng các đoàn sinh ngành thiếu lo cắt dán, xếp chữ để hoàn thành tấm biểu ngữ dài trước khi trời sáng. Chúng tôi chọn Điều 4 của Tuyên Ngôn làm biểu ngữ với nội dung:

"Yêu cầu chính quyền cho tăng ni và tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo".

Biểu ngữ nền vàng chữ đỏ được treo lên trước cổng chùa lúc quá nửa khuya. Khoảng 6 giờ sáng, khi ban huynh trưởng chúng tôi và các em thiếu nam đang còn ngồi dựa vai nhau lơ mơ ngủ gật ở trong chùa thì có tiếng chân chạy rầm rập bên ngoài và tiếng đập cửa hỗn loạn. Tiếp theo là tiếng kêu ra lệnh:

- Bọn làm loạn mô rồi ra đầu thú mau lên không thôi ta đập bể đầu!

Tôi vừa mở cửa tiền đường của chùa, các anh dân vệ xã mang súng ống đã ập vào. Tôi đứng dậy và lễ phép trả lời:

- Dạ, có tôi đây. Tôi là liên đoàn trưởng chịu trách nhiệm mọi việc.

Một anh cầm cái biểu ngữ treo trước cổng chùa đã bị xé toang quất vào mình tôi, hỏi đầy vẻ hăm dọa:

- Có phải mi là thằng làm cái băng "chó chết" ni không hả?

Tôi nhận:

- Dạ tôi làm.

Anh ta làm cử chỉ như muốn đánh vào đầu tôi nhưng bên ngoài đã có tiếng can, nghe quen quen như tiếng ông ấp trưởng:

- Ê anh em, đừng đập đánh sinh chuyện lôi thôi. Cứ trói cổ lại, giải về xã là yên chuyện.

Lập tức tôi bị trói tay lại đằng sau bằng giây mây đã thủ sẵn. Tôi cố ngồi bệt xuống niệm Phật nhưng bị lôi đứng dậy và kéo ra khỏi chùa. Anh liên đoàn phó cũng bị trói còn các em khác vừa la khóc vừa chạy tán loạn.

Tôi bị áp giải vừa đi vừa chạy bộ về xã Hương Cần. Tôi ngoan ngoãn đi theo toán người dẫn độ, không dám ngoái lại nhìn theo sau để xem còn có ai nữa không. Đi chưa được nửa đường, tôi phải nhìn lui vì có tiếng ai rất quen vừa la hét, vừa van xin, cố chạy tới phía trước để bắt gặp tôi. Tôi sững người, chao đảo cả toàn thân. Thì ra mẹ tôi! Mẹ với đầu tóc chưa kịp bối, quần đen ống xăng ống xả, nhào tới ôm chầm lấy tôi, vừa khóc vừa van xin, vừa quỳ xuống giữa con đường đất mấp mô sỏi đá còn ướt sương. Mẹ tôi ôm chân tôi khóc nức nở:

- Con ơi là con! Mạ đây nì. Con làm chi mà ra thân thè nông nổi như ri!

Toán người áp giải cố hất mẹ tôi ra đang cản đường tiến tới. Mẹ tôi day qua hết người này đến người nọ, lạy dài, năn nỉ như tế sao:

- Tui lạy mấy chú, tha cho con tui. Thằng con tui to đầu rồi mà còn dại dột. Xin mấy chú cho tui lãnh về để dạy...

Toán người dừng lại. Ông ấp trưởng tiến lên, chỉ vào mặt mẹ tôi:

- Hừ! Dân học thức đậu "đít lôm", tú tài rồi mà dại! Dại kiểu chi mà dám làm loạn chống chính quyền đã chớ!

Ở làng thuở đó ít người được lên Huế học nên tôi được coi như "kẻ sĩ". Người dân làng rất hiếu học nên tinh thần "trọng sĩ" vẫn còn. Có lẽ vì thế mà ông ta chưa thoá mạ nặng lời đối với tôi. Tôi trở thành câm nín đóng băng vì sự xuất hiện quá đột ngột của mẹ tôi. Sự thô bạo từ bên ngoài không còn gây cho tôi một phản ứng tâm lý nào cả khi thấy Mẹ tôi la khóc nằm dài giữa đường, tóc trộn với đất bùn cản lối không cho đi. Người ta có thể đối đầu một mất một còn với gian tà và bạo lực nhưng phải tự trói tay, bịt miệng và nhắm mắt trước tình thương. Bạo lực là nhận và trả; nhưng tình thương thì chỉ có cho và thấm. Có khi chỉ một thoáng chốc nhưng lại thấm tận đáy tâm hồn cho hết một đời sau.

Ông ấp trưởng ra lệnh cho một người trong nhóm:

- Cả hết đứng đó. Chú Quyền chạy trước về trình xã.

Tôi không còn nhớ bao lâu sau đó, nhưng chỉ nhớ người đến mở trói cho tôi là thiếu úy Đỗ, người bạn học chung lớp Anh Văn với tôi tại Hội Việt Mỹ Huế trong những năm qua. Anh ta đang là sĩ quan chi khu của Quận. Đỗ nhìn tôi với vẻ mặt lạnh lùng nhưng tôi đọc được chút tình cảm vẫn còn đọng lại trên tia nhìn ấm áp cố làm ra vẻ xa lạ của anh. Chúng tôi là "partners" sát cánh nhau trong những đợt thi đua hùng biện Anh Ngữ do trung tâm Văn Hóa Hoa Kỳ tổ chức mà cả hai chúng tôi đều chiếm giải. Đỗ không nói lời nào với tôi mà chỉ trao đổi to nhỏ với ông xã trưởng và ấp trưởng.

Ông xã trưởng ban lệnh "ân xá" bằng cách nói oang oang, dằn mặt, không cần biết tôi có nghe hay không nhưng lại muốn mọi người cùng nghe:

- Làm sai lần đầu, chính quyền khoan hồng tạm tha. Lần sau tái phạm là tù mọt gông nghe chưa!

Rồi ông day qua phía mẹ tôi, hoa tay điểm mặt, lên giọng răn đe mẹ tôi phải biết giáo huấn con cái thế nầy thế nọ... Giữa đám đông người làng trên xã dưới lố nhố, mẹ tôi đứng dậy bối lại tóc. Mẹ lấy tay áo chùi nước mắt. Như một gốc tre già chỗi lên từ lòng đất, dáng vẻ sợ sệt của bà mẹ quê biến đâu mất, mẹ tôi không chỉ nói với ông xã trưởng, ông ấp trưởng mà nói với cả bàng dân thiên hạ, bằng một giọng rắn rỏi pha nét tự hào mà suốt cả thời trẻ thơ tôi chưa bao giờ nghe thấy:

- Dạ cám ơn xã, cám ơn huyện, cám ơn thôn thả con tui ra. Xin lỗi, ông khỏi dạy dỗ tui. Con tui ăn học đàng hoàng, chưa trộm trâu đốt nhà của ai hết. Hắn là học trò trường Đạo nên kính Chúa trọng Phật như nhau, biết chuyện phải trái mà theo. Mấy ông trên ở không kỷ cang dưới mới lập đàn mây mưa...

Như cảm nhận được hơi nóng từ trong giọng nói của một bà mẹ quê liều lĩnh và bất chấp để bảo vệ cho con mình, ông xã trưởng nói gạt ngang:

- Thôi dẹp! Về hết đi...

Là con trai út trong gia đình 6 anh chị em, cha mất sớm, nên dù ở bất cứ tuổi nào tôi cũng luôn luôn bị mẹ và các anh chị đối xử như đứa bé trong chiếc nôi yêu dấu của gia đình. Đôi khi bất mãn, tôi cũng muốn vùng lên tranh đấu giành quyền sống, nhưng tình thương gia đình "dày đặc" quá, làm tôi mất hết cơ hội đạt thắng lợi sau cùng. Bởi vậy, tôi bị gia đình bắt vào Sài Gòn "học Hè"!

Rời Huế về phi trường Phú Bài vào buổi trưa ngày 1-6-1963, tôi phải đi qua cầu Bạch Hổ vì ngã Trường Tiền đã bị phong tỏa. Một cuộc biểu tình và tuyệt thực lớn mà sinh viên và học sinh Huế tham gia đông đảo đang diễn ra. Ra đi, giao trách nhiệm GĐPT lại cho anh liên đoàn phó và nhìn về phía bạn bè xuôi ngược, tôi có cảm tưởng như mình đang phụ lòng anh em, phụ tình với Huế.

Đến Sài Gòn, tôi ở lại nhà bà chị cả của tôi trên đường Cao Thắng. Không khí đường phố Sài Gòn tuy cũng phảng phất khí thế phòng ngự và xuống đường nhưng không căng thẳng như ở Huế. Bù lại, trận giặc báo chí thủ đô lại rất sôi động về nguồn thông tin sự đối đầu quyết liệt giữa chính quyền và Phật giáo. Hai chùa Ấn Quang và Xá Lợi đang trở thành hai trọng điểm của phong trào Phật giáo đấu tranh. Hàng ngày, những bài thuyết pháp với nội dung và ngôn từ đòi hỏi sự bình đẳng và tự do tôn giáo, đầy tính đấu tranh không khoan nhượng, do quý Thầy luân phiên xuất hiện thu hút quần chúng Phật tử đến theo dõi đứng chật lớp trong, lớp ngoài. Tôi "học Hè" ở chùa nhiều hơn là học chữ! Cho đến một hôm, đúng 10 ngày sau khi đến Sài Gòn, khoảng gần trưa, cháu Vấn kêu tôi bằng cậu, ở đâu chạy về báo tin:

- Cậu ơi cậu! Thầy tu biểu tình gần nhà mình. Cậu ra coi mau, lần nầy ngộ lắm!

Tôi theo chân đứa cháu, tất tả chạy về phía ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt. Trong ánh nắng miền Nam chói chang, từ sau hàng rào của lớp người đứng trước, tôi có thể nhìn thấy

khói đen bốc lên. Mùi khét của xăng dầu và da thịt thoảng đến khi làn gió thổi ngược về phía mình. Tôi cố chen vào phía trước để nhìn cho rõ việc gì đang xảy ra. Giữa ngã tư đường phố, một nấm lửa đang bùng lên. Khi ngọn gió tạt qua tôi nhìn thấy một dáng người đen thui đang ngồi thế xếp bàn như một tượng Phật bằng đồng đen. Những cơn gió nhẹ cứ tạt qua tạt lại và bức tượng đồng đen chập chờn ẩn hiện trong rừng lửa sắp lụi tàn. Bức tượng rung rinh, chao đảo và ngã xuống mặt đường. Một xác thân người trọn vẹn hiện ra trong ánh lửa chỉ còn là vầng khói mịt mù. Đứng bao xung quanh là các Thầy mặc áo vàng đang cầu nguyện. Có tiếng loa cầm tay đang đọc hay thông báo điều gì tôi không nghe rõ. Còi xe cảnh sát rộ lên từng hồi khẩn cấp. Đứa cháu kéo tay tôi chạy theo đám đông rần rộ tản ra khắp các con đường. Từng mảng âm thanh đây đó chìm trong biển âm thanh của tiếng kêu , tiếng khóc, tiếng người sững sờ, hốt hoảng hỏi nhau về sự cố đang diễn ra trước mắt và cũng là lần đầu tiên trong đời họ được thấy tận mắt hình ảnh Tự Thiêu. Như một bài toán chưa có lời giải, những lời vang vọng hay thì thào: "Thầy tu tự thiêu" chưa mang đến một khái niệm nào rõ ràng trong đầu tôi cả. Tất cả hình ảnh bi tráng trước mắt tôi đều mới quá, lạ quá, bi thương, hào hùng và nghiêm trọng quá! Nhưng phản ứng tâm sinh lý tức thời là sự cảm xúc rất mãnh liệt chế ngự và cuốn hút cả tinh thần lẫn thể chất trào dâng trong tôi. Trời nắng buổi trưa, mồ hôi đổ đầm đìa mà cái lạnh vô hình từ bên trong vẫn quấn quyện lấy tôi. Cả một buổi chiều và suốt đêm sau đó, hình tượng ngọn lửa vần vũ bao phủ thân xác đồng đen cứ chờn vờn hiện ra như có, như không trước mắt. Ngay chiều hôm đó, tôi chen chân đến chùa Xá Lợi, nơi đang để di thể của ngài Quảng Đức nhưng làn sóng người đổ xô đến đó đã tràn ngập, cảnh sát chận đường không cho vào. Mãi đến sáng hôm sau, đọc tin tường thuật về vụ tự thiêu tôi mới biết được thân thế của Hòa thượng Thích Quảng Đức và ý nghĩa cao cả của việc tự nguyện đem thân mình làm đuốc để soi sáng lương tri và thức tỉnh lương tâm của thế lực đương quyền.

Tin một nhà sư Phật giáo tự thiêu giữa ban ngày trên một ngã tư đường phố đông đúc tại Sài gòn đã làm xúc động dư luận thế giới.

Bên cạnh những người trải qua quá trình tranh đấu cho nhân quyền đã bày tỏ sự ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo một cách nhiệt tình, những nhà đạo đức xã hội tôn giáo (socio-religious moralists) phương Tây, nhất là Hoa Kỳ, đặt vấn đề tự thiêu có phải là "sát sanh" hay "tự thân bạo động" đi ngược với tinh thần Phật giáo là

bất sát sanh (Ahimsa) và bất bạo động (Non-violence) không? Câu hỏi đã được nhiều nhà nghiên cứu sử học, xã hội học, và tôn giáo học như Robert J. Topmiller, Douglas Pike, Danielle Berrigan, Martin Luther King… chỉ rõ rằng, tự thiêu (self-immolation) và tự ép xác (self-mummification) … tự hiến dâng cái thân tứ đại giả tạm của đời người cho những mục đích cầu nguyện, vị tha, tế độ cao vời là một sự hành đạo khá phổ biến trong giới tăng già Phật giáo có từ thời xa xưa ở Ấn Độ và Trung Hoa. Đó không phải là hình thức tự sát hay tự tử; "tự thân bạo động" hay chối bỏ cuộc sống theo khái niệm đời thường mà đây là một chí nguyện dâng hiến tấm thân của mình cho đại cuộc hoàn toàn tự giác và giác tha. Robert J. Topmiller còn đi xa hơn trong việc so sánh hình ảnh tự thiêu để thắp sáng lương tâm con người với hình ảnh Đức Chúa Jesus chịu đóng đinh trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người đều là mang tính cao cả của sự quên mình vì người.

Vụ tự thiêu của ngài Quảng Đức là tiếng vọng hải triều làm chấn động lòng người. Đó là một thông điệp vũ bão và quyết liệt nhất, xác định sự dấn thân không lùi bước của người Phật tử trong tiến trình đấu tranh cho quyền tự do và công bằng tôn giáo. Mọi người nín thở chờ phản ứng của cả hai bên.

Năm ngày sau vụ tự thiêu, Thông Cáo Chung của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo và Ủy Ban Liên Bộ của chính quyền được ký kết với chữ ký khán duyệt của hòa thượng Thích Tịnh Khiết và tổng thống Ngô Đình Diệm. Đây có thể được xem như là văn kiện quan trọng nhất trong quá trình thương thuyết giữa hai bên. Nhưng lịch sử cổ kim đã chứng minh rằng, trên vũ đài chính trị, trong bất kỳ cuộc tương tranh nào, những văn bản hay ngôn ước hứa hẹn đơn phương hay song phương chỉ được thực thi khi hai bên đều có bạo lực tương đương để khống chế nhau. Có vẻ như Thông Cáo Chung trở thành một viên thuốc an thần cho cơn sốt thời cuộc, không được bên có ưu thế của quyền lực chính trị và quân đội trong tay thi hành nghiêm chỉnh. Ngược lại những chuỗi xung đột giữa các viên chức chính quyền và khối quần chúng Phật tử ngày một trầm trọng. Cường độ và quy mô của cuộc đấu tranh bất bạo động của Phật giáo và phản ứng chống đấu tranh bằng phương tiện bạo động của chính quyền càng ngày càng leo thang làm cho "Thông Cáo Chung" càng ngày càng trở thành một văn kiện đầy mĩa mai và quá xa vời với thực tế!

Đầu tháng 7-63 tôi trở về Huế để chuẩn bị cho năm học mới. Cả thành phố Huế đang ở giữa cơn sốt thường xuyên của phong trào

tranh đấu Phật giáo và nỗ lực dùng vũ lực để khống chế các cuộc biểu tình xuống đường của chính quyền đương nhiệm. Chùa Từ Đàm và Diệu Đế trở thành hai trọng điểm của phong trào Phật giáo đấu tranh tại Huế rất giống với hai chùa Ấn Quang và Xá Lợi tại Sài Gòn.

Tôi học lớp đệ nhị trường Quốc Học Huế. Không khí bãi khóa, xuống đường như thường xuyên treo lơ lững trong hai trường Quốc Học và Đồng Khánh. Đây là hai trường "làm anh, làm ả" của Huế, nên hầu như sự khởi xướng các cuộc bãi khóa của sinh viên và học sinh Huế đều xuất phát từ trường Luật và trường Quốc Học. Vì tình hình ngày học ngày không, tôi rời nhà trọ ở đường Lê Đình Dương để về ở làng. Mỗi buổi sáng, buổi chiều đạp xe lỏn tỏn từ làng lên Huế và từ Huế về làng, bao giờ mẹ tôi cũng dặn dò: "Tên con nằm trong sổ đen của họ rồi, chừ như con cá trên thớt. Con thương mạ thì nghe lời mạ, đừng có hăng quá mà bị bỏ bao bố liệng xuống rào (sông) khổ thân con ơi!" Rồi mẹ tôi lập đi lập lại cái nghệ thuật xử thế khôn ngoan của người dân quê chỉ muốn yên thân sau lũy tre xanh:

Cây cao gió dật gió dờ,
Chẳng bằng cây thấp gió đưa dịu dàng.

Tôi chỉ muốn làm "cây thấp", nhưng thấp tới mức nào thì chẳng ai có thước càn khôn mà đo giùm cho tôi cả.

Tháng 8-63 bầu không khí thành phố Huế trở nên sôi động và căng thẳng hơn bao giờ hết với những cuộc biểu tình, xuống đường, tuyệt thực, đình công, bãi khóa, bãi thị, đàn áp xẩy ra liên tục. Sự yên tĩnh của những ngôi chùa làng quanh Huế vốn đang dao động theo nhịp đập của Từ Đàm và Diệu Đế bỗng chao đảo rúng động với tin tự thiêu của sa di Thanh Tuệ ở chùa Phước Duyên và ngọn lửa của Hòa thượng Thích Tiêu Diêu bùng lên ngay trên sân chùa Từ Đàm. Những huynh trưởng Gia đình Phật tử miệt đồng chúng tôi kết đoàn gần nhau lại, dáo dác tìm nhau tự hỏi: "Phải làm gì để bày tỏ thái độ cụ thể tiếp tay với cuộc đấu tranh chung?!" Trong hoàn cảnh xóm làng xa xôi và chùa làng cô quạnh mà một tiếng gà gáy lên xóm trên chưa dứt, xóm dưới đã nghe, mọi sự động tĩnh đụng chạm đến chính quyền sẽ bị "cuốn theo chiều gió" như đám lá tre khô vương vãi ở đầu làng. Vì hầu hết huynh trưởng và đoàn sinh bận công việc đồng áng suốt ngày nên các GĐPT ở làng phải sinh hoạt vào mỗi tối thứ bảy. Gặp những đêm không trăng, những buổi họp đoàn soi mặt nhau dưới ánh đèn gió vật vờ làm phảng phất một vẻ tôn nghiêm và kỳ bí lạ lùng. Nghe tường thuật các vụ tự thiêu, các em oanh vũ thường khóc thút thít và đã có em lên tiếng thơ ngây, nghĩ đến chuyện tự thiêu tập

thể như một cuộc du ngoạn vào chốn thần tiên: "Hay mình cầm tay giây thân ái quanh đụn rơm, rồi quăng hết đèn gió vô trong đó cho đến khi lửa cháy hết với mình..." Tôi nghĩ đến những cuộc thánh chiến, nghĩ đến những ngọn lửa trong tim, những ngọn lửa trong cuộc đời thường. Một phần lịch sử nhân loại đã bị thiêu hủy không phải bằng ngọn lửa đời thường mà bằng biển lửa trong tim. Dập tắt những kinh thành đang bốc lửa khó mà dễ. Nhưng dập tắt những ngọn lửa trong tim mới là khó. Trên bề mặt phẳng lặng, những ngọn lửa trong tim đang cháy...

Ngày 21-8-63, chính quyền đã "tổng dập tắt" biển lửa đấu tranh của phong trào Phật giáo trong toàn quốc bằng tất cả sức mạnh vũ bão quyết liệt nhất mang tên là "chiến dịch Nước Lũ". Những cứ điểm cuối cùng của Ấn Quang, Xá Lợi, Từ Đàm, Diệu Đế đều bị quét sạch tan hoang. Tất cả tăng, ni, Phật tử bị tình nghi là có tham gia phong trào đấu tranh đều bị bắt giam không cần bằng chứng, trát tòa hay sơ vấn. Buổi chiều hôm sau, khi tôi đang ngồi học bài ở hậu liêu của nhà thờ họ Trần, mẹ tôi chui qua hàng tre và hốt hoảng báo tin: "Thằng Thọ bị bắt rồi! Chừ họ đang tìm con..." Thọ là liên đoàn phó GĐPT của tôi. Mẹ tôi cầm tay tôi lôi đi trốn. Chạy băng qua mấy hàng tre thưa từ xóm Kên, qua xóm Giữa, xóm Cụt, xóm Bàu lên khu Mã Vôi là nơi có mộ Ba tôi đang nằm ở đó. Lúa mùa tháng Tám sắp chín. Cả đồng lúa trĩu bông là nơi ẩn nấp tạm thời khá an toàn vì đồng ruộng mênh mông và hoang vắng ít người để ý. Mẹ tôi và tôi bò sát giữa bờ đất giữ nước của đồng lúa. Bức trường thành ngút ngàn ruộng lúa che khuất hai mẹ con. Lên tới Mã Vôi, tôi kiếm chỗ nấp sau bình phong của lăng mộ. Mẹ tôi bò về lại để chờ trời tối bới cơm lên cho tôi. Mẹ đi chưa tàn điếu thuốc, hướng về phía làng, tôi đã thấy bóng người lố nhố từ sau dãy tre làng băng đồng tiến tới. Tôi hốt hoảng rời vùng lăng mộ, vừa chạy lúp xúp vừa bò về phía Bàu Tháp. Nhưng mấy con đường mòn lơ thơ đã bị khóa chặt. Tôi bị đón đường. Ngoài ông ấp trưởng và mấy anh dân vệ còn có thêm một khuôn mặt khác, đó là bác Thỏa ở làng kế cận. Tôi chỉ biết lờ mờ là bác ta làm gì đó ở bên huyện, bên tỉnh nhưng không biết giữ chức vụ gì, người làng tôi gọi bác là "mật vụ" nhưng thuở đó tôi không để ý nên chưa có khái niệm gì rõ ràng về cái nghề "mật vụ" lạ hoắc đó cả. Lần nầy tôi không bị trói như lần trước mà chỉ bị bi hai anh dân vệ xốc nách kéo đi.

Khi đến đường cái thì đã có một chiếc xe Land Rover màu xanh rêu bịt bùng chờ ở đó. Xe mở cửa sau nhưng thấy tối om, sợ quá tôi không dám lên. Dùng dằng rồi cũng bị đẩy vào. Bên trong chỉ có bác

Thỏa và tôi. Bác Thỏa là người làng lân cận, nghe nói là làm việc "bên tỉnh". Bác có 3 đứa con học bậc Trung học ở Huế thường cuối tuần lên về chung chuyến xe đò với tôi nên quen. Tôi không rõ là bác Thỏa có biết tôi không hay tảng lờ coi như không biết để dễ làm việc.

Vừa rướn người vào được trong xe, lập tức cánh cửa sau xe đóng sầm lại. Bác thỏa nhanh như kiếm sĩ, rút cây roi để sẵn trong xe, chẳng nói chẳng rằng quất mạnh vào lưng tôi. Ngọn roi mềm quấn qua lưng qua bụng và bác Thỏa rút mạnh, tôi ngã lăn nằm úp mặt lên sàn xe. Một loáng sau tôi mới có cảm giác đau đến tê dại như bị cắt từng mảnh da thịt sau lưng. Tôi quằn quại uốn mình trong cái đau như con giun bị chắn đầu. Bác Thỏa nạt như sấm:

- Nằm im! Mi ngo ngoe là chết liền!

Tôi sợ quá nhưng tiếng rên vẫn cứ bật ra khỏi miệng. Đường lên Huyện toàn ổ gà to như cái nón. Tôi nằm sấp, mặt va vào sàn xe theo đà lắc lư của ổ gà. Bác Thỏa ngồi đón đầu, hai chân mang giày và đạp lên hai vai tôi để đè tôi nằm im xuống sàn xe. Xe chạy được một khoảng, tôi muốn ói vì mùi phân trâu và bùn thối từ giày bác Thỏa chảy lên vai lên mặt tôi. Tôi cố dùng tay đẩy nhè nhẹ đôi chân giày của bác Thỏa ra khỏi vai để đỡ bị ngộp thở nhưng bác càng ấn chặt xuống. Nửa đường, cái sợ biến đâu mất để nhường lại cho cơn giận bốc lửa của tuổi thanh niên ùa đến. Cơn giận như thuốc súng làm tôi ngồi bật dậy như cái lò xo. Bác Thỏa hốt hoảng vung cây roi lên nhưng tôi đã nhanh hơn chụp lấy ngọn roi da dài ngoằng quấn nhiều vòng vào bàn tay của mình. Tự biết sức ông già văn phòng không cưỡng lại sức thanh niên đồng ruộng nên bác Thỏa giở giọng cả vú lấp miệng em:

- Ôi! Cái thằng khốn nạn. Mi dám làm loạn chống lại tao phải không?

Tôi cố hét lên rất to cho át tiếng xe gầm rú và để bác Thỏa nghe cho rõ:

- Thưa bác, tôi không dám chống lại bác, nhưng bác không được đánh tôi. Nếu bác muốn giết tôi thì giết cho chết còn bác đánh tôi bị thương thì con Luật, thằng Lệ, thằng Pháp... đừng có hòng yên thân đi học với tôi.

Trong ánh sáng mờ gần như tối, tôi có thể đọc được nét sững sờ của bác Thỏa qua sức kéo của cán roi da lơi dần trong tay tôi... Tôi có thể hiểu được tâm sự của một người cha, dù ông ta đang đứng cong mình trên tuyến lửa. Muốn lên Huế học, các con của bác ấy phải đi qua làng tôi. Bác cũng hiểu đất lề quê thói. Gây thù hận với làng

bác, tôi chỉ cần tránh mặt không lên chơi. Nhưng gây thù hận với làng tôi, bác và con cái của Bác chỉ còn nước chui xuống sông đi thuyền; từ lỗ vốn đến trắng tay mà thôi. Tôi ngồi dựa vào thành xe, tay không rời cuộn giây roi. Bác Thỏa hút thuốc liên tục, trầm ngâm và lặng lẽ.

Hai năm sau cái lằn roi đầu tiên của bác Thỏa quất lên mình tôi vẫn còn in dấu sau lưng nên các em trong GĐPT thấy và gọi đùa là "huy chương mật vụ". Sau nầy tôi mới biết đó là roi gân bò dùng để tra khảo tội phạm.

Suốt hai tuần bị giam ở lô cốt huyện Hương Trà, tôi lấy làm lạ là chỉ bị kêu lên khai báo lấy lệ có một lần, được ăn cơm cà-mèng, hút thuốc Ruby Quân tiếp vụ phì phà của lính. Mỗi ngày một buổi đi làm tạp dịch lao động quanh huyện đường. Rồi đến một hôm, tôi được gọi lên văn phòng huyện. Người ta cho biết là cơ quan TK 2(?!) bắt tôi và gửi ở Huyện 10 ngày nhưng quá hạn 3 ngày rồi mà người của TK2 không ai đến nhận. Người trưởng văn phòng hỏi một câu mà tôi cho là "ngây ngô và dễ thương" nhất trong lịch sử đời mình, rằng là, nếu tôi muốn về thì ký giấy để được thả về; còn nếu tôi muốn ở lại thì nói người nhà bới cơm chứ huyện đã hết khẩu phần cho tôi. Mãi sau nầy tôi mới biết là thuở đó, người mật vụ như bác Thỏa ưa bắt ai thì bắt, khỏi cần trát tòa, án lệnh hay giấy tờ lôi thôi. Bác chỉ cần ban cho cái nhãn hiệu "phá hoại" theo bọn biểu tình gây rối là đủ cơ sở pháp lý để bắt đi. Nhưng sau khi xách tôi đem về gửi ở Huyện, bác ấy đi chuyến khác, không may bị thanh niên làng bên bất mãn bao vây đánh trọng thương, nên quên luôn những "món hàng" đã bốc và ký gửi tạm thời ở Huyện của bác ta. Mãi cho đến nhiều năm sau, tôi vẫn tự hỏi rằng, nếu bác Thỏa không bị hành hung phải bỏ dở dang công tác để đi vào bệnh viện; và nếu không có ngày 1-11- 1963 chấm dứt chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm thì những món hàng của bác Thỏa gửi ở Huyện Hương Trà và thân phận của tôi sẽ đi về đâu? Tôi sẽ bất công với chế độ Ngô triều nếu tự kết luận một cách dễ dãi và chủ quan theo sự suy diễn thường tình của tôi. Cũng không sao, đôi khi câu hỏi tự hàm chứa câu trả lời và im lặng cũng là một cách phát biểu.

Bốn Mươi Năm Nhìn Lại

Bốn mươi năm đã qua, 1963 – 2003, chân đã quen chạy vòng quanh những con đường đất cũ quê ta và đất mới quê người, tôi vẫn phân vân khi chưa có dịp lắng lòng quay đầu ngó lại. Một quãng đời

40 năm: "Một thời dấn thân và một thời bám víu"!

Ngày đó, tôi lã một gã trai làng 18 tuổi. Khi suy nghĩ và cho là đúng, với rất ít lưỡng lự, tôi "lên đường" và sẵn sàng dấn thân không quản ngại gian nan đang chực chờ đâu đó. Tuổi trẻ, tôi còn cả một con đường dài trước mặt để sẵn sàng chấp nhận vấp ngã và vịn thời gian mà đứng dậy. Tôi chẳng có gì để bám víu hay sợ hãi nếu chẳng may không còn gượng đứng dậy được. Tôi còn nhớ. Với một chút khả năng còm nói tiếng Anh Hội Việt Mỹ, tôi vẫn thường được bạn bè đẩy ra làm thông dịch cho các phái đoàn báo chí ngoại quốc, nhất là Mỹ, nườm nượp kéo đến Huế vào những năm sáu mươi. Tôi nói đến đất nước mình với niềm tự hào chất ngất. Nói đến sự bất công xã hội, thảm trạng chiến tranh, mưu đồ chính trị bằng những ý nghĩ chân thực phát ra từ trái tim tươi trẻ và suy tư nóng bỏng của mình, bất chấp sự đụng chạm hay áp lực từ bất cứ phía nào đến dù không có lợi cho tôi.

Thuở đó, tôi có được những người bạn Mỹ (Jeff Peterson, Doug Hottester, Peter Downs), bạn Úc (Tom Wilshire), Pháp (Jean Pierre)... thật khả ái, cách mấy đại dương vẫn còn thư từ qua lại; và những thằng bạn nối khố "trần ai tri kỷ" như Đoàn Tuyền Châu, Phạm Túy Linh, Trần Kiên Nhẫn...

Rồi 40 năm sau, có vẻ như tôi "lớn" hơn, chín chắn, chững chạc hơn. Nhưng thực ra thì dù muốn hay không muốn, tôi cũng chỉ già hơn với cành lá rườm rà, gốc rễ sù sì như cây gỗ gió trên rừng. Gỗ gió vốn vô tính và vô tâm. May gặp gió ngàn hương thì phảng phất dăm ba miếng trầm để lại cho đời mà không may đứng giữa luồng gió chướng thì cũng chỉ là tiêu điều thân gỗ mục. Thời gian còn lại thì quá ít nên tôi chỉ muốn mọi sự "chắc ăn", không dám chấp nhận vấp ngã và đứng dậy. Càng già, tôi lại càng khám phá ra rằng, tôi không dám to gan để dấn thân vào những nẻo đường đời khai phá. Càng ngày, tôi càng có nhiều thứ trong đời để bám víu, đề phòng, bảo vệ và cất giữ khư khư không dám rủ bỏ. Điều mĩa mai trên chặng đường 40 năm đó là tuy tôi có 20 năm sống, học hành và làm việc trên đất Mỹ, tiếp cận với xã hội Hoa Kỳ hàng ngày, nhưng lại xa Mỹ hơn thời kỳ 40 năm trước khi còn ở Huế. Tôi cũng có nhiều bạn Mỹ nhưng lại vắng bóng những khuôn mặt "chia sẻ tâm tình" như ngày xưa trên quê hương. Tôi có nhiều người bạn Việt Nam nơi quê người nhưng lại thiếu những thằng bạn "trần ai tri kỷ" như ngày đó ở quê nhà.

Đã bao lần đứng trước cử tọa nước ngoài hay trình bày tham luận về văn hóa Việt Nam trên diễn đàn quốc tế, có lẽ tôi đã "khôn

khéo" hơn, lý luận đầy thuyết phục hơn để chinh phục người nghe, nhưng lại không chinh phục được chính mình. Khi đem so sánh mình hôm nay với chính mình thời Phật giáo tranh đấu 1963, tôi mới cảm nhận hết sức bật của ngọn lửa tuổi trẻ dấn thân đã bớt dần sự xác quyết trong tôi vì "khôn ngoan" và... sợ. Sợ không đẹp lòng nhóm văn hóa nầy, sợ không vui lòng nhóm nhân chủng nọ, sợ đụng chạm đến thành phần xã hội kia, sợ mất quyền lợi. Tôi có quá nhiều trói buộc để giới hạn tự do, tự co mình trong vỏ ốc. Như một người khách phong trần:

Vĩnh vi lãng đãng phong trần khách,
Nhật viễn gia hương vạn lý trình.

Càng ngày càng xa quê hương đích thực – nơi có bản ngã uyên nguyên của mình – hàng vạn dặm như thế. Tôi hôm nay và chú nhỏ huynh trưởng miệt đồng thời xưa sẽ còn bao giờ gặp nhau hay xa nhau vĩnh viễn?

Nếu chiếc cầu thế hệ chỉ tính trên thời gian năm tháng thì thế là hết. Tuổi trẻ qua rồi!

Nhưng nếu đo dòng thời gian bằng cái chân tâm của mỗi người thì tôi nghĩ mình vừa may mắn gặp lại chú huynh trưởng miệt đồng thuở ấy vẫn còn gối đất ngủ say nguyên vẹn trong tôi. Tôi và chú ấy vẫn còn tìm về nhau trong niềm an lạc của ánh đạo vàng. Tôi mĩm cười với chú ấy khi cả hai cùng nghe một tiếng chuông chùa còn vang vọng đâu đây. Chưa dứt!

Trần Kiêm Đoàn
Sacramento, Cali., mùa Phật Đản 2003

NHỮNG CUỘC ĐÀN ÁP TÔN GIÁO VÀ NHỮNG CUỘC TỰ THIÊU

Dư Luận Thế giới Buộc Hoa Kỳ Phải "Lên Án Những hành Động Áp Bức" của Diệm.

(Trích từ Chương 14 của tác phẩm ***Vietnam: Why Did We Go?*** của ***Avro Manhattan***)

http://www.reformation.org/vietnam.html

*Thiểu số Ca-tô và Phật giáo đồ * Núi lửa phe phái nổ tung * Cờ của Vatican xuất hiện trong một thành phố Phật giáo * Ngày Lễ Phật Đản bị cấm * Đại hồng chung của chùa Xá Lợi * Phật giáo đồ đốt một xóm đạo * Thông điệp của nhà sư * Cuộc tự thiêu * Biểu tình hàng loạt chống Diệm * Lệnh phong tỏa chùa chiền * Phật giáo đồ bị cảnh sát của Diệm giết * Sinh Viên Học Sinh Phật tử bị bắt và tra tấn * Tị nạn trong Tòa đại sứ Mỹ * Dân Mỹ 'sững sốt' về sự tàn nhẫn của Diệm * Hoa Kỳ "lên án những hành động áp bức" của Diệm * Nhóm vận động hành lang Ca-tô-CIA-Diệm làm bé chuyện khuấy động của Phật giáo.*

Mức độ trầm trọng trong chính sách đàn áp tôn giáo của Diệm có thể bị phán xét hay nhất, nếu chúng ta nhớ rằng Ki-tô giáo trong khu vực Đông Nam Á là một thiểu số, và hơn nưa, rằng Giáo Hội Công Giáo là một thiểu số của một thiểu số. Ở Việt Nam, trên tổng dân số tại thời điểm đó từ 10 đến 11 triệu dân, chỉ có 1 triệu rưỡi là giáo dân Ca-tô La Mã. Trong số này, hai phần ba là dân tị nạn từ miền Bắc, trong khi các tín đồ Ki-tô khác, chủ yếu là Seventh Day Baptists hoặc Adventists, có khoảng 50 ngàn người. Phần còn lại của quốc gia là thuần Phật giáo hay các tôn giáo phát xuất từ Phật giáo. Điều này có nghĩa rằng giáo dân Ca-tô chỉ gồm chừng 12 đến 13 phần trăm của toàn bộ Nam Việt Nam. Tương tự, nếu so sánh 12 đến 13 phần trăm tín đồ Phật giáo, hoặc Ấn giáo (Hindus), hay Hồi giáo (Moslems) cố khủng bố 230 triệu dân chúng Mỹ, mà đa số là tín đồ Ki-tô giáo.

Chiến dịch xói mòn của ông Diệm, và sự loại bỏ trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng chính trị và tôn giáo của Phật giáo, tất nhiên, đã

song hành với sự tạo lập ra một nhà nước cảnh sát trị, và với sự tăng tốc Ca-tô hóa nhà nước, quân đội và lực lượng cảnh sát của mình.

Dù ôm đồm như thế, các hoạt động chống phá Phật giáo của Diệm đã được ranh ma che dấu ở hậu trường. Trước khi phải đối phó với Phật giáo, chính sách này đã được biện giải là, trước hết, ông ta phải tăng cường bộ máy chính trị và cảnh sát của mình. Tia lửa đã lóe chớp khi núi lửa phe phái, bao lâu nay đã âm ỉ ngầm cuối cùng bùng nổ công khai vào ngày 5 tháng 6, năm 1963 *[tác giả ghi: "on June 5, 1963". GCDG: đúng ra là ngày 6 tháng 5 – May 6, 1963]*. Giáo dân Ca-tô La Mã tổ chức ngày lễ tôn vinh Tổng Giám mục Ngô Đình Thục, anh của Diệm. Trong sự vui mừng của họ, họ đã treo cờ của Vatican tại Huế, một thành phố chủ yếu Phật giáo. Không có sự chống đối hoặc bất kỳ cuộc biểu tình bạo động nào về phía Phật giáo đồ.

Ba ngày sau, toàn bộ dân chúng Nam Việt Nam chuẩn bị chào mừng ngày Đản sinh lần thứ 2507 của Đức Phật. Lễ kỷ niệm đặt trọng tâm ở Huế, trung tâm của nền văn hóa Phật giáo trong suốt hơn 2000 năm qua. Phật giáo đồ xin phép treo cờ Phật giáo. Câu trả lời của chính quyền Diệm là một tiếng Không rõ to! Khi đến ngày lễ, hàng ngàn Phật tử biểu tình phản đối sự từ chối của chính phủ. Ngoài ra, hai ngày trước đó, Diệm đã ban hành một sắc lệnh cấm treo các biểu trưng tôn giáo. Sắc lệnh chỉ được ban ra sau khi giáo dân Ca-tô đã treo cờ của Vatican. Quân đội của Diệm bắn vào đám đông và giết chín Phật tử. Hầu quả của chủ nghĩa đề cao Ca-tô như thế là các cuộc biểu tình đã diễn ra trên khắp miền Nam Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Phật giáo đã hội kiến Diệm, yêu cầu kết thúc sự phân biệt đối xử như thế. Diệm từ chối bồi thường cho các nạn nhân, từ chối trách nhiệm, và ngay cả từ chối trừng phạt những kẻ đã chịu trách nhiệm về cuộc tàn sát.

Các nhà lãnh đạo Phật giáo, không nao núng, đã tập hợp 400 tăng ni, và vào ngày 30 tháng 5 đã ngồi lì bốn giờ liền trước mặt tòa nhà Quốc hội ngay tại trung tâm Sài Gòn. Sau đó, vì không được đáp ứng, họ tuyên bố 48 giờ tuyệt thực. Cuộc tuyệt thực lây lan ra các nơi khác. Sau một cử chỉ lấy lòng khi ông sa thải ba viên chức cán bộ của ông ta; Diệm tuyên bố rằng cuộc tàn sát đã được gây ra bởi – những kẻ khuấy động Cộng sản. Cuộc tuyệt thực lan rộng sang quần chúng, cho đến hơn 10 ngàn cá nhân đã tham gia ngay tại Sài Gòn. Để gia tăng tính nghiêm trọng của cuộc biểu tình quần chúng, đại hồng chung của chùa Xá Lợi đã dược gióng lên không ngừng. Ở Huế, kinh

đô Phật giáo, cuộc biểu tình ôn hòa đã trở nên bạo động và bạo lực lại nổ ra. Cuộc bạo hành không kềm chế đến nổi ngôi đại tự Từ Đàm đã bị đốt phá gần rụi.

Sự chịu đựng của Phật giáo cuối cùng đã nhường chỗ cho sự tức giận cụ thể. Một đám đông Phật tử đã tự xử luật và đã đốt rụi một xóm đạo Ca-tô gần Đà Nẵng *[GCND: việc này xảy ra vào những năm sau khi ông Ngô Đình Diệm chết và sau khi ông Dương văn Minh bị lật đổ, tức sau ngày 30-1-1964, khi những phần tử Cần Lao Công giáo bắt đầu hồi phục]*. Tại Huế, cuộc bạo loạn tái phát, nhà cầm quyền ra lệnh thiết quân luật. Kết quả là, một đám đông Phật giáo đồ, do sinh viên học sinh (SVHS) dẫn đầu, biểu tình trước tòa đại biểu chính phủ, quân đội được gọi đến. Lựu đạn cay đã được tung ra và hơn 77 cá nhân phải nhập viện vì các vết bỏng.

Thêm nhiều cuộc biểu tình Phật giáo diễn ra. Tất cả chẳng đi đến đâu. Cuối cùng, một nhà sư Phật giáo cao tuổi, Hòa Thượng Thích Quảng Đức, đã gửi một kiến nghị đến Tổng thống Diệm. Nội dung viết: "thi hành một chính sách bình đẳng tôn giáo." Rồi thì ngài yên lặng ngồi xuống giữa một đường phố chính của Sài Gòn, đổ xăng vào mình và tự thiêu đến chết. Đó là ngày 2, tháng sáu năm 1963 *[GCND: Đúng ra là ngày 11 tháng sáu]*. Cuộc tự thiêu đã gây ra phản ứng rất lớn bên trong và bên ngoài Nam Việt Nam. Cả thế giới không thể hiểu được những gì đang xảy ra, các phương tiện truyền thông cố ý hay vô tình đã làm vẩn đục và đã tường thuật trái ngược nhau về tình trạng thật của chính sự. Tuy vậy, Diệm vẫn không chịu nhúc nhích. Các nhà sư Phật giáo khác theo gương Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Trong một thời gian ngắn, sáu vị đã tự đốt cháy mình đến chết để phản đối (chính sách kỳ thị tôn giáo).

Diệm và hầu hết các ủng hộ viên Ca-tô của ông đã không hề xao xuyến. Thật vậy, ngay cả một số người của họ còn chế giễu việc tự thiêu. Bà Nhu, em dâu của Diệm chẳng hạn, đã cho rằng các Phật tử "đã tự nướng thịt lấy mình" (barbecuing themselves). Các cuộc biểu tình của Phật giáo tiếp diễn trong suốt tháng tiếp theo. Vào ngày 30 tháng bảy, 30 ngàn người đã tham gia biểu tình phản đối tại Sài Gòn và Huế. Ở Huế, ngày 13 tháng tám, đã xảy ra bạo loạn không kiểm soát được. Một nhà sư trẻ tuổi, ĐĐ.Thích Thanh Tuệ, tự thiêu đến chết trong chùa Phước Duyên (Huế), theo gương của một vị khác vài ngày trước đó, ĐĐ.Thích Nguyên Hương, đã tự thiêu vào ngày 4 tháng tám (Phan Thiết). Rồi vào ngày 15 tháng tám, một ni cô, Diệu Quang, tự thiêu trong sân của chùa Từ Đàm.

Theo sau các cuộc biểu tình cá nhân và đoàn thể Phật giáo, cuối cùng Diệm đã tự lột mặt nạ, ban hành một cuộc phong tỏa toàn quốc bằng cách tuyên bố tình trạng quân luật. Cảnh sát của Diệm đã được thả lỏng. Họ chiếm, đóng, vây hãm và cướp phá hết chùa này đến chùa khác trong thủ đô, tại Huế, Khánh Hòa, Đà Nẵng và các thị trấn khác. Họ đã trấn áp các cuộc biểu tình với sự thô bạo ghê tởm nhất và đánh đập nhiều nhà sư Phật giáo. Cuối cùng một lệnh đã được ban hành đóng cửa tất cả các chùa chiền. Lệnh này đã được đáp lại với sự căm hờn tập thể. Hỗn loạn xảy ra. Trong riêng thành phố Huế, vào ngày 21 tháng tám, khoảng dưới một trăm Phật tử bị cảnh sát của Diệm giết chết, trong đó có ba mươi SVHS Phật tử.

Cuộc thảm sát được tiếp nối với các cuộc bắt bớ hàng loạt. Cả ngàn tăng ni bị giam giữ khắp cả Nam Việt Nam. Mật thám Diệm thản nhiên bắn giết hoặc tha hồ đánh đập có tổ chức đám đông Phật giáo đồ. Lực lượng Đặc biệt, dưới sự bao che của Ngô Đình Nhu, bắt giữ bất cứ nhà lãnh đạo Phật giáo nào mà họ có thể tìm thấy. Các Phật tử danh tiếng đã bị tra tấn bởi cảnh sát đặc biệt. Chùa chiền bị phong tỏa. Vào ngày 25 tháng 8, 200 SVHS đã bị bắt với cùng với 6 ngàn cá nhân khác. Hai ngày sau, ngày 27, 4 ngàn người nữa đã bị giam cầm. Ngày 3 tháng ch ín, 5 ngàn 6 trăm sinh viên học sinh biểu tình khắp các trường. Ngày 15 tháng chín, 6 ngàn sinh viên học sinh khác đã biểu tình tại Đà Lạt, và tại những nơi khác.

Đầu tháng mười, hàng ngàn SVHS Phật tử đã bị bắt giữ và tra tấn bởi mật vụ của Nhu. Các nhà lãnh đạo Phật giáo đã phải ẩn tích, một trong những vị nổi bật nhất, TT. Thích Trí Quang, tị nạn bên trong các bức tường của chính tòa Đại sứ Mỹ. Sự kiện đã được thế giới biết đến cũng nhờ nhiều người Mỹ trong các lớp chính quyền dân sự và quân sự đã bày tỏ sự kinh hãi vào những gì họ đã được chứng kiến với chính mắt của mình. Hầu hết trong số họ, mặc dù còn lẫn lộn với các vấn đề cơ bản của sự xung đột chính trị-tôn giáo, song đã bị sửng sốt cực độ trước sự độc ác của chế độ Diệm. Tại Washington, các cảm xúc cũng không kém sâu sắc. Đã có các cuộc buộc tội và chỉ trích lẫn nhau. Các cuộc đàn áp tôn giáo ở Nam Việt Nam đã đe dọa nền hòa bình trong nước của chính nước Mỹ. Bên cạnh đó, phần còn lại của thế giới đã bắt đầu chú ý đến các sự kiện bằng cách công khai đặt câu hỏi một cách ngượng nghịu về mục đích thực sự của sự hiện diện của Hoa Kỳ trong khu vực Đông Nam Á.

Cuối cùng Hoa Kỳ đành ra một tuyên bố, "... Có vẻ là chính phủ của Việt Nam Cộng Hòa, đã áp đặt các biện pháp đàn áp nghiêm

trọng chống lại các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam... Hoa Kỳ lên án các hành động đàn áp loại này." Dù đã có điều này, và cả thế giới đều biết vậy, mà các phương tiện truyền thông của Mỹ vẫn im lặng một cách lạ lùng về toàn bộ vấn đề. Khi bị buộc phải tường thuật các tin tức về các cuộc đàn áp tôn giáo đối với Phật tử gây bởi giáo dân Ca-tô Diệm, thì hoặc là họ cung cấp sự tường thuật tối thiểu, hoặc thu nhỏ toàn bộ vấn đề khi không thể bẻ cong các tin tức được. Nhóm vận đông Công Giáo-CIA-Diệm muốn rằng một khi toàn bộ bức tranh đã trở nên bị làm cho mờ đi thì người dân Mỹ chưa thể hành động được.

Nhà sư, Thich Tiêu Diêu, tự thiêu đến chết trong sân của chùa Từ Đàm. Qua nổi đớn đau bởi hỏa thiêu, thân thể của ngài được nhìn thấy cong queo trong lửa. Ngài đã tự thiêu để phản đối việc ban hành các luật lệ chống Phật giáo của Tổng thống Ca-tô Diệm. Điều này đã diễn ra tại đất thiêng Phật giáo thành phố Huế, Nam Việt Nam vào ngày 16 tháng tám, 1963. Trước khi châm lửa, nhà sư đã tuyên bố qua một loa máy rằng ngài đã quyết tự thiêu trước chính ngôi chùa để ủng hộ những đòi hỏi của Phật giáo về các quyền dân sự và quyền tôn giáo của họ đã từng bị từ chối bởi Tổng thống Ca-tô Diệm. Sau khi nói xong, ngài đã tẩm xăng vào tăng bào và tự châm lửa. Đó là lần tự thiêu đầu tiên để phản đối sự đàn áp Phật giáo của Ca-tô giáo tại Nam Việt Nam. Lòng can đảm và tự hy sinh của các tăng sĩ đã gây một ấn tượng lớn lao không chỉ trên toàn Việt Nam, mà còn cả toàn thế giới bên ngoài.



Cuộc tự thiêu của ni cô, Thích Nữ Thanh Quang, tại chùa Diệu Đế ở Huế, vào ngày 31 tháng năm, 1963.

Các cuộc tự thiêu là cao điểm của các cuộc phản đối của Phật giáo chống lại sự khủng bố của Ca-tô giáo bởi Diệm và hai người anh em, tổng giám mục và thủ lãnh ngành mật vụ. "Các nhà bất đồng" Phật giáo đã bị bắt và tống giam vào các trại tập trung mà không được

cần được xét đến các quyền tự do dân sự hoặc tự do cá nhân. Giữa năm 1955 và 1960, ít nhất đã có 24 ngàn người bị thương tật, 80 ngàn người bị thủ tiêu hay ám sát, 275 ngàn người đã bị giam giữ hoặc tra tấn. Cuối cùng, 500 ngàn người đã được gửi vào trại giam hay trại tập trung. Bộ máy đàn áp của nhà nước Công giáo đã trở nên áp đảo và tàn ác đến nỗi Hoa Kỳ phải phản đối, một cách riêng tư hay chính thức, về đặc tính tôn giáo trơ trẽn của chính sách Ca-tô của Diệm. Nhiều nhà sư Phật giáo noi gương của ni cô Thích Nữ Thanh Quang trong việc phản đối chế độ Ca-tô của Diệm. Phải có lòng can đảm tự thân lớn lao mới chuẩn bị cho mình cái chết do tự thiêu để duy trì niềm tin tôn giáo của chính mình. Các cuộc tự thiêu của các tăng ni Phật giáo đã giúp làm sống lại niềm tin tôn giáo của hàng triệu Phật tử, những người đã quyết chống lại các luật lệ bất công của chính phủ Diệm. Giáo Hội Công Giáo đã không hề bày tỏ bất cứ lòng phiền muộn hoặc ngưỡng mộ cho các bậc tử đạo Phật giáo này.



Những biểu lộ kinh hãi trên khuôn mặt của các phụ nữ Việt Nam đang than khóc, trong khi chứng kiến thân thể của một sư cô đang cháy, sư cô đã tự thiêu và chết dưới mắt của hàng trăm người khủng khiếp đứng xem. Sư cô đã bị lửa thiêu trong sân của một ngôi chùa ở Sài Gòn. Sư cô đã tự thiêu để phản đối chống lại những luật lệ chống Phật giáo đang được thi hành bởi chính quyền Nam Việt Nam. Các tăng ni đã nêu và theo gương của sư cô. Sự hy sinh của những người Phật tử như thế đã giúp thu hút sự chú ý của thế giới phương Tây vào thực tế của sự đàn áp đang được tiến hành đối với các Phật tử bởi chế độ Công-giáo-trị ở Nam Việt Nam. Không chỉ trong thời Diệm đang làm tổng thống mà còn cả về sau. Nhiều Phật tử đã bị tù đày và đã bị tống giam vào các trại tập trung vì phản đối những luật lệ kỳ thị chống lại họ đã được thông qua bởi nhà cầm quyền Công Giáo.



Giáo dân Ca-tô ẩu đả với Phật tử tại Sài Gòn, thủ đô của Nam Việt Nam

Những bọn ô hợp Ca-tô tấn công các Phật tử khi họ phản ứng chống các quy định cấm Phật từ cầu nguyện trong và ngoài các tự viện của họ. Các bom xăng "Molotov cocktails" đang nổ chống lại đội quân không vũ trang đã cố gắng phân chia các đối thủ. Những người này đã ném đá và dùng gậy gộc. Các cuộc hỗn loạn tương tự đã xảy ra trong các vùng khác của đất nước, khi Tổng thống Diệm ban hành luật lệ chống Phật giáo. Các đám ô hợp trong ảnh này đang chiến đấu bên ngoài một nhà thờ Công giáo tại thủ đô. Nhiều tòa nhà Ca-tô đã bị Phật tử tấn công, khi giáo dân Ca-tô Diệm phong tỏa tất cả các chùa chiền Phật giáo. Giáo dân Ca-tô trả thù tấn công lại các tòa nhà của Phật giáo. Cảnh sát của Diệm lại thiên vị Ca-tô vì nhiều thành viên của cảnh sát đặc biệt lại chính là giáo dân Ca-tô và do đó, bản thân đã chống lại Phật giáo.



Cuộc tự thiêu trước nhà thờ Công giáo La mã ở Sài Gòn.

Những người qua đường đang cầu nguyện và nhiều người khóc than khi một nhà sư Phật giáo tự thiêu đến chết trước nhà thờ Công giáo La mã ở Sài Gòn. Những cuộc tự thiêu này chứng tỏ cường độ của lòng sôi sục chống lại sự bất công của các quy định chống Phật giáo và giúp củng cố ý chí của Phật tử chống lại sự đàn áp của Công Giáo. Các tăng ni Phật giáo kiên trì thực hành cuộc đề kháng thụ động và đã chứng tỏ niềm tin của họ vào sự phản đối bất bạo động bằng cái chết cho lý tưởng của họ. Những người khác thiếu kiên nhẫn đã tạo nên những cuộc biểu tình phản đối bạo động chống lại cảnh sát mật vụ và quân đội được gửi vào các đường phố để chế ngự những người Phật tử đã đề kháng sự sách nhiễu và đàn áp của Ca-tô.

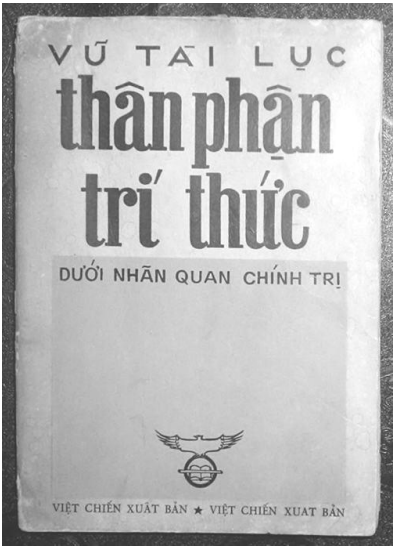


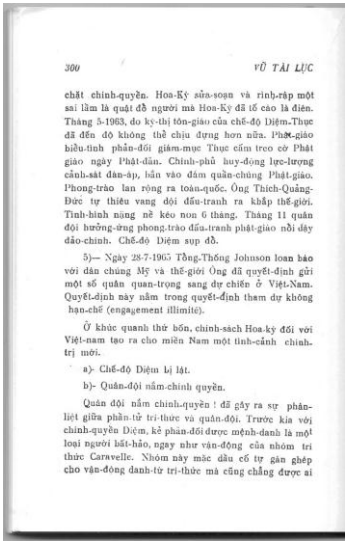
Quang cảnh kinh hoàng của một nữ giáo viên dang tự thiêu đến chết trước những người chứng kiến bị sửng sốt. Cô giáo, một nửa bị lửa tiêu hủy, đang gập mình trong nỗi đau đớn quằn quại. Một ni cô Phật giáo đang kêu than gần bên, được hỗ trợ bởi bạn bè. Cuộc tự thiêu này xảy ra trước một ngôi chùa ở Sài Gòn, một ví dụ khác về độ sâu của sự thất vọng tạo bởi sự đàn áp của giáo dân Ca-tô Diệm chống lại dân chúng Phật giáo của Nam Việt Nam.

Người dịch: **Trần Thanh-Lưu**

VŨ TÀI LỤC VIẾT VỀ KỲ THỊ TÔN GIÁO DƯỚI CHẾ ĐỘ DIỆM

Trích từ "*Thân phận Trí thức dưới Nhản quan Chính trị*" - ***Việt Chiến*** xuất bản





300 VŨ TÀI LỤC

chất chính-quyền. Hoa-Kỳ sửa-soạn và rình-rập một sai lầm là quật đổ người mà Hoa-Kỳ đã tố cáo là điên. Tháng 5-1963, do kỳ-thị tôn-giáo của chế-độ Diệm-Thục đã đến độ không thể chịu đựng hơn nữa. Phật-giáo biểu-tình phản-đối giám-mục Thục cấm treo cờ Phật giáo ngày Phật-đản. Chính-phủ huy-động lực-lượng cảnh-sát đàn-áp, bắn vào đám quần-chúng Phật-giáo. Phong-trào lan rộng ra toàn-quốc. Ông Thích-Quảng-Đức tự thiêu vang dội đấu-tranh ra khắp thế-giới. Tình-hình nặng nề kéo non 6 tháng. Tháng 11 quân đội hưởng-ứng phong-trào đấu-tranh phật-giáo nổi dậy đảo-chính. Chế-độ Diệm sụp đổ.

5)— Ngày 28-7-1965 Tổng-Thống Johnson loan báo với dân chúng Mỹ và thế-giới Ông đã quyết-định gửi một số quân quan-trọng sang dự chiến ở Việt-Nam. Quyết-định này nằm trong quyết-định tham dự không hạn-chế (engagement illimité).

Ở khúc quanh thứ bốn, chính-sách Hoa-kỳ đối với Việt-nam tạo ra cho miền Nam một tình-cảnh chính-trị mới.

a)- Chế-độ Diệm bị lật.

b)- Quân-đội nắm chính quyền.

Quân đội nắm chính-quyền ! đã gây ra sự phân-liệt giữa phần-tử trí-thức và quân-đội. Trước kia với chính-quyền Diệm, kẻ phản-đối được mệnh-danh là một loại người bất-hảo, ngay như vận-động của nhóm trí thức Caravelle. Nhóm này mặc dầu cố tự gán ghép cho vận-động danh-từ trí-thức mà cũng chẳng được ai

"*… Tháng 5-1963, do* ***kỳ thị tôn giáo của chế độ Diệm-Thục đã đến độ không thể chịu đựng hơn được****, Phật giáo biểu tình phản đối Giám mục Thục cấm treo cờ Phật giáo ngày Phật đản.* ***Chính phủ huy động lực lượng cảnh sát đàn áp, bắn*** *vào đám quần chúng Phật giáo. Phong trào* ***lan rộng ra toàn quốc****,. Ông Thích Quảng Đức tự thiêu vang dội ra khắp thế giới. Tình hình nặng nề kéo non 6 tháng. Tháng 11,* ***quân đội hưởng ứng phong trào đấu tranh Phật giáo*** *nổi dậy đảo chính. Chế độ Diệm sụp đổ*"

[Nguồn: http://virtualarchivist.wordpress.com/page/2/]

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY

Nguyễn Lang

Sáng ngày 21.08.1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ "*bọn tăng ni làm loạn*".

Bộ trưởng bộ Ngoại giao **Vũ Văn Mẫu** đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập *Phong Trào Trí Thức Chống Độc Tài*. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên **Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ** bãi khóa ngay trong buổi chiều 21.08.1963. Giáo sư **Lê Sĩ Ngạc** của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.

Chiều ngày 22.08.1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ **Phạm Biểu Tâm** gửi đơn từ chức; Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23.08.1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn kế hoạch vận động thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa. Chiều hôm ấy Ủy ban này được thành lập, do sinh viên **Tô Lai Chánh** đứng làm chủ tịch. Ủy Ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô **Lê Thị Hạnh**, Y khoa: **Đường Thiện Đồng**; Văn khoa: **Lâm Tường Vũ**; Kiến trúc: **Nguyễn Hữu Đống**; Công chánh: **Nguyễn Thanh**; Sư phạm: **Nguyễn Văn Vinh**; Luật khoa: Tô Lai Chánh.

Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa phát động phong trào bãi khóa: sinh viên các trường **Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ**

thuật v.v…theo gót sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24.08.1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để đón tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy Ban Chỉ Đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23.08.1963, yêu cầu chính quyền:

1.Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.

2.Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.

3.Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ hành hạ tín đồ Phật giáo.

4.Giải tỏa chùa chiền, ban bố tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: "*Sinh viên và học sinh Việt nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc".*

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa* được đổi thành *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh*.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn. Ngày 25.08.1963 ba trăm sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị võ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng toán nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngả đường đi tới: vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh Sát Chiến Đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên **Quách Thị Trang** bị trúng đạn tử thương[1[33]]. Một số sinh viên trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó chính quyền đô thành ra thông cáo

1[33] Sau ngày cách mạng thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh *nổ súng* vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25.08.1963, sinh viên và học sinh đã trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được giây thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức.

Ngày 07.09.1963, học sinh các trường trung học công lập **Gia Long, Trưng Vương** và **Võ Trường Toản** tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trương **Kỹ Thuật Cao Thắng**, trường **Mỹ Thuật Gia Định** và các trường trung học **Chu Văn An**, **Hồ Ngọc Cẩn** liên tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát[2[34]]. Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình đừng cho chúng "*mắc mưu Cộng Sản*". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15-16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng Sản xúi dục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong thâm tâm các bậc phụ huynh

---

2[34] Cảnh Sát Chiến Đấu đã phá cổng và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu.

Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

[Trích *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận,* tập III]

QUÁCH THỊ TRANG - VÌ SAO SÁNG

Hàn Phương Quốc Vũ

Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước!…Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm.

"Trang hỡi Trang, em là vì sao sáng
Giữa khung trời mây trắng với trăng thanh
Rồi một sớm có bao nhiêu đầu xanh
Siết tay nhau, giục giã em lên đường"

Cứ nghĩ về những ngày tháng ấy, tôi lại lẩm nhẩm một mình mấy câu hát của nhạc sỹ Nguyễn Hiền ca ngợi Quách Thị Trang từ 38 năm về trước. Những câu hát một thời vang dội cả Sài gòn, làm xao xuyến bao trái tim sinh viên học sinh chúng tôi.

Từ sau mùa pháp nạn 1963, tôi hay có thói quen, cứ đến ngày Phật Đản hàng năm; đi đâu về tôi cũng muốn ghé bùng binh chợ Sài Gòn để ngắm nhìn chân dung Trang qua bức tượng như một phút mặc niệm ngậm ngùi thủy chung. Có lẽ vì tôi không thể nào quên được cái khung trời ở đó với mấy tiếng súng nổ sát hại Trang ngày nào cứ còn vang mãi bên tai tôi!…

Mặc dù lúc đó, tôi không thấy được Trang ngã xuống, không được cùng bạn bè đỡ Trang lên và giành giật Trang với cảnh sát chiến đấu… Bởi vì đoàn của tôi đang trên đường Lê Văn Duyệt (Cách Mạng Tháng 8) vừa đến ngã sáu Sài Gòn thì bị chặn lại. Xe cảnh sát nhào tới, chực vồ chúng tôi quăng lên xe. Chúng tôi phải rã đoàn, len vào các con hẻm dẫn tới chợ Sài Gòn như đã hẹn trước: tập trung và xuất phát từ trường Dược, nếu kẹt thì đổi địa điểm xuống chợ Bến Thành rồi kéo lên Quốc hội (Nhà hát lớn).

Cho nên từ các ngã đường, SVHS cứ tràn xuống trước các cửa chợ, cứ đi vòng vòng, giả như đi mua sắm, để chờ nhau. Hễ thấy có biểu ngữ giăng lên là ào xuống xếp hàng đi theo, đồng bào trong chợ

ùa ra. Cảnh sát chiến đấu đi chặn đầu này thì bà con tràn qua đầu kia. Chúng phải huy động thêm xe GMC lớn tới, cứ tóm được ai là quăng lên xe chở đi … Bỗng nghe mấy tiếng súng nổ phía cửa Đông thì bà con chạy hoảng loạn như điên. Ai cũng muốn nhào lại phía súng nổ xem có phải con em mình không và giành giựt xác người với cảnh sát… Mãi đến mấy ngày sau, chúng tôi và gia đình Trang mới biết được người nữ sinh ngã xuống đó là Quánh Thị Trang chứ không phải là Mỹ Hạnh hay Lê Thị Hạnh như lầm tưởng ban đầu.

Vậy Trang là ai? Là ai mà dũng cảm như một đấng anh thư thời mở nước!…Trang mới 15 tuổi, là nữ sinh lớp đệ nhị trường Trung học Trường Sơn. Sinh làng Cổ Phúc, quận Tiên Hương, tỉnh Thái Bình, gia đình theo đạo Phật. Trang sống với mẹ cùng 5 anh chị em và là đứa con hiếu thuận. Trang sinh hoạt trong Gia đình Phật tử Minh Tâm rất thuần thành - pháp danh Diệu Nghiêm.

Khi ngã xuống cảnh sát đã giành xác Trang đem về chôn trong nghĩa trang Tổng tham mưu (vì muốn ém nhẹm cái chết này). Sau ngày Diệm đổ, chúng tôi vào tìm thăm mộ Trang ngay thì thấy phần mộ cũng tử tế và hương khói đàng hoàng. Chắc là do những người lính Phật tử có lòng ở đó, đã âm thầm chăm sóc mộ Trang.

Ba năm sau anh Đoàn trưởng Huỳnh Bá Huệ Dương đã cùng gia đình Trang cải táng đưa Trang về chùa Phổ Quang cho đến hôm nay. Người ta thấy có mấy em học sinh Phật tử, đệ tử của một vị Hòa thượng khả kính, thường xuyên đến hương khói, chăm sóc phần mộ của Trang sạch sẽ và đẹp, nhất là vào những ngày Phật Đản.

Tôi xin trích một đoạn ngắn của riêng Trang và bạn bè vào cái buổi sáng lịch sử đó trong cuốn "Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam" của Quốc tuệ: "…Sáng ngày 25, Trang dậy thật sớm, ăn mặc xong rồi xin phép mẹ đến nhà bạn chơi và rủ Yến cùng đi. Hai chị em đến nơi hẹn với Yến rồi cùng nhau đi taxi đến chợ Bến Thành. Trong khi chờ đợi, từ của hông chợ một đám người ùa ra như nước chảy. Những người đi đầu căng biểu ngữ: "hãy giết chúng tôi đi vì chúng tôi là những người con Phật".

Ba thiếu nữ nghe lòng bừng dậy như sóng cả. Họ nhìn nhau, ba cặp mắt sáng ngời và cầm tay nhau chạy vào hàng ngũ. Đoàn biểu tình vẫn đi tới, vượt qua khỏi mặt tiền chợ Bến Thành. Trong lúc đó, bóng dáng hung thần của cảnh sát chiến đấu gầm gừ hiện ra, chặn lối trước mặt họ. Chợt nghe hai tiếng súng nổ, Yến quay lại nhìn: Thấy Trang mặc áo trắng đã ngã gục trên đường nhựa. Bên Trang là một cảnh sát ác ôn, tay cầm súng mới vừa giết người xong. Đây là hình

ảnh cuối cùng của Quánh Thị Trang đã hy sinh đời mình cho Dận tộc và Đạo pháp. Và hình ảnh đó trong lòng dân tộc vẫn còn sống mãi nghìn thu!". (lược trích báo Hải Triều Âm số 19. Trích lại trong "50 năm chấn hưng PG Việt nam 1920-1970" của HT. Thích Thiện Hoa soạn 1970, trang 226).

Dạo đó, vẫn còn có người xuyên tạc ý nghĩa cuộc đấu tranh này, cho là bọn trẻ bị người lớn xúi giục…Thật ra Trang là một cô gái có tâm hồn cao đẹp của một Phật tử gương mẫu. Em biết thổi sáo, tham gia văn nghệ hồn nhiên trong gia đình Phật tử. Trang đã khóc nhiều khi nhìn thấy trên báo chí, hình ảnh 8 em trong Gia đình Phật tử Huế bị xe thiết giáp của Đặng Sỹ cán chết không toàn thây trước đài phát thanh, thấy ngọn lửa thầy Quảng Đức và các Thánh tử đạo, nhất là cái đêm 20.08.1963, chùa Xá Lợi bị tấn công và các thầy bị bắt đi hết.

Trang quyết định dấn thân, xuống đường cùng bà con Phật tử và bạn bè, đòi cho được sự bình đẳng tôn giáo. Và Trang đã ngã xuống như một dáng đứng sinh viên - học sinh, nối tiếp Trần Văn Ơn ngày trước. Ngày 26.08.1963, sau cái chết của Trang 1 ngày, từ Bruselles, Hội Thanh niên Thế giới đã đánh điện về phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm đã tước bỏ quyền tự do dân chủ của thanh niên, sinh viên học sinh Việt Nam với nội dung:

"*Kính gởi Tổng thống VNCH tại SG:*

Hội Thanh niên Thế giới phản đối sự kỳ thị đáng ghét đối với đồng bào Phật giáo của ông và việc đóng cửa các trường đại học cùng đàn áp hung bạo đối với thanh niên, sinh viên cũng như bắt bớ và gây tang tóc cho bao người.

Chúng tôi đòi hỏi ông phải trả lại quyền lợi cho mọi người công dân và tôn trọng tự do dân chủ".

Ký tên: Hội Thanh niên Thế giới.

Và một sinh viên Việt kiều ở Nhật, anh Huyền Linh Tử, gởi về mấy giòng thơ khi anh nghe thêm mấy người tự thiêu, hàng trăm người bị thủ tiêu và gần 3.000 Sinh viên Học sinh bị bắt.

"*Tokyo qua dòng tin tê tái*
Quê hương, cửa từ bi nhuộm máu
Bầy con yêu say đạo cả cúi đầu
Trước bạo tàn, ôi, có một không hai"…

Trong nước thì không biết bao nhiêu trái tim đã khóc Trang, nhạc sĩ Nguyễn Hiền viết bài hát ca ngợi Trang một thời được hát vang trong giới Sinh viên Học sinh .

Nhà thơ Tâm Hải cũng tiếc thương , ngưỡng mộ:

Tôi viết tên Trang cả triệu lần
Bao niềm thương tiếc lẫn phân vân
Hy sinh tranh đấu chống cường bạo
Muôn triệu con tim thoát ngục trần
Phật giáo sáng ngời trang sử mới
Non sông tưởng nhớ nữ anh hùng
Ngàn thu trân trọng người Trinh nữ
Đốt nén hương thơm khấn nguyện cầu..

Năm 1964, Sinh viên Học sinh đã thành lập một ban kiến tạo xây dựng tượng đài Quánh Thị Trang gồm:

- Trưởng ban: Vũ Quang Hùng (SV Khoa học, đang công tác ở báo Pháp luật).

- 2 Phó ban:-Nguyễn Thanh Hùng (SV Đại học Bách khoa).-Đào Đức Long (SV Thanh Sinh Công).

Một buổi sáng đầu năm 1964, anh Dương Văn Đầy (lúc đó SV Khoa học-BCB-chuẩn bị vào y khoa) cầm sổ vàng đến rủ tôi cùng đi gặp các vị tướng tá cảm tình với SV để quyên tiền xây tượng Quách Thị Trang. Tôi và Đầy đến gặp tướng TVĐ. Ông rất hoan hỷ, ký ngay 10.000 đồng và giới thiệu đi gặp TQH, bà H ký ngay 5.000 đồng. Đầy bảo đủ rồi và về đưa hết cho Hùng. Hùng quyên thêm ít nữa rồi phân công cho Nguyễn Thanh Hùng đi thăm viếng gia đình Trang và gặp họa sĩ Mai Lân đặt khắc tượng Trang. Trong số SV thực tập với HS, có anh Vũ Chinh tức Đặng Đức Siêu trong nhóm Nguyễn Khắc Hiếu ở tù chung với Hùng, nên anh Chinh rất tích cực trong việc này. Tạc tượng xong, Ban kiến tạo này chuẩn bị xây chớp nhoáng ngoài công trường Diên Hồng (nay là Q.T.T) trong dịp đoàn SVHS biểu tình chống Nguyễn Khánh kéo về dừng lại trước chợ Bến Thành để tưởng niệm Trang và nhiều SV lên phát biểu "Đả đảo Nguyễn Khánh"…

Trong lúc đó, nhóm Sinh viên kiến tạo này mang tượng đài Quánh Thị Trang và dụng cụ đã giấu sẵn trong túi xách ra, đặt lên xây thật nhanh và thật chắc - khi đoàn biểu tình giải tán thì tượng Quách Thị Trang đã sừng sững vững chắc giữa công trường rồi. Cảnh sát không dám động đến. Một năm sau, TTM.G và anh đoàn trưởng đến gắn một bản đồng nhỏ ở phía dưới đề tên "Liệt nữ Quách Thị Trang". Và từ đó, công trường mang tên Quách Thị Trang cho đến bây giờ.

Ngày nay ai đi qua đó đều nhìn thấy bức tượng thân thương đã đi vào lịch sử cùng tên tuổi Quách Thị Trang như một vì sao sáng mãi trong lòng sinh viên học sinh Sài gòn và sáng mãi trong lòng tôi cho

đến hôm nay như tiếng hát của Nguyễn Hiền ngày nào:

..."Tôi với em không hề quen biết
Xót xa nhiều khi viết đến tên em
Vì đại nghĩa, máu em đã hòa thêm
thắm tô lên trên tà áo trinh nguyên
Nhưng hôm nay tưng bừng,
Non sông đang vui mừng
Đâu bóng hình em giữa trời quê hương
Những mái tóc chấm vai,
Sân trường tìm đâu thấy
Em thơ đùa trong ánh nắng ban mai
Tôi khóc em trong chiều nay mây tím
Nén hương lòng tôi thắp nhớ tên em
Hình hài mất, nét tinh anh còn đấy
Giữa muôn tim, em còn mãi không phai'

Hàn Phương Quốc Vũ

ĐOÀN SINH VIÊN PHẬT TỬ SÀI GÒN ĐẤU TRANH CHO TỰ DO TÔN GIÁO (1963)

Lương Hữu Định

Năm 1963, sau khi hay tin hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để bảo vệ chánh pháp, toàn thể các giới ở trong nước, nhất là giới trí thức, thanh niên, sinh viên, học sinh, Phật tử hay không phải Phật tử, đã sôi nổi, ồ ạt đứng lên tham gia tích cực vào phong trào chống chính sách kỳ thị tôn giáo. Động cơ của sự tham gia này có nhiều, nhưng riêng đối với tôi, thì khi tham gia vào sự kiện này, qua Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn (SVPTS) thời ấy, thì động lực duy nhất là đòi hỏi tự do tôn giáo. Tôi chỉ xin trình bày các sự kiện dưới con mắt chủ quan của tôi, còn việc đánh giá đúng sai sẽ không nói tới.

1. Sinh viên và Phật tử:

Gia đình tôi vốn theo đạo Phật, nên thời thơ ấu của tôi đã đậm mùi khói hương, kinh kệ. Cứ mỗi buổi chiều, khoảng 5 giờ bà ngoại tôi và bà dì tôi lại lên một thời kinh (vì mẹ tôi mất khi tôi mới lên bốn tuổi). Dì tôi tụng kinh gõ mõ, bà ngoại tôi ngồi lim dim lần tràng hạt. Những ngày lễ, tết, tôi được theo bà lên chùa. Hình ảnh những ngôi chùa to, những pho tượng đẹp, những tu sĩ trang nghiêm và đáng kính, đã trở thành quen thuộc với tôi. Đến độ bây giờ, chỉ cần nghe tiếng chuông chùa từ xa vọng lại, tôi lại nhớ thấy cảnh kẻ ra người vào tấp nập, miệng luôn chào nhau "A Di Đà Phật".

Khi ấy đạo Phật đối với tôi chỉ là những nghi lễ dành cho người lớn, một cách sống của người già. Đối với tuổi trẻ thì chùa là loại thắng cảnh để rủ nhau đi chơi vào những ngày nghỉ, kiểu như "*hôm qua em đi chùa Hương, hoa cỏ còn mờ hơi sương*" để rồi "*em không dám đi mau, sợ chàng chê hấp tấp, số gian nan không giàu*"; Còn đối với con nít như tôi hồi đó, thì đức Phật là đấng ban lộc oản chuối, xôi chè. Cái quan niệm ấy tôi giữ cho tới thời kỳ đi vào đại học, là sinh viên. Khi ấy, đến với Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn, tôi chỉ muốn

tìm được những người bạn cùng trang lứa, cùng làm việc xã hội: đi thăm các cô nhi viện, các viện dưỡng lão, các làng tình thương: và khi xảy ra thiên tai bão lụt, thì đi quyên góp tiền bạc, quần áo, đi cứu trợ. Việc lễ Phật chỉ là một nghi lễ mở đầu hay chấm dứt cho một buổi sinh hoạt.

2. Sinh viên và tự do tín ngưỡng:

Dần dần, việc đi lễ mỗi sáng Chủ nhật trở thành thói quen: sáng Chủ nhật được nghỉ học, ở nhà buồn, đi lễ cho vui. Khi ấy ở chùa Xá Lợi, sau mỗi khóa lễ từ 8 giờ tới 9 giờ, là có một lớp giáo lý ở giảng đường, từ 9 giờ tới 11 giờ. Về sớm cũng chẳng có việc gì làm, tôi vào dự nghe. Từ từ những bài giảng của đức Thích Ca đến với tôi: Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo…Nhất là khi ấy tôi lại học đại học Văn khoa, trường Cao Đẳng Phật học, được giới thiệu các vấn đề triết học, tôn giáo, triết Đông, triết Tây, nên tôi càng tin tưởng hơn ở một tôn giáo đã có lịch sử 2.500 năm. Tôi có được biết là ông Diệm theo đạo Thiên Chúa. Ông tin tưởng ở những người Công giáo hơn, người Công giáo được ưu đãi hơn. Nhưng chưa có gì lộ liễu, cho tới đầu năm 1963. Tháng tư năm ấy, ông Diệm tuyên bố không thừa nhận Phật Đản là ngày lễ chính thức và không cho phép treo cờ tôn giáo ngoài phạm vi cơ sở tôn giáo, đúng vào dịp sắp tới lễ Phật Đản. Cuộc tranh đấu của Phật giáo bắt đầu, đòi bình đẳng tôn giáo. Còn đối với tôi, đó là đòi tự do tín ngưỡng, một trong những quyền căn bản của con người.

Tôi chỉ còn nhớ được vài sự kiện chính:

Ngày 08.05.1963, đêm trước Phật Đản, tại Huế, các đồng bào Phật tử tụ tập trước đài phát thanh để đợi nghe phát đi bài thuyết pháp của thầy Trí Quang đã được ghi âm từ buổi sáng. Nhưng bài ấy đã không được phát thanh, có thể là vì trong đó Thầy đòi treo cờ Phật giáo. Đồng bào Phật tử tụ tập càng lúc càng đông, chính quyền Huế cho xe tăng ra đàn áp. Đồng bào không chịu giải tán, kết quả có 8 người bị xe tăng cán chết. Những tấm hình chụp được gửi đi các nơi, mọi người phẫn uất.

Ngày 25.05, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập để lãnh đạo cuộc tranh đấu đòi tự do tôn giáo. Nguyên tắc tranh đấu là bất bạo động: chỉ tổ chức những buổi thuyết pháp, tuyệt thực, biểu tình, phổ biến thông tin…Đoàn SVPTS đặc biệt đóng góp vào công việc thông tin trong giới học sinh, sinh viên, để mọi người biết rõ sự thực, vì khi ấy chính quyền miền nam kiểm duyệt chặc chẽ báo

chí, chỉ đưa ra những tin tức có lợi cho Nhà nước.

Ngày 11.06 Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Một hình thức tranh đấu bất bạo động đặc biệt của Phật giáo để bảo vệ chánh pháp.

Ngày 20.08 chính quyền miền Nam bắt đầu một cuộc bắt bớ rộng khắp, đầu tiên là các tăng ni ở trong chùa, sau tới các Phật tử ở nhà. Nhiều Đoàn viên SVPTS đã bị bắt vào dịp này, trong đó có tôi. Đầu tiên chúng tôi bị tạm giữ ở Tổng nha cảnh sát đô thành để lấy lời khai. Vì chẳng có gì phải dấu diếm , nên việc lấy cung rất nhanh. Sau đó chúng tôi được đưa qua trại Lê Văn Duyệt, gọi là để học tập, cho tới ngày 1.11 Đối với chúng tôi, những ngày tháng ở trại LVD chỉ lưu lại những kỷ niệm vui nhiều hơn là buồn.

3. Bi, Trí và Dũng:

Nhìn lại thời kỳ sinh hoạt với Đoàn SVPHS và nhất là qua cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo, tôi thấy rõ 3 giai đoạn thể hiện ba mức độ mà tôi đã đến với Đoàn. Đầu tiên chỉ là một ước muốn được đóng góp một cái gì đó cho xã hội, cho những người nghèo khổ, vì biết riêng mình chẳng làm được gì, nên tôi đã đến với người bạn cùng ước mơ ấy. Đó là *Bi.*

Rồi trong thời gian học ở Đại học Văn khoa và trường Cao đẳng Phật học, tôi được biết về các vấn đề nhân sinh quan, vũ trụ quan, bản thể luận, cũng như các hệ thống triết học nhằm giải quyết những vấn đề căn bản ấy. Nên khi theo các lớp giáo lý Phật giáo, tôi thấy đó là cả một hệ thống triết học toàn diện, chứ không chỉ là những nghi thức trong đời sống hằng ngày. Theo Phật không chỉ là tụng kinh, gõ mõ, lễ Phật ăn chay…dành cho ông già bà cả hay giới tăng sĩ, mà còn là cả một quan niệm sống, một cách sống lành dành cho giới trẻ, giới trí thức; càng biết nhiều càng say mê, đó là *Trí.*

Còn *dũng* thì thật là khó khăn. Dũng không phải là khỏe mạnh để đi đánh nhau với người khác, mà dũng là sức mạnh để tự thắng mình. Ngồi yên đó để cho bị đánh đập, bị giam cầm, nhịn đói để biểu lộ sự phản đối, tự thiêu để cảnh tỉnh. Tôi nhìn hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức ngồi giữa ngọn lửa bốc lên…Người ta nói trái tim của Hòa Thượng không cháy vì khi ấy tâm trí ngài tập trung về trái tim với ước nguyện cầu cho nhà cầm quyền thức tỉnh, cầu cho Phật giáo đồ mau qua cơn pháp nạn.

Kết luận:

Thì ra nếu chỉ hiểu Phật giáo qua các biểu hiện ở bên ngoài thì dễ hiểu lầm Phật giáo. Nếu chỉ tụng kinh và y kinh chú giải, thì dễ oan tam thế Phật lắm. Còn có vị thiền sư chỉ giác ngộ cho ông thầy chẻ pho tượng Phật bằng gỗ, bỏ vào đống lửa để sưởi ấm một đêm giá lạnh, tuyết rơi trong hang đá. Tìm trong kinh không thấy, tìm trong ảnh tượng lại càng bị trói buộc. Vậy mà khi đi vào đời, tới với người nghèo khổ, những lúc bản thân hay gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn, thì lời dạy đức Thế Tôn lại vang lên, chỉ đường giải thoát. Người ta đã nói về đạo Phật cho giới cư sĩ, cho giới trẻ, cho ngày nay. Khi biết khế lý và khế cơ, thì Phật giáo sẽ là chân lý của mọi người, mọi thời đại. Sau năm 1964, tôi hết là sinh viên; và cũng vì bị lôi cuốn theo dòng đời, tôi đã rời Đoàn SVPTS, chúng tôi ít có dịp gặp lại nhau, nhưng chắc chắn là ở bất cứ nơi nào, chúng tôi vẫn nhớ đến nhau vì lòng cùng hướng về một đấng Từ Phụ.

Lương Hữu Định

http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-86_4-5392_5-50_6-1_17-3_14-1_15-1/

CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO NĂM 1963

Nguyễn Lang
(Trích *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* tập III)

Cuộc vận động năm 1963 của Phật Giáo đồ được phát khởi từ Huế, trung tâm chỉ đạo của Phật Giáo miền Trung. Lúc đó đứng làm lãnh đạo hội Phật Giáo Việt Nam tại Trung phần là thiền sư Giác nhiên, một vị cao tăng 84 tuổi, và hai vị thiền sư phụ tá: Trí Thủ và Trí Quang...

BẢO VỆ LÁ CỜ NĂM SẮC

Thiền sư Trí Quang làm việc được hơn một năm thì cuộc tàn sát tín đồ Phật giáo bằng xe tăng và súng đạn xảy ra trước đài phát thanh Huế. Nguyên do của cuộc tàn sát là lệnh cấm treo cờ Phật giáo của chính quyền trước ngày Phật Đản năm ấy.

Cờ Phật giáo là một lá cờ ngũ sắc tượng trưng cho năm sức mạnh gọi là ngũ lực: Tín (lòng tin), tấn (sự cần mẫn), niệm (phép quán niệm), định (sự tập trung tâm ý) và tuệ (ánh sáng giác ngộ). Lá cờ này do một Phật tử cư sĩ tên là Henry Steel Olcott đề nghị tại Tích Lan vào cuối thế kỷ thứ mười chín và đã được các nước Phật giáo chấp nhận [3[1]]. Đó là một lá cờ nhiều màu sắc rực rỡ, tươi vui, thường được Phật tử Việt Nam in ra hàng triệu lá trên giấy hoặc trên vải để tô điểm cho những ngày lễ, những ngày hội và những đám rước Phật giáo. Lệnh loại bỏ ngày Phật Đản năm 1957 là một trong những động lực thúc đẩy Phật tử cương quyết củng cố và kiện toàn tổ chức của họ.

Sự biểu diễn lực lượng của Phật tử vào những dịp lễ lớn trước mắt các quan sát viên quốc tế đã làm ngứa mắt chế độ, vì hồi đó chính

[3[1]] Chính H.S. Olcott là người khuyến khích và ủng hộ triệt để đại đức Dharmapala trong việc phát khởi phong trào Phục Hưng Phật Giáo Ấn Độ và Tích Lan vào khoảng năm 1885.

quyền đang vận động với tòa thánh La Mã để đức giám mục Ngô Đình Thục được cất nhắc lên địa vị Hồng Y. Để đạt tới mục tiêu này chính quyền phải chứng tỏ cho tòa thánh thấy Việt Nam đang đi rất mau trên đường Cơ Đốc hóa. Ký giả tờ *Informations Catholiques Internationales* kể rằng đức tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nói cho ông rằng ở Việt Nam có nhiều làng đòi làm lễ rửa tội tập thể một lần tất cả dân chúng trong làng, và Giáo Hội không đủ sức cung cấp số người dạy đạo cho họ…[4[2]]. Lá cờ ngũ sắc của Phật giáo, như vậy, là một trở lực hiển nhiên cho đức tổng giám mục.

Trong khi đó, lá cờ này đối với Phật tử tượng trưng cho con đường Phật giáo đứng trung lập giữa hai thế lực hận thù đang tranh chấp trên thế giới. Lá cờ này tượng trưng cho tôn giáo của họ, cho niềm tin nơi đức từ bi, sự khoan dung và ước vọng hòa bình. Lá cờ cũng tượng trưng cho tôn giáo của họ, cho niềm tin nơi đức từ bi, sự khoan dung và ước vọng hòa bình. Lá cờ cũng tượng trưng cho khối các nước Phật giáo không liên kết.

Năm 1963, tại Vĩnh Hội, Sài Gòn có hỏa hoạn lớn, và hàng ngàn gia đình lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, kêu gọi Phật tử toàn quốc "tổ chức lễ Phật Đản một cách tôn nghiêm như mọi năm, nhưng cố gắng thế nào để ít tốn kém nhất, nên dành dụm số tiền thu góp được mà cứu trợ nạn nhân hỏa hoạn".

Tại cố đô Huế, lễ Phật Đản được trần thiết rực rỡ bằng những phương tiện sẵn có; khắp mọi nhà, ở mọi nẻo đường, đều có treo cờ, treo đèn; ở các công trường thì có hương án bái vọng và cổng chào kết bằng hoa lá. Vào chiều ngày 07.05.1963, tức là ngày 14 tháng 04 âm lịch[5[3]] mọi công tác trần thiết và trang hoàng vừa thực hiện xong xuôi thì đúng vào lúc 5 giờ chiều lực lượng cảnh sát thành phố Huế, theo lệnh khẩn từ Sài Gòn đánh ra, đã đi khắp thành phố và buộc dân chúng tháo bỏ tất cả những lá cờ Phật giáo xuống.

Một số đồng bào nghe theo, nhưng đa số đã cương quyết bất phục tùng. Thấy vậy, hai vị đại lão thiền sư Tịnh Khiết và Giác Nhiên bèn lãnh đạo một phái đoàn Phật giáo tới ngay tư dinh của tỉnh Thừa

---

[4[2]] Information Catholiques Internationales. Paris, số 188, ra ngày 15.03.1963.

[5[3]] Ngày Phật Đản từ năm 1958, đã được Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đổi từ ngày mồng tám tháng Tư thành ngày trăng tròn tháng Tư để cho được thống nhất với các nước Phật giáo trên thế giới.

Thiên kiêm thị trưởng thành phố Huế, để chất vấn về lệnh triệt hạ cờ Phật giáo. Đồng thời quần chúng, vào khoảng 5 ngàn người, tụ tập tại trước tỉnh đường, trương biểu ngữ phản đối chính quyền. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đẳng thấy cớ sự như vậy liền tuyên bố tạm là "cảnh sát Huế làm sai thượng lệnh", và cho phép đồng bào treo Phật kỳ trở lại. Đêm đó, theo lời yêu cầu của thiền sư Tịnh Khiết, ông cho loa phóng thanh đi khắp thành phố để loan báo lệnh này.

Vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày Phật Đản, đoàn rước Phật trên con đường từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm đã phải dừng lại vào khoảng nửa giờ, bởi vì trong quần chúng một số biểu ngữ chống đối chính quyền được giương lên. Thiền sư Mật Hiển, trưởng ban tổ chức, ra lệnh thu hồi tất cả những biểu ngữ này và chỉ để lại một biểu ngữ: "Cờ Phật giáo Quốc Tế không thể bị triệt hạ". Đoàn người tiếp tục lên đường, nhưng sau đó không lâu, những biểu ngữ khác lại tiếp tục xuất hiện:

Kính mừng Phật Đản.

Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ chánh pháp dù phải hy sinh.

Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng.

Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào.

Phản đối chính sách bất công gian ác.

Đã đến lúc chúng tôi bắt buộc tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng.

Quần chúng tụ tập trước chùa Từ Đàm để đón đoàn rước Phật trông thấy những biểu ngữ này thì vỗ tay vang dậy. Tuy nhiên, đại lễ Phật Đản được cử hành rất trang nghiêm và thành kính dưới sự hướng dẫn của thiền sư Đôn Hậu. Các bậc tôn túc trưởng lão đều có mặt. Trước khi hành lễ, thiền sư Trí Quang đến trước máy vi âm để phát biểu về vấn đề triệt hạ cờ Phật giáo. Thiền sư Trí Quang tuyên bố rằng nguyện vọng của Phật giáo đồ phát biểu rất chính đáng và có tính cách xây dựng, có lợi ích cho Phật giáo mà cũng có lợi ích cho chính quyền và các tôn giáo khác.

VỤ TÀN SÁT TRƯỚC ĐÀI PHÁT THANH HUẾ

Như thường lệ mỗi năm, buổi lễ đã được thu thanh để rồi sẽ lại được phát thanh vào tám giờ tối hôm ấy trên đài phát thanh Huế. Nhưng tối đó, đài đã không phát thanh chương trình Phật giáo. Quần chúng tụ tập quanh đài phát thanh thấy vậy có ý bất mãn. Quần chúng tại nhà không nghe phát thanh buổi lễ, lấy làm lạ; nhiều người tìm tới

đài phát thanh để tìm hiểu nguyên do. Phút chốc quanh đài phát thanh đã có 10.000 người tụ tập. Chính quyền cho xe cứu hỏa tới để xịt nước giải tán. Quân vụ thị trấn ra lệnh quân đội cắm trại một trăm phần trăm. Thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an và tiểu khu trưởng Thừa Thiên, huy động lực lượng thiết giáp bảo an, đại bác quân cảnh, hiến binh và cảnh sát thành phố tới vây quanh quần chúng mà họ gọi là "đám biểu tình".

Thiền sư Trí Quang đến được đài phát thanh, len giữa quần chúng và đi thẳng vào đài mà chất vấn. Ban đầu, nhân viên đài đổ lỗi cho máy móc phát thanh bị hư, cuối cùng thú thực rằng chính quyền ra lệnh cấm truyền đi buổi phát thanh phật giáo.

Ông tỉnh trưởng đến, cùng thiền sư Trí Quang đi vào đài phát thanh. Trong khi đó, quần chúng yêu cầu xe cứu hỏa ngừng xịt nước để họ thong thả giải tán. Thiếu tá Đặng Sĩ ra lệnh bắn đạn mã tử khiến đám đông náo động. Lựu đạn cay, lựu đạn nổ được tung vào. Đồng thời súng trường và xe thiết giáp được sử dụng vào việc đàn áp. Lúc đó là đúng 9 giờ rưỡi tối. Tiếng la hét của quần chúng át cả tiếng súng và tiếng lựu đạn.

Một số người ra về nửa chừng nghe tiếng la hét tiếng súng nổ, đã quay trở lại đài phát thanh để tìm hiểu. Họ bị các xe thiết giáp chặn lại. Khi thiền sư Trí Quang và ông tỉnh trưởng từ trong đài phát thanh ra tới thì máu đã đổ: tám người đã thiệt mạng vì lựu đạn và bốn người bị thương. Xe thiết giáp cán vỡ đầu một thiếu nhi, sọ em nát vụn. Một thiếu nhi khác bị cán mất nữa đầu và một em khác nữa mất hẳn đầu. Xe hồng thập tự được gởi tới để mang những người bị thương về bệnh viện.

Quần chúng phẫn uất đứng cả lại, không chịu ra về. Thiền sư Trí Quang đứng ra yêu cầu họ giải tán. Sau nhiều lần khuyên nhủ, quần chúng mới chịu ra về, và đến hai giờ sáng đám đông mới giải tán hết.

Sáng hôm sau, chính quyền loan tin Việt Cộng đã trà trộn vào đám đông trước đài phát thanh và đã ném lựu đạn khiến tám người chết và bốn người bị thương. Thiếu tá Đặng Sĩ họp hội nghị quân sự tại Quân Vụ Thị Trấn. Sau đó lính nhảy dù, biệt động quân, bảo an binh cùng xe thiết giáp, xe lội nước, tập trung đông đảo trước căn cứ Tiểu Khu, và nhiều toán quân nhân súng gắn lưỡi lê đi tuần hành trong thành phố. Cảnh sát võ trang bằng tiểu liên và lựu đạn cay túc trực ở các ngả đường.

HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG

Ngày 10.05.1963, các vị lãnh đạo Phật giáo họp tại chùa Từ Đàm, hoạch định đường lối và đòi hỏi công bình xã hội. Một bản *tuyên ngôn* được soạn thảo, nêu ra năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Bản *Tuyên ngôn* này được gởi tới tổng thống Ngô Đình Diệm qua trung gian ông đại biểu chính phủ Trung Nguyên Trung Phần. Năm nguyện vọng là:

1.Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.

2.Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong Đạo dụ số 10.

3.Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.

4.Yêu cầu cho tăng ni Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.

5.Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội, và kẻ chủ mưu giết hại phải đền tội xứng đáng.

Bản *tuyên ngôn* nói trên mang chữ ký của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, thiền sư Mật Nguyện, đại diện Giáo Hội Tăng Già Trung Phần, thiền sư Trí Quang, đại diện hội Phật Giáo Việt Nam Trung Phần, thiền sư Mật Hiển, đại diện Phật giáo Thừa Thiên và thiền sư Thiện Siêu, đại diện Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên[6[4]].

Ngày 15.05.1963, tại chùa Từ Đàm, một **Bản Phụ Đính** của *Tuyên ngôn* 10.05.1963 được công bố, giải thích rõ ràng năm nguyện vọng nói trên. Văn kiện này rất quan trọng, vì trong ấy, lập trường và bản chất của cuộc tranh đấu được nêu ra rõ rệt. Đường lối bất bạo động và mục tiêu cuộc tranh đấu được giải bày rất cặn kẽ. Theo **Bản Phụ Đính** này:

1- Phật giáo Việt Nam không chủ trương lật đổ chính phủ để đưa người của mình lên thay thế mà chỉ nhằm đến sự "thay đổi chính sách" của chính phủ.

2- Phật giáo Việt Nam không có kẻ thù, không xem ai là kẻ thù

[6[4]] Đọc toàn văn bản *Tuyên Ngôn* trong sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* do Quốc Tuệ biên soạn, Sài Gòn, 1964.

cả. Đối tượng của cuộc tranh đấu tuyệt đối không phải là Thiên Chúa giáo mà là chính sách bất công tôn giáo. "Chúng tôi tranh đấu cho lý tưởng Công Bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo".

3- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ cho bình đẳnh tôn giáo được đặt "trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội".

4- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ được thực hiện theo đường lối *bất bạo động*. "Chúng tôi phải thể hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong công cuộc tranh đấu của chúng tôi. Vì lý do đó, chúng tôi chấp nhận một sự hy sinh đến tột độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi. Ngay từ bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố minh bạch rằng những người tăng sĩ của Phật giáo là những người sẵn sàng noi theo gương Gandhi - vị thánh của sức mạnh bất bạo động, chúng tôi lại xác định thêm: với phương pháp bất bạo động, chúng tôi sẽ tranh đấu trong phạm vi hợp pháp được ngần nào tốt ngần đó."

5- Phật giáo Việt Nam không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bình xã hội. Phật tử từ chối sự lợi dụng của "những người cộng sản và của những kẻ mưu toan chức vị chính quyền".

Về Đạo dụ số 10, *Bản Phụ Đính* đề nghị chính quyền rút *tất cả các tôn giáo* ra khỏi phạm vi ràng buộc của Đạo dụ này, và ban hành một chế độ đặc biệt cho tất cả các tôn giáo, trong đó có Phật giáo và Gia Tô giáo.

Bản Phụ Đính kết luận rằng: nếu các nguyện vọng nói trên của Phật giáo đồ được thực hiện trên lý thuyết, văn kiện và thực thi thì quần chúng Phật giáo sẽ "công khai hoan nghênh tổng thống và chính phủ như đã công khai tranh đấu cho nguyện vọng của họ"[7[5]].

Mười hôm sau, vào ngày 25.05.1963, một *Phụ Trương* của *Bản Phụ Đính* được công bố. Mục đích của văn kiện này là nhắc lại cho quốc dân nhớ vai trò lập quốc và xây dựng nền văn hóa quốc gia trong quá trình lịch sử dân tộc của Phật giáo và nói rõ lập trường tranh đấu của Phật giáo cho công bình xã hội[8[6]].

Tại thủ đô Sài Gòn, ngày 15.05.1963, một phái đoàn Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam phối hợp với đại diện của các tổ chức Phật giáo

---

7[5] Đọc toàn văn bản *Phụ Đính* trong sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* do Quốc Tuệ biên soạn, Sài Gòn, 1964.

8[6] Nguyên văn trong sách vừa dẫn.

khác đã đến dinh Gia Long để yết kiến tổng thống Ngô Đình Diệm và trao cho ông bản *Tuyên Ngôn* ngày 10.05.1963, đồng thời giải thích cho ông rõ về năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Ba giờ đồng hồ thảo luận chỉ đưa đến một vài hứa hẹn mơ hồ của vị nguyên thủ quốc gia. Tổng thống còn đổ trách nhiệm vụ tàn sát ở Huế cho những người Cộng Sản.

Ngày hôm sau, phái đoàn Phật giáo mở cuộc họp báo tại chùa Xá lợi, công bố bản *Tuyên Ngôn* 10.05.1963 và các Bản Phụ Đính và Phụ Trương, đồng thời tố cáo trước dư luận những vụ đàn áp, giam cầm và giết chóc mà Phật tử đã phải chịu đựng trong nhiều năm qua. Một tài liệu 45 trang được gửi tới chính quyền ngày 20.05.1963 trong đó có liệt kê những vụ đàn áp, bắt bớ và thủ tiêu nói trên.

Ngày 21.5.1963, một lễ cầu siêu cho các nạn nhân vụ thảm sát tại Huế được tổ chức khắp nơi trên toàn quốc, theo lệnh của đại lão Thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Trước đó , bộ trưởng Công Dân Vụ là Ngô Trọng Hiếu đã tìm mọi cách để ngăn cản việc tổ chức lễ cầu siêu và yêu cầu Phật tử đợi đến ngày rằm tháng Bảy (ngót ba tháng sau) rồi hãy tổ chức. Nhưng toàn quốc đã cử hành lễ này một cách long trọng đúng ngày thiền sư Tịnh Khiết chỉ định. Riêng tại Sài Gòn, số lượng tăng ni tập trung tại chùa Ấn Quang để hành lễ đã lên tới một ngàn vị; tín đồ cư sĩ đứng chật trong ngoài. Một cuộc diễn hành của tăng ni để rước linh vị các nạn nhân về chùa Xá Lợi đã được tổ chức sau đó, và một ngàn vị tăng ni mặc áo ca sa vàng đã nghiêm trang diễu hành trên nhiều đường phố giữa những hàng rào cảnh sát có cả thiết giáp túc trục và dưới mắt quần chúng thủ đô đông đặc hai bên vệ đường. Trong khi đoàn này đang diễn hành, một đoàn tăng ni khác gồm 350 vị xuất phát từ chùa Xá Lợi, bắt đầu một cuộc diễn hành khác, trang nghiêm và lặng lẽ, hướng về trụ sở Quốc Hội.

Tại chùa Từ Đàm Huế, ngay sau lễ Cầu Siêu, toàn thể tăng ni có mặt bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Hơn hai ngàn người trong số đó có nhiều giáo sư và sinh viên Viện Đại Học Huế, tham dự vào cuộc tuyệt thực này.

ỦY BAN LIÊN PHÁI BẢO VỆ PHẬT GIÁO

Ngày 25.05.1963, thiền sư Tịnh Khiết triệu tập một cuộc gặp gỡ giữa các tập đoàn thuộc Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và đại diện các tổ chức và môn phái Phật giáo khác như Giáo Hội Nguyên Thủy, Thiền Tịnh Đạo Tràng, Giáo Hội Théravada v.v…để thảo luận về kế

hoạch tranh đấu. Một *Ủy ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo* được thành lập để chỉ đạo cho cuộc vận động Phật giáo đồ do thiền sư Tâm Châu đứng đầu làm chủ tịch dưới quyền lãnh đạo tối cao của đại lão thiền sư Tịnh Khiết.

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập, tiếng nói của Phật giáo Việt Nam từ đây là tiếng nói thống nhất của Phật giáo đồ toàn quốc. Sự thống nhất ý chí và lực lượng của Phật tử Việt nam mà lâu nay tất cả mọi người mong mỏi, đã được thực hiện trong vòng hai tiếng đồng hồ, trong một hoàn cảnh cực kỳ nguy biến cho số mạng Phật giáo.

Sau khi thành lập Ủy Ban Liên Phái, đại diện các giáo phái có mặt tại chùa Xá Lợi ngày 25.05.1963 công bố một bản *Tuyên Ngôn* ngắn và gọn tỏ bày quyết tâm đoàn kết tranh đấu bất bạo động cho sự thực hiện năm nguyện vọng. Bản *Tuyên Ngôn* mang chữ ký của các thiền sư Thiện Hoa, trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt; thiền sư Minh Trực, pháp chủ Giáo Hội Thiền Tịnh Đạo Tràng; thiền sư Thiện Hòa, trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc; thiền sư Thanh Thái, trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt tại miền Nam; thiền sư Bửu Chơn, tăng thống Giáo Hội Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam, thiền sư Lâm Em, tăng thống Giáo Hội Théravada; thiền sư Tâm Châu, phó hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam; cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu, hội trưởng Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam; cư sĩ Vũ Bảo Vinh, hội trưởng Hội Việt Nam Phật Giáo (Bắc Việt, tại miền Nam), cư sĩ Sơn Thái Nguyên, đại diện Phật tử Théravada (người Việt gốc Miên) và cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt.

PHÁT KHỞI CUỘC VẬN ĐỘNG

Sáng ngày hôm sau, 1963, một phái đoàn Phật giáo đến Phủ Tổng thống để trình *Bản Phụ Đính* của *Tuyên Ngôn* 10.05.1963 và cho chính quyền biết rằng theo lệnh của đại lão thiền sư Tịnh Khiết, các cấp tăng ni trong toàn quốc sẽ tuyệt thực trong 48 tiếng đồng hồ kể từ 14 giờ ngày 30.05.1963 để đòi hỏi chính quyền làm thỏa mãn Năm Nguyện Vọng.

Vào khoảng 10 giờ sáng ngày 30.05.1963, để chuẩn bị cho cuộc tuyệt thực, 352 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình, xuất phát từ chùa Ấn Quang, diễn hành tới trụ sở Quốc hội và yêu cầu được gặp các đại biểu Quốc hội. Đồng thời một lá thư của thiền sư Tâm Châu, chủ tịch ủy ban Liên Phái, được gửi tới chủ tịch Quốc hội là Trương Vĩnh Lễ,

yêu cầu Quốc hội xác định lập trường đối với những yêu sách của Phật tử. Tại Huế, trước giờ tuyệt thực, Đoàn Sinh Viên Phật tử tung ra một bức thư kêu gọi sinh viên học sinh toàn quốc siết chặc hàng ngũ sau lưng giới lãnh đạo Phật giáo để tranh thủ cho lý tưởng Tự Do và Bình Đẳng[9[7]].

Ngày 31.05.1963 sinh viên của tất cả các phân khoa Viện Đại Học Huế họp hội nghị tại chùa Từ Đàm, lập một bản kiến nghị yêu cầu tổng thống và chính phủ "giải quyết năm nguyện vọng chính đáng và tối thiểu" của Phật tử, đòi chính phủ thực thi "một chính sách tự do, dân chủ và bình đẳng thật sự" và chấm dứt những "mánh lới trẻ con và thiếu tri thức của cán bộ đối với tín đồ Phật giáo". Ký tên vào bản kiến nghị này có đại diện các trường Y khoa, Sư phạm, Văn khoa, Luật khoa, khoa học, Cán sự Y tế và Điều dưỡng, Cao đẳng Mỹ thuật, Quốc gia âm nhạc và Viện Hán học.

Đoàn sinh viên Phật tử Huế mà tổng thư ký là Phan Đình Bính đã đóng một vai trò quan trọng trong bước đầu của cuộc đấu tranh. Tại Sài Gòn, Đoàn sinh viên Phật tử lập tức hưởng ứng lời kêu gọi của họ và dấn thân ngay vào cuộc vận động.

Tại Huế, trưa ngày 01.06.1963, một cuộc biểu tình lớn được tổ chức trong đó sinh viên và học sinh tới dự rất đông đảo. Tất cả những người biểu tình đều tình nguyện gia nhập cuộc tuyệt thực lúc ấy sắp chấm dứt, và do đó, mọi người quyết định kéo dài cuộc tuyệt thực thêm 24 giờ đồng hồ.

Tại Sài Gòn và các tỉnh thị, cuộc tuyệt thực đã được rất đông tăng ni và quần chúng tham dự; Chùa Ấn Quang và chùa Xá Lợi là hai trung tâm tuyệt thực quan trọng nhất ở thủ đô; riêng số tăng ni tuyệt thực tại hai chùa đã lên tới gần 800 vị. Tại các tỉnh, phong trào quần chúng dâng lên ào ạt: những cuộc biểu tình và diễn hành được tổ chức khắp nơi.

Trước khí thế đấu tranh đó, chính quyền tăng cường các lực lượng phòng thủ và tấn công. Tại Sài Gòn, chiều ngày 30.05.1963 các

---

9[7] Sau đây là những thành viên khác của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo: các thiền sư Thiện Hoa, Tâm Giác và Bửu Chơn (ba vị phó chủ tịch), thiền sư Quảng Liên (ủy viên nhân sự), các thiền sư Minh Trực, Trí Quang, Pháp Tri, Lâm Em, Thiện Minh và Thanh Thái (sáu vị cố vấn), thiền sư Đức Nghiệp (ủy viên ngoại giao), thiền sư Quảng Độ (phụ tá ngoại giao), thiền sư Giác Đức (ủy viên nội an kiêm giảng huấn), thiền sư Chánh Lạc (thư ký), thiền sư Hộ Giác (phụ tá giảng huấn) và cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền (tổng thư ký).

lực lượng cảnh sát, công an, mật vụ được dàn ra bố trí trên các nẻo đường bao quanh chùa Xá Lợi. Tại Huế, cảnh sát chiến đấu và mật vụ bao vây các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Ngày 03.06.1963, cảnh sát chiến đấu, lính nhảy dù và biệt kích, sóng người từ thành phố kéo lên. Cảnh sát chiến đấu mang mặt nạ, súng cắm lưỡi lê, đứng cản đường quần chúng. Không tiến thêm được nữa, sinh viên học sinh và đồng bào ngồi ngay xuống mặt đường, chắp tay về hướng chùa Từ Đàm tụng niệm cầu nguyện. Lực lượng cảnh sát tung lựu đạn cay và lựu đạn khói vào giữa quần chúng trong khi một đàn chó *berger* được thả ra để hành hung cắn xé. Đồng bào la hét vang trời. Thiền sư Trí Thủ nghe tin vội vàng tới tận nơi can thiệp để quần chúng được thong thả ra về. Đoàn người về tới Bến Ngự thì lại bị một lực lượng cảnh sát khác tấn công bằng lựu đạn cay và lựu đạn khói. Hàng trăm người bị khói và hơi cay làm ngất xỉu.

Ngày 14.06.1963 quần chúng lại kéo lên chùa. Lần này cảnh sát chiến đấu dùng dây thép gai rào quanh các chùa Từ Đàm, Báo Quốc và Linh Quang. Thiết giáp được huy động đến trấn giữ quanh chùa. Các lực lượng nhảy dù và biệt kích vây kín các chùa, không cho phép một ai ra vào. Quần chúng áp dụng sách lược hôm qua, ngồi xuống đường tụng niệm. Lựu đạn cay, lựu đạn khói và chó *berger* lại được tung ra để đàn áp. Lần này số đồng bào bị thương lên tới 142 người, trong đó có 49 người bị thương nặng. Tất cả đều được chở về điều trị tại bịnh viện Trung ương.

Tại các tỉnh, các chùa trụ sở của hội Phật Giáo Việt Nam và Giáo Hội Tăng Già đều bị phong tỏa một cách tương tự.

Từ ngày 31.05.1963, cư sĩ Mai Thọ Truyền, hội trưởng hội Phật Học Nam Việt đã gửi văn thư cho toàn thể Phật tử trong Phật Học Nam Việt kêu gọi mọi người tham dự cuộc tranh đấu. Các đơn vị tỉnh hội bắt đầu cộng tác với Giáo Hội Tăng Già Nam Việt địa phương để tổ chức cuộc tranh đấu tại các tỉnh miền Nam.

CHIẾN THUẬT CỦA CHÍNH QUYỀN

Căn cứ chính của cuộc tranh đấu như các chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc, Từ Đàm và Linh Quang lúc đó đã hoàn toàn bị cô lập. Chính quyền còn cho cắt nước và điện của các chùa. Tại các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Ba Xuyên, những đoàn thể Phật giáo bị bắt ép ký những kiến nghị ủng hộ chính quyền. Cảnh sát chận bắt và và đuổi về nguyên quán tất cả những tăng ni từ tỉnh lên Sài Gòn. Những tăng ni từ Sài Gòn về các tỉnh cũng bị chặn bắt;

hành lý của họ bị soát giữ và những tài liệu in ronéo của tranh đấu bị tịch thu. Ở các ngã đường Sài Gòn, cảnh sát có quân đội trợ lực chận bắt và lục soát những người mang tài liệu của cuộc tranh đấu. Các quán ăn và các tiệm cà phê ở thủ đô đều có mật vụ Việt Nam nhà nước thường trực.

Các toán cảnh sát chiến đấu, công an xung phong, thanh niên cộng hòa, an ninh quân đội và quân cảnh trang bị máy truyền tin và võ trang đầy đủ đi bủa khắp thủ đô, canh gác, chận xét các tăng ni và những người qua đường. Quân đội và cảnh sát được lệnh cắm trại. Mật vụ và công an theo dõi để khủng bố hoặc bắt giam và tra tấn những người nghi là đang lãnh đạo cuộc tranh đấu, ngấm ngầm bỏ tài liệu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vào các chùa rồi lục soát để vu cáo các thiền sư và Phật tử theo Cộng sản.

Những biện pháp trên của chính quyền không những không dập tắt được ngọn lửa đấu tranh của quần chúng mà còn làm cho ngọn lửa này cháy bùng lên thêm mạnh. Khắp nơi trên thế giới, báo chí đã nói tới cuộc tranh đấu, và phóng viên cùng quan sát viên quốc tế đổ tới Sài Gòn càng lúc càng nhiều. Ủy Ban Liên Phái cho ấn hành những bản tin truyền đi từ các đài BBC, VOA, v.v…và những bài báo ngoại quốc nói về cuộc tranh đấu. Các nước khối Phật giáo không liên kết lên tiếng ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam. Ý thức được tầm quan trọng của dư luận quốc tế, Phật giáo cương quyết đẩy mạnh cuộc tranh đấu.

ỦY BAN LIÊN BỘ

Trong khi đó, chính quyền một mặt tăng cường những biện pháp kiểm soát, một mặt cố sức xoa dịu tình trạng bằng cách thành lập một Ủy Ban Liên Bộ có mục đích hợp tác cùng Ủy Ban Liên Phái để đi đến sự giải quyết những nguyện vọng của Phật tử. Tuy ý thức được cơ mưu hoãn binh của chính quyền, Ủy Ban Liên Phái cũng phải chấp nhận sự cộng tác với Ủy Ban Liên Bộ, theo đúng đường lối bất bạo động. Một phái đoàn hỗn hợp của hai bên được gửi ra Huế để giải tỏa các chùa Từ Đàm, Linh Quang, Bảo Quốc và Diệu Đế, đồng thời kêu gọi Phật tử trở về sinh hoạt bình thường, kiên nhẫn chờ những biện pháp của chính quyền.

Sự lắng dịu, tuy vậy, chỉ kéo dài được chưa tới một tuần lễ. Thấy tình trạng không thay đổi và đối thoại với Ủy Ban Liên Bộ không đưa đến kết quả nào cụ thể trong khi chính quyền vẫn âm thầm siết chặt những biện pháp kiểm soát, Ủy Ban Liên Phái ra lệnh tiếp

tục cuộc đấu tranh. Ngày 11.06.1963, tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt, Phan Đình Phùng, đúng 10 giờ sáng, một vị thiền sư ngồi xuống trong tư thế kiết già, lấy dầu xăng đổ lên áo ca sa mình đang mặc và châm lửa tự thiêu, tự biến mình thành một bó đuốc.

NGỌN LỬA QUẢNG ĐỨC

Vị thiền sư ngồi tự thiêu ở ngã tư Phan Đình Phùng-Lê Văn Duyệt tên là Thích Quảng Đức, sáu mươi bảy tuổi, trú trì chùa Quan Âm ở Gia Định. Trong tư thế kiết già, tay bắt ấn Cam Lộ, ông ngồi vững như một pho tượng đồng trong khi ngọn lửa cháy lên cao gần bốn thước, phủ trọn cả thân hình ông. Đó là vào khoảng giờ Ngọ ngày 11 tháng 6 năm 1963.

Lửa cháy trước con mắt kinh ngạc của những ký giả và nhiếp ảnh gia quốc tế. Lửa cháy trước niềm xót thương và lòng kính cẩn của quần chúng có mặt tại đó. Xe cộ dừng lại cả, và mọi người đến vây quanh cảnh tượng hào hùng chưa từng thấy xảy ra ở thủ đô Sài Gòn. Mười lăm phút sau, nhục thân của thiền sư ngã xuống; tiếng kêu khóc của quần chúng vang lên, nức nở. Vài giờ đồng hồ sau, hình ảnh và tin tức thiền sư Quảng Đức tự thiêu đã tràn ngập trên hệ thống truyền hình và báo chương quốc tế. Nhật báo nào cũng đăng hình thiền sư tự thiêu ở trang đầu với tiêu đề lớn. Thế giới chấn động, dồn hết sự chú ý về phía trời Đông Nam Á. Không một ai trên trái đất còn giữ thái độ hờ hững về cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam.

Thiền sư Quảng Đức tên là Lâm Văn Tức, sinh năm 1897 tại làng Vạn Khánh, quận Vạn Ninh, thuộc tỉnh Khánh Hòa. Lên bảy tuổi, ông được người cậu ruột đem về nuôi và đổi tên là Nguyễn Văn Khiết. Ông xuất gia với thiền sư Hoằng Thâm, thọ đại giới năm hai mươi tuổi và bắt đầu tu khổ hạnh ở núi Ninh Hòa. Trong năm năm, ông tu thiền và đi du hóa, theo hạnh đầu đà, chỉ giữ bên mình một y và một bát. Sau đó ông về định cư tu tập tại chùa Thiên Ân ở Ninh Hòa, gần thị trấn Nha Trang.

Năm 1932, ông được chi hội Ninh Hòa của An Nam Phật Học mời làm chứng minh đạo sư. Được ít lâu sau đó, ông lại lên đường hành hóa ở các tỉnh miền Nam Trung Việt, đóng góp vào công việc kiến tạo và trùng tu của mười bốn ngôi chùa rải rác trong vùng. Năm 1943, ông vào hành hóa tại các tỉnh miền Nam: Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Long Khánh, Định Tường và Hà Tiên. Rồi ông lên Kim Biên (Nam Vang) và dựng tích trượng ở đây trong ba năm, vừa hành đạo vừa học hỏi thêm các kinh điển Pâli.

Trong thời gian hành hóa tại miền Nam và ở Nam Vang, ông đã có công tạo lập hoặc trùng tu cả thảy là 17 ngôi chùa. Ngôi chùa ông thường trú lâu nhất là chùa Long Vĩnh, vì vậy giới Phật tử miền Nam thường gọi ông là hòa thượng Long Vĩnh. Chùa này tọa lạc tại Phú Nhuận tỉnh Gia Định. Tuy ngôi chùa cuối cùng mà ông trú trì là chùa Quan Thế Âm ở 68 đường Nguyễn Huệ thị xã Gia Định, ông cũng còn chính thức là tọa chủ chùa Long Phước ở tỉnh Khánh Hòa. Năm 1953, Giáo hội Tăng Già Nam Việt thỉnh ông làm Trưởng Ban Nghi Lễ, và hội Phật Học Nam Việt mời ông làm trú trì chùa Phước Hòa, trụ sở của hội.

Ông đã có ý tự hiến mình cho cuộc vận động từ ngày 27.05.1963 khi ông viết một lá thư cho giáo hội Tăng Già Toàn Quốc phát nguyện tự thiêu để đóng góp vào công trình tranh đấu[10[8]]. Lời thỉnh nguyện này bị Giáo Hội bác bỏ. Tuy vậy ông vẫn quyết tâm thực hiện ý nguyện. Sáng ngày 11 tháng 06 năm 1963, trước khi tự thiêu, ông đã viết lại một bức thư gọi là *Lời Nguyện Tâm Huyết,* nói rõ chủ đích và nguyện vọng của ông. Điều đáng ghi nhớ là toàn văn bức thư này đã không chứa một mảy may hận thù và tuyệt vọng nào mà trái lại còn thấm nhuần tình thương và hy vọng. Nguyện văn bức thư như sau:

"Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, trú trì chùa Quan Âm, Phú Nhuận, Gia Định.

Nhận thấy phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngữa, tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử Như lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hối hướng công đức bảo tồn Phật giáo.

Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện sau đây:

1- Mong ơn Phật tổ gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn.

2- Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3- Mong nhờ hồng ân đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức,Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi nạn khủng bố bắt bớ giam cầm của

---

10[8] Xem Công cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam, Quốc Tuệ, Saigon 1964, trang 94-96

kẻ ác gian.

4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với Quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí để bảo toàn Phật pháp."

Ngoài ra ông còn để lại thơ và kệ, cả thảy 5 bài, dặn dò bản đạo và đệ tử.

Thiền sư đã lay chuyển được lòng người tại hải ngoại cũng như ở quốc nội. Người Việt tại hải ngoại hợp tác với các bạn ngoại quốc, liên kết thành những đoàn thể tranh đấu yểm trợ cho cuộc vận động. Đồng bào quốc nội, Phật tử hay không Phật tử, trong niềm cảm thương , đều cảm thấy không còn sợ sệt một điều gì nữa, cương quyết đẩy mạnh cuộc tranh đấu. Văn nghệ sĩ sáng tác rất nhiều trên nguồn cảm hứng mới. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết bài *Lửa Từ Bi* để ca ngợi tình huynh đệ thắp lên bằng ngọn lửa Quảng Đức[11[9]].

Ngọn lửa Quảng Đức làm chấn động dư luận quốc tế và rung chuyển cả chế độ Ngô Đình Diệm. Hoảng kinh, ngay chiều hôm 11.06.1963, chính quyền ra lệnh phong tỏa các chùa, nhất chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, nơi di thể thiền sư Quảng Đức được an trí. Cảnh sát dàn khắp mọi nẻo đường dẫn đến chùa Xá Lợi để ngăn chặn những làn sóng người đổ xô về chùa này. Bất chấp những lực lượng cảnh sát này, đồng bào ùa đến chùa Xá Lợi như thác đổ để nghiêng mình trước di thể thiền sư Quảng Đức. Ban đầu cảnh sát đàn áp và bắt giữ những người tới chùa nhưng sau đó cảnh sát bị làn sóng người tràn ngập. Bốn giờ chiều hôm đó đã có khoảng 15 ngàn người có mặt tại chùa Xá Lợi. Làn sóng người càng lúc càng dồn dập khiến cho chính quyền phải ra lệnh giải tỏa chùa Xá Lợi.

Trong nhiều ngày liên tiếp, quần chúng tới đầy nghẹt chùa Xá Lợi, trong sân cũng như ngoài đường. Lễ rước di thể của thiền sư Quảng Đức được định vào sáng ngày 16.06.1963. Giới lãnh đạo cuộc tranh đấu đã dự tính tổ chức vào dịp này một cuộc biểu dương đoàn kết lớn.

11[9] Xin xem mục thơ văn của số báo này.

THÔNG CÁO CHUNG

Rất lo ngại về cuộc bùng nổ lớn vào ngày 16.06.1963, chính quyền đề nghị cấp tốc mở cuộc thương thuyết giữa Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ để giải quyết những nguyện vọng của Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo sẵn lòng chấp nhận sự cộng tác để không đi ngược với tinh thần bất bạo động. Được lệnh của tổng thống Ngô Đình Diệm, Ủy Ban Liên Bộ do phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ lãnh đạo yêu cầu hai bên họp liên tiếp cả ngày lẫn đêm tại hội trường Diên Hồng để mau chóng đi đến một giải pháp. Phái đoàn của Ủy Ban Liên Bộ, ngoài trưởng đoàn là ông Nguyễn Ngọc Thơ còn có ông Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Phủ tổng thống, ông Bùi văn Lượng, bộ trưởng Nội vụ. Về phía phái đoàn Ủy ban Liên Phái có thiền sư Thiện Minh làm trưởng phái đoàn, các thiền sư Thiện Hoa và Tâm Châu làm đoàn viên, thiền sư Huyền Quang làm thư ký và thiền sư Đức nghiệp làm phụ tá thư ký. Buổi họp đầu tiên bắt đầu từ ngày 14.06.1963. Ủy Ban Liên Bộ được lệnh phải ký kết một bản thông cáo chung trước ngày 16.06.1963 cho nên đã cật lực làm việc: Sau năm buổi họp, cộng tất cả là 30 giờ làm việc, một bản *Thông Cáo Chung* được ký kết vào lúc hai giờ sáng ngày 16 tháng 06 năm 1963.

Bản *Thông Cáo Chung*: 1) Quy định thể thức treo cờ Quốc gia và cờ Phật giáo ; 2) Tách các hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi dụ số 10 ; 3) Cam kết không trả thù những người tham gia cuộc vận động thực hiện 5 nguyện vọng và điều tra các cuộc khiếu nại của Phật giáo ; 4) Bảo đảm quyền tự do truyền giáo và hành đạo của Phật tử ; và 5) Trừng phạt những người có trách nhiệm trong vụ thảm sát tại đài phát thanh Huế cùng bồi thường cho gia đình các nạn nhân.

Cuối *Bản Thông Cáo Chung* có chữ ký khán duyệt của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, và của tổng thống Ngô Đình Diệm[12[10]].

Đứng về phương diện thương thuyết, *Bản Thông Cáo Chung* là một thắng lợi lớn của bên Phật giáo. Nếu chính quyền thực tâm thi hành những điều đã thỏa hiệp với thông cáo này thì Phật giáo đồ sẽ không còn có lý do tiếp tục cuộc đấu tranh. Giới lãnh đạo Phật giáo không tin tưởng ngây thơ rằng chính quyền sẽ quyết tâm thực hiện bản *Thông Cáo Chung*, nhưng nguyên tắc tranh đấu bất bạo động bắt

[12[10]] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 94-96.

buộc họ phải tôn trọng phía địch thủ: theo nguyên tắc này chỉ khi nào địch thủ không giữ lời hứa mình mới có thể buộc họ là không thành thực.

Trong cuộc hội họp của Ủy Ban Liên Phái vào bốn giờ sáng ngày 16 tháng 06 năm 1963 tại chùa Xá lợi, nhiều vị lãnh đạo đã tỏ ý lo ngại về sự thành thật của của phía chính quyền. Thiền sư Thiện Minh trưởng phái đoàn của Ủy Ban Liên Phái, sau khi giải thích về thái độ quân tử cần có trong tinh thần tranh đấu bất bạo động, đã nói với các vị trong buổi họp: «Nếu chúng tôi có những sai lầm trong việc ký kết bản *Thông Cáo Chung* thì chúng tôi nguyện dùng thân này để đền đáp lòng kỳ vọng của Phật Giáo đồ»[13[11]].

[13[11]] Sau đây là nguyên văn của bản *Thông Cáo Chung*:
"Để giải quyết ổn thỏa năm nguyện vọng do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đưa ra; Ủy Ban Liên Bộ gồm có:

Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ,
Nguyễn Đình Thuần, bộ trưởng Phủ tổng thống,
Bùi văn Lượng, bộ trưởng Nội vụ

và phía phái đoàn Phật Giáo

Thượng tọa Thích Thiện Minh, trưởng phái đoàn,
Thượng tọa Thích Thiện Hoa đoàn viên
Thượng tọa Thích Tâm Châu đoàn viên,
Thượng tọa Thích Huyền Quang , thư ký
Đại đức Thích Đức nghiệp, phó thư ký

(do thơ giới thiệu của Hội chủ hòa thượng Thích Tịnh Khiết số 24 tháng 6 năm 1963), đã họp tại Hội trường Diên Hồng:
ngày thứ sáu 14.16.1963:
sáng từ 9 giờ 00 đến 12 giờ 00
chiều từ 15 giờ 00 đến 18 giờ 00
Ngày thứ bảy 15.06.1963:
sáng từ 9 giờ 00 đến 12 giờ 00
chiều từ 15 giờ 00 đến 18 giờ 00
đêm từ 21 giờ 00 đến 24 giờ 00
và ngày chủ nhật 16.06.1963:
từ 0 giờ 00 đến 1 giờ 30
Sau khi thảo luận, Ủy Ban Liên Bộ và phái Đòan Phật Giáo đã thỏa thuận các điểm sau đây:
I.Quốc kỳ - Đạo Ca
Quốc kỳ tượng trưng cho Linh Hồn Dân Tộc, phải được luôn luôn tôn trọng và phải được đặt đúng vị trí.
A-Lễ Quốc gia: Chỉ treo cờ Quốc gia
B-Lễ Phật Giáo:

1.Tại chùa: Quyền môn, cổng chùa, cột lớn giữa sân chùa. Mặt tiền chùa, cờ quốc gia bên phải, cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)
*Cờ rủ: Cờ Phật Giáo mà thôi.
*Sân chùa (để trang hoàng) mắc trên giây: toàn cờ Phật Giáo, bằng giấy cỡ nhỏ
*Trong chùa: Chỉ treo cờ Phật giáo
2.Lễ đài:
*Chân đài và chung quanh: Cờ Quốc gia bên phải, cờ Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)
*Trên đài (có thể coi như là trong chùa): Chỉ treo cờ Phật giáo
3. Đám rước:
*Đi trước:
Nếu chỉ một người đi trước, cầm hai cờ: Quốc gia bên phải, Phật giáo bên trái, nhỏ hơn (hai phần ba)
Nếu có hai người đi trước: Mỗi người cầm một , cũng theo thể thức trên.
*Phía sau: *Tín đồ chỉ cầm một cờ Phật giáo cỡ nhỏ*.
4.Xe nhân vật Phật giáo: không treo cờ gì cả
5.Tư gia:
*Trước nhà: *Hai cờ như trước chùa.*
*Trong nhà: *Chỉ treo cờ Phật giáo*.
Để áp dụng đúng đắn các khoản trên đây, cần quy định:
Cờ treo bên phải: (phải) từ ngoài lộ trông vô chùa
Cờ nhỏ hơn: (nhỏ) là bằng hai phần ba cờ quốc gia (các cán bộ không nên quá khắt khe về kích thước)
II.Dụ số 10.
Tách hiệp hội có tính cách tôn giáo ra khỏi Dụ số 10 và lập một quy chế hợp với tính cách đặc biệt về nhu cầu sinh hoạt của những Hiệp Hội Tôn Giáo ấy. Quy chế đó sẽ là một đạo luật do Quốc hội soạn thảo với sự tham khảo trực tiếp ý kiến các tôn giáo liên hệ.
Quốc hội sẽ biểu quyết Đạo luật này chậm lắm là cuối năm 1963 hoặc đầu năm 1964. Trong khi chờ đợi ban hành Đạo luật mới. Ủy Ban Liên Bộ đồng ý sẽ có những chỉ thị cần thiết để Dụ số 10 không áp dụng quá khắt khe đối với các hội Phật Giáo, Phật học hiện hữu. Phái đoàn Phật giáo cam kết chỉ thị cho các tăng ni chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp quốc gia và thi hành mọi biện pháp kỷ luật nội bộ đối với những hành động lệch lạc.
III.Vấn đề bắt bớ và giam giữ Phật giáo đồ.
Chính phủ lập một Ban Điều Tra để xét lại các hồ sơ khiếu nại của Phật giáo. Tất cả những ai có liên can đến cuộc vận động thực hiện năm nguyện vọng của Tổng Hội Phật Giáo đề ra, bất luận ở đâu, sẽ được tổng thống đặc biệt khoan hồng. Chính phủ sẽ xác nhận lệnh sửa sai đã ban ra cho các cán bộ để thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo của chính phủ.
IV.Tự do truyền đạo và hành giáo.

1.Những sinh hoạt thuần túy tôn giáo và thường xuyên như ngày 14, rằm, 30, mồng một, cầu siêu, cầu an hay các ngày vía nếu làm trong phạm vi nhà cửa hay trụ sở Hội phải xin phép.
Các sinh hoạt bất thường và ngoài phạm vi nhà chùa hay trụ sở Hội thì khỏi phải xin phép.
2.Về vấn đề các chùa làng có tính cách thuần túy địa phương. Trung ương cần phải có thì giờ gom góp đủ hồ sơ liên hệ. Vì thế, trong khi chờ đợi, chỉ có thể cho bầu lại ban quản trị mới của các chùa làng nếu xét thấy cần, hầu để cho giới Phật tử được tham gia quyền quản trị các chùa này.
3.Xác nhận thông tư số 166-TPP.TTK ngày 23.09.1963 không áp dụng cho việc tiếp nhận cũng như tạo mãi động sản và bất động sản của Phật giáo.
4.Dành mọi sự dễ dàng cho sự kiểm duyệt về kinh sách Phật giáo theo thể lệ hiện hành.
5.Dành mọi sự dễ dàng cho các sư xây cất (chùa, trường học và cơ sở từ thiện).
V.Trách nhiệm và trợ giúp.
Những cán bộ có trách nhiệm về các vụ xảy ra từ ngày 8 tháng 5 năm 1963, bất kỳ thuộc thành phần nào, cũng sẽ bị nghiêm trị, nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ.
Sự cứu gia đình nạn nhân đang là một mối lo âu của các cơ quan xã hội và chính quyền.
Các gia đình nạn nhân ở Huế đã được trợ giúp kịp thời và có thể được trợ giúp thêm tùy theo gia cảnh từng người.
Ủy Ban Liên Bộ sẽ phụ trách theo dõi việc thi hành các điều khoản trên nhất là tại các địa phương.
Nếu có sự lệch lạc Tổng Hội Phật Giáo sẽ kịp thời báo tin cho Ủy Ban Liên Bộ.
Lập thành hai bản chính tại Sài Gòn
Ngày 16.06.1963

PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO	ỦY BAN LIÊN BỘ
Ký tên	Ký tên
Thượng tọa Thích Thiện Minh	Nguyễn Ngọc Thơ
Thích Tâm Châu	Nguyễn Đình Thuần
Thích Thiện Hoa	Bùi Văn Lượng

KHÁN
Hòa thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam
Ký tên: THÍCH TỊNH KHIẾT
Những điều được ghi trong *Thông Cáo Chung* này đã được tôi chấp nhận nguyên tắc ngay từ đầu.
Ký tên: NGÔ ĐÌNH DIỆM

Thông Cáo Chung được ký kết sáu giờ đồng hồ trước khi tang lễ thiền sư Quảng Đức được cử hành. Chính quyền ra lệnh loan truyền ngay trong đêm đó bằng xe phóng thanh của bộ Thông Tin. Điện tín báo về bản *Thông Cáo Chung* được chính phủ đánh đi các tỉnh tới tấp, và đài phát thanh Sài Gòn loan tin này từ khi trời còn lờ mờ sáng.

Lúc này đại lão thiền sư Tịnh Khiết đã từ Huế về tới Sài Gòn. Thuận theo lời khẩn khoản của chính quyền, thiền sư ra lệnh hoãn tang lễ thiền sư Quảng Đức lại để tránh những điều có thể tổn thương đến tinh thần *Thông Cáo Chung*. Nhưng quần chúng không tin đài phát thanh và loa phát thanh. Vào lúc tám giờ sáng, số người tại thủ đô kéo nhau ra đường Phan Thanh Giản để chờ đợi tham dự tang lễ đã lên tới bảy trăm ngàn người. Chính quyền khẩn khoản nhờ Ủy Ban Liên Phái đứng ra giải thích cho quần chúng để xin quần chúng trở về. Thiền sư Tâm Giác được lệnh Ủy Ban Liên Phái lên đứng trên mui một chiếc xe, dùng máy phóng thanh báo tin cho quần chúng biết việc ký kết *bản Thông Cáo Chung* là có thật. Lúc ấy đồng bào mới tin và mới bắt đầu lục tục giải tán.

Ngày 17.06.1963, Thiền sư Tịnh Khiết ra thông bạch gửi toàn thể Phật giáo đồ trong nước, báo tin về những thắng lợi đã đạt được trong bản *Thông cáo Chung* và kêu gọi Phật giáo đồ « trở lại nếp sống bình thường thành tâm cầu nguyện cho bản *Thông Cáo Chung* , một văn kiện cam kết long trọng giữa chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh ». Tuy nhiên , thiền sư không quên đặt vấn đề thực thi *Thông Cáo Chung*: « Một điều quan trọng mà tất cả tăng ni và Phật tử đều thắc mắc tự hỏi: Liệu những lời cam kết được ghi trong *bản Thông Cáo Chung* này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không? Điều đó còn đợi thời gian trả lời. Tuy nhiên chúng ta tin tưởng ở lời cam kết của tổng thống và Ủy Ban Liên Bộ ; nếu những điều cam kết không được thực thi đúng đắn thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta »[14[12]].

THÔNG CÁO CHUNG KHÔNG ĐƯỢC THỰC THI

Tuy nhiên ông Ngô Đình Nhu, cố vấn tối cao của chính phủ Ngô Đình Diệm, quyết tâm diệt trừ phong trào Phật giáo. Ngày 18.06.1963, văn phòng tổng thống đánh mật điện cho đại biểu chính

---

14[12] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 137.

phủ các Miền, các vị tổng giám đốc và các vị tư lệnh các vùng chiến thuật, ra lệnh tạm thời nhún nhường phong trào Phật giáo và chuẩn bị dư luận để đợi lệnh phản công lại phong trào này. Bức mật điện này mang số 1342/VP/TT, do ông Đổng lý văn phòng Phủ tổng thống là Quách Tòng Đức ký ngày 19.06.1963, một bản sao của mật điện lọt ngay vào trong tay Ủy Ban Liên Phái. Nguyên văn bức điện như sau: " Để tạm thời làm êm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn tăng ni và Phật giáo phản động, tổng thống và ông cố vấn ra lệnh tạm thời nhún nhường họ- Các nơi nhận hãy theo đúng chủ trương trên và đợi lệnh-Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau- Ngay từ giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới- Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp"[15[13]].

Cũng ngày 18.06.1963, chính quyền thương lượng với một vài phần tử tăng sĩ trong giáo phái Lục Hòa Tăng để cấp tốc thành lập một Tổng Hội Phật Giáo lấy tên là Tổng Hội Phật Giáo Cổ Sơn Môn để chống lại phong trào Phật giáo, thảo giúp một điện văn bằng Anh ngữ để tổ chức này đánh qua cho hội Phật giáo Tích Lan, tố cáo Tổng Hội Phật Giáo Việt nam "một chi nhánh của hội Phật Giáo Tích lan", đang lợi dụng danh nghĩa của hội để hoạt động chính trị và yêu cầu hội Phật giáo Tích Lan lên tiếng phản đối.

Trụ sở hội Thế Giới Phật Giáo Liên Hữu năm ấy được đặt tại Ngưỡng Quang (Rangoon) Miến Điện và Phật Giáo Tích lan, cũng như Phật Giáo Việt Nam, chỉ là một trong những "Trung tâm địa phương" của hội.

Ngay khi nhận được điện tín, tổng thư ký Trung Tâm Tích Lan là ông W.P. Daluwatte trả lời ngay. Ông nói rằng hội Phật Giáo Tích Lan không có một chi hội nào ở Việt nam cả, rằng " Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam không bao giờ làm một điều gì hoặc có một thái độ nào có thể gọi là phản Phật giáo cả", rằng Phật tử Tích Lan "phản đối mạng mẽ những hành động kỳ thị tôn giáo và những đối xử có tính cách lăng nhục". Một bản sao của thư này, viết ngày 18.06.1963 được gửi cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam[16[14]].

Ngày 20.06.1963, nhục thân của thiền sư Quảng Đức được rước về An Dưỡng Địa ở Phú Lâm để làm hỏa thiêu. Chính quyền đã bắt

---

[15[13]] Sách vừa dẫn, trang 143-144.

[16[14]] *Cuộc Tranh Đấu Lịch Sử Của Phật Giáo Việt Nam*, Nam Thanh, Sài Gòn 1964, trang 26.

đám rước đi theo con đường Trần Quốc Toản thay vì đi đường Phan Thanh Giản. Chính quyền chỉ cho phép khoảng hai trăm vị tăng ni tham dự vào đám rước này, và buộc phải đi bằng xe hơi. Tuy vậy suốt dọc đường, hương án của tư gia đã được bày hai bên lề đường với đèn hương nghi ngút để tỏ sự thành kính đối với vị thiền sư mà từ đây mọi người bắt đầu xưng tụng là Bồ tát Quảng Đức. Ngọn lửa hỏa thiêu đã không đốt cháy được trái tim thiền sư. Trái tim này được đem thiêu lại lần thứ hai với sức nóng ngót 4.000 độ nhưng vẫn không cháy.

Tổng thủ lãnh của Phong Trào Thanh Niên Cộng Hòa là cố vấn Ngô Đình Nhu dự định sử dụng lực lượng này để chống phong trào Phật Giáo. Tại trụ sở Thanh Niên Cộng Hòa ngày 26.06.1963, ông nói: "Phong Trào Thanh Niên Cộng Hòa là một phong trào quần chúng, không phải là một phong trào của chính phủ để mù quáng đi làm tay sai cho bất cứ ai ". Tài liệu học tập số 3 của Thanh Niên Cộng Hòa cho rằng:

1- Nội dung cũng như hình thức bản *Thông Cáo Chung* không phù hợp với chủ trương của Thanh Niên Cộng Hòa.

2- Bản *Thông Cáo Chung* trái với luật lệ hiện hành, chưa kể điều hết sức quan trọng là phủ nhận quyền của tổng thống trong vấn đề thả ra những người bị bắt bớ "[17[15]].

Trong lá thư gửi tổng thống Diệm ngày 26.06.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết tố cáo tất cả những hành động nói trên của chính quyền. Ông lại tố cáo những trường hợp đàn áp Phật tử từ ngày *Thông Cáo Chung*: nhiều nơi, dân chúng bắt buột làm kiến nghị lên án phong trào Phật giáo; nhiều nơi, các chùa còn bị phong tỏa các cán bộ Phật tử bị lùng bắt, công an theo dõi những người đến chùa, biển số xe và tới tận nhà để hăm dọa. Ông còn cho biết rằng vị tổng giám đốc Nha Thanh Niên đang tổ chức một cuộc biểu tình lớn của Thanh Niên Cộng Hòa để yêu cầu chính phủ duyệt lại bản *Thông Cáo Chung,* và tố cáo hành động này là chống lại đường lối của chính quyền[18[16]].

Thiền sư Thiện Minh, trưởng phái đoàn Ủy Ban Liên Phái, trong lá thư ngày 1.7.1963 gửi Ủy Ban Liên Bộ, lại tố cáo rằng những bản *Thông Cáo Chung* trên đường gửi ra Huế đã bị tịch thu tại Quy Nhơn, rằng chính quyền địa phương cấm đoán một số các chùa tổ

[17[15]] *Việt Nam Phật Giáo Tranh Đấu Sử,* Tuệ Giác, Sài Gòn 1964, trang 172.

[18[16]] Theo thư của thiền sư Thiện Minh gửi Ủy Ban Liên Bộ ngày 01.07.1963, trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam.* Quốc Tuệ, Sài Gòn 1964, trang 162-166

chức hội họp để học tập về bản *Thông Cáo Chung*, rằng chính quyền đã ra lệnh cho báo chí không được đăng tải những bản thông bạch và những tài liệu của phía Phật giáo, rằng khắp nơi chính quyền địa phương đang dùng những phương tiện bán công khai để chống lại sự thực thi *Thông Cáo Chung*[19[17]]. Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ, chủ tịch Ủy Ban Liên Bộ trả lời lại bức thư này và nói rằng những điều mà các thiền sư lên án đã không thực sự xảy ra. Hai bên trao đổi rất nhiều thư từ loại này. Bên Phật giáo, các thư văn được in bằng ronéo để phân phát cho quần chúng; Bên chính quyền, các thư văn được các báo chí thủ đô đăng tải và đài Sài Gòn phát thanh.

Ngày 7.7.1963 để đánh lệch sự chú ý quần chúng khỏi cuộc tranh đấu của Phật tử, chính quyền ra lệnh đem những nhân sĩ đã từng tham dự cuộc đảo chính hụt ngày 11.11.1963 ra xét xử. Được trát tòa án đòi, hôm ấy nhà văn Nhất Linh (Nguyễn tường Tam) uống thuốc độc tự tử vào lúc tám giờ tối sau khi để lại những dòng sau đây:

"Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội những phần tử quốc gia đối lập là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

Ngày 7.7.1963, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. ”

Cái chết của Nhất Linh đã gây xúc động lớn trong quần chúng. Hôm 13/07/1963, khoảng bốn mươi ngàn người đã tham dự tang lễ của nhà văn, giữa những hàng cảnh sát chiến đấu và mật vụ.

Ngày 09.07.1963, bộ nội vụ ban hành nghị định 358-BNV/KS ấn định thể thức treo cờ Phật giáo (theo tinh thần *Thông Cáo Chung*) cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Nghị định này nhằm chia rẽ Tổng Hội với các giáo phái Phật Giáo khác, vì quyền treo cờ này chỉ được áp dụng riêng cho Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Ba ngày sau; đại diện tất cả các giáo phái, trong đó có sáu tập đoàn của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đồng ký vào một bản kiến nghị phản đối dụng ý chia rẽ của nghị định nói trên và yêu cầu chính phủ cho điều chỉnh nghị định.

Ngày 11.07.1963 Ủy Ban Liên Bộ lại gửi cho Ủy Ban Liên Phái một lá thư cho biết rằng theo sự điều tra của Bộ Nội vụ thì vụ thảm sát ở Huế ngày 07.05.1963 là do Cộng sản gây ra chứ không

---

19[17] Sách vừa dẫn, trang 155-158.

phải do chính quyền: Bác sĩ Lê Khắc Quyến, giám đốc bệnh viện Trung ương Huế sau khi giải phẫu và chứng nghiệm, đã cho ông đại biểu chính phủ tại Trung Nguyên Trung Phần biết như vậy trong cuộc tiếp xúc ngày 02.07.1963.

Thiền sư Thiện Minh, trong một lá thư đề ngày 12.07.1963 đã trả lời về vấn đề này, buộc tội chính quyền cố tình bưng bít một sự thật không còn có thể bưng bít[20[18]]. Đồng thời ông nói tới tất cả các hành động vi phạm công khai bản *Thông Cáo Chung* của các cấp chính quyền, nêu ra từng trường hợp một[21[19]].

Thời gian thử thách về việc thực thi *Thông Cáo Chung* kéo dài trên ba tuần lễ. Nhận thấy chính quyền không những không thực tâm thi hành *Thông Cáo Chung* mà còn tìm biện pháp làm yếu mòn tiềm lực tranh đấu của Phật giáo, ngày 14.07.1963, đại lão thiền sư Tịnh Khiết cương quyết phát động lại cuộc tranh đấu. Ngày hôm đó, ông gởi một lá thư cho tổng thống Ngô Đình Diệm báo tin rằng ông quyết định ra lệnh tiếp tục cuộc tranh đấu bất bạo động để đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh bản *Thông Cáo Chung*. Ông viết: "Tôi tuy tuổi đã tám mươi, vẫn còn đầy đủ sáng suốt để ra quyết định này mà tôi lãnh hết trách nhiệm[22[20]]. Đồng thời ông ra thông bạch kêu gọi toàn thể tăng đồ và tín đồ đoàn kết sau Ủy Ban Liên Phái để tranh đấu và "đòi hỏi sự thực thi nghiêm chỉnh và nhanh chóng bản *Thông Cáo Chung*". Ngày hôm sau 15.07.1963, nhân danh vị lãnh đạo tối cao của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, ông lại ra một *Thông bạch* quy định phương thức tiến hành cuộc tranh đấu. *Thông bạch* ấy như sau:

"Kính Thông bạch các tập đoàn trong Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Như bản sao ba văn kiện đính kèm bản Thông bạch này, quý vị lãnh đạo các tập đoàn và toàn thể Tăng Già và tín đồ trực thuộc đều có thể nhận thấy:

Nguyện vọng của Phật giáo là đòi hỏi bản *Thông Cáo Chung*

20[18] Sách vừa dẫn, trang 162-166.*

21[19] Bác sĩ Lê Khắc Quyến, sau khi bị chính quyền ép ký biên bản cuộc khám nghiệm, đã từ chức giám đốc Bệnh Viện Trung ương và khoa trưởng trường Đại Học Y Khoa Huế. Sau vụ này, các giáo sư ngoại quốc đang dạy tại trường Y Khoa Huế đều từ chức và bỏ về nước để phản đối chính quyền Sài Gòn vì họ đã biết rõ sự thực về cuộc khám nghiệm.

22[20] Đọc toàn văn lá thư này trong *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*, sách đã dẫn, trang 170-174

phải được thực thi nghiêm chỉnh và mau chóng.

Nhắm nguyện vọng đó các tập đoàn và các tỉnh trực thuộc hãy thi hành các chi tiết Phật sự sau đây:

1- Khẩu hiệu đòi hỏi:

a) Có ba khẩu hiệu được nêu lên sau đây:

- *Chúng tôi đòi hỏi thi hành đúng đắn bản Thông Cáo Chung* (Anh ngữ: The Joint Communiqué must be carried out seriously).

- *Hãy chấm dứt mọi hình thức khủng bố và áp bức Phật giáo đồ* (Anh ngữ: Stop all forms of terrorizing and suppressing Buddhists).

- Yêu cầu chính phủ giữ sự thành tín đã hứa (Anh ngữ: Request the Goverment to keep its promises faithfully).

b) Cách dùng các khẩu hiệu là viết nhiều tấm treo ngay nơi tiền đường và những nơi quần chúng có thể nhìn thấy rõ ràng của khuôn viết, tất cả các chùa thuộc giáo hội và hội. Những chùa xa xôi ở thôn quê và núi non cũng viết và căng lên như vậy. Nhưng ngoài ba khẩu hiệu này tuyệt đối không dùng khẩu hiệu nào khác.

2- Hình thức đòi hỏi:

a) Hình thức đòi hỏi thực thi bản *Thông Cáo Chung* là áp dụng tất cả các phương thức bất bạo động đã áp dụng tất cả các phương thức bất bạo động đã áp dụng trước đây.

b) Địa điểm tụng kinh và tuyệt thực - những điều phổ thông trong phương thức bất bạo động - thì tại thị xã, tăng già và tín đồ (hội viên và gia đình Phật tử của các khuôn hội phụ cập, các giới Phật tử trực thuộc) tập trung tại trụ sở, văn phòng, hoặc chung hoặc riêng của giáo hội và hội. Còn tại khuôn thì hội viên và Gia đình Phật tử khuôn nào tập trung tại khuôn ấy.

Chú ý: tập trung theo thể thức luân phiên.

3-Thời gian đòi hỏi:

Kể từ khi ra *Thông bạch* này cho đến khi có thông bạch mới.

4-Tinh Thần Bất Bạo Động:

a) Tuyệt đối cố thủ tinh thần và phương pháp bất bạo động.

b) Nếu đi tụng kinh và tuyệt thực để cầu nguyện mà bị ngăn chặn lại thì dầu mấy người cũng ngồi xuống niệm xong 108 tiếng niệm Phật rồi trở về. Nếu bị bắt thì tất cả cùng xin vào tù. Nếu chùa bị bao vây thì bình tĩnh cầu nguyện cho đến chết.

5- Mục đích đòi hỏi:

a) Hoàn toàn thuộc ý thức tôn giáo tín ngưỡng.

b) và thu hẹp trong sự đòi hỏi thực thi bản *Thông Cáo Chung* một cách nghiêm chỉnh và mau chóng.

Vì ý thức được tính cách sinh tử của Đạo Pháp, tôi chắc chắn toàn thể Phật tử không ai từ chối một sự hy sinh nào trong khuôn khổ tinh thần bất bạo động.

Hòa thượng hội chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam,
Lãnh đạo tối cao Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo.
Thích Tịnh Khiết

Sau khi Thông bạch này được tung ra, tình hình khắp nơi trở nên sôi động. Cuộc tranh đấu quyết liệt của Phật tử bắt đầu.

PHẬT TỬ ĐÒI THỰC THI THÔNG CÁO CHUNG CUỘC TUYỆT THỰC TẠI CHÙA XÁ LỢI

Thông bạch của đại lão thiền sư Tịnh Khiết được đưa ra ngày 15/7/1963 thì chiều ngày 16/7/1963 khoảng trên 150 vị tăng ni đã tổ chức biểu tình trước tư dinh đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam. Họ trương biểu ngữ kêu gọi Hoa kỳ và các nước bạn của Việt Nam Cọng hòa thuyết phục chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành những điều đã được ký kết trong bản Thông cáo chung.

Từ ngày 15/7/1963 chư tăng tại chùa Xá Lợi, kể cả các vị lãnh đạo phong trào trong Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo, đã bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Rạng sáng ngày 17/7, một cuộc diễn hành ôn hòa được phát xuất từ chùa Giác Minh đường Phan Thanh Giản. Đoàn người này lúc bắt đầu đi thì chỉ có trên 1.000 người và chỉ giăng một biểu ngữ: "Chúng tôi đi thăm Thầy chúng tôi đang tuyệt thực để đòi thực thi Thông cáo chung". Họ vượt qua được mấy lớp rào cảnh sát và kêu gọi quần chúng gia nhập vào lực lượng diễn hành của họ. Những biểu ngữ sau đây được trương lên:

"Chúng tôi bị lường gạt quá nhiều"
"Cờ Phật giáo phải là cờ của tất cả Phật giáo đồ"
"Yêu cầu chính phủ giữ đúng lời thành tín đã hứa".

Đoàn biểu tình đã mấy lần phá được những hàng rào giây thép gai để tiến tới, nhưng lực lượng cảnh sát và mật vụ đã được huy động đến qúa đông đảo. Được trang bị đầy đủ, họ thiết lập những hàng rào kẽm gai rất kiên cố và dàn ra phía sau những chiếc xe cứu hỏa. Thiền

sư Quảng Độ, người điều động cuộc diễn hành, đề nghị quần chúng ngồi xuống mặt đường và tĩnh tâm niệm Phật. Đoàn người lúc bấy giờ chỉ cách chùa Giác Minh có năm trăm thước. Sau nửa giờ niệm Phật, quần chúng lặng yên nghe thiền sư Quảng Độ đứng lên nói về cuộc vận động của Phật giáo đồ toàn quốc. Dùng loa phóng thanh, ông chậm rãi nói về chính nghĩa của cuộc tranh đấu. Từ hai đầu đường Phan Thanh Giản và các đường phố lân cận như Nguyễn Thiện Thuật, quần chúng đều đứng lại lắng tai nghe. Các cửa sổ các từng lầu đều được mở ra; đồng bào xuất hiện trên sân thượng của nhà cửa hai bên khu phố để nghe thiền sư thuyết giải. Lực lượng cảnh sát dùng ống loa định che lấp tiếng nói của ông, nhưng máy phóng thanh của chùa Giác Minh khá mạnh: tiếng nói của thiền sư Quảng Độ vẫn còn được nghe rất rõ. Vào lúc 10 giờ 30 cuộc đàn áp thực sự bắt đầu. Cảnh sát và mật vụ xông vào cướp giật biểu ngữ. Tăng ni và những người điều động cuộc diễn hành bị tấn công bằng báng súng và gậy gộc trước con mắt của giới báo chí và quan sát viên quốc tế. Tiếng la hét của phụ nữ và trẻ em vang dậy. Có nhiều vị tăng ni bị đánh ngã quỵ. Có nhiều vị khác bị liệng lên xe cảnh sát và bị chở đi. Bị đàn áp dữ dội, đoàn biểu tình rút lui từ từ về chùa Giác Minh và chùa Từ Quang sát cạnh. Cảnh sát theo sát họ tới cổng chùa và thiết lập một hàng rào giây thép gai để phong tỏa chùa. Trên sáu trăm tăng ni và Phật tử bị cô lập trong chùa hơn hai ngày hai đêm như thế.

BIỂU TÌNH DIỄN HÀNH

Cũng vào sáng ngày 17/7 khoảng 400 vị tăng ni đến tập họp tại chùa Xá Lợi. Sau khi lễ Phật và mặc niệm tại chánh điện chùa, họ sắp hàng diễn hành từ đường Bà Huyện Thanh Quan qua đường Lê văn Thạch đến đường Nguyễn Thông, Ngô Thời Nhiệm, Lê Văn Duyệt và đi về hướng chợ Bến Thành. Họ vượt qua được mấy hàng rào dây kẽm gai và tiến được về vườn hoa cửa Nam chợ Bến Thành. Cuộc diễn hành này, nhờ tính cách bất ngờ của nó, đã làm cho các lực lượng đối phó không kịp trong bước đầu. Đến khi các lực lượng này được huy động đầy đủ thì đa số chư tăng ni đã đến được chợ Bến Thành và chỉ có khoảng mười vị đi sau bị kẹt và bị bắt lại. Đến chợ Bến Thành, tăng ni trương lên những biểu ngữ: "Yêu cầu chánh phủ thực thi bản Thông cáo chung". Lúc này các lực lượng cảnh sát chiến đấu đã vây quanh đám biểu tình, dưới quyền chỉ huy của viên Giám đốc cảnh sát Trần văn Tư. Ông Trần văn Tư yêu cầu chư tăng ni hạ cờ Phật giáo cùng các biểu ngữ xuống, nhưng không ai tuân hành. Vị đại

diện tăng ni đứng lên xin nói về mục đích của cuộc biểu tình diễn hành. Ông giám đốc nha cảnh sát chỉ cho phép vị này được nói trong năm phút, "mau lên còn để chúng tôi thi hành nhiệm vụ". Đại diện cho chư tăng ni nói: "Chúng tôi tới đây để tỏ cùng quốc dân đồng bào biết rằng: bản Thông cáo chung đã ký kết hơn một tháng nay nhưng chính phủ đã không thực thi nghiêm chỉnh mà còn dùng đủ mọi cách để khủng bố, bao vây, bắt bớ, đàn áp, xuyên tạc Phật giáo đồ".

Lúc này, đồng bào trong chợ đã đổ ra rất đông, và từ các ngả đường quần chúng cũng kéo tới chật ních. Sau khi phát biểu xong, vị đại diện yêu cầu lực lượng cảnh sát giải tỏa để chư tăng được tự do diễn hành về chùa Xá Lợi. Ông Trần văn Tư không chịu, quyết định dùng "những biện pháp thích nghi" để ngăn chận cuộc diễn hành trở về chùa Xá Lợi mà ông biết là sẽ vô cùng đông đảo. Trong khi chờ đợi sư giải tỏa của cảnh sát, các tăng ni ngồi xuống đất và bắt đầu niệm Phật. Cuộc đàn áp bắt đầu. Cảnh sát xông vào, bắt liệng các vị tăng ni lên xe bịt bùng. Chư tăng chống cự lại bằng cách quàng lấy tay nhau thành chừng chuỗi dài. Tình thế trở nên hỗn loạn.

Thấy cuộc đàn áp xảy ra trước mặt quần chúng đông đảo như vậy là không hay, ông giám đốc cảnh sát đổi sách lược. Ông ra lệnh ngừng sư bắt ép và đích thân điều đình với các vị điều động cuộc diễn hành, hứa sẽ dùng xe cảnh sát chở tất cả chư tăng ni về chùa Xá Lợi.

Thấy cuộc biểu tình đã đạt được nhiều kết quả và chư tăng ni nhiều người đã bị mất sức, thêm nữa thấy ông giám đốc cảnh sát đã lấy danh dự mà hứa sẽ chở chư tăng về chùa Xá Lợi, vị đại diện bằng lòng để cho tăng ni lên xe. Nhưng những chiếc xe này, khi đến ngã tư Tổng đốc Phương, thay vì chạy về chùa Xá Lợi, lại rẽ về hướng Lục Tỉnh. Thấy mình bị lừa, chư tăng ni đập cửa xe rầm rầm. Các vị ngồi trước lấy chân đạp thắng xe, và gạt tay lái cho xe đâm vào lề đường. Nhiều vị mở cửa xe phóng xuống đường trong khi xe đang chạy. Thấy vậy các xe cảnh sát phải ngừng lại. Tất cả các vị tăng ni đều tập họp lại thành một khối giữa công lộ. Cảnh sát lại dùng giây thép gai vây họ lại. Hai vị cảnh sát trưởng đến gần chư tăng, xưng là đại diện ông giám đốc cảnh sát, hứa lần này sẽ thực sự cho chư tăng về chùa Xá Lợi. Sợ bị lừa gạt lần nữa, chư tăng ni không ưng thuận, chỉ yêu cầu được tự do đi bộ về chùa Xá Lợi. Họ ngồi xuống đất để đòi hỏi sự giải tỏa của lực lượng cảnh sát. Nhưng cảnh sát không giải tán. Cuộc đàn áp lại xảy ra, khốc liệt gấp mấy lần trước: chư tăng ni bị đánh đập và ném lên xe như những con thú vật. Quần chúng ở đây không đông đảo như ở chợ Bến Thành và giới báo chí không có mặt, vì vậy chư

tăng ni bị hành hung một cách tàn nhẫn: có vị bị thoi vào những nơi hiểm yếu, có vị bị bóp họng, có vị bị đấm đá túi bụi.

TĂNG NI BỊ GIAM GIỮ

Các xe cảnh sát chở đầy tăng ni phóng nhanh khỏi thành phố đến chùa Hoa Nghiêm ở An Dưỡng Địa, một khu nghĩa địa lớn nằm giữa khoảng đồng trống miền Phú Lâm. Tại đây cảnh sát đã được túc trực và giây thép gai đã được giăng khắp thành hàng rào bốn phía. Tất cả tăng ni đều bị cô lập tại đây. Chiều đến, lực lượng bố phòng của cảnh sát được tăng cường hùng hậu.

Vào khoảng nửa đêm, cảnh sát có võ trang súng ống đột nhập vào phòng chư tăng để xét hỏi, điều tra lý lịch, và tra hỏi xem ai là những người đã xúi giục họ đi biểu tình. Những vị tăng sĩ gốc Miên được tra hỏi cặn kẽ hơn cả. Chiều ngày hôm sau, 18/7, nhân viên công quyền đến bắt tăng ni khai lý lịch, in dấu tay và chụp hình: họ bảo đó là thủ tục thông thường phải làm trước khi các vị tăng ni được trả tự do, và hứa là vào ngày mai 18/7 họ sẽ mời Ủy ban Liên phái tới để trao trả chư tăng ni về chùa Xá Lợi. Trưa 19/7 nhiều xe cảnh sát được đưa tới và cảnh sát đòi chở tăng ni về chùa Xá Lợi. Không thấy có vị đại diện nào của Ủy ban Liên phái, chư tăng ni không chịu ra xe, cương quyết ở lại chờ lệnh.

Sáng ngày 20/7, đột nhiên tất cả những hàng rào giây thép gai và những lực lượng cảnh sát phong tỏa An Dưỡng Địa biến mất, và các ông Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Công dân vụ và Trần văn Tư Giám đốc cảnh sát xuất hiện với một đoàn báo chí Việt Nam và ngoại quốc. Trước mặt các ký giả và nhiếp ảnh viên, ông Trần văn Tư giải thích rằng sở dĩ chư tăng ni được giam giữ ở đây là vì họ đã biểu tình bất bạo động, bất hợp pháp và đã hành hung các nhân viên công lực. Thiền sư Chánh Lạc đại diện cho chư tăng ni đứng lên giải thích cho báo chí nghe về mục đích và lập trường tranh đấu bất bạo động của Phật tử, cải chính những điều vu khống của ông giám đốc cảnh sát, rồi trả lời rành rẽ từng câu hỏi của các phóng viên đặt ra. Sau đó, đoàn tăng ni quyết định theo phái đoàn báo chí về Sài gòn. Đoàn người đến Phú lâm thì, sau khi để cho giới báo chí đi khỏi, một toán cảnh sát chiến đấu ngăn chận tất cả tăng ni lại. Thiền sư Chánh Lạc đề nghị toàn thể ngồi xuống mặt đường niệm Phật. Trong khi vị đại diện tăng ni đối thoại với cảnh sát thì một phái đoàn của Ủy ban Liên phái do thiền sư Thiện Minh hướng dẫn, đến kịp. Kết cuộc là chư tăng được đưa về chùa Xá Lợi bằng xe đò, có một đoàn xe bình bịch của

cảnh sát dẫn lộ.

Vào lúc 12 giờ 15, đoàn xe tới cổng chùa Xá Lợi. Bấy giờ họ được thiền sư Tịnh Khiết, các thiền sư khác trong Ủy ban Liên phái và quần chúng túc trực sẵn ở đây đón tiếp. Thiền sư Tâm Châu, chủ tịch Ủy ban Liên phái, cảm động trước những hy sinh và chịu đựng của chư tăng ni trong bốn ngày bốn đêm vừa qua, đã đứng ra lạy tạ đại chúng. Cử chỉ này đã làm cho mọi người xúc động. Những vị tăng ni trọng thương được đưa ngay vào chăm sóc. Sau khi kiểm điểm, số tăng ni bị bắt hoặc mất tích lên tới gần năm chục vị (180)[23[21]].

Báo chí và các đài truyền thanh truyền hình quốc tế đã đăng tải đầy đủ về những cuộc biểu tình nói trên tại Sài gòn. Quần chúng tại quốc nội theo dõi các đài BBC, VOA, biết rõ tất cả những gì đã xẩy ra tại Sài gòn và những dư luận xôn xao trên thế giới.

DƯ LUẬN QUỐC TẾ CHẤN ĐỘNG

Trong lúc đó, tất cả các cấp lãnh đạo trong Ủy ban Liên phái vẫn tiếp tục tuyệt thực tại chùa Xá Lợi. Chính quyền Ngô Đình Diệm biết rõ những gì đang xẩy ra trên dư luận quốc tế, nhất là dư luận người Mỹ. Những ký giả như David Halberstam của tờ New York Times viết trên báo này rất nhiều bài bất lợi cho chế độ Sài gòn. Ký giả này nói rằng chính phủ Ngô đình Diệm đã bị nhân dân ghét bỏ, và vấn đề lật đổ chính quyền Diệm chỉ là vấn đề thời gian. Thượng nghị sĩ Hoa kỳ Wayne L. Morse tuyên bố ngày 19/7 rằng ông không đồng ý cho Hoa kỳ viện trợ thêm một đồng nào nữa cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Tin tức những ký giả Hoa kỳ bị cảnh sát hành hung được các báo chí ở Hoa thịnh đốn và Nữu Ước đăng tải. Tờ Hoa thịnh đốn thời báo (Washington Post) đã viết những lời bình luận sau đây ngày 19/6/1963:

"**Cuộc tranh chấp không còn là một biến động có tính cách địa phương nữa. Vì chế độ ông Diệm liên hệ mật thiết quá với Hoa kỳ, nên cái nguy là Phật giáo đồ ở khắp Á châu sẽ có cảm tưởng rằng dù sao Hoa kỳ cũng dung túng sự kỳ thị tôn giáo. Tuy đó là một cảm nghĩ sai lầm nhưng dù sao đã là đồng minh của**

23[21] Sách **Phật giáo tranh đấu** do Quốc Oai biên soạn (Tân Sanh, 1963) có in danh sách 21 vị tăng ni bị cảnh sát đả thương trầm trọng ngày 17/7/1963. Theo Quốc Oai, tất cả các vị Tăng Ni trong cuộc biểu tình ngày 17/7/1963 đều bị đánh đập, không nhiều thì ít. Cảnh sát xé nát áo nhiều người. Có vị bị thương máu me đầy người.

một chế độ độc tài và áp bức cho nên Hoa kỳ cũng bị ảnh hưởng".

Tổng thống Ngô Đình Diệm nhìn thấy nguy cơ của mình. Ngày 18/7 ông lên tiếng trên đài phát thanh Sài gòn. Ông đọc một thông điệp để xoa dịu tình hình. Thông điệp đ8ược lặp lại nhiều lần một ngày trên đài phát thanh. Ông nói:

"Để tỏ rõ chủ trương của chính phủ cương quyết thi hành đúng đắn và hữu hiệu Thông cáo chung và để đánh tan mọi hồ nghi hoặc mưu mô xuyên tạc chia rẽ, chiếu theo đề nghị của Hội đồng Liên bộ, tôi vừa chấp thuận:

1- Chỉ thị của nghị định số 358 ngày 9 tháng 7 năm 1963 ấn định thể thức treo cờ Phật giáo. Thể thức này đã áp dụng riêng cho Tổng hội Phật giáo sẽ được áp dụng cho tất cả môn phái nào tự ý công nhận Phật giáo kỳ.

2- Chỉ thị Ủy ban Liên bộ hợp tác mật thiết với phái đoàn Phật giáo để cùng nghiên cứu điều tra giải quyết hoặc theo hồ sơ hoặc tại chỗ nếu cần những khiếu nại liên quan đến sự thực thi Thông cáo chung.

3- Chỉ thị các cấp quân dân chính mỗi người trong lĩnh vực của mình, trong lời nói cũng như trong việc làm, tích cực góp phần vào việc thực thi Thông cáo chung.

Tôi mong rằng Quốc dân đồng bào ghi nhận ý chí hoà giải tột bực của chính phủ trong vấn đề Phật giáo và tôi yêu cầu quốc dân đồng bào từ nay sẽ khách quan phán quyết để có thái độ và hành động, không để ai làm ngăn cản bước tiến của dân tộc trong nhiệm vụ diệt cọng cứu quốc."

Lời kêu gọi "ghi nhận ý chí hòa giải tột bực của chính phủ" được nói lên trong khi các chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang tại Sài gòn và nhiều ngôi chùa khác trên khắp lãnh thổ còn bị phong tỏa và trên 300 vị tăng ni đang bị vây hãm tại An Dưỡng Địa, và hơn bốn trăm tăng ni khác rải rác trong toàn quốc đang bị giam giữ. Sáng ngày 19/7, thiền sư Tâm Châu gửi một văn thư cho Tổng thống Diệm để đáp lại lời hiệu triệu của ông. Trong lá thư, thiền sư ghi nhận lời hiệu triệu này của Tổng thống và yêu cầu ông cấp tốc phóng thích cho tất cả những ai bị chính quyền giam giữ từ ngày 8/5, ra lệnh cho báo chí được quyền đăng tải các văn kiện của Ủy ban Liên phái, công bố danh sách những người chịu trách nhiệm về cuộc thảm sát ngày 8/5, bồi thường cho các nạn nhân cuộc thảm sát ấy. Đồng thời ông cũng báo tin rằng các chùa Xá Lợi, Ấn Quang và Giác Minh, sau khi được giải tỏa vào khoảng nửa giờ vào sáng 19/7, đã bị các lực lượng cảnh sát

phong tỏa trở lại. Ông kết luận "Các vấn đề trên được giải quyết xong, chúng tôi mới có thể hợp tác với Ủy ban Liên bộ mà nghiên cứu xem xét những vấn đề khác để cho cuộc hòa giải được hoàn toàn tốt đẹp".

Lập trường của Ủy ban Liên phái, do đó là sẽ không chấp thuận việc cộng tác với chính quyền để thành lập Ủy ban Hỗn hợp chừng nào những điều căn bản nhất của Thông cáo chung chưa được thực thi. Văn thư trao đổi giữa Ủy ban Liên phái và Ủy ban Liên bộ trong thời gian từ ngày 18/7 đến ngày 30/7 phần lớn là để đề cập tới vấn đề này. Về phía Phật giáo, Ủy ban Liên phái tiếp tục công bố những tài liệu vi phạm Thông cáo chung của chính quyền: những vụ mất tích tăng sĩ, những vụ ám sát và đả thương Phật tử, những vụ rải truyền đơn giả tạo để chống phong trào tranh đấu cho Năm nguyện vọng v.v… (181)[24[22]]

HỆ THỐNG THÔNG TIN CỦA UỶ BAN LIÊN PHÁI

Các báo chí thủ đô đều nằm trong tay của chính quyền, cho nên Ủy ban Liên phái phải thiết lập một hệ thống tuyên truyền đặc biệt. Các thiền sư Quảng Độ và Đức Nghiệp là những người phụ trách liên lạc với các ký giả quốc tế và các tòa lãnh sự ngoại quốc tại Sài gòn: mỗi khi có tin tức gì cần thông báo, các vị dùng điện thoại, hoặc của chùa, hoặc của những tư gia quanh chùa. Nhiều khi bản tin được truyền đi trên những mảnh giấy nhỏ và được điện thoại cho giới báo chí từ những địa điểm rất xa chùa. Cùng với những vị thông thạo sinh ngữ khác, họ dịch những bài báo ngoại quốc có liên hệ đến cuộc tranh đấu để phổ biến. Họ còn thu thanh những bản tin do các đài phát thanh ngoại quốc truyền đi và chép thành bản tin. Thiền sư Châu Toàn điều động một số nhân viên ngày đêm ấn hành những bản tin này bằng máy in phức bản (stencils). Tài liệu được chuyển đi các trung tâm khác ở thủ đô để được in lại và phổ biến. Tại Huế và các trung tâm đấu tranh khác như Quảng Trị, Quảng Nam,Nha Trang, Đà Lạt, Bình Long, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Định v.v… đường lối thông tin và tranh đấu cũng được phỏng theo phương thức này.

Trong suốt thời gian tranh đấu, ngày nào quần chúng cũng đến chùa rất đông đảo để lễ Phật, ngồi tuyệt thực và ủng hộ Ủy ban Liên phái. Các thiền sư Giác Đức và Hộ Giác phụ trách thuyết giảng trong

---

24[22] **Bản kê khai một số những hành động vi phạm Thông cáo chung,** Công cuộc tranh đấu của PGVN**, Quốc Tuệ, trang 276-278.**

các buổi tập họp và tuyệt thực này. Họ giải thích cho quần chúng rõ lập trường của Phật giáo, thái độ của chính quyền, tố cáo những hành động vi phạm Thông cáo chung và nói về dư luận quốc tế đối với cuộc tranh đấu đòi thực thi Năm Nguyện vọng. Hai vị đều là những thiền sư trẻ và có tài hùng biện.

NHỮNG THỦ ĐOẠN CỦA CHÍNH QUYỀN

Trong guồng máy chính quyền, thậm chí trong các lực lượng an ninh, cảnh sát và mật vụ đã có nhiều người đứng về phía tranh đấu. Ủy ban Liên phái luôn luôn được thông báo trước về những biện pháp đàn áp của chính quyền. Cuộc biểu tình của hơn 100 thương phế binh trước chùa Xá Lợi ngày 23/7 do chính quyền tổ chức để chống đối phong trào Phật giáo cũng đã được Ủy ban Liên phái biết trước và thiền sư Tâm Châu đã gửi thư đến chính quyền để phản đối ngày 22/7. Trong một lá thư đề ngày 23/7 thiền sư cũng cho chính quyền biết là ông Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Công dân vụ đang cho 300 cán bộ cạo đầu giả làm tăng sĩ để đi quyên tiền và đặt may cờ cho Mặt trận giải phóng miền Nam, đang tổ chức một cuộc biểu tình khác cho cô nhi và quả phụ chiến sĩ, và một cuộc biểu tình khác nữa cho những người hành khất và những người có bệnh hủi, xui giục những người này vào chùa Xá Lợi để khiêu khích và để cảnh sát có cớ vào chùa (182)[25][23].

Ủy ban Liên phái đã in sẵn một lá thư đề phát cho những người tự nhận là thương phế binh đến biểu tình trước chùa Xá Lợi ngày 23/7 . Lá thư này rất ôn tồn, giải thích cặn kẽ về cuộc tranh đấu của Phật giáo, ghi nhận sư đóng góp và hy sinh của các thương phế binh cho công trình bảo vệ miền Nam và kêu gọi thương phế binh tham dự vào cuộc tranh đấu đòi dân quyền và bình đẳng tôn giáo (183)[26][24].

Chiều ngày 23/7 nha Tổng Giám đốc thông tin triệu tập một cuộc họp báo, cho biết rằng trung tá Trần Thanh Chiêu, thanh tra trung ương dân vệ đoàn và tác giả cuộc biểu tình của thương phế binh hồi sáng đã bị cách chức và phạt 40 ngày trọng cấm. Ngay sau khi đó, thiền sư Tịnh Khiết viết thư cho Tổng thống Diệm xin khoan hồng cho trung tá Chiêu, vì theo thiền sư: **"Không bao giờ vị sĩ quan ấy có ý tự mình làm một việc công khai chống lại với mệnh lệnh của**

25[23] *Phật giáo tranh đấu***,** Quốc Oai, trang 135-137

26[24] Sách vừa dẫn, trang 137-140

Tổng thống nếu không có một áp lực bên ngoài nào đó". (184)[27[25]]

Chiều ngày 24/7, Ủy ban Liên phái nhận được một lá thư từ các thương phế binh gởi tới chùa Xá Lợi. Lá thư bày tỏ sự ủng hộ của thương phế binh đối với cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ và phàn nàn về nhóm người đã lợi dụng danh nghĩa thương phế binh để làm những điều phản lại nguyện vọng của thương phế binh. Lá thư này mang chữ ký của mười một vị đại diện thương phế binh (185)[28[26]]. Ngày 1/8 khoảng ba trăm anh em thương phế binh đã tự động tập họp tại chùa Xá Lợi, làm lễ Phật ở chánh điện. Đại diện của họ đến gặp thiền sư Tâm Châu của Ủy ban Liên phái và phát nguyện ủng hộ cuộc tranh đấu.

Ngày 23/7, Ni sư Diệu Huệ mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi cho biết bà sẽ thiêu thân để chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ni sư Diệu Huệ là thân mẫu của nhà bác học Bửu Hội, lúc bấy giờ làm đại sứ cho chính quyền Ngô Đình Diệm tại nhiều nước thuộc về miền Tây Phi Châu.

Ngày 30/7, lễ chung thất (49 ngày) của thiền sư Quảng Đức được tổ chức long trọng tại chùa Xá Lợi. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban Liên phái, đồng bào thủ đô kéo đổ dồn về chùa ngay từ hồi tang tảng sớm mặc sự ngăn cản và đe dọa của các giới công an và cảnh sát. Quần chúng chật ních cả vòng trong lẫn vòng ngoài của chùa. Sau lễ cầu nguyện cho giác linh thiền sư Quảng Đức, một bản Tuyên ngôn của Ủy ban Liên phái được phổ biến, kêu gọi đồng bào đẩy mạnh cuộc tranh đấu bất bạo động.

Ngày 1/8, thiền sư Tịnh Khiết gửi một điện văn cho Tổng thống John F. Kennedy, phản đối việc ông đại sứ Hoa kỳ là Frederic Nolting tuyên bố với hãng thông tấn UPI rằng không có chuyện kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo đồ tại Việt Nam.

NGỌN LỬA NGUYÊN HƯƠNG

Ngày 4/8/63, trong khi chư tăng ni và tín đồ Phật giáo Bình Thuận đang còn tuyệt thực ở chùa hội quán tỉnh hội, thiền sư Nguyên Hương châm lửa tự thiêu mình ở đài chiến sĩ ngay trước tỉnh đường Bình Thuận (Phan Thiết).

[27[25]] Một tháng sau, trung tá Trần Thanh Chiêu được công khai tuyên dương công trạng và được gắn Trung Dũng bội tinh (Công cuộc tranh đấu của PGVN, Quốc Tuệ, trang 231).

[28[26]] Sách vừa dẫn, trang 237/239

Thiền sư Nguyên Hương tục danh là Huỳnh văn Lễ, sinh năm 1940 tại làng Long Tỉnh, quận Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Ông xuất gia năm mười tám tuổi, theo học với thiền sư Viên Trí chùa Bửu Tích. Năm hai mươi tuổi, ông thọ đại giới, và có đạo hiệu là Đức Phong. Ông nhận chức trú trì chùa Bửu Tạng ở Bình Thuận từ tháng chín năm 1962. Ông thiêu thân một mình, không cho ai hay biết. Trước khi thi hành bản nguyện ông để lại một lá thư gửi thiền sư Tịnh Khiết, một lá thư khác gửi bổn đạo chùa Bửu Tạng và một lá thư khác gửi song thân. Nội dung những bức thư này là ý nguyện của ông muốn đóng góp vào những nổ lực tranh đấu để chấm dứt tình trạng đàn áp Phật giáo đồ. Trong lá thư gửi cho song thân, ông xin hai người tinh tiến niệm Phật và đừng trách cứ gì vị bổn sư của ông là thiền sư Viên Trí, vì thiền sư này không hay biết gì về bản nguyện tự thiêu của ông (186)[29[27]].

Thiền sư Nguyên Hương, hiệu Đức Phong, tuy mới có hai mươi ba tuổi, nhưng đã có định lực khá vững vàng. Ông ngồi yên trong lửa đỏ cho đến khi ngã xuống. Đồng bào thấy lửa cháy đến bao quanh đài chiến sĩ. Một đơn vị quân đội được lập tức huy động tới để giải tán quần chúng và chở thi hài ông về bệnh viện Phan Thiết. Đồng bào kéo tới bệnh viện, nhưng các nhân viên công lực đã kéo đến phong tỏa bệnh viện này. Tuy vậy, trước khi bệnh viện bị phong tỏa, khoảng hai mươi vị vừa tăng ni vừa thanh thiếu niên Phật tử đã lọt được vào bệnh viện để túc trực bên di thể thiền sư Nguyên Hương. Sau khi bệnh viện bị phong tỏa, những người này không ra về được nữa. Quần chúng kéo đến bệnh viện càng lúc càng đông. Tăng ni và Phật tử ngồi xuống trước cổng bệnh viện và bắt đầu tụng niệm cầu siêu cho giác linh người mới khuất.

Chính quyền cho xe phát thanh đi khắp thành phố, báo tin "một thanh niên thất tình chán đời tự tử tại đài chiến sĩ". Các lực lượng cảnh sát không giải tán được quần chúng. Mãi cho đến nữa đêm, theo lời yêu cầu của các thiền sư Quang Thể, Minh Thuần và Ấn Tâm, đồng bào mới chịu ra về. Các vị tăng ni và thanh thiếu niên Phật tử trong bệnh viện nhất định không rời bệnh viện, sợ chính quyền di chuyển thi hài của vị thiền sư. Một số tăng ni và Phật tử khác cũng nhất quyết ngồi lại ngoài bệnh viện. Suốt đêm, họ luân phiên tụng kinh cầu nguyện.

[29[27]] Sách vừa dẫn, trang 287-291.

Tại chùa Tỉnh Hội, quần chúng cũng đã tụ tập đông đảo. Loa phát thanh được bắt lên cột cờ sân chùa và thiền sư Châu Đức đứng ra trình bày về sự tình đã xảy ra, cải chính những điều mà xe phát thanh của chính quyền đã rao nói trong thành phố. Ông cho đồng bào biết là "đại đức Nguyên Hương, một vị tăng sĩ của Giáo hội Tăng già Bình Thuận vừa tự thiêu để phản đối chính quyền về việc không thực tâm thi hành Thông cáo chung". Các lực lượng cảnh sát liền tới bao quanh chủa Tỉnh Hội. Sáng ngày 5/8, cảnh sát và dân vệ kéo tới đàn áp, bắt các tăng ni nhốt vào các phòng dành cho người điên ở bệnh viện và chở thi hài của thiền sư Nguyên Hương đi mất.

Tại Sài gòn, tin thiền sư Nguyên Hương tự thiêu đến tai Ủy ban Liên phái ngày 5/8. Lễ cầu siêu cho thiền sư được dự định tổ chức vào ngày 11/8 trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi ngày hôm đó, lễ cầu siêu được Đoàn Sinh viên Phật tử, đoàn Thanh niên bảo vệ Phật giáo và Liên đoàn Học sinh Phật tử điều động và tổ chức. Số người tham dự lên tới hai chục ngàn người. Tại lễ cầu siêu này, số lượng tăng ni rất đông đảo. Các tăng sĩ gốc Miên có mặt từng đoàn, cũng mặc pháp phục như họ là các tăng sĩ Nam tông gốc Việt. Tăng sinh và ni sinh của tất cả các Phật học viện miền Sài gòn, Gia định và Thủ đức đều có mặt. Thiền sư Tịnh Khiết đứng ra chủ lễ. Lễ Cầu siêu cử hành xong, chúc thư của thiền sư Nguyên Hương được đem ra tuyên đọc. Trong quần chúng, một rừng biểu ngữ được dựng lên. Trong các biểu ngữ này, có một biểu ngữ nội dung thật đặc biệt: **"Tổng thống Ngô Đình Diệm hãy nắm vững trách nhiệm, đừng để ai lũng đoạn quyền hành, vu khống, đàn áp Phật giáo".**

Thiền sư Giác Đức đứng trước máy vi âm giải thích về biểu ngữ này. Ông nói đến áp lực nặng nề của các ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và bà Trần Lệ Xuân đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông nhấn mạnh đến sự lộng quyền của ông Ngô Đình Nhu và bà Ngô Đình Nhu, phân tích những âm mưu phá hoại tổ chức Phật giáo và những cố tình vi phạm bản Thông cáo chung. Quần chúng hoan hô ông từng chập. Cũng vào ngày 5/8 thiền sư Tịnh Khiết gửi một lá thư cho ông Ngô Đình Diệm, lưu ý tổng thống về tin đồn liên hệ tới một cuộc đảo chính giả hiệu có mục đích ép ông phải tức khắc đàn áp Phật giáo.

KẾ HOẠCH "NƯỚC LŨ"

Ngày 06.08.1963, Ủy Ban Liên Phái lại được mật báo về một kế hoạch của chính quyền nhằm tiêu diệt phong trào Phật giáo, gọi là

"kế hoạch nước lũ". Kế hoạch này nhằm phân hóa và cô lập lực lượng Phật tử, bao vây kinh tế, chặn đứng tất cả guồng máy thông tin của họ và nhất là bôi xấu từng vị lãnh đạo của phong trào bằng cách giả tạo ra những "bằng cớ phạm pháp" của họ có thể truy tố trực tiếp trước pháp luật[30[28]]. Trong lá thư gửi cho tổng thống Diệm ngày 07.08.1963, thiền sư Tịnh Khiết báo tin cho tổng thống về các kế hoạch này, đồng thời lưu ý ông một lần nữa về những âm mưu thâm độc của những người thân tín nhất bên ông.

Ngày 12.08.1963 một nữ sinh Mai Tuyết An đến chùa Xá Lợi chặt tay trái của cô để cảnh cáo chính quyền. Cô chặt nhiều lát nhưng bàn tay cô không đứt. Máu loang đầy áo cô. Các vị tăng sĩ nghe tin chạy tới, tìm xe chở cô vào bệnh viện. Trước khi chặt tay, cô nữ sinh này đã viết ba bức thư, một cho chư tăng ni và Phật giáo đồ, một cho tổng thống Diệm và một cho bà Ngô Đình Nhu.

NGỌN LỬA THANH TUỆ

Ngày 13.08.1963, một cây đuốc người nữa được thắp lên ở chùa Phước Duyên ở quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. người tự thiêu là một vị tăng 18 tuổi, tên là Thanh Tuệ.

Thiền sư Thanh Tuệ tên đời là Bùi Huy Chương sinh năm 1945 tại Quảng Trị. Ông xuất gia năm 1960, theo học với thiền sư Đảnh Lễ tại chùa Phước Duyên. Đêm 12.08.1963 ông viết bốn bức thư để lại, một cho tổng thống Diệm, một cho tăng tín đồ Phật giáo, một cho thầy ông và bổn đạo, và một cho gia đình. Thư của ông viết rất gọn gàng và vắn tắt. Trong thư cho tổng thống Diệm ông yêu cầu chấm dứt việc khủng bố và áp bức Phật tử và phóng thích hết những người bị giam giữ. Ông lại nói rằng chính sự nhục mạ và càn dở cửa bà Nhu sẽ làm cho chính quyền sụp đổ và đưa Phật giáo đồ đến thành công. Hai giờ khuya ngày 13.08.1963, tại ngôi chùa Phước Duyên hẻo lánh, trong lúc thầy ông đi vắng, ông ra ngồi ngoài tam quan chùa và châm lửa tự thiêu. Khi nhân viên công lực hay tin thì quần chúng trong xã đã tới vây quanh cổng chùa khóc lóc. Cảnh sát không cho phép đưa di thể người học tăng trẻ tuổi về chùa Từ Đàm. Việc xô xát diễn ra và trong cuộc đàn áp 25 người trong làng bị thương, trong số đó có 5 người phải chở đi bệnh viện. Cảnh sát chở thi hài thiền sư Thanh Tuệ đi mất.

30[28] Sách vừa dẫn, trang 318-319.

Ngày 13.08.1963, Ủy Ban Liên Bộ của chính quyền mở cuộc họp báo tại Hội trường Diên Hồng, đổ trách nhiệm cho Ủy Ban Liên Phái đã không cộng tác để thành lập Ủy Ban Hỗn Hợp trong mục đích thi hành *Thông Cáo Chung*. Ngày hôm sau, Ủy Ban Liên Phái mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi, và trước mặt giới báo chí quốc nội và quốc tế, thiền sư Thiện Minh đã giải thích những lý do khiến cho Ủy Ban Liên Phái chưa chịu tham dự thành lập Ủy Ban Hỗn Hợp. Thiền sư nói rằng sở dĩ *Thông Cáo Chung* không được thi hành là chỉ tại vì chính quyền không chịu thi hành. Theo ông, *Thông Cáo Chung* chỉ là một biện pháp của chính quyền để dẹp bỏ ngày tang lễ của thiền sư Quảng Đức. Không có một điều khoản nào ghi trong thông cáo chung đã được thi hành. Ông cho biết báo chí tại quốc nội, kể cả tờ *The Times of Việt Nam*, chỉ được quyền đăng tải quan điểm của chính quyền và sự thực luôn luôn bị chính quyền bít lấp. Ông kêu gọi ngừng phong tỏa các chùa, phóng thích tất cả những người bị bắt giữ và chấm dứt mọi hành động đàn áp, khủng bố, phỉ báng và xuyên tạc. Đồng thời ông cũng cho biết tin đại lão thiền sư Tịnh Khiết kêu gọi chư tăng ni và tín đồ ngưng hành động tự thiêu.

NGỌN LỬA DIỆU QUANG

Tại Huế ngày 15.08.1963, khoảng một ngàn sinh biên và học sinh tổ chức biểu tình tại thành phố để phản đối vụ đàn áp trước chùa Phước Duyên và buộc chính quyền trả lại thi thể thiền sư Thanh Tuệ về chùa. Cũng hồi tám giờ rưỡi ngày hôm đó, một ni sư tẩm dầu xăng và châm lửa tại quận Ninh Hòa gần thị xã Nha Trang.

Ni sư Diệu Quang tên đời là Ngô Thị Thu, sinh năm 1936 tại làng Phù cát, tỉnh Thừa Thiên. Ni sư xuất gia hồi 21 tuổi, theo học với ni sư Diệu Hoa tại ni viện Vạn Thạnh ở Nha Trang. Tất cả những di bút của cô để lại cũng như thi hài của ni sư Diệu Quang lập tức bị cảnh sát mang đi biệt tích. Không ai biết được nội dung của những bức thư ni sư để lại. Phẫn uất về thái độ của giới công quyền, một cuộc biểu tình tuần hành rất lớn được tổ chức ngay tại thị xã Nha Trang để phản đối. Cuộc biểu tình này bị đàn áp rất dã man. Hơn 200 người bị bắt giữ và gần 30 người bị đả thương. Chùa Hội Quán và Phật học viện Hải Đức bị phong tỏa và điện nước bị cắt suốt trong ba ngày ba đêm. Khoảng 300 tăng ni và cư sĩ thân cận chư tăng bị cô lập trong hai địa điểm đó.

Vì có nhiều người bị thương trong chùa và vì thuốc men và các phương tiện chạy chữa khác không có nên một số tăng đồ và tín đồ

liều phá vòng vây quanh chùa để chạy ra ngoài cầu cứu sau ba ngày bị phong tỏa. Họ bị đàn áp dữ dội. Bốn vị tăng, một vị ni và ba cư sĩ bị trọng thương; hai vị tăng sĩ khác bị liệng xuống hồ. Rất đông thanh thiếu niên bị bắt.

Tại Sài Gòn ngày hôm sau, thiền sư Tịnh Khiết viết kháng thư gửi lên tổng thống Diệm về vụ đàn áp này.

LỆNH TỔNG ĐÌNH CÔNG TẠI HUẾ

Ngày 16.08.1963 tại Huế, tất cả mọi chợ búa trường học, xí nghiệp và công tư sở đều nhất loạt tổng đình công theo lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo. Chính quyền thị xã ban hành lệnh giới nghiêm và thiết quân luật toàn diện. Tất cả các chùa lớn đều bị phong tỏa, hàng ngàn người bị cô lập trong các chùa Linh Quang, Từ Đàm và Diệu Đế.

NGỌN LỬA TIÊU DIÊU

Ngày hôm đó, để cứu nguy, thiền sư Tiêu Diêu châm ngọn lửa tự thiêu ngay tại chùa Từ Đàm, để lại ba bức thư, một cho thiền sư Tịnh Khiết, một cho các đệ tử của ông và một cho tổng thống Diệm.

Thiền sư Tiêu Diêu đã bảy mươi mốt tuổi. Ông sinh năm 1892 tại làng An Truyền, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Ông xuất gia lúc ba mươi tám tuổi, theo học với thiền sư Tịnh Khiết ở chùa Tường Vân. Ông thọ đại giới năm 1952 và sau đó dựng một tịnh thất gần chùa Châu Lâm để tĩnh tu. Ông từng được học Phật tại các chùa Tây Thiên và Linh Quang. Ông tự thiêu vào lúc bốn giờ sáng ngày 16.08.1963.

Sợ chính quyền đến cướp nhục thể của thiền sư như những lần trước, gần năm ngàn người túc trực ngày đêm tại chùa Từ Đàm để bảo vệ và sẵn sàng ngăn chận cảnh sát.

Cùng ngày hôm ấy, Ủy Ban Liên Phái tại chùa Xá Lợi, sau khi được tin, đã gửi thông bạch tố cáo sự tàn nhẫn của chế độ trước dư luận quốc dân và thế giới. Lá thư của thiền sư Tịnh Khiết gửi tổng thống Diệm chiều hôm ấy nói đến sự ngược đãi của chính quyền đối với người Phật tử "một sự ngược đãi chưa từng có trên đất nước này". Ông viết: "Chúng tôi đã đến nước không còn nghĩ đến sự kêu cầu nhân đạo và công lý; Chúng tôi chỉ mong bao nhiêu tội ác của một chế độ xem dân như cỏ rác được thực hiện ngay để chúng tôi có dịp chết an hơn sống khổ và cũng để cho chân tướng của nền Cộng Hòa Nhân Vị do nhà Chí Sĩ xây dựng được phô bày trước mắt đồng bào và

thế giới"[31[29]].

Tại Huế, linh mục Cao Văn Luận, viện trưởng Đại Học Huế bị bãi chức vì ông đã nói thẳng vào mặt những người cầm đầu chính phủ: "Các ông vô đạo. Bên Phật giáo có chính nghĩa".

GIÁO CHỨC ĐẠI HỌC TỪ CHỨC

Các giới chức Viện Đại Học Huế trong đó có ông Lê Khắc Quyến (khoa trưởng Y khoa), Bùi Tường Huân (Khoa trưởng Luật khoa), Tôn Thất Hanh (khoa trưởng Khoa học), Nguyễn Văn Tường (giám đốc học vụ Đại học Sư phạm), Lê Tuyên (giám đốc Học vụ Văn khoa) và ba mươi nhân viên giảng huấn của trường đại học này ra thông cáo từ chức. Đồng thời toàn thể giảng viên Viện Hán Học Huế cũng ra tuyên cáo phản đối chính quyền và tuyên bố từ bỏ chức vụ.

Các giới đều đã có mặt trong cuộc tranh đấu. Sự bất hợp tác trở nên toàn diện và từ Huế, phong trào bất hợp tác bắt đầu chuyển sang Sài Gòn và các tỉnh.

Tại Huế, mọi guồng máy xã hội đều tê liệt. Ngoài lực lượng cảnh sát, lực lượng đặc biệt, công an và mật vụ, không còn ai theo lệnh chính quyền nữa. Chính quyền lâm vào một tình trạng nguy ngập đến nỗi đã phải chuyên chở từ Sài Gòn ra Huế trước ngày 16 tháng 8 năm 1963 nhiều đơn vị cảnh sát chiến đấu và Lực Lượng Đặc Biệt. Trên đường không còn một ai qua lại.

Tại Sài Gòn ngày 16.8.1963, Ủy Ban Liên Phái gửi một bức điện tín cấp báo cho tổng thư ký Liên Hiệp Quốc và cho các tổ chức Phật giáo bạn như Thái Lan, Nhật Bản, Đại Hàn, Tân Gia Ba, Tích Lan, Miến Điện, Đài Loan và Ấn Độ. Điện tín nói đến tình trạng bi thiết của Phật giáo Việt Nam và kêu gọi cấp cứu: "*Chúng tôi gửi đến Thế Giới Tự Do, các tổ chức Phật giáo ngoại quốc lời kêu cứu thiết tha này và thành thật tri ân mọi sự can thiệp, nhân danh dân quyền, để chấm dứt một sự ngược đãi đã trở thành dã man*".

Trong khi đó quân đội Cộng Hòa được lệnh cắm trại 100%. Đường phố đầy cảnh sát võ trang. Dây thép gai từng đống lớn chất trên vỉa hè xung quanh các chùa.

[31[29]] *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam.* Quốc Tuệ, trang 362.

LỄ CẦU SIÊU TẠI CHÙA XÁ LỢI

Ngày 17.8.1963, lệnh tập họp để cầu siêu cho tất cả những thiền sư đã thiêu thân vì bảo vệ Phật giáo được Ủy Ban Liên Phái truyền ra. Trên ba mươi ngàn người đã đến chùa Xá Lợi vào ngày 18.08.1963. Sau khi bài diễn văn đã được tuyên đọc, Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn kêu gọi quần chúng tham dự một cuộc tuyệt thực tại chỗ. Khoảng mười ngàn người hưởng ứng ngồi xuống. Chủ lực của cuộc tuyệt thực là thanh niên thuộc các đoàn thể Sinh Viên Phật Tử, Học Sinh Phật Tử và Đoàn Thanh Niên Bảo Vệ Phật Giáo. Rất nhiều đồng bào không tuyệt thực cũng ở lại yểm trợ.

Suốt ngày hôm ấy, quần chúng thủ đô thay nhau, hết lớp này đến lớp khác, kéo đến chùa để ủng hộ cuộc tuyệt thực. Cảnh Sát Chiến Đấu túc trực quanh vùng để đề phòng tuyệt thực biến thành cuộc biểu tình diễn hành. Thiền sư Giác Đức lại lên máy vi âm đàm đạo với đại chúng.

Dùng những lý luận sắc bén, ông diễn bày tính cách phi nhân của chế độ. Ông lại lên án gắt gao bà Ngô Đình Nhu về những lời nhục mạ Phật giáo của bà[32[30]]. Sẵn thù ghét chế độ, quần chúng hoan hô ông từng chập. Ông lên diễn đàn nhiều lần trong một ngày và giữ cho cuộc tuyệt thực luôn luôn linh động.

Từ ngã tư các đường Bà Huyện Thanh Quan và Ngô Thời Nhiệm đến đường Phan Thanh Giản, quần chúng đứng ngồi chật ních. Thế đấu tranh của quần chúng càng lúc càng mãnh liệt.

ĐÒN ÁC LIỆT CUỐI CÙNG CỦA CHÍNH QUYỀN

Chính quyền Ngô Đình Diệm không lùi bước. Ngày 21.08.1963 chính quyền này đánh một đòn ác liệt cuối cùng: tất cả các ngôi chùa làm căn cứ cho cuộc tranh đấu của Phật tử trên toàn quốc đều bị tấn công một lần và tất cả các vị lãnh đạo của cuộc đấu tranh, tăng ni cũng nhu cư sĩ, đều bị tống vào ngục tối.

Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Pháp tại chùa Xá Lợi được mật báo về cuộc đánh úp này vào lúc 5 giờ chiều ngày 20.08.1963. Một buổi họp thu hẹp của Ủy Ban Liên Phái được tổ chức ngay sau đó để bàn định kế hoạch đối phó với cuộc tấn công này mà các vị lãnh đạo Phật giáo cho là lá bài chót của chế độ. Sau buổi lễ Phật vào tám giờ

32[30] Bà Ngô Đình Nhu đã từng gọi hành động tự thiêu của các thiền sư là "nướng chả" và đã từng tuyên bố công khai với báo chí trong nước và ngoại quốc là các vị tăng càng tự thiêu càng nhiều thì bà càng vỗ tay hoan hô.

rưỡi tối, các Phật tử đến hành lễ tại chùa Xá Lợi được yêu cầu ra về vào lúc chín giờ thay vì mười một giờ như thường nhật. Vào khoảng mười giờ đêm thì cảnh chùa đã trở lại yên tĩnh. Tam quan chùa và các cửa hông chùa đều được đóng lại kỹ lưỡng. Đèn ngoài sân chùa được để sáng chứ không tắt như mọi hôm. Các tiểu ban của Ủy Ban Liên Phái vẫn im lặng làm việc. Một số thanh niên tăng ngồi canh gác các cổng chùa. Vào lúc mười lăm phút sau nửa đêm, Ủy Ban Liên Phái nhận được một tin nữa bằng điện thoại do một người không xưng danh tin cho biết chùa Xá Lợi sắp bị tấn công và các vị lãnh đạo Phật giáo sẽ bị bắt cóc. Tất cả tăng ni trong chùa đều im lặng niệm Phật để chờ đợi.

Đúng ba mươi phút sau nửa đêm, một hồi còi ré lên phía ngoài và xe cảnh sát đổ đến vây quanh chùa. Khoảng 200 người của Lực Lượng Đặc Biệt ào tới tấn công chùa. Giây điện thoại và dây đèn bị cắt đứt. Các vị lãnh đạo cao cấp của Phật giáo lúc này đã rút lên chánh điện, bao bọc bởi chư tăng ni. Một số thanh niên tăng trấn ở cầu thang để ngăn không cho bọn người hung dữ tiến lên xâm phạm vào các bậc trưởng thượng của họ. Những cuộc đập phá đã bắt đầu. Bàn thờ thiền sư Quảng Đức bị lật đổ, các cánh cửa và hương đài bị đập phá. Một số chư tăng đánh trống và dộng chuông để báo hiệu nguy cấp cho dân cư trong khu phố. Nhiều vị khác gõ vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào bất cứ thứ gì có thể tạo nên âm thanh để góp phần vào việc báo hiệu.

Sau khi phá phách bên dưới xong xuôi, những người tấn công bắt đầu leo lên thượng điện. Tại đây, thanh niên tăng đã chất ghế và bàn đầy cầu thang khiến họ không tiến lên ngay được. Những người tấn công tung lựu đạn cay, các tăng ni ho sặc sụa, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Họ dùng khăn ướt bịt mặt lại và tiếp tục liệng thêm bàn ghế xuống để chặn đường cầu thang. Thanh niên tăng cầm cự được khoảng gần một giờ rưỡi thì kiệt lực. Nhiều vị ngã lăn bất tỉnh. Lựu đạn cay ném lên chánh điện nhiều quá khiến họ không còn không khí để thở. Áo quần họ cháy sém. Những người tấn công đã lên tới chánh điện, dùng súng và lưỡi lê dồn tất cả tăng ni vào một góc. Họ còng tay từng người rồi dẫn ra trước sân thượng điện. Những ai kháng cự đều bị đánh đập không nương tay. Những người mệt mỏi không đi nhanh đều bị họ tống báng súng vào lưng. Nhiều tăng ni mặt mày bị dập, máu tuôn ướt áo.

Trong khi đó, một số trong những người tấn công đi lùng soát các phòng ốc khác trong chùa. Họ phá cửa một căn phòng khóa kín

trên tăng xá và tìm thấy gần mười vị thiền sư đang tĩnh tọa. Đại lão thiền sư Tịnh Khiết có mặt trong số người này. Ông bị những người tấn công xô ngã sấp và bị một vết thương nơi mắt trái.

Trong lúc cuộc đàn áp đang diễn ra trên thượng điện, một số tăng sĩ ở bên dưới tìm cách leo lên bức tường sau chùa Xá Lợi để thoát ra ngoài. Bốn vị trong số đó bị bắn rơi trở lại dưới chân tường. Hai vị trèo thoát được sang địa phận của cơ quan USOM của Hoa Kỳ[33][31] và xin tỵ nạn ở đây.

Ngót hai trăm năm mươi vị tăng ni bị bắt. Những người tấn công được lệnh áp giải các thiền sư Tịnh Khiết, Tâm Châu, Thiện Minh, Quảng Độ, Giác Đức và các vị quan trọng khác trong Ủy Ban Liên Phái đi trước. Các vị tăng ni khác được lần lượt áp giải ra xe. Năm chiếc xe cam nhông lớn chất đầy các vị tăng ni, người thì bị thương, người còn bất tỉnh, rời chùa Xá Lợi. Cuộc tấn công chùa chấm dứt vào lúc 2 giờ 15 phút sáng ngày 21.08.1963.

Chùa Xá Lợi bị tàn phá tan hoang. Tượng Phật Thích Ca tại chánh điện cũng bị xâm phạm. Những người tấn công đã móc mắt tượng Phật để chiếm lấy hai hạt kim cương trong hai mắt tượng.

Trong khi chùa Xá Lợi ở Sài Gòn bị tấn công thì trong toàn lãnh thổ Việt Nam các chùa lớn làm căn cứ cho cuộc tranh đấu của Phật giáo cũng đều bị tấn công nhất loạt. Cuộc tấn công chùa Từ Đàm ở Huế gặp sức kháng cự của khoảng năm ngàn Phật tử trong chùa, đã phải kéo dài từ một giờ khuya tới tám giờ sáng. Lực lượng tấn công là hai ngàn rưỡi, tất cả đều thuộc Lực Lượng Đặc Biệt. Các chùa Diệu Đế, Linh Quang, Ấn Quang, Giác Minh, Từ Quang, Báo Quốc và các chùa hội quán các tỉnh hội Phật giáo trong nước đều bị đánh úp cùng một ngày một giờ. Khắp nơi, tăng sĩ và cư sĩ đều bị đánh đập và bắt trói trước khi dẫn đi. Số lượng những tăng sĩ và cư sĩ toàn quốc bị bắt nhốt đêm đó, theo tài liệu của chính quyền là 1.400 vị nhưng có thể cao hơn nhiều. Tài liệu mật của *Ngũ Giác Đài*[34][32] về cuộc chiến tại Việt Nam cũng nói đến con số 1.400 vị bị bắt trong đem đó.

Theo sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* của Quốc Tuệ, ngoài số tăng ni và cư sĩ lãnh đạo cuộc tranh đấu bị bắt vào đêm 20.08.1963, chính quyền đã cho người đi bắt thêm khoảng hai ngàn người khác tại tư gia của họ trong đêm đó và những ngày kế

---

[33][31] U.S.O.M. là United States Operation Mission.

[34][32] *The Pentagon Papers* do nhật báo *The New York Times* xuất bản năm 1971, New York.

tiếp. Bác sĩ Lê Khắc Quyến, khoa trưởng trường Y khoa Huế và thi sĩ Vũ Hoàng Chương tác giả bài *Lửa Từ Bi* cũng bị giam giữ trong dịp này. Trong số những người bị bắt sau này, có nhiều giáo sư, luật sư và sinh viên nhất là ở Sài Gòn và Huế. Tất cả các nhân viên của ban Chấp Hành Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn và Huế cũng đều bị bắt tại tư gia của họ.

Sáng tinh sương ngày 21.08.1963 trên toàn lãnh thổ Việt nam Cộng Hòa, sắc lệnh thiết quân luật đã được dán đầy trên thành phố. Xe phóng thanh của chính quyền chạy khắp phố phường và thôn xã để loan tin "chính phủ đã diệt xong bọn phản động". Truyền đơn và hiệu triệu của chính quyền bay đầy đường.

Các chùa chiền trong toàn quốc hoang tàn và vắng lạnh đến não nùng. Một sự im lặng nặng nề và tang tóc bao trùm lên đời sống của toàn dân chúng. Tất cả các vị lãnh đạo Phật giáo đều bị bắt. Sóng gió do phong trào Phật tử gây ra hình như không còn nữa. Nhưng sóng gió bắt đầu nổi dậy trong lòng người. Những đợt sóng ngầm vĩ đại trong lòng đại dương không còn ai ngăn chặn và không có cách nào ngăn chặn được nữa. Đêm 20.08.1963, chính quyền của Ngô Đình Diệm đã chọn cho mình một tuyệt lộ.

SINH VIÊN VÀ HỌC SINH ĐỨNG DẬY

Sáng ngày 21.08.1963, sau khi đánh úp các chùa trong toàn quốc, tổng thống Ngô Đình Diệm triệu tập nội các và báo tin là quân luật đã được thiết lập trên toàn lãnh thổ vì Cộng quân đã xâm nhập các châu thành và vùng phụ cận thủ đô Sài Gòn. Ông cũng cho các vị bộ trưởng hay về việc đánh chiếm các chùa và bắt giữ "bọn tăng ni làm loạn".

Bộ trưởng bộ Ngoại giao Vũ Văn Mẫu đập bàn lên tiếng phản đối hành động dã man của chính quyền. Ông bỏ buổi họp ra về, cạo đầu để bày tỏ lập trường mình và gửi thư từ chức bộ trưởng bộ Ngoại giao. Rồi ông bôn ba đi tìm các vị khoa trưởng và các giáo sư đại học đồng nghiệp cũ của ông, vận động thành lập *Phong Trào Trí Thức Chống Độc Tài*. Hành động quả cảm của ông Vũ Văn Mẫu đã châm ngòi cho phong trào sinh viên và học sinh bùng cháy trong toàn quốc. Sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ bãi khóa ngay trong buổi chiều 21.08.1963. Giáo sư Lê Sĩ Ngạc của Trung Tâm đứng lên tán đồng lập trường của sinh viên và lên án chính sách tàn bạo của chính quyền.

Chiều ngày 22.08.1963 khoa trưởng Y khoa Sài Gòn là bác sĩ

Phạm Biểu Tâm gửi đơn từ chức; Ông bị bắt giam và ngày hôm sau 23.08.1963, nghe tin ông bị bắt, tất cả sinh viên Y khoa kéo nhau đến trường. Họ bàn tính kế hoạch chia thành từng nhóm đi thuyết phục các vị khoa trưởng và giáo sư các khoa từ chức. Đồng thời họ bàn kế hoạch vận động thành lập một Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa. Chiều hôm ấy Ủy ban này được thành lập, do sinh viên Tô Lai Chánh đứng làm chủ tịch. Ủy Ban gồm có mười tám sinh viên. Đại diện cho Dược khoa có cô Lê Thị Hạnh, Y khoa: Đường Thiện Đồng; Văn khoa: Lâm Tường Vũ; Kiến trúc: Nguyễn Hữu Đống; Công chánh: Nguyễn Thanh; Sư phạm: Nguyễn Văn Vinh; Luật khoa: Tô Lai Chánh.

Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa phát động phong trào bãi khóa: sinh viên các trường Y khoa, Luật khoa, Dược khoa, Mỹ thuật v.v…theo gót sinh viên Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ lần lượt bãi khóa. Trong thời gian vài tuần lễ, phong trào bãi khóa lan tới tất cả các cấp trung học ở toàn quốc.

Sáng ngày 24.08.1963 trên ba ngàn sinh viên và học sinh tụ tập tại trường Luật khoa Sài Gòn để đón tiếp giáo sư Vũ Văn Mẫu. Họ vây quanh ông Mẫu, hoan hô ông vang dội. Đồng thời Ủy Ban Chỉ Đạo tung ra một bản tuyên ngôn mà họ đã biểu quyết ngày hôm qua, 23.08.1963, yêu cầu chính quyền:

1.Thực sự tôn trọng và bảo vệ tự do tín ngưỡng.

2.Trả tự do cho tăng ni và tín đồ Phật giáo, sinh viên, học sinh và giáo sư hiện bị giam giữ.

3.Chấm dứt tình trạng khủng bố, bắt bớ hành hạ tín đồ Phật giáo.

4.Giải tỏa chùa chiền, ban bố tự do ngôn luận.

Bản tuyên ngôn kết thúc bằng những câu sau đây: "*Sinh viên và học sinh Việt nam nguyện đem mồ hôi và xương máu để tranh đấu cho bốn nguyện vọng khẩn thiết trên. Đồng bào hãy sát cánh cùng chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho tự do và đòi được quyền phụng sự Tổ quốc*".

Dưới bản tuyên ngôn, danh từ *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Liên Khoa* được đổi thành *Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Và Học Sinh*.

Chỉ trong vòng ba hôm sau ngày đánh úp các chùa, phong trào sinh viên và học sinh đã làm rung động thủ đô Sài Gòn. Ngày 25.08.1963 ba trăm sinh viên học sinh tổ chức biểu tình tại Công trường Diên Hồng phía trước chợ Bến Thành. Cuộc biểu tình này đã

được tổ chức một cách tài tình bởi vì trong tình trạng giới nghiêm, khắp nơi tại thủ đô đều có các đơn vị võ trang canh gác, nhất là tại trung tâm Sài Gòn. Từng toán nhỏ sinh viên và học sinh đã do nhiều ngả đường đi tới: vào khoảng mười giờ sáng đột nhiên biểu ngữ được tung ra trước chợ Bến Thành và cuộc biểu tình thành hình. Các trung đội Cảnh Sát Chiến Đấu gần đó được tin liền kéo tới đàn áp. Cảnh sát bắn cả vào đám biểu tình. Một em nữ sinh tên Quách Thị Trang bị trúng đạn tử thương[35][33]. Một số sinh viên trốn thoát được. Một số bị thương. Khoảng 200 người bị bắt giữ. Tử thi Quách Thị Trang bị mang đi mất. Ngay chiều hôm đó chính quyền đô thành ra thông cáo rằng các lực lượng an ninh đã được lệnh nổ súng vào bất cứ đám đông nào tụ họp ngoài công lộ mà không xin phép trước.

Sau cuộc biểu tình ngày 25.08.1963, sinh viên và học sinh đã trở thành đối tượng khủng bố và đàn áp của chính quyền. Các phân khoa đại học và các trường trung học lớn tại Sài Gòn đều được giây thép gai và những hàng rào cảnh sát canh gác. Để đáp lại biện pháp này, sinh viên và học sinh tổ chức bãi khóa. Họ còn vận động với các giới giáo sư của họ gửi thư từ chức.

Ngày 07.09.1963, học sinh các trường trung học công lập Gia Long, Trưng Vương và Võ Trường Toản tổ chức mít tinh bãi khóa ngay tại sân trường của họ. Họ không vào lớp mà kê bàn để đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của chế độ. Biểu ngữ được họ viết lên trên các bức tường hoặc trên những tấm bia lớn mà họ giăng lên khắp nơi.

Học sinh các trường Trưng Vương và Võ Trường Toản định tổ chức biểu tình diễn hành, nhưng vừa ra khỏi cổng trường họ bị cảnh sát đàn áp. Cuộc xung đột tại cổng trường tới một giờ trưa mới được chấm dứt và khoảng ba trăm học sinh của hai trường bị bắt giữ. Trương Kỹ Thuật Cao Thắng, trường Mỹ Thuật Gia Định và các trường trung học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn liên tiếp đứng dậy. Trường Chu Văn An là một trường nam sinh, nổi tiếng là tranh đấu ác liệt nhất với cảnh sát[36][34]. Ta cũng nên nhớ là trong ba trường đi tiên

---

[35][33] Sau ngày cách mạng thành công, người ta tìm ra được ngôi mộ của Quách Thị Trang tại nghĩa địa Gò Vấp.

[36][34] Cảnh Sát Chiến Đấu đã phá cổng và leo tường, thâm nhập vào trường Chu Văn An để đàn áp học sinh. Học sinh bắc loa kêu gọi cảnh sát và quân đội ủng hộ cuộc tranh đấu của họ. Sau khi cảnh sát thâm nhập được vào trường, học sinh bắt đầu kháng cự lại. Họ liệng bàn ghế từ trên lầu xuống làm hàng chục cảnh sát viên bị thương. Họ cầm cự được trong nhiều giờ

phong cho phong trào bãi khóa và tranh đấu của học sinh có tới hai trường nữ trung học: đó là Trưng Vương và Gia Long.

Số học sinh các trường trung học tại sài Gòn bị bắt giữ lên tới hai ngàn. Tại các tỉnh, học sinh các trường công lập và tư thục cũng đứng lên tranh đấu tương tự.

Trong lúc đó, trên đài phát thanh Sài Gòn, chính quyền kêu gọi phụ huynh học sinh kiểm soát con cái mình đừng cho chúng "mắc mưu Cộng Sản". Ông Phan Văn Tạo, tổng giám đốc Thông tin mở cuộc họp báo đưa hai thiếu nhi khoảng 15-16 tuổi ra để hai em này tự nhận là Cộng Sản xúi dục đồng bạn đi biểu tình. Cuộc họp báo này không chinh phục được ai bởi vì trong thâm tâm các bậc phụ huynh đều biết vì lý do gì mà con cái mình tham dự vào cuộc tranh đấu. Dưới sự đàn áp của bạo quyền, đất nước mang một bộ mặt rách nát, tả tơi. Vấn đề không còn là vấn đề thành bại của cuộc tranh đấu Phật giáo. Vấn đề là vấn đề sinh mệnh và thể diện của cả một dân tộc. Một bầu không khí u uất nặng trĩu đè nặng lên cả trên đất nước. Không những dân chúng mà cả đến quân đội và nhiều thành phần trong lực lượng chính quyền và cảnh sát cũng thấy áp lực nặng nề và u uất đó.

PHẬT GIÁO THUẦN TÚY

Liền ngay sau khi tấn công các chùa trong toàn quốc, chính quyền đưa ra một tổ chức lấy tên *Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy*. Người chủ chốt của tổ chức này là thiền sư Nhật Minh ngày trước đã từng là học viên của một khóa tu nghiệp cho các vị trú trì được Giáo hội Tăng Già Nam Việt tổ chức tại chùa Tuyền Lâm ở Chợ Lớn. Mục đích của *Ủy Ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy* là tạo ra hình ảnh của một thứ Phật giáo không chống đối chính quyền và được sống an lành trong sự che chở của chính quyền. Vì thiền sư Nhật Minh không có một khuôn mặt có kích thước lớn nên chính quyền, qua sự trung gian của một vài người thân chính quyền như bà Võ Văn Vinh và ông Đoàn Trung Còn, đã tìm cách thuyết phục được thiền sư Thiện Hòa đứng tên vào *Ủy Ban,* hứa hẹn rằng *Ủy Ban* sẽ có uy lực can thiệp để chính quyền thả tự do cho toàn thể tăng ni và cư sĩ đang bị bắt giữ.

Nóng lòng về việc "giải cứu chư tăng" thiền sư Thiện Hòa nhận lời và sau đó chính quyền đã cho phóng thích một số tăng ni và Phật

---

trước khi bị chế ngự. Chỉ có độ 100 học sinh leo tường sau trốn sang được khu cư xá đại học, còn tất cả đều bị bắt.

tử mà họ cho là vô hại và không có tính cách chủ chốt trong cuộc tranh đấu. Việc chấp thuận để tên mình trong *Ủy ban Liên Hiệp Phật Giáo Thuần Túy* có lẽ là vết tỳ duy nhất trong cuộc đời hành đạo của thiền sư Thiện Hòa. Ta cũng nên biết là trong thời gian này tất cả những đạo lữ và cố vấn của thiền sư Thiện Hòa đều đang bị chính quyền giam giữ. Tuy chính quyền đã để cho đại lão thiền sư Tịnh Khiết về chùa Ấn Quang, nhưng tất cả các thiền sư phụ tá cho Người đều còn bị giam cầm.

NGỌN LỬA QUẢNG HƯƠNG

Trong khi ấy, cuộc tranh đấu của các giới vẫn được tiếp tục. Các cuộc biểu tình của thanh niên và phụ nữ tổ chức vào ngày cuối của tháng chín tại Sài Gòn chứng tỏ rằng cuộc tranh đấu vẫn còn được tiếp tục.

Vào giữa trưa ngày 5.10.1963, thiền sư Quãng Hương châm lửa tự thiêu tại trước chợ Bến Thành, để lại một huyết thư cảnh giác tổng thống Ngô Đình Diệm.

Ngọn lửa Quảng Hương chứng tỏ cho thế giới thấy rằng vấn đề Việt nam vẫn còn đó nguyên vẹn, và đồng thời vô hiệu hóa tất cả những hình thái giả trang của chính quyền, những giả trang nhằm đánh lừa dư luận quốc tế, gây cảm tưởng là cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ tại Việt nam đã kết liễu.

Thiền sư Quảng Hương năm ấy ba mươi bảy tuổi, tên đời là Nguyễn Ngọc Kỳ, ông sinh năm 1926 tại Phú Yên. Ông xuất gia năm 1943, thọ đại giới năm 1949 rồi trú trì chùa Liễu Sơn. Năm 1950 ông vào thụ huấn Phật học viện Nha Trang và đến năm 1959 được cử làm giảng sư tại Đà Lạt. Năm 1961 ông được mời giữ chức vụ trú trì và giảng sư tại tỉnh hội Phật giáo Ban Mê Thuột. Ông hành đạo tại đây cho tới ngày ông vào châm lửa tự thiêu tại chợ Bến Thành ở Sài Gòn.

***PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC* TỚI SÀIGÒN**

Sáng ngày 7.10.1963 tại Nữu Ước, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc mở một cuộc họp về tình hình Việt Nam. Cũng vào sáng hôm đó, tại trung tâm Tôn Giáo (Church Center for the United Nations) trong Carnegie Hall, gần bên phòng đại hội, thiền sư Nhất Hạnh họp báo nhân danh Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo để nói rõ về nhu yếu gửi một phái đoàn sang điều tra về tình trạng nhân quyền bị vi phạm tại Việt nam. Sau cuộc họp báo, ông bắt đầu một cuộc nhịn ăn. Cuộc nhịn ăn này được kéo dài tới ngày 12.10.1963.

Một phái đoàn 7 người được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cử ra do ông Abdul Rahman Pazhwak đại diện A Phú Hãn cầm đầu, có nhiệm vụ qua Việt Nam điều tra về tình trạng chính quyền và Phật Giáo. Trước khi lên đường, phái đoàn đã được thiền sư Nhất hạnh chỉ dẫn sơ lược về những phương pháp để có thể thu thập được những sự kiện chính xác về tình trạng Việt nam và qua mắt được những giả trang của chính quyền Sài Gòn[37[35]]. Phái đoàn rời Nữu Ước vào ngày 21.10.1963 và tới phi cảng Tân Sơn Nhất vào nửa đêm rạng ngày 24.10.1963.

Tại Sài gòn, tổ chức bí mật của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo tìm mọi cách để liên lạc với phái đoàn. Ủy ban đã tìm cách đưa được vào cho ông trưởng phái đoàn một lá thư của đại lão thiền sư Tịnh Khiết ngay hôm đầu tiên phái đoàn tới cư trú tại khách sạn Hoàn Mỹ, dù khách sạn đã được công an và mật vụ canh gác một cách nghiêm mật. Ngày 27.10.1963, phái đoàn tuyên bố đi điều tra tại Thủ Đức nhưng đã bất ngờ tới chùa Ấn Quang để tiếp xúc với thiền sư Tịnh Khiết. Trong cuộc tiếp xúc này, phái đoàn đã yêu cầu tất cả mọi người ra khỏi phòng họp và chỉ để thiền sư một mình tiếp xúc với phái đoàn.

NGỌN LỬA THIỆN MỸ

Đúng vào mười giờ sáng hôm ấy, thiền sư Thiện Mỹ châm lửa tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà tại Sài Gòn. Thiền sư Thiện Mỹ tên đời là Hoàng Miều sinh năm 1940 tại Bình Định. Ông xuất gia từ hồi bé thơ, thọ giới sa di năm mười sáu tuổi và thọ đại giới năm hai mươi tuổi. Ông từ Đà Lạt vào Sài Gòn vào giữa tháng mười năm 1963 và cư ngụ tại chùa Vạn Thọ. Ông đã định tự thiêu tại chùa Ấn Quang trước đó nhưng sau vì cảnh sát và mật vụ biết trước được nên ông lại thôi.

37[35] Tại Liên Hiệp Quốc lúc này người đại diện của chính phủ Ngô Đình Diệm là là nhà bác học Bửu Hội. Ông Bửu Hội từ Châu Phi được lệnh bay sang Nữu Ước vào đầu tháng chín để lãnh đạo Phái Đoàn Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc. Tại Sài Gòn thân mẫu của ông là ni sư Diệu Huệ, nghe tin con mình đang vận động che giấu sự thực về cuộc đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, đã tìm mọi cách liên lạc với ông để khuyên ông từ bỏ công việc đó. Tại Nữu Ước, thiền sư Nhất Hạnh cũng đã gặp ông Bửu Hội tới hai lần để khuyên ông từ chức, nhưng không được ông nghe lời. Ngày 20.10.1963, thân mẫu của ông họp báo tại Sài Gòn tuyên bố bà không còn nhận Bửu Hội là con nữa

Ông châm lửa tự đốt mình vào lúc 10 giờ sáng ngày chủ nhật 27.10.1963 ngay tại trước nhà thờ Đức Bà nên lúc phát giác ngọn lửa, nhiều đồng bào Công giáo từ trong nhà thờ chạy ra chứng kiến. Những Phật tử đi ngang qua cũng bao quanh lại; nhiều người dập đầu đảnh lễ trước cảnh tượng bi hùng đó. Cảnh sát gần đấy nghe tiếng vội chạy lại. Hoảng hốt họ không biết làm gì nên dùng nón đề quạt tắt ngọn lửa, nhưng càng quạt ngọn lửa càng lớn. Một số ký giả ngoại quốc có lẽ vì đã được thông báo trước đã tìm tới kịp để chứng kiến cảnh tượng. Phim và máy hình của họ bị cảnh sát giật đi. Cảnh sát chạy tìm được một cái mền đem phủ lên người thiền sư Thiện Mỹ. Cái mền bốc cháy. Thấy thế cảnh sát liền giật mền và kéo ngã vị thiền sư đang tự thiêu. Thiền sư Thiện Mỹ gượng ngồi trở lại trong tư thế kiết già. Thoáng thấy những người chung quanh đang dập đầu đảnh lễ, ông chắp hai tay vái họ và cố ngồi vững chãi giữa ngọn lửa hồng. Mười phút sau, ông ngã ra. Lúc ấy xe cứu hỏa mới tới xịt nước. Lúc bốn người trong Phái Đoàn Điều Tra của Liên Hiệp Quốc tới được thì xe cứu hỏa vẫn còn xịt nước để xóa bỏ những dấu tích của vụ tự thiêu; trong khi đó đồng bào đang tụ lại thành một cuộc biểu tình.

Thiền sư Thiện Mỹ có để lại bốn bức thư: một cho tổng thống Ngô Đình Diệm, một cho thiền sư Tịnh Khiết, một cho ông U Thant và một cho Phật giáo đồ.

Ngọn lửa tự thiêu của thiền sư Thiện Mỹ là ngọn lửa cuối cùng đã làm sụp đổ bạo quyền.

(Trích từ ***Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*,** tập III, Nguyễn Lang, nhà xuất bản Lá Bối, San José, USA, 1992, trang 341-417) - Ý Thảo và Nguyên Định đánh lại vi tính-

TƯỜNG TRÌNH TẠI LIÊN HIỆP QUỐC (9/1963)

Hồi ký Bác Sĩ **Erich WULFF**
Minh Nguyện (Việt dịch)

Lời người dịch: *Đây là bài thứ ba trích dịch từ quyển* ***Vietnamesische Lehrjahre*** *(Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Taschenbuch Nr. 73, Frankfurt a.M., Germany, 1972, trang 186 đến 202, với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Erich Wulff. Ông là một bác sĩ người Đức dạy tại trường Đại học Y khoa Huế từ năm 1961 đến 1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại đài phát thanh Huế đêm 8/5/1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thê thảm và đã trình bày sự kiện này trước Uỷ ban điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên Hiệp quốc vào tháng 9/1963.*

Bài thứ ba này nói về các hoạt động của tác giả tại New York và Hoa thịnh đốn.

-- o –

Sau khi đến New York vào giữa tháng 9/63, bên cạnh những buổi gặp bạn bè, tôi dành nhiều thời gian để chuẩn bị cho cuộc tường trình trước Uỷ ban điều tra của Liên hiệp quốc (LHQ) về biến cố ngày 8 tháng 5 và những biện pháp đàn áp sau đó. Ba phái đoàn thành viên của Ủy ban muốn ghi lại những lời khai của tôi và yêu cầu cung cấp tài liệu cho mỗi đoàn. Rất may là tôi có mang theo đầy đủ các bản sao. Phái đoàn Campuchia vô cùng hỗn tạp. Khi tôi đến Sứ quán của họ, họ không biết tôi là ai và cũng không muốn tiếp tôi nữa. Khi tôi muốn bước ra khỏi cửa, thì một tùy viên hối hả chạy theo vội nói rằng: Ông Ngoại trưởng hiện đang có mặt tại New York để tham dự phiên họp Đại hội đồng muốn nói chuyện tức khắc với ông. Trước mặt ông Ngoại trưởng tôi đã kể hết mọi sự việc và người thư ký bên cạnh ghi lại từng chữ. Ông Ngoại trưởng là một người đang còn trẻ, thông minh, ăn mặc rất bảnh bao. Sáng hôm sau tôi lại phải kể đầu đuôi câu chuyện tại phái đoàn Tích Lan, nhưng không chắc được họ

có hiểu vấn đề không. Kiến thức của họ thật là nông cạn về cuộc chiến tại Việt Nam, về các chính sách khủng bố của chế độ, cũng như về lịch sử và các hình thái tổ chức của Phật giáo Việt Nam.

Khi tôi đến Sứ quán của An-giê-ri, sau khi gặp ông Đại sứ, tôi làm việc với một cô thư ký. Cô ta nhận biết ngay những điểm quan trọng chính yếu trong bản tường trình của tôi: Vụ thảm sát tại Huế trong ngày đại lễ Phật giáo, một đại lễ tương tự như ngày lễ Chúa Giáng sinh bên Thiên chúa giáo, sự khước từ công nhận tổ chức chính thức của một tôn giáo quy tụ đa số quần chúng, việc bắt giam toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật giáo, việc sử dụng những chất độc hóa học để đàn áp các cuộc biểu tình bất bạo động của thanh niên. Tất cả những biện pháp đàn áp và khủng bố này có thể bị xem là **vi phạm các nhân quyền căn bản về tự do tín ngưỡng và tôn giáo được ghi trong Hiến chương LHQ**. Đa số các thành viên LHQ có thể sẽ lên án chế độ ông Diệm vì những lý do đó. Tuy nhiên về mặt chính trị thì tốt hơn là không nên nói đến những chính sách khủng bố khác của chế độ như: chính sách áp bức nông dân, sự đàn áp và giết hại những người kháng chiến Việt minh cũ, việc dẹp tan phe đối lập không cộng sản. Rất nhiều các nước thuộc thế giới thứ ba cũng có những chính sách đàn áp tương tự nên họ sẽ không dễ dàng bỏ phiếu thuận vì sợ đụng chạm đến uy thế của mình và xem như là xen vào nội bộ của các nước đó.

Tôi cũng có những cuộc vận động bên ngoài LHQ. Người ta đã tổ chức một cuộc họp báo không thành công cho lắm, trong đó tôi được giới thiệu là một Giáo sư khoa Giải phẫu (thay vì khoa Phân Tâm học)! Tôi cũng nói chuyện tại nhà thờ Harrington và tiếp xúc với vài Thượng nghị sĩ tại Hoa thịnh đốn. Ông Frank Church đã tiếp tôi và yêu cầu nêu ra những lý do để Mỹ cần phải tách rời khỏi ông Diệm. Ông ta đã vận động khoảng 30 Thượng nghị sĩ (TNS) sẵn sàng lên tiếng đòi cắt giảm viện trợ Mỹ. Ông Kattenberg, người phụ trách phòng Việt nam vụ tại bộ Ngoại giao cũng đã tiếp tôi hơn một tiếng đồng hồ.

Cuộc vận động chống chế độ ông Diệm như thế đang tiến triển tốt đẹp. Tuy nhiên trong các cuộc tiếp xúc tôi thấy có một sự đắng cay nào đó về điều phải được gọi là chính sách thực dân Mỹ. Ngay cả một người thuộc phe cấp tiến như TNS Church mỗi khi nói đến ông Diệm hay những bạn bè của tôi tại Việt nam đều xem họ như là những con cờ trong những ván cờ của nước Mỹ, và hẳn nhiên xem tôi như đã đồng ý với ông ta (vì tôi là dân da trắng hay vì cùng đứng trong khối

quân sự NATO, ai mà biết được). "Nếu chúng ta thay ông Diệm bằng…" hay "Nếu chúng ta thay bằng ông này, ông nọ v.v…" , những câu nói đó tôi nghe đến nhàm chán, tôi có cảm tưởng các nhân vật đó như là những đồ vật trong hộp đồ chơi mà chủ nhân của nó có thể lấy ra hay bỏ vào bất cứ lúc nào cũng được. Không một chính khách Mỹ nào có thể nghĩ rằng một ngày nào đó những người Việt nam có thể tự chọn lựa chính phủ của mình. Các danh từ tốt đẹp như "dân chủ, quyền tự quyết" thật ra chỉ là nơi đầu môi chót lưỡi của người Mỹ mà thôi. Khi tôi kể lại tình trạng đó cho một vài người Việt Nam quen biết của tôi đang ở tại Hoa Thịnh đốn thì người nào cũng bất bình.

Qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Xuân Oánh, một nhân viên của Tổ chức Quỹ tiền tệ Quốc tế, tôi đến gặp ông Walt Rostow (cố vấn Tổng thống Mỹ) tại bộ Ngoại giao. Ông ta cũng không đếm xỉa đến các vấn đề truyền thống đạo đức, nhân văn hay xã hội Việt nam. Ông ta chỉ muốn biết một điều:"Chúng ta có thể thắng với ông Diệm không?" – và khi tôi trả lời rằng không, ông ta hỏi liền: "Chúng ta có thể thắng mà không có ông Diệm không?". "Chúng ta" ở đây không phải là chúng tôi và những người Việt Nam, mà đó là một nước Mỹ đi hàng đầu trong công cuộc chống Cọng…Tôi cũng phải vào hùa với ông ta, vì việc quan trọng hiện nay là phải làm thế nào để lật đổ ông Diệm. Tôi nêu lên sự thiếu khôn ngoan chính trị và tính tự cao của ông Diệm và gieo những sự nghi ngờ về chính sách chống Cọng của ông Diệm. Tôi cảnh báo với ông ta rằng các ông Diệm và Nhu sẵn sàng bắt tay làm hòa với ông Hồ Chí Minh còn hơn là nộp mình cho người Mỹ. Điều này đã đánh động được ông ta…

Trong khi đó, những cuộc bàn thảo tại hậu trường Liên Hiệp quốc về một nghị quyết Việt Nam vẫn tiếp tục. Đại sứ nước An–giê-ri đã đưa ra một bản dự thảo nghị quyết được sự biểu đồng tình của đại đa số tại Đại hội đồng LHQ, mặc dầu chính phủ Mỹ cương quyết chống lại. Chúng tôi rất phấn khởi. Lời kết án chế độ ông Diệm của tổ chức LHQ sẽ giúp sức cho các thế lực trong chính giới Mỹ từ lâu muốn bỏ rơi ông Diệm. Nhưng một tuần trước cuộc biểu quyết, ông Diệm đã cử Giáo sư Bửu Hội làm Đại sứ tại LHQ. Ông này có nhiệm vụ tìm đủ mọi cách ngăn cản một sự lên án chế độ, hay ít nhất cũng phải làm trì hoãn điều đó. Ông Bửu Hội là một nhà bác học nổi tiếng trên thế giới, một chuyên viên về ngành Sinh hóa học và bệnh Cùi. Ông đã làm việc tại Trung tâm nghiên cứu khoa học Paris, và trước đó là Đại sứ tại Marốc và một vài nước khác tại Phi châu. Vài lời đồn

đại cho rằng ông ta nhận lời cọng tác với chế độ ông Diệm là vì thiếu tiền để chi viện cho bốn người tình nhân . Đi cùng với ông ta bao giờ cũng có cô nhà báo Mỹ Ellen Hammer, cao hơn ông ta một cái đầu. Tôi đã gặp ông ta một lần tại phi trường Phú Bài - Huế. Dáng người không cao cho lắm, khuôn mặt tròn đầy và đeo một đôi kính thật dày, đến nỗi hai đôi mắt chỉ hiện ra như hai vạch nghiêng trên mặt. Từ bề ngoài như vậy toát lên một vẻ buồn tự tâm can và thái độ trịnh trọng của một vị quý tộc hoàng phái gốc người Huế. Ông ta nổi tiếng ở Việt Nam vì sự thông minh và tài ứng đối nhanh nhẹn.

Ông Bửu Hội không cần phải mất thì giờ để biết tình hình rất khó khăn để chống lại những lời tố giác chế độ ông Diệm. Do đó phải dùng kế hoãn binh, kéo dài thời gian. Nếu ông Nhu thành công trong việc giữ yên lặng trong các thành phố bằng những biện pháp đàn áp của cảnh sát từ tháng tám sau khi ốp các chùa, Mỹ và cả thế giới lần lần quên lãng đi vụ "khủng khoảng Phật giáo". Đại hội đồng LHQ không thể kéo dài vô hạn kỳ, cho nên chỉ cần ngăn cản một nghị quyết được đưa ra để bỏ phiếu trong kỳ họp lần này. Do đó ông Bửu Hội đề nghị nên gởi một phái đoàn điều tra LHQ đến Việt Nam; ông tuyên bố rằng với việc điều tra tại chỗ, các lời cáo buộc sẽ không còn đứng vững. Ngón đòn này khó mà chống lại được. Cuộc thảo luận tại LHQ bị đình hoãn lại.

Vài ngày trước khi tôi rời New York, một người bạn của tôi tên Trân, một chuyên viên về nguyên tử lực đang dạy tại trường Đại học Columbia mời GS Bửu Hội tham gia một buổi hội thảo với cộng đồng người Việt. Ông ta không thể nào từ chối lời mời của một khoa học gia gốc Việt cũng nổi tiếng như ông. Ông ta nhận lời, nhưng với điều kiện không một nhà báo nào có mặt. Một ngày trước đó, ông ta đã tuyên bố trước Đại hội đồng LHQ rằng không còn vấn đề khủng khoảng Phật giáo nữa; chính phủ đã giải quyết xong với sự hài lòng của mọi phía, bằng cớ là hiện nay không còn những cuộc biểu tình trên đường phố hay những cuộc tự thiêu của các nhà sư.

Khi tôi đến sớm hơn 15 phút tại điểm hẹn nhà anh Trân, tôi gặp anh bạn sử học Stanley Karnow đang nói chuyện với Josepth Buttinger. Ông này khoảng 60 tuổi, trước đây vào những năm 1954 đến 1959 **là người ủng hộ hết mình và cố vấn cho ông Diệm, nhưng nay lại là người chống đối mãnh liệt nhất**. GS Bửu Hội đến trễ nửa giờ và có thái độ bối rối vì sự có mặt của ông Buttinger và thầy Nhất Hạnh. Ông ta đưa mắt nhìn nhanh về phía cử toạ và cảm nhận được thái độ chống đối và lạnh lùng sau lời chào mừng nồng

nhiệt của ông ta. Qua sự yêu cầu của ông ta, tôi là người phát biểu đầu tiên; ông ta sẽ có lợi thế khi phát biểu liền sau đó. Với những lời lẻ từ tốn, tôi trình bày về những biện pháp áp bức từ mấy năm qua của chế độ ông Diệm đối với Phật giáo, về biến cố ngày 8 tháng 5 tại Huế và các sự kiện trước đó, về những cuộc biểu tình bị đàn áp bởi những chất độc hóa học và các đàn chó béc-giê. Tôi cũng tường thuật những điều tai thấy mắt nghe về tình trạng các nông dân, về chế độ công lý phân biệt, về thái độ hách dịch của các công chức cũng như thói quen của ông Nhu đổ vấy cho "Việt cọng" những tội ác của chính mình.

GS Bửu Hội chăm chú lắng nghe và gật đầu đồng ý càng lúc càng nhiều vào phần cuối bài phát biểu của tôi. Dư luận trong phòng họp rõ ràng đứng về phía tôi, cho nên rất khó cho ông ta chối từ những sự thật do tôi trình bày. Ông ta cũng xác nhận việc Phật tử bị biệt đãi, ông ta cũng công nhận trách nhiệm về những người bị sát hại đêm 8 tháng 5 là thuộc về anh em ông Diệm. Nhưng thay vì chống chế độ, ông ta biện minh cho mộ t "đường lối thực tế" (Realpolitik). Ông Diệm đã chứng tỏ qua các biện pháp cứng rắn hồi tháng 8 vừa qua rằng ông đang nắm quyền bính trọn vẹn trong tay, mặc cho Phật tử, người Mỹ hay dư luận thế giới muốn hay không. Phật tử phải bằng lòng chấp nhận trong tương lai một số sinh hoạt hạn chế, giống như các tín đồ Thiên chúa giáo bên phía Đông Âu vậy và không nên dính đến các cuộc tranh đấu chính trị. Vấn đề là phải giàn xếp nhanh chóng tranh chấp hiện nay hầu tránh thêm những thiệt hại trong tương lai. Ông ta nói Thượng tọa Trí Quang là một người thánh thiện, nhưng không hiểu gì về chính trị. Ông ta cũng là một phật tử thuần thành và đau khổ hơn ai hết vì tình hình hiện nay. Ông ta tâm sự đã nhận công tác tại LHQ vì biết rằng tất cả những sự phản kháng sẽ không thay đổi tình hình tại Việt Nam. Khi mọi chống đối tại Sàigòn và trên thế giới lắng dịu xuống, các vị tu sĩ Phật giáo bị bắt sẽ được trả tự do và trở về lại chùa để tiếp tục tu học hay tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng. Không có thể đòi hỏi thêm gì được nữa và nên bằng lòng với những gì mình có thể có được. Ông ta chấm dứt bài phát biểu với một thái độ tự đắc.

Thầy Nhất Hạnh nói tiếp sau đó. Thầy kể lại về những khó khăn mà Phật giáo gặp phải từ khi nước Pháp xâm chiếm Việt Nam và lên án ông Diệm là người tiếp tục các chính sách đàn áp và truyền đạo của thực dân Pháp. Nhưng nếu trước đây dân tộc Việt đã không chịu ách đô hộ của Pháp nên đã vùng lên đuổi quân Pháp ra khỏi nước thì nay dân Việt cũng không chấp nhận sự áp bức và đe dọa của

chế độ ông Diệm. Tuy nhiên người phật tử không cầm súng trong tay để chiến đấu, mà chỉ vận dụng các phương pháp bất bạo động. Họ không sợ chết. Với sự tự thiêu, một hình thức chết đau đớn nhất, người phật tử đón nhận trước cho mình tất cả những đau khổ và tra tấn mà quyền lực nhà nước có thể đem đến cho họ. Tất cả mọi quyền lực của nhà nước như thế đã chứng tỏ vô hiệu. Cái chết và tra tấn không đe dọa được người phật tử. Do đó các biện pháp đàn áp của cảnh sát không còn tác dụng nữa. Rồi đây các cuộc biểu tình và tự thiêu lại sẽ tiếp tục, điều này không những sẽ đánh động lương tâm của thế giới mà ngay cả đối với rất nhiều công chức và sĩ quan tại Sàigòn. Đường lối thực tế (Realpolitik) của GS Bửu Hội như vậy chỉ là một điều vô ý nghĩa. Một người phật tử nổi danh không nên đưa tên mình để che đậy một điều bất công, mà phải có bổn phận lên tiếng phản kháng, không những nhân danh tôn giáo của mình mà còn phải nhân danh toàn thể cả dân tộc, để chống lại một cuộc chiến vô ích mà ông Diệm đang đưa cả dân tộc đến bên bờ vực thẳm.

Tiếp theo là một lúc im lặng. Cuối cùng anh Trân đứng lên và nói rằng trong nhiều năm qua anh đã ngưỡng mộ GS Bửu Hội như là một vị thầy và một khoa học gia, nhưng nay anh thấy đã lầm. Với "đường lối thực tế" như vậy, thật ra GS Bửu Hội đã phản lại sự thật và ngay cả tinh thần khoa học. Các bạn tôi và tôi đã vội làm dịu lại những lời trực ngôn của anh Trân và anh Trân sau đó đã xin lỗi về những lời lẻ nóng giận như vậy. Tôi rất lấy làm ngạc nhiên vì chưa bao giờ tôi thấy một người trí thức Việt Nam công kích trực tiếp một đồng nghiệp trước mặt nhiều người khác như thế. Sau lời xin lỗi của anh Trân không khí cuộc hội thảo đã dịu lại. Ông Buttinger kể lại về những kinh nghiệm cá nhân đối với ông Diệm; ông ta bày tỏ nghi ngờ về tình hình ổn định của chế độ mà GS Bửu Hội đã đưa ra trước LHQ để biện minh cho sự chọn lựa của mình. Trước khi chấm dứt buổi gặp, thầy Nhất Hạnh có nói thêm vài lời để yêu cầu GS Bửu Hội hãy nói sự thật trước LHQ về biến cố ngày 8 tháng 5 và xác nhận tính cách độc lập chính trị của Phật tử. Anh Trân cũng khẩn khoản yêu cầu như vậy. Sau đêm hội thảo các người Việt đều rõ rằng GS Bửu Hội đã biết hết chi tiết sự thật và công nhận là đúng. Dư luận dân chúng Việt Nam và nhất là giới trí thức trẻ sẽ đánh giá con người ông ta có đủ can đảm dám nói lên sự thật hay không. Nếu bị chính phủ cấm đoán thì ông ta hãy từ chức và nhường lại công tác tuyên truyền đó cho một người bù nhìn nào khác. Trước khi từ giả, GS Bửu Hội có hứa sẽ "*không nói dối*": Điều này có nghĩa ít hơn những gì anh Trân và thầy

Nhất Hạnh yêu cầu, nhưng mà nhiều hơn những gì chúng tôi chờ đợi sau bài phát biểu của ông ta.

Nhưng ngày tiếp theo chúng tôi đọc một bản tin trên tờ *New York Times*, nói rằng ông Bửu Hội đã tuyên bố tại LHQ rằng TT Trí Quang là đặc viên của một tổ chức cọng sản trá hình và những người bị thảm sát đêm 8 tháng 5 là nạn nhân của "Việt cọng"; cũng như không hề có việc các Phật tử bị kỳ thị, ngược đãi. Những lời hứa hẹn đêm hôm trước của ông ta như thế chỉ là hảo huyền. Chúng tôi vô cùng phẫn nộ. Nhưng tôi cũng lấy làm thương hại cho ông ta…Vài tháng sau đó, trên đường trở lại Việt Nam sau khi chế độ ông Diệm bị lật đổ, tôi tình cờ gặp lại ông ta tại văn phòng hãng Air France tại công trường Invalides ở Paris, ông ta tha thiết yêu cầu tôi hãy nói cho bạn bè biết rằng ông ta không bao giờ phản bội tổ quốc và bao giờ cũng muốn làm điều tốt cho đất nước. Ông ta nhớ quê hương, gia đình và nhớ Huế (1).

Minh Nguyện

Tây Đức, tháng 5/2003.

Dịch để tưởng niệm 8 vị bị thảm sát tại đài phát thanh Huế đêm 8 tháng 5 năm 1963.

(1) Ghi chú của người dịch: Theo sự tiết lộ của TT Trí Quang, chính GS Bửu Hội lại là người đem các tài liệu đàn áp Phật giáo ra khỏi nước để giao lại cho Thầy Nhất Hạnh sử dụng khi phát biểu trước LHQ (Xem Tiểu truyện tự ghi, Thích Trí Quang). Điều này cũng được thầy Nhất Hạnh thừa nhận (Xem Vietnamese engaged Buddhism -The struggle movement of 1963-1966, Quán Như Phạm văn Minh, Văn Nghệ 2002, USA, trang 258). Xem trang nhà:

http://quangduc.com/Danhnhanvn/09triquang.html

TẠI SAO CÓ CUỘC TRANH ĐẤU CỦA PHẬT GIÁO?

Vũ Ngự Chiêu

Cuộc tranh đấu bi hùng của Phật Giáo năm 1963 là một biến cố làm rúng chuyển lương tâm nhân loại. Ngay đến Hồ Chí Minh, người từng lên án tôn giáo là thuốc phiện tinh thần, cũng từng lên án cuộc đàn áp Phật giáo của chế độ ông Diệm bằng lời buộc tội nặng nề: "*Tội ác dã man của chúng* [họ Ngô] *trời đất không dung tha*."

Thay vì nhìn nhận tội ác và lỗi lầm của chế độ Diệm-Nhu, một số người **tìm cách bẻ cong lịch sử, vu cáo cho cuộc tranh đấu của Phật giáo** đủ điều. Cho tới năm 1965-1966, giáo mục và giáo dân Ki-tô cuồng tín còn tung tin rằng Đại sứ Lodge mỗi đêm "*nhậu nhẹt*" với Thượng tọa Thích Trí Quang. Vài người từng hưởng ân sủng chế độ Diệm còn "*bí ẩn*" ra việc **Thượng tọa Quảng Đức bị chích thuốc trước khi tự thiêu**; hay đã tự thiêu vì lý do cá nhân hơn cúng dường đạo pháp. Những lời vu khống này, dĩ nhiên, chẳng thay đổi được sự thực lịch sử; nhưng trong gần 30 năm qua cứ vào dịp giỗ anh em ông Diệm-Nhu, được lập đi, lập lại nhiều lần, theo nguyên tắc của Paul Joseph Goebbels (1897-1945): *Nói dối mãi cũng có người tin*. Và, nếu không tin, thì dở trò côn đồ, báo chí hoặc bạo lực.

Cho tới đầu thế kỷ XXI—dù chính phủ Mỹ đã nhìn nhận chế độ Cộng Sản Việt Nam từ năm 1996, bình thường hóa thương mại năm 2001—**chưa ai tìm được tài liệu nào giúp khẳng định các lãnh tụ Phật giáo là cán bộ Cộng Sản, hay do Cộng Sản giật dây như họ Ngô và thuộc hạ vu cáo**. Chỉ thấy những cựu lãnh tụ Phật giáo tranh đấu gục chết trong ngục tù (Thích Thiện Minh), hay đang tiếp tục chống Cộng, ngay trong nội địa Việt Nam (Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận) hay hải ngoại (Hòa thượng Tâm Châu, Hộ Giác, v.. v...). Tương tự, vẫn chưa ai trưng được bằng cớ rằng năm 1963 Mỹ xúi dục lãnh tụ Phật giáo nổi lên chống chế độ Diệm. Chỉ là những lời cả vú lấp miệng em, bất kể lý lẽ, hoặc chỉ thứ lý lẽ *... dẻ rách sinh chuột con*.

Trong khi đó, rất nhiều bằng chứng khẳng định **ông Diệm muốn trở thành một thứ Constantine của Nam Việt Nam**; và nỗ lực này được nhiều nhân chứng, kể cả các nhà ngoại giao Tây

phương, ghi nhận. Việc ông Diệm **tiếp tục áp dụng Dụ số 10** của Bảo Đại (nhìn nhận Ki-tô giáo là tổ chức tôn giáo duy nhất hoạt động không phải xin phép chính phủ); hay **dành độc quyền Nha Tuyên úy trong quân đội cho Ki-tô giáo;** và **thành lập Đại học Ki-tô Đà Lạt** là ba bằng chứng rõ ràng nhất. Những lời Bảo Đại và Giám mục Lê Hữu Từ chỉ trích ông Diệm năm 1954-1955 cũng chứng minh rõ giấc mơ Constantine của anh em họ Ngô. Thêm một bằng chứng khác nữa là báo cáo ngày 10/3/1962 của Đại sứ Lalouette về những đặc quyền dành cho Ki-tô giáo.(Chính Đạo, V*iệt Nam Niên Biểu*, I-C: 1955-1963, tr. 248-9). Tổng Giám Mục Thục thì không những chỉ xen lấn vào thế quyền—như gửi gấm Phạm Ngọc Thảo cho ông Huỳnh Văn Lang, nắm **độc quyền đấu thầu việc phá rừng** để xây đại học Ki-tô giáo Đà Lạt—mà còn nuôi tham vọng trở thành Hồng Y Giáo chủ đầu tiên của VNCH. (Xem Chính Đạo, *Tôn Giáo & Chính Trị: Phật Giáo, 1963-1967* [Houston: Văn Hóa, 1994], chương I & Phụ Bản; Cao Văn Luận, *Bên dòng lịch sử* [Sài Gòn: 1974], tr. 328) Đó là chưa kể việc **ưu tiên cấp học bổng du học cho các giáo dân Ki-tô**, dưới sự điều động của Linh mục Luận. Và rồi, cuối cùng, cái "khẩu lệnh" quái ác **cấm treo cờ Phật giáo trong mùa Phật đản 1963**; lệnh "tái lập trật tự" ở Huế và Sài Gòn; lệnh **tấn công chùa chiền và bắt giữ hơn ngàn tăng ni** đêm 20 rạng 21/8/1963.

Ngày Thứ Sáu, 27/9, Richardson nói với McNamara rằng khủng hoảng Phật giáo kết tinh những bất bình ngủ yên bấy lâu. Việc **bắt giữ tập thể học sinh, sinh viên** (kể cả con em công chức, quân nhân) là điều xấu. Việc lùng bắt trong đêm khiến dân chúng ghét chế độ hơn.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần, muốn cứu đất nước cần **áp lực Diệm cải tổ, nhưng Nhu phải ra đi**. Nhu là người khởi xướng cuộc tấn đánh các chùa. Đừng đánh giá bằng quan sát phiến diện, dân chúng đang tức giận. Hồ Tấn Quyền cũng không thể thuyết phục được chính cha mình về giá trị của chính phủ. (*FRUS, 1961-1963*, IV:301-3)

Đáng buồn nhất là hiện tượng "*đười ươi cầm ống*" lịch sử. Không đọc sách lịch sử, không nghiên cứu tư liệu lịch sử, nhưng một số người vẫn **khua chuông gõ trống cho những lời cung văn** anh em, dòng họ nhà Ngô; và mạ lỵ Phật Giáo hay những người đã mang đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm.

[Source: *Diễn đàn Việt Nam* - Internet]

PHẬT ĐẢN 1964
TRONG KÝ ỨC NGƯỜI DÂN SÀI GÒN

Nguyên Ly

Sau Pháp nạn năm 1963, Phật đản 1964 đã đi vào lòng người với một không khí lễ hội hoành tráng. Ký ức về Đại lễ Phật đản 1964 như mãi vang vọng không chỉ những người con Phật mà cả trong lòng dân chúng Sài Gòn thời bấy giờ. Trong những ngày này, không khí lễ hội Phật đản như tràn ngập mọi nẻo đường góc phố, từ Khánh Hội, Vĩnh Hội qua ngã tư Bảy Hiền, từ Phú Lâm về tới Thị Nghè, toàn thể Sài Gòn như ngập tràn không khí lễ hội Phật đản, cờ phướn tung bay, đâu đâu cũng thấy lễ đài Phật đản, người dân Sài Gòn dường như bừng tỉnh dưới ánh đạo từ bi.

Trên nhiều phương diện, Đại lễ Phật đản 2508 có một màu sắc đặc biệt mà trước hay sau nó đều không thể tìm thấy. Nét nổi bật không phải chỉ riêng ở cảnh cờ bay rợp trời, đèn sáng ngời phố, hay ở lễ đài to, xe hoa nhiều mà còn ở cái nhẹ nhàng mà hàng triệu triệu tâm hồn cảm thấy, như người bán hàng rong trú được gánh nặng trên vai. Như một lẽ tất nhiên, sau những biến động lịch sử của mùa Pháp nạn 1963 và kết thúc là sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm, nhu cầu tổ chức một Đại lễ Phật đản quy mô, xứng tầm là một ước nguyện của nhiều Tăng Ni và đồng bào Phật tử.

Để thực hiện nguyện vọng đó, sau ngày khai mạc Đại hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại chùa Xá Lợi, Đại hội đã thống nhất tổ chức một Đại lễ Phật đản thật quy mô để cúng dàng Đức Từ Tôn sau những ngày Pháp nạn, đồng thời để kỷ niệm và tri ân các vị Thánh tử đạo. Từ đây, một Đại lễ Phật đản hoành tráng được lên kế hoạch do TT.Thích Thiện Minh làm Trưởng ban Tổ chức và TT.Thích Minh Châu làm Phó ban. Việc chuẩn bị cho Đại lễ Phật đản khởi động từ đầu tháng 4-1964 và được thông báo rộng rãi trên các báo đài tới toàn thể Phật tử và đồng bào các giới trong cả nước.

"Đại lễ Phật đản PL.2508 đã được tổ chức vô cùng long trọng trong khắp cả nước. Giữa Huế và Sài Gòn gần như có sự tranh đua hào hứng. Nếu nói về phạm vi rộng, Sài Gòn không bì nổi với Huế về

cảnh tưng bừng cờ đèn khắp nơi. Ai ai cũng công nhận rằng đây là lần đầu tiên mà sự tham gia kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh được đông gia đình và đông người tham gia nhất. Những nét độc đáo của cuộc lễ ở Sài Gòn là Phòng triển lãm văn nghệ Phật giáo (500.000 người đến tham quan), lễ đài rất mỹ thuật và vĩ đại ở bến Bạch Đằng với trụ cao gần 40 thước, toàn bằng sắt, trên có hình Phật sơ sinh và chót vót là đoá hoa Ưu đàm khổng lồ do đèn ống, đèn màu kết thành, 2 lần cộ xe hoa ban đêm thâu hút hàng triệu công chúng và cuộc lễ lộ thiên, sáng rằm tiếp theo có cuộc diễu hành của cả trăm ngàn Phật tử các giới các tuổi. Đặc biệt nhất có lẽ là cuộc biểu diễn xe hoa (trên 40 chiếc) màu sắc lộng lẫy, đèn đuốc sáng choang, hàm súc nhiều ý nghĩa". (Từ Quang, số ra tháng 5-1964).

Theo ký tức của những người đã từng tham dự Đại lễ Phật đản PL.2508 – DL.1964, tất cả đều khẳng định rằng: *"Đó là một Đại lễ Phật đản lớn nhất từ trước đến nay"*. Bởi lễ đài Phật đản năm 1964 được dựng trước đó cả tháng tại bến Bạch Đằng do Tăng Ni Phật tử cùng với sự hỗ trợ của quân nhân và máy móc. Theo các chứng nhân từng tham dự Đại lễ Phật đản này kể lại, một lễ đài Phật đản mang tính sáng tạo được kiến thiết công phu theo hình hoa sen. Bệ lễ đài là một toà sen toả cánh chiếm trọn một công viên, trụ là một đại kỳ Phật giáo cao chót vót, giống như trụ đá của vua Asoka đánh dấu nơi Đức Thế Tôn đản sinh tại thành Ca Tỳ La Vệ, trên cùng bừng nở một đoá hoa Ưu đàm kim loại lấp lánh trong nắng như ánh sao sa. Tượng Đản sinh cao 8m, nặng 3 tấn được tôn trí ngay trên trụ dưới đoá hoa Ưu đàm, ngự trị cả một khoảng trời Bạch Đằng. Sự hiện diện sừng sững của lễ đài Phật đản khiến cho những toà nhà chọc trời xung quanh bỗng nhỏ lại, thấp xuống. Ban đêm, lễ đài rực rỡ trong biển đèn, chiếu át ánh đèn trong những cửa hiệu buôn bán ở khu trung tâm.

Mặc dù theo thông báo, Đại lễ Phật đản diễn ra một tuần kể từ ngày mồng 8 đến ngày 15 tháng 4 âm lịch, nhưng không khí Phật đản đã tưng bừng nhộn nhịp ngay từ đầu tháng Tư âm lịch. Khắp nơi, từ đại lộ tới hang cùng ngõ hẻm, đâu đâu cũng tràn ngập không khí lễ hội Phật đản. Khi ấy, nhà nhà treo đèn Phật đản, người người kết hoa Phật đản, mỗi đầu phố, mỗi con hẻm đều được thiết bàn thờ hay cổng chào Phật đản, cờ bay rợp trời, đèn sáng ngợp phố.

Khai mạc Tuần lễ Phật đản 2508 là lễ khai kinh lúc 8 giờ sáng mồng 8 tháng 4 âm lịch tại chùa Ấn Quang. Hàng vạn Tăng Ni, Phật tử đã tham gia khoá lễ cầu quốc thái dân an và truy niệm toàn thể

Tăng Ni Phật tử đã hy sinh cho đạo pháp. Tiếp theo là buổi thuyết giảng nhân mùa Đại lễ, sau đó là lễ khai mạc Phòng triển lãm văn mỹ nghệ phẩm vào lúc 18 giờ 30 cùng ngày tai Viên đình Tao Đàn. Hơn 200 tác phẩm được tuyển chọn trong số 700 tác phẩm gửi tới gồm đủ các loại tranh sơn dầu, lụa, thuỷ mạc, tranh tàu, điêu khắc, kiến trúc, nhiếp ảnh và các mỹ nghệ phẩm kỷ niệm, nội dung phản ảnh cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ Pháp nạn. Đề tài tự thiêu và chân dung Bồ tát Quảng Đức được thể hiện trong suốt 100 tác phẩm đủ loại. Các tác phẩm được trưng bày có chữ ký của rất nhiều danh hoạ tên tuổi. Ngoài ra, thi sĩ Đông Hồ còn trưng bày một phòng thư pháp gồm những câu đối phảng phất đạo vị với những đường nét hào hoa, phóng khoáng. Phòng triển lãm mở cửa suốt tuần và mỗi ngày đón tiếp khoảng 3.000 khách tham quan triển lãm. Một kỷ lục triển lãm chưa từng thấy trên đất Sài thành.

Tại rạp Thống Nhất, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã thuyết trình về đề tài: "Phật giáo với văn nghệ Việt Nam và thế giới" vào lúc 10 giờ sáng mồng 9 tháng 4 âm lịch. Tại đây, thi sĩ Đông Hồ cũng đã thuyết trình về đề tài "Thiền vị, đạo vị, thi vị trong văn chương Việt Nam" và TT.Thích Minh Châu với đề tài "Giáo dục Phật giáo". Cả ba buổi thuyết trình đều đã thu hút rất đông giới trí thức và văn nghệ sĩ cũng như quần chúng Phật tử.

Đại lễ Phật đản 2508 không chỉ dành riêng cho các Phật tử, văn sĩ, trí thức mà còn là ngày đại lễ của những con người đau khổ, của các bệnh nhân, tù nhân, trẻ em cơ nhỡ và người già neo đơn. Trong tuần đại lễ này, Xã hội vụ đã phát động chương trình uỷ lạo phát quà cho các bệnh nhân trong các bệnh viện, tù nhân trong lao xá, người già trong viện dưỡng lão và cô nhi trong các nhà tình thương, v.v…

Ngày Phật đản còn là ngày của tuổi trẻ, ngày của thế hệ tương lai. Ngày 10 tháng 4, từ sáng tinh sương đã có hơn 10.000 thanh niên thuộc Tổng vụ Thanh niên gồm sinh viên, học sinh, thanh niên, Gia đình Phật tử, và hướng đạo Phật giáo đã có mặt tại sân vận động Hoa Lư. Dưới sự chủ toạ của TT.Thích Thiện Minh, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên kiêm Trưởng ban Tổ chức Đại lễ Phật đản 2508, buổi lễ Phật đã diễn ra trong không khí vô cùng trang nghiêm. Hàng vạn đôi mắt ngời sáng nhìn lên, hàng vạn bàn tay búp sen chắp lại. Tiếng niệm Phật dâng lên rạt rào như hải triều âm và ngân vang mãi mãi.

Đỉnh điểm của Đại lễ Phật đản là hai ngày 14 và 15 tháng 4 âm lịch. Tối 14, hàng chục vạn người tràn ngập khắp các ngả đường đón rước Lễ hội ánh sáng. Lễ hội rước ánh sáng với hàng chục xe hoa từ

các chùa và các Gia đình Phật tử lần lượt trẩy qua các con đường Trần Quốc Toản, Lê Văn Duyệt, Hồng Thập Tự, Hàm Nghi, Lê Lợi rồi tập kết tại lễ đài chính và sau đó toả ra diễu hành khắp các ngả đường để đón mừng Phật đản và tung rải niềm hân hoan khắp bốn phương. Bà con Phật tử suốt đêm không ngủ, rừng người đứng kín hai bên đường, tay cầm cờ vẫy chào mỗi khi đoàn xe hoa chạy ngang qua. Sau khi đã diễu hành khắp các ngả đường, con phố, xe hoa nào về chùa đó và tối hôm sau lại tiếp tục cuộc diễu hành.

Từ tinh mơ sáng rằm tháng Tư, bến Bạch Đằng từ trên cao nhìn xuống như một tấm thảm khổng lồ sặc sỡ màu sắc, màu của cờ, màu của hoa, màu của bong bóng, màu của các sắc áo vàng, lam, xanh đậm, xanh lợt… Trước Lễ đài là một rừng cờ và biểu ngữ ca ngợi ngày Khánh đản, ca ngợi Phật giáo, tri ân chư vị Thánh tử đạo, cảm tạ nhân dân thế giới. Bên trái lễ đài là ban hợp xướng và ban đại nhạc gồm hơn 200 nhạc công. Trước lễ đài, dọc theo bến Bạch Đằng là hàng hàng lớp lớp chư Tăng Ni một màu vàng rực rỡ và đoàn nhu đạo Phật tử Quang Trung gần 2.000 người trong võ phục thêu hoa sen. Bên phải lễ đài là đoàn phụ nữ Phật tử trong trang phục áo dài trắng tinh và đoàn thiếu nữ Phật tử trong bộ đồng phục màu lam thanh thoát.

Buổi lễ được cử hành vô cùng trang nghiêm và trọng thể dưới sự chứng minh tối cao của Đức Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất cùng với sự tham dự của quan chức chính quyền thời bấy giờ và hàng triệu Tăng Ni Phật tử, học sinh sinh viên Phật tử, quân nhân v.v… trong bầu không khí trang nghiêm, bầu trời như xanh hơn, cao hơn, mây như ngừng trôi, gió như ngừng thổi để cùng thể nhập trong giây phút chào Phật kỳ và truy niệm các Thánh tử đạo. Một sự im lặng làm rung chuyển trong sâu thẳm tâm hồn của những người đang hiện diện trong buổi lễ. Sau nghi thức Phật đản là lễ rước tượng Bồ tát Quảng Đức và các Thánh tử đạo. Đoàn rước đi qua các con đường Tự Do, Lê Lợi, Phạm Hồng Thái rồi tới ngã tư Lê Văn Duyệt – Phan Đình Phùng (nay là CMT8 – Nguyễn Đình Chiểu), nơi Hoà thượng Quảng Đức đã tự thiêu thân cúng dàng Chính pháp, để làm lễ truy niệm chư vị Thánh tử đạo.

Để có được một mùa Phật đản hoành tráng như thế, Phật giáo đã phải trải qua một cuộc tranh đấu xương máu mà rất nhiều Tăng Ni Phật tử đã phải thiêu thân để bảo vệ Chính pháp. Trong Thông điệp Phật đản 2508, Hoà thượng Thích Tịnh Khiết đã tuyên bố rằng: *"Tôi thành thật gợi lại hình ảnh hy sinh của các phật tử và sự tự thiêu của*

liệt vị Tăng Ni, đặt cao ngôi vị Bồ tát của các ngài trong tâm khảm Phật giáo đồ Việt Nam. Tôi tập hợp tất cả sự hy sinh và nỗ lực của Phật giáo đồ Việt Nam hiến dâng lên Đức Điều Ngự nhân ngày kỷ niệm Ngài lần thứ 2508 trở về với dân tộc Việt Nam đau khổ". (Theo tạp chí *Hải Triều Âm*, số 2, ra ngày thứ Năm, 30-4-1964).

Đại lễ Phật đản 2508-1964 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng và mở ra một trang sử mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Với tất cả tâm tư tình cảm của người con Phật hướng về Đại lễ, Phật Đản 2508-1964 đã khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống tinh thần của dân tộc, và một lần nữa khẳng định truyền thống gắn bó máu thịt của Phật giáo trong cuộc đồng hành cùng dân tộc.

Nguyên Ly
(Theo *Giác Ngộ số Phật đản PL2551*)

THĂM ĐÀI THÁNH TỬ ĐẠO BÊN BỜ SÔNG HƯƠNG

Lê Quang Thái

"Trước trí tuệ siêu việt thì ta cúi đầu bái phục
Trước lòng tốt cao thượng thì ta quỳ gối tôn thờ".

Đài truyền hình Việt Nam (kênh VTV1) phát sóng sau 12 giờ ngày thứ ba, 06/05/2008 đưa tin về những sinh hoạt Phật sự trang trọng và sinh động, chuẩn bị cho tuần lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc tại cố đô Huế thật phong phú và đa dạng, để lại nhiều ấn tượng sâu lắng trong lòng người xem.

Trong khoảnh khắc quý giá, những hình ảnh về cảnh quang mới và thông thoáng của đài kỷ niệm Thánh tử đạo ở bờ nam bên chân cầu Trường Tiền Huế được chiếu trên màn hình sắc nét, có tác động thấm sâu vào lòng người xem truyền hình. Thật là xúc động, biết bao nỗi lòng:

"Thương ai, thương hủy thương hoài
Thương thầm, thương kín, thương dài, thương dông"
(Ca dao Trăm Thương)



Cả một niềm thương chung nhân mùa sen nở giữa lòng phố thị náo nức đón mừng ngày đản sinh của Đức Thế Tôn. Thương nhiều, không có tâm phân biệt theo những định kiến. Có từ bi hỷ xả, thì mọi sự thông suốt, mọi việc đều thanh thoát, nhẹ nhàng. Và nói đến những kỷ niệm một thời thì lại gợi nhớ, gợi thương, xuất phát từ lòng tin yêu, độ lượng, hóa giải của giáo lý Từ bi, gắn kết hòa nhập chung cùng với những tinh anh của đạo lý truyền thống của một dân tộc có nền văn hiến lâu đời.

Nhớ chư anh linh những đến tám đoàn sinh Phật tử, còn phới xuân tuổi xuân, đã anh dũng hi sinh vì đạo cả nhiệm mầu, vì đại nghĩa dân tộc tại khuôn viên Đài Phát thanh Huế cũ thời Pháp nạn năm 1963, cách đây vừa tròn 45 năm.

Tám dòng máu thánh thiện đã làm rung chuyển cả hoàn vũ, thức tỉnh lương tri nhân loại khắp năm châu. Tác giả Minh Không, trong sách *Sáu tháng Pháp nạn* là vị thức giả, từng giữ trọng trách lớn nhất trong ngành ngoại giao thời bấy giờ, đã trích chọn thông tin quốc tế bằng cách trưng dẫn tờ *Le Croix*, cơ quan ngôn luận của Thiên chúa giáo, để cầu nguyện cho các anh linh tử vì đạo vào đêm mùng tám, rạng ngày mùng 9 tháng 5 năm 1963, tức đêm rằm tháng 4, PL. 2507 tại đài Phát thanh Huế cũ (nay là trung tâm điều hành Lễ hội Festival Huế), tọa lạc bên bờ sông Hương thơ mộng. Một ngày giỗ lớn chư anh linh Thánh Tử Đạo lại về giữa mùa sen nở khắp nơi nơi, kể cả giữa dòng sông Hương và trên đường phố tấp nập đủ sắc màu từ muôn nơi đổ về.

Thương mãi, thương hoài chư anh linh Thánh tử đạo cho đến tận ngàn sau. Toát lên từ lời trích "*Văn tế chư anh linh tử vì đạo*" kể từ Lễ Phật đản PL. 2507 (8.5.1963) tại lễ cầu siêu vào lúc 9 giờ sáng ngày 28.4 âm lịch tại chùa Từ Đàm, gợi lên tình yêu quê hương, dân tộc:

"Phận dưới liên đài,
Tình trong đạo niệm"

Và một cảm xúc đầy đạo tình:

"Là Phật tử hết lòng hộ pháp, dẫu trăm cay ngàn đắng vẫn không từ;

Phận làm con vì đạo bỏ mình, càng áp bức lại càng thêm dũng khí".

Lịch sử đông tây xưa nay đã chỉ ra rằng, lập Thánh đài để tưởng nhớ, để kỷ niệm, để ai ai tham quan đền đài tự soi lại chính mình, xem mình đã làm gì để biết hổ thẹn và sám hối, tri ân.

Năm nay, Ban Tổ chức Đại lễ Phật đản PL. 2552 tại Thừa Thiên Huế đã cho dựng Phật đài trang trọng ở công viên Thương Bạc, nằm đối chân với đài Thánh Tử đạo, có ý nghĩa rất cao. Vì đó là ý nghĩa biểu trưng cho con đường giải thoát, lấy phương châm "duy tuệ thị nghiệp" làm ánh sáng soi đường: chúng sinh là Phật sẽ thành như lời Thế Tôn đã dạy.

Có trí tuệ, giàu tình thương thì mới giác ngộ. Quay đầu là bến. Người giác ngộ nhận chân được rằng "*vọng động tức là sinh tử*", đó là một thứ sinh tử siêu thế gian – sinh tử của các thánh giả. Chỉ có những bậc uy dũng, bậc đại trí, đại chí, đại hạnh, như những con chim đại bàng mới vỗ cánh, vươn mình đến tuyệt đỉnh của vô cùng mà thôi.

Nhân Đài truyền hình Việt Nam đưa tin về Đài Thánh tử đạo, nhân tuần lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc, PL. 2552-2008, mà lòng tôi thầm ước nguyện chư Thánh tử đạo thị hiện về giữa đêm rằm vằng vặc trăng sao, hòa cùng hương thơm của đất trời, đón mừng ngày Đản sinh của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni:

"Ta từ sinh tử về chơi
Ngồi trên chóp đỉnh mỉm cười với trăng"
(Huyền Không)

Huế, mùa sen nở PL. 2552

Source:
http://www.phattuvietnam.net/index.php?nv=News&at=article&sid=3414

VIẾT VỀ CỐ HÒA THƯỢNG MÃN GIÁC VÀ ANH HOÀNG VĂN GIÀU

Cao Hữu Điền

Kính Thưa Qúy Phật tử,
Các bạn thân mến,

Chiều nay, thứ bảy , việc làm tự nhiên bớt đi nhiều! Ngồi trong phòng làm việc mà đầu óc cứ vổ cánh bay, bay về những kỷ niệm tươi đẹp của ngày xưa. Lướt trên những trang tin điện tử, đọc lại những câu nói của qúy Thượng tọa, qúy Thầy, qúy bằng hữu, qúy Anh Chị qua lễ hỏa táng của vị Thầy kính yêu, Hòa Thượng Thích Mãn Giác được đăng tải trên www.giaodiemonline.com lòng tôi lại mang mang thương nhớ những kỷ niệm tươi đẹp dù ít ỏi mà tôi và các bạn đạo của tôi có được với Thầy! Trong số các bạn đạo của tôi thời bấy giờ có mặt Tôn Thất Mạnh Lương, Anh Vĩnh Tùng ; Về sau có mặt Lê Duy Đoàn, Thái Nguyên Hạnh, Nguyễn Phi Tấn là những người hoặc là đồng môn hoặc là cùng có cơ may cùng gặp Thầy với nhau.

Lần đầu tiên, tôi được hội ngộ với Thầy là năm 1965, tôi mới 18 tuổi, ghi danh lớp Dự Bị Văn Khoa, Đại Học Huế. Thầy ở Nhật mới về (?) dạy chúng tôi môn Văn học. Chỉ qua vài tiết học là tôi nói với bạn thân của tôi: Thầy Mãn Giác có một nụ cười của Đức Phật, một giọng nói của một Thiền Sư (mặc dù bấy giờ tôi chưa từng diện kiến thiền sư nào cả , có thể đó là thiền sư trong tâm tưởng của tôi). Hôm đó là bạn Phạm văn Rơ, cùng học song song APM với tôi , Hồ Đắc Duy và Võ văn Cần . Tôi tìm thấy trong hình ảnh của Thầy Mãn Giác một Tổng hòa của một Nhà Sư, một Nhà Thơ và một Người mang Hạnh Dấn Thân vào cuộc đời . Về sau tôi mới thấy rằng Thầy Mãn Giác đã khởi hành cho một cuộc Dấn Thân vào Sự Nghiệp Văn Hóa Đạo Phật để cứu độ cho Đời! Thầy có mở lớp dạy Nhật Ngữ dĩ nhiên miễn phí, thời bấy giờ nước Nhật chưa mời gọi ai được. Chúng sinh bu đi học tiếng Anh. Thế mà chúng tôi, các phật tử đều có đi học

với Thầy. Riêng tôi và Phạm văn Rơ vì bận bịu chương trình APM nên phải xin thôi sau một tháng rưỡi .

Năm 1966, thế cuộc xoay vần, cơn lốc chiến tranh, bạo lực cuốn vào các thành phố. Phong trào tranh đấu Phật Giáo bột phát, dù dưới hình thức nào đi nữa thì cũng muốn diễn đạt ý nguyện của mọi người, đó là PHỦ ĐỊNH CHIẾN TRANH. Phe phái nào đi nữa, hễ ai có đôi chút công tâm đều thấy rõ cuộc chiến tranh kéo dài này đã mất hết tính người với biết bao phương tiện hiện đại làm hao phí mất sức mất của , tàn phá môi trường, tàn phá mọi thiết chế tâm linh của con người ở khắp mọi đất nước không chỉ ở Mỹ và Việt Nam, biến con người thành những cỗ máy thác loạn tàn bạo dã man còn hơn bất kỳ một con thú dữ nào, không thể nhân danh bất kỳ một chiêu bài nào cho những tội ác diệt chủng như thế. Những phong trào Phật Giáo được phát động, bằng những Phật tử và những tăng sĩ Phật Giáo là muốn vạch rõ khuôn mặt tàn bạo và phi lý của chiến tranh với những hy sinh tự nguyện, và biết bao nhiêu là mất mát mà chúng ta có bao giờ đòi phải bồi thường đâu, và đòi ai đây và cho ai đây!

Sau phong trào tranh đấu 1966, tôi không nhớ là còn gặp được Thầy nhiều lần không, nhưng có một lần có gặp Thầy với Tôn Thất Mạnh Lương chỉ để nghe Thầy đọc THƠ của hai triều đại Mãn Giác. Mãi cho đến khi anh Bửu Tôn gặp chúng tôi đề nghị thành lập lại Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế, cuối năm 68 , nếu tôi nhớ không lầm . Chúng tôi đã thành lập lại Đoàn nhờ công lao đi kết hợp lại của Thái Nguyên Hạnh . Trong một cuộc hội họp ở trụ sở trong khuôn viên chùa Diệu Đế với khoản 50 svpt cũ và 20 svpt mới mọi người bầu ban chấp hành. Bác sĩ Trừng là Chủ Tịch , Lê Duy Đoàn và Cao Hữu Điền là hai phó chủ tịch cho có vẻ quan trọng, chịu đấm ăn xôi, Thái Nguyên Hạnh, Một Chỗ Chung làm Tổng Thư Ký, Nguyễn Phi Tấn làm Trưởng Ban catechisme, Phan Hữu Lượng làm trưởng ban Văn Nghệ. Thời đó Trịnh Công Sơn viết rất nhiều về khát vọng hòa bình của dân tộc , những bài đó thường được hát lần đầu tiên là với chúng tôi, vào thời đó anh Ngô Kha và anh Bửu Tôn là hai người cố vấn cho chúng tôi. Như bài *Khi Đất Nước Tôi Thanh Bình, Tôi sẽ đi thăm*, mà anh Quán Như Phạm văn Minh nhắc đến trong đêm nhạc Thái Hòa - Trịnh Công Sơn vừa qua ở SYDNEY . Tôi cũng như anh rất thấm thía bài này. Trong đó câu cuối (?) tôi thích nhất: *Khi đất nước tôi thanh bình tôi sẽ đi không ngừng…. Sài Gòn ra Trung, Hà Nội vô Nam, Tôi đi xây cuộc mừng... Và mong sẽ quên Chuyện Đất Nước Mình!*

Tôi xin trở lại với Lớp dự bị văn khoa 1965, để nhắc đến một người Anh , Người Thầy nữa của chúng tôi, đó là Thầy, Anh Hoàng văn Giàu. Trước đó tôi biết Thầy, mà Thầy không biết tôi, tôi là một học sinh Phật tử mờ nhạt và thiếu chuyên cần của Ông Anh Tôn thất Mạnh Lương, ít ăn, nên chỉ nặng 42 kilô là khi phong độ nhứt. Ít nói nên không ai biết là lúc thi đậu càng cua vào trường Nguyễn Tri Phương, học một lớp với bạn thân muôn thời Nguyễn Tường Bách. Chủ Nhật nào tôi cũng đi bộ hoặc đôi khi có chú Cao Hữu Hỷ của tôi chở xe đạp lên Trà Am xem người ta tập võ Thiếu Lâm và thinh thoảng được Thầy Mật Hiển khai tâm. Cũng là một duyên lành, vì sau một lần lên ăn kỵ với Ông Chú tôi, không hiểu vì sao tôi mê mẫn cảnh trí một ngôi chùa , rất là đìu hiu mà rất là an tịnh. Những khóm trúc xanh tươi bên bờ con suối, róc rách một bài ca thanh khiết . Những cảnh trí như thế làm cho những tâm hồn mộc mạc như của Nguyễn Tường Bách và của tôi thấy bình an, bớt đi nhiều nỗi sợ hãi vô minh của cuộc hiện hữu. Khi đọc bài *Nhớ Chùa* của Thầy Mãn Giác hoặc hát lên bài *Từ Đàm Quê Hương Tôi* của Nguyên Thông (tức là Thầy Thông Đạt – Văn Giảng) là tôi bỗng thấy tinh tấn, hùng mạnh, từ trên mây bỗng len lén ban xuống những niềm vui bình yên cho kiếp thế nhân.

Vâng, có lẽ Anh Hoàng văn Giàu cũng như tôi, làm sao mà nhà giáo lại nhớ hết học trò của mình được, có chăng là vài cô hiền lành và vài cậu thông minh. Nhưng học trò lại rất nhớ đến Thầy, nhất là những người Thầy, gặp một lần đầu là đã gây ấn tượng như Thầy Hoàng văn Giàu. Thời bấy giờ Thầy dạy môn Triết học Đại cương cũng như Thầy Lâm Ngọc Huỳnh . Học với Thầy Hùynh là ngồi nghe và ghi cua. Còn một buổi học với anh Giàu là một cuộc thảo luận, hỏi và đáp với giọng nói lanh lảnh sắc bén, không thiếu không thừa, những chuyên đề thì cân bằng , kinh viện có và giải trình qua thực tiễn cuộc sống hiện đại cũng rất nhiều! Nhưng tôi yêu mến nhứt là khi đứng trên hành lang Morin, vào giờ giải lao, đó là những giây phút của trái tim người Phật tử với người Phật tử. Thời đó lính Mỹ vừa đổ bộ bằng tàu biển vào Nam Ô, Đà Nẵng. Tôi lo âu hỏi rằng, sự kiện đó sẽ đưa đến đâu. Anh điềm tỉnh bảo: Chiến tranh sẽ khốc liệt hơn và mỗi một chúng ta thế nào cũng sẽ bị cuốn vào vòng xoáy đó không cưỡng lại được. Chúng ta có thể làm gì trên cương vị người Phật tử? Chúng ta không có chỗ nào để núp và chờ , chúng ta chỉ có thể bơi vào vòng xoáy đó, và tùy theo cơ duyên mà làm được điều gì thì làm. Hãy luôn luôn hành trì tinh tấn, kiên trì giữ cho bằng được cái tâm

của người Phật Tử. Từ đó, tôi rất thường nhớ đến câu nói của Thầy Hoàng văn Giàu.

Xin kính trở về với kỷ niệm cùng Thầy Mãn Giác! Năm 1970, tôi dạy học ở trường Nguyễn Hoàng Quảng Trị. Đang dạy trên lớp thì Thái Nguyên Hạnh đi xe Hôn Đa từ Huế ra, vào trường bảo: Thu xếp về lấy áo quần rồi mình chở vô Huế , Thầy Thiện Minh bảo chở Ông vô thông dịch cho phái đoàn Nhật Bản. Thế là tôi chạy về nhà Thầy hiệu trưởng Thái Mộng Hùng xin phép và chạy đến xin anh Nguyễn Thiện dạy thế cho một tuần. Vào Huế thì cũng chỉ đi ăn cơm chay vì có Thầy Mãn Giác dịch tiếng Nhật rồi. Sau đó Thầy Thiện Minh bảo Thái Nguyên Hạnh, Lê Duy Đoàn và tôi đi họp Đại hội Sinh viên Phật tử ở Đà Lạt. Tôi về làng Thầy Thiện Minh, Bích Khê, dự trai đàn chẩn tế với anh Tôn Thất Hoán và anh Tư Đồ Minh (đang chiến dịch tranh cử dân chủ tự do!). Xong Thầy Thái Mộng Hùng cho tôi vào Huế đi dự Đại hội ở Đà Lạt , và anh Đỗ Trinh Huệ dạy thế cho! Lần này gặp lại được Thầy Mãn Giác. Noel 1970, họp mười ngày, tôi không muốn về miền Trung, gặp anh Trần Xuân Kiêm đang làm ở trường Bồ Đề, tôi thấy tôi cũng có thể núp và chờ như anh Kiêm, xin dạy và cạo đầu xuất gia chẳng hạn. Ở lại mười lăm ngày sau đại hội với chú Minh An, và chú Nguyễn Thanh Phương, người làm thơ tình thanh khiết dưới bóng cây Từ Đàm. Đi rong chơi chờ ngày Thầy Từ Mãn đồng ý cho đi tu .

Thời đó thật hoang tưởng và thơ mộng. Sáng đi uống café Hòa Bình, Domino, trưa nhịn đói lên đồi với Trần Nhơn, Huy Lùn, Đương Điên, Phương Điên (Sau 75 về Huế thành Phương Xích Lô). Ôi những chàng Anh Hùng trốn lính của một thời hoang dại! Lên đồi nhìn xuống cổng vào hãng rượu Lafaro , trông chờ hai nàng kiều nữ Thục Hạnh, Thục Hiền ra vô. Trong bụng không có một hạt gạo. Tối về, có khi ghé nhà Phương Lê Uyên, khi đó vừa mới nổi tiếng, hoặc về chùa chia nhau mấy tô cơm mà nhà thơ tốt bụng Chú Phương thân tặng! Chú Phương Sông Hương còn nhớ hay là đã quên! Một hôm, hai người khách lạ lên chùa vào buổi tinh sương. Tôi đang ngồi trên tầng cấp , thấy họ vào chùa gặp Thầy Từ Mãn. Chốc sau họ đi ra gặp tôi, tưởng ai té ra anh Tư Đồ Minh. Khi đó Đà Lạt - Huế có chuyến bay, nên chi anh Minh bảo thôi về Quảng Trị, đi dạy lại đi, học sinh nó chờ tội, mà chú Cao Hữu Đồng không cho Điền đi tu mô. Một lần nữa, tôi giã từ giấc mơ hoang dại lẵng lơ, nhận vé máy bay đi với anh Tư Đồ Minh về chốn phố phường!

Về sau, tôi đi tu nghiệp ở Sài Gòn và hay ghé thăm, thưởng

thức phong dáng của Thiền Sư Thích Mãn Giác. Xin Cám Ơn Đời cho những Hạnh Ngộ!

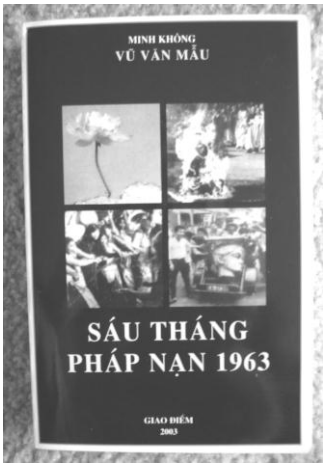
…

Thân mến,
Caohuudien
(28-10-2006)

GIỚI THIỆU SÁCH: "*SÁU THÁNG PHÁP NẠN 1963*" CỦA MINH KHÔNG VŨ VĂN MẪU

Minh Nguyện

Đây là hồi ký của Cố Giáo sư Vũ văn Mẫu về những diễn biến tại miền Nam Việt Nam từ vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế (8/5/1963) đến ngày đảo chánh 1/11/1963 lật đổ chế độ Ngô đình Diệm. Ông sinh năm 1914 tại Hà Đông, Bắc Việt Nam, tốt nghiệp Thạc sĩ Luật khoa Đại học Paris, Pháp. Về nước ông làm giáo sư tại Đại học Luật khoa Sàigòn và giữ chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao VNCH từ năm 1955 đến 1963. Sau đó ông là Đại sứ tại Anh, Bỉ và Hòa Lan từ 1964 đến 1972, trước khi đắc cử vào Thượng nghị viện Sàigòn, liên danh Hoa Sen. Hồi ký được in Ronéo trong nước vào năm 1984, Giao Điểm in lại năm 2003 tại Hoa kỳ,- PO BOX 2188, Garden Grove, CA 92842,- sách dày 505 trang.



Giáo sư Vũ văn Mẫu đã gây tiếng vang lớn trong và ngoài nước khi cạo trọc đầu và đệ đơn từ chức Bộ trưởng ngoại giao để phản đối hành động tấn công các chùa đêm 20/8/63 và xin đi hành hương Phật tích tại Ấn độ.

Trong lời nói đầu , tác giả viết: "*Mặc dù báo chí ngoại quốc và quốc nội đã đề cập sâu rộng đến những vấn đề xoanh quanh 6 tháng Pháp nạn, nhưng có thể nói rằng một tấm màn bí mật vẫn còn bao phủ nhiều biến cố quan trọng và bao nhiêu thắc mắc cùng hoài nghi vẫn còn đè trĩu trên dòng lịch sử…Dân tộc ta đã trãi qua một cơn ác mộng hãi hùng. Chúng ta bị dồn đến bước hiểm nghèo mà may thay đã tránh được không sa vào vực thẳm của sự chia rẽ tôn giáo. Sau phút hiểm họa, toàn dân vẫn đoàn kết, triệu*

người như một, không phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng. Đó là một điều vinh hạnh cao quý cho nền văn minh dân tộc đã tiếp nối truyền thống tự ngàn xưa tôn trọng quyền căn bản của con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng. Ghi chép lại các biến cố trong Pháp nạn năm 1963, tác giả không ngoài ý nghĩ nêu lên một vết xe đổ, để bước đường nguy hiểm không còn ai dẫm phải trong tương lai".

Trong chương 1, tác giả đề cập đến chính sách thiên vị Thiên chúa giáo của chế độ Ngô đình Diệm trên phương diện pháp lý và tinh thần (dụ số 10, Hiến pháp 1956) cũng như trong các lãnh vực hành chánh, xã hội và kinh tế (chương trình di cư và định cư, chương trình Dinh diền và Khu trù mật, quốc sách Ấp chiến lược).

Trong chương 2, tác giả đã đưa ra những tài liệu khác nhau về vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế và thảm sát tại đài Phát thanh Huế đêm 8/5/63, về quan điểm của Tổng Giáo hội Phật giáo Việt Nam được trình bày trong Tâm thư ngày 9/5/63, bản Tuyên ngôn ngày 10/5/63 và các bản Phụ đính; Quan điểm của chính quyền được phản ảnh trong hai tài liệu đề ngày 9/5/63 trong Thông cáo của Tòa Hành chánh tỉnh Thừa Thiên và bản phúc trình của ông Ngô Ganh, quản đốc đài Phát thanh Huế. Sau khi phân tích các lời tường thuật của các nhân chứng như Tổng giám mục Ngô đình Thục, bác sĩ Erich Wulff, Linh mục Cao văn Luận (Viện trưởng viện Đại học Huế), ông Nguyễn khắc Từ, một huynh trưởng Gia đình Phật tử, tác giả đã nêu ra câu hỏi: Đâu là sự thực? Thực sự ai là người có trách nhiệm chính trong việc gây ra vụ thảm sát. Tác giả đã đưa ra chứng từ của ông Trần hữu Thế (nguyên Bộ trưởng Giáo dục) về trách nhiệm của TGM Thục như sau:

"*Chính tối hôm Phật đản cũng đã có một bữa tiệc tại nhà Ngô đình Cẩn với sự hiện diện của TGM Thục, một số bộ trưởng và nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Đang giữa bữa ăn thì Tỉnh trưởng Nguyễn văn Đẳng và Phó Tỉnh trưởng Đặng Sĩ hốt hoảng xin vào trình bày tình hình rất căng thẳng vì mấy ngàn Phật tử đang tụ họp trước Đài Phát thanh. Vì phụ trách các vấn đề an ninh, Thiếu tá Đặng Sĩ xin chỉ thị để đối phó.*

Ngô đình Cẩn ngồi yên không nói gì, hay không muốn nói có lẻ vì đã đoán trước được ý kiến của ông anh Ngô đình Thục thế nào cũng chống đối thái độ hòa hoãn của ông ta trong vụ này. Sau báo cáo của Đặng Sĩ, TGM Ngô đình Thục đang ăn bỗng ngưng lại, giơ tay ra hiệu cho Thiếu tá Đặng Sĩ "Dẹp…!". Tỉnh trưởng và Phó Tỉnh trưởng lãnh chỉ thị lui ra. Sau đó thì các sự việc xảy ra như bác sĩ

Erich Wulff đã tường thuật rõ ràng các điều mắt thấy tai nghe tại chỗ" (tr.215-216).

Trong chương 3, tác giả đề cập đến cuộc tranh đấu của Phật giáo và sự thành lập Ủy ban Liên phái, ngọn lửa Bồ tát Thích Quảng Đức và việc ký Thông cáo chung ngày 16/6/63. Về việc này, tác giả cho biết (trang 278-279): "*1 giờ 30 sáng ngày 16/6/63, sau khi bản Thông cáo chung được ký kết, vì đã lấy chữ ký của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Phó Tổng thống Nguyễn ngọc Thơ đem ngay vào dinh Gia Long để lấy chữ ký của Tổng thống Ngô đình Diệm thì một khó khăn bất ngờ khiến ông Nguyễn ngọc Thơ phải thất vọng. Đọc đi đọc lại bản Thông cáo mà chính ông trước đây đã chấp thuận từng điểm trong mỗi giai đoạn thương thuyết, ông Diệm, chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra trong thâm tâm, bỗng không chịu ký nữa. Đến 5 giờ sáng, ông Diệm nói với ông Nguyễn ngọc Thơ cứ để hồ sơ lại rồi về nhà nghỉ*.

Sau khi ông Thơ ra về, trong dinh Gia Long đã có một 'Hội đồng gia đình' bàn về vấn đề này gồm có ông Diệm và hai vợ chồng ông Nhu. Cuối cùng, sau khi cả gia đình suy tính kỹ, bà Nhu đã khuyên ông Tổng thống: "*Không ký ngang hàng với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết mà ký ngay ở trên góc trái, ngay trang đầu của bản Thông cáo chung và thêm vào một câu trên chữ ký: "Những điều được ghi trong Thông cáo chung này thì đã được tôi chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu". Ông Diệm đã nghe theo lời khuyên này và ký ở trang đầu của bản Thông cáo với câu ghi trên.*

Tại sao bà Ngô đình Nhu lại có quyết định như vậy? Theo ý kiến của bà Nhu, ký ở trên đầu trang là tỏ rằng Tổng thống Diệm ở trên hết. Còn câu ghi trên đây có hai ý nghĩa: theo nghĩa đen, câu đó tỏ rằng các nguyện vọng của Phật giáo không có chủ đích, vì đều đã được Tổng thống chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu; nhưng theo nghĩa bóng, thì bản Thông cáo chung sẽ không được thực thi vì Tổng thống chỉ chấp nhận nguyên tắc mà thôi. Hậu ý phá hoại việc thi hành bản Thông cáo chung ngày 16/6/63 đã nẩy ra trong thâm tâm vợ chồng Ngô đình Nhu ngay từ lúc chữ ký của Tổng thống Diệm trên bản Thông cáo chung còn chưa ráo mực".

Trong chương 4, tác giả đề cập những diễn biến từ lúc bản Thông cáo chung được công bố cho đến vụ tấn công các chùa đêm 20/8/63 và các hậu quả sau đó. Tác giả cho biết trong Tiết 1, dưới sự điều động của vợ chồng Ngô đình Nhu, nhà cầm quyền đã tổ chức một Tổng hội Phật giáo Cổ sơn môn để chống lại phong trào đấu

tranh của Phật tử, dùng đoàn thể Thương phế binh giả và Thanh niên Cọng hòa để yêu cầu duyệt lại bản Thông cáo chung cũng như kế hoạch tiêu diệt Phật giáo đến tận gốc của Ngô đình Nhu (Kế hoạch Nước Lũ, Kế hoạch đảo chánh giả). Trong Tiết 2, tác giả ghi lại hai giai đoạn sôi nổi nhất vào dịp kỷ niệm một tháng ngày Ký Thông cáo chung và Lễ Chung thất (49 ngày) của HT Thích Quảng Đức. Trong tiết 3, tác giả nhắc lại các biến cố tại Huế sau cuộc tự thiêu của TT Thích Tiêu Diêu, việc các Giáo sư Đại học Huế từ chức để phản đối LM Cao văn Luận bị cách chức Viện trưởng.

Thuật lại buổi bàn giao chức vụ cho tân Viện trưởng là ông Trần hữu Thế, tác giả cho biết (trang 386-387): "*Linh mục Cao văn Luận nói: 'Lúc này, muốn làm văn hóa đắc lực, người lãnh đạo Viện Đại học phải là người có cái THẾ chính trị. Về phương diện này, thiết tưởng không ai hơn ông tân Viện trưởng Trần hữu Thế, là người như tên đã định, có thế hơn ai hết, vừa có thế của Tổng thống tức là thế của chính phủ, vừa có thế của Tổng Giám mục Huế tức là thế của mấy trăm ngàn giáo dân, Viện Đại học Huế nhờ vậy sẽ có một tương lai vô cùng tốt đẹp!'. Ông Thế mặt tái xanh, nhưng cũng gượng đứng dậy đáp từ cho biết đã cố gắng xây dựng ngay từ khi còn làm Bộ trưởng Giáo dục (trước ông Nguyễn quang Trình)…*

Sau buổi lễ bàn giao, ông Trần hữu Thế đã thấy bị đặt vào một tình thế vô cùng khó khăn. Ông đã nhờ người đưa đi thăm chùa Từ Đàm và đã được chứng kiến tinh thần tranh đấu của Phật tử rất cao, ông càng hoảng sợ. Ngày 19/8, khi ông Trần hữu Thế đến Viện Đại học, tất cả sinh viên đã tề tựu, đứng chờ đợi im lặng trong sân. Bác sĩ Lê khắc Quyến, đại diện giáo sư Đại học, vào phòng Viện trưởng đưa cho ông Thế đơn từ chức của các giáo sư Đại học. Sau đó, một đại diện sinh viên trình ông Thế một bức Tâm thư yêu cầu ông Thế từ chối chức vụ Tân Viện trưởng Viện Đại học Huế. Ông Thế đáp: "Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyển lên cấp trên". Sau đó, quá hoảng sợ, ông Thế đã muốn rút lui bằng ngõ sau. Nhưng ông Âu ngọc Hồ, Tổng thư ký Viện khuyên ông nên đi ngõ trước để giữ thể diện Viện trưởng. Ông đành nghe theo và sinh viên đã rẽ ra để dành đường cho ông rời khỏi Viện. Sau đó, ông Trần hữu Thế hiểu rõ không thể nào tuân theo lệnh ông Ngô đình Thục để giữ chức Viện Trưởng tại Huế, đã lẻn về Sài gòn và đến cầu cứu tôi xin chiếu khán xuất ngoại để trở về ngay Manille, không dám lại cáo biệt cả Tổng thống Ngô đình Diệm".

Sau khi đề cập vụ tấn công chùa Xá lợi và các chùa khác trong

đêm 20/8/63, tác giả đã thuật lại phiên họp Nội các lúc 5 giờ rưỡi sáng ngày 21/8/63 và quyết định từ chức như sau: "*Đúng 11 giờ sáng ngày 22/8/63, tại Dinh Gia Long đã diễn ra lễ trình Ủy nhiệm thư của Đại sứ Anh. Tôi đứng cạnh Tổng thống Diệm trong buổi lễ một cách điềm nhiên, không một ai có thể đoán được sau buổi lễ này, trưa hôm ấy, tôi sẽ cạo đầu và từ chức vào buổi chiều. Tôi đã nhận thấy cần phải từ chức vào ngay chiều ngày 22/8/63, trước khi tân Đại sứ Hoa kỳ Cabot Lodge tới, anh em ông Diệm sẽ xuyên tạc sự thật và tuyên truyền rằng tôi chỉ là một con bài của Mỹ và sự từ chức của tôi là do Mỹ xúi, có tính cách hoàn toàn chính trị chứ không phải vì vấn đề bảo về Đạo pháp.*"

Tác giả cho biết (trang 408-409): "*Từ chức là một quyết định đã đến với tôi từ sáng ngày 21/8, sau buổi họp Hội đồng nội các. Nhưng tôi đã suy nghĩ về một vấn đề tế nhị: cần từ chức dưới một hình thức nào để vượt các khó khăn về sau.*

a. Tổng thống Diệm có rất nhiều cảm tình đối với tôi, là nhân viên cũ duy nhất còn lại trong Chính phủ sau bao nhiêu lần thay đổi Nội các trong chín năm vừa qua. Trong cơn khủng khoảng chính trị đang diễn ra vào tháng 8 này, chắc chắn Tổng thống Diệm càng kiếm cách giữ tôi lại để vượt qua những phút khó khăn do vụ tấn công chùa chiền gây ra.

b. Cần phải tìm một hình thức từ chức thế nào để có thể nói rõ lên được mục đích là để bảo vệ Phật Pháp và phản đối chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo. Cần cho dư luận trong nước và dư luận quốc tế không bị Chính phủ Ngô đình Diệm lừa dối bằng cách xuyên tạc mục đích của sự từ chức với các mánh khóe gian xảo trăm khôn nghìn khéo!

May thay, ngọn lửa thiêng của Đạo Pháp soi sáng tâm trí của tôi trong giờ phút nghiêm trọng và gấp rút này, để nhìn thấy ngay hình thức từ chức tốt nhất: Chỉ có cách cạo đầu từ chức, đi hành hương tại Ấn độ để nguyện cầu cho Đạo Pháp, cho tự do tín ngưỡng và dân tộc đoàn kết.

Ba giờ rưỡi chiều, tôi đến tiệm hớt tóc để cạo đầu. Sau khi ở tiệm hớt tóc về Bộ, tôi đã thảo đơn từ chức gửi đến Tổng thống Ngô đình Diệm."

Sau khi tiếp các Đại sứ các nước Phật giáo châu Á, tác giả đã họp toàn thể nhân viên trong Bộ Ngoại giao cũng để giải thích về ý nghĩa quyết định từ chức. Tin tác giả cạo đầu từ chức đã bay khắp Sàigòn như làn gió mạnh. Nguyên cả tối 22/8, nhiều nhân viên cao

cấp của chính quyền và ngay chính ông Ngô đình Diệm đã điện thoại để cố thuyết phục tác giả không từ chức hay ít nhất hoãn vài tháng. Sáng thứ bảy ngày 24/8, sinh viên hội họp tại trường Luật để tiếp đón tác giả. Vào lúc 9 giờ, GS Vũ văn Mẫu vừa bước xuống xe hơi là được sinh viên công kênh lên vai. Trong sân trường Đại học, sinh viên ngồi xúm xít dưới đất để nghe Ông nói: "*Tôi đến đây với các anh em không nhân danh là Bộ trưởng Ngoại giao vì chức vụ đó tôi đã chấm dứt bằng cái cạo trọc đầu của tôi rồi. Tôi đến đây nhân danh là một người bạn để cùng với các anh em khơi nguồn lửa thiêng chiến đấu, bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất của con người...*" Ngay trưa hôm đó, tác giả đã bị giam lỏng tại nhà và ông Ngô đình Nhu gọi điện thoại với giọng hằn học và doạ nạt, khuyên nên ở nhà, không được ra trường Luật nữa.

Chiều ngày 26/8, tác giả đã bị chận lại không cho ra phi trường để lấy máy bay sang Ấn độ hành hương. Sau này tác giả mới biết được lý do như sau (trang 420-421): "*Mãi đến năm 1964, khi tôi làm Đại sứ Việt Nam tại Anh quốc, tôi có dịp được tiếp Tổng Giám mục Asta – vào năm 1963 giữ chức Khâm Mạng đại diện Tòa thánh Vatican tại Sàigòn - Tổng Giám mục mới cho biết những việc đã xảy ra chiều ngày 26/8/63. Nguyên ngày hôm nay đó, biết được tin tôi lên đường, Ngoại giao đoàn đã tới đông đủ tại phi cảng Tân sơn nhất để tiễn tôi đi hành hương sang Ấn độ, nhưng chờ mãi đến giờ phi cơ cất cánh mà cũng vẫn không thấy tôi tới, đột nhiên, có một phóng viên ngoại quốc từ Sài gòn đến phi cảng và cho biết tin tôi bị bắt đưa đi đâu không biết. Ngoại giao đoàn khi đó rất xúc động và đồng ý cử Niên trưởng là ông Viên Tử Kiên (Yuen Tse Kien), Đại sứ của Trung hoa dân quốc, đến gặp Tổng thống Diệm để thỉnh cầu trả lại tự do cho tôi. Khi ấy, TGM Asta đã lanh lẹ đề nghị nhận trách nhiệm tế nhị này thay cho ông Niên trưởng Viên Tử Kiên. Ngoại giao đoàn đồng ý vì TGM Asta là đại diện của Giáo hoàng, lời thỉnh cầu chắc chắn có hiệu quả hơn đối với một người ngoan đạo như Tổng thống Diệm. TGM Asta đã trở về Dinh Gia Long và gặp ngay Tổng thống Diệm. Và chính nhờ cuộc gặp gỡ với TGM Asta, tôi mới hiểu rõ tại sao tôi được trả tự do nhanh chóng như vậy*".

Sau đó tác giả được loan báo là có thể khởi hành cùng với gia đình sang Ấn độ bằng chuyến máy bay Air France chiều ngày 29/8. Trước khi rời đất nước, tác giả đã đến cáo biệt Tổng thống Diệm và Cố vấn Ngô đình Nhu: "*Gặp Ngô đình Nhu, tôi vẫn giữ vẻ thản nhiên, chỉ chào từ biệt mà không nhắc gì đến việc cảnh sát đã bắt đưa tôi về*

trại Lê văn Duyệt hôm 26/8, nhưng Ngô đình Nhu đã không dấu được sự ngượng ngập, và chính Nhu đã nói đến vấn đề này, như xin lỗi một cách gián tiếp: 'Câu chuyện xẩy ra hôm 26/8 là do một sự hiểu lầm. Người ta đã báo cáo lên Tổng thống rằng anh xuất ngoại mà không có chiếu khán xuất cảnh'...Trong cuộc yết kiến Tổng thống Diệm, ông Diệm không dấu được sự xúc động, lấy tày áo quẹt mắt rớm lệ và nói: "Xin đừng quên nhau". Rồi tôi đến chào Phó Tổng thống Nguyễn ngọc Thơ. Ông Thơ lắc đầu nói, xin đừng quên nhau, ông Già nói chi mà gở vậy! Anh nhớ hôm lễ Song Thất 7/7/63, lễ kỷ niệm ngày ông Diệm về chấp chánh, ông Già cũng nói những câu gở không? Tôi cũng chợt nhớ lại câu ông Diệm nói hôm đó làm hai chúng tôi rất ngạc nhiên: "Chẳng lẽ công trình xây dựng trong bao lâu, bỗng chốc biến thành mây khói!" Tôi bắt tay ông Thơ ra về, cả hai ngậm ngùi. Kẻ ở người đi, chưa biết khi nào sẽ có dịp tái ngộ."

Ngày 29/8/63, GS Vũ văn Mẫu đáp chuyến bay Air France tại Tân sơn Nhất để đi hành hương. Cùng đi chuyến bay này có GS Bửu Hội, được nhân viên chính phủ tiễn đưa sang Mỹ để bênh vực trước Liên hiệp quốc về lập trường của chính phủ Ngô đình Diệm trong vấn đề đàn áp Phật giáo. Một chuyến tàu, hai con đường khác… Tại Ấn độ, GS Vũ văn Mẫu đã được tiếp đón trọng thể và nồng hậu, có các cuộc hội kiến với Tổng thống Ấn độ Radhakrishnan, Thủ tướng Nehru và Bộ trưởng Ngoại giao bà Lakshmi Menon. Sau đó một chương trình hành hương các thánh địa Phật giáo đã được hoạch định như Bénarès, Sarnath, Bodhigaya, Sanchi, Ajanta, Ellora… Tác giả bày tỏ nỗi vui mừng khôn tả khi đến Bồ đề đạo tràng (Bodhigaya) nơi Đức Thế Tôn thành đạo dưới gốc Bồ Đề. Tại đấy, bất ngờ tác giả lại được hạnh ngộ với các Thượng tọa Thích Minh Châu, Thích Thiện Châu và Thích Huyền Vi khi ấy đang ở Ấn độ. (Xin xem bài tường thuật của TT Thích Thiện Châu được tác giả trích đăng lại trong hồi ký từ trang 428-436 và trang nhà Khuông Việt số 8, Mừng Xuân Giáp Thân phổ biến lại theo địa chỉ www.khuongviet.com). Ngày chủ nhật 15/9/63, sau khi hoàn tất cuộc hành hương, tác giả rời Ấn độ sang Pháp. Trước khi rời Ấn độ, tác giả đã gửi thư về cho Tổng thống Diệm xác định dứt khoát quyết tâm từ chức. Nội dung bức thư như sau:

"*New Delhi, ngày 15 tháng 9 năm 1963.*
Vũ văn Mẫu, Bộ trưởng Ngoại giao hiện nghỉ phép.
Kính đệ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, Sàigòn.
Kính thưa Tổng thống, Sau khi đi hành hương chiêm bái các

nơi Phật tích ở Ấn độ và thấu hiểu thêm được đạo lý, chúng tôi trân trọng xin Tổng thống chấp thuận cho chúng tôi từ nay được từ chức. Chúng tôi lúc nào cũng cầu nguyện cho toàn dân được hòa bình và nhất trí đoàn kết. Chúng tôi xin Tổng thống nhận nơi đây lòng thành kính của chúng tôi.

Ký tên: Vũ văn Mẫu".

Trong chương 5, tác giả đề cập đến dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican, của các nước theo Phật giáo và các chính phủ Âu Mỹ. Trong chương cuối, tác giả tổng kết như sau (trang 489-491): "*Ba nhân tố chính yếu đã đưa chế độ đến sự suy tàn:*

1. *Ngô đình Diệm đã quá nhu nhược trước các hành động thao túng của gia đình, từ Ngô đình Thục đến vợ chồng Ngô đình Nhu và Ngô đình Cẩn, dung túng gia đình lạm dụng quyền thế, bóc lột tài nguyên quốc gia, đàn áp tàn bạo những phần tử yêu nước phản đối các hành vi bất chính.*
2. *Ngô đình Thục quá thiết tha với tham vọng làm Hồng Y giáo chủ và mang ảo vọng muốn biến Việt Nam thành một nước hoàn toàn theo Thiên Chúa giáo.*
3. *Vợ chồng Ngô đình Nhu nung nấu tham vọng kế vị Ngô đình Diệm và không sờn lòng lùi bước trước bất cứ hành vi và mưu kế tàn bạo nào để thực hiện cho được mưu đồ ấy.*

Thu thập một số tài liệu lịch sử trong vụ Pháp Nạn này, từ nguyên nhân đến quả báo, chúng tôi nhắm một mục đích duy nhất: Nêu lên một cây tiêu để đánh dấu vết xe đổ và tha thiết ước mong – như chúng tôi đã cầu nguyện 20 năm trước tại Bồ Đề đạo tràng trước Đài Kim Cương, nơi Đức Thế Tôn thành đạo, rằng trong tương lai không bao giờ còn có một chính phủ nào nghĩ đến sự đàn áp tôn giáo, và không bao giờ quốc dân còn bị chia rẽ vì tôn giáo. Tôn trọng các tôn giáo trên căn bản tự do tín ngưỡng và công bằng xã hội là tôn trọng các quyền linh thiêng nhất của con người mà bản tuyên ngôn Nhân quyền quốc tế của tổ chức Liên hiệp quốc đã xác nhận. Vi phạm vào các quyền này là chà đạp lên nhân phẩm, dấn thân vào con đường phân hóa quốc dân và phản bội lại truyền thống cao quý của dân tộc.

Bến nghé, ngày Khánh Đản 15/4 năm 2525 Phật lịch (15/5/1984), Minh Không Vũ văn Mẫu"

Trong lời giới thiệu cuốn Hồi ký, Hoà thượng Thích Mãn Giác, Los Angeles, Hoa kỳ viết về Giáo sư Vũ văn Mẫu như sau: "*Trong*

mắt tôi, ông là một kẻ sĩ khí phách hiếm hoi của miền Nam, một người làm chính trị chân thực và có lòng, một nhà mô phạm chừng mực và trong sáng, một Phật tử hộ Đạo thiết tha. Toàn thể con người đó ảnh hiện trong lời trong chữ của tập sách cuối đời phản ảnh một giai đoạn trầm trọng của sự nghiệp riêng và của đất nước chung."

Hoà thượng cũng cho biết thêm rằng, năm 1988, trước khi rời Việt Nam đi Pháp, Giáo sư Vũ văn Mẫu đã đích thân mang tặng Hoà thượng Thiện Siêu ở chùa Từ Đàm Huế một tập với lời dặn dò "*xin Chùa tuỳ nghi sử dụng trong việc giữ gìn và phổ biến tác phẩm nầy cho thế hệ tương lai*". Với bản in này được phổ biến rộng rãi tại hãi ngoại, thiết nghĩ ý nguyện đó của Giáo sư được thực hiện trọn vẹn. Xin trân trọng giới thiệu đến quý vị độc giả gần xa.

Minh Nguyện, tháng 1/2004.

CUỐN SÁCH BỊ BỎ QUÊN CỦA NHÀ BÁO THANH THƯƠNG HOÀNG: PHẬT GIÁO TRANH ĐẤU

Đào Văn Bình

[Nguồn: http://www.phattuvietnam.net/8/39/15663.html]

Đây là "Tập tài liệu và hình ảnh trong vụ Phật Giáo tranh đấu từ Tháng 5 tới Tháng 11 năm 1963"(*) của tác giả Quốc Oai do nhà xuất bản Tân Sanh số 12 Bùi Viện, Sài Gòn, điện thoại 22.641 phát hành chỉ ít tháng sau khi chế độ độc tài gia đình trị của Ô. Ngô Đình Diệm bị lật đổ.



Quốc Oai là bút hiệu lúc bấy giờ của nhà báo Thanh Thương Hoàng đã từng đảm nhiệm các chức vụ: Chủ Bút tờ *Phim Kịch* (1963), Tổng Thư Ký nhật báo *Chính Luận* (1964-1965), Chủ Tịch Nghiệp Đoàn Ký Giả (1965).

Quốc Oai chính là tên người con trai thứ tư của ông vừa chào đời. Tác giả có nhắc lại cuốn sách này trong phần giới thiệu các tác phẩm đã xuất bản tại Hoa Kỳ nơi tuyển tập truyện ngắn ***Cõi Đời Cõi Người*** (2011).

Theo nhà văn Thanh Thương Hoàng thì lịch sử báo chí Miền Nam, từ trước tới giờ chưa có cuốn sách nào bán chạy đến như vậy. Sách vừa ra lò đã bán hết ngay 3000 cuốn, tái bản lần thứ nhất hết ngay 5000 cuốn và in lần thứ ba 10,000 cuốn cũng hết bay.

Là ký giả, ông có cơ hội thu thập các tài liệu, hình ảnh từ phía chính quyền, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, ký giả ngoại quốc, bản tin của các hãng thông tấn, các đoàn thể thanh niên, sinh viên và cá nhân tranh đấu thường gửi tài liệu tới báo chí để nhờ phổ biến. Đây là cuốn sách tổng hợp các tài liệu và hình ảnh xác thực, chứ không phải cuốn hồi ký phản ảnh chủ quan, thương ghét cá nhân.

Vào những ngày đầu của biến cố 30-4-75, tác giả tiên liệu những sách xuất bản ở Miền Nam thế nào cũng bị đem ra đốt hết cho nên nhân có bà chị từ Hà Nội vào thăm, tác giả đã gửi gấm cuốn sách này.

Chính vì thế mà hơn 47 năm, tức gần nửa thế kỷ, cuốn sách vẫn sống sót và ngày hôm nay được nhắc tới như "*Một Cuốn Sách Bị Bỏ Quên*". Sau đó tác giả, theo quân-cán-chính, văn nghệ sĩ, đảng phái VNCH trình diện "học tập cải tạo" và bị giam giữ 10 năm.

Phóng thích năm 1985, Thanh Thương Hoàng được Văn Bút Quốc Tế cũng như Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại gửi cho ít tiền để sinh sống. Nhưng chính vì thế mà ông bị Bộ Nội Vụ nghi ngờ ông là nhân vật quan trọng, nên không cho xuất cảnh sang Hoa Kỳ theo chương trình tạm gọi là HO.

Sau nhờ sự can thiệp của Ô. Robert L. Funseth cựu Phụ Tá Thứ Trưởng Hoa Kỳ- người cùng ký thỏa hiệp cho phép "Định Cư Tù Cải Tạo" với Thứ Trưởng Phạm Quang Cơ…mà năm 1999 ông được ra đi…như thế là rất trễ.

Ra tới hải ngoại, dù tuổi đã cao, năm nay đã hơn 80, Thanh Thương Hoàng vẫn theo đuổi nghiệp văn chương và viết rất khỏe. Ông đã cho ra đời tuần báo Đời ở San Jose. Nhưng vì thiếu quảng cáo nên báo phải đóng cửa vĩnh viễn. Riêng tại hải ngoại ông đã xuất bản các tác phẩm:

-Tập truyện Tiến Sĩ Lê Mai (1999)
-Người Mỹ Cô Đơn (tiểu thuyết Anh Ngữ năm 2000)
-Tập truyện Những Nỗi Đau Đời (2001)
- Tập Truyện Ông Tướng Tỵ Nạn (2005)
- Tập Truyện Dòng Suối (2009)
- Tuyển tập truyện ngắn Cõi Đời, Cõi Người (2011).

Là bạn viết văn, bạn vong niên, thấy tôi thỉnh thoảng có viết bài giới thiệu sách, tác giả hứa tặng một một bản sao của cuốn Phật Giáo Tranh Đấu. Có lẽ cũng phải mất gần hai năm, sau khi cho con về Hà Nội chụp lại…và ngày hôm nay cuốn sách đến tay tôi. Sách dày 245 trang bao gồm 8 Phần và Kết Luận.

Phần Thứ I: **Tiêu Diệt Phật Giáo**

Mở đầu phần này tác giả viết, " *Một sự kiện hiển nhiên không ai có thể chối cãi được là tám mươi phần trăm dân chúng Việt Nam theo Phật Giáo. Từ lúc mới lập quốc, hơn bất cứ đạo giáo nào khác, Phật Giáo đã xuất hiện ở nước ta. Phật Giáo như một cây Bồ Đề to lớn, gốc rễ ăn sâu bám chặt và cành lá xum xuê trùm phủ kín mảnh*

đất Việt Nam. Dù giông to bão lớn, dù sấm sét dữ dội cũng không thể nào lật đổ cây Bồ Đề to lớn ấy được. Lịch sử và thời gian đã chứng minh Phật Giáo đóng góp một phần công lao rất lớn vào việc xây dựng đất nước, nòi giống. Biết bao vị chân tu từ xưa tới nay đã làm rạng danh đất nước. Dân chúng yêu kính và tôn sùng như những bậc Thánh. **“** (*)

Bởi vì *“Phật Giáo không ồn áo náo nhiệt, sôi nổi hời hợt bề mặt. Phật Giáo không phô trương thanh thế; không tổ chức thành một lực lượng để bảo vệ cũng như tranh đấu cho đạo. Phật Giáo không bao giờ chen lấn, áp đảo các đạo giáo khác, ngay như hồi Phật Giáo được nâng lên hàng Quốc Giáo ở các đời Lý, Đinh, v.v…(Lúc đó Khổng Giáo và Lão* Giáo *đã truyền sang nước ta từ lâu). Phật Giáo lúc nào cũng chủ trương ôn hòa, bất bạo động theo đúng như giáo lý của Phật. Bởi những nguyên cớ ấy nên tới ngày nay mới có người coi thường ,(hay quá sợ?) Phật Giáo và nhất định ra tay đàn áp, trừ diệt. Những kẻ đó chính là anh em nhà họ Ngô: những bạo chúa, hung thần của nước Việt Nam cuối Thế Kỷ Hai Mươi.”* (***) Để minh chứng, tác giả đã dùng “*một số tài liệu chính xác về sự đàn áp Phật Giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm từ năm 1959 tại các Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.*” (*)

1.Tỉnh Quảng Ngãi: “*Chính quyền đã bắt hai Phật tử Hà Thừa và Đỗ Trọng cho “học tập” dài hạn tại Trại Cải Huấn. Ngày 12/10/1961 lại bắt thêm hai Phật tử Dương Khanh và Nguyễn Hữu Khánh (nhân viên trong ban trị sự Phật Giáo) đem về Trại Cải Huấn “học tập” dài hạn. Ngày 12/12/1961 Hội Đồng Xã Sơn Trung Sơn Trung đã tổ chức một lớp học tập về Thuyết Duy Linh trong bốn ngày tại Thôn Hà Nhai. Sau khóa học tập chính quyền địa phương đã bắt buộc các Phật tử phải bỏ Phật Giáo và ký giấy theo Thiên Chúa Giáo. Ngày 19/10 năm Tân Sửu (1962) Phật tử Phạm Thơ 52 tuổi vô cớ bị bắt đưa vào Trại Cải Huấn giam hơn 3 tháng. Viên quản đốc trại cải huấn rỉ tai cho ông Thơ biết nếu chịu bỏ Phật Giáo và ký tên theo Thiên Chúa Giáo thì sẽ được thả ngay tức khắc. Vì gia đình đông con lại nghèo và nhất là đương ở trong hoàn cảnh tù đày bất đắc dĩ ký giấy theo Thiên Chúa Giáo. Quả như lời viên quản đốc nói, một giờ sau ông được thả ngay. Nhưng sau khi đã được về với gia đình, ông Thơ không chịu được sự cắn rứt của lương tâm nên đã nhất định trở về với Phật Giáo. Ngày 20/11/1961 tại Xã Sơn Mỹ, Quận Sơn Tịnh một số Phật tử là Nguyễn Ngạt, Ngô Phong, Đỗ Hoài, Nguyễn Đài, Võ Trung, Nguyễn Văn Đường, Nguyễn Ký đã bị hai ông*

Lưu Truyên và Lê Đạt là người Thiên Chúa Giáo, đại diện cho chính quyền địa phương lạm dụng chức vụ của mình bắt những người nói trên phải rửa tội và đe dọa nếu không chịu nghe theo sẽ bị bắt đi trại cải huấn ba tháng. Ngày 20/8/1961 Khuôn Hội Phật Giáo Kim Sa thuộc Xã Sơn Kim, một số đạo hữu là: Hà Ngu, Phạm Phẩm, Trần Đến, Nguyễn Thị Lễ, Nguyễn Chẩn, Nguyễn Nhung đã bị ông thôn trưởng Hà Sơn Mai và hai cán bộ truyền giáo Thiên Chúa Giáo đến tận từng nhà bắt ký giấy theo đạo Thiên Chúa. Họ ngang nhiên đưa ra điều kiện nếu chịu ký giấy gia nhập Thiên Chúa Giáo sẽ được sống yên ổn làm ăn, còn trái lời sẽ bị ghép vào thành phần tình nghi là cán bộ cộng sản và sẽ bị bắt về trại cải huấn giam giữ. Năm 1960 Thày Thích Minh Tịnh tục danh là Lê Hồng Vân tọa chủ Chùa Phước Long ở Thôn Lộ Bàn, Xã Phổ Bình, Quận Đức Phổ, vô cớ bị bắt giam tra tấn cực kỳ dã man và bị vu khống là cán bộ cộng sản. Sau một thời gian tra tấn tù đày, Thầy Thích Minh Tịnh được trở về chùa mang theo nhiều vết thương và bệnh tật trên mình. Nhưng được ít lâu Thày lại bị bắt và bi vu khống là xâm phạm thuần phong mỹ tục (với phụ nữ). Đứng trước sự vu khống trắng trợn này người phụ nữ bị tình nghi dan díu với Thày Thích Minh Tịnh đã hơn một lần làm đơn kêu oan cho Thày lên tòa án do đấy Thày mới được phóng thích. Nhân Ngày Thành Đạo (tức ngày 13-1-1962) Chi Công An Quận Đức Phổ lại bắt Thày Thích Minh Tịnh, tra tấn cực hình rồi hạ ngục với tội mà họ tự dựng đứng lên là Thày tiếp tế cho Việt cộng." (*)

2. Tỉnh Bình Định: "*Ngày 15/13/1961 tại Vức Diêm Vân thuộc Khuôn Hội Phước Thuận, Quận Tuy Phước, các Phật tử là Nguyễn Giang, Trần Tích Trần Cang bị ghi vào danh sách di dân mặc dầu những người này thuộc hạng giàu có nhất trong vùng. Nguyên do chỉ vì họ đã bỏ tiền làm chùa và là Phật tử. Ngày 12/12/1961 tại Thôn Quảng Vân, Xã Phước Thuận, Quận Tuy Phước những đạo hữu là Trần Thích, Trần Cũng, Trần Chim, Lê Có là những người giàu có nhất vùng nhưng bị bắt đi di dân chỉ vì họ là những người theo đạo Phật. Ngày 21/11/1961 ông Nguyễn Đức Chỉnh mang thẻ căn cước số T300048. A001077 tại Thôn Lạc Điền, Xã Phước Thắng, Quận Tuy Phước, công an tới n*hà *tịch thu thẻ căn cước và bắt buộc phải di dân, chỉ vì ông là một huynh trưởng Gia Đình Phật Tử. Ngày 15 và 16/11/1961 công an Xã Phước Thắng, Quận Tuy Phước đã thu giấy kiểm tra các đạo hữu ở các Khuôn Lạc Điền: Gia đình đạo hữu Nguyễn Vi 4 thẻ, gia đình Trần Ấn 2 thẻ, gia đình Nguyễn Văn Cương 2 thẻ, gia đình Bùi Xuân Bình 4 thẻ, gia đình Trần Cao Thăng 1 thẻ;*

tại Vức Hội, Phổ Đồng: Gia đình Võ Lý Bá 2 thẻ, Nguyễn Bong 5 thẻ, Lê Thị Ngưu 3 thẻ, Võ Thị Phiếm 1 thẻ; Vức Hội An Lợi: Gia đình Lê Tòng 4 thẻ, Trần Khánh Đinh 2 thẻ, Phạm Thẩm 2 thẻ. Tổng số đạo hữu bị thu thẻ căn cước là 33 người. Những người này đều bị bắt đi di dân vì họ là Phật tử."

3. Tỉnh Phú Yên: "*Ngày 24/6 năm Tân Sử, tại Xã Xuân Phước, Quận Đồng Xuân, có một ông thày đến giảng đạo Thiên Chúa tên là Tùng. Đã cấu kết với tên Phan Khẳn là trưởng ban quản trị Làng Phước Hòa, bắt hai đạo hữu Trần Thư và Mai Phước Hữu. Ông Khẳn lại còn đe dọa nếu không chịu rửa tội thì đừng trách là không nói trước. Ông Võ Oanh pháp danh Tâm Tiếng, 41 tuổi, thẻ kiểm ra số 20A.0664 cấp ngày 30/10/1955 tại Tuy Hòa và vợ là Lê Thị Bàn pháp danh Tâm Kính cùng ở Làng Trường Thạnh, Xã Hòa Vinh đều bị bắt ra quận giam ngày 24/1/1962 và buộc phải theo Thiên Chúa Giáo mới được tha. Bà Lương Thị Phượng 30 tuổi, kiểm tra số 31B.0030 tại Thôn Phú Thạnh, Xã Hòa Quang, ủy viên Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên. Ngày 20/8/1961 có làm đơn nhờ Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên can thiệp về việc chồng bà là ông Đặng Dương Oai bị Đặng Sĩ, dân vệ Xã Hòa Quang bắt đi mất tích vào hồi 8 giờ sáng ngày 21/1/1961 mãi tới nay không thấy tin tức. Nguyên do chồng bà bị bắt chỉ vì là người có công với Phật Giáo tại địa phương này. Theo đơn thưa của Ban Trị Sự Khuôn Hội Phật Giáo Hòa Vinh ngày 27/11/1961 v/v chính quyền địa phương đã bắt cóc thủ tiêu các hội viên dưới đây: a) Lê Đức Ngưng b) Võ Cho c) Một số hội viên không ở trong ban quản trị khuôn hội cũng bị hội đồng xã bắt và buộc phải theo Thiên Chúa Giáo mới cho về d) Bà Hà Thị Đam 60 tuổi nạp đơn lên Tỉnh Hội Phật Giáo Phú Yên xin can thiệp về việc chồng bà là Nguyễn Chuyển 60 tuổi bị hội đồng xã bắt đi đem chôn sống. Bà Nguyễn Thị Thiện làm đơn thưa về việc chồng bà là Đỗ Thìn bị bắt đi đem chôn sống. e) Ông Võ Xuân Chính cán bộ tư pháp Xã Xuân Phước, Quận Đồng Xuân hăm dọa và bắt giam Phật tử Lê Hồng Hải. Sau khi giam 17 ngày Chính buộc ông Hải phải theo Thiên Chúa Giáo mới toàn mạng sống.* g) *Bà Hà Thị Voi, Xã Phước Hòa ngày 12/4/1961 cũng bị Võ Xuân Chính vu cho là Việt cộng và bắt ép phải theo Thiên Chúa Giáo mới toàn mạng sống.* h) *Ông Trần Kỷ 43 tuổi ở Làng Phú Xuân, Xã Xuân Phước bị Nguyễn Cù và Lê Ngọc Mai thuộc chính quyền địa phương bắt ép phải bỏ Phật Giáo để theo Thiên Chúa Giáo ngày 26/8/1961. i) Khuôn Hội Phật Giáo Xã Hòa Quang có những đạo hữu sau đây đã bị chính quyền địa phương thu thẻ kiểm tra và buộc theo*

Thiên Chúa Giáo: Trần Di thôn Mậu Lâm, Phan Đích thôn Thạnh Lâm, Ngô Thị Ràng và chồng ở Thạnh Lâm. k) *Ông Đỗ Sửa bị Trần Văn Thiện và Lê Năng Đắc bắt tra tấn vu cho là Việt cộng, nếu theo Thiên Chúa Giáo sẽ được thả. l) Bà Nguyễn Thị Đôn và chồng Lê Trung Thành bị Trần Văn Thiện, Lê Năng Đắc, Dương Nhảy bắt giam và ép vào Thiên Chúa Giáo mới tha.*" Theo tác giả " *Trên đây chỉ là hồ sơ đại cương của 21 vụ trong số 50 vụ của ba Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên từ năm 1960-1961. Còn những năm về sau chưa kể tới…Dân tộc Việt Nam quen nhẫn nhục chịu đựng, nhưng sức người có hạn mà sự hà hiếp, đàn áp, khủng bố của chính quyền Ngô Đình Diệm ngày một gia tăng quá mức, nên trước sự mất còn của Đạo, họ phải vùng lên công khai chống đối lại bạo lực, chống đối lại cường quyền. Việc phải đến đã đến!* " (*)

Phần Thứ II: **Cuộc Tranh Đấu Phát Khởi tại Huế**

Vụ hạ cờ Phật Giáo trong đại lễ Phật Đản tại Huế được tác giả dẫn chứng bằng công điện đánh đi vào lúc 5 giờ ngày 6/5/1963 theo chỉ thị của Ngô Đình Diệm và "*bản sao bức công điện đã được Tỉnh Trưởng ký tên chuyển tới Thượng Tọa Thích Trí Quang vào hồi 20 giờ 30 ngày 6/5/1963: Trân trọng yêu cầu quý liệt vị giáo hội thông báo cho các cơ quan phụng tự và các tín đồ thi hành đúng chỉ thị trên đây của tổng thống*." *Sau đó Thượng Tọa Thích Trí Quang được ủy thảo bức điện văn: một gửi cho Hội Phật Giáo Thế Giới, một gửi cho Ngô Đình Diệm và một gửi cho các tập đoàn Phật Giáo Việt Nam. Điện văn gửi Ngô Đình Diệm viết như sau "Phật Giáo rất xúc động nhận được công điện 9195 không cho treo cờ Phật Giáo Thế Giới trong đại lễ Phật Đản quốc tế. Chúng tôi không tin rằng quyết định đó phát xuất từ Tổng Thống. Thỉnh cầu Tổng Thống ra lệnh điều tra và thu hồi công điện trên. Trân trọng."* (*)

Cả ba điện văn nói trên đều do Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo VN ký tên. "*Nhưng ba bức điện văn này đã bị chánh quyền địa phương can thiệp không cho đánh đi. Viên Tỉnh Trưởng Thừa Thiên Nguyễn Văn Đẳng đã thân hành tới Chùa Từ Đàm mời Thượng Tọa Thích Trí Quang và hai thượng tọa nữa tới tư dinh Cố Vấn Miền Trung Ngô Đình Cẩn để hội kiến. Về phía chính quyền có Ngô Đình Cẩn, Bùi Văn Lương – Bộ Trưởng Nội Vụ, Nguyễn Văn Đẳng – Tỉnh Trưởng Thừa Thiên. Bùi Văn Lương chịu về Sài Gòn để gấp thỉnh cầu Ngô Đình Diệm thu hồi công điện số 9195, nếu không được khắp toàn quốc thì ít ra cũng phải ở Huế*." (*)

Nhưng "*Công việc chưa giải quyết xong thì ngay buổi chiều*

hôm đó 7/5/63 cảnh sát đi khắp Thành Phố Huế, tự tay triệt hạ cờ Phật Giáo và xé nát, lại còn công khai đánh đập chửi rủa, đe dọa bắt bỏ tù những tín đồ Phật Giáo có thái độ phản đối. Tất cả tượng Phật thờ trong nhà và đèn lồng treo ngoài cửa của các tư gia đều bị đập phá tan nát. Nhân dân khắp Thành Phố Huế sục sôi, căm phẫn. Họ ùn ùn kép tới Chùa Từ Đàm…Thượng Tọa Thích Trí Quang phải đứng ra dàn xếp mọi công việc. Thượng Tọa đề nghị ban tổ chức Lễ Phật Đản mời viên tỉnh trưởng Thừa Thiên hoặc đại diện tới Chùa Từ Đàm để giải quyết sự kiện trên nhưng chính quyền địa phương từ chối cuộc tiếp xúc này." (*)

Thượng Tọa Trí Quang phải cùng quý Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Huyền Tôn, Thượng Tọa Thích Mật Hiển, Thượng Tọa Thích Thanh Trí và mấy vị thượng tọa khác tới tỉnh đường để gặp viên tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đẳng. Trong khi đó khoảng 5000 Phật tử tụ tập trước tòa tỉnh để nghe ngóng, chờ đợi phản ứng của chính quyền. Viên tỉnh trưởng giải thích là cảnh sát đã quá "*sốt sắng*" chứ thực ra ông ta chỉ ra khẩu lệnh khuyên đồng bào triệt hạ đèn và cờ Phật Giáo, nếu họ không nghe thì thôi. Thượng Tọa Trí Quang yêu cầu cho xe Thông Tin loan báo trước 21 giờ là cờ Phật Giáo không bị triệt hạ để cử hành đại lễ. Viên tỉnh trưởng bằng lòng.

Sáng hôm sau 8/5/1963 là ngày đại lễ. Các Phật tử tập trung tại Chùa Diệu Đế để rước tượng Phật lên Chùa Từ Đàm là nơi cử hành Lễ Phật Đản. "*Như mọi năm, vào lúc 20 giờ Ngày Phật Đản, đài phát thanh Huế sẽ dành riêng để phát thanh về Phật Giáo và các Phật tử sẽ đứng quanh khu đất trống của đài để nghe. Nhưng năm nay, mọi người tụ họp lại chờ đợi mãi mà đài phát thanh không nói gì. Mọi người xôn xao bàn tán tỏ vẻ bất bình. Thượng Tọa Trí Quang tới đài can thiệp nhưng không có kết quả. Chính quyền địa phương lo ngại, sợ biến thành cuộc biểu tình phản đối nên phải cho xe cứu hỏa tới xịt nước giải tán, sau dùng lựu đạn cay và bắn đạn mã tử. Nhưng ngọn lửa vì Đạo đang dâng lên ngùn ngụt. Tiếng la ó phản đối át tiếng súng*." (*)

Thượng Tọa Thích Trí Quang yêu cầu viên tỉnh trưởng cho ngưng xịt nước để Phật tử yên ổn ra về thì *"Viên Phó Tỉnh Trưởng Nội An Đặng Sĩ đã bất chấp quyền tỉnh trưởng, huy động xe tăng, thiết giáp ủi vào đám người vô tội, trong tay không có một thư khí giới nhỏ*." (*)

Kết quả 08 em nhỏ đã bị giết hại. Quý vị có thể xem tấm hình

thảm sát tại đài phát thanh Huế và hình gia đình nạn nhân đang cầu siêu tại chùa nơi trang 28 &31.

Chuyện đáng lý ra có thể giải quyết êm đẹp nếu như Ngô Đình Diệm thật sự là tổng thống "*anh minh*". Nhưng "*Máu người Phật tử đã đổ để tranh đấu cho ngọn cờ Phật Giáo được tung bay*." (*) Và cuộc đấu tranh khốc liệt bắt đầu bằng: Bản Tuyên Ngôn của Tăng, Tín Đồ Phật Giáo Việt Nam do Hòa Thượng Thích Tường Vân- Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam ký tên và được gửi cho Ngô Đình Diệm và Đại Biểu Chính Phủ Trung Nguyên- Trung Phần. "*Sau đó một phái đoàn Phật Giáo vào yết kiến Ngô Đình Diệm tại Dinh Gia Long nhưng kết quả cũng không đi tới đâu*." (*) Trong tấm hình nơi trang 32 chúng ta thấy có TT. Ngô Đình Diệm, TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Hoa và một vị nữa đeo kính mát, không biết có phải là TT. Thích Thiện Minh hay không?

Rồi cuộc đấu tranh bắt đầu lan rộng vào Sài Gòn với sự kết hợp của nhiều tông phái Nam Tông cũng như Bắc Tông bằng sự ra đời của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo qua Bản Tuyên Ngôn ngày 25/5/63.

"*Đồng lòng: Ủng hộ năm nguyện vọng tối thiểu và thiêng liêng nhất của Phật Giáo Việt Nam. Thệ nguyện đoàn kết đến cùng trong cuộc tranh đấu bất bạo động và hợp pháp để thực hiện những nguyện vọng ấy*." (*)

- Tại Sài Gòn các vị thượng tọa chuẩn bị lễ cầu siêu cho những Phật tử bỏ mình ở Huế vào ngày 15-5-1963.

- Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế ra tâm thư gửi đồng bào toàn quốc "*Chúng tôi báo nguy cho đồng bào toàn quốc sự kỳ thị tôn giáo đã đến giai đoạn trầm trọng và nỗi lầm than của tín đồ Phật Giáo Việt Nam cũng đã dâng cao…*" (*) "*Thấy phong trào Phật Giáo tranh đấu lan rộng và nhanh quá, chính quyền Ngô Đình Diệm liền ra mặt thẳng tay đàn áp Phật Giáo. Chúng dùng đủ mánh khóe, thủ đoạn để dẹp phong trào Phật Giáo đang ồ ạt dâng lên. Nào tung người vào trong nội bộ Phật Giáo để chia rẽ, xúi giục những gia đình có con em tử nạn trong vụ đàn áp ở Huế rút tên ra khỏi danh sách Phật tử, nào cho mật vụ tới các chùa chiền canh chừng, dò xét, hăm dọa theo dõi và khủng bố Phật tử*." (*)

Phần Thứ III: **Ngọn Lửa Thích Quảng Đức**

Trong giai đoạn này, Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế lại ra tâm thư gửi sinh viên học sinh toàn quốc kêu gọi đấu tranh cho "*Lý tưởng tự do, bình đẳng*."

Rồi vào ngày 31/5/1963 Đoàn Sinh Viên Phật Tử Huế trong đó có: Đại diện các trường Đại Học Y Khoa, Đại Học Sư Phạm, Đại Học Văn Khoa, Đại Học Luật Khoa, Đại Học Khoa Học, Viện Hán Học, Trường Cán Sự Y Tế Điều Dưỡng, Trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, Trường Quốc Gia Âm Nhạc cùng ký tên gửi Tổng Thống và Chính Phủ VNCH kiến nghị 4 điểm trong đó "*Yêu cầu Tổng Thống và Chính Phủ thực thi tinh cách tự do dân chủ và bình đẳng thật sự là lý tưởng mà toàn thể thanh niên trí thức hằng thiết tha cầu đạt. Yêu cầu chính phủ tìm mọi biện pháp để đánh tan sự chia rẽ trầm trọng giữa dân tộc hiện tại do chính sách bất bình đẳng tôn giáo gây nên. Yêu cầu chính phủ ra lệnh triệt để đình chỉ những mánh lới trẻ con thiếu trí thức của cán bộ đối với tín đồ Phật Giáo trong cuộc tranh đấu. Vì chính những mánh lới đó không lừa bịp được ai mà chỉ mất uy tín của cán bộ và của chính phủ*." (*)

"Nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn cố tình làm ngơ trước sự đòi hỏi nồng nhiệt và chính đáng của tăng, ni, Phật tử và thẳng tay đàn áp, khủng bố, bất chấp cả dư luận trong, ngoài nước." (*) Thế nên "*Vào ngày 11/6/1963 Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã tự nguyện tự thiêu thân cúng dường Phật pháp, để làm động cơ thúc đẩy chính quyền Ngô Đình Diệm phải giải quyết gấp rút 5 nguyện vọng của Phật Giáo và giải tỏa ba ngôi chùa ở Huế đang bị vây khốn*." (*)

Chúng ta có thể nhìn thấy tấm hình HT. Thích Quảng Đức đang đứng trang nghiêm trước sân Chùa Quan Thế Âm (trang 58), hình HT. Thích Quảng Đức ngồi kiết già giữa ngã tư Đường Lê Văn Duyệt & Phan Đình Phùng (trang 59), hình HT. Thích Quảng Đức ngồi uy nghi trong biển lửa (trang 60), hình ngài ngã xuống, thân thể cháy gần thành than nhưng tay vẫn giữ Ấn Tam Muội (trang 61) và hình ngài đang bình thản viết Lời Nguyền Tâm Huyết tại Chùa Ấn Quang gửi Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong đó lời lẽ thật cảm động "*Mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật Giáo Việt Nam ghi trong Bản Tuyên Ngôn. Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật Giáo Việt Nam được trường tồn, bất diệt. Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.*" (*)

Ngoài sự ngưỡng mộ và ngạc nhiên của toàn thế giới. Riêng tác giả đã nhận định như sau về việc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức "*Trước sự hy sinh bảo vệ Phật Pháp vô cùng cao cả, hào hùng của Bồ Tát Thích Quảng Đức, thiết tưởng khó có ngòi bút nào có thể viết nổi, cho dù viết cả ngàn trang vẫn không đủ lời để ca tụng*

cái đẹp thánh thần, ngàn năm có một đó." (*) Cảm nghĩ này giống như nhà thơ Vũ Hoàng Chương trong bài thơ Lửa Từ Bi:

Lửa! Lửa cháy ngất toà sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm hiện thành thơ, quỳ cả xuống.
Hai Vầng Sáng rưng rưng
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác.
Và chỉ nguyện được là rơm rác."

Sau đó nhục thân của Hòa Thượng được rước về quàn tại Chùa Xá Lợi. Hằng ngày không biết bao nhiêu đồng bào, Phật tử tới chiêm bái, phúng viếng. Vì " *Ảnh hưởng của việc tự thiêu của Bồ Tát Thích Quảng Đức vô cùng rộng lớn nên chính quyền Ngô Đình Diệm hoang mang, bối rối, sợ sệt. Chúng tăng cường cả một lực lượng khổng lồ cảnh sát, công an, mật vụ bao vây quanh Chùa Xá Lợi. Một tuần lễ sau, ngày 16/6/1963 hằng trăm ngàn Phật tử từ các nơi kéo về để chờ đưa linh cữu Hòa Thượng Thích Quảng Đức lên An Dưỡng Địa…và cảnh sát, công an, cảnh sát chiến đấu, mật vụ đã vây chặt các ngả đường và đàn áp bằng lựu đạn cay, ma- trắc.*" (*) Chúng ta có thể nhìn thấy hình ảnh chống trả của quần chúng Phật tử trên đường phố Sài Gòn, nơi các tấm hình ở các trang 65 & 66.

Phải đợi tới ngày hôm sau 17/6/1963 sau khi Bản Thông Cáo Chung được ký kết vào lúc 1:30 đêm ngày 16/6/1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mới cho phép làm lễ rước linh cữu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức tới An Dưỡng Địa. Những dãy nhà hai bên đường, khi đoàn xe tang đi qua, dân chúng lén bày bàn, thắp hương, làm lễ vô cùng trang trọng, kính cẩn. Dưới sức nóng ngót 4000 độ, dù thiêu hai lần mà trái tim của ngài vẫn còn nguyên. "*Cả thế giới đều xúc động, bàng hoàng về ngọn lửa và Trái Tim Bồ Tát Thích Quảng Đức nhưng chỉ có anh em họ Ngô là dửng dưng không xúc động lại còn tỏ ra căn uất. Trong một thông điệp kêu gọi dân chúng, Ngô Đình Diệm đã trắng trợn phủ nhận sư hy sinh cao cả của Bồ Tát Thích Quảng Đức lại còn gán cho là "một vụ mưu sát". Còn Trần Lệ Xuân - vợ Ngô Đình Nhu thì gọi là một vụ nướng người. Thiết tưởng tôi chẳng cần ghi thêm lời lẽ của họ nữa e làm bẩn mắt, rác tai bạn đọc"*

Phần Thứ IV: **Giai Đoạn Tranh Đấu Quyết Liệt**

Do ảnh hưởng của cuộc tự thiêu của Hòa Thượng Thích Quảng Đức, chính quyền Ngô Đình Diệm miễn cưỡng phải làm bộ hòa hoãn

và một cuộc họp kéo dài 3 ngày (14/6-16/6) tại Hội Trường Diên Hồng giữa Ủy Ban Liên Bộ do Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cầm đầu và Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo bao gồm: TT. Thích Thiện Minh- Trưởng Phái Đoàn. Đoàn viên gồm: TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Hoa, TT. Thích Huyền Quang (Thư Ký) và Đại Đức Thích Đức Nghiệp (Phó Thư Ký) và Bản Thông Cáo Chung ra đời với chữ ký (Khán) của Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Thích Tịnh Khiết và Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong đó có những điểm chính như sau:

- Tách hiệp hội có tính các tôn giáo ra khỏi Dụ Số 10
- Chính phủ sẽ lập một Ban Điều Tra để xét lại các hồ sơ khiếu nại của Phật Giáo
- Tất cả những ai có liên quan đến cuộc vận động thực hiện 5 nguyện vọng của Tổng Hội Phật Giáo đề ra bất luận ở đâu sẽ được Tổng Thống đặc biệt khoan hồng. (Đoạn này phải hiểu là tất cả những ai bị bắt vì tranh đấu cho Phật Giáo phải được thả ra)
- Chính phủ sẽ xác nhận lệnh sửa sai đã ban ra cho các cán bộ để thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo của chính phủ (Đoạn này phải hiểu là chính phủ đã thấy sai trước đây và ban hành lệnh sửa sai (chuyện này có thật không?) nay ban hành lệnh mới để "xác nhận" mệnh lệnh đó, tự hậu cấm không được làm sai nữa.)
- Những cán bộ có trách nhiệm về các vụ xảy ra từ ngày 8/5/1963 (tức từ ngày nổ ra vụ triệt hạ cờ Phật Giáo) bất kỳ thuộc thành phần nào cũng sẽ bị nghiêm trị, nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ.
- Các gia đình nạn nhân ở Huế đã được trợ giúp kịp thời và có thể được trợ giúp thêm tùy theo gia cảnh từng người.

"*Sau khi Bản Thông Cáo Chung được công bố, người người đều tưởng tất cả mọi việc sẽ diễn ra êm đẹp. Nhưng không! Ngô Đình Diệm vốn ngoan cố, quỉ quyệt, phản trắc đã ngấm ngầm truyền lệnh cho bọn tay sai trong toàn quốc triệt hạ bằng được Phật Giáo*." (*)
Sau đây là những biến động xảy ra sau ngày ký kết Bản

Thông Cáo Chung:

- Ngô Đình Diệm và Ngô Trọng Hiếu dàn dựng lên cái gọi là "Giáo Hội Cổ Sơn Môn" và đánh điện tín cho Trung Tâm Điểm Phật Giáo Thế Giới tại Tích Lan vu khống Phật Giáo Việt Nam lợi dụng danh nghĩa để hoạt động chính trị, nhưng bị Trung Tâm Điểm bác bỏ với lập luận như sau "*Chúng tôi cũng biết rằng tại Việt Nam cũng có*

một Tổng Hội Phật Giáo và theo như chỗ chúng tôi biết Tổng Hội này có đủ uy tín để đại diện và thay lời cho Phật tử ở Việt Nam. Chúng tôi tin chắc rằng Tổng Hội Phật Giáo này không bao giờ làm những điều gì, hoặc thái độ nào có thể gọi là phản Phật Giáo." (*) *Tổng Thư Ký W.P. Daluwatte ký tên*. (Toàn văn thư phúc đáp nơi trang 81)

- Ngày 18&19/6/1963, chỉ ba ngày sau ngày ký Thông Cáo Chung, Phòng Thông Tin Sông Cầu (Phú Yên) đã tổ chức tại các Xã Xuân Phương và Xuân Lộc hai cuộc mít-tinh, lập kiến nghị lên án nặng lời việc làm của Phật Giáo. Ở Xã Nhân Hòa, Quận An Nhơn, Tỉnh Bình Định dân chúng cũng bị bắt buộc phải làm kiến nghị như thế.

- Chùa Phật Giáo ở Quảng Trị hiện còn đang bị phong tỏa và sự lùng bắt các cán bộ Phật tử, thanh niên Phật tử mạnh mẽ hơn lúc nào hết.

- Sự đi lại của tăng ni giữa các tỉnh và thủ đô bị chặn lại, mời trở lui hay xe đò từ chối bán vé vì có lệnh cấm của nhà chức trách địa phương.

- Tăng ni, Phật tử lui tới các Chùa Xá Lợi, Ấn Quang, Giác Minh bị mật vụ biên số xe theo dõi tới tận nhà hăm dọa.

- Cao Xuân Vỹ- Tổng Giám Đốc Nha Thanh Niên dự định tổ chức một cuộc biểu tình đại qui mô với lực lượng Thanh Niên-Thanh Nữ Cộng Hòa yêu cầu tổng thống duyệt lại Bản Thông Cáo Chung.

- Nhiều cấp quân-cán-chính đã được chỉ thị nhân nhượng trước khí thế tranh đấu của Phật Giáo và đợi lệnh phản công.

Tất cả những tin tức này nằm trong thư tố cáo" *Kính đệ Tổng Thống VNCH*" do Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết ký này 26/6/1963 mà đoạn cuối bày tỏ sự tôn kính uy quyền của vị nguyên thủ quốc gia như sau "*Tôi trân trọng kính xin Tổng Thống cương quyết tỏ rõ quyền uy lãnh đạo quốc dân của Tổng Thống, gạt bỏ mọi điều xàm tấu nguy hại và nhất định cho thi hành thẳng thắn Bản Thông Cáo Chung để cho toàn dân hân hoan ca ngợi, và đồng thời để xóa nhòa những ấn tượng không hay của những ngày qua mà quyền lợi tối cao của quốc gia dân tộc bắt buộc phải để cho trôi theo giòng nước của dĩ vãng. Xin Tổng Thống nhận lòng kính mến của tôi và toàn thể Phật Giáo đồ trong nước*." (*)

- Ngày 12/7/1963 TT. Thích Thiện Minh đại diện cho Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo gửi thư cho Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ tố cáo:

1) <u>Những vi phạm có tính cách công khai Bản Thông Cáo</u>

Chung: Như công an bao vây Chùa Xá Lợi ngay trước cửa Dinh Phó Tổng Thống. Cảnh sát và công an Quận Tân Bình ồ ạt bao vây Chùa Quan Âm của Cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Ở Bình Định suốt ba đêm 24,25&26 nhiều loạt đạn bắn vào Tu Viện Nguyên Thiều suýt gây tai nạn cho các vị sư ở trong ấy. Tại Tỉnh Hội Khánh Hòa, có bàn tay bí mật đập phá khuôn kính và lấy đi hình ảnh của Cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức, đốt chiếc xe của ông Trần Quang Ba là chiếc xe thường cho chùa mượn xử dụng. Chùa Quan Âm Quận Quảng Long, Tỉnh An Xuyên (Cà Mau) bị khủng bố bằng tạc đạn khiến tăng ni phải tản cư đi nơi khác. Hai tập đoàn Phật Giáo Miền Trung đã than phiền với ông Đại Biểu Chính Phủ tại Huế rằng công chức và quân nhân Phật tử bị cấm cản đi chùa ở nhiều nơi. Những người bị bắt trong cuộc vận động của Phật Giáo chưa được thả hết còn nhà sư Đặng Văn Cát thì mất tích luôn, mặc dù Phó Tổng Thống nói rằng chính quyền không hề bắt nhà tu hành ấy. Còn Ni Cô Trang Thị Thắm căn cước số 733.126 bị mất tích bỗng nhiên xuất hiện sáng ngày 12/7/1963 tay chân bị trói bằng giây thép và bỏ nằm trước cửa Chùa Huê Lâm.

2) Những vi phạm có tính cách nguyên tắc quan trọng: Công điện MẬT từ Phủ Tổng Thống đánh đi chỉ thị cho các cấp quân-chính " *Phải tạm thời nhún nhường trước khí thế đấu tranh quyết liệt của bọn tăng ni và Phật Giáo phản động và chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới theo kế hoạch sẽ gửi đến sau*."(*) Các tài liệu chính huấn cho tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa nhục mạ và vu khống Phật Giáo lại được đài phát thanh quốc gia đọc đi đọc lại nhiều lần. "*Tại sao cơ quan thông tin của chính phủ lại cho công bố những tài liệu chống báng lập trường của chính phủ và chủ trương tốt đẹp của Tổng Thống trong việc ký kết Bản Thông Cáo Chung*?" (*)

Nơi trang 95 tác giả đã nói về cái chết của Nhất Linh vào ngày 7/7/1963 và thuật lại đám tang của nhà văn nổi tiếng trong Tự Lực Văn Đoàn này. Đây đúng là "trái bom nổ" vào thời kỳ căng thẳng và "*đã gây một mối xúc động lớn cho tất cả các giới trong nước và ảnh hưởng rất lớn tới cuộc tranh đấu của Phật Giáo*." (*)

Phần Thứ V: **Tranh đấu thực thi Thông Cáo Chung**

Do chính quyền Ngô Đình Diệm không thực thi những gì đã ký kết "*Nhân dân trong nước nói chung, Phật tử nói riêng, sục sôi, căm hận đến tận cùng độ. Nhất là giới sinh viên học sinh ở Huế và Sài Gòn. Họ bỏ học để hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo và phản đối hành động quỷ quyệt phản bội của cường*

quyền." (*)

- Ngày 16/7/1963 Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra tâm thư gửi quý đại đức tăng ni và đồng bào Phật Giáo kêu gọi "*Quý liệt vị hãy cùng chúng tôi thề hy sinh đến người cuối cùng cho nguyện vọng chân chính của chúng ta và tung hô Phật Giáo Việt Nam Bất Diệt*" (*)

- Nơi trang 103 quý vị có thể thấy tấm hình TT. Thích Tâm Châu và các tăng ni đang đứng biểu tình hơn hai tiếng đồng hồ trước tư dinh Đại Sứ Mỹ Nolting (người hết lòng bênh vực Ngô Đình Diệm, sau bị triệu hồi)

- Nơi trang 105& 106 hình ảnh chư tăng ni tuyệt thực tại Chùa Xá Lợi và Chùa Ấn Quang và nơi trang 107 hình ảnh của cuộc biểu tình khổng lồ của đồng bào tại Đường Phan Thanh Giản, khu vực Chùa Giác Minh cùng với công an, cảnh sát, mật vụ và kẽm gai giăng đầy.

- Rồi hình ảnh Phật tử đi thăm quý thầy, quý cô tuyệt thực rồi biến thành cuộc biểu tình với những biểu ngữ đòi chính quyền thực thi Bản Thông Cáo Chung. (trang 108)

- Nơi trang 111 quý vị có thể thấy hình Đại Đức Thích Quảng Độ đương giải thích cuộc tranh đấu của Phật Giáo trong khi đó xe thông tin của chính quyền oang oang nói chõ vào để quấy nhiễu và lực lượng công an, cảnh sát, mật vụ áp tới " *Gậy gộc, báng súng tới tấp quất xuống đầu, xuống lưng những kẻ vô tội. Tiếng la ó, phản đối, kêu thét phản đối vang lừng. Một số tăng ni chịu chung số phận như các Phật tử: bị bóp cổ, bẻ gẫy tay, đánh vỡ đầu, máu me chảy ròng ròng ướt đẫm cả bộ áo tu hành*." (*)

- Cùng ngày 17/7/1963 vào lúc 8:15 sáng, một cuộc biểu tình khác xảy ra từ Chùa Xá Lợi tới Chợ Bến Thành được mệnh danh cuộc biểu tình "*đại tốc hành*" bao gồm 400 tăng ni. Khi tới Chợ Bến Thành biểu ngữ "*Yêu Cầu Chính Phủ Thực Thi Bản Thông Cáo Chung*" được căng lên thì công an, cảnh sát chiến đấu vây chặt và bắt phải hạ biểu ngữ và cờ Phật Giáo xuống. Nhưng "*tăng ni sẵn sàng chịu chết chứ quyết không hạ cờ Phật Giáo và biểu ngữ*." (*) (trang 115) và "*cảnh sát chiến đấu như đàn cọp dữ ào ào sấn lại đấm đá, đánh đập túi bụi vào đầu, vào mình các tăng ni. Rồi cứ hai, ba tên túm một nhà sư quăng lên xe hơi trong khi các vị này cố níu lấy tay nhau chống đỡ. Cuộc giằng co, níu kéo giữa lũ sát nhân và các nhà tu diễn ra gay go*" thì Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành Trần Văn Tư xuất hiện và thi hành độc kế. Y làm bộ thân thiện, bắt tay một vị đại diện tăng ni rồi

nói "*Tôi lấy danh dự cá nhân và tư cách đại diện chính phủ xin thề với ông rằng chúng tôi sẽ đưa các ông về Chùa Xá Lợi. Nhưng khi quý tăng ni lên xe rồi thì đoàn xe phóng thẳng ra tới Đường Lục Tỉnh rồi phóng vụt tới An Dưỡng Địa nằm giữa cánh đồng hoang vắng có sẵn công an, cảnh sát và hàng rào kẽm gai chờ đón*." (*)

- Vào ngày 18/7/1963 Ngô Đình Diệm đọc một bản thông điệp mục đích làm dịu cuộc đấu tranh của Phật Giáo "*Tôi mong đồng bào hãy ghi nhận ý chí hòa giải tột bực của chính phủ…*" (*)

- Ngày 19/7/1963 TT. Thích Tâm Châu gửi văn thư kính đệ Tổng Thống VNCH trong đó yêu cầu chính phủ giải quyết 05 điểm:

1) Phóng thích tất cả tăng ni, thiện tín, sinh viên, học sinh, Gia Đình Phật Tử bị bắt bất luận ở đâu trong khắp nước.

2) Tất cả các tăng ni bị bắt nhốt tại An Dưỡng Địa cần phải được trả về Chùa Xá Lợi đầy đủ.

3) Xin chính phủ can thiệp để các báo đăng hoặc các gia đình có người bị bắt hay mất tích mà chưa thấy trở về từ đây tới Chủ Nhật 21/7/1963 kịp thời thông báo cho Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo biết để chuyển đến chính phủ.

4) Xin chính phủ công bố danh sách và truy tố những cán bộ có trách nhiệm trong vụ đổ máu tại Đài Phát Thanh Huế 8/5/1963.

5) Xin chính phủ bồi thường xứng đáng cho các nạn nhân đêm 8/5/1963 và cuộc đàn áp ngày 4/6/1963 tại Huế. Văn thư nói tiếp "*Kính thưa Tổng Thống: Toàn thể tăng ni chúng tôi trong Ủy Ban Liên Phái thà chết chứ không chịu để cho lòng tin tưởng của chúng tôi nơi thành tín của chính phủ bị thực tế đánh đổ một lần nữa*." (*)

Tại nơi trang 125 quý vị có thể thấy hình ảnh chư tăng ni rời An Dưỡng Địa sau khi Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành Trần Văn Tư và Bộ Trưởng Ngô Trọng Hiếu và phái đoàn báo chí trong và ngoài nước tới.

Những tin tức về cuộc tranh đấu của Phật Giáo trong những ngày qua đã được các Đài VOA, BBC, các hãng thông tấn AP và Stars And Stripes truyền đi và họ đã dùng những danh từ như "*kỳ thị tôn giáo*". Đài VOA trong buổi phát thanh lúc 12:30 ngày 18/7/1963 cho biết trong cuộc họp báo ngày Thứ Tư, một ký giả đã hỏi TT. Kennedy "*Chúng tôi xin Tổng Thống cho biết những nỗi khó khăn hiện giờ giữa Phật Giáo đồ ở Việt Nam và chính phủ Việt Nam có làm trở ngại gì đến nhiều năm viện trợ của Mỹ trong công cuộc chiến đấu chống Việt cộng tại đó không*?" (*) Và TT. Kennedy đã trả lời "*Tôi hy vọng cuộc tranh chấp này sẽ được giải quyết ổn thỏa, vì lẽ chúng ta*

muốn thấy có một chính phủ vững vàng ở Việt Nam Cộng Hòa để tiến hành cuộc chiến đấu duy trì độc lập quốc gia của họ." (*)

- Ngày 27/7/1963 Sư Bà Diệu Không, thân mẫu nhà bác học Bửu Hội - đại sứ tại nhiều nước tại Châu Phi mở cuộc họp báo tại Chùa Xá Lợi tuyên bố sẽ noi gương Bồ Tát Thích Quảng Đức để cúng dường Phật pháp. Trong khi đó khoảng 100 người tự xưng là thương phế binh biểu tình dùng máy phóng thanh chĩa vào chùa phản đối và cho rằng Phật Giáo đã bị cộng sản lợi dụng. Một số "thương phế binh" còn nhẩy lên tường rào cao, đạp lên đầu mấy sư đang đứng phía trong, ném tung vào chùa nào là truyền đơn, hình vẽ chiến sĩ đóng khung…ung dung kéo đi diễn hành trên nhiều đường phố trước mắt cảnh sát và cảnh sát chiến đấu đang giữ trật tự cho họ trước chùa. Quý vị có thể thấy tấm hình chụp thương phế bình ngồi trên xe xích-lô biểu tình trên đường phố nơi trang 140.

- Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo ra tâm thư gửi anh em thương phế binh đã biểu tình trước Chùa Xá Lợi trong đó có những đoạn như sau: (trang 142& 143)

"Chúng tôi không lầm thì trong số anh em tàn tật vì đã hy sinh cho quốc gia, đã có trên 80% Phật tử."

"Chúng tôi chỉ phản đối những kẻ chủ trương dợi dụng chiêu bài chống cộng để bắt tội những người này, kẻ nọ là thân cộng, là không chống cộng để nhằm tiêu diệt họ dưới nhiều hình thức trong đó có Phật Giáo."

"Chúng tôi cực lực lên án âm mưu dùng xương máu toàn dân để xây dựng ngai vàng của một nhóm."

- Ngày 30/7/1963 hằng vạn đồng bào và tín đồ đã kéo tới Chùa Xá Lợi nhân lễ chung thất (49 ngày) của HT. Thích Quảng Đức. Cũng trong ngày hôm đó một bản Tuyên Ngôn do TT. Thích Tâm Châu ký tên đã ra đời trong đó có đoạn "*Kiểm điểm lại cuộc vận động nói trên đến nay chỉ mới được giải quyết trên giấy tờ và bằng lời nói. Nhưng trên thực tế chưa có một thực thi cụ thể nào khả dĩ làm dịu nỗi đau khổ triền miên của toàn thể Phật Giáo đồ Việt Nam. Ngược lại những thực tế đau lòng ngày càng dồn dập làm cho Phật Giáo đồ mất hết tin tưởng. Dù vậy Phật Giáo đồ Việt Nam quyết định không lìa bỏ tinh thần thuần túy tôn giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp bất bạo động để đưa phong trào tới mức thành công.*" (*)

- Ngày 12/8/1963 tại Chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt cánh tay trái của mình để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo với tấm hình nơi trang 149.

Phần Thứ VI: **Sáu ngọn lửa bi hùng tiếp nối ngọn lửa Thích Quảng Đức**

-Đại Đức Thích Nguyên Hương tự thiêu và để lại Trần Tình Thư gửi Hòa Thượng Hội Chủ và Quý Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, Tín Đồ Phật Giáo trong và ngoài nước, phát nguyện tự thiêu để "*Phản đối tình trạng bắt bớ, khủng bố các tăng, ni, tín đồ Phật Giáo và để hòa nhịp với sự đau buồn của các Phật tử bị thiệt mạng và đang bị thương trong thời gian tranh đấu vì chính pháp*." (*) Và bức thư gửi "Tía Má" (Bố Mẹ) ở Phan Thiết, trong đó có đoạn "*Tuy thể xác đã vãng nhưng linh hồn con lúc nào cũng nhớ tới tía má. Đến đây con xin ngừng bút, đây là nét cuối cùng của con tiễn biệt tía má, con xin tía má nhận lòng thành kính của con.*" (*)

- Đại Đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu ở Huế ngày 13/8/1963

- Ni Cô Diệu Quang ba ngày sau tức ngày 15/8/1963 tự thiêu trước Chi Hội Phật Học Ninh Hòa.

- Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu 71 tuổi, tự thiêu tự thiêu tại Huế lúc 4 giờ sáng ngày 16/8/1963 trước sự hộ niệm của chư vị hòa thượng, đại đức, tăng ni và rất đông Phật tử.

- Ngày 5/10/1963 Đại Đức Thích Quảng Hương tự thiêu trước bồn binh Chợ Bến Thành. Khi ngọn lửa bùng lên được mấy phút thì xe cứu hỏa chạy tới xịt nước và đem nhục thân của đại đức đi. Hiện nay chưa ai biết thi hài của đại đức chôn ở đâu.

- Đại Đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trên vỉa hè đối diện với Nhà Thờ Đức Bà (Sài Gòn) vào lúc 10 giờ sáng ngày 27/10/1963 để lại ba bức thư gửi Hòa Thượng Hội Chủ, Ngô Đình Diệm và Ô. U Thant-Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc.

Phần Thứ VII: **Giai đoạn chót cuộc đàn áp Phật Giáo**

- Ngày 18/8/1963 Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo tổ chức lễ cầu siêu cho những vị tử đạo tại Chùa Xá Lợi. Khoảng mười vạn người, đủ mọi thành phần đã tham dự buổi lễ này. "*Có người cả quyết rằng trong giờ phút này chỉ cần một lời hô của các vị thượng tọa là đám người sẽ bùng bùng kéo tới thẳng Dinh Gia Long đạp bình địa ngay tất cả. Nhưng nhờ sự điều khiển khéo léo, tài ba của của các vị thượng tọa, đại đức nên buổi lễ không xảy ra điều gì đáng tiếc…nên tới 6 giờ chiều, tất cả bằng lòng giải tán.*"(*)

- Vì Chùa Xá Lợi là nơi tập trung các nhân vật đầu não của Phật Giáo như: HT Hội Chủ Thích Tịnh Khiết, TT. Thích Tâm Châu, TT. Thích Thiện Minh, TT. Thích Trí Quang, TT. Thích Thiện Hoa cùng

các Đại Đức Thích Đức Nghiệp, Thích Quảng Độ, Thích Giác Đức, Thích Hộ Giác cùng Sư Bà Diệu Không cho nên "*anh em Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu quyết định cho lực lương đặc biệt tấn công chùa để bắt chư hòa thượng, tăng ni đem đi*." Cuộc tấn công hung hãn khởi đầu vào lúc 0:30 khuya ngày 20/8/1963. "*Trong lúc một số tăng ni tìm cách thoát cuộc bao vây của cường quyền vượt bức tường bên hông chùa để sang khu vực USOM nhưng bọn cảnh sát đã hay kịp. Những loạt đạn tuôn ra. Vài thây người ngã gục trong đêm tối. Tuy vậy cũng có hai vị thoát được sang địa phận USOM xin tỵ nạn."* (*) Cả Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết cũng bị xô ngã mang vết thương nơi mắt. Cuộc tấn công chấm dứt lúc 2:15 sáng. Năm chiếc xe cam-nhông hốt tăng ni về nhà giam.

- Sáng 21/8/1963 Ngô Đình Diệm ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn quốc. Nhưng cuộc tấn công vào Chùa Xá Lợi như đổ thêm dầu vào lửa - một tính toán hoàn toàn sai lầm của anh em Ngô Đình Diệm.

- Sáng ngày 22/8/1963 sinh viên các trường Đại Học Y Khoa, Cao Đẳng Kỹ Thuật, nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh của Phật Giáo. Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cạo trọc đầu, từ chức để hưởng ứng cuộc đấu tranh.

- Sáng ngày 23/8/1963 sinh viên, học sinh khắp nơi kéo tới Đại Học Luật Khoa để bầu ủy ban tranh đấu.

- Cùng ngày vào lúc 10 giờ sáng sinh viên học sinh tổ chức cuộc biểu tình tại bùng binh Chợ Bến Thành và nữ sinh Quách Thị Trang 15 tuổi đã bị bắn chết và 10 người khác bị thương.

- Cũng trong thời điểm này học sinh các trường Chu Văn An, Trưng Vương, Gia Long, Võ Trường Toản bỏ học, không chịu vào lớp biểu tình phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Tại nơi trang 198 chúng ta thấy hình học sinh Chu Văn An biểu tình tại sân trường, cầm cờ Phật Giáo và dùng khăn bịt miệng để phòng ngừa hơi cay. Hình nữ sinh Trưng Vương biểu tình phản đối đàn áp tôn giáo. Tại nơi trang 188 chúng ta thấy tấm hình học sinh Chu Văn An vẽ phấn trên bảng "*Ngô Đình Nhu là con quỷ cái. Nhu Diệm độc tài*." (*), hình cảnh sát chiến đấu leo lên tường để gỡ những biểu ngữ đả đảo chính quyền Ngô Đình Diệm của học sinh.

- Ngày 24/8/1963 Ủy Ban Chỉ Đạo Sinh Viên Học Sinh ra mắt tại Đại Học Luật Khoa trước mấy ngàn sinh viên. "*Điều đáng nói là trong buổi này có cả sự hiện diện của GS. Vũ Văn Mẫu, GS. Vũ Quốc Thúc và GS. Nguyễn Văn Bông và được hoan nghênh nồng nhiệt*." (*)

- Mỗi ngày hàng ngàn sinh viên học sinh bị bắt đưa đi giam tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

- Ở Huế hằng ngàn sinh viên học sinh đã kéo tới ở ngay trong Chùa Từ Đàm để hợp sức với chư tăng ni.

- Ngày 19/9/1963 Liên Hiệp Quốc quyết định ghi vào chương trình nghị sự vấn đề chính phủ Ngô Đình Diệm vi phạm nhân quyền.

- Hồi 0:30 ngày 24/10/1963 phái đoàn Liên Hiệp Quốc tới Việt Nam để điều tra, Đại Sứ Raman Pazhwak đại diện A Phú Hãn (Afghanistan) làm trưởng đoàn. Phái đoàn đã tiếp xúc với Ô. Nguyễn Ngọc Thơ, Ngô Đình Nhu và viếng thăm Chùa Xá Lợi, Chùa Giác Lâm và tiếp xúc riêng với từng vị thượng tọa, đại đức. Trong dịp này Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết đã gửi mật thư cho đại sứ trưởng phái đoàn Liên Hiệp Quốc trong đó có những đoạn như sau:

a) Ngày lễ Chúa giáng sinh, tất cả các công sở phải treo đèn kết hoa; hơn thế nữa trước Tòa Đô Chánh Sài Gòn, một trong những hang đá nguy nga đồ sộ được dựng lên bởi toàn lực của cơ quan quân đội cũng như dân chính mà phần lớn là những Phật tử, đài phát thanh trong ba ngày liên tiếp dùng để truyền thanh các buổi thánh lễ và những bài thánh ca, Tổng Thống đọc thông điệp hiệu triệu tất cả quốc dân hướng về ngày đó.

b) Nhà thờ được xây cất tự do bởi sự khuyến khích của viện trợ của chính phủ nhưng Phật Giáo muốn xây chùa chiền phải được phép của chính phủ và điều này rất khó khăn.

c) Trong quân đội có nghành Tuyên Úy Thiên Chúa Giáo trong khi đó 70% binh sĩ Phật tử không có Tuyên Úy Phật Giáo.

"Mục đích của chính phủ hiện tại là muốn biến Miền Nam Việt Nam thành một nước Thiên Chúa Giáo, nên đã thành lập một tổ chức mênh danh là Công Giáo Tiến Hành hoạt động rất mạnh trên toàn lãnh thổ với nhiều kế hoạch rất tinh vi nhắm tiêu diệt Phật Giáo mà tôi xin đơn cử một vài điển hình dưới đây"(*)

a) Đến từng gia đình Phật tử nghèo túng khuyên rửa tội theo Thiên Chúa Giáo bằng cách giúp cho một số tiền, gạo hoặc tìm cho việc làm.

b) Mở các khu dinh điền và khu trù mật gồm toàn những người theo Thiên Chúa Giáo rồi khuyến dụ Phật Giáo đến lập nghiệp và theo đạo, nếu ai không đi sẽ bị đe dọa đủ điều.

c) Lập các Ấp Chiến Lược ở miền quê, bắt dân chúng phải dỡ nhà, tập trung vào một chỗ, tất cả các chùa chiền cũng phải dỡ đi, nhưng khi vào Ấp Chiến Lược chỉ được cất nhà mà không được phép

tái lập chùa, trong khi đó thì trong Ấp Chiến Lược được tự do xây cất nhà cửa. Nếu các chùa không chịu dời vào ấp thì nhà sư trụ trì đó bị nghi là lừng khừng.

-Ngày 23/8/1963 Luật Sư Trần Văn Chương (thân phụ Trần Lệ Xuân) – Đại Sứ VNCH tại Hoa Kỳ đánh điện từ chức vì chính phủ đàn áp và nhục mạ Phật Giáo.

- Ngày 19/9/1963 Giáo Sư Nguyễn Thanh Thái, một Việt kiều ở Pháp "*đã hành động một cách phi thường*" (*) bằng cách thản nhiên lấy một con dao găm tự rạch ngực cho máu chảy rồi lấy một cái chén nhỏ bằng bạc, hứng máu viết thư gửi Ô. U Thant- Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc tố cáo những tội ác của chính phủ Ngô Đình Diệm. Viết xong ông giơ cao lên cho mọi người nhìn và nói lớn: "*Đây là máu của nhân dân quật khởi chống một chính phủ vi phạm nhân quyền.*" (*)

Phần Thứ VIII: **Dư luận thế giới**

Bao gồm các báo chí khắp nơi như tờ Straits Times Mã Lai, Tờ Nanyang Siang Pan viết bằng Hoa Ngữ tại Singapore và Miến Điện.

Tại Cao Miên Thủ Tướng Căm Bốt đã bày tỏ thiện cảm với Phật Giáo Việt Nam. Thái Lan các báo chí tại Vọng Các đều đều đăng tải các tin tức liên quan đến những biến cố ở Huế. Trung Hoa Quốc Gia, rồi Lời Hiệu Triệu của Ô. Hội Trưởng Hội Phật Giáo Thế Giới tại Ngưỡng Quang, Miến Điện, Nhật Bản, Ấn Độ, Ai Lao, Đại Hàn, Indonesia, Hongkong.

Tại Hoa Kỳ, báo News and World Report viết như sau "*Người Mỹ ở Sài Gòn cho biết cuộc sinh sự với các nhà lãnh đạo Phật Giáo của Ô. Diệm là một lỗi lầm tệ hại nhất từ xưa tới nay…khiến cho vai trò của Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam lâm vào tình trạng khốn quẫn.*" (*)

Rồi tới các báo chí ở Thụy Sĩ, Anh Quốc, Úc Đại Lợi, Pháp. Riêng tờ Neak Cheat Niyum ra ngày 30/6/1963 trong bài xã luận nhan đề "***Bước Đường Cùng Của Sự Dối Gạt***" đã viết " *Ông Ngô Đình Diệm với những anh em ông ta và người em dâu bất khả xa lìa, đã dùng hai tuần lễ cuối cùng để chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu tới, những người cuồng tín nhất trong bọn đã nhận được vũ khí và tất cả phải tức khắc ra tay trước khi Phật Giáo đồ thực hiện chủ trương tạo một Thánh Barthelemy như của Gia Tô Giáo. Nói riêng thì tập đoàn này không thể vì cớ gì lùi bước được nữa vì chúng tôi lượm được những tin này tại các trung tâm Gia Tô Giáo người Âu ở Nam Việt Nam.*" (*)

Tại Bruxelles (Bỉ) Linh Mục Pire- người đoạt giải Nobel về hòa bình, gửi Ô. U Thant- Tổng Thư Ký một bức thư yêu cầu ông gấp rút mở cuộc điều tra tại chỗ để làm sáng tỏ vấn đề.

Tờ Washington Post viết "*Phật Giáo đồ khắp Á Châu sẽ có cảm tưởng rằng dù sao Hoa Kỳ cũng dung túng sự kỳ thị tôn giáo. Đó là một cảm nghĩ sai lầm, nhưng trót là bạn của một chế độ độc tài, áp bức nên Hoa Kỳ dù sao cũng bị ảnh hưởng*." (*)

Tờ New York Times số ra ngày 19/6/1963 viết "*Tình hình ở Sài Gòn đã đến giai đoạn giống hệt như những ngày cuối cùng của Ô. Lý Thừa Vãn tại Hán Thành*." (*)

Tờ Sunday Examiner của Thiên Chúa Giáo xuất bản ở Hongkong viết "*Mong rằng những người tuy khác đạo giáo nhưng phải tôn trọng giá trị về tôn thờ đạo giáo của họ, và đó là tinh thần bình đẳng tự do con người*." (*)

Nữu Ước UPI "*Trong khi chính phủ đang cần sự tin tưởng của dân chúng hơn bao giờ hết thì chính phủ lại đang mất sự ủng hộ của tín đồ Phật Giáo chiếm ba phần tư tổng số dân chúng tại Miền Nam Việt Nam.*" (*)

UPI Hoa Thịnh Đốn ngày 19/7/1963 đưa tin "*Hôm Thứ Năm, Thượng Nghị Sĩ Wayne L. Morse nói rằng ông sẽ không đồng ý cho một đô-la nào nữa để ủng hộ cho một chế độ độc ác tàn bạo của TT. Ngô Đình Diệm tại Miền Nam Việt Nam*."(*)

Tờ Christian Science Monitor trong bài " *Sự Đau Khổ Tại Miền Nam Việt Nam*" đã viết "*Chế độ gia đình trị của TT. Ngô Đình Diệm đang tự đào hố chôn mình*." (*)

<u>Phần Kết Luận</u>:

Không dông dài, trong phần kết luận, tác giả kết thúc ngắn gọn như sau:

"*Cuộc tranh đấu thần thánh của Phật Giáo Việt Nam đã góp một phần không nhỏ vào cuộc Cách Mạng ngày 1/11/1963 của Quân Đội VNCH lật đổ cường quyền họ Ngô. Phật Giáo đã tô đậm nét vàng son hào hùng vào lịch sử dân tộc.*

Phật Giáo đã nói lên tiếng nói bất khuất của dân tộc trước cường quyền. Việc bảy tăng ni châm lửa tự thiêu để tranh đấu cho sự sống còn của Phật Giáo Việt Nam đã khiến cho cả thế giới cúi đầu kính phục sự hy sinh cao cả, sự can đảm phi thường của người Việt nói chung và Phật Giáo nói riêng.

Ánh sáng của đạo Từ Bi đã khuất phục được cường quyền, đó

là bài học vô cùng quý báu để loài người từ nay về sau lấy đó làm gương.

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo từ ngày 8/5/1963 tới ngày 1/11/1963 đã mở kỷ nguyên mới cho Phật Giáo Việt Nam: Kỷ nguyên của tranh đấu bất bạo động mà chiến thắng được cường quyền." (*)

Đào Văn Bình
(California Tháng 8, 2011)

***Cước chú*:**
(*) *Những chữ in nghiêng là phần trích dẫn.*
(***) *Ngô Đình Diệm được liệt kê trongcuốn* ***History's 100 Most Evil Despots & Dictators*** (*100 Bạo Chúa và Các Nhà Độc Tài Gian Ác Nhất Trong Lịch Sử*) *của* ***Nigel Cawthorne*** *do Barnes & Noble xb năm 2006. Nigel đã luận tội Ngô Đình Diệm nơi trang 167 "*He sought to prove anti-Communist credentials by brutal repression*" (Ông ta tạo thành tích chống Cộng bằng đàn áp dã man.) Và nơi trang 168 "*Meanwhile he ruthlessly repressed political dissenters and religious factions, and installed member of his familiy in important jobs*" (Trong khi đó ông ta đàn áp không nương tay các nhà đối lập chính trị và tôn giáo đồng thời đưa gia đình nắm giữ những chức vụ quan trọng.)*

Quý vị muốn có bản chụp của cuốn sách xin liên lạc với tác giả:

Thanh Thương Hoàng *PO. Box 51625 San Jose, CA 95151-9998. Điều kiện thế nào, tùy tác giả.*

[Nguồn: http://www.phattuvietnam.net/8/39/15663.html]

NHỮNG THÁNG NGÀY KHÔNG QUÊN

Thái Kim Lan

Năm 1963, trong khi Phật giáo Việt Nam đang bị chế độ độc tài Ngô Đình Diệm đàn áp, vào ngày 11.6 năm đó, Bồ-tát Thích Quảng Đức đã vị pháp thiêu thân để nguyện cầu cho Phật pháp trường tồn. Ngọn lửa của Ngài đã đánh thức lương tri nhân loại, trở thành linh hồn của phong trào 1963 mà những người Phật tử qua các thế hệ mãi mãi không quên.

Giáo sư Thái Kim Lan, 46 năm về trước, từng tham gia phong trào sinh viên tranh đấu chống lại sự kì thị Phật giáo của chính phủ Diệm, đã viết lại truyện ký "Phượng trên trời, Hải đường dưới đất", nói về phong trào đó. Nhân kỷ niệm ngày Bồ-tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (11/6/1963-11/6/2009), chúng tôi đăng lại đoạn bài viết "Những tháng ngày không quên" do chính tác giả trích trong tập truyện ký nói trên gửi đến trang nhà Liễu Quán Huế. Trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

Lửa đỏ trong tim

Hôm ấy là ngày 11. 6. dương lịch. 9 giờ rưỡi sáng tất cả Phật tử trong chùa đã họp nhau trên chánh điện để tụng kinh hàng tuần cho các Thánh Tử Đạo. Chúng tôi cùng nhau đọc kinh và nghe giảng đến khoảng hơn 11 giờ trưa. Vừa dứt câu *"nguyện đem công đức này hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, thề trọn thành Phật đạo"* mọi người lạy từ lui ra, bỗng nghe chuông trống bát nhã vang lừng một cách lạ thường. Mọi người đều giật mình quay ra phía góc tả hữu hai bên chánh điện, thấy một bên anh Từ, bên kia Thầy Chánh Trực đang dùng hết sức bình sinh nổi chuông và trống liên hồi. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn nhau không biết chuyện gì trầm trọng đã đang và sẽ xảy ra mà trống chuông đổ khẩn cấp đến thế! Vừa dứt tiếng trống, anh Từ nói lớn, sắc mặt và giọng nói đầy bi hùng pha lẫn chút nghẹn ngào của nước mắt đang quanh mi: "mời tất cả ở trong chánh điện, Thầy có chuyện nói với qúi vị!"

Vài phút sau tin truyền ra như sét đánh: Hoà Thượng Thích

Quảng Đức đã tự thiêu vào khoảng 11 giờ sáng hôm nay với lời nguyện "Tôi sẵn sàng tự thiêu để cúng dường Tam Bảo và để giác ngộ cho chính quyền mau mau thỏa mãn năm nguyện của của Phật giáo":

"Tôi pháp danh Thích Quảng Đức, Hòa thượng trụ trì chùa Quán Âm, Phú Nhuận (Gia Định).

Nhận thấy Phật giáo nước nhà lúc ngữa nghiêng, tôi là một tu sĩ mệnh danh là Trưởng Tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để cho Phật Pháp tiêu vong, nên tôi phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường Chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật Giáo.

Mong ơn mười phương Chư Phật, Chư Đại đức Tăng Ni chứng minh cho tôi đạt thành ý nguyện như sau:
1- Cầu hồng ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận 5 nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong Bản Tuyên ngôn.

2- Nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

3- Mong nhờ hồng ơn Đức Phật gia hộ cho Chư Đại đức, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tại nạn khủng bố, bắt bớ giam cầm của kẻ gian ác.

4- Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở.

Tôi thiết tha kêu gọi Chư Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni, Phật tử đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật Pháp.

Nam mô Đấu Chiến thắng Phật.

Làm tại chùa Ấn Quang ngày 8/4 Nhuần Quý Mão.
Chùa Quán Thế Âm.
Tỳ Kheo Thích Quảng Đức kính bạch"

Nghe tin tất cả mọi người đều thảng thốt như bị điện giựt, rồi không ai bảo ai mọi người đều quì xuống, các ni sư có người oà lên khóc, nhiều tiếng niệm Phật nho nhỏ thốt lên như những tiếng kêu tán thán, rồi tất cả mọi người đồng sụp lạy và qùi tụng theo lời của anh Từ xướng lên *"Nam Mô tiếp dẫn đạo sư A di đà Phật"*, tiếng tụng

kinh ban đầu còn lảo đảo ngập ngừng trong cơn xúc động, nhưng càng lúc càng vững vàng tự tin lấn át mọi nghẹn ngào của nước mắt đang chảy tràn trên mặt nhiều người, nghe ầm ì như tiếng của một cơn sóng thần từ trên trời dội xuống.

Tôi ngồi đó như bị câm, môi tê cứng không thể mấp máy tụng theo mọi người. Hình như tôi chưa có một ý niệm hay chưa vẽ ra được trước mắt hình ảnh về mấy chữ vừa được nghe: *"Hoà Thượng Thích Quảng Đức vị Pháp thiêu thân". "Đốt cháy thân xác thịt da mình để cứu đạo Pháp và giác ngộ con người!"*! Đã đành mỗi chữ trong dòng thông tin này như *"đốt cháy" - "thân xác - thịt da" - "cứu" - "Đạo Pháp"* thì rõ nghiã, nhưng sau từng chữ là tổng thể của một chí nguyện và sức mạnh tinh thần vô úy vô ngại dũng mãnh để biến thành ngọn lửa thiêu thân hiện thực, điều này đang vượt quá giới hạn kinh nghiệm của một đứa sinh viên Phật tử nhỏ bé yếu đuối là tôi đang cúi đầu sụp lạy. Tôi tự hỏi không biết mình sẽ phản ứng như thế nào khi được chứng kiến tận mắt cảnh tượng hy sinh chưa từng có này: khóc, la hét, ngất xỉu, niệm Phật, lạy, sửng sờ, sợ hãi, chết cứng, sùng bái? Mọi liên tưởng hay so sánh của con người về hình ảnh đó bỗng trở nên hạn hẹp và tố cáo kinh nghiệm chủ quan cũng như trình độ hiểu biết của từng cá nhân. Tôi nhớ đến màu đỏ lửa của hoa phượng trong giấc mơ: Lửa! Lửa! Lửa! Một kẻ ngu ngơ như tôi chỉ có thể tưởng tượng được ngọn lửa vây quanh ngài cũng đỏ như màu hoa phượng trong giấc mơ, nhưng trong giấc mơ, hoa phượng có thành lửa đỏ cũng chỉ là mơ...lửa không nóng mà lại mát rượi cả tâm hồn! Và cho dù tôi có học thuộc lòng lý thuyết của D. Hume về kinh nghiệm bỏ tay vào lửa là bị phỏng, phỏng làm đau...mà bản tính của con người sợ đau nên học được thói quen thấy lửa là tránh, đã sợ đau tránh lửa thì làm sao có thể hiểu hết được sức mạnh siêu nhiên vô úy của người ngồi kiết già trong lửa?

Có người như bà Trần Lệ Xuân, vợ của ông Cố vấn Ngô đình Nhu, chủ tịch Phụ nữ Liên đới VN, trong tình cảm riêng tư, khi nghe tin *"lửa cháy...thân xác"* liền nghĩ ngay đến món *"thịt nướng"* trong biệt thự sang cả của bà, không hơn không kém! Tổng thống Ngô Đình Diệm, trong vai trò của ông, vừa nghe tin đã rụng rời, rơi cả giấy đang cầm tay và hốt hoảng đọc lời hiệu triệu nhưng vẫn tuyên bố một câu đầy oai quyền *"sau lưng hiến pháp còn có tôi"* như một lời tự thú về quá trình độc tài của chính ông. Cả thế giới nhìn Việt nam với nỗi kinh ngạc về sức mạnh tâm linh của một hiện tượng tôn giáo độc nhất vô nhị trên đời. Và báo chí khắp năm châu kín trang đi tìm ý nghĩa

hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức như một hy sinh cao cả! Họ làm sao hiểu hết được hành động phi thường này qua những tam đoạn luận, phép tỷ giáo, loại suy, phân tích, so sánh ngay cả với chúa Jesus! Hình như mọi so sánh đều là những quá trình giảm thiểu rút gọn vào kinh nghiệm thuộc thế giới thường nghiệm, do đấy trở nên ngờ nghệch và khập khiểng.

Trái tim Bồ tát

Vượt lên trên tất cả sức tưởng tượng của con người cũng như lòng tin căn cứ vào thói quen cho rằng "lửa có khả năng khủng khiếp đốt cháy tiêu hủy hết tất cả những chi thuộc về "sắc tướng", Thích Quảng Đức đã đưa một thông điệp khác cho loài người: THẾ NHƯNG! LỬA đã không thể thiêu hủy trái tim Bồ tát Thích Quảng Đức! - nghe Thượng Tọa Đức Nghiệp, người đã đưa Hoà Thượng Thích Quảng Đức đến ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (Sài gòn) ngồi xuống ung dung châm lửa tự thiêu, kể lại rằng hôm ấy mấy chục ký giả ngoại quốc chứng kiến vụ tự thiêu - những kẻ được tôi luyện trong tri thức khoa học và tin tưởng vào khoa học -, đã lon ton chạy đi tìm thêm mấy bình xăng, quẹt hết mấy hộp diêm, hì hà hì hục cố tình đốt lui đốt tới hầu mong có thể tiêu hủy trái tim vẫn còn nguyên vẹn sau khi nhục thể của Ngài đã thành tro, nhưng LỬA hơn nghìn độ của lò hỏa thiêu cũng như mấy chục lít xăng super của người ngoại quốc đã qui hàng trước TRÁI TIM BỒ TÁT.

Trái tim có sức mạnh biến lửa tam muội thành LỬA TỪ BI. Hiện tượng bất ngờ! Những kẻ tự hào văn minh Tây phương ngơ ngác! Hình như mọi thứ ngôn từ khoa học vừa dừng lại nơi đây, nơi cái gạch nối ấy, gạch nối giữa thể xác và tâm linh, giữa trái tim nhục thể và trái tim bất diệt, khoa học đang dừng lại bên bờ nhịp đập và nhịp ngừng của trái tim, quờ quạng không tiến xa hơn một bước, trong lúc kẻ hành thâm bát nhã đã thâm nhập vào bến bờ của tâm - ý - thức siêu ngã, đã qua bờ và đã quay về - khi đi cũng như khi trở lại không bằng con đường nào khác hơn là con đường của TÂM - của trái tim: từ trái tim khả tử đến trái tim bất tử - tuy hai mà chỉ là một, trái tim Quảng Đức!:

"Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ, Phật pháp chẳng rời tay" ,

"Bóng người vượt chín tầng mây, nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề".

Có chăng chỉ còn *"vần điệu của thi nhân"*, trong một phút giây trực cảm, đã đến gần với nhịp đập của trái tim Bồ Tát ấy, đã có thể

"sờ“ được ngọn lửa từ bi, khả dĩ đem ánh sáng ngọn lửa Quảng Đức chiếu dọi vào tâm hồn của người Việt trên khắp miền Nam và cả thế giới. Một tháng sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu, với "Lửa Từ Bi“ thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã thêm một lần làm ngọn lửa này rực sáng thiên thu bất diệt, đã làm bừng cháy ý nguyện của Phật tử miền Nam:

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi
Chỗ người ngồi: một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét từ bi.
Rồi đây… rồi mai sau… còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian, lê vết máu qua đi
Còn mãi chứ, còn trái tim Bồ tát
Dội hào quang xuống chốn A tì
Ôi ngọn lửa huyền vi…

Lời thơ vang dội đã gây nên một tác dụng mãnh liệt nung đốt ý nguyện vô úy của Phật tử miền Nam, đến nỗi những người có uy quyền phải giật mình thảng thốt. Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu nổi giận trước đám bộ hạ tướng tá giám đốc công an, cảnh sát, mật vụ của ông và quát tháo rằng, cả guồng máy công an cảnh sát miền Nam chẳng làm gì được mà thua một bài thơ của tên thi sĩ quèn trói gà không chặc. Hình như trong cơn nóng giận, bị nung đốt trong lửa dục độc tôn và lửa hờn ghét tất cả những ai không theo mình, bị mê hoặc trong lửa ái ngã và chấp ngã, ông Cố vấn vốn nổi tiếng thông minh tài ba đầy mưu thần chước quỉ đã không thấy được sức mạnh của một «cung» rất nhỏ trong «vần điệu thi nhân», một dấu nhấn hầu như vô hình nhưng có mãnh lực đưa mũi tên mỏng như lá tre phá cả thành trì vô minh, khai phóng giác ngộ giải thoát, đưa bài thơ theo cùng với ngọn lửa Quảng Đức tỏa khắp mười phương

Từ cõi vô minh
Hướng về cực lạc
Vần điệu thi nhân chỉ còn là rơm rác
Và cũng chỉ nguyện được là rơm rác.

Chính cung thương « nhạn quá trường giang » của tâm vô ngã « chỉ nguyện được là rơm rác » đã giúp thi nhân « tự đốt mình » diệt mọi sân si tham ái, vượt bờ giới hạn ngã chấp, lời thơ bay vút rực sáng trong tâm nhân loại ngọn lửa từ bi Quảng Đức:

Thơ cháy lên theo với lời kinh,
Tụng cho nhân loại hoà bình,
Trước sau bền vững tình huynh đệ này...

Hôm nay khi viết những giòng này, như một cuộc hẹn vô tình, lại cũng là ngày 11. tháng 6 của năm xưa, đã vừa vặn 40 năm ngọn lửa Thích Quảng Đức! Bút mực thời ấy đã chảy ra rất nhiều, lời ca ngợi tán thán cũng đã lắm, sự sùng bái quá đà tột bực. Nhưng bỗng giựt mình cho hôm nay và cho cả ngày xưa ấy! 40 năm đã đem lại nhiều thăng trầm cho Việt nam, quá nhiều tang thương ngẫu lục cho cả mấy thế hệ 50, 60, 70, đến nỗi lịch sử lắm khi vì quá đau hay quá kiêu hãnh lại bỏ sót một vài điều tâm linh đáng để quan tâm, nhưng dễ bị bốc hơi ở nơi những trang sử thiên về vật chất! Bia đá dễ mòn nhưng bia miệng có lẽ không nên mòn về hiện tượng tâm linh Thích Quảng Đức.

"Vĩ nhân mà siêu nhân"

Hòa thượng Thích Trí Quang tán thán ngọn lửa Quảng Đức bằng một câu đáng suy ngẫm: «nước Việt nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân»

Thật thế, Việt nam của thế kỷ hai mươi đã có nhiều điều đáng nói, nhưng trên bình diện thể tính văn hoá Việt nam - hay nói nôm na trên bình diện tu tâm, - có lẽ điều đáng nói nhất mà không quá đáng là Việt nam đã có một siêu nhân Thích Quảng Đức với một sức mạnh tâm linh đã được thực chứng bằng «trái tim Bồ tát».

Ngọn lửa Thích Quảng Đức không chỉ bùng cháy cho người Phật tử, ngọn lửa Thích Quảng Đức là một minh chứng cho cả một nền văn hoá Việt nam được thể nhập như một đồng nhất «tâm thể», khơi dậy cho thế hệ nối tiếp một niềm hi vọng nhân ái trên con đường hội nhập nội tâm - và có lẽ chỉ ở điểm này - ở tính nhân ái từ bi nhẫn nhục nhưng đầy vô úy vô ngại - trái tim Quảng Đức khác với «trái tim bốc lửa linh thiêng» («heilig gluehend Herz») của một Prometheus , - kẻ đem lửa cho trần gian - mà Goethe đã từng ca ngợi (J. W. v. Goethe, Prometheus). Prometheus phản kháng và thách đố Thượng đế, kẻ đánh lừa trái tim «tươi trẻ và thánh thiện» đã bùng cháy một thời cho thần linh và Thượng đế ngủ yên, đã là một giấc mơ huyền thoại về lý tưởng văn hoá của con người Tây phương, giấc mơ về hiệu hữu của loài người không phụ thuộc vào thần linh và Thượng đế, của một giống người với trái tim bốc cháy theo hình

tượng một Prometheus «biết đớn đau, biết khóc biết cười, biết vui chơi và hạnh phúc» và «vô úy» (J. W v. Goethe, đã dẫn), không hãi sợ thần linh. Prometheus bắt đầu xây dựng nhân tính bằng tự do, nhưng cũng bằng sự kiêu hãnh chấp ngã của một cá tính phương Tây. Xét cho cùng Prometheus cũng chỉ là giấc mơ huyền thoại lý tưởng của Tây phương! Với Hitler, tập đoàn thuộc địa, đế quốc và độc tài phương Tây, giấc mơ Prometheus phần nào đã trở thành cơn ác mộng của loài người. Trong lúc «Thích Quảng Đức ngồi yên thế hoa sen trong biển lửa» là một hiện thực «vô úy - từ bi» trọn vẹn của con người đã vượt chấp ngã, của «vị Phật đã thành», khởi đầu bằng sự phát triển chánh kiến chánh niệm, mở rộng trái tim cho tất cả chúng sinh, quên mình cho lý tưởng giác ngộ, chỉ nẻo cho tha nhân lầm đường và cầu nguyện cho chính những người thù nghịch với con người. Ngọn lửa Thích Quảng Đức không phải là một huyền thoại hay một niềm tin mù quáng mà là ngọn lửa của con người, của «mỗi người tự thắp đuốc lên mà đi».

Đứng đầu thế kỷ hai mươi mốt, vào một thời điểm mà thế giới chưa bao giờ như ngày hôm nay bị phá sản về tinh thần và văn hóa trầm trọng đến từ hai phía: sự hung hăng thô bạo của thế lực vũ lực ngụy tín và sự vô vọng hư vô (nihilist) của cuồng tín tâm linh, nền tảng đạo đức nhân loại đang lung lay sụp đổ dưới chân của mỗi người. Với LỬA TỪ BI và TRÁI TIM BỒ TÁT, Việt nam có lý do hơn ai cả để tin tưởng vào sức mạnh vô úy siêu nhiên đầy tình nhân loại của chính con người Việt nam.

Nói điều ấy mà không mang một chút ảo tưởng, nếu mỗi người, nhất là người Phật tử Việt nam không xem câu chuyện Thích Quảng Đức như một hiện tượng đặc biệt duy nhất, chỉ nên được nhớ hay quên như một dữ kiện lịch sử. Tấm gương Bồ Tát Quảng Đức là một minh kính sửa lại cái nhìn sai lệch cho rằng hiện tượng tâm linh tôn giáo là một liều thuốc độc mê ngủ, đồng thời mở ra một chân trời mới cho thấy khả năng tâm linh của con người liên hệ với thực tại siêu việt trong nỗ lực vươn tới tuyệt đối thiện mỹ, mà những tôn giáo độc thần giáo điều thường giao trọn trong tay Thượng đế.

Câu trả lời nằm trong câu hỏi: công án Thích Quảng Đức

Đối với thế hệ trẻ, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên một vấn nạn, một tiền đề tu chứng khởi đầu hành trình tỉnh thức cho cả một đời người, một tấm gương khai phá sức mạnh tâm linh siêu nhiên của con người Việt nam.

Vấn nạn ấy anh em sinh viên đã thao thức đặt ra ngay sau ngày Thích Quảng Đức tự thiêu cũng như trong những buổi hội thảo những năm tháng kế tiếp, rồi bị rơi vào quên lãng.

Câu hỏi thường được đặt ra là «Thiêu thân có phải là một sự tự sát và đạo Phật có chấp nhận tự sát hay không?». Trả lời câu hỏi ấy mà chẳng trả lời, Thầy Trí Quang đưa ra lời dạy của Đức Phật làm cả bọn chưng hửng «Thân người khó được!»

Vĩnh Tùng ngay hôm đầu tiên, với tiếng nói sư tử hống hề hề, lại đặt câu hỏi cố hữu: «Rưá là răng, thưa Thầy». Phan Chánh Đông, thường khi hay phản bác lại câu «Huế chay» đó bằng một câu khác cũng «Huế rặt» không kém «Răng trong miệng a tề!», hôm ấy bỗng dưng im lặng, đôi mắt ốc bưu cũng bớt long lanh. Cả bọn thanh niên trẻ vốn ưa suy luận, ốn ào đặt vấn đề bỗng thấy đang đứng trước một vách đá, băn khoăn: chúng tôi đang vấp vào một nghịch lý mà luật chơi lý luận lý không cho phép. Rõ ràng nếu «thân người khó có» thì phải qúi trọng «thân người», có nghĩa là phải «ái», phải «thủ» phải «chấp» lấy tấm thân "khó có" này, có nghĩa là phải bảo vệ thân xác đến mức toàn thiện tận cùng, phải qúi hoá nâng niu nó, không được coi thường coi nhẹ mạng sống của con người! Từ đó «tự thiêu thân» phải chăng là điều cấm và Thích Quảng Đức đã không tuân lời Phật dạy?

Vĩnh Kha hạ kính cận xuống, nhìn mà không thấy ai: «thưa Thầy, hình như chưa đả thông được lời dạy 'thân người khó được' với sự tự thiêu"! Chị Tuyết xen vào: «Thưa Thầy, theo con nghĩ, Đức Phật đã dạy coi tấm thân ngũ uẩn tứ đại là vô thường, thì chuyện tự thiêu chẳng có chi mâu thuẫn!». «Nhưng lại mâu thuẫn với thân người khó có!» Đông tủm tĩm nhắc lại câu hỏi ban sơ.

Đến đó Thầy Trí Quang mới dẫn chứng thêm «trong kinh cũng có nói về đốt thân xác như một hành động tu chứng chế ngự bản thân và nhất là trong trường hợp cần phải cứu độ sinh linh, hành giả có thể tự nguyện hủy thân mình!». Chúng tôi thở phào an tâm, đã có lời Phật dạy như thế!

Nhưng trong lòng nỗi băn khoăn vẫn chưa dứt. Hình như chúng tôi cũng đang quanh quẩn trong rừng rậm hoài nghi mà một người chưa học Phật thấu đáo thường mắc phải, và những kẻ ngộ nhận Phật giáo thường vội vàng dựa vào đó để đi đến những kết luận xuyên tạc: kết luận Đạo Phật là phi tôn giáo, từ chối bản thể siêu việt và không giải đáp được những câu hỏi siêu hình của con người. Những kết luận này cho thấy sự nông cạn, không thấy được hay không muốn thấy hai

bình diện chân lý khác nhau trong lời dạy «tấm thân ngũ uẩn» và «thân người khó có» của Đức Phật.

Trong lúc thấy được tính giả hợp của tấm thân ngũ uẩn là nhìn đúng bản chất của sự vật trên bình diện khoa học khách quan, thì mặt khác lời dạy «thân người khó được» nhấn mạnh đến giá trị hiếm có của chính thân người trên thế gian, chính giá trị này mang đến ý nghĩa cho sự hiện hữu của con người như là một thực thể có khả năng giác ngộ, giải thoát. Ngay ở điểm này cho thấy, trí tuệ trong cái nhìn khách quan khoa học «thân ngũ uẩn» luôn luôn đi đôi với câu hỏi về đạo đức tâm linh «thân khó được» đã làm nên yếu tính tu học của người Phật tử. Hành giả thấy được sự giả hợp của tấm thân ngũ uẩn, nhưng không bao giờ vất bỏ tấm thân muôn kiếp mới được làm người trên thế gian này!

Phải suốt cả cuộc đời tinh tấn, hành thâm chính kiến ngũ uẩn, tận tâm lực qúi trọng nhưng không chấp thủ «thân người khó được» mới hiểu được ý nghĩa hạnh nguyện khẩn thiết «được tự thiêu» của Bồ Tát Quảng Đức. Ý nghiã này, ngoài lòng từ bi vô lượng, không bắt nguồn từ đâu khác hơn sự thâm nhập và thực chứng lời dạy của Đức Phật về giá trị đạo đức và tâm linh của thực thể con người.

40 năm vấn nạn Thích Quảng Đức như một công án cho cả đời người. Ngờ đâu câu trả lời đã nằm trong câu hỏi. Thích Quảng Đức là câu trả lời, là gạch nối giữa «thân khó được» trong sự tu luyện thân xác trở nên kim cương bất hoại và «tự thiêu vì chánh pháp cứu độ sinh linh» như một hạnh nguyện từ bi vô lượng vô biên. Nhìn lại Thích Quảng Đức là nhìn lại cả hành trình tu chứng của Phật Giáo Việt nam như một thực chứng giác ngộ giải thoát mà mỗi người Việt nam đang có sẵn trong tâm thức của chính mình!

http://www.lieuquanhue.com.vn/index.php/n_ng_ph_xu_n/3235.html

MỤC TIÊU CÔNG BẰNG XÃ HỘI NHÌN TỪ PHONG TRÀO PHẬT GIÁO MIỀN NAM NĂM 1963

Lê Cung

Công bằng xã hội đã được Đức Thế Tôn khẳng định như là một quy luật xã hội, cô đọng lại trong lời dạy nổi tiếng, mang tính vượt thời gian: **"*Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn*".**

Từ khi quy ngưỡng giáo lý Phật đà cách đây hai ngàn năm, người Phật tử Việt Nam qua bao thế hệ không chỉ hằng mơ ước mà đã xả thân cho mục tiêu công bằng xã hội, trong đó phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 được xem như là một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất.

Ngay từ khi phong trào bắt đầu (7-5-1963), Phật giáo Việt Nam đã đặt vấn đề công bằng xã hội một cách cụ thể:

Về mục tiêu: "*Bình đẳng và tự do cho tín ngưỡng Phật giáo (trong phạm vi nhân quyền)*;

Về đối tượng: "*Chỉ phản đối chính sách bất công, không coi Chính phủ, nhất là không coi Thiên Chúa giáo là kẻ đối lập*"[(1)].

Từ chủ trương đó, trong cuộc rước Phật từ chùa Diệu Đế về chùa Từ Đàm (Huế) vào sáng ngày 8-5-1963, Tăng Ni và Phật tử đã đưa cao các biểu ngữ: "*Cờ Phật giáo quốc tế không thể bị triệt hạ", "Phật giáo đồ chỉ ủng hộ chính sách bình đẳng tôn giáo", "Yêu cầu Chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng", "Phản đối chính sách bất công gian ác"...*

Tối 8-5-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm mở cuộc đàn áp đẫm máu tại Đài Phát thanh Huế làm 8 Phật tử bị thiệt mạng và nhiều người bị thương. Trước thảm cảnh tang thương đó, ngày 10-5-1963, trong cuộc meeting tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo đã công bố "*Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam*", gồm năm nguyện vọng với nội dung chủ yếu là đòi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi công bằng xã hội:

"1. *Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn*

Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo.

2. *Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dụ số 10.*

3. *Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo.*

4. *Yêu cầu cho Tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.*

5. *Yêu cầu Chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức*".

Tuyên ngôn khẳng định quyết tâm đấu tranh của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam: "*Những điểm trên đây là nguyện vọng tối thiểu và thiết tha nhất của toàn thể Tăng, tín đồ Phật giáo trong cả nước. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh cho đến lúc nào những nguyện vọng hợp lý trên đây được thực hiện*"[(2)].

Tuy nhiên, với bản chất giáo phiệt, chính quyền Ngô Đình Diệm đã xem thường những yêu sách về công bằng xã hội mà Phật giáo đòi hỏi và tin rằng mọi phong trào sẽ bị dập tắt. Khi linh mục Cao Văn Luận, Viện trưởng Viện Đại học Huế, một người thân tín với chế độ và gia đình họ Ngô lên tiếng can ngăn: "*Chính quyền nên mềm dẻo, khéo léo hơn một chút*", Giám mục Ngô Đình Thục (anh ruột Diệm) cai quản địa phận Huế trả lời rằng: "*Phong trào quần chúng bất quá như ngọn lửa rơm, bùng lên, bùng lên một chốc rồi tắt ngay, có chi mà sợ*"[(3)].

Chính sách bạo trị của chính quyền Ngô Đình Diệm khiến cho phong trào Phật giáo từ Huế nhanh chóng lan rộng ra khắp miền Nam. Ngày 9-5-1963, tại Sài Gòn, dưới hình thức một "*Lá tâm thư*", gởi toàn thể Tăng, tín đồ, giới lãnh đạo Phật giáo đã vạch trần chính sách bất công của chính quyền Ngô Đình Diệm trong suốt 9 năm thống trị, rằng: "*Phật tử chúng ta (cả xuất gia và tại gia) có nơi bị chôn sống, bị vu khống, bị tù đày, bị thiên cư, bị nhục mạ, ngày nay lại thêm cái tát đau đớn nữa là lá cờ Phật giáo quốc tế - linh hồn của Phật giáo - bị hủy bỏ ngay ngày kỷ niệm Đấng Giáo chủ của chúng ta, đến nỗi cuộc hy sinh vì đạo đã phải diễn ra tại Huế";* đồng thời kêu gọi *"toàn thể Phật giáo đồ, không phân biệt xuất gia hay tại gia, người Việt hay ngoại kiều, hễ ai còn nhiệt huyết vì đạo, chúng ta hãy tự bình tĩnh, luôn luôn muôn người như một, sẵn sàng bảo vệ đạo, chết vì đạo"*[(4)].

Ngày 14-5-1963, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt

Nam ra tuyên bố, vạch rõ: "*Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát-xít Mỹ - Diệm đối với đồng bào tay không ngày 8-5 tại Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được đối với nhân dân ta nói chung và đối với đồng bào theo đạo Phật nói riêng… Cuộc đàn áp đẫm máu lần này đã bóc trần lời của Mỹ - Diệm vẫn thường vỗ ngực tự xưng là hữu thần, là tôn trọng tự do tín ngưỡng, và nhất định sẽ càng nung nấu thêm lòng căm thù và chí kiên quyết tiêu diệt chúng của tín đồ các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam*"(5).

Ở miền Bắc, xã luận báo *Nhân Dân* (15-5-1963) đã lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam. Bài xã luận viết: "*Cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật và các tầng lớp đồng bào khác ở Huế là một cuộc đấu tranh chính nghĩa được nhân dân cả nước ủng hộ. Nhân dân miền Bắc vô cùng khâm phục tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Huế được sự ủng hộ của các tầng lớp rộng rãi ở miền Nam. Chúng ta tin chắc rằng cuộc đấu tranh bền bỉ và anh dũng của đồng bào Huế và toàn thể miền Nam mặc dù trải qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng*"(6).

Ngày 23-5-1963, để giải thích rõ ràng, cụ thể năm nguyện vọng, giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam cho công bố bản Phụ đính của "*Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963*", trong đó khẳng định lại một lần nữa mục tiêu cuộc vận động: "*Tranh đấu cho lý tưởng công bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo*"(7). Và "*để cho những nguyện vọng tối thiểu và hoàn toàn thuộc phạm vi tín ngưỡng ghi trong bản Tuyên ngôn và bản Phụ đính của chúng tôi được thấu hiểu và chấp nhận*"(8), bằng phương pháp bất bạo động, Phật giáo tổ chức cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ trên khắp miền Nam bắt đầu từ 14 giờ 30 ngày 30-5-1963.

Chiều ngày 1-6-1963, sau cuộc tuyệt thực 48 giờ đồng hồ của các cấp lãnh đạo Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn "*án binh bất động*" trước các nguyện vọng của Phật giáo, đích thân Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, người lãnh đạo tối cao cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam, tuyệt thực. Trước lúc bắt đầu tuyệt thực, trong một diễn từ, Ngài đã vạch trần chính sách áp bức Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm: "*Trong một tài liệu chính thức cho công chức học tập, Tổng thống đã tuyên bố 80% dân tộc là Phật giáo… Ấy vậy mà ngày nay năm nguyện vọng chân chính của 80% ấy không được đếm xỉa, Phật giáo của 80% ấy coi như không có, không nói với, như thế là cái chính sách bất công đã gần trở thành chủ trương hủy bỏ*

Phật giáo". Vì vậy, đối với Tăng Ni, "cuộc tuyệt thực này sẽ diễn ra với ý chí một mất một còn đối với năm nguyện vọng chân chính của Phật giáo Việt Nam"[9].

Ngày 2-6-1963, sinh viên Huế hưởng ứng cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo. Trong ngày này, bằng một khẩn điện gởi cho Ngô Đình Diệm, đoàn sinh viên Phật tử Huế và một số sinh viên Phật tử Sài Gòn có mặt tại Huế yêu cầu Ngô Đình Diệm mau chóng giải quyết năm nguyện vọng của Phật giáo và "*thệ nguyện đem tánh mạng của mình để hiến cho năm nguyện vọng của Phật giáo liên hệ đến lý tưởng tự do bình đẳng*"[10]. "Thệ nguyện" đó đã biểu hiện cụ thể vào sáng ngày 3-6-1963, khi 500 sinh viên Huế biểu tình trước Trụ sở "*Đại biểu Chính phủ*" miền Bắc Trung nguyên Trung phần mặc cho chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp dữ dội. Trong lúc đó, quần chúng Phật tử khắp nơi đổ về chùa Từ Đàm tiếp tục cuộc đấu tranh, đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bao vây, phong tỏa bằng những thủ đoạn hèn hạ như cắt điện nước, không cho tiếp tế thuốc men, lương thực, thực phẩm.

Tại Sài Gòn, cuộc hội đàm giữa Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của Diệm) không đem lại kết quả. Chính quyền Ngô Đình Diệm càng trở nên ngoan cố hơn trước những nguyện vọng của Phật giáo. Cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam đang đứng trước tình thế "*ngàn cân treo đầu sợi tóc*". Trong tình hình đó, giới lãnh đạo Phật giáo buộc phải chấp nhận hạnh nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, bởi lẽ "*nếu kéo quá dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào đấu tranh tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẽ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng*"[11].

Ngày 11-6-1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu giữa đường phố Sài Gòn trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng nhiều quan sát viên, báo chí quốc tế. Trong các bút tích để lại, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói rõ hạnh nguyện tự thiêu của Ngài là nhằm đẩy lùi bất công nhằm xây dựng công bằng xã hội.

"*Vì sự bất công tôi thiêu xác*
Khói hồn nguyện độ cảnh hàm oan"*.
Hoặc:
"*Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác*
Tro trắng phẳng san hố bất bình"*.

Đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội ở Hòa thượng Thích

Quảng Đức chứa đựng một tinh thần vị tha cao cả, rộng lớn của giáo lý Phật giáo: "*Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, hãy thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà vững yên muôn thuở*"[12].

Tinh thần vị tha cao cả của Phật giáo là bất phân ly với tinh thần dũng mãnh như Hòa thượng Thích Quảng Đức khẳng định:

"*Đã mang danh thể con dòng Thích*
*Bi, Trí, Hùng sao chẳng đem ra"**.

Ngày 20-7-1963, Thành hội Phật giáo Hà Nội dựng tháp Ấn Quang tại chùa Hòe Nhai để ghi công đức xả thân hộ pháp của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Bài minh trong tháp đã nhấn mạnh đến hạnh nguyện của Ngài:

"*Bể khổ lấp bằng là đại nguyện*
Từ bi bao quản mọi hy sinh"[13].

Vị tha, cao cả và dũng mãnh của Phật giáo đã làm cho "*cái chết vô úy của Hòa thượng Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng*"[14]. Và "*Ảnh của vị Hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục*"[15].

Sau cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, dường như công bình xã hội xét trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng được chính quyền Ngô Đình Diệm thừa nhận qua việc ký kết Thông cáo chung với Phật giáo ngày 16-6-1963, trong đó thỏa mãn năm nguyện vọng mà Phật giáo đã đề ra trong Tuyên ngôn ngày 10-5-1963. Cuộc vận động của Phật giáo đi vào hòa hoãn, chờ đợi chính quyền Ngô Đình Diệm thực thi Thông cáo chung. Trong Thông bạch gởi toàn thể Tăng Ni, Phật tử ngày 17-6-1963, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, lãnh đạo tối cao Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, viết: "*Một điều quan trọng mà tất cả Tăng Ni và Phật tử thắc mắc tự hỏi: Liệu những lời cam kết được ghi trong Thông cáo này có được thực thi đúng đắn khắp nơi trong nước hay không? Điều đó còn đợi thời gian trả lời, tuy nhiên chúng ta tin tưởng ở lời tuyên bố của Tổng thống và Ủy ban Liên bộ, nếu những cam kết không được thực thi đúng thì đó không phải là trách nhiệm của chúng ta*". Cũng trong Thông bạch này, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết báo tin cho toàn thể Tăng Ni, Phật tử biết về những kết quả đạt được trong Thông cáo chung và kêu gọi họ "*hãy trở lại nếp sống bình thường, thành tâm cầu nguyện cho bản Thông*

cáo chung, một văn kiện được cam kết long trọng giữa Chính phủ và Phật giáo được thi hành nghiêm chỉnh"[16].

Sách lược hòa hoãn của giới lãnh đạo Phật giáo đã làm cho nhiều người "*nóng nảy*" bất bình. Họ cho rằng giới lãnh đạo Phật giáo chỉ dừng mục tiêu của phong trào ở việc thỏa mãn năm nguyện vọng chứ không vươn tới các mục tiêu tự do dân chủ, công bằng xã hội. Để cho quần chúng khỏi ngộ nhận về mục tiêu của phong trào, trong lần giải thích về nội dung Thông cáo chung vào ngày 23-6-1963 tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn), giới lãnh đạo Phật giáo đã chỉ ra rằng: "*Có người đi tới chỗ cho rằng các nhà lãnh đạo Phật giáo đã bị mua chuộc*". Về nguyện vọng của quần chúng, giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định: "*Có bình đẳng tôn giáo sẽ có bình đẳng về mọi mặt. Bình đẳng tôn giáo chẳng phải là thực chất thiết yếu của dân chủ, tự do ư? Phật giáo Việt Nam đã hiểu rõ nhu cầu của dân tộc và đặt cuộc vận động trong cuộc đấu tranh của dân tộc*"[17].

Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm, việc ký kết Thông cáo chung chỉ là một kế hoãn binh, một sự nhượng bộ tạm thời để tiến đến một cuộc đàn áp đại quy mô nhằm đè bẹp phong trào Phật giáo. Điều này được tiết lộ trong một bức Điện mật mang số 1342/VP/TT ngày 19-6-1963 của Văn phòng Phủ Tổng thống đánh đi cho đại biểu Chính phủ các miền, các Tư lệnh vùng, nguyên văn như sau: "*Để tạm thời làm dịu tình hình và khí thế đấu tranh quá quyết liệt của bọn Tăng Ni và Phật giáo phản động, Tổng thống và ông Cố vấn ra lệnh phải tạm thời nhún nhường họ. Một kế hoạch đối phó thích nghi sẽ gửi đến sau. Ngay từ bây giờ hãy chuẩn bị dư luận cho giai đoạn tấn công mới. Hãy theo dõi điều tra thanh trừng những phần tử Phật giáo bất mãn và trình thượng cấp kể cả sĩ quan và công chức cao cấp*"[18]. Trong cuộc họp với 18 tướng tá vào đầu tháng 7-1963, Ngô Đình Nhu (em ruột Diệm) nói: "*Nếu Chính phủ này không giải quyết vấn đề Phật giáo, nó sẽ bị lật đổ vì một cuộc đảo chính quân sự*"[19]. Theo Nhu "*bất cứ Chính phủ nào thay thế Chính phủ này trước hết phải đập tan những người Phật giáo*"[20].

Quan điểm chính trị trên đây của Ngô Đình Nhu đã dẫn đến những vi phạm Thông cáo chung của chính quyền Ngô Đình Diệm, nghĩa là công bằng xã hội trên lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng vừa được thừa nhận bằng văn bản đã bị xé bỏ, khiến phong trào Phật giáo nhanh chóng phục hồi trở lại. Những cuộc biểu tình, tuyệt thực, văn thư phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm liên tục diễn ra. Ngày 30-7-1963, nhân Lễ Chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức,

giới lãnh đạo Phật giáo đã ra thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Diệm: "*… sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc… nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nỗi bất bình oan khúc không sao kể xiết*"[21].

Tiếp theo, ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy, phản đối việc Đại sứ Mỹ Nolting cho rằng ở "*Việt Nam Cộng Hòa*" không có kỳ thị tôn giáo. Bức điện viết: "*Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam Việt Nam, chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng Thông tấn UPI cho rằng không có kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.*

Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số.

Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ"[22].

Trong nửa đầu tháng 8-1963 đã có thêm 4 nhà sư nữa tự thiêu để phản đối sự lật lọng của chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung. Tiếp theo, hầu hết giảng viên Viện Đại học Huế từ chức và nghỉ việc; trong lúc đó, dư luận khắp nơi trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, đều hướng về cuộc đấu tranh vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo và lên án gay gắt chế độ Ngô Đình Diệm, một chế độ mà đặc điểm "*là hối mại quyền thế, gia đình trị, tham nhũng, khinh miệt thuộc hạ và tàn nhẫn với những đòi hỏi của nhân dân*"[23].

Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành "*Kế hoạch nước lũ*" tấn công hầu hết các ngôi chùa dùng làm trụ sở đấu tranh, bắt giữ hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo. Bằng hành động dã man này, chế độ Ngô Đình đã "*thực sự giẫm trúng vỏ chuối do Phật giáo quăng ra*", đã tự chọn cho mình một tuyệt lộ.

Thật vậy, sau "*Kế hoạch nước lũ*", phong trào Phật giáo phát triển sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân. Những ngày sau 21-8-1963, cả thành phố Sài Gòn rung động, nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức; sinh viên bãi khóa, bỏ thi. Đầu tháng 9-1963, cuộc vận động lan sang các trường trung học. Học sinh Sài Gòn bãi khóa, biểu tình, đánh trả sự đàn áp của cảnh sát Diệm. Nhiều đoàn thể được gấp rút thành lập, nhập cuộc tham gia đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm, như Đoàn Thanh niên cứu nguy Phật giáo,

Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ, Việt Nam Thanh niên Ái quốc đoàn, Thanh niên Tăng đoàn Việt Nam. Lời kêu gọi của Đoàn Thanh niên Quốc Tuệ viết: "*Gia đình họ Ngô chẳng từ một hành động tàn bạo nào! Chúng bất chấp dư luận, bất chấp lời phản đối của nhân dân trong nước và thế giới. Chúng đã bị vinh hoa phú quý che mờ mắt lương tri và không còn lấy một chút đạo đức sơ đẳng của con người.*

Thậm chí phá chùa, bắt sư, xả súng vào các đoàn biểu tình là một hành động man rợ chưa từng có trong lịch sử loài người.

Các bạn thanh niên, học sinh và đồng bào!

Giờ phút lịch sử đã điểm.

Tất cả chúng ta hãy kết khối vùng lên, hô to khẩu hiệu:

"Chiến đấu! Chiến đấu! Quét sạch chế độ bạo tàn"[(24)].

Trong điều kiện lưới mật vụ của Diệm giăng ra dày đặc, phong trào quần chúng chống chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn tiếp tục diễn ra, như ở Sài Gòn, các bà mẹ đã lấy bong bóng kết theo những biểu ngữ mang nội dung chống Diệm thả lên không trung; hoặc là những tấm áp phích hý họa mô tả chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm; hoặc ở chợ Bến Thành có hình thức thả khỉ mang tên những anh em gia đình họ Ngô,… Ngày 5-10-1963, nhà sư Thích Quảng Hương tự thiêu trước chợ Bến Thành. Tất cả cho thấy trước sự khủng bố ác liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam vẫn kiên trì, không chịu lùi bước.

Trên bình diện quốc tế, cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam vì mục tiêu công bằng xã hội đã thu hút sự chú ý của hầu hết mọi quốc gia, mọi tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo. Ngay cả Mỹ, tác giả của việc thiết kế và nuôi dưỡng chính quyền "*Việt Nam Cộng Hòa*" cũng phản đối Diệm tấn công chùa. Điều này tỏ rõ trong Điện văn ngày 24-8-1963 của Nhà Trắng gởi cho Cabodge Lodge, Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn: "*Cố vấn Ngô Đình Nhu chịu trách nhiệm về vụ tấn công đàn áp chùa chiền. Đại sứ Hoa Kỳ phải minh danh: Chính lực lượng đặc biệt của ông Nhu chứ không phải quân đội tham dự… Hoa Kỳ không thể tha thứ tình trạng quyền hành nằm trong tay Ngô Đình Nhu. Tổng thống Ngô Đình Diệm được dành một cơ hội để loại trừ Ngô Đình Nhu và tay chân, phải thay thế họ bằng những nhân vật quân sự và chính trị có khả năng nhất… Nếu Tổng thống Diệm còn ngoan cố, thì chúng ta (chính quyền Mỹ) sẽ đi tới chỗ không thể tiếp tục ủng hộ ông ta nữa. Ông đại sứ có thể loan báo cùng các vị tư lệnh quân sự liên hệ rằng: Chúng ta sẽ trực tiếp yểm*

trợ cho họ trong mọi trường hợp tạm thời gián đoạn của một chính quyền trung ương"[25]. Tới ngày 2-9-1963, Tổng thống Kennedy tuyên bố: "*Bằng việc thay đổi chính sách và thay đổi cả người nữa, có thể giành được thắng lợi ở Việt Nam*" [26].

Về phía Liên Hiệp Quốc, ngày 28-6-1963, lần đầu tiên bình luận về vụ rắc rối giữa Phật giáo và chính quyền Ngô Đình Diệm, Tổng Thư ký Liên hiệp quốc U Thant cho rằng ông đã yêu cầu Ngô Đình Diệm "*giải quyết vấn đề trong tinh thần hòa bình, công lý và hiểu biết*" [27].

Tới ngày 7-10-1963, trong phiên họp của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, đại biểu Sri Lanka đã tố cáo mạnh mẽ chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo miền Nam và vi phạm nhân quyền. Trong một bài thuyết trình dài, đại biểu Sri Lanka đã nêu lên các điểm chủ yếu sau:

"*Đã từ lâu Phật giáo thế giới quan tâm đến tình trạng bị bạc đãi của Phật giáo Việt Nam và đã thường xuyên theo dõi vấn đề này.*

Sri Lanka đã cùng với các nước Á, Phi chuẩn bị kỹ càng trước lúc đưa vụ này ra Liên Hiệp Quốc, đặc biệt là đã nghe lời biện hộ của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Họ nêu trách nhiệm của Mỹ và cho rằng nếu Mỹ không bảo được ông Diệm thì phải cắt viện trợ cho chính thể Diệm và rút về"[28].

Cũng trong phiên họp này, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đồng ý cử một phái đoàn sang miền Nam Việt Nam để điều tra "*Vụ Phật giáo*"; và ngày 24-10-1963, Phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến miền Nam. Đây được xem như là điểm nút cuối cùng buộc Mỹ gấp rút thủ tiêu bị cáo, tức chính quyền Ngô Đình Diệm, mà phải thủ tiêu trước lúc Liên Hiệp Quốc tái nhóm để xét về tờ trình của phái đoàn điều tra, khiến cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm nhanh chóng diễn ra. Lúc 9 giờ 30 ngày 1-11-1963, Lodge và cả Đô đốc Felt giả vờ ghé thăm Diệm, với ý đồ cầm chân Diệm trong Dinh Gia Long cho phe đảo chính dễ dàng hành động. Đúng11 giờ 30, khi Lodge và cả Đô đốc Felt vừa rời Dinh Gia Long, cuộc đảo chính diễn ra, anh em Diệm - Nhu bị quân đảo chính giết chết. Chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm sau 9 năm thống trị miền Nam sụp đổ, cuộc vận động vì mục tiêu công bình xã hội của Phật giáo Việt Nam năm 1963 kết thúc.

***

Từ cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 như đã trình bày ở trên, có thể rút ra một số nhận

thức sau:

Một là, kết quả cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của phong trào Phật giáo năm 1963 không chỉ đơn thuần cứu nguy riêng cho Phật giáo, trên thực tế nó đã góp phần hết sức quan trọng trong việc phá bỏ cái thảm họa "*chín năm máu lửa*" dưới chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm đã tròng lên đầu lên cổ một "*nửa dân tộc Việt Nam*". Lập luận này lý giải tại sao cuộc vận động khởi đầu từ nhà chùa song đã nhanh chóng vượt khỏi ranh giới đơn thuần tôn giáo mà hình thành một phong trào yêu nước rộng rãi trong toàn dân, thu hút hầu hết mọi tầng lớp xã hội tham gia, được sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới, hình thành một sức mạnh tổng hợp để đẩy lùi chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm.

Hai là, với cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, phương pháp "*bất bạo động*" (nắm lấy chân lý mà hành động - Satyagraha) đã được giới lãnh đạo Phật giáo Việt Nam chọn làm phương pháp đấu tranh. Bất bạo động chủ trương lấy tình thương xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân mình làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý mà từ bỏ mọi tư tưởng và hành động bạo động. Vì thế, bất bạo động đòi hỏi sẵn sàng "*chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh đó để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi*"[(29)]. Chính sự "*rung chuyển đến tận lòng người*" ấy mà chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm với bản chất độc tài, giáo trị bị đánh đổ không do chính bàn tay của Phật giáo thực hiện.

Ba là, cuộc vận động vì mục tiêu công bằng xã hội của Phật giáo Việt Nam 1963 là một sự kiện lịch sử - văn hóa có tầm vóc lớn lao. Đối với chính bản thân Phật giáo Việt Nam, "*có thể nói rằng từ sau thời đại Lý - Trần đến nay, trong nhiệm vụ phục vụ Dân tộc và Đạo pháp, chưa có sự kiện nào có quy mô và có tiếng vang rộng lớn như phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963*"[(30)]. Đối với đất nước, cuộc vận động "*bước đầu góp phần làm phá sản chính sách can thiệp của Mỹ ở Việt Nam, tạo đà cho phong trào cách mạng miền Nam đi đến thắng lợi trọn vẹn trong Đại thắng mùa Xuân 1975*"[(31)]. Tình hình chính trường và chiến trường miền Nam sau cuộc đảo chính lật đổ Diệm (1-11-1963) đã chứng minh cho nhận định này. Vì vậy, phong trào Phật giáo năm 1963 "*đã ghi đậm nét trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam*" [(32)] là điều không có gì làm

chúng ta ngạc nhiên.

Cước chú:

(1) Thích Trí Quang, Cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam, Tuần báo Hải Triều âm, số 2, ngày 30-4-1964, tr.5.

(2) Bản Tuyên ngôn của Tăng, tín đồ Phật giáo Việt Nam (10-5-1963). Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352.

(3) Cao Văn Luận. Bên dòng lịch sử. Nxb.Trí Dũng, Sài Gòn, 1972, tr.315.

(4) Lê Cung. Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 (in lần thứ ba). Nxb.Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.168.

(5) Trần Văn Giàu. Miền Nam giữ vững thành đồng, Tập II. Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.227.

(6) Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại, Tập II (1961-1965). Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr.131.

(7) Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu: SC.04-HS.8352.

(8) Quốc Tuệ. Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.78.

(9) Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.

(10) Lê Cung, Sđd., tr.188.

*(11) Nguyễn Khải. Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu. Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993. * Dẫn theo các bài kệ của Hòa thượng Thích Quảng Đức viết trước lúc tự thiêu.*

(12) Lời nguyện tâm huyết của Hòa thượng Thích Quảng Đức trước lúc tự thiêu.

(13) Thích Bảo Nghiêm. Các thiền sư giúp dân dựng nước trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số đặc biệt, Tháng 1-1991, tr.55.

(14) Diễn từ của Hoà thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hoà thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm.

(15) Trần Văn Giàu, Sđd., tr.142.

(16) Quốc Tuệ, Sđd., tr.143-144.

(17) Tâm Phong. Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10.

(18) Nam Thanh. Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Viện

Hóa đạo xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.26.

(19) Jerrold Scheter. The New Face of the Buddha. John Weatherhill, Tokyo, 1967, tr.197.

(20) Jerrold Scheter, Sđd., tr.182,

(21) Quốc Tuệ. Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam. Tác giả xuất bản, Sài Gòn, 1964, tr.202.

(22) Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.

(23) Đỗ Đức Thái. Thảm họa Việt Nam (Chính trường và chiến trường 1954-1975). Nxb. Mùa Thu, Chicago, Illinois, 1985, 118.

(24) Quốc Tuệ, sđd., tr.443-444.

(25) Kiêm Đạt. Chiến tranh Việt Nam. Chiến tranh Việt Nam. Nxb.Đại Nam, Chicago Illinois, USA, 1992, tr. 227-228.

(26) Hồng Chuyên. Từ lâu, Mỹ đã chuẩn bị đảo chính quân sự để thay Diệm. Báo Nhân Dân, ngày 3-11-1963.

(27) Tin thế giới về cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, ngày 12-7-1963. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.

(28) Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo, Tuần báo Thiện Mỹ, số 1, ngày 27-10-1964, tr.12.

(29) Bản Phụ đính, Tài liệu đã dẫn.

(30) Lê Cung. Về phong trào Phật giáo Sài Gòn năm 1963, trong "Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.HCM. Nxb. TP.HCM, 2002, tr.143.

(31) Lê Cung. Bàn về "phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963" trong giáo trình "Lịch sử Việt Nam hiện đại" ở bậc đại học và cao đẳng". Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 1 (369), 2007, tr.70.

(32) Những Văn kiện chủ yếu của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1964, tr.64.

NHÌN LẠI CUỘC TRANH ĐẤU PHẬT GIÁO 1963

Trần Chung Ngọc

Thời gian trôi nhanh như bóng câu qua cửa, thấm thoắt đã hơn 40 năm, kể từ mốc thời gian 1963, năm mà chế độ bạo tàn của Phán quan Tây Ban Nha (Spanish inquisitor) Ngô Đình Diệm cáo chung ở miền Nam Việt Nam.

1963: một năm đầy sôi động tại miền Nam Việt Nam với những cuộc biểu tình của mọi tầng lớp dân chúng, những cuộc tự thiêu của Tăng, Ni, Phật tử, phản đối chính sách độc tài gia đình trị, Công giáo trị của chính quyền Ngô Đình Diệm (NĐD). Như một con thú điên cuồng sắp dãy chết, chính quyền NĐD đã bắt bớ, tra tấn, tù đầy Tăng, Ni, sinh viên, học sinh v..v.., đi đến cao điểm là đồng loạt tấn công chùa chiền trên khắp nước ngày 21 tháng 8, 1963, bắt bớ và giết hại hàng ngàn Tăng, Ni, Phật tử. Chủ trương tiêu diệt Phật Giáo để "Công giáo hóa" miền Nam vốn đã in sâu vào tâm thức của những tín đồ Công giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, huênh hoang và hợm hĩnh vô lối, như Ngô Đình Diệm, theo đúng sách lược "cứu cánh biện minh cho phương tiện" của Vatican để "Công giáo hóa toàn cầu", tưởng rằng làm như vậy thì có thể "vinh danh một anh thợ mộc Do thái ở trên trời". Cuối cùng, việc phải đến đã đến, ngày 1 tháng 11, 1963, quân đội đã đứng lên lật đổ chế độ bạo tàn của NĐD.

Một giai đoạn lịch sử đen tối nhất của miền Nam Việt Nam đã cáo chung. Ngô Đình Diệm và người em ruột Ngô Đình Nhu bị hành quyết ngay trong ngày cách mạng. Sau đó người em út Ngô Đình Cẩn, bạo Chúa ở Huế, cũng bị tòa án cách mạng xử tử hình. Người anh, Giám mục Ngô Đình Thục, ra được ngoại quốc, bị Tòa Thánh tuyệt thông, trước khi chết đã xin "trở lại đạo", nhưng vẫn chết trong tủi nhục của sự mê tín, vì sự tuyệt thông của Tòa Thánh chẳng qua chỉ là một biện pháp nội bộ để đe dọa những đầu óc tối tăm mù mịt chứ chẳng có ý nghĩa gì trong thời đại văn minh tiến bộ ngày nay [xin đọc linh mục James Kavanaugh về thực chất của "tuyệt thông"

(excommunication)]. Người cháu Ngô Đình Lệ Thủy, con của Ngô Đình Nhu, bị tai nạn xe hơi chết ở ngoại quốc. Cổ nhân nói không sai: *ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác*. Luật nhân quả không chừa một ai, không bị quả báo ngay trong kiếp này thì trong kiếp sau. Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu.

Phật Giáo đã tha thứ cho gia đình họ Ngô Đình về những tội ác của họ đối với Phật Giáo và người dân Việt. Vì **Phật Giáo nhìn Ngô Đình Diệm như là một con người bị vô minh sai khiến, một sự vô minh trầm trọng bắt nguồn từ ý thức hệ tối tăm dầy đặc của Công giáo Rô Ma** (Dr. Barnado: the thick darkness of Romanism). Điều mà Phật Giáo muốn dứt bỏ là vô minh chứ không phải là con người bị vô minh sai khiến. Giáo lý Phật Giáo khẳng định: một niệm sân hận nổi dạy có thể thiêu đốt cả rừng công đức. Bài viết này cũng không do động cơ thù hận thúc đẩy, mà chỉ có mục đích ôn lại chuyện cũ để biết chuyện mới, hay nói cho đúng hơn, để cảnh giác chuyện lịch sử rất có thể tái diễn nếu chúng ta lơ là, phó mặc mọi sự cho cuộc đời trôi chảy, **để cho Công giáo lộng hành, tự tung tự tác trong sách lược Cải Đạo Á Châu**, theo lệnh của Giáo hoàng John Paul II trong bản *"Tông Huấn Giáo Hội Tại Á Châu"* (Ecclesia in Asia), tung ra cuối năm 1999.

Hàng năm, vào dịp 1/11, tại một số ốc đảo Công Giáo Việt Nam ở hải ngoại, cái gọi là *"Phong Trào Phục Hồi Tinh Thần Ngô Đình Diệm"* lại tổ chức tưởng niệm Ngô Đình Diệm và đưa ra những **luận cứ hoang đường, hoàn toàn sai sự thực lịch sử** để tôn vinh NĐD như là một nhà yêu nước chống Cộng, còn cụ thì không "*mất nước*" (sic) v..v... Họ không buồn quan tâm đến câu hỏi then chốt: Tại sao cụ lại không còn, trong khi cụ vẫn tin rằng có "*ơn trên*" (sic) phù hộ? Tác giả Trần Văn Kha cũng đã đưa ra câu hỏi: *"Nhà Ngô đã có nhiều công mở mang nước Chúa. Thế mà lại không được "ơn trên" phù hộ, vẫn bị bắn chết! Tại sao?"* Câu trả lời là: Thực tế đã chứng tỏ chẳng làm quái gì có cái gọi là "ơn trên", và "cụ không còn" chính là luật nhân quả: ác giả ác báo.

Tại sao một người như NĐD mà vẫn còn được tôn vinh? Họ tôn vinh NĐD không phải vì ông Diệm là người có tài, có đức, mà **chỉ vì ông ta là người Công Giáo, được Tòa Thánh và Mỹ đưa về để làm một lá bài chống Cộng cho Mỹ và cho Vatican, đi kèm với âm mưu Công giáo hóa Việt Nam**, hay ít ra là miền Nam Việt Nam. Điều này không lấy gì làm lạ vì hành động tôn vinh NĐD cũng chẳng khác gì những việc mà họ đã làm trước đây và tiếp tục làm bất kể đến

liêm sỉ và lương thiện trí thức: **tôn vinh những tên Việt Gian như Pétrus Ký, Nguyễn Trường Tộ, Trần Lục, Nguyễn Bá Tòng, Lê Hữu Từ** v..v.. chỉ vì những người có danh này, dù là danh xấu vạn niên đối với tuyệt đại đa số người dân Việt Nam, **đều là người Công giáo**. Nhưng có điều họ không ý thức được rằng, phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm có nghĩa là phục hồi tinh thần "*tam đại Việt gian*" của dòng họ Ngô Đình, như giáo sư sử học Nguyễn Mạnh Quang đã chứng minh rõ ràng trong cuốn *Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư , Tập I*.

Tại sao những người Công Giáo, trong thời buổi này, mà vẫn còn tiếp tục làm những công việc bất lương trí thức như vậy. Vì họ có một mặc cảm tôn giáo. Từ xưa tới nay, họ được giáo hội dạy rằng, sau khi rửa tội họ đương nhiên thuộc một "hội thánh", đạo của họ là một tôn giáo thiên khải, thánh thiện, người Công Giáo đương nhiên phải là những người thánh thiện, và các vị chăn chiên, từ giáo hoàng trở xuống tới các linh mục đều là những người thay Chúa có thể ban phúc lành cho họ hay cầm giữ họ không cho họ lên thiên đường sau khi chết. Những niềm tin thuộc loại mê tín, phi lý, lỗi thời này **đã được cấy vào đầu óc họ từ khi họ còn nhỏ, chưa đủ trình độ và khả năng suy nghĩ để phân biệt phải trái trắng đen**. Cho nên, khi lớn lên, họ không có cách nào dứt bỏ được những niềm tin này, nhất là khi họ thuộc lớp người nghiện đạo, có đầu óc khuyết tật, không chịu tìm hiểu về ngay chính tôn giáo của mình.

Nhưng ngày nay, trước những sự thật về lịch sử tàn bạo của giáo hội, về bản chất dối trá của giáo hội, và nhất là trước những sự thật xã hội liên quan đến vấn đề đạo đức của giới chăn chiên, từ giáo hoàng trở xuống tới các linh mục, càng ngày càng được phanh phui phơi bầy, họ không đủ can đảm để đối diện với sự thật, do đó cố tìm cách tự vệ và bảo vệ đức tin của mình, bất kể là những hành động tự vệ hay bảo vệ này là những hành động bất chính, bất lương trí thức.

Trong bài *"Tản Mạn Chung Quanh Cuốn "Linh Mục Trần Lục: Thực Chất Con Người Và Sự Nghiệp của Bùi Kha và Trần Chung Ngọc"*, đăng trong *Giao Điểm* số 35, tác giả Nguyễn Ngọc Quỳ ở Paris đã đưa ra một nhận định rất chính xác:

"...Kết hợp người "nâng", cách "nâng", và đối tượng được "nâng" lại với nhau trong một phương trình, tôi giật mình tìm ra được đáp án cho hiện tượng quái đản; Cứ người Công giáo làm thì Công giáo Việt Nam phải nhắm mắt mà khen. Bất chấp chuyện làm có xấu mấy đi chăng nữa. Họ không lý đến sự thật, và cũng chẳng

cần đắn đo xem có xúc phạm đến dân tộc hay không. Tình cảm tôn giáo của người Công giáo Việt Nam mạnh hơn liên đới của họ với đất nước Việt Nam, và áp đảo hẳn một chút lương thiện trí thức nào đó còn sót lại của tinh thần đại học mà họ đã tiếp thu. Họ chỉ có một tiêu chuẩn để đánh giá: Có lợi hay có hại cho Công giáo? Cho nên, để có lợi cho Công giáo, họ đã lạy Trần Lục thì làm sao mà thờ Đinh Công Tráng và Phan Đình Phùng được, vì có điều này thì không thể có điều kia"

Rồi tác giả tự hỏi:

"... Tôi vẫn thắc mắc tự hỏi không biết các "bộ óc chiến lược" của người Công Giáo ở đâu mà không thấy rằng càng ngụy biện bào chữa thì tội bán nước của Giáo hội càng bị phát hiện nhiều thêm, càng tô son trét phấn cho cái gọi là "tinh thần Ngô Đình Diệm" thì chân tướng phi dân tộc của tinh thần đó càng bị phát lộ."

Tôi cho rằng không phải là những "bộ óc chiến lược" của người Công Giáo không thấy vấn đề này, nhưng đó là sách lược cố hữu của giáo hội, một sách lược đã ăn sâu vào xương tủy của người Công Giáo, và vì với một **tâm cảnh nô lệ**, được dạy phải "*quên mình trong vâng phục*", cho nên họ khó mà có thể làm khác được. Ở đây, lương tâm trí thức không phải là vấn đề đối với họ, vấn đề chính là phải theo đường lối của giáo hội: "Cứ người Công Giáo làm, bất kể người đó là Ta, là Tây hay Tàu, thì Công Giáo Việt Nam phải nhắm mắt mà ca tụng.", dù nhiều khi những sự ca tụng vô căn cứ của họ đã trở thành khôi hài, lố bịch, làm trò cười cho thiên hạ. Họ tin rằng, chỉ có như vậy họ mới hi vọng lên được thiên đường, sống cuộc sống đời đời với một người Do Thái đã cùng hai tên ăn trộm bị đóng đinh trên thập giá, chết và táng xác cách đây 2000 năm. Đó là cái vòng kim cô đã xiết chặt trên đầu những người Công Giáo trong nhiều thế kỷ.

Phật Giáo đã từng là **nạn nhân của sự áp bức và bạo hành của Công giáo, dựa thế thực dân Pháp**, kể từ khi Pháp xâm chiếm nước ta. Nhà Thờ Lớn Hà Nội, Nhà Thờ Đức Bà ở Sài-Gòn, nhà thờ La Vang ở Quảng Trị v..v.. đều được xây trên đất cưỡng chiếm, nói nôm na là ăn cướp, của Chùa. Nhưng chưa bao giờ sự bạo hành đối với Phật Giáo lại lên đến mức độ như trong 9 năm cầm quyền của Ngô Đình Diệm. Dung túng cho các Linh mục lộng hành, cưỡng chiếm bất động sản, cưỡng ép cải đạo, giết người ngoại đạo, tấn công phá hủy chùa chiền, bạo hành giết chóc sư sãi, Phật tử v..v.. Đó là những vết nhơ không bao giờ có thể rửa sạch trên khuôn mặt của chính quyền Công giáo Ngô Đình Diệm.

Người Phật tử biết ít nhiều về đạo Phật đôi khi cũng phải để tâm suy nghĩ: Cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam đúng hay sai? Bản chất cuộc tranh đấu đó như thế nào, và bắt nguồn từ đâu? Đã có nhiều tài liệu viết về vấn đề này, và gần đây nhất, cuốn sách dày hơn 500 trang*: "Vietnamese Engaged Buddhism – The Struggle Movement of 1963-1966"*, tạm dịch là "Phật Giáo Việt Nam Dấn Thân – Phong Trào Tranh Đấu 1963-1966" , của Quán Như Phạm Văn Minh, Văn Nghệ xuất bản, CA., 2002, có thể nói là cuốn sách đầy đủ nhất và chính xác nhất trong việc giải đáp những vấn đề trên. Ở đây, tôi chỉ quan tâm đến một khía cạnh của phong trào tranh đấu Phật Giáo xuyên qua chính sách cai trị của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Để tránh việc độc giả có thể quy kết là những tài liệu trích dẫn thuộc loại thân Cộng Sản hay thân Quốc Gia, tôi sẽ không trích dẫn tài liệu của những tác giả Việt Nam thuộc hai phía Quốc, Cộng. Điều này không có nghĩa là trong những tài liệu đó không có những chi tiết đúng. Việc trích dẫn những tài liệu ngoại quốc không có nghĩa là vọng ngoại, hay tất nhiên những tài liệu đó phải là đúng. Nhưng tôi tin rằng, những người ngoại quốc viết về Việt Nam như các ký giả, giáo sư đại học, chính khách, nhà phân tích chính trị, quân sự, xã hội v..v.., trước và sau 1975, trong thế giới Tây phương, rất có thể có thiên kiến trong việc diễn giải sự kiện, nhưng không thể sai lầm trong chính tự thân các sự kiện. Lương tâm nghề nghiệp, chỗ đứng trong xã hội, và tiêu chuẩn trí thức trong những xã hội Tây phương không cho phép họ gian dối, bịa đặt ra bất cứ một sự kiện nào. Họ có thể có khuynh hướng thân Cộng hay thân Quốc Gia nhưng không thuộc phe nào và không chịu áp lực của bất cứ thế lực nào, cho nên họ không có nhiệm vụ phải tuyên truyền sai sự thực để ủng hộ bên nào. Do đó, phối hợp những tài liệu của nhiều tác giả khác nhau về cùng một chủ đề, nếu chúng ta thấy có những điểm tương đồng thì chúng ta phải tin tưởng rằng những điểm đó không khác với sự thực là bao nhiêu.

Sau đây tôi sẽ trích dẫn một số nhận định về con người Ngô Đình Diệm và chính quyền Ngô Đình Diệm của một số tác giả ngoại quốc có tên tuổi. Qua những trích dẫn này, tôi hi vọng độc giả có thể nhìn thấy ý nghĩa đích thực của phong trào tranh đấu Phật Giáo 40 năm trước đây và không còn bị lừa dối bởi những luận điệu quái gở như Phật Giáo thân Cộng, Phật Giáo làm "mất nước" (sic) v..v..của một tập thể tôn giáo đã nổi tiếng là "**đã phi dân tộc thì thể nào cũng phản dân tộc**."

1. *"**Vietnam: Crisis of Conscience**"* của Robert McAfee Brown, Abraham J. Heschel & Michael Novak, Associated Press, New York 1967, trang 30:

Ký giả người Úc Denis Warner viết "Trong nhiều năm, cái chế độ bạo ngược chuyên chế mà Tây phương đồng minh với ở Saigon (chế độ Ngô Đình Diệm) *thì còn tệ hơn là cái chế độ mà Tây phương đang chiến đấu để chống* (chế độ CS)*". Diệm và gia đình ông ta đã giết hoặc lưu đày tất cả những thế đối lập. "Diệm đã mất đi sự tin cậy và trung thành của dân chúng" như Bộ Trưởng McNamara đã nhận định ngày 26 tháng 3, 1964.*

2. *"**Fire In The Lake**"* của Frances Fitgerald (Winner of the Pulitzer Prize, Winner of the National Book Award, Winner of the Bancroft Prize For History), Vintage Books, New York 1985, trang 134-139:

Cái chất công giáo của Diệm, không hề mở mắt hắn đến với những ý tưởng mới, mà chỉ thuyết phục hắn là cai trị bằng nghi lễ và huấn thị đạo đức là có thể thành công, mà nó có vẻ như vậy trong các làng mạc ở miền Bắc và Trung sống trong cái vỏ bằng sắt và điều khiển bởi các linh mục.

Cái mà hắn ta không ý thức được là cái kiểu cai trị thiển cận như vậy của các giáo xứ có thể thực hiện chỉ vì người Pháp đã bảo vệ họ và tổ chức nền hành chánh quốc gia. Do đó, tham vọng của hắn phục hồi xã hội cổ xưa giống như là của những tên thực dân Pháp, coi mình như cha người ta, đã chống những chương trình cải cách của những giới chức hành chánh nơi thành thị – sự khác biệt là trong khi người Pháp giữ lãnh vực hiện đại cho riêng họ thì Diệm không nhận ra được sự quan trọng của vấn đề hiện đại hóa. Đối với hắn, thế giới hiện đại là Sài-Gòn, cái thị trấn ký sinh trùng đó đã trở nên béo mập bởi máu của thôn quê và lợi lộc của Tây phương...

Những ký giả như Robert Shaplen đã chỉ trích Diệm như làm cho những nông dân xa lánh vì những biện pháp đàn áp của hắn.

Một số đông những giới chức và ký giả, kể cả những người có nhiều kinh nghiệm và có khuynh hướng chính trị khác nhau như Douglas Pike, Chester Bowles, và chuyên gia chống nổi loạn người Anh, Robert Thompson, đều coi Diệm như là kẻ thù của chương trình chống Cộng.

Trong tất cả những năm cầm quyền, Ngô Đình Diệm chỉ có một đồng minh ở thôn quê, đó là những người Công giáo, đặc biệt nhất là những người di cư từ ngoài Bắc vào. Ngay từ đầu, Diệm dùng trong

bộ máy hành chánh phần lớn là những người Công giáo, và thiên vị các làng Công giáo đối với phần còn lại của quốc gia. Những giới chức của Diệm, làm việc chặt chẽ với các linh mục, đem phần lớn viện trợ Mỹ cho các làng Công giáo, và phần lớn những nông sản. Chúng cho những người Công giáo quyền khai thác lâm sản và độc quyền sản xuất loại hàng hóa nông sản mới do các kỹ thuật gia Mỹ đưa vào giúp. "Theo đạo có gạo mà ăn" là một câu tục ngữ khi xưa của người Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Dưới thời Diệm người dân Việt đã phải theo cái lệnh này. Đặc biệt ở miền Trung, hàng ngàn người, trong vài trường hợp hầu như toàn thể khu định cư, theo đạo để tránh những dịch vụ cỏ vê của chính phu, hoặc để tránh biện pháp tái định cư trong vài vùng rừng rú hay sình lầy gian khổ – để giúp những người Công giáo lân cận. Nuôi người Công giáo trong sự tổn hại của phần còn lại của dân chúng, lẽ dĩ nhiên, là một chính sách thiển cận, nhưng Diệm không thấy một đường lối nào khác, và Mỹ cũng không đề nghị cho Diệm một đường lối nào khác.

3.*"**Background to Vietnam**"* của Bernard Newman. Signet Books, New York 1965, trang 117:

Bất kể hiến pháp viết như thế nào, Diệm cai trị như là một nhà độc tài. Triết lý chính trị của ông ta dẫn xuất từ một nhóm Công giáo Pháp, những người đã đặt ra thuyết Nhân Vị. Thuyết này nhấn mạnh đến nhân cách để chống với quan niệm đưa quần chúng vào kỷ luật của Cộng Sản. (Thực ra, đây chỉ là một chiêu bài chống Cộng vì trong cấu trúc toàn trị của Công Giáo thì tín đồ chỉ có quyền vâng phục các bề trên, do đó làm gì có Nhân Vị. TCN). Chi tiết về thuyết này phức tạp, khó hiểu đối với mọi người trừ một triết gia. Một chuyên gia Mỹ được mời đến để cố vấn cho hệ thống thuế má địa phương mô tả thuyết Nhân Vị như là "một pha trộn lộn xộn của những sắc lệnh của giáo hoàng và kinh tế mẫu giáo, tổ hợp với một sự nghi ngờ những tư nhân thương gia, một sự e ngại đầu tư ngoại quốc, và một quan niệm là không thể thành đạt được gì nhiều ở Việt Nam nếu không có sự kiểm soát của chính phủ."

Trên thực tế chính phủ đây là chính phủ Diệm.

...Ngày tháng qua, cách cai trị của Diệm càng ngày càng trở nên không thể chịu được, và tới năm 1963 hắn là một nhà độc tài hoàn toàn, chỉ nghe những thân nhân trong gia đình. Hắn hoàn toàn xa lạ với quần chúng. Người ta phàn nàn là hắn đã trao những chức vụ tốt nhất cho người Công giáo: nhưng những người Công giáo là

"người ngoại quốc" – những người di cư từ ngoài Bắc vào. Sự bất mãn đưa đến phong trào chính trị của Phật Giáo."

4. ***"Backfire: Vietnam - The Myths That Made Us Fight, the Illusions That Help Us Lose, The Legacy That Haunts Us Today"*** của Loren Baritz, Ballantine Books, New York 1985, trang 83-85:

Công giáo Việt Nam phát triển do chính sách kỳ thị Phật Giáo một cách có hệ thống của Ngô Đình Diệm. Người Công giáo được dùng trong các dịch vụ dân sự, trong khi những người Công giáo sống trong những làng mạc thường không bắt buộc phải làm những công việc nặng nhọc làm đường xá và những việc công cộng. Không giống như những Chùa Phật Giáo, nhà thờ Công giáo được đặc quyền sở hữu tài sản đất đai, cũng như trong thời Pháp thuộc. Với thời gian, sự kỳ thị đối với tuyệt đại đa số dân chúng này đưa đến những phản đối chính trị chống Diệm của những nhà sư Phật Giáo.

...Diệm làm cho người Mỹ khó chịu không chỉ vì đường lối cai trị của hắn. Hắn thích thú trong việc đàn áp những đối lập chính trị mà hắn đã bắt giữ lên tới 40000 người. Đầu năm 1959, Diệm hợp thức hóa sự tàn bạo của mình bằng sự thiết lập những tòa án quân sự để xử những đối lập chính trị và xử tử hình trong vòng ba ngày. Những tòa án này bắt giữ, điều ta, và tuyên án những kẻ phạm tội.

Diệm hăng say đóng cửa những nhà báo không ủng hộ hắn. Tệ hơn cả, hắn dẹp bỏ cấp lãnh đạo trong các làng mạc và thay thế họ bằng những người của Diệm. Hắn đã trở thành một nhà độc tài.

5. ***"A Bright Shining Lie"*** của Neil Sheehan, Vintage Books, New York 1989, trang 143:

Lansdale để cho những tiên kiến của mình đưa tới những giả định sai lầm... Lansdale nghĩ rằng những người Công giáo di cư từ miền Bắc là những người yêu nước đã "chiến đấu giành lại sự tự do của đất nước từ người Pháp". Hắn không nhìn thấy sự sai lầm nào trong vấn đề Mỹ chỉ tin cậy vào sự trợ giúp đặc biệt của người Công Giáo. Hắn không nhìn thấy vấn đề có một người Công Giáo làm tổng thống của cái mà hắn quan niệm là "Việt Nam Tự Do" là không thích hợp.

Công giáo Rô Ma là một thiểu số có nhiều tỳ vết ở Việt Nam. Lansdale lo việc phân biệt giữa người Mỹ và những tên "thực dân" Pháp. Điều hắn làm là đưa ra sự phân biệt tuy chẳng có gì khác nhau.. Chỉ dựa vào người Công giáo giúp đỡ, và bằng cách đặt một người Công Giáo lên cầm quyền ở Saigon, hắn ta đã chứng tỏ là Mỹ

đã nhảy vào thay thế người Pháp. Những người Việt Nam theo đạo Công giáo đã được người Pháp sử dụng như là một đạo quân thứ 5 để xâm nhập Việt Nam trước thời thuộc địa và những người Công Giáo đã được Pháp tưởng thưởng cho sự hợp tác của họ với những tên thực dân Pháp. Người Công Giáo thường bị coi như là thuộc một tôn giáo"ngoại lai", "không phải là Việt Nam". Với sự ra đi của người Pháp, hiển nhiên là người Công Giáo phải tìm một một ngoại bang khác để bảo vệ họ. Họ nói với Lansdale những gì mà họ cho rằng Landale muốn nghe...

..Trong sự hướng dẫn Diệm của Lansdale đến thành công bằng cách diệt các giáo phái dựa trên lý thuyết Diệm là Magsaysay để lập một chính phủ tập trung quyền lực mới, không bao giờ Lansdale lại nghĩ rằng Diệm bắt đầu chính sách cai trị của mình bằng cách loại bỏ những người chống Cộng hữu hiệu nhất ở miền Nam.

Dòng họ Ngô Đình tiến tới sự áp đặt trên miền Nam Việt Nam cái tôn giáo Công giáo ngoại lai của họ, đảng Công giáo bảo thủ từ ngoài Bắc vào và từ vùng quê hương của họ ở miền Trung. Diệm và gia đình bổ nhiệm những sĩ quan chỉ huy đơn vị, những nhân viên hành chánh và cảnh sát bằng những người Công giáo, từ miền Bắc và từ miền Trung, quê hương của Diệm. Diệm và gia đình hắn bổ nhiệm những người Công giáo vào cấp chỉ huy quân đoàn, hành chánh và cảnh sát. Nông dân ở miền đồng bằng sông Cửu Long thấy mình bị cai trị bởi những tỉnh trưởng, hạt trưởng, bởi những viên chức hành chánh ngoại lai và thường là cao ngạo và tham nhũng...

6. *"**American in Vietnam**"* của Dr. John Guilmartin, United Press International/Bettmann, England 1991, trang69:

Những ảnh hưởng đối nghịch của sự thiếu khả năng và tính toán sai lầm của Diệm không chỉ chấm dứt ở sự thất bại về quân sự chống Việt Cộng. Nghi ngờ tất cả những người không có cùng đức tin Công giáo của mình, và hoan hỉ với sự thành công trong việc dẹp bỏ các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, họ khởi sự chiến dịch chống Phật Giáo.

7. *"**Vietnam: The Valor and the Sorrow**"* của Thomas D. Boettcher, Little Brown & Company, Boston 1985, trang150:

"Trong 10 đô la viện trợ thì 8 được dùng cho nội an chứ không dùng cho công tác chiến đấu chống du kích Cộng sản hay cải cách ruộng đất. Diệm lo lắng về những cuộc đảo chánh hơn là Cộng sản.

...Như là hậu quả của những biện pháp đàn áp càng ngày càng gia tăng, sự bất mãn của quần chúng đối với Diệm cũng càng ngày càng tăng, bất kể là toan tính của Diệm dập tắt sự bất mãn này trong mọi cơ hội. Hàng triệu nông dân ở những vùng quê trở thành xa lạ đối với Diệm. Không lạ gì, hoạt động của Cộng sản gia tăng cùng với sự bất mãn của quần chúng. Và những biện pháp đàn áp của Diệm cũng gia tăng theo cùng nhịp độ. Nhiều ngàn người bị nhốt vào tù.

Cho tới năm 1960, điều khác biệt duy nhất giữa hai chính quyền Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh là ở những lá cờ của họ."

8. *"**The Indochine Story**"* của the Committee of Concerned Asian Scholars, A Bantam Book, New York 1970, trang 32 & 34:

"Một nhân vật Mỹ ủng hộ Diệm lúc đầu kết luận: Lạm dụng quyền lực, độc tài, tham nhũng, coi thường cấp dưới, và không đếm xỉa gì đến nhu cầu của dân chúng một cách ác độc, đó là tấm gương mà gia đình họ Ngô để cho những bộ trưởng, nhà lập pháp, tướng lãnh, tỉnh trưởng, trưởng làng mà họ Ngô dùng như những quân cờ noi theo.

Đàng sau gia đình nhà Ngô là Mỹ. Ở dưới gia đình này chẳng có gì mấy. Gia đình này đã trải cái bóng của họ trên xã hội Việt Nam; tuy nhiên cái rễ của họ thật sự chỉ cắm nông vào đất Việt. Điều này định trước những phương pháp Diệm dùng để kiểm soát đất nước... Chỉ có một đường lối: đàn áp và củng cố quyền lực trong tay những anh em và thuộc hạ của Diệm.. Săn lùng toàn diện những người bất mãn được tổ chức ở thôn quê năm 1956, và tăng gia cường độ khi tình hình suy kém.

75000 người hay hơn nữa bị giết trong chiến dịch này. Còn nhiều người hơn nữa bị tống giam bởi sắc lệnh số 6 của tổng thống, ký trong tháng 1, 1956. Sắc lệnh nói: "Những cá nhân coi là nguy hiểm cho quốc phòng và an ninh chung có thể bị bắt giam trong những trại tập trung do lệnh của cơ quan hành pháp. Tình trạng trong những trại tập trung của Diệm, chỉ bị phanh phui sau khi Diệm đổ, thật sự nhơ nhớp. Cố ý để cho chết đói, cố ý làm cho mù, cố ý hành hạ..., danh sách này thật là dài."

9. *"**The Story of Vietnam**"* của Hal Dareff, An Avon Camelot Book, New York 1966, trang 108:

"Nay Diệm đã thắng mọi kẻ thù, anh em nhà Diệm muốn chắc

rằng không ai có thể bứng họ đi. Ở ngoài mặt, Nam Việt Nam là một thể chế Cộng Hòa với một hiến pháp mới toanh hứa hẹn tự do và dân chủ cho quần chúng. Tuy nhiên, thực tế thì lại trái ngược hẳn... Nhu là cánh tay phải của Diệm.. Hắn tổ chức gian lận bầu cử, đưa vào quốc hội những tay sai của hắn, và sai bọn Cần Lao đi rình mò khắp nước để kiếm những người chống đối hắn.

Chế độ Diệm bắt đầu thoái trào vào đầu năm 1963. Tổng thống cai trị dân trong dinh thự của mình như là một thể chế quân chủ, cắt lìa khỏi quần chúng. Sự thù ghét Diệm và gia đình hắn gia tăng đến độ người ta có thể cảm thấy đầy trong bầu không khí ở Saigon. Tin đồn về đảo chánh loan truyền trong thành phố hầu như hàng ngày. Trong những hoàn cảnh như vậy, Diệm chỉ lo bám chặt vào quyền lực. Cuộc chiến (chống Cộng) trở thành thứ yếu. Sĩ quan được thăng cấp nếu giữ được mức tổn thất thấp. Chỉ có một cách chắc chắn giữ được như vậy – không tác chiến. Không tác chiến đã trở thành một cách sống đối với một số cấp chỉ huy và là cách duy trì địa vị.

...Cuộc tranh chấp giữa Diệm và các Phật tử đã được tích lũy kể từ ngày Diệm lên làm thủ tướng năm 1954. Diệm, một tín đồ Ca Tô, đương nhiên là cảm thấy thoải mái hơn đối với những tín đồ Ca Tô khác. Nhiều chức vụ chỉ huy trong chính quyền và quân đội được trao cho những người Ca Tô, những người này được đặc quyền đặc lợi làm tiền trong những thương vụ của chế độ.

Trong số 15 triệu dân ở miền Nam Việt Nam, hơn 1 triệu một chút là người Ca Tô. Phần còn lại, phần lớn là Phật tử, phẫn nộ vì chính sách thiên vị người Ca Tô. Sự đối xử khác biệt này còn trắng trợn hơn ở các tỉnh lỵ, nơi đây các linh mục địa phương và các giới chức chính quyền, hầu hết là Ca Tô, có toàn quyền. Khi các ấp chiến lược được dựng lên, những người Ca Tô được miễn làm việc và những người phi-CaTô bị đưa vào chỗ thay thế họ để làm những công việc lao dịch. Những vùng đất mới được mở mang và phát triển, người Ca Tô được chọn những miền đất phì nhiêu ở những miền duyên hải có an ninh. Những đất đai dành cho Phật tử ở sâu trong nội địa, ở đây họ phải lao động dưới sự đe dọa của Việt cộng. Nhiều Phật tử theo đạo (không có nghĩa là tin đạo. TCN) *để được sống dễ dàng hơn."*

10. *"**The Two Viet-Nams**"* của Bernard B. Fall, Frederik A. Praeger Publisher, New York 1967, trang 250:

"Trong số những người lên cầm quyền cùng với Diệm năm 1954-55, KHÔNG MỘT NGƯỜI NÀO còn giữ chức vụ bộ trưởng khi Diệm bị giết năm 1963. Một vài người bị lưu đày ở Pháp hoặc Mỹ, và một vài người rút lui với thái độ trông chờ ở Saigon. Một sự dập theo những phương pháp toàn trị của Cộng sản Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng của Ngô Đình Nhu. Đảng này trở thành một hệ thống quyền lực hoàn toàn giống như của Cộng sản, với những thành viên mật và chỉ biết nhau trong những tổ 5 người, và những "nhóm hành động" có nhiệm vụ dẹp bỏ mau chóng và kín đáo những người đối lập... Như vậy, chế độ Diệm sai lầm trong hai phương diện: Quân đội không bao giờ thực sự hữu hiệu, và các sĩ quan ở quân đoàn thì không trung thành với những ông chủ dân sự và nhắm mắt làm ngơ trước sự thất bại của chế độ.

Trong sự mô tả đảng Cần Lao, John C. Donnell định nghĩa Cần Lao như là "một đảng chính trị mạnh gồm những thành viên thường tin rằng mình thuộc những đảng chính trị khác và ngự trị những đảng này." Nói cách khác, những hoạt động trong hệ thống nội bộ của họ y hệt như của đảng Cộng sản: dò thám bạn bè, xâm nhập đồng minh, và hoạt động như "một quốc gia trong một quốc gia" trong chính guồng máy chính quyền của mình. Nếu không còn cái gì khác, những điều trên có thể làm cho chế độ Nam Việt Nam mang nhãn hiệu một loại "dân chủ của quần chúng" chống-Cộng mà sự khác biệt lớn nhất đối với người anh em song sinh Cộng sản Bắc Việt Nam là thái độ hành trì Ca-Tô và là sở hữu chủ của những đồn điền cao su."

11. ***"An Eye For The Dragon"*** của Dennis Bloodworth; Farrar, Straus & Giroux, New York 1970, trang 209:

"Cho tới năm 1963 mật vụ của Diệm đã bắt giữ hoặc đẩy vào tay những kẻ thù hầu như mọi người quốc gia có tên tuổi đã chiến đấu cho tự do của đất nước trong 20 năm trước. Hắn và gia đình hắn đã đàn áp mọi đối lập, chất đầy nhà tù, bịt miệng báo chí, gian lận bầu cử, và bám vào quyền lực."

12. ***" Intervention and Revolution"*** của Richard J. Barnet, A Meridian Book, New York 1972, trang 233-235:

"Khuyến cáo rằng "nếu bầu cử được tổ chức ngày nay (1956) thì tuyệt đại đa số dân Việt sẽ bầu cho Cộng sản," Cherne tuyên bố rằng uy tín của Mỹ ở Á Châu tùy thuộc vào sự ngăn chận cuộc bầu cử này. Phương pháp giải quyết là củng cố lớp người Ca Tô ở miền

Nam Việt Nam, chỉ có những người này mới có lý do thuộc về lý tưởng chống Cộng. Nhà văn Ca Tô người Anh, Graham Greene, đã mô tả việc Mỹ sử dụng giáo hội Ca Tô trong cuộc chiến tranh lạnh ở Việt Nam như sau:

Chính cái ý hệ Ca Tô đã giúp làm cho chế độ của ông Diệm sụp đổ, vì sự sùng tín của ông ta đã bị các cố vấn Hoa Kỳ khai thác cho đến khi giáo hội Ca Tô ở Việt Nam ở trong cơ nguy cùng chung số phận bất thiện cảm của người dân Việt đối với Mỹ...Những khoản tiền to lớn được dùng để tổ chức những cuộc đón tiếp quan khách ngoại quốc và tạo nên ý niệm giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh. Trong những trường hợp hiếm hoi mà Diệm đi kinh lý những vùng trước đây bị Việt Minh chiếm, bao giờ cũng có một linh mục ở bên cạnh, và thường là một linh mục Mỹ...

Điều quan tâm chính của chính quyền Diệm là sự an toàn của chính quyền. Chính quyền Diệm sợ rằng cuộc bầu cử dự định tổ chức vào tháng 7, 1956 đưa đến sự thắng lợi của Hồ Chí Minh và chấm dứt quyền lực của những chính trị gia không Cộng sản..

Những ước tính của cơ quan tình báo quốc gia CIA, soạn trong tháng 2, 1957, mô tả chế độ Diệm như sau:

Chế độ Diệm phản ánh ý nghĩ của Diệm. Một bộ mặt chính quyền đại diện cho dân được duy trì, nhưng thực chất chính quyền là độc tài. Quyền lập pháp của quốc hội bị hạn chế gắt gao; quyền tư pháp chưa phát triển và tùy thuộc quyền hành pháp; và những nhân viên trong ngành hành pháp không gì hơn là những tay sai của Diệm. Không có một tổ chức đối lập nào, dù trung thành hay không, được phép thành lập, và mọi chỉ trích chính quyền đều bị đàn áp...Quyền lực và trách nhiệm tập trung nơi Diệm và một nhóm nhỏ gồm có những thân nhân của Diệm, những người quan trọng nhất là Nhu và Cẩn."

Chế độ độc tài của Diệm, dựa trên một mạng lưới mật vụ, tòa án quân sự, và công chức tham nhũng, tuyên bố không những chiến đấu chống Cộng mà cho tới năm 1957 Cộng sản vẫn chưa có hoạt động gì, mà còn chống bất cứ nhóm nào không chắc là trung thành với Diệm. Thật vậy, nhiều người không-Cộng-sản vào tù hơn là người Cộng sản.

...Sự chuyên chế của Diệm, sự thiên vị trơ trẽn của hắn đối với những người Ca Tô tị nạn từ ngoài Bắc vào so với phần còn lại của dân chúng, và sự bạo hành của hắn đối với mọi người không

đồng quan niệm chính trị với hắn đã tạo nên một sự liên kết chống hắn mà hắn rất sợ."

13. ***"Vietnam Revisited"*** của David Dellinger, trang 35:

Ngay từ lúc đầu Diệm đã có khuynh hướng toàn trị và gia đình trị mà 8 năm sau dư luận quần chúng lên án chính quyền của hắn.

"Khuynh hướng toàn trị" của Diệm đã đưa đến việc thành lập một đảng chính trị riêng tư, đảng cần Lao, một đảng duy nhất.

Đảng Cần Lao cũng phục vụ hắn như là mật vụ, dập theo khuôn mẫu của Nhật Bản trong Thế Chiến II – mà Diệm đã nghiên cứu kỹ chi tiết.

Như chúng ta đã thấy, đảng này đã giết hại 90000 người và cầm tù 800000 trong đó có nhiều người bị tra tấn.

Khi Diệm về Việt Nam năm 1954, một người CaTô theo lệnh của một thế lực ngoại quốc về cai trị một nước mà 80% là Phật tử, CIA đã thuê vài trăm người để hoan hô hắn tại bến tàu. Nhưng cả CIA lẫn những giới chức Mỹ ủng hộ Diệm đều không làm sao làm ngược được sự kiện là Diệm không có sự ủng hộ của quần chúng, chính sách đàn áp đẫm máu của Diệm đối với từ các nhà sư Phật giáo và các tín đồ Hòa Hảo, Cao Đài cho tới những nông dân yêu nước, giới tư sản tôn trọng luật pháp, trật tự và một chút công lý, và những tướng lãnh đối thủ – "kéo theo (và đã xảy ra) tất cả những khó khăn vì một con người với nhân cách như vậy."

14. ***"Vietnam: Why Did We Go?"*** của Avro Manhattan, Chick Publication, California 1984, trang 56 & 89:

"Tổng thống Ngô Đình Diệm của Nam Việt Nam là một người theo đạo Ca Tô cai trị Nam Việt Nam bằng một bàn tay sắt. Hắn ta thật tình tin rằng Cộng sản là ác và giáo hội Ca Tô là duy nhất. Hắn đã được hồng y Spellman và giáo hoàng Pius XII trồng và cái ghế tổng thống. Hắn đã biến cải ngôi vị tổng thống thành một nhà độc tài Ca Tô, tàn nhẫn nghiền nát những đối lập chính trị và tôn giáo. Nhiều nhà sư Phật giáo tự thiêu để phản đối những sự bạo hành tôn giáo của hắn. Sự bạo hành kỳ thị đối với người phi-CaTô, đặc biệt là các Phật tử, đã gây nên sự rối loạn trong chính phủ và trong quân đội thì quân nhân đào ngũ hàng loạt. Điều này đưa đến sự can thiệp quân sự của Mỹ.

Trong chính sách khủng bố này hắn được sự phụ giúp của hai người anh em Ca Tô, người đứng đầu mật vụ (Ngô đình Nhu) và tổng giám mục ở Huế (Ngô đình Thục).

Người ta ghi nhận rằng, và những con số sau đây tuy không được chính quyền chính thức khẳng định nhưng có thể coi là đáng tin cậy, là trong thời gian kinh hoàng từ 1955 đến 1960 – ít nhất là có 24000 người bị thương, 80000 bị hành quyết hay bị ám sát, 275000 người bị cầm tù, thẩm vấn hoặc với tra tấn hoặc không, và khoảng 500000 bị đưa đi các trại tập trung. Đây chỉ là những con số ước tính bảo thủ, khiêm nhường.

Đặt quyền lợi quốc gia ra đàng sau để đẩy mạnh quyền lợi tôn giáo của hắn, kết quả là tên độc tài Diệm đã đưa đất nước xuống vực thẳm."

15. ***"Nobody Wanted War"*** của Ralph K. White, A Doubleday Anchor Book, New York 1970, trang 91:

"Diệm, người em dở điên và vợ hắn (Nhu và vợ), đã làm cho mọi nhóm quan trọng trong nước, kể cả nhóm chống Cộng thực tế nhất, nhóm này đã thấy rõ gia đình Diệm đã hạ thấp và làm yếu đi cuộc tranh đấu chống Cộng, và sau cùng cả những sĩ quan cao cấp trong quân đội, những người mà mọi tên độc tài không được lòng người phải trông cậy vào họ để sống còn, xa lìa.

Theo Malcolm Browne, chế độ Diệm đã bị cả nước oán ghét. Nếu nhà Ngô còn cầm quyền cho đến ngày nay (1965) thì chắc chắn là Việt Nam sẽ hoàn toàn là Cộng sản." [Bọn Ca Tô hoài Ngô ngày nay vẫn còn đưa ra luận điệu "Còn cụ thì không mất nước"]

16. ***"The Political Economy of Human Rights. Vol I"*** của Noam Chomsky and Edward S. Herman, Black Rose Books, Canada 1979, trang 30, 302-303:

"Joseph Buttinger, một cố vấn của Diệm lúc đầu và là người đã bày tỏ sự ủng hộ Diệm nồng nhiệt nhất trong thập niên 1950, khẳng định là gọi Diệm là phát xít thì không thích hợp vì, tuy chế độ Diệm có tất cả những sự xấu xa của chế độ phát xít, Diệm thiếu cơ sở quần chúng mà Hitler và Mussolini đã có thể tập hợp được.

..Theo Jeffrey Race, một cựu cố vấn quân sự Mỹ cho Nam Việt Nam có rất nhiều tài liện về lịch sử Việt Nam cận đại, chính quyền Diệm đã khủng bố người dân nhiều hơn là phong trào cách mạng nhiều – thí dụ, thủ tiêu các cựu kháng chiến quân Việt Minh, bắn pháo binh vào những "làng cộng sản" và bắt bớ những người "có thiện cảm với cộng sản". Cũng chính vì những chiến thuật đó mà lực lượng của phong trào cách mạng càng ngày càng gia tăng ở Long An

từ 1960 đến 1963.

..Sử gia của Ngũ Giác Đài viết về "bệnh gần như hoang tưởng của Diệm lo lắng về vấn đề an ninh," đưa đến những chính sách "khủng bố toàn diện nông dân Việt Nam, và làm suy giảm trầm trọng sự ủng hộ chế độ của quần chúng."

Sự dùng bạo lực quá mức và trả thù những người cựu kháng chiến của Diệm là sự vi phạm trắng trợn Hiệp Định Genève (Khoản 14c), cũng như là sự từ chối không thi hành điều khoản tổng tuyển cử trên toàn quốc (vào tháng 7, 1956) của Diệm. Lý do chính mà Diệm từ chối không thi hành điều khoản này vào những năm 1955-56 (tổ chức và tổng tuyển cử trên toàn quốc) thật là hiển nhiên: viên quan lại ly hương nhập cảng từ Mỹ vào chỉ có một sự ủng hộ tối thiểu của quần chúng và ít có hi vọng thắng trong một cuộc tổng tuyển cử...Diệm là mẫu người điển hình của một tên bạo chúa phát xít, dùng khủng bố để bù đắp cho sự thiếu hụt sự ủng hộ của quần chúng.."

17. *"**The American Pope**"* của John Cooney, A Dell Book, New York 1984, trang 309-312:

"Lập trường của (hồng y) Spellman về Việt Nam phù hợp với những mong ước của giáo hoàng. Malachi Martin, một cựu tu sĩ dòng tên phục vụ tại Vatican trong những năm Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam, nói rằng giáo hoàng muốn Mỹ ủng hộ Diệm vì giáo hoàng đã bị người anh của Diệm, Tổng giám mục Thục, ảnh hưởng. "Giáo hoàng quan tâm đến sự càng ngày càng thắng lợi của Cộng sản do đó làm suy yếu giáo hội," Malachi xác nhận rằng: "Giáo hoàng ra lệnh cho Spellman khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."

Do đó Spellman xếp đặt một chiến dịch kỹ càng để dựng lên chế độ Diệm. Qua báo chí và vận động trong hậu trường ở Washington, vấn đề đối đầu chống Cộng ở Đông Dương được phổ biến rộng rãi ở Mỹ.

Spellman và Kennedy cũng còn giúp lập lên một nhóm vận động hậu trường Washington. Chủ trương của sự đồng minh này là chống Cộng và phát huy ý hệ Ca Tô.

..Do đó, rất nhiều người Mỹ tin rằng Việt Nam là một quốc gia phần lớn là Ca Tô. Một phần của cái ấn tượng sai lầm này là kết quả của việc Diệm lên cầm quyền. Với sự giúp đỡ của CIA tổ chức cuộc bầu cử gian lận năm 1955, Diệm hủy bỏ chế độ quân chủ và Bảo Đại

bị cưỡng bức phải sống trong cảnh lưu đầy. Cái màu sắc Ca Tô đậm đà trong cuộc vận động hậu trường Việt Nam cũng góp phần tạo nên quan niệm sai lầm trên. Còn một yếu tố khác là sự đặt mình vào trong đường lối trên của Spellman.

...Sự tuyên truyền của Spellman về bản chất Ca Tô của chính quyền Diệm đã làm rõ rệt thêm hình ảnh không đẹp về vị thế của giáo hội ở Việt Nam. Cái bản chất tôn giáo của chính quyền Diệm và những vấn đề chính quyền đó tạo ra đã được ghi nhận bởi Graham Greene, một tín đồ Ca Tô, trong một bài viết từ Saigon, in trong tờ London Sunday Times ngày 24 tháng 4, 1955:

"Một cuộc viếng thăm không thích hợp của Hồng y Spellman đã được tiếp nối bởi những cuộc viếng thăm của Hồng y Gillroy và Tổng Giám mục ở Canberra. Những số tiền lớn lao đã được dùng để tổ chức những cuộc biểu tình đón tiếp những vị khách này, đưa ra một ấn tượng là giáo hội Ca Tô là của Tây phương và là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh lạnh.

...Nam Việt Nam, thay vì đối đầu với chế độ toàn trị của miền Bắc bằng những bằng chứng về tự do, lại rơi vào một chế độ độc tài bất hiệu lực: dẹp bỏ báo chí, kiểm duyệt chặt chẽ, lưu đầy bằng lệnh của chính quyền thay vì phải được xét xử ở tòa án. Thật là bất hạnh khi một chính quyền như vậy lại đồng nhất hóa với một đức tin. Ông Diệm rất có thể đã để lại trên đất nước có tinh thần khoan nhượng này một gia tài chống-CaTô."

18. "***The Final Superstition***" của Joseph L. Daleiden, Prometheus Books, New York, 1994, trang 62):

"Spelllman là người chủ chốt của giáo hoàng làm cho Mỹ tham chiến sâu đậm ở Việt Nam. Theo một bức thư chính thức của Vatican, giáo hoàng "dùng Spellman để khuyến khích Mỹ tham chiến ở Việt Nam."

Mọi viện trợ nhân đạo cho miền Nam đều đi qua các cơ sở của giáo hội Ca Tô và chỉ có những người Ca Tô là được Diệm bổ nhiệm vào trong chính phủ. Tuy rằng những chính sách như vậy đưa đến việc cải đạo hàng loạt, số tín đồ Ca Tô chỉ chiếm vào khoảng từ 12 tới 13 phần trăm của dân số miền Nam. Không lạ lùng gì mà khối đa số Phật Giáo bất bình đưa đến việc công khai chống đối chính sách của Diệm. Tình trạng ngày càng suy kém, Diệm đã dùng đến biện pháp bắt giữ hàng loạt, đàn áp Phật tử, đóng cửa chùa chiền và tu viện. Qua kinh nghiệm quá khứ, Giáo hội chắc hẳn đã biết rằng sự

đàn áp chỉ làm cho lý tưởng mạnh hơn. Trước sự quan sát kinh hoàng của thế giới, giới Phật tử đã phải dùng tới hành động chống đối tiêu cực rốt ráo và nhiều tăng sĩ đã tự thiêu. Trong những khoảng thời gian đáng sợ đó, ***tôi, một tín đồ CaTô****, không nhớ có một lời chỉ trích chính sách của Diệm từ một linh mục hay giám mục CaTô nào. Tuy nhiên, sự việc đã lên quá mức đối với Tổng Thống John Kennedy, ông ta thôi không ủng hộ Diệm nữa. Ít lâu sau đó Diệm bị hành quyết trong một cuộc lật đổ chính quyền. Qua cái diễn tiến kinh khủng này* ***vai trò của giáo hội đã theo đúng cái tiến trình lịch sử nhơ nhớp của giáo hội.****"*

19. *"**America's Longest War**"* của George C. Herring, John Wiley & Sons, New York 1979, trang 62-65:

"Để làm vui lòng các cố vấn Mỹ, thỉnh thoảng Diệm cũng nói trên đầu môi chót lưỡi về dân chủ, nhưng trong thực hành hắn nắm lấy những quyền lực tuyệt đối. Đích thân hắn ngự trị ngành hành pháp của chính phủ, dành cho hắn và anh em hắn mà hắn đã đưa ba người vào nắm ba chức trong nội các có sáu bộ, mọi quyền quyết định.

Sự tấn công dữ dội của Diệm vào những đối lập chính trị đã gây nên sự bất mãn trong các thành phố cũng như ở thôn quê. Báo chí chỉ trích chính phủ bị đóng cửa ngay.. Dùng quyền hành trong các sắc lệnh của tổng thống, chính quyền Diệm đã lùa vào những " trại cải huấn" nhiều ngàn người Việt Nam, cộng sản cũng như không cộng sản, những người bị coi như là đe dọa cho trật tự công cộng. Chương trình cải huấn lúc đầu nhắm vào các thành phần kháng chiến Việt Minh ở lại miền Nam, nhưng rồi với thời gian chương trình này được áp dụng cho bất cứ ai dám chống đối chính quyền.

..."Chính quyền có khuynh hướng cai trị dân với lòng nghi ngờ và cưỡng bức", một phúc trình tình báo của Mỹ kết luận năm 1960, và "đã được đáp ứng bởi thái độ bất thiện cảm và bất mãn của người dân".

20. ***"Unwinding the Vietnam War: From War Into Peace"*** của Reese Williams, The Real Comet Press, Seattle 1987, trang 431:

Sau khi Pháp bị đánh bại và có vẻ như nền độc lập (của Việt Nam) sẽ tới, theo hiệp định Genève. Nhưng thay vào đó Mỹ đã nhảy vào, quyết định là Hồ (Chí Minh) không được thống nhất đất nước đang tạm thời chia cắt, và những nông dân lại cảnh giác khi chúng ta

ủng hộ một trong những tên độc tài đồi bại nhất của thời hiện đại – Thủ tướng Diệm, người chúng ta chọn. Người nông dân cảnh giác và co rúm người lại khi Diệm tàn nhẫn dẹp mọi đối lập, hỗ trợ những tên địa chủ bóc lột họ, và từ chối thảo luận với Bắc Việt về sự thống nhất của đất nước

Trên đây chỉ là 20 lời phê phán điển hình về chế độ Ngô Đình Diệm của một số trí thức ngoại quốc: ký giả, chính trị gia, giáo sư đại học, nhà quân sự, trong số hàng trăm lời phê phán tương tự khác. Chúng ta cũng nên để ý là hơn phân nửa số tài liệu trích dẫn ở trên được viết sau năm 1975. Nếu độc giả muốn đọc những lời phê phán của người Việt, xin tìm đọc cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cố Thiếu Tướng Đỗ Mậu, trong đó ở phần cuối có 100 lời phê phán của các nhân sĩ, chính trị gia, tướng lãnh, giáo sư đại học, nhà báo v..v.. về Ngô Đình Diệm và chế độ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa. Cho tới ngày nay, cuốn hồi ký chính trị này, với rất nhiều chi tiết lịch sử, vẫn là **cuốn sách có giá trị nhất trong những cuốn viết về chế độ Ngô Đình Diệm** và những diễn biến chính trị trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa..

Từ 20 lời phê phán của các tác giả ngoại quốc trên, chúng ta có thể rút tỉa ra được những gì? Sau đây là vài điểm chính.

1). Ngô Đình Diệm là người **vô tài, vô đức, nhu nhược**, được Hồng Y Spellman, với sự phụ giúp của ngoại trưởng John Foster Dulles cùng một vài chính khách Công giáo Mỹ khác, theo lệnh của Vatican, vận động với Mỹ đưa Diệm về cầm quyền ở Nam Việt Nam vì Diệm là người Công giáo, nên đương nhiên có thể tin cậy để chống Cộng chết bỏ. Ngoài ra Vatican cũng còn góp phần vận động, thuyết phục Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Cái tội này của Vatican đối với Việt Nam sẽ được ghi vào sử sách.

2). Chế độ Ngô Đình Diệm là một **chế độ bạo ngược, chuyên chế, không có sự hậu thuẫn của quần chúng**. Đó là một chế độ mà hầu hết những người nắm quyền hành chánh, quân sự là những gia nô vô liêm sỉ.

3). Chính cái chất Công Giáo cuồng tín, tổng hợp của ngu dốt, kiêu căng, huênh hoang, hợm hĩnh của Diệm đã làm hại Diệm. Sách lược **Công giáo hóa miền Nam bằng thủ đoạn tiêu diệt các giáo phái khác của Diệm trong một nước mà Công giáo chỉ chiếm có 7% là một sách lược ngu xuẩn, đi ngược lại tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên của dân tộc, đã đưa đến sự oán ghét của tuyệt đại**

đa số người dân Việt Nam. Sách lược này đã ghi thêm một chương ô nhục vào lịch sử giáo hội Công giáo Việt Nam, một giáo hội vốn đã nổi tiếng là: "Hễ phi dân tộc thì thế nào cũng phản bội dân tộc."

Kết Luận: Trước sách lược "Công giáo hóa miền Nam" ngu xuẩn, bạo tàn, hại dân, hại nước của chính quyền Ngô Đình Diệm, tay sai của Vatican và Mỹ, Phật Giáo Việt Nam không còn có thể chọn lựa con đường nào khác ngoài con đường tranh đấu, không riêng gì cho Phật Giáo mà còn cho cả dân tộc. Những bằng chứng tràn ngập về tính cách bạo tàn, kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, đã chứng minh một cách hùng hồn là cuộc tranh đấu của Phật Giáo cách đây 40 năm ở miền Nam Việt Nam là có chính nghĩa, hợp với lòng dân.

Thật vậy, tuy Phật Giáo phát động phong trào chống chế độ Ngô Đình Diệm nhưng lòng dân oán ghét chế độ bạo tàn phi dân chủ này đã âm ỉ từ lâu. Chúng ta không nên quên là ông Diệm đã bị ám sát hụt tại Ban Mê Thuột ngay từ năm 1957, ngày 21 tháng 5. Rồi đến cuộc đảo chánh thất bại của lực lượng nhảy dù ngày 11 tháng 11, 1960, vụ dội bom dinh độc lập của 2 sĩ quan VNCH ngày 27 tháng 2, 1962. Và sự kiện là, trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963, không phải chỉ có Phật tử mới tham gia tranh đấu mà gồm đủ mọi thành phần dân tộc, từ các em học sinh trung học đến các sinh viên đại học, các giới sĩ, nông, công, thương, kể cả những người Công giáo tiến bộ gồm một số linh mục và tín đồ Công giáo.

Phật Giáo là tôn giáo hòa bình. Những bậc tôn đức trong cuộc tranh đấu Phật Giáo 1963 không chủ trương lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm bằng bạo động. Nhưng không ai có thể phủ nhận là cuộc tranh đấu này đã góp phần lớn lao đưa đến sự cáo chung của chế độ Công giáo trị, gia đình trị Ngô Đình Diệm vào ngày 1 tháng 11, 1963. Ý thức được lòng dân, chính quân đội Việt Nam, chỉ huy bởi nhiều tướng lãnh, trước đã theo và ủng hộ ông Diệm, đã đứng lên làm tròn sứ mạng dẹp bỏ một chế độ Công giáo độc tài, phi dân tộc, phi tổ quốc. Như đã từng nhiều lần có công với dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ nước, cuộc tranh đấu 1963 của Phật Giáo ở miền Nam cũng đã góp được nhiều công to lớn cho dân tộc. Ngoài việc đưa đến sự chấm dứt một chế độ ác ôn đã mất đi lòng dân, chính yếu là cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã thành công trong việc bảo vệ được nền văn hóa truyền thống và tôn giáo dân tộc, tôn giáo dân tộc ở đây phải được hiểu theo nghĩa tôn giáo của tuyệt đại đa số người dân trong nước, thí dụ như Ki Tô Giáo ở Mỹ, ngăn chặn được hiểm họa của Ca Tô Giáo

trong toan tính đưa toàn dân Việt Nam xuống hàng súc vật (con chiên), cúi đầu tuân phục một định chế có thủ phủ đặt tại Vatican mà lịch sử đen tối ô nhục của nó đã không còn là một vấn đề xa lạ đối với thế giới ngày nay.

Chỉ đáng tiếc là, sau cuộc chính biến ngày 1 tháng 11, 1963, thay vì quay về xây dựng nội bộ, đào tạo tăng, ni tài đức, tổ chức gia đình Phật tử theo tinh thần Phật Giáo, một số các vị lãnh đạo Phật Giáo đã đi ngược lại tinh thần Phật Giáo. Thay vì theo đường lối của các bậc tôn đức Phật Giáo khi xưa: "Tham gia chính sự nhưng không tham gia chính quyền" thì các vị này lại đi nghe mấy tên đầu cơ chính trị nhân danh Phật Giáo, đi vào con đường "Tham gia chính quyền mà không biết gì về chính sự". Kết quả là đi đến chia rẽ, phân hóa nội bộ, làm suy yếu Phật Giáo. Mong rằng cái kinh nghiệm đắt giá này sẽ là một bài học cho Phật Giáo Việt Nam trong việc hoạch định đường hướng tương lai theo đúng tinh thần Phật giáo: buông bỏ chấp ngã, chấp danh, chấp tướng, thực hiện đoàn kết, và ý thức được sức mạnh của Phật Giáo là sức mạnh tinh thần, sức mạnh đạo đức của các bậc tu hành, sức mạnh của chuyển hóa v..v.. chứ không phải là sức mạnh của danh, lợi, địa vị, quyền lực, của cải thế gian v..v...

Trần Chung Ngọc

VÀI ĐIỀU CĂN BẢN VỀ PHONG TRÀO PHẬT GIÁO

Cao Huy Thuần

***Lời nói đầu**: Ngày 30-4-2011 vừa qua, Thời Đại Mới có mở một cuộc đàm thoại nội bộ về nhu cầu nghiên cứu các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam trước đây. Sau đó, chúng tôi có yêu cầu anh NVL viết lại những ý kiến của anh thành bài và yêu cầu anh Cao Huy Thuần tóm tắt quan điểm mà anh đã phát biểu. Dưới đây là tóm tắt đàm thoại của anh CHT.*

Thời Đại Mới: *Hôm nay là 30-4, ngày kỷ niệm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Năm ngoái, anh đã có một bài trò chuyện với VietnamNet. Năm nay, chúng tôi cũng mời anh tiếp tục chuyện trò như thế, không phải vì một mục tiêu chính trị nào, mà để góp phần vào việc nghiên cứu nghiêm túc các phong trào tranh đấu ở các đô thị miền Nam cũ, nghiên cứu sử hiện đại. Đề nghị anh nói về phong trào Phật giáo, tuy biết anh rất ngần ngại. Tại sao anh ngần ngại?*

Cao Huy Thuần: Vì nhiều lẽ. Một, là tôi luôn luôn hướng về tương lai, không thích vấn vương những chuyện quá khứ. Hai, là nói đến phong trào Phật giáo tất phải bắt đầu bằng cuộc nổi dậy chống chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963, và như thế thì bắt buộc phải động đến vai trò của Thiên chúa giáo dưới thời ông Diệm. Vấn đề tôn giáo là vấn đề nhạy cảm số một, nếu ngày nay tôi còn quan tâm là vì có liên quan đến an ninh của nhà nước, nhưng chuyện của ngày xưa thì tôi muốn quên, cần quên, phải quên, vì nhu cầu hòa hợp dân tộc cũng là vấn đề hệ trọng không kém. Ba, là nếu muốn viết lại lịch sử phong trào Phật giáo thì phải viết cả cuốn sách, việc đó tôi làm không nổi. Tôi không biết có nên nói thêm một lẽ thứ tư không, có lẽ nên, để xưng tụng một từ ngữ hoạt kê đầy tính tượng hình: "chụp mũ". Phong trào Phật giáo từng bị chụp mũ "*thân Mỹ*", "*thân Cộng*", lắm khi đội hai cái mũ một lần. Trả cái mũ về cho cái mũ thì cái đầu thảnh thơi hơn, tội gì bắt cái đầu phải nhớ lại chuyện cũ?

TĐM: *Chụp mũ là chuyện thường tình, trừ khi anh không có cái đầu. Trót có cái đầu thì ráng chịu. Sở dĩ TĐM đặt lại với anh vấn*

đề nghiên cứu phong trào Phật giáo là vì, như anh Ngô Vĩnh Long vừa nói, chưa có nghiên cứu tốt về phong trào này. Anh có nghĩ như vậy không?

CHT: Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng vì một cái nhìn có lẽ khác với anh Ngô Vĩnh Long. Các bài viết về phong trào Phật giáo cho đến nay chưa làm rõ ra được cái cốt lõi của phong trào. Cốt lõi ấy không phải là chính trị mà là văn hóa, đạo đức. Nói ra thì rất dài, ở đây tôi chỉ có thể tóm tắt thôi. Nhưng nếu nhìn phong trào với con mắt chính trị thì chỉ thấy ngoài da, không thấy tận gan tận ruột. Đặc tính văn hóa, đạo đức ấy xuyên suốt phong trào trong cả hai giai đoạn: giai đoạn chống độc tài, độc tôn và giai đoạn chống chiến tranh, đòi hòa bình. Giai đoạn đầu (1963-65) là giai đoạn vàng son, chống chế độ Diệm và các chế độ quân nhân sau Diệm. Giai đoạn sau, từ 1966, từ lúc Mỹ can thiệp rần rộ vào chiến tranh, là giai đoạn suy vi, vừa bị người Mỹ giúp ông Kỳ đàn áp thẳng tay ở miền Trung, vừa bị chính quyền Thiệu-Kỳ chia rẽ hàng ngũ bằng cách dựng lên một nhánh Phật giáo đối nghịch. Dù thịnh dù suy, phong trào không mất quần chúng và cũng không rời khỏi phương châm văn hóa, đạo đức. Mà suy cũng là lẽ tất nhiên khi chiến tranh leo thang tàn khốc, mọi tiếng nói hòa bình phải bị bóp nghẹt.

TĐM: *Cả từ hai phía?*

CHT: Hãy nói từ phía kề cận, hãy nói từ trong lòng chế độ quân nhân, từ trong lòng bộ máy chiến tranh của Mỹ, từ phía người Mỹ. Không dễ gì cất lên tiếng nói hòa bình khi họ quyết định đánh cho đến cùng. Chỉ chừng đó đã lao đao rồi, nói gì thêm! Nhưng chính trong lao đao mà bản chất văn hóa, đạo đức của phong trào lại càng rõ. Giữ cho được bản chất đó, ôi, bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu bầm dập, bao nhiêu cái mũ phải đội trên đầu. Nhưng, gạt qua một bên những chuyện hời hợt hoa lá cành, nhìn nhựa chảy bên trong thân cây, thì dù khi lên khi xuống, người nghiên cứu sẽ thấy lồ lộ hai ý tưởng chính nuôi dưỡng phong trào: một, là phải trả lại cho Việt Nam văn hóa truyền thống của dân tộc; hai, là Phật giáo phải làm sáng tỏ ra rằng mình biểu hiện lương tâm của dân tộc. Anh có thể đồng ý hay không đồng ý với hoài bão của các người lãnh đạo phong trào, nhưng đấy mới là cốt lõi của vấn đề, mới là động cơ thúc đẩy hành động của họ.

TĐM: *Giai đoạn đầu, ai cũng biết: Phật giáo khởi đầu phong trào lật đổ ông Diệm. Dù muốn dù không, thế là chính trị! Có phải lật đổ ông Diệm là mục tiêu của phong trào?*

CHT: Không phải. Chính xác mà nói, Phật giáo không chống ông Diệm mà *chống chính sách kỳ thị tôn giáo* của ông ấy. Đây không phải chỉ là lời nói đầu môi; đây là thâm sâu tận bên trong triết lý của đạo Phật. Đạo Phật chỉ xem hành động là có, còn tất cả đều không. Chống, là chống hành động, không chống con người. Cho nên sự chống đối ấy, từ đầu, mang tính văn hóa, đạo đức, chứ không phải chính trị. Các người lãnh đạo nói: đạo Phật là đạo của dân tộc Việt Nam từ xưa, đã làm nên văn hóa Việt Nam, sao bây giờ ông Diệm lại bắt cả cái dân tộc đó phải hát suy tôn ông khi chào cờ "*xin Thượng đế ban phước lành cho Người*"? Văn hóa truyền thống Việt Nam không có khái niệm "*thượng đế*", không có ngôn từ "*ban phước lành*". Ai có khái niệm đó thì cứ xin, sao lại bắt ai ai cũng phải nhất tề xin, mà lại xin trước cái biểu tượng thiêng liêng là ngọn quốc kỳ? Thượng đế và quốc kỳ là một? Nhà nước và Nhà thờ là chung? Cái nhục ấy, trước tiên, là nhục văn hóa hay là nhục chính trị? Uất ức chồng chất trong chín năm không phải vì ông Diệm là tín đồ của một tôn giáo nào, mà vì ông đã cuồng tín tôn giáo đến mức làm nhục một gia tài văn hóa trong đó Phật giáo là một bộ phận chính. Ấy chỉ là một ví dụ trong trăm ngàn uất ức chồng chất như non. Từ đó, lộ ra đặc tính đạo đức. Đạo đức ở đây là chống *bất công*. Buồn cười không thể tưởng tượng về cái Dụ số 10: Dụ này không xem Phật giáo như một tôn giáo mà chỉ như một hiệp hội, ngang hàng với các hiệp hội từ thiện, mỹ nghệ, tiêu khiển, thể thao! Tôn giáo thì chỉ có một thôi, là Thiên chúa giáo vì Thiên chúa giáo không nằm trong Dụ số 10. Lại cũng buồn cười không kém cái lý do mà ông Diệm gạt ngày Phật Đản ra khỏi danh sách nghỉ lễ hàng năm: khi Phật sinh ra, Phật chưa là Phật, còn khi Chúa sinh ra, Chúa đã là Chúa. Phật giáo phải đứng dậy để đòi cái gì? Buồn cười ra nước mắt: đòi dẹp bỏ Dụ số 10 để mình được làm… tôn giáo như ai! Không nhận ra cái bất công khủng khiếp này thì không hiểu được cái nhục mà tôi gọi là cái nhục gia tài, cái nhục không riêng gì của thế hệ lúc đó mà nhục cả cha ông từ bao nhiêu thế hệ trước. Thành công của phong trào Phật giáo trong vụ nổi dậy năm 1963 là do ở chỗ dân chúng cảm lây cái nhục đó. Từ một động cơ có tính văn hóa và đạo lý, chống đối ông Diệm trở thành chính trị khi quần chúng và sinh viên phát triển tranh đấu đòi bình đẳng tôn giáo lên thành tranh đấu chống độc tài gia đình trị.

TĐM: *Dụ số 10 không phải có từ thời ông Diệm mà đã có từ thời Bảo Đại. Ông Diệm chỉ thừa hưởng.*

CHT: Đúng vậy! Và chính vì vậy mà cái nhục của Phật giáo

được dân tộc san sẻ, trở thành cái nhục chung. Một đạo dụ, ban hành dưới thời bán thuộc địa Liên Hiệp Pháp, xếp tôn giáo truyền thống của dân tộc vào loại vô tôn giáo, lại được một chính quyền mang tiếng là độc lập trân trọng giữ y nguyên văn, áp dụng triệt để, như thế là con thừa tự! Độc lập chỗ nào? Nhục cho cả nước. Dân chúng miền Nam bị tròng hai cái ách vào cổ: cái ách độc tài chính trị và cái ách độc tài tôn giáo. Ông Diệm muốn độc chiếm cả cái đầu lẫn con tim. Được người Mỹ nâng lên hàng lãnh tụ thế giới, ông tuyên bố thẳng thừng: muốn chống lại miền Bắc cộng sản, miền Nam phải trở thành Thiên chúa giáo, Nhà thờ là "*thành trì chống lũ về tâm linh của dân tộc*"[1]. Không phải riêng gì miền Nam, cả các nước Á châu khác nữa. Trước Đại hội Liên đoàn các nước Á châu chống Cộng họp tại Sài Gòn năm 1957, ông dõng dạc xuất khẩu cái chân lý ấy: "*Chúng ta không được ngần ngại trong việc áp dụng khí giới của chân lý mà Thiên chúa giáo đã trao lại cho chúng ta. Biết áp dụng khí giới đó phải là mục tiêu của Liên Đoàn*"[2].

Tôi không muốn dài dòng về chuyện này vì ai cũng biết. Nói chừng đó là đã đau lòng lắm rồi. Đau lòng cho Phật giáo vì khơi lại một vết thương. Đau lòng cho cả các bạn Thiên chúa giáo vì tôn giáo cao quý của các bạn bị cả một gia đình và cả một lực lượng quá khích lạm dụng để cai trị và đàn áp. Thế chẳng phải là văn hóa? Thế chẳng phải là đạo lý?

TĐM: *Đúng là ở Việt Nam, khác với các nước thuộc địa khác, không có một giai đoạn mà người nghiên cứu gọi là giai đoạn giải thực,* decolonisation. *Vừa độc lập đã chiến tranh. Vừa hết chiến tranh với Pháp đã tiếp nối chiến tranh với Mỹ. Không có một giai đoạn nào ngưng nghỉ để cả dân tộc suy nghĩ lại về cái được cái mất, xét về khía cạnh văn hóa, trong thời thuộc địa. Nhưng dù vậy đi nữa, Phật giáo đã hồi sinh năm 1930. Phật giáo đã hồi sinh trong một bối cảnh chính trị và văn hóa bất lợi. Cũng vậy, trong hoàn cảnh chính trị và văn hóa bất lợi của năm 1963, phong trào Phật giáo đã có thể nổi dậy, hồi sinh. Ngoài cái nhục mà anh đã nhấn mạnh như là động cơ, còn có những yếu tố văn hóa gì đến từ bên ngoài hỗ trợ cho động cơ đó?*

CHT: Cuộc nổi dậy 1963 bắt đầu ở Huế, sau khi xe bọc sắt của ông Diệm nổ súng vào quần chúng tụ tập trước đài phát thanh để nghe truyền lại buổi lễ Phật đản, giết chết 7 em bé. Máu đã chảy ra tại Huế, tất nhiên phong trào bắt đầu từ Huế. Nhưng nếu phong trào bùng lên được, chính là nhờ vị thế văn hóa của Huế, đặc biệt hơn ở đâu khác. Huế là đất của chùa. Đại đa số dân chúng là Phật tử. Một thành phố

hiền lành. Một thành phố tiểu công chức, tiểu thương gia, vừa đủ tiền để cho con ăn học và lấy học thức làm thước đo đạo đức và thành công.. Nơi con đường chính của thành phố, ngắn chỉ vài trăm thước, có đến hai ba nhà sách, tấp nập khách học trò. Thành phố này là thành phố học trò, đẹp nhờ học trò, hoa bay bướm lượn thanh khiết tà áo học trò. Nếu muốn tìm một thành phố cổ truyền đẹp thuần túy Việt Nam hồi đó, Huế là tiêu biểu. Lạ một điều là quân đội Mỹ biết đặc diểm đó hơn ai cả. Trong suốt chiến tranh, họ biến Đà Nẵng thành ra một thành phố đầy lính và phụ nữ phục vụ lính, nhưng ở Huế, lính Mỹ đóng bản doanh ở ngoại ô, không được phép vào thành phố. Ngoài sách vở, báo chí và nhà trường, cả cái thành phố tiểu công chức ấy mua vui trí thức hàng ngày với cái đài BBC. Trong cuộc nổi dậy 1963, lính của ông Diệm có thể vây chùa Từ Đàm, nhưng vây hàng ngàn cái máy thu thanh thì vô kế khả thi.

Biết Huế là thành phố văn hóa, và văn hóa Phật giáo, ông Diệm đánh một chưởng văn hóa bằng cách thành lập Đại Học Huế, đại học thứ hai sau Sài Gòn. Hành động này hợp lý và đáng khen, vì cả miền Trung không có đại học, con em nhà nghèo không có đường tiến thân. Nhưng thâm ý của tổng giám mục Ngô Đình Thục không phải thế: đại học Huế phải là nơi truyền đạt triết lý tôn giáo của chế độ, khác với đại học Sài Gòn lúc đó hãy còn giữ phần nào ảnh hưởng văn hóa phóng khoáng của Pháp. Chưa đủ thời gian để thực hiện chính sách, ông Diệm đã lấy gậy ông đập lưng ông: Đại học Huế cung cấp một lượng giáo sư và sinh viên đủ tâm huyết để lao vào phong trào 1963. Trong thành phố học trò ấy, tiếng nói của các ông giáo có một sức động viên đặc biệt và máu nóng của sinh viên truyền hăng hái vào mọi gia đình.

Phong trào tranh đấu nào cũng có biểu tượng. Thật lạ kỳ: xe bọc sắt của ông Diệm bắn bừa vào quần chúng, vậy mà 7 xác chết là 7 em bé, 7 em học trò. Biểu tượng của phong trào là 7 em bé trắng trong. Trắng trong như biểu ngữ trương ra sau đó: tuyệt nhiên chỉ đòi hỏi bình đẳng tôn giáo. Trong thành phố mà linh hồn là học trò, cái chết của 7 em bé học trò gây một ấn tượng mạnh trong tuổi trẻ: sinh viên đứng dậy với quần chúng Phật tử vì bạo quyền bắn vào lý tưởng của họ, bắn vào chính cái trong trắng của tuổi trẻ. Ấn tượng càng mạnh hơn khi bác sĩ Wulf, giáo sư đại học Đức qua dạy tại Huế, bồng trong tay xác các em bé máu me nhầy nhụa.

TĐM: *Nhưng quan trọng hơn nữa là 7 cái áo lam của 7 em bé…*

CHT: Đúng vậy. Máu chảy thấm ướt áo lam. Một biểu tượng văn hóa không gì mạnh hơn. Bởi vì, tôi lại nói như một điệp khúc, bắn vào áo lam là bắn vào văn hóa, không phải riêng gì của Phật giáo, mà của truyền thống, của dân tộc. Các nhà lãnh đạo phong trào nhìn vấn đề như vậy. Và chính cái nhìn đó tạo nên sức mạnh tinh thần ghê gớm, bất chấp mọi đàn áp, mọi hy sinh. Sài Gòn đã từng là trung tâm phản đối chính trị: nào là của nhóm các nhân sĩ Caravelle, nào là đảo chánh 1960, nào là ném bom trên Dinh Độc Lập năm 1962… Nhưng đối kháng chính trị chẳng ăn nhằm gì đâu so với đối kháng văn hóa. Đối kháng văn hóa mới là đối kháng từ cốt tủy. Lịch sử đã chọn đúng Huế để nổ ra đối kháng đó. Và lịch sử cũng đã chọn đúng người để lãnh đạo đối kháng.

TĐM: *Hòa thượng Trí Quang?*

CHT: Vâng, lúc đó hãy còn là thượng tọa. Dưới đây, tôi gọi bằng "thầy" cho tiện. Ai ở trong giai đoạn lịch sử đó, dù ở trong phe bạn hay phe nghịch, dù là chính trị gia hay tướng tá quân nhân, dù là Việt, dù là Mỹ, đều nói: đây là một nhà lãnh đạo xuất chúng. Một sức thu hút không ai bì được. Một *charisma*, đúng nghĩa của Weber. Nhưng trước hết là một lòng tin sắt đá. Tin rằng Phật giáo và văn hóa Việt Nam là một. Tin rằng Phật giáo phải luôn luôn tự mình xứng đáng để vẫn là một với Việt Nam. Muốn hiểu phong trào Phật giáo lúc đó phải hiểu con người này. Phải đọc những gì ông viết, hoặc đã in ra, hoặc chưa in.

TĐM: *Chưa in thì làm thế nào mà đọc?*

CHT: Nguyễn Du than thở: "bất tri tam bách dư niên hậu". Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau thiên hạ đã khóc Tố Như rồi. Lịch sử là một tấm gương, cái gì rốt cuộc rồi cũng phản chiếu vào đó. Tôi đọc một đoạn nhỏ trong tấm gương đó nhé, chưa in hay in rồi không quan trọng:

"Phật giáo không thích ứng với chính trị mà thích ứng với văn hóa. Phật giáo tồn tại bởi dân tộc, không như tôn giáo khác tồn tại vì chính quyền. Hồi nhỏ, một hôm tôi xuống đò ngồi với một số người. Trong khi chờ qua sông, họ đua nhau kể ra những hoạt động đêm qua của kháng chiến. Đang kể bỗng im bặt. Họ thấy một giáo sĩ cũng sắp xuống đò qua sông. Họ không e ngại một tăng sĩ mà e ngại một giáo sĩ. Chuyện này củng cố cho tôi sự nhận định về vị trí của Phật giáo. Phật giáo dại gì đánh mất niềm tin cậy của dân gian?"

TĐM: *Tuy vậy, tuy không ham chính trị, nhưng có lẽ vì con người của hòa thượng Trí Quang quá sắc bén nên các ký giả Mỹ và*

cả nhà cầm quyền Mỹ vẫn cứ thắc mắc về hai câu hỏi có liên hệ với nhau: một, là hòa thượng có phải muốn Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo không, và hai, có thể có chiến tranh giữa Phật giáo và Thiên chúa giáo không? Báo Mỹ lúc đó viết về hòa thượng như là "Makarios của Đông Nam Á". Makarios là tổng giám mục và tổng thống đầu tiên của Cộng Hòa Chypre năm 1960.

CHT: Sự thực không có gì đơn giản hơn. Các ký giả Mỹ cũng đã hỏi thầy: "Bản thân thượng tọa ưa muốn gì?" Câu trả lời là: "*Là dịch sách Phật giáo. Việc làm như bây giờ chỉ là bất đắc dĩ, rất bất đắc dĩ*". Muốn kiểm chứng xem câu nói đó có trung thực không, chỉ cần nhìn thầy sống như thế nào từ 1975 đến nay: đóng cửa, không tiếp khách nào, không màng thế sự, không hơn thua, không thị phi, suốt ngày chỉ dịch kinh, bình chú. Bởi vậy, đừng xem câu trả lời sau đây của thầy về chuyện "quốc giáo" là nói kiểu ngoại giao: "*Vị thế quốc giáo xưa của Phật giáo quả thực tráng lệ mà siêu thoát. Dầu là quốc giáo, Phật giáo đã không độc tôn, không kỳ thị, bao giờ cũng là đóa sen không nhuốm bẩn. Truyền thống đó, Phật giáo phải bảo trọng. Chính vì bảo trọng truyền thống đó mà, thời nay, Phật giáo phải bảo thủ vị thế tôn giáo thuần túy của mình*".

Còn câu trả lời về "chiến tranh", có chiến tranh tôn giáo không? Này đây, gọn lỏn: "*Không. Tương tranh còn không thể có, nói chi đến chiến tranh*". Triết lý Phật giáo nhấn mạnh trên "nghiệp". Nghiệp, tức là hành động. Hành động có thiện, có ác. Chống, là chống cái ác của hành động, không chống con người, không thù hận với con người. Với tôn giáo cũng vậy, không có chuyện tôn giáo này chống tôn giáo kia, chiến tranh tôn giáo là chuyện man rợ, chuyện của địa ngục. Ai đọc thầy Trí Quang lúc đó sẽ để ý thầy nhắc lui nhắc tới hoài với quần chúng Phật tử một chữ, chữ *"khác"*: Phật giáo phải "khác" với các tôn giáo ở phương Tây về chuyện quyền hành, về chuyện thánh chiến. Dưới sự lãnh đạo của thầy, phong trào Phật giáo không đi ra khỏi mục tiêu văn hóa - văn hóa theo nghĩa rộng. Phong trào chống chiến tranh từ 1966 cũng vậy, cũng chỉ nhắm mục tiêu ấy thôi.

TĐM: *Trong giai đoạn 1964-66, báo chí Mỹ đặt rất nhiều câu hỏi về hòa thượng Trí Quang, không hiểu tại sao nhà lãnh đạo này chống hết chính quyền này đến chính quyền khác. Năm 1966, ông mở phong trào đòi bầu cử Quốc hội lập hiến. Nhà cầm quyền Mỹ, cũng như tòa đại sứ Mỹ, nghĩ rằng ông đòi bầu cử Quốc hội là để chiếm đa số, để hất Thiệu-Kỳ, để khuynh loát chính trường miền Nam. Họ nói: ông không phải là vua, nhưng ông muốn là người tạo ra vua. Đúng*

chăng?

CHT: Lầm to! Trong quá khứ, lúc đó, bây giờ, và mãi mãi, Phật giáo không dính vào chính trị. Đạo Phật "nhập thế" là nhập thế vào xã hội, nhắm vào con người mà cho vui, cứu khổ, nhưng đạo Phật "siêu thoát" thế gian, nhất là siêu thoát khỏi chính trị. Các quốc sư ngày xưa đã để lại tấm gương trong sáng vằng vặc. Các vị ấy ở trong núi. Không ở trong kinh thành. Tại sao thầy Trí Quang đòi bầu cử Quốc hội? Tại vì có Quốc hội thì mới có cái thế hợp pháp để đòi người Mỹ chấm dứt chính sách chiến tranh. Người Mỹ lúc đó quyết liệt chủ trương một đường lối duy nhất là chiến tranh đến cùng, "hòa bình là chiến tranh tàn lụi", họ nói vậy. Được cái thế đó, Thiệu-Kỳ trương lên cái bảng hiệu "nội các chiến tranh", tiền hô hậu ủng với người Mỹ, hai dạ một lòng. Dễ gi nói lên tiếng nói hòa bình trong tình thế đó! Làm sao nói? Chỉ có cách là làm cho dư luận ở tận bên Mỹ thấy rằng đó là tiếng nói, đó là nguyện vọng của dân phát biểu qua cơ quan dân cử. Kết hợp nguyện vọng hòa bình với ác cảm của quần chúng đối với các chế độ tướng tá, đòi hỏi Quốc hội lập hiến được dân chúng nhiệt liệt hưởng ứng, từ khắp các tỉnh đến tận thủ đô Sài Gòn. Một lần nữa, tiếng nói của Phật giáo đồng hóa với tiếng nói của quần chúng. Mà tại sao Phật giáo đòi hỏi hòa bình? Chính trị gì chăng? Không! Văn hóa! Đòi hòa bình vì chiến tranh đe dọa sự tồn vong của dân tộc, nuôi dưỡng sự tha hóa của con người. Đòi hòa bình vì Phật giáo luôn luôn hoài bão rằng mình là lương tâm của dân tộc. Đó là động cơ văn hóa, đạo đức của phong trào 1966. Phật giáo chủ trương: chỉ có văn hóa hòa bình. Không thể có "văn hóa chiến tranh". Không có "văn hóa chém giết", "văn hóa đạn bom".

TĐM: *Dù là đạn bom đến từ phía nào?*

CHT: Câu hỏi này, không thể trả lời ngắn gọn được, xin hẹn một dịp khác. Nhưng dù trả lời thế nào đi nữa, mục đích của phong trào Phật giáo vẫn không ở ngoài hai phương châm - hai phương châm này tóm tắt toàn bộ phong trào Phật giáo từ 1963: bảo vệ "văn hóa dân tộc", bảo vệ "văn hóa hòa bình". Đơn giản chỉ thế. Tôi trích thêm một câu tâm tư của thầy Trí Quang để tóm tắt cả lịch sử của giai đoạn biến động ấy và cũng để soi sáng con người đặc biệt của thầy: "Tổng chi, tôi có tham vọng không? Có, mà có đến nỗi có người đã nói hơi chướng nữa. Tham vọng của tôi không mơ mộng Phật giáo trở lại vị thế quốc giáo như thời xa xưa, càng không muốn Phật giáo thành một Thiên chúa giáo thứ hai! Tôi chỉ mong ước, trong cơn nghiêng ngữa của đất nước, ai nhìn vào Phật giáo cũng nghĩ rằng đất

nước này còn có cái ấy".

TĐM: *Thầy có được vừa ý không?*

CHT: Không. Thầy nói: Chuyện của thầy là *"Cao cao sơn thượng hành thuyền / Thâm thâm hải đề mã tẩu"*. Chuyện "ngựa phi dưới nước, thuyền chèo trên non".

TĐM: *Hôm nay là ngày 30-4. Anh có ý nghĩ gì để nói thêm? Ít nhất là về hòa bình, phương châm thứ hai của Phật giáo?*

CHT: Tôi vừa đọc báo Đại Đoàn Kết viết bài để kỷ niệm ngày 30-4 năm nay, 2011. Thú thật, tôi cảm động. Bài báo trích một câu của cố thủ tướng Võ Văn Kiệt: "Chiến thắng của chúng ta là vĩ đại, nhưng chúng ta cũng đã phải trả giá cho chiến thắng đó bằng cả nỗi đau và nhiều mất mát. Lịch sử đã đặt nhiều gia đình người dân miền Nam rơi vào hoàn cảnh có người thân vừa ở phía bên này, vừa ở phía bên kia, ngay cả họ hàng tôi cũng như vậy. Vì vậy, một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại có hàng triệu người vui mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là một vết thương chung của dân tộc cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm nó thêm rỉ máu". Ông nói thêm: "Theo tôi, đã đến lúc ta phải nhìn nhận công lao, sự đóng góp to lớn của các tầng lớp người Việt yêu nước từng sống trong lòng chế độ cũ, hiện ở trong nước hay ở bên ngoài. Bản thân tôi cùng với anh em được giao tiếp quản Sài Gòn năm 1975, một Sài Gòn nguyên vẹn sau một cuộc chiến tranh như vậy, tôi nghĩ không thể không nói đến vai trò của các lực lượng chính trị đối lập với Mỹ-Thiệu, có quan hệ với chính phủ Dương Văn Minh lúc bấy giờ".

Cố thủ tướng gọi chính phủ Dương Văn Minh là "chính phủ". Và ông vinh danh một "Sài Gòn nguyên vẹn". Giá như thủ tướng còn sống để đọc một câu hồi ký của hòa thượng Trí Quang mà tôi trích nguyên văn ở đây nhân ngày 30-4: "Cuối cùng, vào một buổi chiều, ông Minh gặp tôi. Ông đưa ra hai mảnh giấy của người ta báo cáo mật cho ông. Một, cho biết ngân hàng bị rút tiền gần sạch. Một, vẽ một họa đồ quân sự tuyệt vọng - mảnh giấy ghi chú bằng chữ Mỹ. Ông nói, nếu vì tiền thì tiền hết rồi, nếu vì chức thì chức quốc trưởng ông đã làm, nếu vì cứu vãn quân sự thì đã vô vọng. Nhưng, ông nói, ông phải cứu dân khỏi chết vô ích. Tôi nói, đại tướng nói y như ý hòa thượng viện trưởng Trí Thủ mới nói sáng nay. Tôi thuật lại câu nói ấy, và rằng tôi xin làm chứng cho đại nguyện "thay người chịu khổ" của bản thân và bằng hữu của đại tướng".

Hòa thượng Trí Thủ nói gì sáng ấy? Giữa buổi họp đông đảo của Viện Hóa Đạo, hòa thượng nói: "*Tôm cá còn mua mà phóng sinh,*

huống hồ người chết mà không cứu?"

Người Pháp có câu nói: "Các đầu óc lớn thường gặp nhau" ("Les grands esprits se rencontrent"). Tất nhiên họ muốn nói: gặp nhau trên tư tưởng. Tuy vậy, hai đầu óc lớn trên đây, hai con người cùng đặt Dân Tộc lên trên hết ấy, hai nhân vật lịch sử ấy dám gặp nhau không phải chỉ trên tư tưởng. Nhưng một người đã chết quá bất ngờ, một cánh cửa chưa kịp gõ, và con tàu lịch sử đã rời nhà ga thiếu một hành khách. Lịch sử vốn vậy, không vô tình nhưng lắm khi trớ trêu, khiến bao nhiêu cuộc hẹn bỗng thành lỗi hẹn!

Chú thích:

[1] *Extrême-Asie*, 26-8-1961. [2] *Révolution Africaine*, n° 20, 15-6-1963.

http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai21/201121_CaoHuyThuan.htm / *Thời Đại Mới* số 21 (tháng 5/2011)

Chương Bảy

LỬA TỪ BI

Gọi hết lửa vào xương da bỏ ngỏ

LỜI DẶN DÒ NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 1963 CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

lichsuvietnam.info

Ai sống trong thời 1963 và được chứng kiến cảnh tượng bi tráng độc nhất vô nhị này, đều biết khi Bồ Tát Thích Quang Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư đường Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám) toàn thân ngài không tỏ vẻ đau đớn gì mà ngài vẫn điềm nhiên trong tư thế ngồi Thiền, sau khi thân xác ngài đã cháy rụi hết, duy chỉ còn quả tim là không cháy, người ta lấy quả tim đó đem vô lò thiêu lại, dưới sức nóng ..4000 độ,cái lò thiêu muốn nứt nẻ ra, vậy mà trái tim của Bồ Tát Thích Quảng Đức vẫn còn trơ ra đó. Giới báo chí trong nước và nước ngoài có mặt lúc đó thi nhau chụp hình, sự kiện này làm chấn động đất Sài Gòn một thời nói riêng và toàn Thế Giới nói chung, điều này làm cho mọi người càng thêm tin tưởng vào sự nhiệm màu của Phật Pháp không phải là hư danh.



Tấm ảnh của Malcom Browne (Thông tấn xã AP)
đoạt giải "World Press Photo năm 1963"

Hòa thượng Thích Quảng Đức đi tu từ thuở nhỏ ở miền Trung. Ngài sống cuộc đời giản dị và hoằng pháp độ sanh bằng phương cách xây dựng nhiều chùa. Ngài đã xây cất tất cả 31 ngôi chùa, gồm 14 chùa ở miền Trung và 17 chùa ở miền Nam.

Trong cuộc tranh đấu Phật Giáo chống chánh sách Kỳ thị Tôn Giáo và gia đình trị của chế độ Ngô-Đình-Diệm vào mùa Phật Đản 1963, là thời kỳ sôi nổi nhứt, Hòa thượng Thích Quảng Đức về ngụ tại chùa Ấn Quang để tiện bề tham gia cuộc tranh đấu.

Ngày 30-5-63, Hòa thượng tham gia cuộc biểu tình tại công trường Lam Sơn trước trụ sở Quốc Hội, tới 5 giờ chiều về chùa Xá-Lợi dự cuộc tuyệt thực. Dịp nầy Hòa thượng Thích Quảng Đức trình lên Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật Giáo một bức Tâm thư xin tình nguyện tự thiêu. Thư đề ngày 27-5-63. Ủy ban Liên Phái không chấp nhận sự tự thiêu.

Nhưng đến ngày 10-6-63, tình hình không được sáng sủa, chẳng những vậy mà Phật giáo tại Huế đang bị lâm nguy. Lúc nầy Hòa thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang. Vào 8 giờ tối ngày 10-6-63, Thương tọa Thích Tâm Châu và Thích Thiện-Hoa đang họp ở chùa Xá Lợi. Quí vị cho mời Đại đức Thích Đức Nghiệp tới chùa để nhờ Đại đức chuyển lời hỏi Hòa thượng Quảng Đức về tâm nguyện tự thiêu nếu Hòa thượng không thay đổi thì tổ chức ngay cuộc tự thiêu vào ngày hôm sau. Hòa thượng Quảng Đức trả lời Đại đức Đức Nghiệp rằng Ngài vẫn quyết tâm hy sinh cho đạo pháp, tự thiêu để cúng dường Tam Bảo. Trả lời Đại đức Đức Nghiệp xong, Hòa thượng bình thản như không có chuyện gì, lúc ấy là 7 giờ 30 đêm 10-6-1963, Ngài lên chánh điện Chùa Ấn Quang chủ lễ khóa Tịnh Độ thường ngày. Buổi lễ cuối cùng ấy có Đại đức Huệ Thới đi chuông, Đại đức Đức Niệm đi mỏ.

Đại chúng hiện diện đều không ai biết một biến cố quan trọng sắp xảy ra. Sau khi Phật tử về hết, tại giữa chánh điện, Hòa thượng Quảng Đức mới tâm sự với hai Đại đức rằng:

"*Vì đạo pháp tôi xin hiến thân giả huyễn nầy để cho Pháp Nạn được giải thoát. Ngày mai nầy tôi sẽ từ giã cõi đời, hẹn gặp hai Thầy ở cảnh giới Cực Lạc của Đức Phật A-Di-Đà. Sau khi tôi tự thiêu để hiến dâng cho Phật Pháp, xin các Thầy lưu ý, vì tôi không thể trực tiếp nói điều này với các Ngài lãnh đạo:*

Một là, sau khi thân tôi thiêu thành tro bụi sẽ còn lưu lại một vật gì đó cho đời, thì đó là kết quả tốt đẹp về lời Phát nguyện của tôi hiến dâng thân này cho Đạo Pháp và đó cũng là thành quả đời tu

hành của tôi.

Hai là, khi tôi thiêu, nếu tôi chết trong tư thế nằm ngửa thì nguyện vọng Phật-Giáo sẽ thành công, các Thầy cứ tiếp tục tranh-đấu. Ngược lại nếu tôi chết nằm sấp thì quý Thầy nên tìm cách đi ra các nước Miên, Lào, Thái, v.v... để mà tu, nguyện vọng tranh đấu của Phật-Giáo sẽ không thành.

Ba là, ngày di quan tài của tôi, nếu các Thầy có cảm thấy triệu-chứng gì lạ lạ, có thể là ngủ mộng thấy, có thể là cảm giác hay triệu chứng gì thì nên đình chỉ ngay, dời việc di quan qua ngày khác."



Nghĩ lại ba điều Hòa thượng Quảng Đức nói đêm trước ngày tự thiêu đều hiển ứng:

1. Thân thể Ngài thiêu thành tro, mà quả tim của Ngài vẫn còn đỏ hồng như trái xoài chín dưới sức nóng 4.000 độ; nóng đến nỗi lò thiêu An Dưỡng Địa đã phải nứt nẻ.

2. Khi ngọn lửa thiêu thân vừa lặn tắt, ba lần cui đầu xá về hướng Tây, liền ngay khi đó, Ngài bật ngửa nằm im trên mặt đất giữa ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt trong tiếng niệm Phật vang dội của hàng trăm chư Tăng Ni đang ngồi vây quanh chấp tay thành kính. Tư thế viên-tịch đúng như Ngài huyền ký lại, làm cho Tăng tín đồ tin tưởng vào sự thành công nguyện vọng bình đẳng tôn giáo mà quyết tâm dấn thân hơn. Chung cuộc chánh nghĩa đã thắng.

3. Ai sống trong thời 1963, nếu có lưu tâm đến thời cuộc đều nhớ ngày di quan của Hòa thượng Quảng Đức ra An Dưỡng Địa để thiêu thì theo chương trình là 10 giờ sáng. Dân chúng ở hai bên đường Phan Thanh Giản và đường Minh Mạng lập hương án để tiễn đưa Ngài; nhưng mọi người đợi mãi đến hơn 12 giờ trưa mà vẫn chẳng thấy đâu. Sau đó mới nhận được thông báo của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật-Giáo cho biết dời ngày di quan. Dân chúng lúc bấy giờ vô cùng bang hoàng kinh ngạc. Khoảng 2 giờ chiều hôm ấy, người ta thấy năm bảy người mặc sắc phục đen lặng lẽ từ dưới bờ ruộng bước lên gở những quả mìn đã được chôn từ lúc nào trên quãng

đường đất dẫn đến lò thiêu của An Dưỡng Địa.

Nói về Hòa thượng Quảng Đức, người sống rất giản dị thật bình dân. Lúc nào tay cũng lần chuỗi, niệm Phật với gương mặt thản nhiên và miệng luôn luôn như mỉm cười. Những ngày Ngài ở chùa Ấn Quang để chờ cấp lãnh đạo Phật Giáo chấp thuận tâm nguyện tự thiêu, Ngài ăn cơm với Tăng chúng chứ không ngồi ăn cùng bàn với Ban Giám đốc Phật Học Đường Nam Việt ở Chùa Ấn-Quang, hay các vị lãnh đạo Phật-Giáo.

Nói như thế để chúng ta thấy rằng, người mang tâm nguyện Bồ-Tát vào đời hành đạo bao giờ cũng thể hiện đời sống bình dị, pháp tu đơn giản của Phật dạy. Pháp tu đơn giản mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là Pháp môn niệm Phật. Có lẽ vì quá đơn giản mà người đời xem thường, từ tâm lý xem thường đưa đến khó tin vào năng lực của Pháp môn niệm Phật, như Kinh A-Di-Đà Phật nói: "Nan tín chi pháp". Có nghĩa là Pháp môn niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thật là đơn giản mà hiệu năng thì vô cùng. Vì vậy mà người đời khó tin!

Tưởng cũng nên nhắc lại, đến đêm 20-8-63, Ngô Đình Diệm lại phản bội những gì đã ký kết với Phật Giáo, rồi cho lịnh tấn công vào các chùa, bắt giam tất cả Tăng Ni toàn quốc, kể cả các vị lãnh đạo Ủy an Liên Phái Bảo vệ Phật Giáo Việt Nam tại Chùa Xá-Lợi.

Trong đêm đó, cảnh-sát của Diệm Nhu dự định đoạt lấy Trái Tim Xá Lợi, nhưng một Thiếu tá Cảnh sát đã nhanh tay cất giấu Trái Tim Xá-Lợi ấy khiến toán Cảnh sát quýnh quáng tìm kiếm mà không ra. Sau khi tình hình yên ổn, vị Thiếu Tá ấy - là một Phật tử – đem hoàn lại vật thiêng cho quý vị lãnh đạo Phật Giáo tại chùa Xá-Lợi. Sau nầy khi Cộng Sản chiếm Sàigòn, họ đã cưỡng đoạt chiếm lấy *Trái Tim Xá Lợi Bất Diệt* của Bồ Tát Thích Quảng Đức để làm quốc bảo.

Kiến thức bổ sung

(Trích báo *Nguồn Đạo* số 70 Tết Đinh Hợi 02/2007)

Lời Tòa Soạn: Câu chuyện về trái tim của Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã được nói nhiều trên các báo, và đã đi vào lịch sử Phật Giáo Việt Nam. Tòa Soạn Nguồn Đạo vừa hân hạnh nhận được bài viết của Cư sĩ Minh Lạc Vũ Văn Phường (Seattle, USA) đã ưu ái gửi cho, để chứng minh sự việc lịch sử này. Đạo hữu Minh Lạc là nhân chứng thực sự đã tham gia vào việc bảo toàn trái tim của Ngài Quảng Đức trong thời kỳ đấu tranh Phật Giáo năm 1963. Nay xin đăng tải bài viết ày để đóng góp thêm vào phần tài liệu về Ngài Thích Quảng Đức

đồng thời để quý độc giả thưởng lãm. Nguồn Đạo

Trong thời kỳ tranh đấu bảo vệ Phật Giáo tại Việt-Nam vào năm 1963, Hòa Thượng Thích Quảng Đức phát nguyện hy sinh nhục thân, tự thiêu để cúng dường Tam Bảo, thức tỉnh nhà cầm quyền. Ủy Ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo lúc đó đặt trụ sở tại chùa Xá Lợi ở Saigon, sau khi xem xét và nghiên cứu cẩn thận, đã chấp thuận và tổ chức cuộc thiêu thân cúng dường của Hòa thượng Thích Quảng Đức.

Ngày 11-06-1963, cuộc tự thiêu đã diễn ra hoàn hảo, nghiêm túc và hùng tráng làm rung động thế-giới. Nhục thân của Hòa-Thượng được đưa về quàn tại chùa Xá-Lợi, ngay chính Giảng Đường để các Tăng, Ni, Phật tử và mọi người tới viếng, tụng kinh cầu siêu, trang nghiêm và xúc động. Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn.. Mấy ngày sau, nhục thân của Ngài được liệm trong quan tài bằng gỗ thật tốt và đưa đi hỏa thiêu ở An Dưỡng Địa, Phú-Lâm, Chợ Lớn. Lửa cháy mạnh, khói bốc cao, mọi người niệm Phật rất chân thành. Hôm sau, các Tăng, Ni mở lò thiêu để hốt xương thì thấy một vật to bằng nắm tay lẫn lộn giữa những xương tro. Tôi là đại diện Hội Phật học Nam Việt được cử đi chứng kiến việc hốt tro, đã thấy tận mắt những xương nhỏ cháy thành tro vụn, mầu trắng, những xương lớn như xương đầu gối, xương ống chân cũng tan vụn thành những mảnh nhỏ, nhưng trái tim của Hòa thượng thì còn nguyên, tuy có bị cháy chung quanh chút ít. Mọi người đều bàng hoàng và đưa tro cốt cùng trái tim của Hòa thượng về trình lên Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo.

Thượng tọa Thích Trí Quang nói: "Do công phu tu hành có định lực kiên cố của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã kết tinh thành Xá Lợi, trái tim này sẽ cứu Phật Giáo Việt Nam, cần phải bảo tồn và gìn giữ". Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, Hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt và là một thành-viên của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo bảo tôi: "Đạo hữu là Dược sĩ có thuốc gì và phương cách gì để bảo tồn trái tim này không?" Tôi nhận lời, lau rửa trái tim sạch sẽ, ngâm vào formol và tôn trí trong một bình thủy tinh. Ủyban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo gọi thợ đến chụp hình trái tim, in ra và phân phát. Mọi người chấn động cho là phép lạ.

Cuộc tranh đấu bảo vệ Phật Giáo bùng nổ rầm rộ hơn trước: Học sinh bãi khóa, sinh viên biểu tình, nhà buôn đóng cửa, bãi thị, quân đội hoang mang, lại thêm nhiều cuộc tự thiêu của các Tăng Ni ở Huế, Saigon và các tỉnh… làm Ngô triều phản ứng mạnh. Đêm 20-8-

1963, công an, cảnh sát phá chùa, bắt bớ Tăng Ni và Phật tử, trên từ Hoa thượng Tăng Thống Thích Tịnh Khiết, các vị Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, dưới đến các Phật tử, sinh viên, học sinh… đều bị bắt giữ.

Dĩ nhiên chùa Xá Lợi được chiếu cố tận tình, vừa là trụ sở của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo, vừa là chỗ cư trú của Hoà thượng Tăng Thống cùng các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức nòng cốt của phong trào tranh đấu, các cấp chỉ huy các Tăng Ni và Phật tử, vừa là chỗ trưng bày "trái tim bật diệt" của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Cửa kính bị đập nát, các chậu cây kiểng đổ vỡ ngổn ngang, mọi người trong chùa đều bị bắt đi.

Trái Tim của Hòa thượng Thich Quảng Đức ra sao?

Tối ngày 20-8-1963, được tin mật báo nhà Ngô sẽ phá chùa,Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Phật Giáo ra lệnh cất "trái tim bất diệt" vào tủ sắt của Hội Phật Học. Tủ sắt này có 2 lớp, lớp bên ngoài đựng các giấy tờ quan rọng, lớp bí mật bên rong cất giấu những bảo vật như Kinh bằng Lá Bối, tiền bạc …

Sau khi bắt giữ các Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni và Phật tử, và cho ra mắt các vị Tăng mới thân chánh quyền, và muốn trấn an Phật tử cùng hòa hoãn với sự đòi hỏi và điều tra của Ủy ban Tranh đấu Bảo vệ Tôn Giáo và Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, nhà Ngô cho phép (cũng như bắt buộc) mở cửa chùa Xá Lợi để cho mọi người tới lễ bái, vì sắp đến ngày Đại Lễ Vu Lan (Rằm Tháng Bảy âm lịch).

Ngoài Cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và đạo hữu Tổng Thư ký Huệ Đức Lê Ngọc Diệp đã bị bắt cùng với chư Hòa hượng, Thượng tọa, Đại đức… những nhân viên ban quản trị Hội Phật Học Nam Việt, trong đó có tôi, được gọi tới sở Công An, đường Nguyễn Trãi, Chợ Lớn, yêu cầu mở cửa chùa Xá Lợi. Tránh không được, dù muốn dù không, chúng tôi được xe của Công An đưa về chùa Xá Lợi, mở cửa cho mọi người tự do ra vào lễ bái, dĩ nhiên có công an, cảnh sát theo rõi, canh chừng

Sau khi quét dọn sạch sẽ Chánh Điện, Giảng Đường và phòng ốc, dâng hoa cúng Phật, làm lễ tẩy tịnh, chúng tôi xuống mở két sắt, thấy cửa két bị đập thủng, xập một nửa xuống nên ngăn bí mật bên trong được che kín, như có bàn tay Hộ-Pháp bảo vệ. Chúng tôi hồi hộp, gọi thợ sắt đến gỡ từng mảnh sắt ra, thì thật là nhiệm mầu: Chiếc

hộp đựng "trái tim bất diệt" vẫn còn y nguyên, trái tim vẫn ngự trị bên trong, kiên cố và hùng tráng như thách đố với cơn bão tố Pháp nạn. Chúng tôi bảo nhau mang cất "trái tim bất diệt" vào một chỗ bí mật, thề không tiết lộ.

Sau ngày Cách Mạng thành công lật đổ Ngô triều vào ngày 1-11-1963, cửa chùa Xá Lợi rộng mở, mọi người tấp nập đến chùa lễ Phật và cung kính lễ "trái tim bất diệt" còn nguyên vẹn trải qua cơn giông tố phũ phàng.

Sau cùng "trái tim bất diệt" được đưa về tôn thời tại Việt Nam Quốc-Tự, đường Trần Quốc Toản, Chợ Lớn, trụ sở Viện Hóa Đạo, thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

Sau biến cố 30-4-1975, chúng tôi được Hoà thượng Thích Tâm Châu, Viện trưởng Viện Hóa Đạo tại Việt Nam Quốc Tự cho biết: Cộng-Sản cất "trái tim bất diệt" của Hòa thượng Thích Quảng Đức vào tủ sắt một ngân hàng ở Saigon.

[Nguồn: http://lichsuvn.info/Home/index.php/Lich-su-Viet-Nam/Danh-nhan/Thich-Quang-Duc.html]

VỀ MỘT BỨC THỦ BÚT CHỮ NÔM CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC

Phạm Quý Vinh

… Đối với Phật giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm xem là một cái gai trong mắt cần phải được nhổ bỏ, bởi vì Phật giáo có sự ảnh hưởng rất lớn trong tâm hồn người dân Việt Nam, trong khi gia đình họ Ngô lại có xu hướng "kết thân" với một tôn giáo khác. Cho nên, họ đã ban hành những chính sách đi ngược lại với lợi ích chính đáng của tầng lớp Tăng ni, Phật tử và dân tộc. Từ đó, làm nảy sinh phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng của Phật giáo trên khắp miền Nam Việt Nam.

Phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam Việt Nam đầu tiên diễn ra ở Huế rồi sau đó nhanh chóng lan rộng ra khắp các đô thị ở miền Nam. Huế là một trung tâm Phật giáo lớn với đa số nhân dân là tín đồ Phật giáo. Giới lãnh đạo Phật giáo miền, kể cả tăng già và cư sĩ đều ở Huế. Huế còn là trung tâm chính trị, văn hóa lớn thứ hai (ở Nam Việt Nam bấy giờ, sau Sài Gòn) và là nơi có phong trào cách mạng diễn ra rất sớm. Vì vậy, mà Huế trở thành địa bàn để chính quyền Ngô Đình Diệm thiết lập ở đây một bộ máy cai trị chặt chẽ.



Năm 1963, phong trào đấu tranh của Tăng ni, Phật tử chống chính sách phân biệt đối xử tôn giáo hầu như đã lên đến cao trào. Vào mùa Phật Đản năm ấy, Ngô Đình Diệm ra công điện số 9195 (6/5/1963) có nội dung cấm treo cờ Phật giáo.

Công điện này như "một giọt nước làm tràn ly", lập tức phong trào Phật giáo ở Huế chính thức bùng nổ vào ngày 7/5/1963, đó là một thực tế, hợp quy luật xã hội. Phong trào đã thu hút hầu hết các tầng lớp nhân dân tham gia, từ trí thức, sinh viên học sinh cho đến tiểu thương kể cả những viên chức trong bộ máy hành chính và quân đội của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đêm 8/5/1963, khi các Phật tử đang nghe thuyết trình về đại lễ Phật Đản trước Đài Phát thanh Huế thì bất ngờ bị người của Ngô Đình Diệm xả súng. Kết quả là tám Phật tử chết tại chỗ và bốn Phật tử bị thương phải mang vào bệnh viện cấp cứu[(1)].

Sáng hôm sau, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, khẩn cấp triệu tập một phiên nghị sự bất thường, gồm các vị lãnh đạo Phật giáo chủ chốt, tại chùa Từ Đàm, Huế để tìm phương pháp đối phó với chính quyền và chính thức soạn thảo một bản tuyên cáo gồm 5 điểm để gửi tới Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bản tuyên cáo này có nội dung như sau:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.
2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong đạo dụ số 10.
3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt trình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.
4. Yêu cầu cho Tăng ni, Phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.
5. Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải trừng trị đích đáng.

Đến ngày 10/5/1963, bản tuyên cáo gồm năm đề nghị nêu trên đã được gửi đi khắp nước. Riêng tại Sài Gòn, bản tuyên cáo đã được một người Phật tử là một sĩ quan Đại úy, đích thân từ Huế mang vào chùa Ấn Quang và Xá Lợi cùng những hình ảnh về vụ thảm sát các Phật tử. Cho nên ở Sài Gòn lúc đó, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo thường xuyên họp mật để lên kế hoạch đấu tranh. Qua những lần thảo luận giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ của chính quyền Ngô Đình Diệm không đi đến thỏa thuận. Trái lại, chính quyền Diệm vẫn gia tăng các cuộc khủng bố, đàn áp Tăng ni và Phật tử. Trong tình thế như vậy, nếu cứ kéo dài các cuộc đấu tranh một cách bình thường thì dần dần phong trào sẽ bị tan rã vì thiếu hình

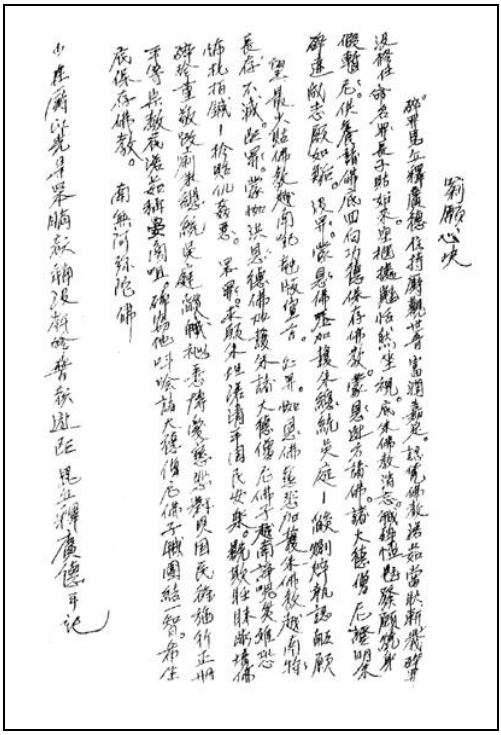
thức khác có tính hiệu quả, để mọi người có thể đồng cảm, hưởng ứng cùng phong trào. Nên lãnh đạo Liên phái Bảo vệ Phật giáo lúc này đã chấp nhận hạnh nguyện xin được tự thiêu của Tỳ kheo Thích Quảng Đức.

Ngày 11/6/1963, tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là ngã tư Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu, TP. Hồ Chí Minh), Bồ tát Thích Quảng Đức đã tự thiêu. Sau khi xá tứ phương, Thích Quảng Đức ngồi trong tư thế tọa thiền, tay bắt ấn Cam lộ, quay mặt về hướng Tây. Thích Quảng Đức tự đổ xăng lên khắp người và bật mồi lửa lên trước sự chứng kiến của hàng ngàn các Tăng ni và Phật tử đứng gần đó để cầu nguyện. Mọi lực lượng an ninh của Diệm được điều động đến để trấn áp cuộc tự thiêu nhưng đều thất bại, vì các Tăng ni và Phật tử quyết bảo vệ bằng cách bao vây thành nhiều vòng.

Sự kiện tự thiêu của Thích Quảng Đức là một tiếng chuông kêu gọi hàng triệu con người ở miền Nam, miền Trung vùng lên bất chấp cường quyền, áp bức để cùng nhau xuống đường đấu tranh chống lại sự tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm. Hành động tử vì đạo của Bồ tát Thích Quảng Đức đã gây ra một làn sóng dâng trào khắp nơi. Hàng triệu trái tim con người thổn thức trước hình ảnh của Thích Quảng Đức và nguyện cầu cho linh hồn của Thích Quảng Đức được siêu thoát. Hàng loạt các hãng truyền thông, báo chí trong và ngoài nước lần lượt đưa tin tức và hình ảnh của Thích Quảng Đức đang ngồi trong ngọn lửa rực cháy với những bình luận ngợi ca khâm phục.

Trước lúc tự thiêu, Thích Quảng Đức có để lại một bức thủ bút bằng chữ Nôm[(2)]. Đây là một văn bản rất ít người được biết đến và chính là lời tâm nguyện của Thích Quảng Đức trước lúc đi về miền Tây phương cực lạc. Bởi vì, nó không những nêu lên được ước nguyện của một con người mộ đạo, mà nó còn đặt ra cho chúng ta một câu hỏi khó trả lời: Tại sao trong lúc chữ Quốc ngữ đang thịnh hành thì Thích Quảng Đức lại dùng chữ Nôm (loại chữ do dân tộc Việt Nam sáng tạo) để viết? Phải chăng là Thích Quảng Đức đã đề cao bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam!

Với những giá trị về lịch sử của văn bản, chúng tôi xin được giới thiệu bức thủ bút của Thích Quảng Đức. Vì bản photocopy có đôi chỗ mờ nhạt nên trong quá trình chế bản vi tính sẽ không tránh được những thiếu sót nhất định, hy vọng là những ai quan tâm và hiểu biết sẽ đóng góp những ý kiến chân tình để cho bản vi tính và phiên âm được hoàn chỉnh hơn. Nội dung của bức thư cụ thể như sau:



Phiên âm:

Lời nguyện tâm quyết

Tôi là Tỳ kheo Thích Quảng Đức, trụ trì chùa Quan Thế Âm Phú Nhuận Gia Định. Nhận thấy Phật giáo nước nhà đang lúc nghiêng ngửa. Tôi là một tu sĩ mệnh danh là trưởng tử của Như Lai, không lẽ cứ ngồi điềm nhiên toạ thị để cho Phật giáo tiêu vong, nên tôi vui vẻ phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dưỡng chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo. Mong ơn mười phương chư Phật, chư Đại Đức, Tăng ni chứng minh cho tôi đạt thành chí nguyện như sau:

Một là mong ơn Phật Trời gia hộ cho tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản tuyên cáo.

Hai là nhờ ơn Phật từ bi gia hộ cho Phật giáo Việt Nam được trường tồn bất diệt.

Ba là mong nhờ hồng ân Đức Phật gia hộ cho chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử Việt Nam tránh khỏi tai nạn khủng bố, bắt bớ, giam

cầm của kẻ ác.

Bốn là cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc.

Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gởi lời cho tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân, đều thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để nước nhà xưng yến muôn thuở. Tôi thiết tha kêu gọi chư Đại Đức, Tăng ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí hy sinh để bảo tồn Phật giáo.

Nam Mô A Di Đà Phật

Làm tại chùa Ấn Quang ngày bốn tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

Tỳ kheo Thích Quảng Đức thủ ký.

Bằng lời lẽ nhẹ nhàng, cô đúc nhưng lại giàu tính thuyết phục, Thích Quảng Đức đã gởi gắm tâm nguyện của mình vào bức thư tuyệt mệnh với mong ước bảo vệ Phật giáo ở Việt Nam. Đó quả là một tấm gương một lòng vì đạo pháp mà xưa nay hiếm vậy.

P.Q.V

(nguồn: Tạp Chí *Sông Hương* số 227 - 2008)

[(1)]Hiện nay, tại số 19 Lê Lợi, Huế vẫn còn dấu tích của sự kiện này qua Đài tưởng niệm với biểu tượng bánh xe Pháp Luân tại một hoa viên.

[(2)] Văn bản này chúng tôi vừa sưu tầm được từ một thượng tọa ở chùa Thiền Lâm (Biết chúng tôi có hiểu biết về Hán Nôm, nên thượng tọa đã tặng chúng tôi một bản photocopy bức thủ bút này).

[Source: tapchisonghuong.com.vn – 2009]

TỪ NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC

Nguyễn Quốc Tuấn

Sự kiện 46 năm trước (11-6-1963) Hòa thượng Thích Quảng Đức vị pháp và vị dân tộc quên thân tự thiêu, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, giờ đây vẫn còn là chủ đề tranh luận và thảo luận của nhiều sử gia đương đại ở Âu, Mỹ và ở trong nước ta. Mỗi nhà sử học có cách nhìn riêng về sự kiện này. Một số nhà sử học người Việt ở hải ngoại trưng dẫn những dẫn liệu mới để nhận định và đánh giá sự kiện năm 1963, đương nhiên với những góc đứng khác nhau. Tôi xin không dẫn lại những chủ đề và ý kiến thảo luận, tranh luận ở đây. Bởi lẽ đơn giản là người ta có thể tìm biết trên nhiều ấn phẩm đủ loại, cả trên internet, về các cuộc tranh luận đó . Nhưng có một điểm có thể quả quyết rằng dù khác nhau và bình luận thế nào, sự kiện năm 1963 không bao giờ có thể phai nhạt trong ký ức và lịch sử dân tộc ta thế kỷ 20, và đã trở thành bài học lớn từ đó trở đi. Tôi xin không đi vào chi tiết sự kiện Bồ tát Quảng Đức tự thiêu, vì đã có nhiều tài liệu đề cập, do đó, tôi thấy việc nên làm là rút ra "bài học" lịch sử và ứng xử, thay cho một sự trình bày thuần túy sử liệu, như các chủ đề mà ban tổ chức Hội thảo gợi ý.

1. Điểm đầu tiên mà ta cần rút ra là bạo lực và bạo liệt, dù ở trong lĩnh vực nào, chỉ có thể đi đến kết cục bi thảm cho người chủ trương.

Trong lịch sử Việt Nam, có hai trường hợp bạo lực và bạo liệt được biết đối với các nhà sư, thì sau đó kết cục mà người chủ sự lãnh chịu là một cái chết bi thảm: trường hợp Lê Long Đĩnh nhà Tiền Lê và chế độ gia đình trị theo lối "toàn trị" Ngô Đình Diệm (chữ dùng của Cao Huy Thuần trong *Kỷ niệm 40 năm 1963 toàn trị và ngoại thuộc*, nguồn website Thich Quang Duc). Trong cả hai trường hợp, không có chứng cứ nào cho thấy sau những tổn hại, các nhà sư đứng ra "trả thù" trực tiếp người gây hại. Nhưng như một quả báo, sự kết thúc bi thảm của những người chủ trương bạo liệt và bạo lực với nhà sư đã diễn ra và do người khác thực hiện.

Trong hai trường hợp này, phải chăng nhà sư không có phương tiện nào để chống lại bằng vũ lực? Không bao giờ có chuyện đó, giáo

lý bất bạo động đã chỉ đường cho các nhà sư không tiến hành trả thù trực tiếp bằng bạo lực. Đúng vậy, nhà sư dù ở thời đại nào cũng không thể tự tay mình sát hại và kết thúc sinh mệnh con người. Điều dạy đó là máu chảy trong huyết quản, là không khí để thở, là điều kiện để cho một người tu sĩ xuất gia hay tại gia của Phật giáo đạt được sự giải thoát trọn vẹn. Nhưng khi vận dụng vào hành động, điều này không dễ chút nào. Sự thực là cho đến hôm nay, chưa có ai chứng minh được các nhà sư đã dùng bạo lực để đối chọi lại với bạo lực. Trong trường hợp năm 1963, thay cho sự phản kháng bằng vũ lực, nhà sư Thích Quảng Đức đã tự thiêu thân mình để chứng minh cho tư tưởng đấu tranh bất bạo động. Có nghĩa lấy sức mạnh hùng, bi, dũng để đối chọi với bạo lực và bạo liệt, kết quả ra sao thì ta đã thấy.

Điều đáng nói là gia đình ông Ngô Đình Diệm đã không biết, hay cố tình không muốn biết Phật giáo chủ trương bất bạo động, nhưng Phật giáo không thụ động đợi sự tiêu diệt mà không có phản kháng, dù chỉ phản kháng bằng phương thức bất bạo động. Cách mà gia đình ông Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo cho thấy một sự xa rời đời sống dân tộc, thân ngoại và trong phương diện tâm linh - tôn giáo, ta có thể dùng đến cụm từ phản tôn giáo dân tộc (nhất là trong bối cảnh miền Nam lúc đó).

Có thể khẳng định không bao giờ sợ sai rằng Phật giáo là di sản hàng nghìn năm của dân ta. Cho dù đã có một bộ phận người Việt ta quy thuận các tôn giáo khác, nhưng có thể khẳng định rằng Phật giáo, với sự hiện hữu trong trường sử dân tộc, đã thành máu thịt tâm hồn người Việt ta, sao có thể lấy chủ thuyết chính trị, cách thức cai trị độc tài mà gột tẩy máu thịt tâm hồn đó?

Gần đây, có một số nhà nghiên cứu đã cho rằng chế độ miền Nam trước 1975 là "chế độ dân chủ", nhưng họ không thể nào phủ nhận được một sự thực: với cách thức "gia đình trị" của ông Ngô Đình Diệm thì chế độ dân chủ là không có, ít nhất là từ thời ông Diệm nắm quyền năm 1955 cho đến khi anh em ông bị giết năm 1963. Cần minh định rằng anh em ông Diệm không phải không biết đến thể chế dân chủ (chẳng hạn tam quyền phân lập), nhưng hành xử chính trị thì lại là độc tài toàn trị. Xã hội chịu áp lực nặng nề trong vòng cương tỏa của mật thám, cấm đoán và khủng bố (các giáo phái, Phật giáo, "Việt Cộng", nhân vật đối lập dưới thời ông Diệm thực sự bị đàn áp), đó là cách thức cai trị vi hiến và bất tuân, bất thượng tôn pháp luật. Anh em nhà ông đã lấy quyền lợi của chính mình đặt lên trên quyền lợi của quốc gia và dân tộc. Nay thì ta đã thấy rõ điều này, và kết cục bi thảm

giành cho gia đình độc tài là một kết quả hợp lôgích của sự kiện, không thể có kết quả ngược lại và không gì có thể biện hộ.

Vấn đề trở nên có tính "thiêng" hơn ở chỗ, không phải các nhà sư tổ chức lực lượng chống ông Diệm mà là các tướng lĩnh Sài Gòn đương thời, đứng đầu là ông Dương Văn Minh (Big Minh). Như vậy không có chuyện các nhà sư tham chính, mà đấu tranh chỉ để đòi bình đẳng tôn giáo, ít nhất cũng là giữa Phật giáo và Công giáo, nói cách khác, đòi tự do tôn giáo và tôn trọng nhân quyền (có thể đọc thêm các hồi ký của Hòa thượng Trí Quang, Hòa thượng Đức Nghiệp và một số cuốn sử khác về thời kỳ này, đã được đăng tải trên một số website). Bi kịch chính trị đó là bài học lớn cho những người cầm quyền ở sau, nhưng dường như họ cũng không khá hơn. Sau sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức, nhiều nhà sư và Phật tử đã tự thiêu tiếp, và điều đó chứng tỏ chưa có cải thiện đáng kể các đòi hỏi của Phật giáo năm 1963. Nhưng đó cũng là một sự phản ứng phi bạo lực, vẫn là một lối sống vị pháp quên thân, không có chuyện lấy bạo lực chống lại bạo lực nơi các nhà sư và Phật tử.

Như vậy, có thể kết luận chung: Phật giáo, trong mọi hoàn cảnh đều lấy tư tưởng bất bạo động làm nền tảng ứng xử.

Nhưng bất bạo động không đồng nghĩa với sợ đấu tranh. Đi liền với bất bạo động là giáo lý vô úy. Thực vậy, Phật giáo không chủ trương bạo động nhưng cũng không chủ trương thụ động, lẩn tránh. Thói cường quyền của kẻ thống trị chưa bao giờ khiến Phật giáo sợ sệt. Càng bị dồn ép thì sức bật vô úy càng được đẩy cao. Người ta không thấy một sự chán nản, sợ sệt nào sau các cuộc đàn áp, trái lại mới đúng. Phật giáo làm một lúc được hai việc: vừa đấu tranh vừa tránh được bạo động. Nhất là khi cuộc đấu tranh đó có một viễn cảnh vì dân tộc và vì tồn vong của con người thì Phật giáo lại càng không chùn bước.

2. Điểm thứ hai cần rút ra: lối sống Phật giáo đã thấm sâu, đã phát huy tác dụng và đã trở thành một thực tế không thể thiếu. Điểm này không dễ nhận thấy, nhưng cần nói nếu không có một lối sống Phật giáo lan truyền mạnh mẽ thì sẽ không thể có phong trào đấu tranh năm 1963.

Phật giáo đưa ra phép đối trị tam độc (tham, sân và si) để thúc đẩy con người đi đến chỗ tự hoàn thiện nhân cách và đạo đức của mỗi người và với mục đích xa nhất là sự tự giải thoát ở mỗi người. Mục đích Phật giáo cũng là mục đích xây dựng một xã hội, trong đó, tam độc nhường bước trước tam vô lậu học.

Phật giáo có giáo lý về bình đẳng Phật tính, điều đó không phải ai cũng biết một cách tường minh. Cuộc đấu tranh năm 1963 cho thấy, ngoài những điểm tương đồng với quan niệm nhân quyền, bình đẳng của nhân loại đạt được trong thế kỷ 20, Phật giáo có chỗ dựa tư tưởng sâu xa hơn nhiều. Chế độ Ngô Đình Diệm có thể được xem là đại diện điển hình của tam độc, nó đã tự đánh mất khả năng tồn tại của chính nó bởi nó dựa trên bạo lực, khủng bố và đàn áp. Chế độ đó đi ngược lại với những quyền con người căn bản nhất là quyền được tự do ý thức, tự do bày tỏ chính kiến và tự do lòng tin. Nó gây hận thù mà không xóa bỏ hận thù, nó không đi tìm sự tương hợp mà tìm sự xung đột.

Phật giáo miền Nam, do những điều kiện riêng, đã lần đầu tiên đứng lên đòi hỏi có một sự bình đẳng, một sự đồng thuận xã hội trên lập trường dân tộc. Cần minh định rằng tư tưởng dân tộc của Phật giáo Việt Nam không phải là một đột xuất xuất hiện trong điều kiện của miền Nam lúc đó. Tư tưởng đó đã được khẳng định trong suốt trường sử Việt Nam mặc dầu Phật giáo là một tôn giáo ngoại sinh. Phật giáo Việt Nam luôn luôn là của dân tộc ta và song hành cùng dân tộc ta, ngày càng rõ thêm điều này. Chính tư tưởng dân tộc dựa trên giáo lý của Phật đà đã tạo ra một lối sống Phật giáo như đã nói trên. Cốt lõi của lối sống đó trên bình diện xã hội là không hận thù, chia rẽ và ly tán. Lối sống đó không đòi hỏi thúc bách mà khuyến khích thiện nguyện nơi con người. Lối sống đó hướng tới tu chỉnh hành vi một cách thực tế thay cho biện luận tư biện giải trình khuôn phép một cách khắt khe và giáo điều. Và điều gần như kỳ diệu là lối sống đó đã trở thành một thực tế của sinh hoạt dân tộc ta. Có rất nhiều chứng cứ để ta có thể khẳng định lối sống đó.

Vì vậy, trong thực tế, những gì mà Phật giáo thực hiện năm 1963 ở miền Nam là kết quả của sự tiến hóa lâu dài của lối sống đó trong lịch sử.

3. Điểm thứ ba cần rút ra là nếu không có sự thống nhất thì Phật giáo miền Nam năm 1963 không thể có một phong trào đấu tranh rộng lớn nhường ấy. Hành động vì Phật pháp, vì dân tộc tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức là đỉnh điểm của tinh thần thống nhất đó. Tại sao vậy?

Nhìn vào Phật giáo miền Nam năm 1963, ta thấy rõ hình ảnh của sự thống nhất năm 1951 của Phật giáo toàn quốc tại Từ Đàm đang sống động, diễn biến linh hoạt và biến hóa. Nếu có sự so sánh nào có giá trị trong lịch sử Việt Nam thì xin hãy lấy Phật giáo Lý - Trần làm

đối tượng so với Phật giáo miền Nam năm 1963. Nhân đây, cũng nên minh định một điểm khác là Phật giáo ở người Việt chưa bao giờ là một tôn giáo có vai trò quốc giáo. Nếu ta nói Phật giáo Lý - Trần là quốc giáo thì theo tôi không đúng với lịch sử đã đành mà càng không đúng với tinh thần của đức Phật tổ đã thuyết giảng. Có nhiều dẫn chứng để chứng minh, song có một tinh thần mà đức Phật đã dạy là Phật giáo (nếu có dùng khái niệm này) cũng chỉ là bè, là ngón tay trỏ trăng. Hành trạng của các vị đại sư thời Lý - Trần mà ta biết được không có điểm nào cho thấy các ngài muốn biến Phật giáo thành quốc giáo, cho nên đừng cố chứng minh làm gì Phật giáo thời Lý - Trần là quốc giáo.

Trở lại, ta thấy rõ Phật giáo năm 1963 đã đạt đến một trạng thái thống nhất mới, trong điều kiện mới và tỏ rõ đặc tính chủ động trong biểu hiện của sự thống nhất đó. Phải có tự tin tới mức nào về sự thống nhất đó mà Hòa thượng Quảng Đức đã đi đến một quyết định phản kháng quyết liệt là tự thiêu, và do đó lại càng thúc đẩy sự thống nhất đi đến chỗ hoàn chỉnh hơn. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời năm 1964 là kết quả hữu cơ của sự thống nhất đó. Giáo hội này đã đóng vai trò lịch sử xứng tầm của nó. Nó chính là tiền đề thiết yếu để dẫn đến một cuộc đại thống nhất vào năm 1981 của Phật giáo Việt Nam theo nghĩa hoàn chỉnh nhất của danh xưng này.

Cố nhiên, còn nhiều điều cần bổ túc, còn có vấn đề hiện đại hóa Phật giáo thế nào để Phật giáo tương thích với xã hội trong thời đại ngày nay, song với tinh thần từ ngọn lửa THÍCH QUẢNG ĐỨC, ta có thể tin rằng Phật giáo Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày một lớn hơn trong xã hội vì có khả năng khế cơ khế lý để hướng dẫn con người, đưa con người đến một cuộc sống hài hòa, bình đẳng và thân thiện.

Nguyễn Quốc Tuấn

Ghi chú: Nhân hiện tượng tự thiêu của Hòa thượng Quảng Đức, rồi tiếp đến là những cuộc tự thiêu của các tăng ni, Phật tử khác, và ngay cả ở Mỹ cũng đã có sự tự thiêu của N. Morrison ngày 2 tháng 11 năm 1965, người ngoại quốc đã có sự tìm hiểu về nguồn gốc và lý do dẫn đến tự thiêu trong *Self-Immolation People Who Set Themselves on Fire* trong website The Frances Farmers Revenge Web Portal.

DƯ LUẬN VÀ SỰ CẢM PHỤC CỦA THẾ GIỚI ĐỐI VỚI CUỘC TRANH ĐẤU BẢO VỆ PHẬT GIÁO

Minh Không Vũ Văn Mẫu

Trong một cuộc phỏng vấn, Ngô Đình Nhu đã từng tuyên bố trước phóng viên báo chí ngoại quốc rằng sở dĩ Phật giáo được sự ủng hộ nhiệt liệt của dân chúng trong việc đấu tranh là chỉ nhờ khéo biết tuyên truyền. Nhu đã nói đùa với họ: "*Các nhà sư có một kỹ thuật tuyên truyền khéo hơn hệ thống tuyên truyền của các Nha Sở chúng tôi. Chúng tôi có lẽ thấy phải thay thế các Nha Sở tuyên truyền của Chính phủ bằng hệ thống tuyên truyền của các nhà sư…!*" Và Nhu đã kết luận với một giọng khinh mạn: "*Sự tuyên truyền của Phật giáo chỉ phù hợp với dân chúng của một nước chậm tiến, còn tin dị đoan…*" (The buddhist propaganda is suited to people in an underdeveloped country, people who believe in superstitions) (1) Ngô Đình Nhu đã hoàn toàn sai lầm trong nhận xét trên, và do đó đã đưa chế độ họ Ngô đến con đường tan rã.

Phong trào tranh đấu của Phật giáo được toàn dân ủng hộ vì những quyền căn bản của con người đã bị chính quyền chà đạp. Trong số những người ủng hộ Phật giáo, có cả nhiều người Công giáo, và hơn nữa, chính Đức Giáo hoàng Phao Lồ Đệ Lục (Paul VI) cũng đã lên án chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Ngoài ra, trên trường quốc tế, từ bốn phương, dư luận báo chí và các chính phủ trên thế giới đều ủng hộ mạnh mẽ cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam cho nguyên tắc tự do tín ngưỡng.

Không một ai có thể coi Anh, Mỹ, Pháp, Úc…và bao nhiêu nước văn minh trên thế giơi là chậm tiến hoặc mê tín dị đoan.

Ai cũng biết báo chí xuất bản tại Thủ đô Sài Gòn dưới chế độ Ngô Đình Diệm đều bị chi phối chặt chẽ, không được đăng các tin bất lợi cho Chính phủ, song dư luận quốc tế về vấn đề Phật giáo không những được Ủy ban Liên Phái phổ biến rộng trong nước bằng những

bản tin hằng ngày in ronéo, phát cho các Phật tử đến lễ tại chùa Xá Lợi, mà còn được loan truyền trên làn sóng điện của các đài phát thanh ngoại quốc, nhất là của Mỹ (đài VOA) và của Anh (đài BBC)

Dư luận thế giới đã tham luận rất nhiều về cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo Việt Nam và chính sách kỳ thị đàn áp tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm mà không một quyển sách nào có thể thu thập được hết tất cả các tài liệu này. Tuy nhiên, để có một cái nhìn tổng quát không đến nỗi thiếu sót, thiết tưởng có thể phân tích vấn đề này dưới ba sắc thái chính yếu:

- Dư luận và ủng hộ của Tòa thánh Vatican
- Dư luận và ủng hộ của các nước theo Phật Giáo
- Dư luận và ủng hộ của các Chính phủ Âu Mỹ

DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA TÒA THÁNH VATICAN

Nếu như Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã đóng một vai trò tích cực trong chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, thì trái lại, Tòa thánh Vatican lại luôn luôn có thái độ phản đối chính sách này.

Trong khi kẻ cầm bút này còn giữ trách nhiệm điều khiển Bộ Ngoại Giao (cho đến ngày 23/8/1963), đại diện của Tòa thánh Vatican tại Việt Nam là Đức Khâm sứ Asta đã tỏ bầy nhiều lần ý kiến rằng: "Chính sách của Chính phủ Việt Nam đối với Phật giáo không phải là chính sách của Tòa thánh Vatican".

Trong thời kỳ Pháp nạn, Giáo hoàng Phao Lồ Đệ lục (Paul VI) đã ba lần lên tiếng về vấn đề Phật giáo. Lần đầu tiên vào ngày 3/8/1963, Giáo hoàng đã đề cập đến vấn đề này trong một bài diễn văn đọc trước sinh viên Công giáo Việt Nam (2). Lần thứ hai, Giáo hoàng đọc một thông điệp gửi đến nhân dân Việt Nam ngày 30/8/1963. (3)

Như đã chép trong chương I, bản thông điệp này đã bị Chính phủ Ngô Đình Diệm ngăn chận không cho phổ biến và Tổng Giám mục Ngô Đình Thục đã chê trách thái độ của Giáo hoàng. Và lần thứ ba, Giáo hoàng đã gửi một bức thư cho Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình tại Sài Gòn, đề ngày 26/8/1963 (4)

Tại sao bức thông điệp của Giáo hoàng gửi đến nhân dân Việt Nam lại bị Chính phủ Diệm cấm phổ biến? Trong bức thông điệp này, "*Giáo hoàng đã biểu lộ sự chú tâm và đau đớn theo dõi các biến cố bi thảm đương dầy vò nhân dân Việt Nam và sự lo âu của Giáo hoàng*

ngày càng thêm sâu sắc…Giáo hoàng cầu nguyện để cho tất cả mọi người, trong mối hợp tác khoan dung và trong sự tương kính các quyền tự do chân chính, đoàn kết với nhau để tái lập tương thân và tình huynh đệ" (le Pape exprime sa douloureuse préoccupation au sujet des tristes évènements qui affigent le cher peuple Viêtnamien, tandis que l'angoisse devient de jour en jour plus profonde et lancinante…Et il fait des voeux que tous, dans une généreuse collaboration et dans un mutuel respect des libertés légitimes, unissent pour rétablir la concorde réciproque et la fraternité) (5)

Thiết tưởng cũng cần nhắc lại rằng ngay từ những ngày đầu tiên của Pháp nạn, nhiều đồng bào theo Thiên Chúa giáo đã chỉ trích chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính quyền Diệm. Thật vậy, sau vụ triệt hạ cờ Phật giáo, Linh mục Lê Quang Oánh và một số đồng chí đã gửi đến Hòa thượng Thích Tịnh Khiết một bức thư cực lực lên án chính sách này.

Sau đây là nguyên văn bức thư lịch sử ấy, phản ảnh sự đoàn kết của toàn dân để bảo vệ quyền linh thiêng nhất của con người là tự do tín ngưỡng:

Kính gửi:

- Hòa thượng Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam.

- Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Nam Việt.

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi, Linh mục Lê Quang Oánh, nhân danh khối Giải Sĩ Đồng Tâm cùng đại diện các đoàn thể khác của chúng tôi, kính gửi đôi lời huyết lệ như sau:

Rất đau buồn cho thế đạo nhân tâm. Xin kính cẩn phân ưu cùng quý vị và các quý Phật tử trong cuộc tang thương vào dịp lễ Phật Đản năm nay ở Cố đô Huế, tán đồng quan điểm đấu tranh cho "tín ngưỡng tự do".

Không đào ngũ, chẳng yếu hèn, kìa dưới quốc kỳ Việt Nam, bao chiến sĩ anh hùng ta hy sinh trên khắp ngã đường đất nước. Tinh thần ái quốc ấy từ lâu đã được hun đúc bởi tinh hoa của các tôn giáo tự nhiên và siêu nhiên.

Xin nghiêng mình mặc niệm các linh hồn tử sĩ, chia buồn với gia đình họ, và an ủi các nạn nhân trong cuộc đổ máu này.

Chúng tôi lên án "Tội bất công" đã giết hại đồng bào vô tội. Thật là tàn bạo, dã man, phản dân chủ, phản tự do, phản đạo đức, làm nhục cho quốc thể Việt nam, một nước văn hiến trên bốn nghìn

năm lịch sử.

Dám quả quyết rằng: "Nhân nghĩa" sẽ thắng. Những mầu cờ tương trưng cho công bằng, bác ái, nhân đạo và hòa bình như quốc kỳ Vatican, Hội kỳ Hồng Thập Tự, đạo kỳ Phật giáo, Thánh kỳ Maria vẫn còn mãi mãi tung bay trên đất Việt thân yêu và khắp toàn cầu, mặc dù có xàm ngôn xuẩn động xúc phạm tinh thần phúc âm mà Đức Giáo hoàng đã diễn đạt trong thông điệp Hòa Bình thế giới, một văn kiện rất thời danh.

Đức Giáo hoàng Gioan XXIII, khi tiếp phái đoàn Phật giáo Nhật Bản, Ngài đã nói với 19 vị Thượng tọa rằng Công giáo và Phật giáo chúng ta đều phụng sự cho "Hòa Bình"

Trên Hồ Than Thở Đà Lạt

12/5/1963

Đại diện ký tên:

Linh mục G.M. Lê Quang Oánh, Linh mục T. Võ Quang Thiêng, Nữ sinh M. Ngọc Lan Hương, Lao công A. Hùng Trí Siêu, Thân Hòa N. Thanh Lục, Tu sĩ P. Viên Tô Tư, Giáo hữu B. Huỳnh Phú Sỹ, Thanh niên V. Leo Kim Chi, Nhân sĩ Đèo Văn Hộ.

Nơi nhận:

- Hòa thượng Hội chủ Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

- Thượng tọa Trị Sự trưởng Giáo hội Tăng Già Việt Nam.

Sao kính gửi: Đức Khâm Sứ và các Linh mục Công Giáo

Vào đầu tháng 8 năm 1963, Giáo hoàng Phao Lồ Đệ lục đã dùng đường lối ngoại giao can thiệp khuyên nhủ Chính phủ Ngô Đình Diệm phải có một chính sách khoan hòa. Giáo hoàng đã can thiệp trực tiếp với ông Ngô Đình Diệm sau khi nhận được lời kêu gọi của ba quốc gia Phật giáo là Cam Bốt, Tích Lan và Népal, do Tổng Thơ Ký U Thant chuyển đạt.

Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện văn để cám ơn về sự can thiệp nầy. Sau cuộc Cách Mạng 1/11/1963, Ủy ban Liên Phái cũng gửi đến Giáo hoàng Paul VI một điện tín tri ân về việc can thiệp của Tòa thánh trong thời kỳ Phật giáo tranh đấu.

DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC PHẬT GIÁO Á CHÂU

Các nước theo Phật giáo, lẽ dĩ nhiên, đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo mới bùng nổ tại Huế vào ngày Khánh lễ Phật Đản. Không những báo

chí các nước này đã tường thuật cặn kẽ và lên án chính sách kỳ thị và đàn áp Phật giáo, mà Chính phủ các nước ấy cũng còn chính thức lên tiếng chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm và còn vận động để đưa vấn đề nầy ra trước Liên Hiệp Quốc.

Không thể phân tích và trình bầy hết tất cả chi tiết của dư luận báo chí trong khuôn khổ chật hẹp của tập sách này, chúng tôi chỉ ghi chép thái độ chính thức của các nước theo Phật Giáo như Cao Miên, Thái Lan, Tích Lan, Miến Điện, Trung Hoa, Nhật Bản và Cao Ly.

Bộ Ngoại Giao Việt Nam và các đại diện Việt Nam tại các nước Phật giáo đã trải qua một thời kỳ ê chề khó khăn khi gặp sự phản đối của các quốc gia Phật giáo về chính sách kỳ thị Phật giáo ở Việt Nam.

Ông Phạm Trọng Nhân, Đại diện của Chính phủ Việt Nam tại Cao Miên đã bầy tỏ những phút "ăn làm sao, nói làm sao bây giơ" trong giai đoạn Pháp nạn, một cách chân thành:

Người ta thường nói: "Nghề Đại sứ là nghề bưng bít những lỗi lầm của chính phủ (Le métier d'Ambassadeur est celui de couvrir les gaffes d'en haut). Thoạt nghe có vẻ khôi hài, nhưng ý niệm đó cũng có một phần nào thực. Không ai có thể hình dung nỗi bối rối, thẹn thùng…của các nhân viên ngoại giao Việt Nam tùng sự tại quốc nội hay quốc ngoại, kể từ ngày tấm bi kịch Phật giáo bùng nổ bất ngờ và được loan tin bằng những dòng chữ lớn trên báo chí quốc gia và quốc tế.

Hằng tuần, các tòa Đại sứ Việt Nam nhận được rất nhiều tài liệu để dẫn chứng và "giải độc": Phật giáo không hề bị đàn áp và có nhiều Phật tử Việt cộng đã trà trộn trong hàng ngũ Phật Giáo đồ để gây chia rẽ. (6) Nhưng làm sao thuyết phục được người ngoài khi chính các nhân viên có nhiệm vụ thuyết phục cũng không tin như thế."(7)

Tuy nhiên, trong khối các quốc gia Á châu theo Phật giáo cũng cần phân biệt ba nhóm:

1/ Nhóm thứ nhất chỉ gồm Cao Miên vốn vẫn có nhiều mối thâm thù với Việt Nam Cộng Hòa nói chung và đặc biệt với cá nhân Tổng thống Ngô Đình Diệm. Cao Miên đã nhân cơ hội này để chỉ trích cay đắng Chính phủ Ngô Đình Diệm và nhắc nhở lại các mối thù xưa.

2/ Nhóm thứ hai gồm các quốc gia trung lập như Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện. Sự chỉ trích của họ không kém phần kịch liệt, nhưng rất nghiêm chỉnh.

3/ Nhóm thứ ba gồm các quốc gia có một lập trường chính trị giống Việt Nam, như Trung Hoa Quốc Gia, Cao Ly, Nhật Bản. Thái độ của các chính phủ này tuy chỉ trích Chính phủ Ngô Đình Diệm nhưng tỏ vẻ dè dặt hơn và chỉ quyết định rõ rệt chính sách này sau vụ tấn công chùa chiền trong đêm 20/8/1963.

Thái độ và sự ủng hộ của Cao Miên

Giới Phật giáo Cao Miên, ngay từ đầu tháng 6/ 1963, đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình:

Ngày 8/6/1963, sư sãi thuộc Thammayat đã họp tại chùa Bottom Vaddey, một ngôi chùa quan trọng tại Thủ đô Nam Vang, để phản đối các biện pháp kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam.

Một cuộc mít tinh được tổ chức ngay ngày hôm sau (9/6/1963) tại một ngôi chùa lớn khác tại Nam Vang là chùa Onnalum để phản đối chính sách đàn áp Phật tử tại Việt Nam. Bốn ngày sau (13/6/1963), cũng tại chùa Onnalum, lại có một cuộc mít tinh khác lên án Chính phủ Ngô Đình Diệm và yêu cầu Quốc trưởng Cao Miên chính thức can thiệp để ủng hộ các Phật tử Việt Nam đang bị khủng bố.

Cùng ngày 13/6/1963, Hội trưởng Hội Việt kiều Phật giáo tại Cao Miên là ông Trần Văn Được đã gửi thư lên Quốc trưởng Cao Miên "lên án sự đàn áp đẫm máu và ngược đãi tàn tệ các Phật tử của Chính phủ Việt Nam" và thỉnh cầu Quốc trưởng Cao Miên yêu cầu tổ chức Liên Hiệp Quốc can thiệp. Ngày 16/6/1963, gần 5.000 Việt kiều và 200 nhà sư Việt kiều biểu tình trước Tòa Đại diện Việt Nam tại Nam Vang.

Chính phủ Cao Miên cũng minh định thái độ ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo Việt Nam ngay từ đầu tháng 6/1963.

Ngày 1/6/1963, nhân lễ khánh thành chùa Onnalum mới được trùng tu, Quốc trưởng Sihanouk đã tuyên bố ũng hộ nhiệt liệt Phật tử Việt Nam đương bị chính quyền đàn áp: "Chúng ta hãy tưởng niệm và cầu siêu cho các Phật tử Việt Nam, nạn nhân của Chính phủ Ngô Dình Diệm… Cao Miên sẽ đóng góp với Tích Lan và các nước theo Phật giáo khác để đưa vấn đề ra trước tổ chức Liên Hiệp Quốc".

Ngày 13 tháng 6 , Tổng trưởng Bộ Ngoại Giao Cao Miên mời Đại diện Việt Nam Cộng Hòa tại Cao Miên là ông Phạm Trọng Nhân (8) đến và trao một bức thư để chuyển về Bộ Ngoại Giao Việt Nam. Trong thư này, Bộ Ngoại Giao Cao Miên đã tỏ lòng công phẫn của Chính phủ và nhân dân Cao Miên trước các vụ ngược đãi tôn giáo đối

với nhân dân miền Nam Việt Nam, và bầy tỏ nỗi lo ngại trước tính phổ biến của các biện pháp đàn áp Phật tử và kỳ thị Phật giáo, kêu gọi sự hiểu biết và đức độ của Chính phủ Việt Nam để vấn đề đau thương này sớm được giải quyết hợp với các nguyên tắc của bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền.

Sau khi các chùa bị tấn công trong đêm 20/8/1863, Chính phủ Cao Miên, ngày 23/8/1963, đã cực lục lên án Chính phủ Việt Nam trong một bản Thông Cáo chính thức.

"*Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt kinh hãi khi nhận được tin Chính phủ Sài Gòn đã đàn áp dã man Phật Giáo đồ, tấn công chùa chiền, phá hủy tượng Phật, chiếm đoạt Giáo đường, ngược sát và câu lưu Tăng Ni Phật tử. Các hành động này thật khinh thường và thách thức thế giới văn minh…chỉ có Hitler trước đây mới dám phạm những tội đại ác như vậy…*

Những vụ lưu huyết như vậy khiến chúng ta lo ngại một cuộc chiến tranh tôn giáo sẽ xẩy ra tại Đông Nam Á…Chính phủ Hoàng gia Cam Bốt hoàn toàn ủng hộ các Tăng Ni Phật tử Việt Nam."

Sáng ngày 24/8, Chính phủ Cam Bốt gửi điện văn cho ông U Thant, Tổng Thư ký tổ chức Liên Hiệp Quốc, yêu cầu can thiệp khẩn cấp tại Việt Nam, và nếu cần, triệu tập phiên họp bất thường phục hồi các nhân quyền thiêng liêng nói chung và quyền tự do tôn giáo nói riêng tại Việt Nam.

Ngày 25/8, Quốc trưởng Cam Bốt yêu cầu Quốc Hội nghiên cứu vấn đề đoạn giao với Việt Nam. Sáng ngày 26/8, Quốc Hội Miên đồng thanh biểu quyết đoạn giao kể từ ngày 27/8/1963. Trong bản Điệp văn gửi Chính phủ Việt Nam ngày 27 tháng 8 để tống đạt chính thức quyết định đoạn giao nầy màbáo chí Cao Miên đều đăng tải nguyên văn, Quốc trưởng Sihanouk đã lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm với những lời lẽ rất nặng nề:

"*Từ nhiều năm nay, Chính phủ Việt Nam đã áp dung chính sách kỳ thị tôn giáo, có hại cho tôn giáo. Chính Phật Giáo đồ Cambodge cũng đã bị đàn áp giam giữ, các chùa chiền bị cướp phá và tiêu hủy.*

…Toàn thể dân tộc Cam Bốt cũng như tất cả các dân tộc khác trên thế giới đều công phẩn và ghê tởm trước những hành động dã man đàn áp Phật giáo Việt Nam.

Nước Cam Bốt Phật giáo chủ trương khoan hồng triệt để về tín ngưỡng, vì vậy lên án óc bè phái và cuồng tín vốn là những quan niệm đe dọa đời sống chung hòa hợp giữa các tôn giáo tại Á đông và

nền hòa bình nội bộ tại các nước đó.

Xét thái độ của Chính phủ Việt Nam đối với dân tộc, dòng dõi và tín ngưỡng của Quốc gia Cam Bốt, Chính phủ Hoàng gia hoàn toàn đồng ý với Quốc Hội bắt nguồn từ toàn thể dân tộc, đã quyết định ngưng mọi liên lạc chính trị với Chính phủ Việt Nam hiện thời…"(9)

Qua bản điệp văn này của Cam bốt, ta nhận thấy Sihanouk đã nhân vụ Phật giáo mà nêu lên vấn đề chính trị giữa Cam Bốt và Việt Nam, liên hệ đến các người Việt gốc Miên mà Sihanouk vẫn coi là người Cao Miên, thuộc dân Cam Bốt (xem thêm: Trên đường Nam tiến – quyển hai)

Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập

Các nước Trung lập theo Phật giáo tại Á Châu là Tích Lan, Miến Điện và Ấn Độ đã ủng hộ nhiệt liệt cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật Giáo đồ tại Việt Nam, và đã quyết định đưa vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc để tố giác chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm tại Việt Nam.

A- Thái độ và sự ủng hộ của Tích Lan

Không kể các báo chí đã tố cáo chi tiết các vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên và nêu rõ trách nhiệm của Chính phủ Ngô Đình Diệm, các Hội Phật hoc Tích Lan (10) đã kêu gọi Chính phủ Tích Lan phải có biện pháp thích ứng để bênh vực Phật tử Việt Nam và đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc.

Giáo sư các Viện Đại học và sinh viên họp mít tinh phản đối Chính phủ Việt Nam và kêu gọi Liên Hiệp Quốc có biện pháp thích ứng trong vụ đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Tổng Liên Đoàn Lao Động, các đảng thiên Tả và Cộng sản cũng quyết liệt chỉ trích chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Chính quyền Tích Lan, ngay từ 20/5/1963, trong một bản Thông Cáo, đã cho biết chính phủ rất xúc động trước các tin tức báo chí về chính sách của Chính phủ Việt Nam và hứa sẽ hành động khi có đủ tin tức do các nước bạn có đại diện Ngoại Giao tại Sài Gòn cung cấp.

Ngày 30/5/1963, tại Tích Lan, chính phủ ra một bản thông cáo nữa bày tỏ mối xúc động sâu sắc trước các hành động đàn áp tàn bạo Phật giáo ở Việt Nam và hứa sẽ nhờ ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp, cùng vận động với các nước Phật giáo khác để đem

vấn đề ra trước Liên Hiệp Quốc.

Ngày 16/6/1963, Bộ Ngoại Giao Tích Lan, trong một bản thông cáo, loan báo Thủ tướng Tích Lan là bà Sirimavo Bandaranaike rất xúc động trước các ngược đãi tôn giáo tại Việt Nam, và bà kêu gọi các nước theo Phật giáo tại Á Châu hảy ủng hộ Tích Lan trong việc yêu cầu Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc can thiệp vào vấn đề đàn áp Phật giáo tại Việt Nam.

Bà Bandaranaike cũng dự liệu gửi một công hàm ngoại giao đến Tổng thống Mỹ Kennedy về vấn đề này.

Sau vụ tấn công các chùa chiền trong đêm 20/8/1963, dư luận và chính giới tại Tích Lan càng chỉ trích mạnh mẻ Chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngày 22/8/1963, bà Thủ tướng Tích Lan đã trao đổi ý kiến với Đại diện các nước Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Nhật Bản…và đề nghị triệu tập một phiên họp bất thường của Hội đồng Liên Hiệp Quốc để xét vấn đề đàn áp Phật giáo. Ngoài ra, bà Thủ tướng cũng đề nghị triệu tập Hội nghị các Quốc gia Châu Á và Hội nghị Phật giáo Thế giới.

Ngày 26/8, Hội nghị Phật giáo Tích Lan yêu cầu các đoàn thể Phật giáo trong toàn quốc treo cờ rũ để tang các Phật tử Việt Nam đã hy sinh ví tín ngưỡng.

B- Thái độ và sự ủng hộ của các nước Trung lập khác

Tuy không có thái độ cực kỳ sôi nổi như Tích Lan, các nước Trung lập khác theo Phật giáo tại Á Châu cũng nhiệt liệt ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật tử tại Việt Nam đế chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

1- Thái độ của Miến Điện: Trong giai đoạn đầu, ông U Chan Htoon, Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới có tiếp xúc với quyền Tổng Lãnh sự Việt Nam tại Rangoon (Miến Điện) và cho biết rằng các Hội Phật giáo Miến Điện, nhất là Hội Tăng Già Toàn Quốc có uy tín nhất trong giới Phật giáo tại Miến, rất phẫn nộ và định tổ chức nhiều cuộc mít tinh để lên án Chính phủ Việt Nam, nhưng ông Uchan Htoon đã khuyến cáo chờ đợi thêm tin tức trước khi có phản ứng công khai.

Sau cuộc đàn áp chùa chiền tại Việt Nam (20/8), thái độ của Miến Điện đã bộc lộ nỗi công phẫn một cách mãnh liệt hơn.

Ngay từ sáng 23/8, báo Guandiantai tại Rangoon, thủ đô Miến Điện, đã cực lực lên án chính sách tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm. Vụ tấn công vừa qua chứng tỏ tinh thần của nhà cầm quyền

Việt Nam đã lâm vào tình trạng thác loạn.

Chính phủ Việt Nam còn hy vọng gì khi ngự trị trên những thân xác của Phật tử đã bỏ mình vì tôn giáo và trên những ngôi chùa ngày nay chỉ còn là những đống gạch vụn, trong khi đa số những người sống sót thì bị tập trung trong các trại giam? Chính phủ Hoa Kỳ sẽ lầm nếu tưởng rằng tiếp tục ủng hộ chính phủ hiện thời tại Việt Nam thì nước Mỹ có thể giữ nguyên vẹn tình bạn của các quốc gia Phật giáo Đông Nam Á. (11)

Ngày 26/8, hai Hội Phật giáo tại Rangoon và Mandalay họp nhau cùng lên tiếng kêu gọi các dân tộc Phật giáo Á Đông – Tích Lan, Cao Miên và Việt Nam - đoàn kết để chống lại Chính phủ Ngô Đình Diệm đang theo đuổi chính sách đàn áp Phật giáo.

Chính phủ Miến Điện đã ủng hộ triệt để Chính phủ Tích Lan trong cuộc vận động đưa vấn đề Phật giáo Việt Nam ra Liên Hiệp Quốc.

2- Thái độ của Ấn Độ: Ấn Độ cũng có thái độ giống như Miến Điện. Nhiều Hội Phật học Ấn Độ đã lên tiếng yêu cầu Thủ tướng Néhru can thiệp. Ngày 25/8/1963, Tổng Thư ký Đảng Quốc gia Ấn Độ tuyên bố: "*Những tin tức loan đi từ Sài Gòn đã làm chấn động dư luận tại Ấn Độ, quê hương của Phật Giáo. Những sự tàn bạo mà các đạo hữu Việt Nam là nạn nhân càng làm chúng ta phẫn nộ khi nhớ rằng Phật giáo chủ trương bất bạo động*."

Hội Phật hoc Ấn Độ đã thiết tha yêu cầu Thủ tướng Néhru can thiệp. Trong cuộc hành hương tại Ấn Độ, một Nghị sĩ Ấn đã trao cho tôi một quyết nghị của tất cả các chính đảng Ấn Độ cương quyết chống lại chính sách đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. (12)

Việc cho gia đình tôi những thuận tiện đáng ghi nhớ trong cuộc hành hương tại các nơi Phật Tích, mặc dầu tôi đã công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm, đã phản ảnh sự ủng hộ mãnh liệt của Chính phủ Ấn Độ đối với vụ Phật giáo Việt Nam.

Các vấn đề đã được nêu lên trong khi tôi tiếp xúc với Thủ tướng Néhru và bà Bộ trưởng Ngoại Giao Ménon như đã được thuật lại trước đây biểu lộ hiển nhiên sự ủng hộ của Chính phủ Ấn Độ cho cuộc tranh đấu của Phật tử Việt Nam để bảo vệ Phật Pháp.

Nhờ có sự ủng hộ triệt để của các nước Tích Lan, Ấn Độ, Miến Điện, vấn đề đàn áp Phật giáo đã gây sóng gió tại Liên Hiệp Quốc. Hầu hết các nước thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc đều đồng ý đem vấn đề kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam ra trước Đại Hội đồng để cử

một phái đoàn điều tra sang Việt Nam.

Trước nguy cơ chính trị này, Ngô Đình Diệm đã thấy không còn lối thoát nào khác hơn là cử Giáo sư Bửu Hội, đại diện cho Việt Nam, đứng ra mời một phái đoàn Liên Hiệp Quốc đến điều tra tại Việt Nam để chứng minh không hề có một sự đàn áp nào đối với Phật giáo.

Đúng thật là "gái đĩ già mồm"! Ngô Đình Nhu hy vọng rằng khi phái đoàn điều tra sang Việt Nam theo chính lời mời của Chính phủ Việt Nam, Ngô Đình Nhu sẽ áp dụng ba loại biện pháp để chôn lấp hẳn vấn đề:

- Một mặt, Ngô Đình Nhu sẽ dùng công an mật vụ ngăn cản các nhân chứng trung thực đến gặp phái đoàn.
- Mặt khác, sẽ mua chuộc những nhân chứng giả đến cung cấp cho phái đoàn những tin tức ngụy tạo có lợi cho Chính phủ
- Và sau hết, Ngô Đình Nhu sẽ dùng những đòn giáo quyệt lôi cuốn các nhân viên phái đoàn vào con đường trác táng ở kinh thành hoa lệ đã nức tiếng là Hòn ngọc Viễn Đông với nhiều bông hoa kiều diễm, để làm "săng ta" (chantage) phái đoàn, không còn dám công kích Chính phủ Ngô Đình Diệm nữa.

Có dịp, chúng tôi sẽ trình bày những tài liệu nầy cho lịch sử phán xét.

Thái độ của các nước Á Châu theo Phật giáo và đồng lập trường chính trị với Việt Nam.

Các nước Thái Lan, Nam Hàn, Trung Hoa Quốc Gia và kể cả Nhật Bản vẫn có những liên hệ chính trị tốt đẹp với Việt Nam và đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam ở cấp Đại sứ. Vì vậy, tuy dư luận trong dân chúng rất xúc động trước các biến cố xảy ra tại Việt Nam kể từ khi vụ cờ Phật Giáo bị triệt hạ tại Huế, các chính phủ nầy vẫn lấy một thái độ rất thận trọng, không công khai chống đối Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tuy nhiên, kể từ cuộc tấn công chùa chiền tại Việt Nam đêm 20/8/1963, các quốc gia này cũng đã phải minh định thái độ ủng hộ Phật tử Việt Nam đương bị đàn áp tàn bạo.

A- Thái độ của Thái Lan

Ngày 22/8, Thủ tướng Thái Lan, Thống chế Sarit Thanarat, đã đưa ra đề nghị triệu tập một Hội nghị sơ bộ tại Bangkok, gồm tất cả các quốc gia Phật giáo, trước khi đưa vấn đề ra Liên Hiệp Quốc. Thủ

Tướng Thái cũng tiếp xúc với ông Cao Thái Bảo, Đại sứ Việt Nam tại Thái Lan, để biểu lộ sự lo âu của Thái Lan trước chính sách kỳ thị Phật giáo của Việt Nam.

Ngay trong đêm đó, các vị chức sắc Phật giáo họp tại Bangkok dưới sự chủ tọa của Bộ trưởng Công Nghiệp P. Rajanaburanond (13) và quyết nghị cực lực ủng hộ các đạo hữu tại Việt Nam, trên phương diện tinh thần cũng như vật chất, đồng thời tỏ lời phân ưu và gởi giúp thuốc men, lương thực, áo quần, tiền bạc…

Đặc biệt vào ngày 26/8, Phó Giám đốc Nha Tôn giáo của Bộ Quốc gia Giáo dục là Đại tá Pin Mutukan đã tuyên bố trên đài vô tuyến truyền thanh Bangkok để khuyến cáo Chính phủ Việt Nam bằng những lời kết án rất gay gắt làm cho người ta liên tưởng đến những lời tuyên bố của Sihanouk trước đây:

"*Vì đã đàn áp tàn bạo Phật tử Việt Nam, Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ hứng chịu hết những tai họa dưới đủ mọi hình thức hiểu theo giáo lý nhà Phật, kể cả diệt vong và địa ngục…Mặc dù tình giao hảo giữa Thái Lan và Việt Nam khắng khít, giới Phật tử Thái Lan vẫn thấy có trách nhiệm phải lên tiếng…*"

Không ai ngờ những lời lẽ khuyến cáo trên đây đã trở thành sự thật hơn hai tháng sau với cái chết bi thảm của Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu trong cuộc cách mạng 1/11/1963.

B- Thái độ của Trung Hoa

Tuy Chính phủ Đài Loan giao hảo rất chặt chẽ với Việt Nam, nhưng sau khi vụ đánh chùa đêm 20/8/1963, Chính phủ Đài Loan cũng không còn giữ được thái độ thờ ơ như trước.

Ngày 29/8, Bộ Ngoại Giao Đài Loan đã tuyên bố rất lo ngại về khủng hoảng tôn giáo tại Việt Nam và thiết tha mong Chính phủ Việt Nam sớm tìm được giải pháp thích nghi để sớm chấm dứt sự khủng hoảng này.

C- Thái độ của Nam Hàn

Tại Hán thành, thủ đô của Nam Hàn, ngày 25/8, sau một buổi lễ cầu siêu cho các đạo hữu Việt Nam đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp, Đại đức Kapchong, Hội chủ Phật giáo đã gửi điện văn cho Chính phủ Việt Nam yêu cầu chấm dứt tàn sát Phật tử.

Ngoài ra, Hội Thanh niên Phật tử do Tướng Chang Chung Sơn, một nhân viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng, đã kiến nghị lên án nhà cầm quyền Việt Nam vì đã đàn áp một cách vô nhân đạo

Tăng Ni và Phật tử.

D – Thái độ của Nhật Bản

Tại Nhật Bản, một buổi lễ cầu siêu được tổ chức cho cố Hòa thượng Quảng Đức và các Tăng Ni cùng Phật Tử đã hy sinh để bảo vệ Đạo Pháp. Buổi lễ này do Hội Nhật Bản Phật giáo Tín ngưỡng tổ chức tại Đại Tổ Đình Bổn Nguyệt Tự ở vùng Akasuke (Tokyo) với rất đông Tăng Ni và Tín đồ tham dự.

Dù giữ một thái độ rất dè dặt, Thứ trưởng Ngoại Giao Shigenobu Shima cũng đã tiếp xúc với Đại sứ Việt Nam để biểu lộ mối lo ngại của Chính phủ Nhật Bản và yêu cầu được biết sư thật về vụ chùa Xá Lợi. Đây là một phương pháp ngoại giao tế nhị để lưu ý Chính phủ Ngô Đình Diệm về vụ khủng hoảng Phật Giáo và nghĩ đến những hậu quả nghiêm trọng của vụ này. Thực ra, Chính phủ Nhật Bản đã trao đổi ngoại giao với Việt Nam trên hàng Đại sứ, tất nhiên Đại sứ Nhật Bản tại Sài Gòn đã phải phúc trình đầy đủ về biến cố này rồi.

Ngoài các nước theo Phật giáo tại Á Châu, các nước Tây Phương, và đặc biệt là Mỹ, rất chú trọng đến chính sách đàn áp tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

DƯ LUẬN VÀ SỰ ỦNG HỘ CỦA CÁC NƯỚC TÂY PHƯƠNG

Báo chí Âu Mỹ loan báo các hoạt động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam ngay từ giai đoạn đầu tiên. Kể từ năm 1959, Chính phủ Ngô Đình Diệm đã mang tiếng là độc tài, gia đình trị trước dư luận Tây phương. Với chính sách kỳ thị Phật giáo, Chính phủ Ngô Đình Diệm càng bị chỉ trích nặng nề. Tuy nhiên, chính quyền các quốc gia Tây phương đã lấy một thái độ thận trọng không trực tiếp can thiệp, trừ Pháp và Mỹ là những nước có nhiều liên hệ với Việt Nam.

Báo Chí và dư luận chung của các nước Tây Phương trước vấn đề Phật Giáo

Báo chí và dư luận của tất cả các nước Tây phương như Mỹ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ đã quan tâm theo dõi Phong trào Tranh đấu Bảo vệ Phật giáo tại Việt Nam và đều chỉ trích công khai hoặc mỉa mai đường lối kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tại Pháp, tờ Le Monde (Thế Giới) thường được coi là phản ảnh

ý kiến hay xu hướng của Bộ Ngoại Giao Pháp, trong số ra ngày 10/6/1963, đã công kích Chính phủ Ngô Đình Diệm kịch liệt:

"*…Biến cố ở Huế đã xảy ra do sự đàn áp tàn bạo của nhà cầm quyền, và đã là một cơ hội tốt để sự bất mãn của nhân dân bộc phát. Sự tranh chấp này đã lột trần sự cô lập và thất nhân tâm của một nhóm thiểu số Thiên Chúa giáo được ưu đãi…*"

Ngọn lửa tự thiêu của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức đã được báo Le Monde bình luận trong số ra ngày 13/6/1963 như sau: "*Trước hành động tự sát để đấu tranh, kẻ tàn bạo nhất cũng phải chùn bước…*"

Tạp chí La Croix (Cây Thập Tự), cơ quan ngôn luận Thiên Chúa giáo trong số ra ngày 13/6/1963 cũng lên tiếng kêu gọi các tín đồ Thiên Chúa giáo cầu nguyện cho linh hồn của các người tử vì đạo.

Sau vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, trên mặt báo chí Pháp càng có nhiều bài bình luận và hình ảnh về thảm cảnh này, riêng tờ Aurore thì dành cả trang nhất để in bức hình của Hòa thượng ngồi kiết già trong đống lửa như một pho tượng đồng đen.

Tại Anh Quốc, Thụy Sĩ và nhất là ở Mỹ, báo chí tường thuật chi tiết hành động đàn áp Phật giáo tại Việt Nam. Tạp chí Sunday Times trong số ra ngày 2/6/1963 đã nêu rõ hiểm họa mà Chính phủ Ngô Đình Diệm phải đương đầu trong chính sách khủng bố Phật tử. "*Không có mưu mô phá hoại nào của Cộng sản có thể gây được một mối đe dọa trầm trọng như vậy cho chính phủ. Lối đối xử vụng về của Tổng thống Diệm đã gây một mâu thuẫn nội bộ: Quân đội đáng lẽ được mang đi đánh dẹp Cộng sản, thì nay lại phải dùng vào việc giữ trật tự trong nước chỉ vì chính sách sai lầm này*."

Đặc biệt tại Bruxelles, kinh đô Bỉ, Linh mục Pire, người được giải thưởng Nobel về Hòa Bình, và cũng là người đã từng cổ võ cho Phong trào Quốc tế giúp các người Di cư (Mouvement international d'aide aux refugiés), đã gởi một bức thư đến ông U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, yêu cầu cho mở cuộc điều tra ngay tại chỗ để soi sáng "một số yếu tố đàn áp tôn giáo của Chính phủ Nam Việt Nam đối với các Phật tử." Linh mục Pire đã viết: "…Ngày nay, nhân loại chỉ còn một cơ may để tìm thấy hòa bình: Phải tương thuận và chấp nhận hỗ tương các mâu thuẫn của nhau." (Aujourd'hui, les hommes n'ont qu'une chance de trouver la paix: s'entendre en admettant mutuellement leurs contradictions.)

Báo chí và đài phát thanh của Mỹ, suốt trong sáu tháng Pháp

nạn, hàng ngày vẫn loan truyền rất nhiều tin tức và bình luận nghiêm khắc về chính sách kỳ thị Phật giáo của Ngô Đình Diệm mà khuôn khổ khiêm tốn của quyển sách này không thể nào phân tích được hết các tài liệu ấy. Tuy nhiên, để có một ý niệm về sự công phẫn của dư luận và của Chính quyền Hoa Kỳ, thiết tưởng bài báo sau đây trích từ tờ Nữu Ước Thời Báo (New York Times) số ngày 8/81963, đã ghi khá đầy đủ các khía cạnh của vấn đề, trong từng giai đoạn kể từ khi vụ triệt hạ cờ Phật giáo bùng nổ tại Huế:

"*…Phong trào Phật giáo phản đối chính phủ đã trở thành một nguy cơ trầm trọng cho chế độ Ngô Đình Diệm kể từ ngày 8/81963, khi mà 9 người bị quân đội của chính phủ giết chết trong cuộc biểu tình tại cố đô Huế. Mục đích của cuộc biểu tình nói trên là phản đối hành động kỳ thị tôn giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm vì Tổng thống Diệm và gia đình là những người theo Công giáo La Mã.*

Từ đó, các cuộc biểu tình đã kế tiếp xảy ra và chính phủ đã phải dùng quân lực để đàn áp và bắt bớ. Nhưng trầm trọng hơn hết là các vụ tự thiêu để phản đối chính sách của chính phủ.

…Những sự kiện kể trên đã bắt đầu làm cho chính giới Hoa Kỳ bắt đầu lo âu, vì nếu Tổng thống Diệm bất lực trong việc tìm một giải pháp cho vấn đề Phật giáo thì chế độ của ông ta sẽ trở thành một gánh nặng cho Hoa Kỳ.

Quan niệm ở đây cho rằng nếu cuộc khủng hoảng Phật giáo không được giải quyết thì ông Diệm có thể bị ngay chính những nhân viên cao cấp trong Quân đội cũng như trong chính phủ lật đổ. Các nhân viên cao cấp trong Quân đội tiên đoán rằng sự trung thành của họ có thể suy giảm…Người ta nhận thấy đã có vài biến chuyển trong chính sách căn bản của Hoa Kỳ.

…Chính phủ Hoa Kỳ đã tìm đủ mọi cách để buộc ông Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo. Nhưng người ta hết sức kinh ngạc khi nghe bà Ngô Đình Nhu, em dâu của Tổng thống Diệm, tố cáo các Lãnh tụ Phật giáo là phiến loạn, sát nhân, và áp dụng chiến thuật Cộng sản. Có tin tức cho biết chồng bà Nhu, em trai Tổng thống Diệm, có thể cầm đầu một cuộc đảo chinh đã làm cho Hoa Kỳ lo ngại. Có nhiều người cho rằng những tin đồn về cuộc đảo chính như vậy là một phần trong cuộc chiến tranh tâm lý chống Phật giáo, và cũng là một sự hăm dọa đối với Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ cảm thấy bị đặt vào một tình thế khó xử tại Việt Nam. Một mặt, Hoa Kỳ thấy chế độ của ông Diệm đang tiến tới một cuộc vận động chống Hoa Kỳ nếu không được Hoa Kỳ ủng hộ trong cuộc

khủng hoảng Phật giáo. Mặt khác, các nhà Lãnh đạo Phong trào Phật giáo đã phản đối Chính phủ Hoa Kỳ về những lời tuyên bố của ông Nolting, Đại sứ Hoa Kỳ sắp mãn nhiệm kỳ, vì ông này đã tuyên bố trong hơn hai năm qua (từ ngày ông đến nhận chức Đại sứ), ông chưa từng chứng kiến dấu hiệu nào tỏ rằng có sự kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam…"

Để thấy rõ chính sách đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm đã gây xúc động và phẫn nộ đến mức nào trong dư luận của nhân dân Hoa Kỳ, thiết tưởng chỉ cần nhắc lại đây bài giảng của Mục sư Giáo hội Nữu Ước Donald Harrington, đọc tại nhà thờ lớn Nữu Ước ngày chủ nhật 30/6/1963, về chánh sách kỳ thị tôn giáo tại Việt Nam dưới tất cả các sắc thái. Sau đây là nội dung bài giảng của Mục sư Donald Harrington:

"*Cách đây hơn hai tuần, vào ngày 11/6/1963, một đoàn Tăng Ni mặc áo vàng đang diễn hành qua các đường phố Sài Gòn, thủ đô miền Nam Việt Nam, thì bỗng nhiên đoàn Tăng Ni đứng giàn ra thành một vòng tròn và một vị sư 75 tuổi tên Thích Quảng Đức đã ngồi xếp chéo chân theo kiểu tọa thiền trên đường nhựa nóng. Trong tay người cầm một xâu chuỗi 54 hạt và bắt đầu niệm Phật còn trên chiếc áo cà sa của Ngài thì đã tẩm ướt đầy xăng. Tất cả Tăng Ni lui lại. kinh cẩn, kinh sợ. Khách bộ hành nhận thấy rằng một biến cố phi thường gì sắp xảy ra nên tất cả đều dừng lại chờ đợi.*

Với vẻ yên lặng, bình thản trên khuôn mặt, Ngài Quảng Đức niệm lớn: "Nam Mô A Di Đà Phật." Thế rồi Người bật một que diêm và ngọn lửa phừng phừng bốc lên phủ kín thân thể cử nhưng Người không hề kêu la hay lay động. Người ngồi thẳng trong mười phút, thân hình chìm trong lửa đỏ, và khi lửa tàn, Người nằm xuống bất động.

Thường thường chỉ có người tuyệt vọng hoàn toàn mới tự tử và họ thường tìm cái chết giản dị và ít đau đớn nhất vì đối với họ, hành động tự tử là kết quả của lòng sợ hãi.

Người ta có thể tự hỏi sự khủng khiếp và niềm phẫn hận nào đã có thể khiến cho một người của "Tình Thương" của "Hòa Bình", quyết chí tự thiêu?

Chúng ta không thể trả lời câu hỏi đó theo danh từ sợ hãi. Chúng ta chỉ hiểu được sự kiện đó nếu chúng ta biết rằng còn một loại tự tử khác thường được mệnh danh là "Tử Đạo"

Nếu sự tuyệt vọng hoàn toàn và chán đời cực độ đã đưa con người trên đời này đến chỗ tự tử, thì một lý tưởng cao cả nhất và lòng

yêu đời nồng nàn nhất một đôi khi cũng đã sản xuất những người tử đạo quả cảm nhất trong lịch sử. Chúa Jésus là một người như thế.

Chúa đã chết tại Jerusalem, nhưng Ngài đến Jerusalem trong thời gian nguy cấp là sự lựa chọn của chính Ngài, và như vậy , dĩ nhiên là Ngài đã không lợi dụng cơ hội trốn tránh khi Ngài thấy rằng con người đã có ác ý chống lại Ngài.

Người La Mã đã đóng đinh, nhưng Chúa Jésus muốn tự mình thử thách, và theo nghĩa đó, thì sự đóng đinh trên cây thập tự là sự tự nguyện của Ngài.

Michel Servetus, người tử đạo đã bị John Calvin đốt sống vì bị nghi là kẽ dị giáo, đã bị bắt trong khi đang dự lễ ngày chủ nhật tại nhà thờ của John Calvin vào lúc mà ông đang bị truy nã rất gắt. Như vậy, ta thấy Servetus cũng tự đặt mình vào trường hợp thử thách.

Ngay cả đến Jeanne d'Arc cũng có thể thoát chết nếu nàng bằng lòng thừa nhận rằng nàng nghe lầm về những tiếng vọng của Chúa gọi từ trên không.

Ngày nay, Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ Phật giáo khổ hạnh, cũng đã tự nguyện gia nhập vào đoàn người ấy và hy sinh đời mình cho tình thương và cho sự cải thiện con người.

Trong bản di ngôn "trước khi nhắm mắt về với Đức Phật" mà Ngài gửi cho Tổng thống Ngô Đình Diệm của miền Nam Việt Nam, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã nói: "Tôi trân trọng gởi lời (người cũng có thể nói, là gởi cả cuộc đời) cho Tổng thống Diệm để yêu cầu ông ấy lấy lòng nhân từ, khoan dung đối với nhân dân và thực thi một chính sách bình đẳng tôn giáo."

Phản ứng của Tổng thống Diệm đối với những lời kêu gọi trên đã nêu rõ tính chất thống trị của ông ta tại miền Nam Việt Nam và cũng là điển hình cho những vấn đề của chúng ta hôm nay.

Ông đã ra lệnh siết chặt vòng vây khắp Sài Gòn, phong tỏa các chùa bằng hàng rào dây kẽm gai, quy cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức cho điều mà ông gọi là "những khối óc đã bị đầu độc bởi sự tuyên truyền của Cộng sản", và thản nhiên tuyên bố rằng: "Sau Phật giáo còn có Hiến Pháp, nghĩa là còn có tôi."

Những sự kiện nào đã đưa đến tấm thảm kịch đó trong ngày 16/6 vừa rồi?

Theo một ý nghĩa nào đó, ta có thể gọi đó là tấm thảm kịch. Nhưng theo một nghĩa khác, thì đó là một thắng lợi. Các bạn sẽ nhớ rằng vào năm 1954, sự quyết định tối hậu đã phân chia Việt Nam thành hai quốc gia khác nhau: Một nước Cộng sản ở Miền Bắc, và

một nước Quốc Gia mệnh danh là Dân Chủ tại Miền Nam Việt Nam. Năm 1955, Tổng thống Ngô Đình Diệm truất phế vua Bảo Đại và thiết lập chế độ của ông ta.

Các lực lượng quốc tế, kể cả Hoa Kỳ và Pháp, đều đồng ý cho ông Diệm thành lập một chế độ mới với điều kiện phải mở một cuộc Trưng Cầu Dân Ý.

Nhưng trong những năm qua, sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng cho chế độ Tổng thống cứ tiếp tục giảm dần. Đã có lần người ta dự định tính sự ủng hộ đó trên 50%. Ngày nay có lẽ chỉ còn hơn 10%.

Dần dần, Tổng thống Diệm tiêu diệt hết tất cả các Đảng phái Đối lập, đàn áp mọi Phong trào Tôn giáo khác tư tưởng, và tất cả những ai, bằng cách này hay cách khác, muốn thấy miền Nam Việt Nam phải có một chế độ dân chủ thật sự để cho mọi chính kiến khác nhau đều có cơ hội biểu lộ tư tưởng của mình, và tổ chức thành một khối duy nhất theo đường lối dân chủ.

Cũng dần dần, Tổng thống Diệm đã thành lập một hệ thống công an rất rộng, tiêu diệt quyền tự do báo chí và theo đuổi một chế độ độc tài mà nhiều khía cạnh có thể còn nguy hiểm và thối nát hơn các quốc gia độc tài Cộng sản.

Từ năm 1955 trở đi, Chính phủ Diệm đã nhận viện trợ khổng lồ của Chính phủ Hoa Kỳ cả về quân sự và tài chánh. Dĩ nhiên, sự viện trợ đó có mục đích duy trì miền Nam Việt Nam khỏi rơi vào tay Cộng sản miền Bắc.

Những vũ khí đó được dùng để chống lại Cộng sản, vâng! Nhưng hơn thế nữa, Tổng thống Diệm cùng gia đình ông ta đã dùng chính vũ khí đó để uy hiếp dân chúng, ông muốn họ phải khuất phục dưới một chế độ mà càng ngày họ càng chán ghét sợ hãi. Đối với bất cứ người quan sát khách quan nào cũng thấy rằng Hoa Kỳ hình như càng ngày càng tăng thêm sự ủng hộ quân sự lẫn dân sự cho một chính phủ đã mất hẳn lòng tin tưởng và kính mến của toàn dân. Và vì thế, ta có thể thấy trước trong một tương lai gần đây rằng viện trợ có thể lọt vào tay Cộng sản là những người tự nhận là giải phóng quân.

Không một lực lượng vũ khí nào có thể duy trì được một quốc gia nếu nhân dân tại quốc gia đó càng ngày càng sợ chính phủ họ hơn là sợ những kẻ thù của chính phủ. Như vậy, không sớm thì muộn họ sẽ một là cho, hai là bán vũ khí của họ cho kẻ thù.

Dĩ nhiên, miền Nam Việt Nam có một vị trí chiến lược quan trọng trong cuộc chiến tranh chống Cộng trên thế giới. Người ta

thường gọi Việt Nam là Tiền Đồn của Đông Nam Á hay là ở Miền Nam Á. Vì Việt Nam nằm sát Lào, Cam Bốt và gần Thái Lan. Thái Lan lại gần Miến Điện và Miến Điện lại sát Ấn Độ. Như thế nếu Việt Nam rơi vào tay Cộng sản thì rất có thể Cộng sản sẽ mở đường tiến thẳng xuống Mã Lai, Nam Dương và Phi Luật Tân.

Bởi thế, thật là rất dễ hiểu tại sao Hoa Kỳ muốn phòng thủ nền độc lập của Việt Nam.

Hoa Kỳ đã ủng hộ Tổng thống Diệm, nhưng Chính phủ của ông ta bất chấp sự ủng hộ đó để đàn áp các Đảng phái Đối lập và hạn chế tự do dân chủ, điều đó làm mất sự ủng hộ căn bản của chúng ta, và đã trở thành một điều bất lợi cho công cuộc chiến đấu chống Cộng một cách hữu hiệu.

Khía cạnh tôn giáo của cuộc tranh chấp là ở quan điểm rằng dù Chính phủ Tổng Thống Diệm được xây dựng trên căn bản tín lý Thiên Chúa giáo và đa số công chức quan trọng trong Chính phủ là người Thiên Chúa, nhưng dân số trong nước thì từ 70 – 90 phần trăm là Phật Giáo đồ. Người ta sẽ nghĩ rằng trong một quốc gia mà đại đa số dân chúng theo tôn giáo khác thì chính phủ quốc gia ấy nên phải đối xử hợp tình hợp lý với đa số ấy. Thiểu số 1/10 không thể có được tương lai trong một quốc gia trừ phi phần thiểu số đó cư xử tử tế và công bằng với đa số mà họ phải sống chung. Nhưng Tổng thống Diệm đã quá tin tưởng ở quyền lực của mình để thống trị miền Nam Việt Nam. Nhờ viện trợ hùng hậu của Hoa Kỳ trong 7 năm qua, ông ta không ngần ngại khinh rẻ, nhục mạ và khinh rẻ Phật Giáo đồ trong suốt mấy năm ấy và sự kỳ thị càng trở nên trắng trợn theo thời gian. Mỗi lần khiếu nại lại gặp phải sự áp bức dã man và cay nghiệt, nên kết quả đã đưa đến một phong trào gần giống như một cuộc cách mạng, mặc dầu phong trào đó được bộc lộ qua phương pháp bất bạo động cổ truyền của Phật giáo.

Những người Phật tử có một tôn giáo lấy từ bi làm tôn chỉ và rất hiếu hòa, đang bị tình thế dồn đến bờ vực thẳm của bạo động thì chúng ta có thể tưởng tượng được sự khiêu khích đã có một sức mạnh vượt bực như thế nào.

Chính sách kỳ thị tôn giáo đó đã được biểu lộ bằng nhiều cách. Phần lớn công chức trong Chính phủ là người Thiên Chúa giáo. Mặc dù 80 hay 90 phần trăm binh sĩ là Phật tử nhưng các sĩ quan trong quân đội từ cấp úy trở lên phần nhiều là người Thiên Chúa, và nếu ai muốn được thăng chức thì đều phải gia nhập vào Thiên Chúa giáo. Mặc dù Phật giáo là tôn giáo chuộng hòa bình, nhưng các thanh niên

Tăng sĩ Phật Giáo vẫn phải nhập ngũ và không có tuyên úy Phật giáo trong quân đội.

Các quan sát viên và ký giả Hoa Kỳ đã tố cáo, và đây tôi xin trích một đoạn trong tờ báo Newsweek số ra ngày 27/5/1963: "Các tư lệnh tiểu đoàn Thiên Chúa giáo trong quân đội miền Nam Việt Nam được trang bị với vũ khí hạng nặng và đầy đủ hơn là nhưng người không phải là Thiên Chúa giáo."

Tại nhiều khu vực, các giáo sĩ Thiên Chúa giáo có quân đội riêng mệnh danh là "đoàn quân giám mục" (có phận sự bảo vệ nhà thờ và các giáo sĩ và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám mục, anh ruột Tổng thống Diệm. Đoàn quân này được trang bị bằng vũ khí Hoa Kỳ mà chính các bạn và tôi đã phải trả tiền cho sự tốn kém đó. Và họ được các cố vấn quân sự Hoa Kỳ huấn luyện)

Hai trường Đại học mới tại miền Nam Việt Nam là của Thiên Chúa giáo. Phật Giáo đồ không bao giờ có đủ phương tiện để có được một nền giáo dục như vậy. Phần lớn các thực phẩm viện trợ của Hoa Kỳ được gởi qua cơ quan cứu trợ Thiên Chúa giáo rồi sau đó mới được các giáo sĩ Thiên Chúa giáo ở các vùng phân phát. Nhưng lạm dụng rất nhiều. Mỗi năm, Hoa Kỳ đổ vào xứ 15 triệu dân nầy một số tiền là 300 triệu đô la. Một nhà truyền giáo Tin Lành đã hoạt động tại Bình Định 15 năm qua nói trắng ra rằng: "Tất cả các nhà thờ Thiên Chúa ở tỉnh đều được xây cất bàng tiền xổ số và tiền bán thực phẩm cứu trợ." Các thánh đường Thiên Chúa đã được xây cất trong các Thánh Tích Phật giáo với sự khuyến khích và cho phép của Chính phủ. Thí dụ: tháng 3 năm 1961, một trăm người ở làng Tư Chánh đã phàn nàn với Chính phủ về việc cho phép một linh mục xây một ngôi nhà thờ Đức Bà trên núi Thiên Bút là nơi đã có một cảnh chùa và nghĩa trang dành cho Tín đồ Phật giáo. Người ta khó có thể tưởng tượng được một việc làm nào thiếu khôn ngoan hơn thế được!

Em dâu Tổng thống Diệm, bà Ngô Đình Nhu, đã cấm thuốc ngừa thai, cấm chế độ đa thê, cấm ly dị trừ phi được Tổng thống phê chuẩn. Đó là một vài việc làm đã khiến dân chúng bất mãn.

Tất cả vấn đề đã đi đến cực độ vào tháng 5 vừa rồi. Ngày 5/5 là lễ Rước kiệu mà Tổng Giám mục Huế, anh của Tổng thống Diệm, chủ tọa. Trong dịp này, cờ của Vatican được treo ngang hàng với cờ quốc gia. Thế rồi chỉ ba ngày sau là ngày Phật Đản, thì cờ Phật giáo bị cấm không được treo. Tổng thống Diệm giải thích là khi ông thấy cờ Vatican được treo, ông cho đó là trái phép, nên ông cấm treo cờ Phật giáo nhưng không ngờ lại đúng vào ngày Phật Đản.

Thế là xảy ra những cuộc biểu tình liên tiếp và quân đội Tổng thống Diệm đã nổ súng vào đám đông giết chết 9 người. Khi bị phản đối thì Tổng thống Diệm nói rằng đó là do Việt Cộng ném lựu đạn làm thiệt mạng 9 người ấy và Chính Phủ hoàn toàn không chịu trách nhiệm . Nhưng các nhà báo ngoại quốc có đầy đủ hình ảnh về vụ đó và đã cho thấy rõ một trăm phần trăm là quân đội Chính phủ đã bắn vào đám đông làm cho 8 người thiệt mạng. Có hàng ngàn người bị bắt trong vụ này. Đến ngày 4/6, lại một cuộc biểu tình nữa diễn ra gồm toàn sinh viên tại Huế, và cuộc biểu tình này lại bị quân sĩ và cảnh sát của ông Diệm đàn áp bằng lựu đạn cay và bom lửa chế tạo tại Hoa Kỳ. Khoảng 67 sinh viên bi phỏng khắp người. Rồi đến ngày 11/6, Hòa thượng Quảng Đức hy sinh đời mình bằng cách tự thiêu để thức tỉnh lương tâm của Tổng thống Diệm và lưu ý cho toàn thế giới.

Ngày 15/6 đã có một sự thỏa hiệp sơ bộ. Chính phủ hứa sẽ trả 37 đô la cho mỗi gia đình của những nạn nhân bị giết tại Huế. Họ cũng hứa sẽ không làm khó dễ Tăng Ni, và Phật Giáo đồ sẽ được treo cờ Phật giáo song song với cờ quốc gia trong những ngày lễ Phật giáo. Họ cũng hứa sẽ sửa lại một đạo dụ từ trước vẫn biệt đãi Thiên Chúa giáo hơn Phật Giáo. Nhưng chỉ hôm sau thôi thì Cảnh sát Chiến Đấu đã đàn áp một số Ni Cô tại một ngã tư gần chùa Xá Lợi khi các Ni Cô này muốn vào chùa để cầu nguyện cho Hòa thượng Quảng Đức. Các Ni Cô bị bóp cổ quăng lên xe cảnh sát, có nhiều cô chết ngất đi. Một em bé 15 tuổi bị giết, nhiều người bị thương và hàng trăm người bị bắt.

Ngày 15 tháng 6, báo Times of Vietnam (do bà Nhu thuê người viết) tố cáo rằng các cuộc biểu tình Phật giáo đều được tổ chức đúng với chiến thuật của Cộng sản một cách rất cẩn thận và có kế hoạch. Tôi tin rằng một số người ở đây, tại Mỹ quốc này, cũng sẽ nói rằng một số giáo sĩ đã đăng một bản thông cáo trên tờ New York Times tuần rồi cũng là dụng cụ của Cộng Sản.

Đó là những sự kiện diễn ra trong lúc này – Một sự rối loạn cực độ tại miền Nam Việt Nam. Khắp nơi trong nước, ngọn lửa căm phẫn đang bốc lên bừng bừng. Những điều đó có liên quan gì đến các bạn và tôi không? Sở dĩ vấn đề có liên quan đến chúng ta là bởi vì chúng ta phải trả tiền mua những vũ khí đó, chúng ta phải trả tiền các thực phẩm cứu trợ. Chúng ta lại đưa người của chúng ta đến huấn luyện cho quân sĩ của Chính phủ Diệm. Nếu không có sự viện trợ đặc biệt hùng hậu của chúng ta thì những kẻ chuyên chế áp bức và kỳ thị đó sẽ bị lật nhào chỉ trong giờ phút mà thôi.

Bây giờ thì người ta đang tự hỏi không biết Chính phủ Sài Gòn còn tồn tại được bao lâu nữa, ngay cả với sự viện trợ của chúng ta. Bởi thế nên chúng ta có liên hệ và điều đó rất có ý nghĩa đối với chúng ta. Theo tôi nghĩ thì một trong những điều mà Hoa Kỳ phải học hỏi là: Hoa Kỳ không thể giúp đỡ những Chính phủ ngoại quốc để họ nắm quyền hành và áp bức nhân dân của họ mà không chia sẻ trách nhiệm về sự áp bức ấy. Điều sỉ nhục ấy sẽ khiến tâm hồn của mọi người Hoa Kỳ cắn cỗi.

Nhưng ta biết làm cách nào? Tôi mong muốn có được những lời giải đáp dễ dàng nhưng tôi phải hoài nghi rằng vấn đề này hết sức khó khăn, vì những người sẵn sàng đưa ra những lời giải đáp ấy thì đã bị bóp nghẹt bởi chính sự viện trợ của chúng ta rồi! Hoa kỳ với ông Henry Cabot Lodge là tân Đại sứ của chúng ta, phải tìm mọi cách thuyết phục ông Diệm thực thi quyền bình đẳng cho tất cả các đoàn thể tôn giáo như đã ghi trong Hiến Pháp, và dù có phải rút hết viện của Hoa Kỳ cho Chính phủ ông ta đi nữa thì Hoa Kỳ cũng đừng ngần ngại. Tôi tưởng rằng đã đến lúc Hoa kỳ phải tự tay phân phối những thực phẩm cứu trợ mà đừng trao cho một cơ quan cứu trợ Thiên Chúa giáo hay Chính phủ phân phối. Nếu chúng ta cứ tiếp tục viện trợ hàng triệu đô la cho Việt Nam, nơi mà sự viện trợ bị lạm dụng quá nhiều thì tôi tin rằng đã đến lúc chúng ta phải khuyến khích Phật Giáo đồ khuếch trương nền cao đẳng giáo dục của họ để họ có thể tham gia vào sự lãnh đạo trong nước. Cũng như viện trợ của chúng ta đã vô tình giúp đỡ người Thiên Chúa giáo phát triển nền cao đẳng giáo dục của họ để làm lợi cho thiểu số 10 phần trăm, bây giờ chúng ta phải giúp đỡ cho số 70 đến 90 phần trăm. Đó là việc có thể làm ngay và đó cũng là tình trạng mà chính phủ Hoa Kỳ không thể làm ngơ được nữa.

Đứng về mặt chính trị thì vấn đề đó còn khó khăn hơn nhiều. Bản Thông cáo mà chúng ta đăng trên mặt báo tuần rồi là thông cáo phản đối. Người ta có thể nói Bản Thông cáo đó mới chỉ đề cập đến mặt tiêu cực mà thôi.

Tôi còn nhớ câu chuyện cách đây mấy năm tại San Juan, Puerto Rico, khi tôi gặp một nhạc sĩ đại hồ cầm tên tuổi, ông Pablo Casals, người đã bằng lòng chịu đi đày chớ không chịu trở về quê hương là nơi bị chế độ độc tài áp bức thống trị, và từ chối luôn không chịu trình diễn tại các quốc gia đã thừa nhận hay đặt quan hệ với chính phủ xứ ông. Casals, với thái độ dịu dàng và là một trong những người dễ cảm nhất mà tôi từng gặp, thuật lại cho chúng tôi câu

chuyện ông nói với Schweitzer khi họ đề cặp đến vấn đề tại sao ông không chịu trình diễn tại nhiều quốc gia? Casals nói rằng Schweitzer đã trách ông bằng câu này: Nên sáng tạo hơn là phản đối. Casals nhìn tôi với vẻ nghiêm nghị và nói: Tôi đã trả lời là không! Casals nói lớn tiếng quá làm tôi giật mình. Rồi ông nói tiếp là có nhiều khi sự sáng tạo duy nhất mà ông có thể thực hiện được là phản đối. Chính chúng ta cũng đang đương đầu với tình trạng ấy tại miền Nam Việt Nam. Chúng ta phải phản đối. Những khả năng sáng tạo phải được khai triển.

Mặc dầu chúng ta đã phạm nhiều sai lầm nhưng vẫn còn đủ thời gian để sửa đổi. Vẫn còn thời gian để buộc Tổng thống Diệm phải thực thi tự do dân chủ, cho phép các đảng phái chính trị đối lập hoạt động, tổ chức tuyển cử tự do, cải tổ chính phủ theo một đường lối trong đó để cho dân chúng thấy rằng họ cũng được tự do vào việc định đoạt số phận của chính họ. Còn gì mỉa mai hơn cho chúng ta bằng cách đứng nhìn một chế độ độc tài tội ác với tất cả sự khủng bố gần như độc quyền được giúp đỡ bởi vũ khí của Hoa Kỳ và tiền tài danh dự của công chúng Hoa Kỳ!

Một vị sư già mới chết cách đây chưa đầy ba tuần lễ. Người ta có thể nói Người là một ông già tầm thường. Trong 10 phút, Người đã chịu đựng sự đau đớn của tia lửa hồng đang đốt da thịt không một lời kêu than. Người gởi mấy lời của Người cho Tổng thống Diệm, và cho đến nay ông Diệm vẫn chưa chịu nghe hay chú ý. Nhưng dù sao, tiếng nói ấy vẫn là tiếng nói của tình thương, tiếng nói mà trong thâm tâm của nó chứa đựng sự giải thoát của miền Nam Việt Nam. Người đã để lại một bóng đen sỉ nhục lên sự huy hoàng mà Giáo hoàng Gioan đã mang lại cho Giáo hội Thiên Chúa. Người đã làm và Người phải làm, cho mỗi người Hoa Kỳ đi tìm linh hồn của Người và cho Chính phủ Hoa Kỳ biết rằng, trừ phi Chính phủ Sài Gòn thực thi ngay quyền bình đẳng tôn giáo cho Phật Giáo đồ và tự do cho dân chúng Việt Nam, tất cả mọi sự viện trợ của Hoa Kỳ đều phải chấm dứt ngay.

Chậm rồi chăng? Sự hy sinh của Hòa thượng Quảng Đức vẫn còn được để ý tới, và nếu thế, tình hình Việt Nam còn có thể cứu vãn được. Ngọn lửa ấy có thể thành một tia hy vọng cho những người từ lâu bị áp bức bởi người ngoại quốc hay bởi ngay chính đồng bào của họ. Hoa Kỳ phải tìm cách biểu hiện lý tưởng của mình và đừng quay lưng lại với họ nữa. Một người Mỹ chết – có nghĩa gì? Chỉ có chúng ta mới có thể trả lời câu hỏi đó.

(Bản dịch của Ủy ban Liên Phái Bảo vệ Phật giáo)

Ngày 14 tháng 8, hơn 15 ngàn Giáo sĩ của các Giáo hội tại Hoa Kỳ, mỗi người đã gửi một bức thơ phản đối đến Tổng thống J.F. Kennedy yêu cầu chấm dứt sự ủng hộ tài chính và quân sự cho Chính phủ Ngô Đình Diệm vì đã ngược đãi tôn giáo với các Phật Giáo đồ.

"Sự ủng hộ của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chế độ ác nghiệt Ngô Đình Diệm tại Việt Nam sẽ trở thành một sự bêu xấu và làm yếu thế một cách nguy hại lập trường đạo đức và chính trị của Mỹ." (tin của hãng Reuter ngày 14/8/1963)

Tờ Nữu Ước Thời Báo đã so sánh một cách rất xác đáng tình trạng Chính phủ Ngô Đình Diệm với tình trạng Chính phủ Lý Thừa Vãn tại Hán Thành, trong những ngày suy tàn. Bài báo này quả là một lời tiên đoán hết sức tinh vi:

"*Tình hình tại Sài Gòn giống hệt những ngày cuối cùng của Lý Thừa Vãn tại Hán Thành. Cùng một loại bùng nổ của dân chúng đã diễn ra tại hai đô thị, và bị đàn áp bởi cùng một loại tàn bạo của cảnh sát. Tại Hán Thành, những người biểu tình là sinh viên, tại Sài Gòn những người biểu tình là Phật tử, và phong trào chống đối của Phật giáo đang mở màn cho một niềm căm phẫn toàn diện chống lại một chế độ độc tài áp bức.*

Ở Đại Hàn, phong trào chống đối do sinh viên lãnh đạo lúc đầu và cuối cùng đã trở thành một nhu cầu quốc gia bất khả kháng, có quân đội tham gia và kết quả là Lý Thừa Vãn đã phải ra đi. Có lẽ khác với Lý Thừa Vãn, ông Diệm có thể vượt qua cơn sóng gió, nhưng cách giải quyết vấn đề của ông bằng lối đàn áp hơn là làm dịu nỗi đau khổ của Phật Giáo đồ khiến gnười ta phải nghi ngờ không biết ông có vượt qua được không? " (Nữu Ước Thời Báo số 19/7/1963)

Báo chí đã làm xúc động mãnh liệt dư luận trong chính giới Hoa Kỳ. Ngày 18/7/1963, Thượng Nghị sĩ Wayne L. Morse của tiểu bang Oregon nói rằng ông sẽ "không đồng ý cho một đô la nào nữa để viện trợ ủng hộ cho chế độ độc ác tàn bạo của Chính phủ Ngô Đình Diệm".

Đứng trước một dư luận của toàn dân quyết liệt như vậy, Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã minh định thái độ.

Chính sách của Hoa Kỳ và của Pháp đối với vấn đề Phật giáo.

Pháp và Hoa Kỳ đã có hai chính sách khác biệt đối với vấn đề Phật giáo tại Việt Nam. Sau thất bại Điện Biên Phủ, Pháp đã mất hết

ảnh hưởng đối với Chính phủ miền Nam và Mỹ đã thay thế Pháp viện trợ trực tiếp cho chính phủ Ngô Đình Diệm về phương diện kinh tế và quân sự. Do đó, chính phủ Pháp, do Tổng thống De Gaulle lãnh đạo, vẫn có mặc cảm đối với chính phủ Hoa Kỳ và theo đuổi một đường lối chính trị biệt lập về vấn đề Việt Nam nói chung, và đặc biệt trong giai đoạn khó khăn 1963 khi phải giải quyết vấn đề đàn áp Phật giáo nói riêng.

A- Chánh sách của Hoa Kỳ

Lẽ dĩ nhiên, vì Hoa Kỳ đã thay thế Pháp để công khai viện trợ cho Chính phủ Ngô Đình Diệm từ Hiệp định Genève 20/7/1954, nên Hoa Kỳ không thể không quan tâm đến chính sách đàn áp Phật giáo đang xô đẩy Chính quyền miền Nam vào một giai đoạn vô cùng nguy hiểm.

Như đã chép trên đây, trong tháng 6 và tháng 7 năm 1963, chính phủ Hoa Kỳ đã chỉ thị cho ông Trueheart, Đại lý Tòa Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, trong khi Đại sứ Nolting về nghỉ phép, đến khuyến cáo Tổng thống Diệm phải có những biện pháp ôn hòa để thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của Phật giáo, nhưng tất cả các cố gắng của Chính phủ Hoa Kỳ đều vô hiệu.

"*Tại Sài Gòn, Trueheart ngày càng thất vọng với chính phủ Diệm. Nếu ông Diệm có hứa điều gì, thì ngay ngày hôm sau, trên mặt tờ Thời Báo Việt Nam (Times of Vietnam), một tờ báo viết bàng Anh văn tại Sài Gòn và do vợ chồng ông Ngô Đình Nhu chi phối, liền có bài phủ nhận ngay điều đó. Điều tệ hơn nữa là các lời tiên đoán đen tối của Thời Báo Việt Nam, sau một thời gian, phản ảnh đường lối chính trị của chính phủ đúng hơn là các lời hứa hẹn chính thức của ông Diệm. Trong khi ông Diệm hứa hẹn một điều gì với người Mỹ, thì sau khi bàn với gia đình, ông lại bị em ruột và em dâu xúi đẩy và đổi thái độ thành cứng rắn* "(14)

Tại Hoa Thịnh Đốn, Tổng thống J.F. Kennedy bàn luận với các cố vấn xem có thể nào tách rời vợ chồng ông Ngô Đình Nhu ra khỏi chính quyền không, nhưng mọi người đều thấy không thể nào thực hiện được điều này.

Trên đây cũng đã chép rằng Đại sứ Hoa Kỳ F.Nolting thì có một chính sách ủng hộ triệt để ông Diệm và tìm mọi cách để che đậy những sai lầm của ông Nhu và ông Diệm, không cho chính phủ và báo chí Hoa Kỳ biết.

Khi Tổng thống Hoa Kỳ J.F.Kennedy quyết định thay thế Đại

sứ Nolting bằng ông Cabot Lodge, một chính khách nổi danh của Hoa Kỳ, chính phủ Ngô Đình Diệm đã tỏ ra rất lo âu về sự bổ nhiệm này vì nó chứng tỏ hiển nhiên sự thay đổi đường lối của Hoa Kỳ. Vì lo âu về sự bổ nhiệm tân Đại sứ Cabot Lodge, bà Nhu đã lên tiếng chỉ trích sự bổ nhiệm này, mặc dầu không gữi địa vị gì chính thức trong chính phủ. Nữ Ký giả Marguerite Higgins của tờ Nữu Ước Thời Báo đã phỏng vấn Tổng thống Diệm về vấn đề này.

"Hỏi: Bà Nhu đã công kích vị Đại sứ Hoa Kỳ sắp sang Việt Nam là ông Henry Cabot Lodge. Kính xin Tổng thống cho biết quan điểm của Chính phủ Việt Nam về ý kiến của bà Nhu thế nào?

Trả lời: Tôi không bao giờ nghe thấy ai chỉ trích việc Chính phủ Việt Nam chấp thuận việc bổ nhiệm ông Henry Cabot Lodge làm Đại sứ tại Việt Nam. Tất cả chúng tôi, và bà Ngô Đình Nhu trước tiên, coi việc bổ nhiệm đó làm cho Việt Nam rất hài lòng".

Cuộc phỏng vấn này được tất cả các báo chí đăng tải, tuy nhiên người ta nhận thấy rõ ràng sự bối rối trong câu giải đáp khi Tổng thống.Diệm trả lời:"Tất cả chúng tôi, và bà Ngô Đình Nhu trước tiên, rất thỏa mãn về việc bổ nhiệm này". Tại sao lại thêm: "và bà Ngô Đình Nhu trước tiên?" nếu không phải là để gỡ tội cho bà Nhu hay thú tội cho sự bất lực của một chế độ suy vong trước sự đàn áp của một người đàn bà?

Khi nhận sự bổ nhiệm này, Cabot Lodge đã nhận cả một sự thách thức trên đường chính trị. Cabot Lodge không thể nhận làm Đại sứ Việt Nam để chứng khiến chính sách đàn áp Phật giáo của Tổng thống Diệm.

Hơn thế nữa, cuộc tấn công chùa chiền tại Việt Nam vào đêm 20/8/1963, trước khi Cabot Lodge đến Sài Gòn, đã làm rõ ý đồ của anh em ông Diệm muốn đặt vị tân Đại sứ Hoa Kỳ trước sự đã rồi, đồng thời, đó cũng là một đòn phủ đầu của gia đình họ Ngô.

Nhưng ngay ngày 21/8/1963, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã phổ biến lời tuyên ngôn phản kháng chính sách đàn áp Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm:

"*Căn cứ vào các tin loan đi từ Sài Gòn, rõ ràng Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã có những biện pháp đàn áp nghiêm khắc các lãnh tụ Phật giáo Việt Nam. Hành động này là một sự vi phạm trực tiếp của Chính phủ Việt Nam vào lời cam đoan theo đuổi một chính sách hòa giải với Phật Giáo đồ. Hoa Kỳ phiền trách các hành động đàn áp loại này*." (Text of Statement issued by Department of State, Washington, on August 21: "On the basis of information from

Saigon, it appears that the Government of the Republic of Vietnam has instituted serious repressive measures against Vietnamese Buddhist leaders. The action represents a direct violation by the Vietnamese Government of assurances that it was pursuing a policy of reconciliation with the Buddhists. The United States deplores repressive action of this nature.)

B – Chính sách của Pháp đối với vấn đề Phật giáo

Sau khi thua trận Điện Biên Phủ, Pháp đã mất hết ảnh hưởng chính trị đối với Chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ này đã từ chối không gia nhập cả khối Liên Hiệp Pháp do Chính phủ Pháp thành lập với ước mong chi phối các thuộc địa cũ của Pháp tại hai châu Á Phi. Ai cũng biết rằng tướng Navarre đã từng tuyên bố rằng trận Điện Biên Phủ có mục đích bảo vệ Lào khỏi bị xâm lấn bởi quân đội Cộng Sản, vì Lào đã gia nhập khối Liên Hiệp Pháp.

Thua trận Điện Biên Phủ, Pháp đã bị Mỹ thay thế tại Việt Nam. Tổng thống Pháp De Gaulle rất bất mãn vì những biến cố chính trị nầy đã làm giảm uy tín của Pháp trên bán đảo Đông Dương, do đó trong khi vừa vẫn phải ve vãn Chính phủ Ngô Đình Diệm vì còn nhiều quyền lợi của Pháp tại Việt Nam trên phương điện kinh tế và văn hóa, De Gaulle vừa vẫn tìm một đường lối chính trị khác biệt với chính sách của Mỹ.

Đầu năm 1963, một phái đoàn dân biểu do Chủ tịch Quốc Hội là ông Trương Vĩnh Lễ viếng thăm nước Pháp. Trong cuộc hội kiến với De Gaulle, Tổng thống Pháp tỏ ra rất niềm nở, và một chương trình hợp tác kinh tế và văn hóa đã được Tổng thống Pháp hứa hẹn.

Vào tháng 8 năm 1963, trước các biến cố nghiêm trọng xảy ra tại Việt Nam với vụ tấn công chùa chiền, Tổng thống Pháp De Gaulle đã tuyên bố, sau buổi họp Hội đồng Nội Các ngày 28/8/1963, như sau: "Nước Pháp ước mong Việt Nam được độc lập trên phương diện đối ngoại, và thực hiện được hòa bình và thống nhất trên phương diện đối nội." (Indépendance vis-à-vis de l'extérieur, paix et unité de l'intérieur)

"Tất cả các nỗ lực nào của Việt Nam mà thực hiện để đạt cứu cánh kể trên thì sẽ được nước Pháp sẵn sàng tổ chức một sự hợp tác thân thiện." (Tout effort national qui serait entrepris au Vietnam à cette fin, trouverait la France prête à organiser avec ce pays une cordiale coopération.)

Trong lời tuyên bố của tướng De Gaulle, không có một lời nào

chỉ trích chính sách kỳ thị Phật giáo của Chính phủ Ngô Đình Diệm nói chung, và vụ tấn công chùa chiền xảy ra một tuần lễ trước nói riêng.

Phải chăng De Gaulle, trong những lời bóng gió này, đã muốn đưa một cây sào cho gia đình họ Ngô trong khi bị chính phủ Mỹ bỏ rơi và ngụp lặn trước các khó khăn vô hạn do sự đàn áp Phật giáo gây ra.

Sự thật, những lời hứa hẹn viễn vông của tướng De Gaulle cũng không thể nào giúp ích được gì cho chính phủ Ngô Đình Diệm mà những ngày tàn đã trông thấy rõ.

Các tin đảo chính được tiếp nối loan đồn từ Sài Gòn, nhiều khi do chính Ngô Đình Nhu tạo ra, để đe dọa phe đối lập.

Và đến ngày 1/11/1963, sự mong đợi của quốc dân đã thành sự thật: Một cuộc cách mạng do các tướng lãnh cầm đầu đã lật đổ Ngô Đình Diệm, chấm dứt vĩnh viễn một chế độ độc tài trong lịch sử nước ta.

CƯỚC CHÚ:

(1) *The new Face of Buddha* – Jerrold Schecter
(2) Báo Observatore Romana ngày 4/8/63
(3) Báo Observatore Romana ngày 30/8/63
(4) Lá thư nầy đã được cơ quan ngôn luận của Tòa thánh Vatican trong số ra ngày 20/9 và nguyên văn được công bố trong tập La Documentation Catholique 1963, cột 1375
(5) *Catholiques et Bouddhistes au Vietnam* – Piero Gheldo, Alsatia Cohnar, France 1970, trang 242
(6) Các tài liệu nầy do Tổng Nha Thông tin soạn theo chỉ thị của Ngô Đình Nhu
(7) *Cuốn sổ tay của một nhân viên Ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi* – Phạm Trọng Nhân, Bách Khoa số ra ngày 15/1/64, trang 31
(8) Giữa Cao Miên và Việt Nam không có trao đổi liên hệ ngoại giao thời Đệ nhất Cọng hòa, vì vậy mỗi nước chỉ đặt tại nước kia một Đại diện Chính phủ (Représentant du Gouvernement) nhưng được hưởng quy chế ngoại giao
(9) *Cuốn sổ tay ...* – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn
(10) Báo Ceylan Daily News ngày 17, 21 và 23/5/63. Báo The Obscryer ngày 16, 19 và 23/5/63. Báo The Time of Ceylan

ngày 15 và 23/5/63. Các hội Phật học All Ceylan Buddhist Congress, Central Bank Buddhist Association, Ceylan Institute Siinhala Buddha Dula, Baha Daksha

(11) *Cuốn sổ tay ...* – Phạm Trọng Nhân, thượng dẫn

(12) Bản Quyết nghị nầy đã được phân tích trong Chương IV, Tiết 4, Đoạn IV: Trên đường Hành hương

(13) Phật giáo là quốc giáo tại Thái Lan

(14) *The Best and the Brightest* – David Halberstam, Random House, New York, 1972, trang 259

SỨC MẠNH BẤT BẠO ĐỘNG NHÌN TỪ NGỌN LỬA THÍCH QUẢNG ĐỨC

Lê Cung



Dấu ấn của phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 trong dòng lịch sử dân tộc nói chung cũng như Phật giáo Việt Nam nói riêng có thể lý giải bằng nhiều lập luận khác nhau, song điều quán xuyến, xuyên suốt và cốt lõi là ở chỗ phong trào đã vận dụng tối đa phương pháp bất bạo động trong suốt quá trình đấu tranh chống chế độ bạo trị Ngô Đình Diệm - "một chế độ mà kẻ thù của nhân dân đinh ninh rằng không một lực lượng nào dưới quyền thống trị của chúng dám đả động đến" (1) - trong đó nổi bật nhất chính là ngọn lửa Thích Quảng Đức được thắp lên giữa đường phố Sài Gòn ngày 11-6-1963. Bài viết này góp phần tìm hiểu giá trị đích thực của "Sức mạnh bất bạo động nhìn từ ngọn lửa Thích Quảng Đức".

Trước hết, tưởng cũng nên có một vài nét "chấm phá" về nguồn gốc của phương pháp bất bạo động. Trong rất nhiều loại kinh sách của Phật Tổ để lại cũng như các trước tác về sau của các môn đồ, tuy ở những mức độ khác nhau, nhưng ít nhiều đều ẩn chứa tư tưởng bất bạo động. Câu chuyện Phật độ chàng Vô Não viết: "Tại Xá Vệ có chàng Vô Não, sau khi cuồng tín theo tà giáo, trở thành một kẻ sát nhân gây khủng khiếp cho dân bản xứ. Thầy của chàng bảo tìm giết một trăm người cắt ngón tay mang vào cổ đem về ông ta sẽ truyền phép mầu nhiệm cho. Theo lời thầy dạy, chàng đến rình một nơi hẻo lánh hoặc ở mé rừng, hễ ai đi lẻ loi đều bị chàng giết chết. Chàng đã giết được chín mươi chín, còn thiếu một người nữa để giết thì gặp mẹ chàng đi tới. Chàng xông xáo chạy tới để giết thì thình lình Đức Phật ở đâu hiện tới, chàng liền đổi ý chạy theo Phật Tổ để hạ sát. Chàng

chạy như tên bay mà không kịp. Tức mình, chàng kêu to: "Kìa ông Sa môn! Sao ông không dừng chân lại?". Đức Phật đáp: "Này Vô Não, Như Lai dừng bước đã lâu rồi, chỉ có ngươi chưa chịu dừng bước đó thôi". Vô Não hỏi lại: "Ông nói ông đã dừng bước sao tôi chạy theo mãi không kịp. Ông là người nói dối". Phật đáp: "Như Lai đã dừng bước trên con đường tội lỗi, Như Lai đã trút bỏ gươm giáo từ lâu rồi". Vừa nghe được bấy nhiêu lời, Vô Não chợt tỉnh mộng điên cuồng hối ngộ, liệng dao quỳ lạy trước Phật, xin Phật ra tay tế độ" (2).

Pháp bảo nhà Phật đề cập đến tinh thần bất bạo động một cách hàm súc như câu chuyện dẫn ra trên đây. Chính đó là biểu tượng chân thật của giáo lý nhà Phật giữa môt thế gian chứa đựng đầy dẫy những áp bức, bất công, những kỳ thị đẳng cấp, chủng tộc,… Lý thuyết bất bạo động của Phật giáo xuất phát từ tinh thần đại từ bi, cứu khổ cứu nạn, nhằm hóa giải chúng sanh thoát khỏi cảnh khổ đau (sanh, lão, bệnh, tử,…) để đi đến Niết bàn. Vì vậy, Phật giáo chủ trương một tình yêu phổ quát, một lòng thương vô bờ bến đối với mọi chúng sinh. Lời Phật giáo dạy: "Lòng từ bi đem lại cho chúng sinh tất cả mọi sự yên ổn cả về tinh thần lẫn vật chất" (Kinh Đại Bảo Tích).

Cần phải hiểu thêm rằng khái niệm "bất bạo động" được dịch từ Phạn ngữ *Ahimsã* chưa diễn tả đầy đủ nội dung của nguyên ngữ, vì Ahimsã không phải chỉ là bất bạo động mà còn có nghĩa là không làm hại đến bất cứ một sinh vật nào - kể cả kẻ thù - từ trong ý thức cho đến lời nói và hành động. Ahimsã không phải mang tính chất tiêu cực, thụ động (non-violence hay passive resistance) mà phải được hiểu là nắm lấy chân lý mà hành động (satyagraha). Bất bạo động (Ahimsã) theo đúng nghĩa của nó đòi hỏi phải thể hiện trọn vẹn một tình yêu tuyệt đối, phải nắm phần chủ động trong việc thể hiện thiện cảm của mình đối với chúng sinh. Cùng với yêu thương chúng sinh, kể cả kẻ thù, còn phải tôn trọng ý kiến kẻ khác trong mọi lãnh vực, dù ý kiến ấy đối nghịch với ý kiến của mình. Tiêu chuẩn chính xác của phương pháp bất bạo động là gạt bỏ ý thức tị hiềm, thủ tiêu tuyệt đối và hoàn toàn mọi ác căn. Trong mọi hoạt động, tuy không dùng đến bạo lực, nhưng bất bạo động không có nghĩa chạy trốn trách nhiệm đấu tranh. Gandhi đã từng tuyên bố: "*Chủ nghĩa bất bạo động của tôi không chấp nhận chạy trốn nguy hiểm, để mặc cho những người thân yêu không được bảo vệ. Giữa bạo động và chạy trốn một cách hèn nhát, tôi chỉ chọn lấy bạo động*" (3). Hơn thế nữa, người bất bạo động phải biết chọn đúng lúc để dấn thân vào cuộc đấu tranh với tất cả quyết tâm và lòng tự nguyện, tự giác, hỷ xả; phải thản nhiên đưa

chính bản thân mình ra đón lấy mọi sự tấn công, ngược đãi.

Bất bạo động chủ trương lấy tình thương vô biên xóa bỏ hận thù nên không đánh trước và cũng không đánh lại kẻ đã đánh mình. Bất bạo động là tự đem chính bản thân làm gương mẫu mà giác ngộ kẻ đã tự cho là thù địch với mình để cho kẻ ấy tự ý từ bỏ moi tư tưởng và hành động bạo động. Như vậy, phương pháp bất bạo động đòi hỏi một tinh thần vững mạnh và lòng can đảm vô biên, vì người bất bạo động tất nhiên thừa biết rằng mình có thể đánh lại đối phương, nhưng sở dĩ không đánh lại không phải là vì sợ bạo lực mà chính là tinh thần "tự giác giác tha".

Tuân thủ những nội dung trên đây của lý thuyết bất bạo động, phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963 ngay từ đầu đã khẳng định phương phap đấu tranh là bất bạo động. Tuy nhiên, trong ý định ban đầu của giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam, bất bạo động(4) bằng hình thức tự thiêu vẫn chưa được đặt ra, mặc dầu trong những cuộc tuyệt thực đầu tiên của Tăng Ni trên toàn miền Nam vào cuối tháng 5, đầu tháng 6-1963, giới lãnh đạo đã dự tính rằng: "Nếu kéo dài các cuộc rước linh và tuyệt thực một cách nhàm chán thì phong trào tự nó cũng bị xẹp vì thiếu những hình thức mới mẻ, gây xúc động mạnh nuôi dưỡng" (5). Song hình thức mới mẻ là gì vẫn chưa được tìm ra, ngay cả khi giới lãnh đạo Phật giáo nhận được bức tâm thư đề ngày 27-5-1963 của Hòa thượng Thích Quảng Đức với nội dung xin tự thiêu để bảo vệ Phật pháp, họ vẫn không chấp thuận. Trên thực tế, giới lãnh dạo Phật giáo còn "thật lúng túng, cũng không biết tự thiêu như thế nào!" (6).

Mặc dầu không được chấp nhận, ý nguyện tự thiêu của Thích Quảng Đức vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng. Ngài lưu lại chùa Ấn Quang trì tụng kinh Pháp Hoa và mong muốn đạt được ý nguyện. Tới ngày 9-6-1963, sau những lần thương lượng giữa Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo và Ủy ban Liên bộ (của chính quyền Ngô Đình Diệm) không đem lại kết quả, trái lại chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn gia tăng các hoạt động đàn áp khủng bố, giới lãnh đạo Phật giáo bị bắt buộc phải chấp nhận ý nguyện tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Và "khi được thông báo tin này, Hòa thượng Thích Quảng Đức hết sức mừng rỡ, hình tướng của Ngài toát lên một sức hấp dẫn khó tả, trông như một vị Bồ tát hóa thân ở cõi Ta bà này" (7).

Ngày 11-6-1963, tại ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt(8) (Sài Gòn), Hòa thượng Thích Quảng Đức đã anh dũng tự thiêu trước sự chứng kiến của hàng chục vạn Tăng Ni, Phật tử cùng

những quan sát viên, báo chí quốc tế. Chính quyền Ngô Đình Diệm điều động lực lượng đến để hòng phá tan cuộc tự thiêu, nhưng bị thất bại vì Tăng Ni, Phật tử đã kiên quyết bảo vệ bằng cách vây quanh nhà sư nhiều vòng. Có người nằm lăn trước xe cứu hỏa, xe cảnh sát không cho can thiệp. "Cuộc hy sinh phi thường và dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, hình ảnh cụ ngồi thẳng như tượng đá trong ngọn lửa rực hồng đã nhanh như một làn sóng điện làm sôi nổi dư luận trong cả nước Việt Nam và trên thế giới. Ảnh của vị Hòa thượng Việt Nam Thích Quảng Đức ngồi trong ngọn lửa được đăng trên hầu hết các báo khắp năm châu, với những dòng chữ nói lên sự khâm phục" (9).

Chiều ngày 11-6-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh phong tỏa các chùa, nhất là chùa Xá Lợi, nơi đang đặt thi hài của Thích Quảng Đức. Khắp các nẻo đường dẫn về chùa Xá Lợi, cảnh sát được huy động để ngăn chặn đã bị làn sóng người tràn ngập. Buổi tối cùng ngày, qua đài phát thanh, Ngô Đình Diệm đọc thông điệp lên án vụ tự thiêu của Thích Quảng Đức là do "một số người bị đầu độc gây án mạng" và "kêu gọi đồng bào hãy bình tĩnh nhận định tình thế". Lời lẽ trong thông điệp bộc lộ bản chất độc tài của Diệm, khi y tuyên bố: "Sau lưng Phật giáo trong nước còn có Hiến pháp, nghĩa là có tôi" (10).

Từ phong tỏa đến thông điệp, đủ mọi biện pháp, song chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn không thể nào đẩy lùi được phong trào. Ngược lại, với cái chết cao cả của Thích Quảng Đức, "uy thế của Mỹ - Diệm bị một cú đánh tinh thần mạnh như trời giáng" (11), có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy cuộc vận động của Phật giáo Việt Nam tiến mạnh, tiến nhanh hơn. Trên thực tế, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tạo ra một bước ngoặt hết sức quan trọng. Nó chuyển phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 sang một thế mới, trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế.

Ở trong nước, "cái chết vô úy của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng" (12). Nó được xem như là một lời kêu gọi khẩn thiết đối với tất cả những ai có lương tri hãy đứng lên đấu tranh chống lại chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Ngày 12-6-1963, giới lãnh đạo cao cấp của Phật giáo từ Huế vào Sài Gòn trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh tại đây.

Cũng trong ngày này, tại vùng giải phóng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã long trọng tổ

chức lễ truy điệu Hòa thượng Thích Quảng Đức. Xã luận báo Nhân Dân số ra ngày 13-6-1963 viết: "Gương hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một sự tố cáo, lên án trước dư luận toàn thế giới chế độ độc tài cực kỳ tàn bạo của bọn Mỹ - Diệm. Chế độ ấy phải bị đánh đổ. Mười bốn triệu đồng bào miền Nam quyết đánh đổ chế độ ấy" (13). Báo chí miền Bắc đăng tin chi tiết và hình ảnh về vụ tự thiêu và cho đây là "sự hy sinh gan dạ của Hòa thượng Thích Quảng Đức để chống chính sách của tập đoàn Ngô Đình Diệm đàn áp tự do tín ngưỡng" (14).

Trước phong trào đang dâng cao, giới lãnh đạo Phật giáo dự định trong dịp đưa tang Hòa thượng Thích Quảng Đức vào ngày 16-6-1963 sẽ tổ chức một cuộc biểu tình lớn để phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu giải quyết năm nguyện vọng đã đề ra. Lo sợ một cuộc bùng nổ lớn, chính quyền Ngô Đình Diệm cấp tốc mở cuộc điều đình với giới lãnh đạo Phật giáo. Phiên họp đầu tiên diễn ra vào ngày 14-6-1963. Sau năm phiên họp, một *Thông cáo chung* được ký kết vào lúc 2 giờ sáng ngày 16-6-1963. Nội dung Thông cáo chung về cơ bản "thỏa mãn" được năm nguyện vọng mà giới lãnh đạo Phật giáo đã đề ra trong bản *Tuyên ngôn* ngày 10-5-1963. Và để tránh một cuộc nổi dậy của quần chúng, chính quyền Ngô Đình Diệm ra lệnh loan truyền bản Thông cáo chung ngay sau khi vừa được ký kết bằng xe phóng thanh của Bộ Thông tin. Điện tín đánh đi các tỉnh về nội dung Thông cáo chung. Đài Phát thanh Sài Gòn loan tin ngay khi trời chưa sáng.

Về phía Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam, ngày 16-6-1963, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, cai quản Giáo khu Sài Gòn đã chính thức lên tiếng trong một bức thư luân lưu, rằng: "Giáo hội Thiên Chúa giáo Việt Nam hoàn toàn đứng ngoài cuộc tranh chấp mặc dù vai trò chủ động gây ra cuộc tranh chấp là tín đồ Thiên Chúa giáo" (15). Trong một bức thư luân lưu thứ hai gửi cho hàng giáo sĩ và giáo dân trước lúc lên đường đi Roma tham dự Công đồng Vatican II, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình nhấn mạnh: "Giáo hội không những không gây nên một biến cố mà còn đau đớn vì những tai họa đã và còn là ác quá của biến cố" (16).

Sáng ngày 16-6-1963, mặc dầu có lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo yêu cầu Tăng Ni và Phật tử ở nhà, vì năm nguyện vọng đã "đạt được" và đám tang của Thích Quảng Đức được hoãn lại, nhưng nhân dân Sài Gòn được ngọn lửa Thích Quảng Đức tiếp sức đã đổ ra đường phố kéo về chùa Xá Lợi nơi đặt thi hài của Thích Quảng Đức.

Cuộc xô xát giữa quần chúng và lực lượng cảnh sát đặc biệt xảy ra ở ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan Thanh Giản. Thanh niên, sinh viên học sinh, phụ nữ đã hăng hái chiến đấu hàng mấy giờ đồng hồ. "Quần chúng hòa vào nhau như những giọt nước trong đại dương và trong tình yêu người ta tự thấy mình lớn lên và không còn sợ hãi nữa" (17). "Đây là cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt nhất ở Sài Gòn trong mấy năm nay. Nó đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm, đẩy chúng vào tình thế bị cô lập hơn bao giờ hết" (18).

Đối với thế giới, cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức đã làm cho cả thế giới kinh ngạc và hết sức khâm phục. Đây là "một hành động tiêu biểu vĩ đại. Nó không chỉ chống lại Diệm, để chỉ sự hiện hữu của Phật giáo và được để ý tới, mà nó còn có ý nghĩa chống lại sự bất công, bất chính của toàn thế giới… Với một hành động lặng thinh, không nói một lời, một vị Hòa thượng Việt Nam đã nêu một tấm gương sáng rùng rợn, một kháng nghị cao đẹp, lộng lẫy, chống lại mọi xấu xa đê hèn của loài quỷ sứ đang còn tồn tại trong thế giới ngày nay" (19).

Về dư luận rộng rãi của thế giới trước việc Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, chúng ta có thể hình dung qua nguồn tư liệu mà Malcoln W. Brown đã cung cấp trong *The New Face of War*: "Vụ Phật giáo năm 1963 đã làm chấn động các quốc gia ngoài châu Á kể từ khi xảy ra vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức: Hoa Kỳ, Pháp, Anh, Thụy Sĩ, Bỉ, Úc, Đức… Tấm hình tự thiêu của Hòa thượng đã được phổ biến khắp thế giới, từ trên bàn giấy của Tổng thống Hoa Kỳ tới văn phòng các lãnh tụ Trung Cộng và chính nước cộng sản này đã cho in ra hàng triệu tấm hình ấy để phân phát đi khắp Á Phi với lời ghi chú: "Một Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam tự thiêu trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ - Diệm" (20). Ở đây, xin được nêu một số tư liệu cụ thể:

Ở Mỹ, ngọn lửa Thích Quảng Đức đã gây nên một chấn động mạnh, đặc biệt làm cho dư luận Mỹ quay sang chống Ngô Đình Diệm và gia đình y. Tại Washington D.C., ngày 12-6-1963, nhân dân Mỹ đã đón nghe một cách xúc động tin tức về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hơn hai tuần sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, ngày 30-6-1963, trong một bài giảng tại nhà thờ ở New York, Mục sư Donalds Harrington đã xem cái chết của Thích Quảng Đức giống như cái chết của Chúa Giê-su, Michel Servetus, Jeanne d'Arc. Ông cho rằng hành động mổ bụng của người Nhật cũng không

thể nào so sánh với sự tự thiêu của Hoà thượng Thích Quảng Đức, tuy rằng gan dạ như nhau, bởi vì "sự tự thiêu của Ngài đã cứu vớt bao nhiêu sinh linh đang chìm đắm trong khổ hận, kẻ đàn áp cũng như kẻ bị đàn áp đều bừng tỉnh. Ngài đã tô đậm nét vàng son trên trang sử huy hoàng của Phật giáo và dân tộc" (21).

Tờ *New York Herald Tribune* (21-7-1963) cho rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức sẽ thổi bùng lên một đám cháy lớn thiêu rụi chế độ Ngô Đình Diệm, rằng "Hòa thượng Thích Quảng Đức, một tu sĩ đã biến tấm áo cà sa vàng của mình thành một giàn hỏa thiêu… Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam đang làm một công việc rất hay là ông đang tự đốt hết nền tảng của chế độ ông". Bởi theo quan điểm của báo này thì "sự cấm đoán tự do tín ngưỡng là một tội không thể tha thứ được" (22). Tờ *San Francisco Chinese World* đưa ra lập trường quyết liệt hơn: "Đã đến lúc chính quyền Hoa Kỳ phải từ giã ông Ngô Đình Diệm. The Chinese World khẩn thành kêu gọi tất cả mọi người Mỹ lên án ông Diệm, một kẻ độc tài của Sài Gòn" (23). Thượng nghị sĩ Wayne L. Morse, bang Oregon, thì nói rằng "ông sẽ không đồng ý cho một đôla nào nữa để ủng hộ một chế độ độc ác tàn bạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm tại miền Nam Việt Nam" (24).

Ở Nhật Bản, từ sau ngày Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, các nhà báo đã dành những vị trí trang trọng đăng tin và ảnh, như tờ *Asahi Evening News* ngày 12-6 đã đăng 3 bức ảnh lớn chiếm gần một phần tư trang nhất và các báo khác cũng đều đăng tin tỉ mỉ rõ ràng về vụ này" (25). Ngày 19-6-1963, Ủy ban Tôn giáo Bảo vệ Hòa bình và Hội Phật giáo Nhật Bản đã tổ chức cuộc mít-tinh phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp tín đồ Phật giáo miền Nam Việt Nam. Cuộc mít tinh đã mặc niệm Hòa thượng Thích Quảng Đức và những người bị chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại tại Huế, Sài Gòn và kịch liệt lên án tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 20-6-1963, các tín đồ Phật giáo Nhật Bản do Hòa thượng Mibu Sohigun dẫn đầu đến sứ quán "Việt Nam Cộng hòa" ở Tokyo trao bản tuyên bố nói trên cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Theo Công văn mật số 27-VP/DK ngày 21-6-1963 của Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Nhật Bản gửi Bộ trưởng Phủ Tổng thống thì "vấn đề tranh chấp giữa Phật giáo và chính phủ đã gây ra một luồng dư luận sôi nổi ở Phật giáo Nhật" (26).

Ngày 23-6-1963, sau lễ cầu siêu cho Tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam tử vì đạo, toàn thể Tăng, tín đồ của phái Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản cùng một lúc đã đánh ba điện văn. Điện văn gửi giới

lãnh đạo Phật giáo miền Nam Việt Nam viết: "Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây là một việc làm đáng buồn và cũng là môt triệu chứng bất tường. Nhân danh Tổng hội Phật giáo Chân Tông Nhật bản, chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng tôn kính và ai điếu đối với việc vì đạo thiêu thân của cố Hòa thượng Thích Quảng Đức. Chúng tôi xin gửi đến quý Ngài lòng nhiệt thành ủng hộ cuộc hộ Pháp của toàn thể Phật giáo đồ Việt Nam trong lúc "Pháp nạn" này". Điện văn gửi Ngô Đình Diệm viết: "Sự kiện đàn áp sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam gần đây thật là một việc làm bất tường chưa từng có trong lịch sử. Toàn thể Tăng Ni và tín đồ của Tổng hội Chân Tông chúng tôi rất xúc động và phẫn uất khi nhận được tin này". Điện văn gửi Giáo hoàng Paul VI viết: "Trước mắt chúng tôi, việc khủng bố và sát hại Phật giáo đồ tại Việt Nam là một việc xúc phạm đến tự do tín ngưỡng, quyền căn bản của con người. Nhất là việc ấy phát sinh bởi một chính sách hà khắc tôn giáo của một chính phủ".

"Chúng tôi hy vọng Ngài sẽ vì danh dự của Hội Thánh Thiên Chúa tìm cách can thiệp với ông Ngô Đình Diệm, Tổng Giám mục Giáo khu Huế để việc bất công trên khỏi tái diễn" (27).

Trong lúc tình hình quốc tế không có lợi cho phía chính quyền Ngô Đình Diệm thì, trong nước, phong trào Phật giáo được phục hồi trở lại do chính quyền Ngô Đình Diệm vi phạm Thông cáo chung. Nhân lễ chung thất của Hòa thượng Thích Quảng Đức (30-7-1963), giới lãnh đạo Phật giáo đã ra Thông bạch vạch rõ thực trạng của xã hội miền Nam dưới chế độ Ngô Đình Diệm: "Sự suy sụp của nền đạo đức dân tộc… nền đạo giáo vẫn bị hăm dọa, quốc gia lâm vào tình trạng chia rẽ đổ nát, người làm kẻ hưởng, nỗi bất bình oan khúc không sao kể xiết" (28) và kêu gọi mọi tầng lớp đồng bào hãy đình công bãi thị để phản đối thái độ ngoan cố độc ác của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Hưởng ứng lời kêu gọi của giới lãnh đạo Phật giáo, khắp nơi trên toàn miền Nam, trước hết là các thành phố, thị xã, thị trấn, Tăng Ni, Phật tử hăng hái tham gia hành lễ, đình công, bãi thị, bất chấp sự ngăn cản của chính quyền Ngô Đình Diệm. Tại Sài Gòn, từ 5 giờ sang, đồng bào đã tấp nập đổ về chùa Xá Lợi, "ngoài thanh niên ra, hầu hết những người đến dự đều là đàn bà. Họ trẻ, khá hấp dẫn và duyên dáng trong bộ áo dài và quần trắng, hoặc cả bà già nhăn nheo, răng nhuộm đen vì ăn trầu. Tất cả đều đính băng nhỏ màu vàng ở ngực, một biểu tượng thương tiếc Hòa thượng Thích Quảng Đức" (29). Tất cả biểu lộ ý chí và quyết tâm tranh đấu của mình. Sau buổi

lễ, giới lãnh đạo Phật giáo cho ra đời một bản tuyên ngôn tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu thi hành Thông cáo chung và khẳng định lại một lần nữa quyết tâm của mình nhằm đưa cuộc đấu tranh đến thành công: "Phật giáo đồ Việt Nam quyết tâm không lìa bỏ tinh thần thuần tuý tôn giáo bằng cách áp dụng nghiêm chỉnh phương pháp bất bạo động để đưa phong trào đến chỗ thành công" (30).

Tại Huế, ngày 29-7-1963, chính quyền Ngô Đình Diệm cho phổ biến trên đài phát thanh lệnh cấm quần chúng không được tham gia ngày chung thất của Thích Quảng Đức. Tuy nhiên, Huế vẫn là nơi sôi động. Ngày hôm đó, một cuộc biểu tình rước di ảnh của Thích Quảng Đức có tới 15.000 người tham gia, từ chùa Từ Đàm đến chùa Diệu Đế, thanh tịnh và ngang nhiên đi qua trung tâm thành phố. Đoàn biểu tình đã diễu hành trên một đoạn đường mấy cây số, hai bên đường có hương án, dân chúng quỳ lạy, chiêm ngưỡng sự hy sinh cao cả của Thích Quảng Đức, sôi sục khí thế đấu tranh (31).

Cùng với sự phản đối mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế và dư luận Mỹ lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, phong trào Phật giáo ngày càng lên cao ở miền Nam Việt Nam đã dội mạnh vào Nhà Trắng. Trong một cuộc tiếp xúc với Ngô Đình Diệm, Truheart - Đại diên phía Mỹ đã chỉ ra rằng: "Chính quyền Kennedy không ưa rối ren" (32). Dean Rusk, Ngoại trưởng Mỹ, trong cuộc họp báo ngày 16-6-1963, cho rằng Mỹ "không sung sướng gì trước những sự việc xảy ra ở miền Nam", rằng Mỹ "rất buồn phiên về những sự chia rẽ đang xảy ra ở miền Nam" (33). Tờ *New York Times* (19-7-1963) dẫn lời Tổng thống Kennedy: "Sự động chạm giữa Tổng thống Ngô Đình Diệm với Phật giáo đồ rất có hại cho công cuộc chống Cộng tại Nam Việt Nam" (34). Mặc dù vậy, chính quyền Kennedy vẫn chưa có thái độ dứt khoát về việc thay Diệm, vẫn hy vọng Diệm sẽ "xuống thang" trong việc giải quyết "vụ Phật giáo", vì rằng trước hiện tượng "tự sát để đấu tranh, kẻ táo bạo nhất cũng phải lùi bước" (35).

Trong lúc Nhà Trắng đang mong muốn tình hình được cải thiện thì trong một trả lời phỏng vấn của Don Baker, ký giả Hãng thông tấn UPI, Đại sứ Mỹ Frederick E. Nolting nói: "Hơn hai năm tôi sống tại Viêt Nam, tôi chưa bao giờ thấy dấu hiệu chứng tỏ có sự kỳ thị tôn giáo" (36). Ngày 1-8-1963, giới lãnh đạo Phật giáo đánh điện cho Tổng thống Kennedy phản đối những lời tuyên bố vô trách nhiệm của Nolting. Bức điện viết: "Thay mặt toàn thể Phật giáo đồ miền Nam,

chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng thống lời tuyên bố của ông Đại sứ Nolting qua Hãng thông tấn UPI cho rằng không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật giáo ở miền Nam Việt Nam.

Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật giáo đồ đến tám mươi phần trăm dân số. Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả với sự hiểu biết và thiện chí của người Hoa Kỳ" (37).

Tiếp theo, ngày 3-8-1963, trong một cuộc nói chuyện với tổ chức Phụ nữ bán quân sự tại Tòa Đô chính Sài Gòn, Trần Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu, lên tiếng công kích và mạ lỵ Phật giáo, rằng "hoạt động của Phật giáo là một hình thức phản bội xấu xa…" (38). Về cuộc tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Trần Lệ Xuân cho là vụ "nướng sư". Trả lời phỏng vấn của ký giả báo New York Times, Trần Lệ Xuân nói: "Tôi còn đánh sư gấp mười lần như thế à. Phương pháp giải quyết vấn đề Phật giáo là phớt tỉnh, không cần biết tới" (39).

Lời lẽ của Nolting và Trần Lệ Xuân có tác dụng như "lửa đổ thêm dầu". Ngày hôm sau, 4-8-1963, Đại đức Thích Nguyên Hương tự thiêu ở Phan Thiêt. Ngày 12-8-1963, tại chùa Xá Lợi, nữ sinh Mai Tuyết An tự chặt tay trái của mình để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 13-8-1963, Đại đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại Huế. Ngày 15-8-1963, tại Huế, gần 1.000 sinh viên, hoc sinh biểu tình phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm cướp xác Thích Thanh Tuệ. Cùng ngày, Ni sư Diệu Quang tự thiêu tại Ninh Hòa gần Nha Trang. Ngày 16-8-1963, Huế nhất loạt tổng bãi công. Cùng ngày, nhà sư Thích Tiêu Diêu tự thiêu tại chùa Từ Đàm, Huế. Ngày 17-8-1963, các khoa trưởng thuộc Viện Đại học Huế và toàn thể giảng viên Viện Hán học ra tuyên cáo lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo và tuyên bố từ chức và nghỉ việc. Tiếp theo, toàn thể giáo chức và sinh viên Viện Đại học Huế từ chức, bãi khóa. Phong trào bất hợp tác tại Huế trở nên toàn diện, mọi guồng máy đều bị tê liệt.

Ngày 18-8-1963, theo lệnh của giới lãnh đạo Phật giáo, lễ cầu siêu cho tất cả các vị tử vì đạo đã được tổ chức trên toàn miền Nam. Tại chùa Xá Lợi (Sài Gòn) có trên 30.000 người tham gia. Sau lễ cầu siêu, có khoảng 10.000 người tham gia tuyệt thực. Khí thế đấu tranh của quần chúng hết sức mạnh liệt.

Để cứu nguy cho chế độ, đêm 20 rạng ngày 21-8-1963, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ngô Đình Nhu, "Kế hoạch Nước lũ" được tiến hành, tấn công đồng loạt hầu hết các ngôi chùa được dùng làm trụ sở

đấu tranh trên khắp miền Nam. Hầu hết giới lãnh đạo Phật giáo đã bị bắt đưa vào trại giam. Với việc tấn công chùa, chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm đã "thực sự giẫm trúng vỏ chuối do Phật giáo quăng ra" (40) và đã chọn cho mình một tuyệt lộ.

Những ngày sau "*Kế hoạch Nước lũ*", cả thành phố Sài Gòn rung động trước sự phát triển dữ dội của phong trào. Nhiều bộ trưởng, khoa trưởng, giáo sư đại học từ chức. Sinh viên, học sinh bãi khóa, nghỉ học đấu tranh cho tự do tín ngưỡng. Tình hình này khiến sự chần chừ, do dự của Mỹ về việc thủ tiêu chính quyền Ngô Đình Diệm đã được vượt qua. Sau khi nhận nhiệm sở thay Nolting, Cabodge Lodge, tân Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn đã tiếp xúc với Diệm và Lodge đã phúc trình với Washington rằng Diệm có lẽ đã mất khả năng lãnh đạo đất nước và kết luận rằng trừ trường hợp vợ chồng Ngô Đình Nhu rời khỏi xứ, Diệm có thể coi như là hết thuốc chữa. Ngày 24-8-1963, Thứ trưởng Ngoại giao George Ball, Xử lý thường vụ Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk ký gửi cho Lodge điện văn với nội dung: "Rõ ràng Nhu đã chiếm quyền. Hãy cho Diệm cơ hội gạt Nhu và bè lũ nhóm ra một bên. Nếu đã cố gắng hết cách mà Diêm vẫn khăng khăng chối từ thì chúng ta đành phải đối đầu với khả thể là Diệm cũng không cứu được" (41). Bản án tử hình đối với chế độ Ngô Đình Diệm đã ký, vấn đề là chỗ thời điểm thi hành nữa mà thôi. Thời điểm đó chính là ngày 1-11-1963.

Bốn mươi lăm năm nhìn lại ngọn lửa Thích Quảng Đức, chúng ta có thể rút ra một số kết luận cơ bản sau:

Một là, trong những phong trào đấu tranh chống bạo quyền, chống áp bức dân tộc,… diễn ra trong lịch sử loài người, đây không phải là lần đầu tiên phương pháp bất bạo động theo đúng ý nghĩa của nó được đem ra áp dụng. Thánh Gandhi là người đã thành công trong việc áp dụng phương pháp bất bạo động để giành độc lập cho đất nước Ấn Độ. Và ngay từ đầu của cuộc đấu tranh, giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam đã khẳng định: "Chúng tôi phải thực hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong cuộc đấu tranh của chúng tôi… Ngay bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố một cách minh bạch rằng người Tăng sĩ Phật giáo là người sẵn sàng noi theo Gandhi, vị Thánh của sức mạnh bất bạo động" (42). Tuy vậy, bất bạo động mà Gandhi sử dụng là chính sách "bất hợp tác" tiến bộ dần trong bất bạo động, được thể hiện từ những hình thức như bãi công, bãi thị, bãi khóa, công chức cự tuyệt mọi chức vụ, không làm việc trong các cơ quan do chính phủ lập ra, nông dân không nộp thuế, hàng hóa Anh bị tẩy chay, toàn dân

Ấn tự dệt vải may măc… đến việc quần chúng biểu tình không mang vũ khí…, song tuyệt nhiên chưa có hình thức tự đốt mình như Hòa thượng Thích Quảng Đức. Sức mạnh bất bạo động của Gandhi là sức mạnh "bất hợp tác" của số đông người; bất bạo động của Thích Quảng Đức là sức mạnh tinh thần của một cá thể mà lay chuyển cả một chế độ, cảnh tỉnh một thế gian đầy bạo lực. Rõ ràng việc đốt mình của Thích Quảng Đức "là một trạng thái mới lạ và huyền ảo của bất bạo động. Nó chứng tỏ rõ rệt cái uy quyền tối thượng của tinh thần. Không một bạo lực nào có thể làm suy giảm được tâm hồn, sức chịu đựng của một cá thể đối với mọi ức chế đàn áp chính trị độc tài thật vô biên" (43). Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng cho rằng với phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963, "cái tinh túy của đạo Phật được phát huy, được luân lý dân tộc chấp nhận. Đó là hình ảnh Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không cách gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, với tầm cỡ thế giới… nhất là hình ảnh Ngài đến lúc trái tim không còn hoạt động được nữa" (44). Do vậy, điều mà Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã khẳng định trong Diễn từ đọc sau lễ hỏa táng nhục thân Hòa thượng Thích Quảng Đức đến nay vẫn còn nguyên giá trị: "Từ xưa đến nay, biết bao vị cao tăng đã tự lên giàn hỏa. Tuy nhiên, trường hợp của Hòa thượng Thích Quảng Đức... là một trường hợp đặc biệt và hy hữu" (45).

Hai là, xét riêng trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, chúng ta thấy có rất nhiều sự kiện góp phần hỗ tương lẫn nhau để đẩy lùi bạo quyền, nhưng phải khách quan mà nhận rằng ngọn lửa Thích Quảng Đức giữ vị trí trung tâm, đạt đến một tầm cao mà không có một sự kiện nào có thể so sánh được. Ngọn lửa Thích Quảng Đức đã tập hợp mọi người khác chính kiến, khác màu da vào cùng một khối, kết tụ được tinh anh của những khối óc và trái tim vì tình thương mà quyết không chịu lùi bước. Trong suốt quá trình của cuộc đấu tranh từ ngày 7-5-1963 đến 1-11-1963, không tránh khỏi đâu đó có những giây phút do dự, mệt mỏi, nản lòng. Chính những thời khắc đó, ngọn lửa Thích Quảng Đức trở nên vô vàn quý báu, đã làm rắn chắc những trái tim đang dao động và tôi luyện thêm những ý chí rụt rè. Bất bạo động trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, mà đỉnh cao là sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng Thích Quảng Đức, đã thu hút đại bộ phận nhân dân miền Nam, không chỉ Tăng Ni, tín đồ Phật tử, mà cả những người khác tôn giáo, không cùng chính kiến, nhập cuộc tham gia đấu tranh, được nhân dân thế

giới hết sức ủng hộ. "Đây là lần đầu tiên một cuộc tự thiêu gây sửng sốt và nể phục nhất trong cuộc đấu tranh của Phật giáo năm 1963. Nó ghi đậm nét vào cuộc chiến Việt Nam và không bao giơ phai nhạt… hành động của Ngài... trở nên một tấm gương kiên định của người dân miền Nam chống lại Tổng thống Diệm". Giáo sư Trần Văn Giàu viết: "Kết tinh trong một vị chân tu những nỗi căm hờn đối với chế độ độc tài cá nhân gia đình trị, vô nhân đạo và bạo ngược, hành động dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức là một bản án không gì bôi được đối với chế độ bù nhìn của Mỹ ở Sài Gòn, đồng thời là một lời kêu gọi đồng bào Phật tử đấu tranh chống phát-xít, dù chết không chịu lùi bước. Thật không phải thường có những cái chết kích động nhân tâm sâu sắc và rộng rãi như cái chết của Hòa thượng Thích Quảng Đức" (46).

Ba là, ngọn lửa Hòa thượng Thích Quảng Đức đốt lên với tâm nguyện: "Để cúng dường Tam bảo và để giác ngộ chính quyền mau chóng thoả mãn năm nguyện vọng của Phật giáo"; rằng "mong ơn Phật Tổ gia hộ cho Tổng thống Ngô Đình Diệm sáng suốt chấp nhận năm nguyện vọng tối thiểu của Phật giáo Việt Nam ghi trong bản Tuyên ngôn,… Trước lúc nhắm mắt mà về cảnh Phật, tôi trân trọng kính gửi lời chào cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở" (47); rằng bất bạo động là phải dấn thân một cách tự giác, "chấp nhận một sự hy sinh đến cùng độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển đến tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi" (48) thì ngọn lửa Thích Quảng Đức đã thể hiện sinh động nhất và được xem là tiêu biểu nhất cho lý thuyết bất bạo động.

Và trước khi kết thúc bài viết này, chúng tôi nghĩ rằng những gì mà chúng ta đã và đang nghiên cứu, tìm hiểu về "ngọn lửa Thích Quảng Đức", nếu nói theo cách nói của nhà thơ thì "chỉ còn là rơm rác và chỉ nguyện được là rơm rác" (49). Và theo cách nói của nhà văn thì "ngòi bút trơ nên bất lực không thể hiện nổi sự vĩ đại của một bậc siêu phàm". Vấn đề ở chỗ hiểu được chừng nào về giá trị đích thực của "ngọn lửa Thích Quảng Đức" là cần phải đưa sự hiểu biết đó vào hiện thực của cuộc sống, để góp phần xây Đời, dựng Đạo. Đó mới chính là điều đáng quý, đáng trân trọng.

PGS TS **Lê Cung**

(1) Phan Lạc Tuyên, Hương thơm cuộc đời, trong "Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - cả nước tôn vinh anh", NXB.Văn Học, Hà Nội, tr.223.

(2) Thích Thiện Siêu, Tỏa ánh từ quang, Ban Trị sự GHPGVN Thừa Thiên-Huế, 1992, tr.87-88.

(3) S. Radhakishnan, Chiến tranh và hòa bình, Thích Quảng Độ dịch, Sài Gòn, NXB.Hoa Muôn Phương, tr.53, tr.123.

(4) Trong cuộc hội nghị mật vào tối 7-5-1963 tại chùa Từ Đàm (Huế), giới lãnh đạo Phật giáo khẳng định phương pháp đấu tranh là bất bạo động. Tiếp theo, phương pháp đã khẳng định lại một lần nữa trong "Bản phụ đính" bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 được công bố vào ngày 23-5-1963.

(5) Nguyễn Khải, Sư già chùa Thắm và ông Đại tá về hưu, Báo Lao Động, số 24, ngày 25-3-1993.

(6) Thích Thông Bửu. Tư tưởng Bồ tát Quảng Đức, trong "Đại lễ kỷ niệm năm thứ 37 ngày tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức". Tổ đình Quán Thế Âm ấn hành, tr.15.

(7) Phong vấn Pháp sư Thích Giác Đức ngày 20-10-1995 tại Boston, USA.

(8) Nay là đường Cách mạng Tháng Tám và Nguyễn Đình Chiểu.

(9) Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, NXB.Khoa Học, Hà Nội, 2002, tr.342.

(10) Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC.04-HS-8464

(11) Trần Văn Giàu, Sđd., tr.343.

(12) Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm - Huế...

(13) Lửa căm hờn đang rực cháy. Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1.

(14) Xã luận báo Nhân Dân, ngày 13-6-1963, tr.1.

(15) Nam Thanh, Cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, Sài Gòn, Viện Hóa đạo xuất bản, 1964, tr.166.

(16) Nam Thanh, Sđd., tr.167.

(17) Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều Âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10

(18) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập III, NXB.Thông Tin Lý Luận, Hà Nội, 1985, tr.268.

(19) Thích Mãn Giác. Ông René De Berval. Nguyệt san Liên Hoa, Huế, ngày 27-2-1964, tr.37-38.

(20) Hoàng Xuân Hào, Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay, quyển 1 (Luận án Tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp Trường Đại học Luật khoa, tr.266.)

(21) Quốc Oai, Sđd., tr.112.

(22) Tuệ Giác, Việt Nam Phật giáo tranh đấu sử, NXB.Hoa Nghiêm, Sài Gòn, tr.211.

(23) Tuệ Giác, Sđd., tr.207.

(24) Tuệ Giác, Sđd., tr.211.

(25) Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Ký hiệu tài liệu SC. 04-HS.8467.

(26) Như chú thích 26.

(27) Tuệ Giác, Sđd., tr.170-171.

(28) Quốc Tuệ, Sđd., tr. 202.

(29) Schecter, Jerrold, The New Face of the Buddha, John Weatherhill, Tokyo, 193.

(30) Nam Thanh, Sđd., tr.49.

(31) Gặp Thượng tọa Thích Trí Thủ. Nguyệt san Liên Hoa, số ra ngày 30-11-1963, tr.108.

(32) Phong trào Phật giáo miền Nam (Tài liệu tham khảo đặc biệt), Việt Nam Thông tấn xã, 1973, Hà Nội, tr.22.

(33) Xuân Thâm, Cuộc đấu tranh của Phật giáo đang làm cho chế độ Mỹ Diệm khủng hoảng trầm trọng, Tuần báo Thống Nhất, số 322, ngày 23-8-1963, tr.4.

(34) Tuê Giác, Sđd., tr.210.

(35) Tuệ Giác, Sđd., tr.196.

(36) Quốc Tuệ, Công cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam, Tác giả xuất bản, Hà Nội, tr.298.

(37) Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm, Huế.

(38) Jerrold Schecter., Sđd., tr.307.

(39) Quốc Tuệ, Sđd., tr.307.

(40) Tâm Phong, Nhớ lại cuộc vận động của Phật giáo. Tuần báo Hải Triều Âm, số 18, ngày 24-8-1963, tr.10.

(41) The Pentagon Papers, New York: Bantam Books, 1971, tr.194.

(42) Bản phụ đính "Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam" được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352.

(43) Quốc Oai, Phật giáo tranh đấu, Sài Gòn, NXB.Tân Sanh, 1964, tr.93.

(44) Mấy vấn đề về nghiên cứu Phật giáo và lịch sử tư tưởng dân tộc, trong "Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam". Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr.22.

(45) Diễn từ của Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, sau lễ hỏa thiêu nhục thân của Hòa thượng Thích Quảng Đức. Hồ sơ lưu tại chùa Từ Đàm.

(46) Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, Tập II, NXB. Khoa học, Hà Nội, 1966, tr.434.

(47) Quốc Oai, Phật giáo tranh đấu sử, NXB.Tân Sanh, Sài Gòn, tr.38-39.

(48) Bản phụ đính "Bản Tuyên ngôn ngày 10-5-1963 của Tăng tín đồ Phật giáo Việt Nam" được công bố vào ngày 23-5-1963. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu SC.04-HS.8352.

(49) Vũ Hoàng Chương, Lửa Từ bi, Sài Gòn, 1963.

HÒA THƯỢNG QUẢNG ĐỨC, BIỂU TƯỢNG VỀ TINH THẦN DÂN TỘC VÀ ĐẠO PHÁP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trần Hồng Liên

Đã 42 năm trôi qua kể từ ngày hoà thượng Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân. Nhưng ngọn lửa của tinh thần đấu tranh cho Đạo pháp và cho Dân tộc của hòa thượng như vẫn còn cháy mãi! Nhân dân trên thế giới và Việt Nam, những người con Phật cũng như những người không theo đạo đều như bùi ngùi nhớ lại hình ảnh ngọn đuốc rực cháy trên thân thể Người vào năm 1963 ấy. Điều gì đã làm nên sự kỳ diệu đó? Đây có phải chỉ là những phản ứng chống lại sự kỳ thị về tôn giáo của một chế độ độc tài? Có phải đó chỉ là "tiếng nói " thay cho những đòi hỏi về một sự công bằng trong chính sách đối với các tôn giáo?? Tìm hiểu những câu hỏi trên chính là nêu lên được những đóng góp lớn lao, những ý nghĩa sâu sắc từ hành động vì đạo pháp và cho dân tộc của hoà thượng Thích Quảng Đức; cũng chính là góp phần chỉ ra được bản sắc của dân tộc Việt Nam và của Phật giáo Việt Nam.

1. Trở lại với thời điểm sôi động của đất nước năm 1963, từ nguyên cớ hạ cờ Phật giáo của chế độ độc tài Ngô Đình Diệm ở Huế để thấy rõ một điều rằng sự độc đoán, tính đố kỵ và lòng vị kỷ của những người cầm đầu chế độ ấy đã lên đến đỉnh điểm. Việc hạ cờ Phật giáo chỉ là một hành động cuối cùng, là điểm nút cuối cùng để bộc lộ hết tính vị kỷ, chấp chặt lấy đạo pháp của một chế độ! Chính sự chấp pháp ấy đã đưa đẩy chế độ độc tài Ngô Đình Diệm mau chóng bị kết thúc từ những hành động mù quáng của mình.

Ngô Đình Diệm, với chính sách phân biệt đối xử, xem đạo của mình mới thật là đạo, được ban cho đặc quyền, đặc lợi. Còn các đạo khác, dù có lịch sử 2.000 năm , dù có hàng chục triệu tín đồ, vẫn bị khinh miệt! Với Đạo dụ 10, sự phẫn uất của tăng ni, phật tử càng lên cao. Chính quyền đã đàn áp Phật giáo bằng những phương tiện quân sự và phương pháp tàn bạo. Hàng chục tăng ni Phật tử, rồi đến hàng

trăm tăng ni sau đó bị bắt bớ và bị giết hại. Ngọn sóng đàn áp cứ thế mà ngày càng bùng lên mạnh mẽ. Người dân sống ở Huế vào năm 1963 không thể quên được hình ảnh thảm khốc từ những chiếc xe tăng của Diệm cán lên những người có đạo vô tội. Máu đã đổ và hận thù như đã siết chặt thêm. Những người con Phật dùng vũ khí từ tinh thần Bi -Trí -Dũng để chống trả! Trước những đàn áp bạo tàn và khốc liệt, những người con Phật đã sử dụng thế Nhu của mình để chống trả lại thế Cương của chế độ Diệm . Lấy thân mình thay cho tiếng nói cảnh tỉnh, như những gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa của sự thù hận và vô minh. Những ngọn đuốc đượïc đốt lên từ thân thể, hình hài của mỗi người con Phật như từng ngọn đèn thắp sáng, soi rọi tận cùng vào sâu thẳm tâm hồn đen tối, độc tài của một chế độ. Và cứ thế liên tục, hết người này đến người khác…sao cho đến một ngày hành động vị pháp thiêu thân ấy đã trở thành một tiếng gọi vang vọng, làm rúng động lương tri của những người yêu chuộng hoà bình trên thế giới. Đỉnh điểm ấy, ngọn sóng trào dâng tột đỉnh ấy chính là hành động tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức, là tiếng chuông vang vọng ngân xa, lan tỏa ra ngoài phạm vi một quốc gia và trở thành bất diệt.

2. Hoà thượng Thích Quảng Đức, tên đời là Lâm Văn Tuấn, quê ở Khánh Hoà, hoà thượng đã trụ trì chùa Quán thế Aâm trước khi tự thiêu. Trước tình thế Phật giáo đồ bị sát hại thảm khốc, đã phát lời đại nguyện rằøng: " *Nhận thấy Phật giáo nước nhà đương lúc ngửa nghiêng, tôi là một tu sĩ, mệnh danh là trưởng tử của Như Lai không lẽ cứ ngồi điềm nhiên tọa thị để Phật pháp tiêu vong, nên tôi vui lòng phát nguyện thiêu thân giả tạm này cúng dường chư Phật để hồi hướng công đức bảo tồn Phật giáo…Cầu nguyện cho đất nước thanh bình, quốc dân an lạc*" (Lời nguyện tâm huyết, Tỳ kheo Thích Quảng Đức) .

Từ nhận thức được nung nấu sau bao cơn đàn áp bạo tàn của Diệm, hoà thượng Quảng Đức, đã viết: *là trưởng tử của Như Lai, được thấm nhuần lẽ đạo, nên không thể ngôi yên.* Hoà thượng hiểu rõ rằng, với một chế độ độc tài như vậy, với những con người có hành động thiếu đạo đức và không có nhân bản như vậy, đất nước sẽ không thể yên, lòng dân sẽ không thể được bình ổn, an lạc và đạo pháp sẽ không thể được bảo tồn! Vì vậy, thực hành lời nói ấy, quyết đem lại một sự cảnh tỉnh lớn lao, làm thay đổi nhận thức con người, từ vô minh đến giác ngộ, phải bằng việc hy sinh chính bản thân mình. Lấy

sự xả thân, tinh thần vô uý thí để đối lập lại cường quyền, bạo lực. Làm được điều đó, thực hành được suy nghĩ trên, đó là điều không dễ dàng, không phải ai cũng làm được. Do đâu hoà thượng Quảng Đức có được quyết tâm đó?

3. Trả lời câu hỏi trên chính là đi tìm lại cội nguồn của tinh thần dân tộc. Là người dân Việt, không ai không yêu nước. Tinh thần yêu nước này ngày càng được nhân lên cao hơn chính từ những cuộc ngoại xâm . Những người dân nước Việt đã qua thử thách trước nguy cơ xâm lược, từ đó tinh thần yêu nước càng như được củng cố. Tinh thần ấy còn được nhiều tấm gương trong lịch sử in đậm thêm qua quá trình đấu tranh dựng nước, giữ nước. Từ đó, hình ảnh của người dân ra biên cương chống giặc khi có ngoại xâm là hình ảnh đẹp đẽ, được lập đi lập lại trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, không loại trừ những người theo đạo Phật , với tư tưởng nhập thế, cứu đời, giúp đời. Không phải ngẫu nhiên mà có được một hoà thượng Thích Quảng Đức của thế kỷ XX, bởi vì đã có trong lịch sử hàng trăm năm trước , những thiền sư Vạn Hạnh, Khuông Việt….đã biết đem tinh thần Phật pháp ra áp dụng vào đời sống hàng ngày. Những tấm gương sáng ấy chính là bài học muôn đời về tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam , là sự thể hiện việc đem đạo vào đời, là tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Nó được nhân rộng, kế thừa và tiếp nối liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì vậy không phải ngẫu nhiên mà có được những con người biết hy sinh thân mệnh mình cho đạo pháp , cho dân tộc.

Mặt khác, còn chính trên cơ sở của dòng Phật giáo Việt Nam, nổi bật từ thời các vua nhà Lý , nhà Trần…. đã biết đem thập thiện đến từng gia đình, đã biết cụ thể hoá giáo lý nhà Phật trong điều kiện đất nước Việt Nam, đã bằng chính hành động từ bỏ ngai vàng, danh lợi và những ham muốn vị kỷ cá nhân để trao truyền cho những thiền sư Việt Nam một tinh thần xã thân cao quý . Tuỳ từng thời điểm lịch sử, tuỳ vào những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau mà các thiền sư đã có những ứng xử khác nhau, những cống hiến cho Đạo pháp và cho Dân tộc khác nhau. Nhưng trên hết , vẫn là lòng yêu nước nồng nàn, là tình yêu thương nhân dân sâu đậm… Tình thương đó, lòng yêu người đó đã tạo thành, đã giúp phát khởi nên một quyết tâm cao độ, một đại nguyện vang lừng, đó là tinh thần vô uý thí.

Chính từ sự dâng hiến tất cả, không loại trừ ngay cả bản thân mình, của những thiền sư trong lịch sử và của hoà thượng Quảng

Đức ở thế kỷ XX đã làm cho sự cống hiến ấy trở thành bất tử, bởi vì một khi đã cho đi hết thì sẽ nhận được tất cả!

4. Bài học về tinh thần xã thân này, được đưa ra trong giai đoạn đạo pháp đang bị chia rẽ, đất nước đang bị ngoại xâm….càng có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Cái chết của hoà thượng không chỉ nhằm cảnh tỉnh những người trong chế độ độc tài nhà Ngô, mà sâu sắc và lớn lao hơn, nó còn mang ý nghĩa thời đại. Đó còn là tiếng chuông tỉnh thức cho những người con Phật còn đang thờ ơ trước sự hưng vong của đạo pháp, của quốc gia … kêu gọi họ cần nhanh chóng đoàn kết lại, một lòng chung sức cứu lấy nước nhà. Bởi vì tổ quốc còn, đạo pháp mới có thể còn tồn tại được! Đánh giá cao về hành động tự thiêu của hoà thượng Quảng Đức, GS. Trần Văn Giàu đã cho rằng: " *Đó là một hành động chống chiến tranh, là hành động bảo vệ hoà bình, vì Hoà bình mà hi sinh (...) nhà sư là một người yêu nước, Quảng Đức yêu nước theo phong cách một nhà sư*" [Trần Văn Giàu: Thích Quảng Đức. Tập Văn số 7, 1987, ban VHTW GHPGVN xb, tr. 30.].

5. Tìm hiểu về hành động " Vị pháp thiêu thân" của hoà thượng Quảng Đức còn là nhằm nêu lên bài học có giá trị lịch sử , có ý nghĩa thực tiễn lớn lao. Qua cái chết của hòa thượng đã góp phần khơi gợi trong tư duy của nhân dân thế giới, những ngườoi yêu chuộng hoà bình, suy nghĩ kỹ hơn về giá trị đích thực của một đời người. Đó không phải là tính ham sống, sợ chết ; không phải là lòng vị kỷ, độc tài, ham chuộng bạo lực…mà điều vi diệu trong cuộc sống, tạo nên giá trị vĩnh hằng, chân lý tối thượng …chính là tình thương, là lòng dũng cảm, là sự hy sinh cho những điều lớn lao , cao cả, là quyền lợi và sự sống còn của dân tộc, của đất nước, của đạo pháp… Bài học ấy mãi mãi sẽ còn nguyên giá trị , vì nhân dân thế giới đã có được hình ảnh xác thực qua cái chết của hoà thượng , một dấu ấn sâu đậm về con người Việt Nam biết hy sinh cho nghĩa cả, về một đất nước Việt Nam nhỏ bé nhưng kiên cường , bất khuất trước cái xấu, cái vị kỷ, trướùc những mưu toan đen tối nhằm đè bẹp, trấn áp bằng bạo lực của ngoại xâm….Chính từ những ý nghĩa ấy, hoà thượng Quảng Đức đã thực sự trở thành một vị Bồ tát, người luôn hướng tâm hồn mình, thể xác mình cho cuộc đời, cho người đời để cứu giúp và góp phần giác ngộ họ.

6. Những vị Thiền sư Việt Nam, trên đường tiếp nối hướng đi đúng đắn và có ý nghĩa của Phật giáo Việt Nam, đã " nói" lên suy nghĩ của mình bằng hành động. Bồ tát Thích Quảng Đức đã hoà nhập thực sự vào dòng chảy nhập thế của Phật giáo Việt Nam, đã trở thành biểu tượng cho tính dân tộc và đạo pháp của Phật giáo Việt Nam. Bồ tát Thích Quảng Đức vì vậy đã trở thành bất tử. Trái tim để lại cho đời của bồ tát Quảng Đức vì vậy đã trở nên bất diệt!

Trần Hồng Liên

VÀI CẢM NGHĨ VỀ THƯỢNG TỌA THÍCH QUẢNG ĐỨC

Vũ Ngự Chiêu

Nhiều năm đã trôi qua từ mùa Pháp nạn 1963. Hội thảo về cuộc tự thiêu bi tráng của Thượng Tọa Thích Quảng Đức (1890-1963) ngày 11 tháng 6 năm 1963 là một việc làm đầy khích lệ, dù hơi muộn màng. Đây là một trong ba biến cố gây chấn động dư luận thế giới và làm rung chuyển chế độ Ngô Đình Diệm (1954-1963).

I. TÀI LIỆU: ĐÃ KHÁ ĐẦY ĐỦ

Tài liệu văn khố Mỹ và Việt Nam đã bắt đầu mở ra cho những nhà nghiên cứu.

A. Tài liệu văn khố Mỹ giúp soi sáng chính sách Phật Giáo của Mỹ, và quan điểm của chính phủ Ngô Đình Diệm về cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Đặc biệt, văn khố Mỹ giúp thấy rõ hơn liên hệ Mỹ-Việt trong giai đoạn 1961-1963, cùng lập trường chao đảo của họ Ngô, khiến bang giao Mỹ-Việt xấu đi. (Xem Chính Đạo, "'Phiến Cộng' Trong Dinh Gia Long," *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* (Văn Hóa, 2004)

Qua những tài liệu đã giải mật, các viên chức Mỹ—đặc biệt là cố vấn An Ninh Quốc Gia McGeorge Bundy và các viên chức Bộ Ngoại Giao—bày tỏ thiện cảm với Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo, và không ngừng áp lực Tổng thống Ngô Đình Diệm phải giải quyết mau chóng các nguyện vọng của Phật Giáo. Thậm chí, Ngoại trưởng Dean Rusk từng đe dọa sẽ công khai tuyên bố tách biệt khỏi chính sách tôn giáo của Việt Nam Cộng Hòa.

B. Trung tâm Lưu Trữ Quốc Gia [TTLTQG] 2 tại Thành Phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) có ít nhất 60-70 hồ sơ về Phật Giáo miền Nam thuộc kho *[fonds]* Phủ Tổng Thống Đệ Nhất Cộng Hòa (HS 7941, 8500- 8541) và Phủ Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hòa (HS 29229, 29368-29369, 29371-29372, v.v...). *[Xem Phụ Bản I]*

Trở ngại đáng kể cho các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp là phải có giấy giới thiệu chính thức từ một cơ quan đối tác trong nước.

Thêm nữa, vì các Trung tâm Lưu trữ thuộc quyền quản lý của Bộ Nội Vụ, việc xin phép tham khảo và sao chụp tư liệu tốn rất nhiều thì giờ cũng như "rất nguyên tắc" (phải phù hợp xít xao với đề tài nghiên cứu).

C. Nhà bảo tàng chùa *Từ Đàm* cũng có nhiều tài liệu quan trọng. Ít nhất một học giả Việt đã sử dụng các tư liệu này. (Lê Cung)

D. Văn khố Pháp, nhất là Bộ Ngoại Giao, cũng đã mở. (Fonds Cambodge-Laos-Vietnam). (Xem Chính Đạo, *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* (Houston: Văn Hóa, 2004; Idem, Việt *Nam Niên Biểu, 19391945*, Tập *I-C:1955-1963* (Houston: Văn Hóa, 1997)

E. Không kém quan trọng là báo cáo của Ủy Ban Điều Tra LHQ tường trình về sự vi phạm nhân quyền tại Nam Việt Nam (7/12/1963). [UN/GA Doc. A/5630, 7/12/1963 (Item 77)]

Xem thêm: HS29372: UBLP PhậtGiáo, 1963-1964

F. Hầu hết các tác nhân lịch sử đã viết hồi ký: Thích Trí Quang ("Xá lợi" trái tim Bồ Tát Quảng Đức), Thích Tâm Châu, Vũ Văn Mẫu, Đỗ Mậu, Trần Văn Đôn, v.v...

G. Thiếu sót chăng là tài liệu văn khố Đảng Cộng Sản Việt Nam và Đảng Cộng Sản Trung Hoa.

Một vấn nạn không thể không tra vấn là vai trò của Đảng CSVN và cơ quan tình báo hải ngoại Trung Cộng. Những khoen nối thiếu sót này có lẽ phải chờ đợi ở những khám phá mới của các nhà nghiên cứu mai hậu.

II. THỜI GIAN CŨNG ĐÃ KHÁ DÀI, ĐỦ ĐỂ DỊU LẠI NHỮNG XÚC ĐỘNG

Kiêu khí "đại thắng" hay mối hờn oán "mất đi một lãnh tụ" đã phần nào phai nhạt.

Đại đa số các tăng ni, Phật tử từng tham dự phong trào tranh đấu 1963 đều đã ngoài hay suýt soát thất tuần, lìa đời, bị cô lập trong nước hay lưu vong hải ngoại. Những vị còn sống không thể không *đánh giá lại* phong trào tranh đấu, nhất là sự hy sinh mạng sống cho Phật Pháp của Thượng Tọa Quảng Đức và sáu vị tăng ni khác—Kết quả chung cuộc của phong trào Phật giáo 1963 là một chế độ độc tài giáo phiệt, "kiêu đạo, kiêu dân" bị sụp đổ nhưng lại tiếp nối bằng chế độ "kiêu tướng, kiêu binh," và rồi "dân chủ nhân dân" xây dựng bằng "mũi súng và công lý nhân dân."

Những người Ki-tô giáo thông minh và bình thường—dù không chấp nhận sự tự hủy như một đức hạnh—khó thể phủ nhận "hạnh Bồ

Tát" của các vị tăng ni đã có dũng cảm tự nguyện tử đạo. Trường hợp Thượng Tọa Quảng Đức còn đặc biệt hơn. Thượng Tọa đã có hơn 60 năm tu tập, lập nên gần 30 cảnh chùa suốt hai miền Trung-Nam, và từng hoạt động hăng say cho việc thiết lập và mở mang *Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam* trong nhiều thập niên. Đó là chưa nói đến hàng trăm ngàn, hàng triệu Phật tử, sinh viên, học sinh chịu cảnh giết chóc, đánh đập, tra tấn nên thương tật, tù đầy. Nếu chế độ Ngô Đình Diệm không lâm vào *"cơn điên rồ của một gia đình cai trị chưa từng thấy từ ngày [sụp đổ của] Nga Hoàng,"* cuộc nội chiến 1954-1975 đã có thể có một kết cuộc khác.

III. TRỞ NGẠI LỚN NHẤT LÀ CHỨNG BỆNH "CẬN THỊ LỊCH SỬ"

A. Lẫn lộn giữa "sự thực sử học" và "cảm nhận lịch sử."

Phần lớn những điều đã viết về Quảng Đức đều khó thoát khỏi hai trường phái: "cung văn" *[hagiographies]* và "đào mộ."

1. "Cung văn":

a. Quan điểm và cách giải thích của giới Phật Giáo miền Nam (Trí Quang, Nhất Hạnh); hoặc,

b. Những người thiện cảm: Vũ Hoàng Chương, các sinh viên và thanh niên Phật tử, v.v...

2. "Đào mộ":

Quan điểm và cách giải thích của chính quyền Ngô Đình Diệm cùng tàn dư Cần Lao-Ki-tô

- *"drugged" [chích thuốc]:*

Chính Tổng thống Kennedy cũng đặt vấn đề thực chăng bị "thuốc." Các cố vấn của Kennedy cho rằng niềm tin tôn giáo quá đủ cho việc này.

Cơ quan tuyên truyền của chính phủ Diệm và tàn dư Cần Lao hải ngoại thỉnh thoảng nhắc lại cáo buộc vô căn này.

- *thiêu đốt một sư, nướng chả một sư*

Theo Trần Thị Lệ Xuân, đây là việc *"barbecue a monk"* [nướng chả một ông sư], với xăng nhập cảng.

- *bị "bình nghị" để cưỡng ép các vị chân tu tự thiêu*

Theo Ngô Đình Nhu, đây là một vụ *"thiêu đốt Thượng Tọa Quảng Đức"* của một nhóm sư sãi muốn lợi dụng tôn giáo khuynh đảo chính phủ. Họ dùng phương pháp *"bình nghị"* để cưỡng ép các vị chân tu phải lần lượt tự thiêu để họ liên tục khai thác bên cạnh những xác chết đó hầu thực hiện những âm mưu chính trị của họ. [tr. 7] Có

người bật quẹt đốt Quảng Đức vì hộp quẹt trong người Thượng Tọa bị ướt, không cháy. Vị sư đưa hộp quẹt cho một người khác đốt Quảng Đức sau này hối hận bỏ trốn, bị lùng bắt để thủ tiêu. (VNCH, UBLBĐTACL, Biên bản số 62: Phiên họp của UBLBĐTACL tại Dinh Gia Long ngày 23/8/1963, tr. 6-12; PTT/1CH, HS 8278)

- *cố sát*

Ngô Đình Thục cho rằng đây là một vụ *cố sát.*

- *án mạng oan uổng*:

Ngay tối ngày 11/6/1963, Diệm đọc diễn văn *"kêu gọi đồng bào [thủ đô] hãy bình tĩnh nhận định tình thế, sáng suốt xét mọi vấn đề trên căn bản lương tri và ái quốc."* Thông báo Ủy Ban Liên Bộ và phái đoàn Phật Giáo đã bắt đầu tiếp xúc từ ngày 5/6/1963 và từ hôm sau, 12/6, hai bên sẽ tiếp tục thảo luận. *"Rất đỗi đau lòng"* khi thấy "do sự tuyên truyền quá khích che giấu sự thật, gieo sự hoài nghi về thiện chí của chánh phủ, khiến một số người bị đầu độc gây *một án mạng oan uổng*." Long trọng cam kết rằng *"sau lưng Phật Giáo trong nước hãy còn có Hiến Pháp nghĩa là có tôi" [Budhism in Vietnam finds its fundamental safeguard in the Constitution of which I personally am the guardian]*. ("Lời kêu gọi của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa," PTT/1CH, HS 8501 & 8511; *NYT,* 12/6/1963)

B. Một cái nhìn khách quan, khoa học:

Cuộc tự thiêu của Thích Quảng Đức tự nó là một biến cố phục vụ và hoằng dương Phật Pháp

1. Nó vượt trên vấn đề *"giáo kỳ"* từ ngày 6/5/1963 tới 10/6/1963.

2. Nhấn mạnh hơn vào tinh thần và nguyên tắc của 5 nguyện vọng ngày 10/5/1963 cùng bản Phụ Đính ngày 23/5/1963: *Tự do tín ngưỡng và bình quyền tôn giáo.*

3. Trong ba biến cố cao điểm của phong trào Phật Giáo năm 1963—cái chết của Phật tử đêm 8/5 tại Huế, cuộc tự thiêu của Quảng Đức ngày 11/6 và chiến dịch "vét chùa" ngày 20-21/ 8/1963—đây là biến cố duy nhất phong trào Phật Giáo tranh đấu giữ thế chủ động. Nếu muốn xếp hạng cuộc tự thiêu này như một thứ vũ khí tranh đấu, nó là "vũ khí" của người yếu chống lại kẻ mạnh và ác, là ánh sáng của lương tâm soi rõ những góc cạnh xấu xí, dơ bẩn của quyền lực thế nhân, là ngọn lửa hâm nóng, nếu không phải đun sôi dòng máu lạnh của đám đông đang bưng tai, bịt mắt, co ro trong ngục tối đen lạnh của sự sợ hãi bạo quyền. Nó có tác dụng mãnh liệt hơn tuyệt thực, mít

tinh, biểu tình, khẩu hiệu, truyền đơn—nó phá vỡ sự dửng dưng của dư luận quốc tế.

4. Cuộc tự thiêu của Thích Quảng Đức khiến thay đổi hẳn thái độ của người thường được các nhà lãnh đạo ngoại quốc mô tả như *"a religious fanatic"* hay *"a Catholic mystic."*

a. Thái độ sơ khởi của chính phủ Diệm là hạn chế hậu quả tai hại [*"damage control"*] của "chỉ thị" cấm treo cờ Phật Đản và tội ác chiến tranh *[war crimes]* và "tội ác chống lại nhân quyền" *[crimes against Human Rights]* của chế độ sau vụ thảm sát thường dân ở Huế tối ngày 8/5/1963: nhân nhượng vừa phải, và thương thuyết trên thế mạnh.

Ngụy tạo tin tức (lựu đạn, rồi mìn plastic, trút mọi trách nhiệm cho "Việt Cộng"

Thứ Bảy, 18/5/1963:

* Sài-Gòn: Đại sứ Nolting gặp Diệm. Nolting yêu cầu Diệm thỏa mãn nguyện vọng của Phật giáo để ổn định tình hình. Diệm cần chịu trách nhiệm về biến cố ở Huế, bồi thường cho nạn nhân, và tái khẳng định chính sách bình quyền tôn giáo và không kỳ thị. (Đề nghị này Nolting đã trình về BNG ngày 18/5 và được Rusk chấp thuận ngày 21/5; *FRUS, 1961-1963,* III:312)

Diệm không có thái độ rõ rệt và muốn kéo dài thời gian. Theo Diệm:

- Biến cố ở Huế là do các lãnh tụ Phật giáo khích động;
- Những người chết ở Huế là do lựu đạn, do Cộng Sản hay những người chống đối chế độ ném, không phải người của chính phủ;
- Một số lãnh đạo Phật giáo lợi dụng biến cố ở Huế để củng cố thế lực trong nội bộ Giáo hội;
- Vấn đề Phật giáo không quá nghiêm trọng như Mỹ tưởng nghĩ. (*FRUS, 1961-1963,* III:314)

Dù được xem những khúc phim về cuộc đàn áp—chứng minh quân lính của Sỹ bắn vào Phật tử—Diệm không thay đổi lập trường.(Gravel, II:226)

Diệm tiếp xúc với phái đoàn đại diện Phật Giáo ngày 15/5/1963, nhưng trốn trách nhiệm.

Dùng vũ lực đàn áp

Đặc biệt là tại Huế và Sài Gòn. Dùng Nhảy Dù, Cảnh Sát Chiến Đấu, Mật vụ, chó berger, và ngay cả *blister gas* khiến 67 sinh viên, học sinh, Phật tử bị thương; phong tỏa người biểu tình trong vòng rào kẽm gai.

Nghi ngờ cuộc tranh đấu có bàn tay CS & ngoại bang:

- Dị ứng với cuộc tấn công tuyên truyền của Hà Nội & MTGPMN.
- Dị ứng với sự can thiệp tích cực của Tòa Đại sứ Mỹ và Oat-shinh-tân

(Phải giải quyết ngay bằng không sẽ tự tách biệt khỏi chính sách tôn giáo của Diệm).

- Dị ứng với sự ủng hộ phong trào Phật Giáo của dư luận thế giới.

b. Ngọn lửa Quảng Đức khiến Diệm thay đổi thái độ [dưới áp lực mạnh của Tòa Đại sứ Mỹ]:

- Chấp nhận ký Thông Cáo Chung 16/6/1963 *[thành tín hay không. đây là một chiến thắng cho Phật Giáo]*
- Hạn chế sự chống đối của những thành phần quá khích như Lệ Xuân *[từ ngày 17/6/1963 đã công khai đả kích Thông Cáo Chung và tìm mọi cách cản trở việc thực thi]*.

5. Nhưng bỗng xuất hiện một biến cố vượt ngoài phong trào tranh đấu: Việc bổ nhiệm Henry Cabot Lodge, người nổi danh "vua đảo chính," làm Tân Đại Sứ *[Diệm được hỏi ý kiến ngày 22/6/1963]*.

6. Tiếp đó và song song là:

a. Âm mưu của De Gaulle và Lalouette nhằm "trung lập hóa" Đông Dương—không chỉ để "phá Mỹ" mà chủ yếu vì quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp.

b. Những lời tuyên bố của Hồ Chí Minh về một chính phủ liên hiệp, trung lập, trên căn bản Hiệp định Genève 1954, và nằm ngoài vùng ảnh hưởng Mỹ *[để bảo đảm sự an toàn cho cửa ngõ chiến lược phía Đông Nam của Trung Cộng]*.

c. Nhất Linh Nguyễn Tường Tam uống thuốc độc tự tử

["Di ngôn" ngày 7/7/1963 của Nhất Linh và sự nhập cuộc của sinh viên học sinh. Cùng với cái chết của Quảng Đức, đây là mồi lửa thứ hai thiêu hủy chế độ nhà Ngô. Theo bản tin Đài VOA ngày 9/7/1963, ngày 7/7, Nhất Linh để lại di ngôn: *"Đời tôi có lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập Quốc Gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng Sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người trà đạp mọi thứ tự do."*

(PTT/1CH, HS 8500)

d. Không kém quan trọng, chiến dịch khai thác cuộc tranh đấu của Phật Giáo của Hà Nội: Một "món quà từ trên trời rơi xuống," theo lời Nguyễn Hữu Thọ.

- Mít tinh, tuyên cáo đả kích Mỹ-Diệm và ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo trước dư luận quốc nội cũng như quốc tế.
- Xâm nhập cán bộ vào các đô thị và phong trào tranh đấu.
- Gia tăng hoạt động quân sự, đánh phá các đồn bót và Ấp chiến lược.
- Khoét sâu sự khác biệt giữa chính quyền miền Nam và Phật Giáo.

Thứ Hai, 15/7/1963:

* Sài-Gòn: Có tin MTGPMN kêu gọi binh sĩ và Cảnh sát ủng hộ 5 nguyện vọng của THPGVN. (HS 8501)

* Liên Khu V: Hội nghị Khu Ủy Khu V mở rộng [tới ngày 31/7/1963]

Nghị Quyết: [*VKĐTT,* 24:895-954] Cần phải và có khả năng kiềm chế địch trong loại chiến tranh thứ ba và thắng địch trong loại chiến tranh ấy. [tr. 907]

trường kỳ kháng chiến, đánh địch trường kỳ, giành thắng lợi từng phần [tr. 908]

ở miền núi, đấu tranh võ trang là chính [tr. 910]

ở đồng bằng, đấu tranh chính trị, vũ trang song song.[tr.910]

ở đô thị đấu tranh chính trị là chủ yếu, có kết hợp đấu tranh vũ trang trong một mức độ nhất định.[tr. 911]

"trước mắt ra sức nuôi dưỡng mở rộng cuộc đấu tranh của đồng bào Phật Giáo và nhân dân các tầng lớp chống địch đàn áp Phật Giáo, chia rẽ các tôn giáo." [tr. 942] (Huế: thuộc Liên tỉnh 1 của Khu V)

Khu VI [tháng 10/1963]:

"cần chú ý tranh thủ xây dựng cơ sở trong tín đồ Phật Giáo và từng mặt liên minh hành động tiến tới nắm một số sư sãi tiến bộ, có uy tín trong giới Phật Giáo, cũng như phải tích cực tranh thủ xây dựng những phần tử lớp trên... có xu hướng tiến bộ để tiến tới hình thành Mặt Trận lâm thời của thành phố." (*VKĐTT,* 24:989)

Tất cả những yếu tố trên dẫn đến chiến dịch "vét chùa" và ban hành thiết quân luật đêm 20-21/8/1963: Đây là một chiến thắng lớn của Phật Giáo, vì anh em họ Ngô đã công khai đương đầu với Mỹ,

trong một cuộc đương đầu chỉ có thua— qua chính sách đàn áp Phật Giáo, như một biểu hiệu của thái độ "không ăn được thì đạp đổ" và "dằn mặt" Đại sứ Lodge; tạo cơ hội cho Lodge bắt đầu kế hoạch đảo chính.

Những chiếc đinh khác đóng thêm lên nắp quan tài Đệ Nhất Cộng Hòa:

e. Maneli vận động gặp Nhu

f. India dàn xếp cho đại diện Ngô Đình Diệm (Trần Văn Dĩnh) gặp đại diện Hà Nội ở New Dehli vào khoảng trung tuần tháng 11/1963. (Hammer)

Từ đó, kiêu binh không xếp hàng một mà tranh giành, gấu ó nhau chạy đua vào Dinh Gia Long. Chính trường xuất hiện những "lãnh tụ" *(sic)* ham mê "đá gà", xem vũ khỏa thân, cờ bạc, rượu chè, trai gái.

IV. QUAN ĐIỂM CHÍNH TRỊ VÀ HẠN CHẾ CỦA "NHỮNG MỤC TIÊU CHÍNH TRỊ GIAI ĐOẠN."

Nghiên cứu về Phật Giáo tại nội địa Việt Nam, nhất là phong trào tranh đấu 1963, rất khó khách quan và khoa học.

A. Có khuynh hướng "bắt" tôn giáo phải nằm trên chiếc giường của tên tướng cướp "duy vật biện chứng" Marxist-Leninist. Việc xếp hạng Phật Giáo cổ truyền vẫn được duy trì, nhưng hai cách xếp hạng khác, có yếu tố quyết định, bất di bất dịch: Phật giáo *"yêu nước" (Phe ta)* và Phật Giáo *"phản động" (Ngụy).*

B. *Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam*, mà đại đa số vốn chống Cộng hoặc không-cộng-sản, vẫn chưa được nhìn nhận. Mặc dù một thiểu số tăng ni được trọng dụng, nhiều tăng ni tranh đấu năm 1963 đã bị cải tạo và quản chế. Có người đã chết trong tù ngục CS (Thượng tọa Thích Thiện Minh, gốc Quảng Trị). Những danh tăng như Thích Quảng Độ hay Thích Huyền Quang vẫn bị coi như "bất hợp pháp," bị cô lập, chỉ định cư trú và liên tục bị giám sát, nhục mạ. Viện Hóa Đạo II ở hải ngoại không được phép hoạt động cứu tế xã hội, xây chùa, sợ "diễn biến hòa bình." [Mới đây, Thượng Tọa Thích Thiện Minh (51 tuổi, gốc Bạc Liêu) mới được phóng thích khỏi ngục tù sau 26 năm giam cầm, bị quản thúc ở Bạc Liêu, xin dựng một ngôi chùa thờ Phật thì chịu đủ ngược đãi tinh thần].

C. Thảo luận về Quảng Đức và Phong trào Phật Giáo 1963 không thể không nói đến sự chống đối của những thành phần Ki-tô

giáo quá khích, hoài tưởng họ Ngô. Với những người này, hễ ngoại đạo là "ác quỉ" và Ngô Đình Diệm là "thánh" của họ.

PThT, HS 29253:

* 13/11/1963: Trung tướng Mai Hữu Xuân, TGĐCSQG, báo cáo lên Bộ An Ninh là một số đồng bào gốc Bùi Chu vẫn ủng hộ Ngô Đình Diệm. Họ tập trung tại nhà thờ Bùi Phát đường Trương Minh Giảng, nhà thờ Ngã Ba Ông Tạ, nhà thờ Phú Nhuận cầu nguyện cho NĐDiệm. Theo họ Diệm còn sống, một ngày kia sẽ trở lại lãnh đạo VNCH.

Trong khi đó tín đồ Phát Diệm của GM Từ chống Diệm.

Xuân yêu cầu bộ Thông Tin có biện pháp đánh tan tư tưởng thân Diệm.

* 16/11/1963: Tỉnh trưởng Thừa Thiên, Trung tá Trần Văn Mô, gửi Trung tướng TL/QĐ I kiêm Đại biểu CP/TNTP:

- Lúc 19G30 ngày 9/11/1963, Linh mục Võ Văn Quang, Tuyên úy Trung tâm Cải huấn Thừa Thiên, hỏi ông Quản đốc về thái độ với việc lật đổ Diệm. Quang tuyên bố anh em Diệm-Nhu còn sống, đang ở Mỹ. Đài Vatican trách Mỹ đã đưa hai ông xuất ngoại. Quang còn nói chính cha [Nguyễn Văn] Thuận đã cho người rình lén, thấy hai ngôi huyệt không có xác Diệm-Nhu.

- Linh mục Lộc, ở Mỹ Á, quận Vĩnh Lộc: Ngầm lãnh đạo con chiên chống Cách Mạng.

- Linh mục Bửu Đồng, xứ Sư Lổ thượng, xã Phú Hồ, quận Phú Vang: Tối 4/11/1963 tập trung khoảng 20 con tin quá khích, gồm thành phần cũ, họp kín.

- Linh mục Điển, sở Đại Phú, xã Phong Lộc, quận Phong Điền: Trong buổi họp ngày 13/11/1963 có những lời khiếm nhã.

- Linh mục bổn sở họ Vĩnh Nguyên, xã Phong Nguyên, quận Phong Điền: Cho giáo dân học võ chuẩn bị đánh nhau với Phật tử.

- Linh mục bổn sở Lai Hà, xã Quảng Lợi, quận Quảng Điền: Cấu kết với tay chân Nguyễn Xuân Khương có thể cất giữ vũ khí và có hành động khả nghi.

* 29/11/1963, TGM Francesco de Nittis, Khâm mạng Vatican, than phiền Giáo dân Ki-tô bị ngược đãi tại Thừa Thiên và Quảng Trị. Ngày 3/12/1963, Nguyễn Ngọc Thơ yêu cầu BT An Ninh điều tra việc này. Tôn Thất Đính báo cáo: Cộng Sản xúi giục.

* Một trí thức Ki-tô ở hải ngoại từng kết thúc tập "nghiên cứu" về cái chết của Ngô Đình Diệm bằng câu *"Ngô Tổng thống muôn năm"* và *"Toàn dân Việt Nam nhớ ơn Ngô Tổng thống."*

Bàn về những nhóm Ki-tô quá khích này có thể đi ngược lại chủ trương "đại đoàn kết" của Đảng CSVN hiện nay—khối giáo dân Ki-tô chỉ nín thở qua sông, *"cho các ông ấy tạm giữ đất nước hộ mình."* Nói về tổ chức, cán bộ, nhân vật lực, hiện nay khối Ki-tô đang hồi phục dần. Vấn đề không phải là liệu họ có nổi dậy chống chính quyền Cộng Sản hay không. Vấn đề là *"Bao giờ?"*

KẾT LUẬN:

Hội thảo về Quảng Đức phải là một công trình nghiên cứu nghiêm túc, để từ đó:

1. tìm ra những sự thực sử học về một biến cố đã khiến đổ nhiều máu và nước mắt;
2. từ những sự thực sử học này mới có thể rút ra những bài học hữu dụng cho tương lai.

Nếu Hội thảo về Quảng Đức chỉ đưa đến những tập hợp cảm nhận lịch sử—một tập hợp những lời cung văn và đào mộ—hay nhắm vào những mục tiêu chính trị giai đoạn nào đó thì cầm bằng chẳng nên có cuộc hội thảo.

Houston, 10/6/2005
Vũ Ngự Chiêu

Phụ Bản I
SƠ LƯỢC NHỮNG TƯ LIỆU VĂN KHỐ VỀ PHẬT GIÁO 1963

TÀI LIỆU PHỦ TỔNG THỐNG ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA

HS 7941: Ngày 20/2/1962, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết gửi thư cho Diệm. Than phiền việc đàn áp Phật Giáo tại Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam.

Diệm gặp Mai Thọ Truyền, rồi chỉ thị Bùi Văn Lương điều tra. Lương cử Trung Tá Trần Văn Thưởng, Giám đốc CSCA TNTP điều tra. Theo Thưởng, cả hai bên đều có lỗi. Chỉ xảy ra ở một vài xã. (Báo cáo ngày 18/6/1962 của Bùi Văn Lương)

HS 8501: Sắc lệnh 84-TTP, ngày 20/8/1963 của NĐD, ban hành "tình trạng giới nghiêm" trên toàn quốc.

Quân đội chịu trách nhiệm bảo vệ an ninh: xét tư gia bất cứ giờ nào, bắt giữ những người xét có hại cho an ninh công cộng. Cấm mọi cuộc tụ họp có thể phương hại cho trật tự an ninh công cộng, hạn chế tự do báo chí, kiểm soát phát thanh, kịch ảnh, cấm tàng trữ, lưu hành

những ấn loát phẩm, tài liệu có hại đến an ninh công cộng. [cũng có trong HS 8506] Hiệu lực tới 12G00 ngày 16/9/1963. SL104-TTP ngày 14/9/1963.

HS 8502: Nha CS miền Bắc TNTP báo cáo về sự can thiệp của Mỹ "để khuynh đảo chính phủ."

Lời khai của Thiện Siêu, Thiện Minh, Chánh Lạc, Lê Khắc Quyến, Vĩnh Kha, Trần Công Tho, Tôn Thất Kỳ.

HS 8503: Tài liệu Nha TGĐCSCA v/v cuộc tranh đấu của Phật Giáo.

11/6/1963: Thích Quảng Hường, trụ trì chùa Khai Đơn, Ban Mê Thuột, đòi tự thiêu tranh đấu cho 5 nguyện vọng của Phật Giáo.

HS 8504-8505: Báo cáo hằng tháng của TGĐ/CSCA.

HS 8506: Các chùa trên toàn quốc bị khám xét.

Sắc lệnh số 84-TTP, ngày 20/8/1963, ban hành "tình trạng giới nghiêm" của NĐD. [cũng có trong HS 8501] Gồm 5 điều, công bố theo thủ tục khẩn cấp. Hiệu lực cho tới 12G00 ngày 16/9/1963; SL số 104-TTP, ngày 14/9/1963.

Tuy nhiên, "tình trạng khẩn cấp," ban hành do SL số 209-TTP ngày 15/10/1961 vẫn còn hiệu lực.

4/9/1963: Bùi Văn Lương cho lệnh liệt kê các chùa trên toàn quốc.

HS 8507: Hồ sơ về việc ấn định thể thức treo cờ:

Nghị định mới, số 358/BNV/KS ngày 9/7/1963, về việc treo cờ trong những ngày lễ Phật đản.

Chỉ thị của NĐThục về việc treo cờ.

Trong đạo ta chỉ có một biểu hiệu là Thánh giá mà thôi. Anh em đừng nghĩ rằng cờ Tòa thánh Vatican là cờ có tính cách quốc tế nên được phép treo khắp nơi. Cái cờ bấy lâu gọi là cờ tòa thánh chỉ là cờ nước Vatican, không phải là cờ của đạo ta.

"...không phải một tấm vải vài đồng bạc mà thay được tín ngưỡng đâu."

HS 8508: Dư luận Quốc tế

Báo cáo của Nguyễn Văn An, Trưởng Phái đoàn Giao dịch với Ủy Hội Quốc tế ngày 22/5/1963, 15/6/1963,

HS 8509: 5 nguyện vọng của Phật Giáo

Thông cáo chung 16/6/1963.

HS 8510: Trần Thanh Chiêu và Thương Phế Binh chống Phật Giáo

Trung tá Chiêu bị phạt 40 ngày trọng cấm, nhưng được thưởng

Trung Dũng Bội Tinh, sau khi Hòa thượng Tịnh Khiết xin khoan hồng cho Chiêu.

HS 8511: Hồ sơ Việt Tấn xã về Phật Giáo

Gồm 3 tập, bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp.

HS 8512: Danh sách các khuôn hội

HS 8513: Việt Cộng lợi dụng cuộc đấu tranh

Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo, Bản nghiên cứu đặc biệt về Phật Giáo Việt Nam, do Nguyễn Văn An soạn.

Bản tin tức đặc biệt ngày 24/8/1963.

Bản tin tức đặc biệt ngày 6/9/1963.

HS 8514: Một số lãnh tụ Phật Giáo

HS 8515: Phụ Nữ Liên Đới

HS 8516-8519: Kiến nghị của Quốc Hội

HS 8520: Báo cáo, CĐ về Phật Giáo

HS 8521-8522: Khiếu nại của Phật Giáo

HS 8523-8525: Báo cáo của Đại biểu TNTP

Mật điện đến (đặc biệt CĐ số 100/MM ngày 9/5/1963 của Tòa Đại biểu TNTP: Lựu đạn MK-2 từ đám đông ném ra; do khủng bố VC.

HS 8526: Truyền đơn của Tổng Hội Phật Giáo

HS 8527: Tài liệu Bộ Quốc Phòng

Báo cáo của Trần Thiện Khiêm, Đỗ Cao Trí, v.v...

HS 8528-8530: Hoạt động của Phật Giáo tại Thừa Thiên

HS 8529: CĐ tỉnh Thừa Thiên.

7/5-31/5/1963: Nguyễn Văn Đẳng

6/6-19/8/1963: Nguyễn Văn Hà.

21/8-2/10/1963: Thiếu tá Nguyễn Mâu.

HS 8530: Phản ứng của chính phủ.

Đặc biệt, báo cáo của Thiếu Tá Nguyễn Mâu, Tỉnh trưởng Thừa Thiên, với những lời buộc tội như "phản loạn," "bọn lưu manh phản động đội lốt tôn giáo âm mưu phá rối an ninh công cộng."

Từ năm 1968, Mâu chiếu cố các tăng ni tranh đấu khá kỹ, với sự tán thưởng của Trần Văn Hương.

HS 8531: Lý lịch các sư

HS 8532-8533: Hoạt động chống chính phủ tại Trung Phần và Nam Phần

HS 8534: Phật Giáo tại Đô thành

HS 8536: Ký giả ngoại quốc bị hành hung tại Chùa Miên trên đường Trương Minh Giảng

HS 8539: Báo cáo của các tỉnh
HS 8540: Trợ cấp cho Phật Giáo
HS 8541: Tài liệu Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo
HS 8278:
Biên bản số 62, Phiên họp ngày 23/8/1963. Có phát biểu của Ngô Đình Nhu về Phật Giáo.

TÀI LIỆU PHỦ THỦ TƯỚNG
HS29229: Phật Giáo, 1954-1955
HS29368: Phật Giáo, 1964
HS29369: Phật Giáo xin bồi thường thiệt hại, 1964:
Danh sách những người bị bắt giữ đêm 20 rạng 21/8/1963.
Tại Huế, có 127 người bị thương nhẹ, 33 bị thương nặng. Ngày 30/7/1964 mới giải quyết xong.
HS29371: Phật Giáo, 1964
Tại các tỉnh.
HS29372: UBLP Phật Giáo, 1963-1964
Báo cáo của LHQ về Phật Giáo: Ngày 13/12/1963, quyết định không cần phải thảo luận nữa.
HS29372a: Xung đột giữa Phật Giáo với quân đội, cảnh sát và Ki-tô giáo, 1963-1964
HS29380a: Ki-tô giáo chống chính phủ, 6-8/1964 (Sài Gòn & Vùng 1 CT);
HS29380b: Ki-tô giáo chống chính phủ, 1-12/1964;
HS29387: Liên tôn chống Cộng, 1964;
HS 29675: Phật Giáo, 1966;
HS 29679: Phật Giáo, 1966;
HS 29684b: Hoạt động của một số tu sĩ Phật Giáo, 1965-1966;
HS 29587: Hoạt động tôn giáo, 1963-1967;
HS 29588: Phân hóa của Phật Giáo, 1966-1967;
HS 30206: Phật Giáo Ấn Quang, 1968.

Trên đây chỉ là những tư liệu tôi có cơ hội tham khảo và làm phóng ảnh. Chắc chắn còn nhiều tài liệu khác nằm rải rác đâu đó. Cấm trích dịch nếu không có sự chấp thuận của tác giả.

(*) Tác giả xin cảm tạ Hội Đồng Fulbright Bộ Ngoại Giao Mỹ, và chương trình Rockefeller của William Joiner Center, đã tài trợ chuyến du khảo tại Việt Nam trong niên khóa 2004-005. Tác giả cũng ghi nhận sự giúp đỡ tận tình của Đại học Khoa Học Xã Hội & Nhân

Văn Thành phố Hố Chí Minh, quí vị Giám đốc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, và các cơ quan liên hệ trong thời gian du khảo ở Việt Nam.

(BÀI ĐÃ IN TRONG HỢP LƯU 84 / tháng 8 và 9 -2005)
[Nguồn: http://www.hopluu.net/D_1-2_2-95_4-1863_5-8_6-2_17-94_14-2/]
(Chủ Nhật, 23 Tháng Mười-2011) (Xem: 4901)

Chương Tám

GỬI LẠI NGHÌN SAU

Suy nghiệm về một số bài học lịch sử

BẤT ĐẮC DĨ KHƠI ĐỐNG TRO TÀN

Lê Nguyên Long

LTS: *Tác giả bài này là một nhân sĩ miền Trung, lãnh tụ Việt Quốc vùng Nam Ngãi. Trưởng thành qua những thời đại Phong kiến, Độc tài, Cộng Sản. Ông đã là chứng nhân của lịch sử cận và hiện đại. Bài viết của ông sau đây, dù thuộc về một đề tài vốn đã được nói nhiều nhưng vì tính cách chứng nhân đó của tác giả mà nó vẫn có cái giá trị riêng biệt của nó - cần thiết cho một cái nhìn đúng đắn về lịch sử. – KP, 1981*

Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm bị hạ sát cách đây đã gần hai thập niên, sự việc đã chìm vào quên lãng, đáng lẽ những ân oán xa xưa chẳng nên đề cập, nhưng hơn vài năm nay nơi hải ngoại, một vài tổ chức đã phát động phong trào suy tôn ông Diệm. Một vài tờ báo đã đề cao ông Diệm như: "*Lịch sử đã ghi tên Ngô Đình Diệm là một vĩ nhân cận đại, lịch sử đã ghi nhận Ngô Đình Diệm là một nhà đại ái quốc, một người Việt Nam kiêu hùng, một cứu tinh của dân tộc v.v...*" và đã có nhiều kẻ từng thừa hưởng đỉnh chung của nhà Ngô đã lập luận: "*Nếu ông Diệm không chết thì chúng ta đã không mất nước!*".

Kẻ viết bài này thật sự luôn luôn thiết tha với tình tự đoàn kết quốc gia dân tộc, không muốn khơi lại đống tro tàn ô uế dĩ vãng... Đã bỏ nước đau khổ lưu vong thôi thì tất cả ai cũng chống Cộng là đồng chí, là anh em... nhưng thiết nghĩ Sự Thật chẳng thể bẻ cong, nhất là sự thật lịch sử phải trả cho lịch sử.

Lịch sử Việt Nam không thể gọi vua Long Đỉnh Ngọa Triều là anh quân, Mạc Đăng Dung là ông vua anh hùng, Lê Chiêu Thống là ông vua cứu nước.

Vậy thì sự thật như thế nào về thời Ngô Đình Diệm phải được minh định để trả sự thật về cho lịch sử.

Từ ngày được Hồng Y Spellman đỡ đầu, được Chính phủ Eisenhower ủng hộ, được Quốc trưởng Bảo Đại chấp nhận, ông Ngô Đình Diệm từ Hoa Kỳ về chấp chánh ở Việt Nam năm 1954, trong khi Hiệp định Genève sắp kết thúc, (tháng 7-1954).

Lúc đó, lòng dân thật tình hướng về ông Ngô Đình Diệm. Người ta đã nghĩ ông Diệm sau khi từ quan, chu du ngoại quốc, chắc hẳn là một nhà lãnh đạo quốc gia xứng đáng.

Hầu hết các phe phái và các nhân vật quốc gia đã nồng nhiệt tin tưởng và kỳ vọng ở ông Diệm.

Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn cầm quyền, chủ trương độc tôn, độc tài, phản bội, lật lọng, phong kiến, thối nát, bất lực, kỳ thị của nhà Ngô đã lần lượt thể hiện... Khiến những người vốn tích cực ủng hộ ông Diệm, đến những người vô tư khách quan với ông Diệm lần lượt đứng lên chống đối và nhà Ngô đã dùng thủ đoạn sắt máu đàn áp để củng cố địa vị suốt 9 năm cầm quyền.

Có thể nói trừ chế độ Cộng Sản ra, chưa có một chế độ nào ở Việt Nam đã đàn áp, thủ tiêu, ám sát, bắt cóc, tra tấn, cầm tù hàng vạn người quốc gia cũng như các tu sĩ các tôn giáo như thời Diệm.

Trừ Cộng Sản ra, chưa có một chế độ nào đã thẳng tay đàn áp đối lập để củng cố địa vị như chế độ ông Diệm. Chưa có một chế độ nào phản dân chủ và khinh thị lợi dụng nhân dân làm cái bung xung để hợp thức hóa các chức vụ theo ý muốn của mình bằng cách tổ chức những cuộc bầu cử gian lận như chế độ ông Diệm.

Tất cả những ai chỉ ở thủ đô hoặc các thành phố lớn khó lòng thấy rõ chánh sách gian ác, hành động bất nhân, phản dân hại nước của chế độ Diệm, mà phải quan sát ở các tỉnh, quận, nông thôn (90% lãnh thổ toàn quốc) mới thấy rõ tội ác của tay chân nhà Ngô một thời... mà có người đã nói: Trúc Nam Sơn không thể chép hết tội, nước muôn sông không thể nào rửa hết nhơ!

Rõ ràng ông Diệm đã có một cái may mắn mà chưa có một nhân vật lãnh đạo quốc gia nào sau 1945 được cái may mắn như ông kể từ Chính phủ Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm đến Bửu Lộc là: Đất nước đã tạm chấm dứt chiến tranh, dân tình phấn khởi bồng bột ủng hộ người lãnh đạo và được ngoại viện dồi dào như ông Diệm.

Ông Diệm cầm quyền sau Hiệp định Genève, khoảng 6 năm trời từ 1954 đến 1959 miền Nam không có chiến tranh và chưa có Cộng Sản hoạt động đáng kể. Từ thành thị đến thôn quê quốc gia có thể kiểm soát chặt chẽ khắp hang cùng ngõ hẻm.

Đại đa số dân chúng nông thôn ở các vùng Cộng Sản chiếm từ trước như Nam, Ngãi, Bình, Phú chẳng hạn, đã chán ngấy thù ghét Cộng Sản và đều ngã về Quốc gia. Ông Diệm còn có một kho cán bộ kinh nghiệm chống Cộng, vốn mắc kẹt trong vùng Cộng Sản hoặc

một số lớn thị thành, vì mặc cảm làm việc cho Pháp, đã "trùm chăn", nay vươn mình đứng lên tích cực ủng hộ cho Ngô Thủ tướng.

Lúc ấy ở miền Trung có hàng nghìn cán bộ không cần làm việc có lương nhiều, chỉ sao đủ sống đạm bạc để hoạt động chống Cộng là họ thỏa chí.

Bao năm khổ đau sống trong tăm tối của Cộng Sản, nay ánh sáng quốc gia rọi về, họ hứng khởi đứng dậy, lửa chống Cộng bừng bừng, khí thế Cộng Sản lụi tàn.

Nhưng ngay lúc đó, ông Diệm và tay chân của ông lo diệt người Quốc gia hơn là Cộng Sản, một thời cơ thuận lợi để nắm dân ông Diệm đã đánh mất!

Những cuộc bầu cử như Trưng Cầu Dân ý truất phế Bảo Đại, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, Lập Pháp, Tổng thống đều hoàn toàn gian lận vi luật trắng trợn.

Ông Diệm đã hạ lệnh cho quân đội tấn công Hòa Hảo, Cao Đài vốn là những lực lượng chống Cộng, hữu hiệu từ 1945 đến bây giờ và nếu ông Diệm không độc tôn đã có thể đoàn kết thu hút họ.

Ông đã lường gạt tướng Lê Quang Vinh, người hùng Nam Bộ, từng lập chiến khu chống cả Pháp lẫn Cộng về hợp tác, rồi bắt chặt đầu.

Cái chết bí mật của tướng Cao Đài Trình Minh Thế cũng trong nghi vấn là ông Diệm đã giết.

Và, ác nghiệt hơn cả, nhà Ngô đã tuyển chọn quân đội người Nùng - một binh chủng thiện chiến say máu - thời bấy giờ, và các chỉ huy trưởng có đảng tịch Cần Lao cầm quân vào các chiến khu Quốc Dân Đảng ở miền Trung với ác lệnh: giết sạch. Sự tấn công vào các chiến khu Quốc Dân Đảng còn tàn độc hơn hồi giặc Pháp đi "càn quét" nhiều. Đốt thực phẩm đốt nhà, tra tấn giết người một cách tàn ác đã xảy ra ở Quế Sơn, Tiên Phước, Duy Xuyên v.v... vào những năm 1955-1956.

Với lối tấn công ấy, nhà Ngô đã phá vỡ được chiến khu Ba Lòng của Đại Việt, nhưng không thể tiêu diệt các chiến khu Quốc Dân Đảng.

Thuở đó quân du kích Quốc Dân Đảng Nam Ngãi đã giáng cho chính quyền địa phương Diệm nhiều đòn chí tử.

Biết rõ không thể tấn công để thủ thắng, cuối cùng Ngô Đình Cẩn, bào đệ ông Diệm, lập kế mời về hợp tác. Làm kế phỉnh gạt, hơn 2000 nghĩa binh Quốc Dân Đảng kéo về với đầy đủ vũ khí và làm lễ hợp tác tại Hội An cuối năm 1956. Nhưng sau đó bọn họ đều bị thủ

tiêu và lần lượt bị bắt đi mất tích. (Khi ông Diệm đổ, một số trong bọn họ đã được thả ra, nhưng đều thân tàn ma dại).

Thiết tưởng kẻ viết cần trình bày rõ là Quốc Dân Đảng miền Trung lúc đầu ủng hộ ông Diệm tích cực. Họ đã lên án Nguyễn Văn Hinh và ủng hộ ông Diệm để chống Cộng. Họ đã có cán bộ giữ chức vị Tỉnh trưởng và Quận trưởng ở hai tỉnh lớn Nam Ngãi (Quảng Nam Tỉnh trưởng Lê Trung Chi, Quảng Ngãi Phạm Đình Nghị). Phong trào tố Cộng ly khai Cộng Sản, xé đảng kỳ Cộng Sản, bắt đầu tháng 10-1954 do họ tiên khởi phát động ở Quảng Nam rồi sau mới lan ra toàn quốc, nhưng tay chân nhà Ngô nhận định: Nếu để uy thế Quốc Dân Đảng miền Trung lan tràn thì Phong trào Cách mạng Quốc gia và đảng Cần Lao Nhân Vị do nhà Ngô đẻ ra sẽ tuyệt địa. Nên ông Diệm bất thần giải chức các Tỉnh trưởng và bắt giam hàng loạt các Quận trưởng Quốc Dân Đảng ở hai tỉnh Nam Ngãi và mật lệnh triệt hạ toàn bộ Quốc Dân Đảng (lại vu cáo Quốc Dân Đảng theo Pháp).

Và, vì cớ ấy, khoảng tháng 3-1955 Quốc Dân Đảng miền Trung lập chiến khu để tự vệ và để quật khởi chống Diệm.

Trong suốt 9 năm ông Diệm cầm quyền, thời gian đó ở nông thôn cơ quan nào cũng có thể bắt người. Công an bắt người, Xã trưởng bắt người, Cách Mạng Quốc Gia (phong trào đẻ ra từ nhà Ngô) cũng bắt người rồi giao cho Công an trừng trị. Nhưng ghê tởm nhất là đoàn "Mật Vụ Miền Trung" do Ngô Đình Cẩn đỡ đầu. Đó là đoàn hung thần toàn quyền sinh sát.

Đoàn có quyền đi khắp nơi, đến đâu địa phương phải tiếp rước chu đáo. Đoàn cần bắt ai thì giao cho Công an đi bắt bất kỳ đêm ngày. Nếu tra tấn chết thì Quận trưởng và Công an phải lập biên bản hợp thức hóa sự chết và bị bắt không cần phải có chứng cớ chỉ bị nghi chống Chính phủ là bị bắt. (Tại Long Beach, California có một đồng hương từ ngày vào đất Mỹ đến nay, vẫn nằm bẹp ở nhà, vì bệnh cũ tái phát, hậu quả của sự tra tấn tàn độc của mật vụ Diệm).

Hầu hết viên chức chính quyền từ Quận trưởng, Ty trưởng, Tỉnh trưởng ở miền Trung được bổ dụng thời đó, không phải vì khả năng chuyên môn hay tài đức, mà vì lòng trung thành hay mức quỳ lụy cao thấp đối với gia đình nhà Ngô thôi.

Phần lớn viên chức chỉ huy cấp Tỉnh, Quận được bổ dụng do một người ở hậu trường định đoạt. Đó là ông Ngô Đình Cẩn, bào đệ ông Diệm, với chức vụ "Cố vấn Chỉ đạo" Phong trào Cách mạng Quốc gia (chức vụ này trên danh nghĩa là một tổ chức nhân dân, nhưng trên thực tế là quyền quyết định tối hậu) cũng như ở miền Nam

thì do vợ chồng ông Nhu định đoạt.

Cũng vì lối bổ dụng đặc biệt này mới có tên Nguyễn Văn Tất nguyên là hương bộ thôn thời Pháp thuộc, nghiễm nhiên thành Tỉnh trưởng Quảng Ngãi; Lê Gia Quyến, cán bộ phù động hạng chót, bỗng nhiên là Quận trưởng Trà Bồng. (Hai tên này khi Diệm đổ thì bị bắt) và còn hàng chục hàng trăm trường hợp bổ dụng tương tự kể sao cho xiết.

Cũng vì lối bổ dụng này mới có tên Thái, Quận trưởng Điện Bàn, mỗi khi đi hành hạt có điều phật ý là cầm "ba tông" đánh xả lên đầu viên chức xã. Cũng vì lối bổ dụng này mà các Tỉnh, Quận trưởng mỗi khi về chầu hầu ông Cố vấn chỉ đạo, ông đều xem như tôi tớ, xưng hô "mày tao" nhưng bọn vô liêm sỉ này vẫn gật đầu vâng dạ và xem sự điếu đóm chầu hầu "cậu" là một diễm phúc có hy vọng thăng quan tiến chức hoặc giữ vững địa vị.

Trước 1954 các Xã trưởng đều được dân bầu, nhưng **thời Diệm đã bãi bỏ bầu cử các viên chức Xã.** Lại cho quyền Quận trưởng đề nghị lên Tỉnh trưởng bổ dụng hoặc cách chức viên chức xã, ấp. Vì thế các Xã trưởng, ấp trưởng là những tôi tớ của Quận, Tỉnh hoàn toàn không phải của dân. (Điểm này phải khen ông Diệm thành thật. Tuy phản bội nguyên tắc dân chủ trắng trợn, nhưng lại có minh văn. Nghị định bãi bỏ bầu cử xã 1956).

Vì bộ máy chính quyền gồm toàn tay sai, tổ chức theo lối gia nô hóa cho nhà Ngô như vậy, cho nên đã gây ra bao nhiêu tham nhũng bất công, tang tóc, tù đày cho lương dân vô tội nơi nông thôn. Mỗi một chính sách của nhà Ngô đưa ra là dân chúng kinh hoàng.

Quốc sách Dinh Điền nghe thuyết trình thì thật hay nhưng thi hành thì lệch lạc sai quấy.

Cán bộ Xã, Ấp cứ nhằm những người mình thù ghét hoặc cần làm tiền thì ép buộc phải đi dinh điền. Thế cho nên ở một vài tỉnh đã có người tự tử vì bị ép buộc. Còn những người chịu đi Dinh Điền, khi đến nơi lại bị cán bộ dinh điền hành hạ, đối xử bất công, ăn chận của cấp phát v.v... nhiều sự không tốt xảy ra khiến họ chán nản trốn về, vì vậy tỉnh nào cũng có người ở tù vì chống phá quốc sách dinh điền.

Quốc sách Dinh Điền của nhà Ngô trừ một vài vùng tương đối thành công, còn phần lớn, hàng chục vùng Dinh Điền khác đều thất bại hoàn toàn. Dân chúng lũ lượt trốn về quê, rồi bị bắt bớ đánh đập đã tổn phí tiêu hao không biết bao nhiêu công quỹ!

Nhà "lãnh đạo anh minh" có lần đi kinh lý một vùng dinh điền nhìn thấy những cây ăn trái được trồng trọt tốt tươi, ngay thẳng, ông

ta ban khen, nhưng chính đó là những nhánh cây vừa được chặt cắm xuống đất trong ban đêm, do sáng kiến của khu trưởng Dinh Điền chào mừng Tổng thống.

Về Quốc sách Ấp Chiến Lược là một quốc sách vô hiệu, nhưng đã làm phiền nhiễu hành hạ dân chúng không thể kể xiết.

Ấp Chiến Lược trước hết là phải rào làng-Xã, Ấp bằng nhằm vào những nhà có của khá giả trong làng đe dọa sẽ bỏ ra ngoài vòng rào vì những lý do "tiện" hoặc "bất tiện" theo ý của họ. Thế là màn trà nước van xin được diễn ra (vì bỏ ra ngoài rào là chết). Rồi đến khi rào làng, thì dân chúng phải tự nai lưng ra tìm kiếm vật liệu như tre, gai, cọc gỗ v.v... và bỏ công đi rào ngày này qua ngày nọ. Còn quỹ Ấp Chiến Lược do Mỹ viện trợ phần nhiều do Tỉnh trưởng, Quận trưởng chia nhau bỏ túi hoặc làm kinh tài cho "Cậu". Sự rào các Xã cho đúng tiêu chuẩn là một điều kiện khó khăn mà dân làng không đủ sức vì quá tốn kém. Vì vậy Ấp Chiến Lược chỉ được rào kỹ một vài đoạn bề mặt để trình diện và để báo cáo. Còn lại, thì chỉ rào sơ sài, ai ra vào cũng được. Nhưng mỗi tháng một lần, Xã, Ấp lại đốc xuất dân kiếm vật liệu như tre, gai đi tu bổ. Người dân biết rõ ràng rào Xã, Ấp như kiểu họ đang làm là một điều vô ích, chẳng ngăn ngừa gì được Cộng Sản, nhưng phải bỏ công đi rào vì không thể không tuân lệnh.

Trên đây là một vài nét điển hình về những quốc sách kỳ công của ông Diệm.

Thời Ngô, những sự xây dựng cơ cấu dân chủ như bầu cử Quốc hội, Tổng thống là những Trò Hề. Khi chưa bỏ phiếu người dân đã biết rõ ai trúng ai trật một cách chắc chắn.

Một Dân biểu thời Ngô, người Thừa Thiên, được chỉ định ra ứng cử tại Quận Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam có cái tên mà dân chúng địa phương không biết y là đàn ông hay đàn bà vẫn đắc cử với số 99% với số phiếu. Đó là ông Lâm My Bạch Tuyết. (Dân biểu này có liên quan trong một vụ buôn gạo của Ngô Đình Cẩn cho Cộng Sản Bắc Việt, bị bắt quả tang, nhưng Tòa án không giám xử).

Dân chúng Ninh Thuận vẫn còn nhớ trong năm 1956, ứng cử viên Dân biểu đơn vị Ninh Thuận là ông Trần Trung Dung, cháu rể ông Diệm, từ chức Thứ trưởng Quốc phòng để ra ứng cử. Khi ra Ninh Thuận "tranh cử", ứng cử viên Trần Trung Dung đã được Tỉnh trưởng Ninh Thuận Hồ Trần Chánh tổ chức một cuộc tiếp rước linh đình trọng thể. Dân chúng và học sinh đứng hai bên đường từng đoàn từng đoàn từ ga Tháp Chàm về đến tỉnh lỵ Phan Rang để hoan hô ứng cử viên. Khi ông Dung bước lên diễn đàn để tuyên bố: "*Ngày trước Ngô*

Tổng thống cai trị ở đây, ngài biết rõ dân tình ở đây nên nhờ tôi ra ứng cử ở địa phương này để có thể đạo đạt nguyện vọng nhân dân lên Tổng thống v.v...”

Rồi sau đó ứng cử viên Dung được tiếp rước về nhà Công quán của Tòa Hành Chánh Ninh Thuận có lính hầu hạ canh gác trước sau. Chưa bỏ phiếu, dân Ninh Thuận đã biết chắc ông Dung sẽ đắc cử 99% số phiếu.

Ai cũng chưởi ông Thiệu độc diễn. Nhưng sự độc diễn của ông Thiệu còn thật thà hơn ông Diệm, là khi ông Diệm ứng cử nhiệm kỳ 2 (1961) có các ông Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Đình Quát dàn cảnh.

Mỗi lần ông Quát, ông Truyền đọc diễn văn tranh cử trên đài không có ai nghe được gì hết vì đài bị phá. Cán bộ các ông ấy đi về các tỉnh vận động liền bị Công an tổ chức những nhóm anh chị du côn hăm dọa họ xin tý huyết.

Khắp nơi, ngày bỏ phiếu họ trốn về không dám ở lại các tỉnh. Vậy mà sau khi kiểm phiếu Quận trưởng, Xã trưởng phải... chịu khó tráo sửa biên bản để Ngô Tổng thống được 95% số phiếu.

Về kinh tế, tất cả tài nguyên từ trên núi xuống bể, mọi dịch vụ tài chánh từ Quảng Trị đến Cà Mâu, thượng vàng hạ cám, đều do tay chân quyến thuộc nhà Ngô bao thầu, thao túng, chiếm đoạt khai thác.

Người viết không muốn bẩn bút nhắc đến những ai trong thân tộc hoặc tay chân Ngô triều vốn là Tay trắng chỉ trong vài năm “làm kinh tài cho đoàn thể” đã trở nên triệu phú kếch xù!

Ông Diệm nói chống Cộng **nhưng tất cả việc làm của Ngô triều đều bắt chước Cộng Sản**. Cộng Sản bắt dân suy tôn Hồ Chí Minh thì ông Diệm cũng bắt dân suy tôn mình. Cộng Sản có Quốc Hội bù nhìn, thì ông Diệm cũng tổ chức một cái Quốc Hội nghị gật tay sai. (Quốc Hội gì mà cả một khóa họp chỉ ê a thảo luận các luật gia đình để có lợi cho bà “Đệ Nhất Phu Nhân”?)

Cộng Sản có cái đảng Lao Động làm nòng cốt, Mặt Trận Cứu Quốc Liên Việt làm ngoại vi, thì ông Diệm cũng có cái Đảng Cần Lao làm cốt và Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, Tập Đoàn Công Dân, Phụ Nữ Liên Đới làm ngoại vi. Nhưng có một điều khác là Cộng Sản, từ Đảng đẻ ra chính quyền, còn ông Diệm thì có chính quyền rồi mới dùng nhân sự, phương tiện của chính quyền đẻ ra Đảng. Nên tất cả tổ chức của ông Diệm chỉ là bèo bọt, chính quyền đổ thì đảng đổ theo.

Cộng Sản độc quyền ái quốc, ai khác mình là phản động Việt

gian, thì ông Diệm cũng độc quyền chống Cộng, ai khác mình là Cộng Sản phải giết!

(Đã biết bao người chống Cộng, từng bị Cộng Sản giam cầm, đến khi ông Diệm cầm quyền thì hồ sơ của họ trở thành là những người hoạt động cho Cộng Sản! Biết bao đảng viên Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân một sớm một chiều hồ sơ của họ biến thành Cộng Sản di hại cho họ mãi sau khi ông Diệm đổ).

Cộng Sản có chủ thuyết Mác Xít, giai cấp đấu tranh thì ông Diệm cũng ráng nặn ra cái chủ nghĩa nhân vị nhưng hoàn toàn vô vị... (vô vị vì ngoài tay chân ông Diệm ra toàn dân có ai để ý hoặc tìm hiểu các thuyết nhân vị là gì đâu?)

Cộng Sản có hiến pháp nhưng không bao giờ thực thi, thì ông Diệm cũng bắt chước mà dẫm nát lên Hiến Pháp của mình.

Tự do đi lại, hội họp, ngôn luận v.v... những quyền tối thiểu ấy có ghi trong Hiến Pháp, nhưng suốt 9 năm ông Diệm cầm quyền có bao giờ thực thi đâu?

Báo chí thời Diệm trừ tờ *Thời Luận* của ông Nghiêm Xuân Thiện bị đóng cửa đưa ra Tòa và tờ Tân Dân của Cụ Lộc phải đình bản, còn tất cả đều nói theo luận điệu của đài Sài Gòn. Thế cho nên bao nhiêu hành vi gian ác bất lương, tham nhũng của tay chân cán bộ nhà Ngô có bao giờ được công khai phanh phui như trong các Chính phủ khác?

Từ xưa đến nay chưa có một vị lãnh đạo quốc gia nào làm phiền nhiễu dân chúng như ông Diệm. Mỗi lần ông Diệm đi kinh lý một tỉnh nào thì toàn dân tỉnh ấy phải chuẩn bị cơm nước từ khuya, quần áo tươm tất, đi bộ lên tỉnh để cầm cờ tung hô ông Diệm. (Gia đình nào không có lý do chính đáng mà vắng mặt sẽ bị Xã, Ấp ghi vào sổ đen rất nguy hiểm). Còn các cơ quan Hành chánh, Quân sự Tỉnh, Quận được huy động tối đa trong việc đón tiếp. Phải bố trí công an chìm nổi, phải tổ chức huấn luyện cho những người đứng gần ông Diệm thưa bẩm những gì... phải dàn cảnh sao cho xôm tụ, cho Tổng thống hài lòng. Thành thử dù nghìn lần đi kinh lý, ông Diệm chỉ thấy cái giả dối, hào nhoáng bề ngoài, làm gì biết được ẩn tình dân chúng bên trong.

Thời gian ông Diệm cầm quyền ở nhiệm kỳ I, trong nước **chưa có chiến tranh nhưng mọi tự do đều bị bóp nghẹt**: không có giấy chứng nhận đi bầu cử thì không được ra khỏi làng để đi chợ.

Có một điều kỳ lạ tại sao ông Diệm lại **bãi bỏ Lễ Tổ Hùng Vương**? nhưng có người mách: điều kỳ lạ này có thể hỏi Đức Cha Cố

Vấn cho ông Diệm.

Về việc kỳ thị tôn giáo, bản thân kẻ viết không muốn nhắc đến. Chỉ mong sao các tôn giáo hiện tại tâm thành Đoàn Kết trước quốc thù Cộng Sản vì tất cả các tôn giáo đều đã bị đại khủng bố ở quê nhà.

Nhưng vì có kẻ biện hộ ông Diệm đã nói: Họ chưa thấy ông Diệm ký một sắc lệnh nào nâng đỡ ưu tiên cho Công giáo hay bóp nghẹt Phật giáo mà gọi là kỳ thị?

Vụ tranh đấu Phật giáo đâu phải bất thần nổ ra từ Phật Đản 1963 mà nó đã tiềm tàng âm ỉ từ nhiều năm về trước. Thời ông Diệm tại miền Trung, mỗi tỉnh có một vị Linh mục hầu như cố vấn và giám sát Tỉnh trưởng. Những Tỉnh trưởng nào dù lương hay giáo, nếu có hành vi trái ý vị Linh mục thì rất khó tại vị. Vị linh mục sẽ đề nghị lên ông Cố vấn chỉ đạo Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia (ông Ngô Đình Cẩn) có biện pháp (hoặc thuyên chuyển hoặc cách chức).

Vì cảm thông uy quyền ngầm của các vị Linh mục, nên các Tỉnh, Quận trưởng thời nhà Ngô không có ai gan làm trái ý những yêu cầu, đề nghị của các vị Linh mục. Nhiều vùng Linh mục đi giảng đạo nơi nào, có thể yêu cầu Xã trưởng cho mượn Trụ Sở Xã, triệu tập dân xã v.v... Trong khi đó các tôn giáo khác muốn hội họp phải xin phép khó khăn.

Nhiều Linh mục còn lộng hành hơn nữa là nhận đơn kiện cáo hoặc thỉnh nguyện của các con chiên, rồi phê vào đơn, đưa đến Quận trưởng bảo xử theo ý của Linh mục.

Người ta rỉ tai nhau cho biết các Cha rất có thế lực. Cứ vào Công giáo sẽ như ưu dân, sẽ được đề bạt v.v...

Có nhiều Linh mục tổ chức Hội chợ, tổ chức sổ số Tombola không cần giấy phép Bộ Nội Vụ. Khi tiêu thụ Tombola, các Linh mục đã nhờ các Quận trưởng gởi cho các xã bán. Nhiều xã đã xuất công quỹ để mua Tombola ủng hộ các Cha.

Người viết biết rất rõ có một nhà thờ ở một tỉnh miền Trung, do Tỉnh trưởng dùng uy quyền chiếm trên 2 mẫu đất công, ở một địa điểm tốt đẹp và lươn lẹo dùng phương tiện công quỹ của tỉnh để xây cất tòa nhà thờ đồ sộ ấy. Công việc nửa chừng thì ông Diệm đổ, viên Tỉnh trưởng bị bắt và nhà thờ xây cất nửa chừng phải bỏ dở.

Còn biết bao nhiêu tranh chấp lặt vặt phi lý như những thắng cảnh từ lâu vốn là của Phật giáo như Núi Bút Quảng Ngãi, Ngũ Hành Sơn Quảng Nam, chính quyền địa phương đã muốn giúp các linh mục thiết lập nhà thờ ở những nơi ấy nhưng đã bị Phật tử phản ứng quyết liệt.

Thời gian thuận lợi 1954-1958 **bất kỳ ai cũng có thể cầm quyền làm bằng hoặc hơn ông Diệm**. Không cần ông Diệm chống Pháp, Pháp cũng rút, vì Hiệp định Genève đã quy định, và vì Pháp đã ký kết với chính phủ Bảo Đại giao trả độc lập cho Việt Nam. Trước khi ông Diệm về chấp chánh đã có gần 40 nước trong thế giới Tự Do công nhận và bang giao với Việt Nam kể cả Anh, Mỹ và Tòa Thánh Vatican.

Nếu nói những khó khăn của ông Diệm thời đó, thì cũng phải nói đến **những thuận lợi, tiện nghi của ông Diệm** trong việc tiếp thu một chính quyền có sẵn tất cả và **Đất Nước Đã Chấm Dứt Chiến Tranh.**

Đến đây kẻ viết muốn hỏi nhỏ quý vị đang suy tôn ông Diệm: Ông Diệm từ một đường quan Tri Huyện, lần lượt lên Quản Đạo, Tuần Vũ rồi Thượng thư Bộ Lại, nếu thật sự chống Pháp, sao đường công danh của lãnh tụ quý vị lại hanh thông như vậy? (trong thời Pháp thuộc muốn xin một chân giáo viên mà có thành tích chống Pháp bị ty Liêm Phóng (Service de Sureté phê "Avis défavorable" vào hồ sơ là đương sự xem như... "lúa", chỉ có về nhà... xua gà cho vợ). Vậy tại sao đường công danh của "chí sĩ" Ngô Đình Diệm lại lên vùn vụt?

Việc từ quan của ông Diệm chỉ vì chống nhau với ông Phạm Quỳnh đương triều, nhưng ở đây người viết không đề cập đến vấn đề đó.

Ông Diệm tự phong mình là người thành tín quân tử, nhưng việc truất phế Bảo Đại là **Đại Phản Phúc.**

Nếu nói chống ông Bảo Đại, thì ai cũng có quyền chống, nhưng trừ ông Diệm. Vì cha, anh ông Diệm và cả ông Diệm vốn là tôi con nhà Nguyễn. Ông Bảo Đại trên nguyên tắc đã tín nhiệm ông Diệm, đã phú thác việc nước cho ông Diệm và ông Diệm đã phục mệnh.

Trước và sau khi truất phế ông Bảo Đại, ông Diệm, (qua Bộ Thông Tin) đã thuê bọn bồi bút (hầu hết báo chí thời Diệm) mở một chiến dịch dài hạn đả kích, bêu xấu, vu cáo nhục mạ ông Bảo Đại một cách tàn tệ.

Thiết nghĩ một người có lương tâm tối thiểu, không ai nỡ hành xử như thế!

Cũng phải khen việc "Trưng cầu dân ý" tổ chức thật chu đáo. Đến Bà Từ Cung mà cũng bỏ phiếu truất phế ông Bảo Đại!

Tóm lại: **Ông Diệm Đã Làm Hỏng Đại Cuộc**, đã sát hại nhiều phần tử quốc gia, đã tự tâm thiên vị làm hư Công giáo, đã kỳ thị

khủng bố Phật giáo đã **Lường Gạt Phản Bội Và Vô Cùng Tham Quyền Cố Vị**. (Ông đã vận động Quốc Hội thông qua đạo luật cho ông ứng cử lần thứ 3).

Do những hành động tham nhũng, đàn áp, khủng bố đại thất nhân tâm như đã kể trên, của bộ máy chính quyền gia nô, do ông lãnh đạo, đã xô đẩy hàng hàng lớp lớp thanh niên, phụ lão, những người vốn không phải Cộng Sản đã ngã về Cộng Sản.

Ông Diệm hô hào chống Cộng, độc quyền chống Cộng, cho đến đầu năm 1963 thì **toàn quốc ở trong cái thế cài răng lược với Cộng Sản** và ông đã tuyên bố trước đó: "Tổ Quốc Lâm Nguy!"

Sau khi ông chết, thì tay chân tôi tớ ông vẫn cầm quyền. Hậu quả của Ngô Đình Diệm để lại sau 63 là một ngôi nhà mục nát sửa sang gì cũng khó lòng đứng vững.

Bàn cờ nhà Ngô đã đi bậy bạ... Khi sang tay khác đánh cờ, nếu gặp phải tay cao thủ thì còn có thể gỡ gạt..., nhưng không may, bàn cờ lại rơi vào các tay thấp như vịt, cho nên họ chỉ loay hoay lên Tướng, xuống Sĩ và giục Tốt mà thôi!

Trách Mỹ lật đổ nhà Ngô ư? Mỹ bồng nhà Ngô lên thì Mỹ lại hạ nhà Ngô xuống, có gì mà đáng trách.

Sau khi ông Diệm chết, tay chân nhà Ngô còn trong quân đội, trong chính quyền đã âm mưu phá nát thêm Quốc gia, bí mật mở cửa cho Cộng Sản thao túng vì muốn chứng tỏ: Không có "Cụ" của chúng thì tai hại thế đó.

(Đây là một hiện tượng nguy hiểm cho quốc gia sau ngày Diệm đổ mà ít ai để ý).

Chỉ tiếc Dương Văn Minh nhu nhược, đã lật Diệm mà chỉ lật nửa chừng, chỉ hạ cái chóp bu còn tay chân vẫn để y nguyên như cũ, sau Diệm có thể gọi là "Diemist sans Diem".

Cuộc lật đổ nhà Ngô năm 1963 **đáng lý là một cuộc cách mạng** vì đã nối tiếp tinh thần quật khởi chống bạo quyền của dân Việt, nối tiếp những hành động **đại nghĩa hy sinh** liên tục của các chiến sĩ quốc gia dưới thời Diệm trị.

Ta có nên kể lại từ một thanh niên Cao Đài hành động như một Kinh Kha tại Ban Mê Thuột năm 1955, từ các sĩ quan Nhảy Dù bao vây dinh Độc Lập 1960, từ 2 phi công ưu tú Phạm Phú Quốc, Nguyễn Văn Cử bắn phá dinh Độc Lập 1962 và biết bao nhiệm vụ mưu sát bạo chúa bất thành, mà chỉ có mật vụ nhà Ngô mới biết rõ, cho đến khi Đại úy Nhung và Thiếu tá Nghĩa căm phẫn trả thù cho các đồng chí của họ.

Lật Diệm năm 1963 đáng lý là một cuộc cách mạng vì đã giải thoát hàng vạn người quốc gia trong các ngục tù trên toàn quốc, giải thoát hàng triệu nhân dân đang nghẹt thở dưới một chế độ thối nát học thói độc tài. Toàn dân đã bừng bừng phấn khởi... Nhưng hỡi ơi hương lửa cách mạng chỉ bừng lên vài ba tuần đầu rồi dần dần tắt ngủm, chỉ vì người cầm đầu Dương Văn Minh nhu nhược chỉ muốn cuộc cách mạng ấy là một binh biến hay chỉnh lý thôi.

Nhiều người bào chữa cho ông Diệm: Ông Diệm rất tốt chỉ vì tay chân ông làm sai. Lối bào chữa này e giống Cộng Sản: Hồ Chủ tịch luôn luôn sáng suốt chỉ có cấp dưới làm bậy!

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc hỉ xả, uất hận bao nhiêu nhưng khi đối phương đã xuống ngựa thì sẵn sàng làm lành với nhau quên đi hết mọi lỗi lầm thù xưa oán cũ. Nhưng cây muốn lặng gió mà gió chẳng dừng, ta bất đắc dĩ khơi lại đống tro tàn để phơi bày sự thật.

Vì là chứng nhân nên chẳng muốn ẩn danh.

Lê Nguyên Long

[Source: *Khai Phóng* số 7, 1981, USA]

XIN ĐỪNG TIẾP TỤC LỪA DỐI LỊCH SỬ!

Quang Phục Võ Văn Sáu

Từ lúc ông Liên Thành tung ra quyển sách *Biến Động Miền Trung*, đã gây nên một tình trạng chia rẽ khá nặng nề trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại. Những phần tử hoài Ngô cũng nhân cơ hội hiếm có ngóc đầu dậy, chửi các vị Tướng lãnh QLVNCH Anh Hùng đã có công làm cuộc Cách Mạng 1-11-1963 cứu dân cứu nước, đồng thời chụp mũ Phật Giáo là CS đã làm cho mất nước (sic). Đây cũng đúng là lúc mà làn sóng đấu tranh ở trong nước --đặc biệt là trong hàng ngũ các người CS phản tỉnh-- đang mỗi lúc mỗi tăng mạnh, cùng đồng bào mọi giới dồn tập đoàn lãnh đạo CS vào thế bí.

Câu hỏi được đặt ra là, có liên quan gì giữa 2 sự kiện trên đây hay không?

Câu trả lời quả thật là quá nhức nhối!

Hôm nay chúng tôi xin trình bày một vài sự kiện để cho quý quý vị tôn thờ ông Ngô Đình Diệm suy nghĩ:

A.- Huyền thoại về lãnh tụ anh minh Ngô Đình Diệm.

Ngô Đình Diệm và cả dòng họ Ngô của ông ta, toàn là một lũ Việt gian, phản dân hại nước… thì tướng Trần Thiện Khiêm hay bất cứ ai, kể cả CIA, cũng có quyền giết chết, Quốc dân Việt Nam vô cùng biết ơn. Cái chết của ông ta cũng như cái chết của tên độc tài khát máu Saddam Hussein của Iraq vậy, chứ có gì mà phải thương tiếc, khóc lóc… kiểu nước mắt cá sấu?

Ngô Đình Diệm có công lao gì? Bản chất là một tên Phản Bội gia truyền. Làm tôi tớ cho Pháp, được đào tạo trở thành Tri Huyện trung thành với giặc Pháp đàn áp những người yêu nước chống Pháp, sau được Pháp tiến cử làm quan Thượng Thư. Rồi lại PHẢN Pháp theo Nhựt (hồi ký Việt Nam Nhân Chứng - Trần Văn Đôn). Khi Nhựt đầu hàng, Pháp quay trở lại Đông Dương truy tìm Diệm, may nhờ người Mỹ cứu đưa về Mỹ nuôi nấn, dạy dỗ… Cho tới năm 1954, người Mỹ lại bồng Diệm từ Mỹ đưa về nước, vận động với Pháp để

Bảo Đại cho làm Thủ tướng. Sau lại PHẢN BỘI Bảo Đại lên làm Tổng thống "tự phong" không do dân bầu.

Cuối cùng Diệm lại âm mưu PHẢN BỘI Mỹ… định bắt tay với VC để đuổi Mỹ. Quân Đội VNCH bắt buộc phải đứng lên làm Cách mạng lật đổ bè lũ Cần Lao độc tài gia đình trị gian ác, phản quốc. Xin đừng có ai đổ thừa cho CIA và người Mỹ. Chính Ngô Đình Diệm rước Mỹ vào VN năm 1954 chứ ai? Người Mỹ muốn Diệm chống Cộng. Nhưng thực chất Diệm chính là con đẻ của Vatican. Diệm chỉ lợi dụng người Mỹ để lên nắm quyền. Khi đã củng cố được quyền hành, diệt xong các đảng phái và đối lập rồi, gia đình họ Ngô liền quay ra tìm cách đuổi Mỹ…

Vậy ai chính là kẻ đỡ đầu cho hành vi phản nghịch của Diệm phía sau, nếu không là Vatican và Pháp???

Khi về nước chấp chánh 7-7-1954, Diệm đề ra 3 mục tiêu hành động cách mạng: "Bài Phong, Đả Thực, Diệt Cộng". Ai mà không ủng hộ? Thế nhưng khi đã trở thành Tổng thống, Diệm hành động trái ngược lại hết.

1.- Phong kiến còn hơn cả phong kiến (Gia đình trị, mỗi vùng một lãnh chúa, suy tôn Ngô Tổng thống muôn năm…).

2.- Thực dân còn hơn cả Thực dân (lần hồi thâu tóm toàn bộ nền kinh tế quốc dân vào trong tay gia đình và Đảng Cần Lao, như vận tải đường bộ, hàng không, hàng hải, nhà phát hành thống nhứt, độc quyền khai thác gỗ rừng, Ngô Đình Cẩn xử dụng tài nguyên quốc gia xây Khu An Dưỡng (Nhật Ký Đỗ Thọ)...

3.- Còn vấn đề Diệt cộng ra sao? Khi mới lên chấp chánh, thì Diệm cho mở chiến dịch Tố Cộng thật rầm rộ và được nâng lên hàng "Quốc Sách". Nhưng khi đã trở thành Tổng thống rồi thì chấm dứt chiến dịch "Tố Cộng", quay ra "thả cộng" vào rừng (trường hợp điển hình như Nguyễn Hữu Thọ). Ra lịnh các tỉnh trưởng thu hồi vũ khí tự động của Bảo An, Dân Vệ để cho VC tha hồ hoạt động ở nông thôn (Hồi ký Công và Tội của Nguyễn Trân).

Trong hồi ký Một Kiếp Người của tướng Huỳnh Văn Cao còn tiết lộ nhiều điều kinh khủng khác về chuyện Dinh Độc Lập có dính líu với CS. Như việc tin dùng đại tá tình báo VC Phạm Ngọc Thảo. Đến nỗi tướng Paul Harkins còn tỏ ý nghi ngờ tổng thống Diệm là CS, vì bất cứ cuộc hành quân MẬT nào báo cho Dinh Độc Lập biết, thì VC đều biết trước!

Ngoài ra, chiến dịch thả Biệt Kích ra Bắc cũng bị CS biết trước ngày giờ và địa điểm đổ quân, mai phục bắt gọn. Chỉ có vài lần thoát, nhờ các phi công xin đổi địa điểm thả BK vào giờ chót vì lý do kỹ thuật, thời tiết… Nhưng rồi cũng bị VC săn đuổi diệt hết..

Người Mỹ rất cay cú chuyện này vì kế hoạch dùng BK đánh phá hậu phương miền Bắc bị thất bại hoàn toàn!

Vậy kẻ nào ở Dinh Độc Lập làm nội gián cho VC? Xin đừng đổ thừa cho Vũ Ngọc Nhạ. Chỉ cần suy nghĩ một chút cũng nhận ra Nhạ chính là thủ hạ của Ngô Đình Nhu. Nhu dùng Nhạ núp dưới vỏ bọc "Cố vấn" để che mắt Tình báo Mỹ. Nhu là một tên cáo già đại quỷ quyệt, làm sao Nguyễn Ngọc Nhạ có thể qua mặt được Nhu???

4.- Diệm là một kẻ cuồng tín tôn giáo. Hắn chỉ biết có "Chúa". Diệm không thừa nhận Quốc Tổ Hùng Vương. Khi lên làm Tổng thống, Diệm liền hủy bỏ ngày nghỉ lễ Giỗ Tổ hàng năm, và cấm không cho tổ chức công khai Giỗ Tổ Hùng Vương.

Không công nhận Quốc Tổ Hùng Vương thì Diệm chính là tên Phản Quốc… chứ còn gì nữa?!

5.- Điều tối quan trọng nữa là, khi tuyên bố thành lập nền Cộng Hoà, Diệm hủy bỏ và thay thế toàn bộ luật lệ do thực dân Pháp và Bảo Đại để lại. Điều này rất đúng. Nhưng Diệm lại cố ý giữ lại "Dụ số 10" một cách bất hợp pháp! Chỉ vì "Dụ số 10" cho phép ông ta độc tôn "Tôn Giáo" (công nhận chỉ có Thiên Chúa Giáo); và độc tôn "Đảng phái" (công nhận chỉ có Đảng Cần Lao).

Hỏi có tên nào đại gian manh quỷ quyệt như Ngô Đình Diệm? Kẻ nào phản quốc hơn Diệm (chối bỏ Tổ Tiên)? Tội của hắn đáng chết cả trăm ngàn lần. Và cũng xin đừng đổ tội cho Ngô Đình Nhu hay các cấp dưới quyền: Chính ông Diệm mới là Tổng Thống, và dĩ nhiên ông ta phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước lịch sử và dân tộc!

Bởi vậy, bây giờ kẻ nào còn tôn vinh tên đại phản quốc Ngô Đình Diệm tức là đã nhận giặc làm cha rồi vậy. Xin lỗi!

Bao lâu vấn nạn "Cần Lao" ở hải ngoại này biến mất thì may ra người Quốc Gia chúng ta mới tạo được sự đoàn kết Quốc Gia, Đoàn Kết Dân Tộc.

B. Ai mới thực sự là kẻ đã làm cho mất nước?

1.- Có phải Phật Giáo đã làm cho mất nước hay không? Xin hãy nhìn cho kỹ:

a)- Suốt 2 chế độ Đệ I và đệ II VNCH đều do người Công Giáo lãnh đạo. (Cả ông Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu đều là người theo đạo Thiên Chúa giáo).

b)- Cả 3 tên gián điệp CS làm cố vấn cho cả 2 vị tổng thống đều nằm trong Dinh Độc Lập là Vũ Ngọc Nhạ, Huỳnh Văn Trọng, và Phạm Ngọc Thảo (Đệ I CH) và cũng đều là người… Công giáo.

Như vậy thì các nhà sư Cộng sản (nếu có), và Giáo Hội PGVNTN là CS (nếu có) thì cũng không thể nào làm cho mất nước được???

2.- Giáo hội Phật Giáo VNTN có phải là CS không?

a)- Nếu GH/PGVNTN là CS thì bọn Việt gian CS Hànội đã không phí công sức, tiền của lập ra "Giáo hội Phật giáo quốc doanh" và lập ra cái gọi là "Phật Giáo Về Nguồn" ở hải ngoại để gây chia rẽ, phá hoại GHPGVNTN.

b)- Nếu các nhà sư "Ấn Quang" là CS thì tại sao VC lại cô lập Thích Trí Quang, bỏ tù, biệt giam các nhà sư Thích Không Tánh, Thích Thiện Minh, Ngài Thích Quảng Độ, v.v…?

Và tại sao dưới thời "Mật vụ Cần Lao trị" của ông Diệm và cả dưới thời "Quân nhân trị" của ông Thiệu lại không truy tố các sư CS ra toà án Mặt Trận theo luật pháp? Điều này cho thấy toàn là chuyện chụp mũ bịa đặt có ác ý.

3.- Giáo hội Phật giáo VNTN có làm lợi cho CS không?

Ở trong nước thì GH/PGVNTN bị cấm hoạt động, các chùa chiền bị phong toả, các hoạt động nhân đạo (cứu lụt, giúp đỡ thương phế binh VNCH) đều bị cấm chỉ, bắt bớ.

Ở hải ngoại thì chùa nào cũng treo cờ Quốc Gia vàng 3 sọc đỏ. Còn phía Công giáo thì sao?

Ở trong nước thì toàn bộ Giáo Hội Công Giáo đều thuộc quốc doanh.

Ở hải ngoại thì các nhà thờ đều tuyệt đối CẤM treo cờ Quốc Gia vàng 3 sọc đỏ. Các nhà thờ cũng CẤM làm chánh trị. Nhưng lại tích cực ủng hộ "mục vụ đô la", vui mừng đón tiếp các cha cố quốc doanh từ trong nước ra quyên góp tiền về vỗ béo bạo quyền VC! Vì làm "mục vụ đô la" là… làm việc "nhân đạo" (sic).

Bởi vậy các con chiên chân chính "chống Cộng" ngày nay bị… một cổ 2 tròng. Rõ ràng Giáo hội Công Giáo VN đang làm công cụ cho CS. Các nhà thờ VN ở hải ngoại phục tùng Vatican, công nhận

Giáo hội Quốc doanh VC. (Cấm treo cờ Vàng, cấm làm chánh trị… chống Cộng).

Những người Công Giáo chân chính chống Cộng ở hải ngoại muốn được yên thân đành phải "gạt nước mắt" không đi nhà thờ VN… mà đi nhà thờ Mỹ! Đó là một thực tế phủ phàng!

4.- Phong trào "Phục hồi Tinh thần Ngô Đình Diệm" – Các ông là ai?

Sau khi cuộc Cách Mạng 1-11-1963 thành công, băng đảng Cần Lao cũng biến mất. Suốt thời Đệ Nhị VNCH, người ta không hề thấy bất cứ nhà thờ nào ở trong nước tổ chức "Giỗ ông Diệm".

a)- Rõ ràng chế độ Đệ I CH đã bị toàn dân miền Nam oán ghét. Nếu chế độ đó được lòng dân, thì tại sao lại bị Quân đội lật đổ một cách quá dễ dàng chỉ trong vòng 16 tiếng đồng hồ (từ 1:30 trưa 1-11-63 đến 6 giờ sáng 2-11-1963) được xem là không đổ máu? Điều này chứng tỏ Quân Đội đầy lòng nhân từ, chỉ trừng trị vài tên Cần Lao ác ôn đầu sỏ mà thôi.

Nhưng nay suy nghĩ lại, Quân Đội đã nhân từ không đúng chỗ. Cần Lao là một loại Virus cực độc ăn sâu lặn kỹ. Chỉ chờ có cơ hội là nó ngóc đầu dậy "phục thù"!

b)- Virus Cần Lao núp kỹ trong các nhà thờ, được hậu thuẫn của các Cố đạo Quốc doanh ngầm bảo trợ. Phong trào "Phục hồi Tinh thần Ngô Đình Diệm" xuất phát từ các nhà thờ… là một bằng chứng hiển nhiên.

Bởi vậy, những người Công Giáo lương thiện, thực tâm chống Cộng, yêu nước, phải chịu mang tiếng oan, bị một số nạn nhân của Cần Lao, phẫn nộ đồng hoá là… "Cần Lao Công Giáo".

Lời thật thì mất lòng. Nhưng không nói ra không được.

Xin lỗi!

Quang Phục Võ Văn Sáu - 26-6-2010

SÁNG MAI CHIM HÓT

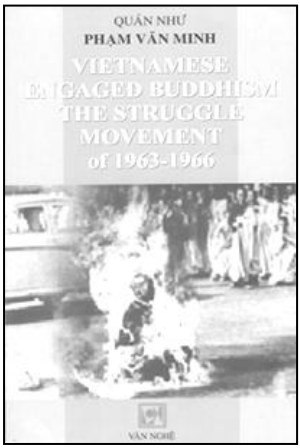
Quán Như

Tranh Đấu Cà Nhông

Tôi còn nhớ nhà văn Sơn Nam có lần tự giới thiệu trong thời gian Nam Bộ Kháng Chiến, anh là một loại chiến sĩ kháng chiến "cà nhông". Chữ này cũng diễn tả được hành trạng của tôi, "ngày em hai mươi tuổi." Tôi thực ra là một sinh viên tranh đấu cà nhông. Không như anh Hoàng Nguyên Nhuận, nhìn được tiềm năng của Phật Giáo từ năm 1962 về cả phương diện tư tưởng và chủ lực tranh đấu. Tôi đến với Phật Giáo vì đủ mọi lý do. Thứ nhứt là vì mê gái, người tình đầu của tôi, cô tôn nữ tóc dài, học ở trường Gia Long. Trong những lúc ngồi chờ người đẹp, tôi lại khám phá ra thư viện nhỏ ở chùa Xá Lợi của cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền. Tủ sách nhỏ này đầy đủ những sách vở về triết lý Phật Giáo cũng như về các triết gia Tây Phương, thần tượng của thế hệ tôi. Thứ hai là mê có bạn. Đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn khởi đầu từ một nhóm nhỏ học Phật, họp nhau vào mỗi sáng Chủ Nhật học "giáo lý" và sau đó làm công tác xã hội ở xóm nghèo, xây cất trên một nghĩa địa, sau rạp Quốc Thanh trong chương trình của chị Cao Ngọc Phượng, nay là Sư Bà Chơn Không. Chưa có ý thức chánh trị rõ ràng, tôi chỉ là thứ dê nõn buồn sừng mới lớn, hay làm dáng trí thức, mê đọc sách, triết lý và văn nghệ, mê "hàm bà lằng". Tôi không có gì để thù ghét chế độ Đệ Nhất Cộng Hoà, nếu không muốn nói là mang ơn một số nhân vật dính líu tới chế độ này. Mẹ tôi quen với thân mẫu của Bác Sĩ Trần Văn Thọ, tức là nhạc mẫu của ông Ngô Trọng Hiếu, nguyên Đại Sứ Việt Nam ở Cam Bốt và Bộ Trưởng Bộ Công Dân Vụ sau này. Chính ông Thọ đã đề nghị với me tôi để trợ cấp cho tôi học hết năm đệ nhất. Ông còn nhờ ông Hồ Văn Kỳ Trân xin cho tôi vào học năm cuối ở trường Petrus Ký. Những người này là cột trụ của chế độ. Tôi có một người anh rễ lấy người chị họ của tôi đó là anh Lê Kim Đỉnh. Năm 1960 anh đã là Đại Úy trong Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống Phủ. Trong thời gian ở tạm nhà anh trước khi tìm chỗ trọ, anh hay nhắc tới "Cụ" với lời lẽ kính mến. Nào là sáng "Cụ" ăn cháo trắng, nào cụ ân cần

cho mấy người lính gia nhân một ít tiền khi thấy mấy anh lính lấy đá liệng xoài trong dinh. Khi anh tôi xin đổi ra đơn vị tác chiến và tử trận, chị tôi nói "Cụ" có vẻ buồn và nói "Tội thằng Đỉnh." Anh tôi là dân Huế nên cho dù chỉ là cấp bực nhỏ, nhưng "Cụ" còn nhớ và nhắc tới. Năm Đệ Nhất tôi học với một thầy dạy môn Lý Hoá. Vì học giỏi nên được thầy thương và tôi cũng quý mến thầy. Cho đến 40 năm sau thầy trò đã thành bạn tri kỷ vong niên. Thầy là cháu rể của "Cụ"!

Tôi không có gì để oán hận với chế độ mà hầu hết các anh em trong đoàn Sinh Viên Phật Tử là những nhân vật elite trong tương lai của chế độ. Trong đoàn sinh viên Phật Tử có hàng tá Bác sĩ, Dược Sĩ, Giáo Sư Đại Học, Luật Gia, Hành Chánh, Kỹ Sư, tức là giai cấp ăn trên ngồi trước trong tương lai. Có nhiều người có gia đình di cư nên trên lý thuyết là thành phần chủ lực ủng hộ chế độ. Có một anh là con của một chủ hãng sơn lớn, nghĩa là thuộc thành phần đại tư bản. Có nhiều người đẹp sau này sẽ là mệnh phụ phu nhân như hai chị MD và MH, đẹp như tranh vẽ, có anh làm ở Tòa Đại Sứ nước ngoài. Chúng tôi là những thành phần rường cột của chế độ, và nếu không có vụ thảm sát đài phát thanh Huế! Và "vụ Phật Giáo" bùng nổ chỉ vì lệnh cấm treo cờ ngũ sắc, tượng trưng cho hoà bình an lạc.



Tôi nhút nhát, không phải là típ hành động. Chỉ mê làm văn, làm báo, ham đọc triết lý, mê gái và làm thơ tình! Đúng như hình ảnh của Sơn Nam mô tả là một thứ … cà nhông. Nhưng cái này có là cái kia có. Chuyện này dẫn tới chuyện sau. Từ 63 dẫn đến 64, 65, rồi 66. *Thiên thượng lai bôn lưu đáo hải bất phục hồi*. River of No Return. Nhóm sinh viên hiền lành học giáo lý và làm công tác xã hội mỗi sáng chủ nhật đã dần dần biến thành một đoàn quân vô úy, vô cầu, từ tranh đấu bảo vệ quyền tự do tôn giáo, đến tranh đấu cho công bằng xã hội, rồi đến mục tiêu tối hậu là hoà bình và tự chủ cho đất nước. Giả sử không có vụ cấm treo cờ Phật Giáo, chúng tôi đã trở thành một thứ "one-dimentional" như Herbert Marcuse đã nói, sẵn sàng bảo vệ chế độ, bởi vì phá huỷ chế độ cũng là phá hủy vị thế ăn trên ngồi trước của thành phần elite như chúng tôi.

Tác phẩm *Engaged Buddhism: The Buddhist Movement of 1963-66* là một chuyện bất đắc dĩ. Khi anh Hoàng Nguyên Nhuận từ Songkhla qua Úc vào năm 1982, lúc đó tôi làm ăn khấm khá, nên nổi hứng, mua một máy sắp chữ Việt Varityper - lúc đó chưa có software tiếng Việt như hiện nay - để Anh Nhuận viết lại những gì mà anh biết về phong trào. Anh không viết ra thì bao nhiêu chuyện sẽ bị chôn vùi và Phật Giáo vẫn còn bị các nhóm chống cộng Taliban chỉ tay đổ lỗi. Nhưng anh Nhuận lúc đó ham vui, nên hứa quảng hứa tiều, không chịu viết. Khi chúng tôi ra tạp chí *Chuyển Luân*, dĩ nhiên làm nhiều cờ động và phướng động. Tuy nhiên đáng buồn là có nhiều Phật Tử cho đến bây giờ tâm vẫn động. Chúng tôi nhận được thư của một trong những người trụ cột của Hội Cư Sĩ hải ngoại, chất vấn về sự khôn ngoan của "Giáo Hội và Quý Thầy" khi đem cả lực lượng Phật Giáo ra đối đầu với sức mạnh vô song của guồng máy chiến tranh của Mỹ. Nghĩa là người đại diện cư sĩ hải ngoại lập luận như những "cha nhà thờ" thù nghịch với Phật Giáo là, chính cuộc tranh đấu 63-66 là một trong những nguyên nhân đưa đến sự sụp đổ của chế độ Miền Nam. Dĩ nhiên những cư sĩ loại này lúc nào cũng không quên nhắc tới Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất "chính thống" hai ba ngàn năm! Anh Nhuận vừa ham chơi vừa phải lo làm ông ác, nên một cựu sinh viên tranh đấu "cà nhông" như tôi phải bỏ bê gia đình vài năm để hoàn thành tác phẩm này, nhắc nhở cho quý vị cư sĩ trên biết các truyền thống của Giáo Hội và quý Thầy: tranh đấu cho hòa bình và an lạc của chúng sinh, và chúng sinh gần gũi nhứt là người Việt Nam. Nhiều người trách là tại sao tác phẩm không viết tiếng Việt. Quý vị lớn tuổi có thể đọc tiếng Anh nhiều hay ít, nhưng thế hệ con tôi không đọc tiếng Việt thông suốt. Tôi muốn thế hệ con tôi biết những người thuộc thế hệ tranh đấu 63-66 đã làm gì.

Và từ một sinh viên tranh đấu "cà nhông" tôi phải đóng vai sử gia thứ thiệt! Xin cám ơn anh Nhuận đã cho tôi cơ duyên thành một "sử gia".

Sáng Mai Chim Hót (*Thơ Cao Quảng Văn)*

Năm nay là năm kỷ niệm 40 năm ngày phát động phong trào Phật Giáo tranh đấu 1963. Nghĩa là ngay cả những người trẻ nhứt như tôi lúc bấy giờ cũng đã xấp sỉ tới... lục tuần. Đó cũng là lý do tại sao chúng tôi thấy cần phải phát động phong trào 40 năm, vì nếu chờ đến 50 năm, một số người tham gia phong trào hoặc là…*tùng tâm sở dục*

bất du cũ hoặc đã giải nghiệp. Nếu bác Mậu không viết *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi,* trước khi Bác qua đời thì uổng biết bao! Nếu cụ Mẫu không viết *Sáu tháng Pháp Nạn* như một chứng nhân, những người tự xem mình là "cha nhà thờ" thà mất nước không thà mất Chúa còn tiếp tục lấy ngọn tay…chỉ Phật Giáo, cho những người tham dự các phòng trào này là "đồ gây rối", "cánh tay nối dài", "đâm sau lưng chiến sĩ" hay cả một lô các lời mắng chửi thô tục khác. Cám ơn Bác Mậu và bác Mẫu! Khi phòng trào chạy tội lên mức cao điểm, qua tác phẩm của "chó lộn giống" Trần Trung Quân, nhiều Phật Tử cũng đâm ra nghi ngờ. Phải chi Phật Giáo đừng tranh đấu mình đã thắng Miền Bắc từ khuya rồi. Có nhiều Phật Tử "thuần thành" hỏi thẳng: " Thầy Trí Quang có phải là Cộng Sản không?" Nhiều anh em ngày xưa tham dự Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội qua Úc tỏ ra chống Cộng tới khuya, trong khi các "cha nhà thờ" chỉ chống cộng tới chiều! Cám ơn Bác Mậu, Bác Mẫu, Bác Kha. Cám ơn anh Quang, anh Charlie Nguyễn, anh Ngọc, anh Nhuận và anh Hồng Quang. Quí Bác và quí Anh như những Triệu Tử Long, đơn đao phó hội, Đương Dương Trường Bản. Tác phẩm của quý vị như sư tử hống, như tiếng thét Lâm Tế, là hèo gậy đánh những người lúc nào cũng tự xưng là Phật Tử thuần thành, là trưởng tử Như Lai, nhưng thờ ơ với những ước mơ của Giáo Hội từ thời chấn hưng, từ thời Giáo Hội phải đối đầu với cuồng vọng cải đạo của một Giáo Hội có thế lực và giàu có nhất, cái mơ ước để đồng bào mình được an lạc, hoà bình khiến cho Phăt Giáo phải đối đầu với guồng máy chiến tranh, một tổ hợp kỹ nghệ và quân sự hùng mạnh nhất.

Tôi không có được tiếng hét sư tử hống của quý Bác quý Anh, tôi đành ngồi xuống nghiên cứu "tờ a tờ b", nghe kể chuyện của những ngày hùng tráng của một đạo quân trẻ tuổi vô cầu, vô úy, thung dung tựu nghĩa như truyền thống Nho gia. Chưa có một giai đoạn nào trong lịch sử, ngay cả trong đám tang của cụ Phan Chu Trinh và Trần Văn Ơn, thanh niên có mặt đông đảo như vậy và theo tôi, đây là một thành tựu lớn lao nhất của Phong Trào Tranh Đấu Phật Giáo vào các năm 1963 và 66. Phật Giáo không còn là một thứ tôn giáo "tĩnh" của quý Thầy, quý Bác trong khuôn hội. Phật giáo không còn là một thứ tôn giáo cầu siêu cầu an để an ủi những thân nhân còn sống và những người đi hết quá trình thành trụ dị diệt của một kiếp người. Phật Giáo đã trở thành một triết lý hành động "vui nhộn" của đám đông, của những thanh niên thuộc thành phần elite lãnh đạo quốc gia. Không còn ai tin vào Phật Giáo "thuần túy" "không chính trị" của

mấy thầy cúng Cổ Sơn Môn hay những sư ông sư bà sợ "cha nhà thờ" chụp mũ, sợ mất của Đàn Na Tín Thí. Còn gì vui hơn khi khám phá ra hành động là một thứ giải nghiệp. Phục vụ dân tộc trong tinh thần Đạo Pháp chớ không phải cổ võ cho ngoại nhân bỏ bom bỏ đạn trên đầu trên cổ của đồng bào mình và đồng thời lo bảo vệ mấy ngôi chùa bằng gạch bằng đá và mấy pho tượng Phật bằng gỗ sơn son thép vàng. Đội ngũ thanh niên trong phong trào tranh đấu phân biệt được đâu là mục tiêu rốt ráo và đâu chỉ là phương tiện. Như Thiền Sư Đơn Hà dạy đệ tử: Phật Gỗ, Phật Đất không phải là Phật. Chùa chiền gạch đá nguy nga chưa chắc đã là chùa.

Bốn mươi năm kỷ niệm không phải chỉ ngồi lại nhớ chuyện cá nhân, tình cảm mặc dù những chuyện này là những duyên khởi trùng trùng trong cuộc hành trình vào Phật Giáo của đội ngũ thanh niên sinh viên tranh đấu. Nhớ lại phong trào tranh đấu là để nhớ đến ý nghĩa lớn lao mà các thanh niên tranh đấu đã tìm thấy được trong Phật Giáo: một tôn giáo phục vụ cho những ước vọng hoà bình, an lạc, một lối sống giúp con người thoát khổ và mưu cầu hạnh phúc. Và trong chiến tranh Việt Nam, còn hạnh phúc và an lạc nào hơn là đất nước không còn chiến tranh, để trẻ con thảnh thơi "hát đồng dao ngoài đường." Về phương diện cá nhân, nhờ tác phẩm này tôi đã tìm thấy người em gái lưu lạc ba mươi ba năm trước. Cám ơn Trời Phật. Cám ơn quý Thầy. Cám ơn những người đã hy sinh trong cuộc tranh đấu. Cám ơn cha mẹ, anh em, bằng hữu.

Tôi đã nghe tiếng chim hót sáng mai.

Quán Như

CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM, MỘT CHẾ ĐỘ NGƯỢC LÒNG DÂN VÀ PHẢN THỜI ĐẠI

Nguyễn Kha

Hiến pháp Việt Nam 1956 của đệ nhất Cọng hòa do Quốc hội biểu quyết ngày 20/10/1956 được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban hành ngày 26/10/1956, thành lập nền Đệ nhất Cộng hòa. Hiến pháp gồm 98 điều, chia làm 8 thiên. Hiến pháp tuy là do sự đóng góp của nhiều người [38], kể cả đóng góp một cách gián tiếp của các chức sắc trong Giáo hội Công giáo Việt Nam (như linh mục Bữu Dưỡng và nhóm Tinh Thần), nhưng nội dung chính vẫn do ông Ngô Đình Nhu, người được cho là lý thuyết gia của chế độ, duyệt xét chung quyết. Bản Hiến pháp này, ngoài một vài từ ngữ mà trên mặt … tượng thanh có vẻ rút ra từ "chủ nghĩa" gọi là "Nhân Vị" như "*giá trị siêu việt", "nhân vị", "duy linh", "Đấng tạo hóa", ...* còn nội dung thật sự của nó chỉ là một nỗ lực "đầu Ngô mình Sở" (từ của ông Đoàn Thêm trong *Những Ngày Chưa Quên,* Đại Nam, 1969) của một ít thần học Thiên Chúa giáo Âu châu, pha trộn vài điều của Tổng thống chế Mỹ và một ít triết lý Đông phương mà thôi. Tiếc rằng nỗ lực đó hoàn toàn thất bại. Có hai lý do để giải thích sự thất bại này: Thứ nhất là vì lúc

[38] Sau cuộc Trưng cầu Dân ý ở phía Nam vĩ tuyến 17 vào tháng 10 năm 1955 với kết quả là Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế thì tân tổng thống Ngô Đình Diệm cho nhóm họp Ủy ban Thảo hiến vào cuối năm 1955 gồm 11 thành viên để soạn Hiến pháp cho quốc gia cộng hòa mới. Sang tháng 3 năm 1956 thì mở cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến với 123 đại biểu để hoàn tất công việc soạn thảo và thông qua bản hiến pháp. Chính Quốc hội cũng đề cử 15 người lập ra Ủy ban hiến pháp riêng, chủ tịch là Trần Chánh Thành [Bộ trưởng bộ Thông Tin] để cùng hiệp soạn. Tháng 7 năm 1956 thì Quốc hội bỏ phiếu thuận và đến 26 tháng 10, sau khi một vài điểm dị biệt giữa hai ngành lập pháp và hành pháp được giải quyết, thì tổng thống ký văn bản ban hành.(Theo Wikipedia)

bấy giờ (và sau đó tan dần không còn dấu vết gì đáng kể theo sự sụp đổ của chế độ vào năm 1963) **thuyết Nhân Vị của ông Nhu là tổng hợp trụy thai** [39] **còn hỗn tạp và còn ở dạng sơ khai** nên không có những yếu tính đặc thù để tạo ra nét độc đáo riêng cho Hiến pháp; và thứ hai là vì **nhu cầu quyền lực chính trị quá lớn** nên ông Nhu đã bất chấp nội dung "Nhân Vị" - dù còn mơ hồ chưa thành hình - để đưa vào Hiến pháp những nguyên tắc chuyên chính độc tài, chà đạp sinh hoạt dân chủ của quốc gia và quyền tự do của công dân, với mục đích tập trung quyền hành vào một thiểu số thống trị. Nghĩa là **áp đặt càng nhiều càng tốt tính độc tài trong bộ luật căn bản và cao cấp nhất của quốc gia**.

Thực vậy, ông Nhu đã muốn cho **anh mình trở thành một thứ Đế vương phong kiến với những hình thức và ngôn ngữ có vẻ dân chủ tự do**... Chính ông Ngô Đình Diệm cũng đã công khai bày tỏ sự tán đồng nội dung của bản Hiến pháp này trong bài phỏng vấn của nhật báo Pháp *Le Figaro* số ra ngày 23 và 24 tháng 3 năm 1959: "*Cần phải nhớ lại quá khứ của chúng tôi. Chế độ chính trị ở Việt Nam thời nào cũng vậy, đã thành lập trên nguyên tắc điều khiển việc nước* ***không phải do những đại biểu của quốc dân mà do những ông vua có những tể tướng*** *sáng suốt phụ tá... Chúng tôi phải lập lại ở Việt Nam hệ thống luân lý như ngày xưa*" [40] Ông Nhu đúng là vị "tể tướng sáng suốt" đã sơn son thếp vàng cho **ông vua** Ngô Đình Diệm phong kiến của thời đại quân chủ lên làm nguyên thủ của nước Việt Nam Cộng hòa theo Tổng thống chế, để xây dựng tự do dân chủ cho miền Nam chống Cộng! Trách gì dân miền Nam chẳng rủ nhau theo Việt Cọng.

---

[39] "*Trụy thai*" là nhóm chử của Linh mục Kim Định dùng để đánh giá một cách diễu cợt hệ tư tưởng Duy Dân của ông Lý Đông A. Thật ra thì Linh mục viết … nặng hơn nhiều, ngài dùng nhóm chử "*thiên tài trụy thai*" để phê phán toàn bộ tư tưởng và hành động của **cá nhân** vị Thư ký trưởng đảng Duy Dân nầy. Người viết dùng lại nhóm chử nầy để "trả lại cho César những gì của César".

[40] Bản dịch của nhật báo *Tự Do* ngày 4-4-1959.



Triều đình nhà Ngô

Le Roi (Vua Bảo Đại) *est mort. Vive le Roi* (Vua Ngô Đình Diệm)!

Nói chung, để kiểm soát và bóp nghẹt quyền của người dân, Hiến pháp 1956 đã tung ra một mớ gươm Damoclès treo trên đầu người dân **với những từ ngữ mà chính quyền muốn giải thích như thế nào cũng được** như "*điều kiện luật định, lý do quốc phòng, an ninh công cộng, an toàn chung, trật tự chung, lợi ích công cộng, đạo lý công cộng...*" Và để bảo đảm tối đa sự kiểm soát này, Hiến pháp còn nâng chủ trương nầy lên thành nguyên tắc tổng quát trong điều 28: "*quyền của mỗi người đều được xử dụng theo những thể thức và điều kiện luật định*". Điều 28 quỷ quyệt này **đóng kín một cách hoàn toàn và vĩnh viễn tất cả mọi hy vọng của người dân về một sinh hoạt dân chủ và an toàn cá nhân dưới chế độ, đồng thời trao lại một cách hoàn toàn và vĩnh viễn quyền sinh sát vào tay một thiểu số gia đình họ Ngô đang nắm quyền lực trong tay**.

Theo Wikipedia thì:

"Về mặt pháp lý, bản Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa 1956 khẳng định việc phân chia quyền lực của chế độ là tam quyền phân lập và có mục tiêu để hai ngành lập pháp và hành pháp kiểm soát lẫn nhau. Về ***ngành tư pháp thì quyền lực kém hơn và không được độc lập hoàn toàn*** *vì lệ thuộc vào Bộ Tư pháp và phủ Tổng thống bổ nhiệm và điều hành. So sánh với các quốc gia khác thì* ***Hiến pháp 1956 dồn nhiều quyền lực vào ngành hành pháp hơn cả*** *vì tổng thống có những đặc quyền trong những trường hợp nội loạn, chiến*

tranh hay khủng hoảng tài chánh.

Điều đáng ghi nhận là nền tảng của bản hiến pháp nêu ra ba khía cạnh: "văn minh Việt Nam", "duy linh", và "giá trị con người" như ghi rõ trong lời mở đầu. Vì văn bản ghi là ***dân tộc có "sứ mệnh" trước "Đấng Tạo hóa"*** *nên có người cho rằng đây chứng minh sự* ***thiên vị của chính quyền với Thiên Chúa giáo*** *trong khi các tôn giáo khác không được đề cập đến."*

Ngoài một số nhà nghiên cứu Mỹ như **Joseph Buttinger** (trong *Vietnam, a Political History*, 1968), **Stanley Karnow** (trong *Vietnam A History*, 1983), **Frances Fitzgeral** (trong *Fire in the Lake*, 1972), **Robert Shaplen** (trong *The Cult of Diem*, 1972) đã nặng lời chỉ trích Hiến pháp 1956 của Đệ nhất Cộng hòa, nhiều luật gia Việt Nam tên tuổi cũng đã nghiêm khắc lên án Hiến pháp đó là thoái hóa, kỳ thị và độc tài:

■ Luật gia **Nguyễn Hữu Châu**, giáo sư đại học Luật khoa Paris, anh rễ bà Nhu (chồng bà Trần thị Lệ Chi) , nguyên Bộ trưởng Bộ Phủ Thủ tướng năm 1957 và 1958, đã có những phán xét không tốt đẹp gì cho Hiến pháp Nhân Vị 1956 của Đệ nhất Cộng hòa. Trong Luận án Cao học Luật khoa (Mémoire DES, 1960) ông Nguyễn Hữu Châu sau khi phân tách từng chương từng mục đã kết luận rằng:

"*Xét đến lịch sử các cơ chế và tư tưởng chính trị của Việt Nam, thật khó mà không công nhân rằng hệ thống của* ***Hiến pháp ngày 26-10-1956 quả là một sự thoái hóa so với hệ thống chính trị cổ truyền****. Tại vì Hiến pháp 26-10-1956 đã* ***giữ lại những gì kém tiến bộ nhất của chế độ xưa cũ, rồi bổ túc bằng những sự kiềm chế tân tiến nhất****.*

Do đó mà cái ý niệm về lãnh đạo (leadership) được trình bày trong bản dịch chính thức của Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa không có cái ý nghĩa mà các nhà Xã hội học Mỹ trao gửi lúc đầu" [41].

---

[41] Dans l'histoire des institutions et des idées politiques du Vietnam, il sera difficile de ne pas reconnaitre que le système de la constitution du 26 Octobre 1956 constitua **une regression** par rapport au système politique traditionnel. Car il a repris de l'ancien système ce qu'il a **le moins progressiste** pour le completer par les **moyens de contrainte** les plus modernes. Ainsi cette notion de Leadership qui figure dans la traduction officielle de la Constitution de la République du Vietnam n'a pas le sens que les sociologues Américains lui donnent originalement.

■ Giáo sư Thạc sĩ Luật **Vũ Văn Mẫu**, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao của chính phủ Ngô Đình Diệm, sau nầy, cũng đã tố cáo ý đồ thiên vị Thiên Chúa giáo của bản Hiến pháp 1956 như sau:

*Điều 17 của Hiến pháp Việt Nam 1956 đã được giáo sư Bửu Hội chiếu dẫn trước tổ chức Liên Hiệp Quốc để chứng minh rằng tại Việt Nam không có sự kỳ thi tôn giáo. Điều 17 này qui định như sau: "*Mọi người dân đều có tự do tín ngưỡng, tự do hành giáo và tự do truyền giáo, miễn là xử dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục.*" Hiến pháp 26/10/1956 như vậy đã minh thị công nhận nguyên tắc tự do tín ngưỡng và bình đẳng giữa các tôn giáo.*

*Tuy nhiên trong phần "*Mở đầu*" của Hiến pháp, đã có một đoạn phản chiếu của một sự **thiên vị Thiên Chúa giáo khá rõ rệt** như sau:*

"Ý thức rằng nước ta ở trên con đường giao thông và di dân quốc tế, dân tộc ta sẵn sàng tiếp nhận các trào lưu tư tưởng tiến bộ để **hoàn thành sứ mệnh trước Đấng Tạo Hóa** và trước nhân loại là xây dựng một nền văn minh nhân bản và phát triển con người toàn diện...."

*Trong đoạn văn trích dẫn này, phần mở đầu của Hiến pháp 1956 đã đề cập đến sứ mạng trước Đấng Tạo Hóa, tức là trước **Đức Chúa trời trong Thiên Chúa giáo**, mà không đề cập tới các tôn giáo khác.*

*Đoạn văn này đã đượm sắc thái thiên vị Thiên Chúa giáo. Vô tình hay cố ý, đoạn văn này đã **tạo cho Thiên Chúa giáo một địa vị ưu đãi đặc biệt tại Việt Nam** vì Hiến pháp 1956 nói rõ là nhằm mục đích hoàn thành sứ mạng trước Chúa tức là Đấng Tạo hóa đã tạo dựng ra trời đất và vạn vật theo như Thánh kinh của Thiên Chúa giáo đã chép.* [42]

■ Còn giáo sư **Nguyễn Văn Bông**, Thạc sĩ Công Pháp, Viện trưởng Viện Quốc gia Hành chánh thì trong đoạn kết của giáo trình năm thứ nhất Cử nhân Luật về môn "**Luật Hiến pháp và Chính trị học**" của Đại học Luật khoa Sài Gòn, 1966, đã viết rằng:

"*Thật vậy, ngay ở điều khoản thứ ba, chúng ta nhận thấy "*Tổng thống Lãnh đạo Quốc gia*". Tổng thống bổ nhiệm và cách chức các sứ thần cùng công chức cao cấp không cần ý kiến của Quốc*

---

[42] Vũ Văn Mẫu, *Sáu tháng Pháp nạn*, in Ronéo trong nước năm 1984. Giao Điểm in lại, 2003, California.

hội. ***Trái với nguyên tắc phân nhiệm*** *mà điều 3 ghi rõ là "nguyên tắc phân nhiệm giữa hành pháp và lập pháp phải rõ rệt". Hiến pháp 1956 dành cho Tổng thống quyền ký sắc luật giữa hai khóa họp Quốc hội, quyền ký sắc lệnh tuyên bố tình trạng khẩn cấp, báo động hoặc giới nghiêm.*

Một sự ***tập trung quá mức quyền hành*** *cùng sự* ***thủ tiêu đối lập*** *và sự hiện diện của* ***một chính đảng duy nhất*** *đã đưa chế độ Ngô Đình Diệm lần lần đi đến* ***một chế độ quyền hành cá nhân áp dụng những phương tiện chuyên chế*** *mà tiếng súng ngày 1-11-1963 đã đưa vào dĩ vãng.* "

Hiến pháp là văn bản công khai và là nền tảng quy chiếu luật pháp của quốc gia mà ngay từ những ngày đầu của chế độ Ngô Đình Diệm, những người đẻ ra nó còn đưa vào đó một nội dung **phi dân chủ** và **phản dân quyền** độc tài trắng trợn như thế thì trên thực tế, một thực tế đã được bưng bít và che đậy bằng màng lưới công an mật vụ dày đặc, người dân còn chịu thống khổ ngần nào, giá trị và vị thế con người còn có nghĩa gì trước mặt kẻ cầm quyền!

Thật vậy, trừ vài năm đầu, lúc mà bộ máy của chế độ đang trong giai đoạn cũng cố và người dân còn cọng tác để cùng ông Diệm xây dựng miền Nam, còn kể từ năm 1959, khi những công cụ đàn áp khủng khiếp như **Đảng Cần Lao**, **Lực lượng Đặc biệt** (của ông Ngô Đình Nhu do Lê Quang Tung chỉ huy), **Đoàn Công tác Đặc biệt miền Trung** (của ông Ngô Đình Cẩn)**, Sở Nghiện cứu Chính trị Xã hội** (của bác sĩ Trần Kim Tuyến), và **năm cơ quan an ninh, công an, mật vụ** … đã được cũng cố như thiên la địa võng chụp xuống miền Nam, **thì Hiến pháp 1956 trở thành tờ giấy lộn** và **Quốc hội Lập pháp trở thành một bầy gia nô** để "hợp pháp" hóa lệnh của phủ Tổng thống mà thôi . Từ đó, chế độ Diệm đã hiện hình trọn vẹn là một chế độ độc tài.

Muốn biết một chế độ, bất kỳ chế độ có tên gọi là gì, có độc tài hay không, ta chỉ cần đơn giản trả lời ba câu hỏi rất cụ thể, dễ kiểm chứng, và bất khả phản bác sau đây:

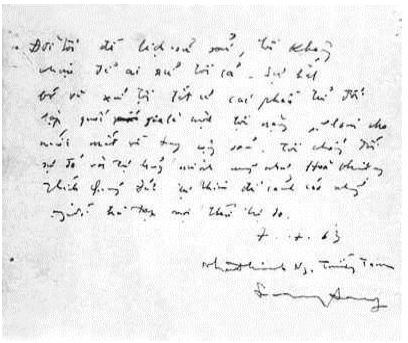
1- Chế độ đó có khung pháp lý cho đối lập chính trị hay không?

Nếu không có khung pháp lý đó, hay có đối lập mà bị đàn áp thủ tiêu, thì **chế độ đó chắc chắn độc tài**. Hiến pháp 1956 thiết định Quốc hội chỉ có một Viện, không có "Thượng Viện" như quốc hội Mỹ, nơi định chế hóa sự có mặt của đảng phái**. (**Phải đợi đến sau

1963, khi thành lập **Đệ nhị Cọng hòa** với Hiến pháp ban hành vào tháng 4 năm 1967, Quốc hội mới có thêm Thượng Viện với sự có mặt của 6 liên danh đại diện cho các đảng phái và khuynh hướng chính trị). Do đó, từ tiên quyết, chế độ Diệm đã **không thừa nhận và khuyến khích một chế độ đa đảng**, vì vậy mà khi đi vào thực tế sinh hoạt, xã hội miền Nam **không phải là một xã hội đa nguyên chính trị**. Chế độ Diệm đã đàn áp các đảng phái quốc gia (đến nỗi Đại Việt Quốc Dân đảng phải lập chiến khu Ba Lòng ở Quảng Trị để võ trang chống lại, còn các đảng khác như Việt Quốc, Duy Dân, Dân Xã thì co cụm lại đi vào bí mật để đối lập), đã thủ tiêu đối lập (Tạ Chí Diệp, Nguyễn Tấn Quê, Vũ Tam Anh, Nguyễn Bảo Toàn, Ba Cụt Lê Thành Vinh, Trình Minh Thế, Hồ Hán Sơn … Đó là chưa nói đến những Nguyễn Văn Yến, Nguyễn Đắc Phương, Võ Côn, Phan Bá Nam, … trong vụ án gián điệp miền Trung [43].), đã kết án rồi tìm cách giết các nhà đối lập chính trị thuộc nhóm "Caravelle" (khi ra lệnh cho phi cơ của Không quân thả bom xuống Hải vận hạm HQ401 đang trên đường chở các nhà đối lập nầy ra nhà tù Côn đảo), đã cưỡng bức o ép đến nỗi ông Nguyễn Tường Tam (tức nhà văn Nhất Linh) phải tự tử và để lại câu trối trăn tiền định: *"Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả.* **Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất vào tay Cộng sản**. *Tôi chống đối sự đó và tự hũy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do."*

[43] Oan hồn những người nầy bây giờ không biết có được nhóm tàn dư **Cần Lao Công giáo** ở hải ngoại thắp cho nén hương mỗi lần họ cúng ông Diệm vào ngày 2 tháng 11 không? Và bạn bè, đồng chí, bà con của họ nghĩ gì về những vọng ngôn xảo ngữ của những "sử gia" hoài Ngô đang sơn phết lại "Ngô Tổng thống muôn năm" để bóp mép lịch sử và chia rẽ dân tộc.







Kết án tử hình Tướng Hòa Hảo ***Lê Quang Vinh***
Di bút tuyệt mệnh của văn hào ***Nhất Linh Nguyễn Tường Tam***
*Di tích Nhà tù "****Chín Hầm****" của Ngô Đình Cẩn tại Huế*

2- Trong nhà tù của chế độ có chính trị phạm hay không?

Nếu có chính trị phạm, dù chỉ một người, thì **chế độ đó chắc chắn độc tài.** Chế độ Diệm, theo Avro Manhattan trong "*Vietnam, Why Did We Go?*", đã bỏ tù hơn 300,000 người vì lý do chính trị. Theo ông Lê Nguyên Long, một lãnh tụ Quốc Dân Đảng ở miền Trung, thì hàng ngàn cán bộ của đảng ông đã bị nhóm "Cần Lao ác ôn" (như ông Quận trưởng tên Thái ở Điện Bàn, Quảng Nam) vu cáo là Việt Cọng rồi bỏ tù theo luật 10/59. Trong Nam thì đội Phước kéo lê máy chém đi hành hình không biết bao nhiêu người kháng chiến yêu nước *không-Cọng sản* trong chiến dịch Tố Cọng của bộ trưởng Trần Chánh Thành. Ngoài ra còn hai nhà tù siêu chính phủ là "**Chín hầm**" ở Huế của ông Ngô Đình Cẩn không nằm trong hệ thống Tư pháp quốc gia , và trại biệt giam **P42** của ông Ngô Đình Nhu, cũng bí mật không thuộc cơ quan nào của chính phủ cả, ở gần Sở thú Sài

Gòn, đã nhốt biết bao nhiêu người chiến sĩ yêu nước nhưng không chịu được chế độ độc tài của Thục-Diệm-Nhu-Cẩn (như các cụ Nguyễn Xuân Chử, Xuân Tùng, Trần Văn Hương, Phan Bá Cầm, Phan Quang Đán, Nguyễn Văn Lực, Phan Khắc Sữu, …)

3- Trong sinh hoạt ngôn luận, có tự do báo chí hay không?

Nếu không có tự do báo chí thì **chế độ đó chắc chắn độc tài.** Chế độ Diệm có ông Bộ trưởng Thông tin cũng là Chủ tịch Phong trào Tố Cọng toàn quốc, ký giả nói gì viết gì cũng phải trong cái khung tố Cọng, dọa nhau thì lại chụp cho cái nón cối lên đầu. Lại có hệ thống Cấp bông giấy (in báo) để khống chế quyền độc lập của chủ báo, và có gia nô của chính phủ độc quyền hệ thống Phát hành thì làm sao nói đến tự do báo chí nữa.

► Nhật báo *Tự Do* của các ông Nguyễn Hoạt (Hiếu Chân), Lưu Đức Sinh (Mặc Thu), Lê Văn Tiến (Như Phong), Tam Lang (Vũ Đình Chí) ... lúc đầu là diễn đàn chống Cọng sâu sắc và hiệu quả nhất nhưng cuối cùng cũng không thể hợp tác được với chế độ Diệm. Số Xuân *Tự Do* năm Canh Tý (1960), vì in hình bìa của họa sĩ Phạm Tăng vẽ 5 con chuột (vừa tượng trưng cho tuổi Tý của ông Diệm vừa tiêu biểu cho 4 anh em Ngô Đình và bà Nhu) đang gậm nhắm đục khoét trái dưa hấu (tượng trưng cho miền Nam) nên báo bị đóng cửa và các ký giả thì đi tù.

► Nhà báo **Vũ Bằng** mô tả tình trạng làm báo dưới chế độ Diệm trong tác phẩm nổi tiếng "*Bốn Mươi Năm Nói Láo*" (Cơ sở Xuất Bản Sống Mới – Sài Gòn – 1969, trang 204 đến 263) như sau:

*... nhà báo đối lập chẳng trước thì sau cũng bị lâm vào mấy cái thế sau đây**: **báo bị đóng cửa; chủ nhiệm, quản lý … bị đưa đi bí mật ban đêm;** nếu không thế thì một ngày đẹp trời nào đó tự nhiên cũng bị ghép vào tội gá bạc, tống tiền, dỗ gái vị thành niên hay đi lừa đảo, đưa ra toà, gia sản bị tịch biên, có bao nhiêu vốn liếng đi tiêu hết.*

*... ông Nhu và vợ đặt ở các văn phòng các đường phố một số mật báo viên , có nhiệm vụ báo cáo những phần tử chỉ trích chánh phủ; ngoài ra theo dõi hành động của các tờ báo khác, hễ thấy viết một câu nào xa xôi, xách mé bóng gió thì đóng cửa vĩnh viễn, còn **ký giả nào bướng bỉnh, không quy phục thì chụp cái nón cối Cọng sản lên đầu,** cho xuống hầm tối để không bao giờ lên được đất liền nữa, hoặc có lên được cũng mù loà, què quặt, bán thân bất toại.*

... Không khí làng báo lúc ấy thực đìu hiu, tẻ lạnh. Mỗi buổi

sáng, người làm báo nhận được ***những cú điện thoại cho biết phải tránh những tin gì không được nói, những lời tuyên bố nào của ông Diệm, bà Nhu phải làm to****; thậm chí lại có khi buộc phải đưa câu nói này của bà Nhu lên làm vơ-đét tám cột, diễn văn kia của ông Diệm năm cột và kèm theo thật nhiều tranh ảnh.*

*... Báo nào mới ra đời cũng la thét ghê gớm lắm: nào dám nói, dám làm, dám chửi; nào phục vụ nhân dân, đứng hẳn về phiá đối lập, đòi công bằng xã hội, tranh đấu cho đồng bào có cơm no áo ấm; nào quét sạch thối tha, nhơ bẩn, dám làm, dám chết...****nhưng rút cục trong một chính thể độc tài, nô lệ, dân chủ ngụy tạo như chính thể nhà Ngô, chẳng có một tờ báo nào thoát được ra ngoài quỹ đạo của chế độ Ngô Đình Diệm.***

► Còn ba nhà báo tên tuổi là **Từ Chung** (báo *Chính Luận*), **Hiếu Chân** (tên thật llà Nguyễn Hoạt làm báo *Tự Do*) và **Chu Tử** (tên thật là Chu Văn Bình làm báo *Sống*), ngay sau khi chế độ Diệm sụp đổ, trong "Lời Hiệu triệu các Nhà Văn Nhà Báo" đăng trên báo *Ngôn Luận* số ra ngày 4/11/1963, đã hối hận thú nhận rằng:

Mang danh là những người cầm bút chiến đấu cho Tự Do, Dân Chủ, giải phóng con người vậy mà trong thời gian vừa qua, vì cơm áo, khiếp nhược, đớn hèn, chúng ta đã ***nhắm mắt ăn dơ, đánh đĩ tâm hồn, phản bội sự thật, phản bội dân tộc, cam tâm làm gia nô cho bè lũ họ Ngô****. Dù chúng ta có viện bất cứ lẽ gì để bào chữa, chúng ta cũng không thể chối cãi được tội lỗi của chúng ta đối với đồng bào, lịch sử...*

Cách mạng 1/11/1963 là cơ hội duy nhất để chúng ta ***thoát khỏi cảnh huống bồi bút phi cầm phi thú****, cơ hội duy nhất để chúng ta trở lại làm người đã tới... Chúng tôi khẩn thiết kêu gọi văn nghệ sĩ, bằng máu và nước mắt, mồ hôi* ***mà trong chín năm qua bè lũ họ Ngô đã làm hoen ố****...*

Tóm lại, dưới nền Đệ Nhất Cọng hòa, dù Hiến Pháp 1956 đã bộc lộ rõ ràng tính phi dân chủ của nó, nhưng thật ra, chính thực tế sinh hoạt chính trị miền Nam trong những năm sau đó là **đối lập chính trị bị đàn áp, nhà tù chất đầy chính trị phạm, và quyền tự do báo chí bị thủ tiêu**, mới là những xác quyết không thể chối cải rằng **chế độ Diệm là một chế độ phản dân quyền**. Những thuộc tính nỗi tiếng khác của chế độ Diệm như *Gia đình trị*, *Công an trị*, *Công giáo trị*,… chỉ làm mạnh thêm và rõ thêm tính độc tài của gia đình cầm quyền họ Ngô mà thôi.

--0--

Chính vì chế độ độc tài đó đã kềm hảm, thậm chí còn tiêu diệt, sức mạnh phát triển quốc gia để đối đầu với miền Bắc, lại chẳng đem lại ấm no và tự do cho đồng bào miền Nam, nên chỉ trong **7 năm cầm quyền** (từ khi ông Diệm làm tổng thống vào tháng 10/1956 đến khi chế độ của ông sụp đổ vào tháng 11/1963), người dân miền Nam đã **7 lần chống đối** lại chế độ của ông:

1- Tháng 2/1957, hàng giáo phẩm **Cao Đài** đã ủng hộ cho một tín đồ tên là Hà Minh Trí mưu sát ông Diệm tại Hội chợ Xuân Tây Nguyên ở thành phố Ban Mê Thuột, với lý do là để trả thù cho tướng Trình Minh Thế và cho tín đồ Cao Đài bị đàn áp khiến Hộ pháp Phạm Công Tắc phải tị nạn qua Cam Bốt. Súng bị kẹt đạn, mưu sát không thành, ông Hà Minh Trí bị cầm tù đến sau 1963 mới được thả ra. Nhưng cũng từ sau vụ mưu sát đó, cuối mỗi bài diễn văn, ông Diệm lại dùng câu "*Xin Ơn Trên che chở cho chúng ta*" [Que Dieu nous protège!] để kết bài.





Hà Minh Trí bị cảnh sát bắt tại Hội chợ Cao Nguyên 1957.

*Nhiều tài liệu và nhân chứng cho rằng ông Ngô Đình Nhu đã ra lệnh thủ tiêu Tướng Cao Đài **Trình Minh Thế** - Tín đồ Cao Đài **Hà Minh Trí** bị bắt tại Hội chợ Cao Nguyên năm 1957 sau vụ mưu sát ông Diệm*

2- Tháng 5/1957, không chịu được nền độc tài gia đình trị và chính sách trả thù Quốc Dân đảng thông qua chiến dịch chống Cọng bừa bải, **Đại Việt Quốc Dân đảng** "*thành lập chiến khu Ba Lòng tại vùng rừng núi phía Tây tỉnh Quảng Trị nhằm mục đích **chống lại chế độ gia đình trị của Nhu-Diệm**, đồng thời cũng là cơ hội dẹp tan các âm*

mưu cố thủ của Cộng Sản tại nam vĩ tuyến 17." [44] Tuy nhiên, dưới sự điều động sắt máu của ông Cố vấn miền Trung Ngô Đình Cẩn, quân đội (có một đơn vị gốc người Nùng) đã dẹp được chiến khu nầy. Một phần lớn các đảng viên bị bắt và tù đày. Từ đó, mâu thuẫn giữa đảng Đại Việt và chính quyền Ngô Đình Diệm không những không hàn gắn được mà càng lúc càng sâu sắc thêm.

3- Tháng 4/1960, **mười tám nhân vật tên tuổi của miền Nam** [45] họp tại một khách sạn ở trung tâm thủ đô Sài Gòn để công bố một Bản Tuyên Ngôn chỉ trích và lên án ông Diệm đã không đem lại cho dân chúng một cuộc sống tốt đẹp, tự do. Vì biết không thể xin họp công khai, những nhân vật nầy đã bí mật mời một số thông tín viên ngoại quốc và vài ký giả Việt Nam đến họp tại hội trường khách sạn Caravelle (vì vậy, nhóm nầy còn được gọi là "*nhóm Caravelle*"). Bản Tuyên ngôn gồm phần mở đầu và phần nhận định về 4 lãnh vực Chính trị, Chính quyền, Quân đội và Kinh tế Xã hội. Họ thẳng thắn cho rằng Quốc hội chỉ là tay sai của chính phủ, bầu cử chỉ là trò bịp bợm, tình trạng tham nhũng bè phái khắp nơi, các chính đảng quốc gia bị đàn áp, quân đội chỉ là một công cụ để củng cố chính quyền chứ không được dùng để chống Cọng, lấy "*sự trung thành với một đảng để tùng phục mù quáng những kẻ lãnh đạo đảng làm tiêu chuẩn thăng thưởng*"… Bản Tuyên Ngôn kết luận:

"*Cho đến nay, chúng tôi đã giữ im lặng và để cho chính quyền mặc ý hành động. Nhưng bây giờ đã đến lúc khẩn thiết, chúng tôi cảm thấy rằng bổn phận của chúng tôi - và trong lúc nước nhà gặp cảnh rối loạn thì ngay cả những kẻ hèn kém nhất cũng phải chia xẻ bổn phận này - là phải nói lên sự thật, thức tỉnh dư luận, báo động với nhân dân, và liên kết những kẻ đối lập, để cho thấy lối thoát.*

---

[44] Trích từ Website chính thức của Đại Việt Quốc Dân Đảng: http://daivietquocdandang.org/2010/02/16/lichsudang-2/ , mục II.A.9

[45] Mười tám người đó là quý ông Lê Ngọc Chấn, Trần Văn Văn, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Tuyên, Trần Văn Lý, Trần Văn Hương, Nguyễn Lưu Viên, Huỳnh Kim Hữu, Phan Huy Quát, Nguyễn Tăng Nguyên, Nguyễn Tiến Hỷ, Lê Quang Luật, Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất, Lương Trọng Tường và linh mục Hồ Văn Vui. Điểm đặc biệt là trong số 18 nhân vật kể trên thì có đến **10 người là cựu ân nhân, đồng chí, bạn thân và những Bộ trưởng đã từng hợp tác với ông Diệm** thời ông chưa có quyền hành hay còn gặp khó khăn.

Chúng tôi thỉnh cầu chính quyền gấp ***thay đổi chính sách để cứu vãn tình thế****, bảo vệ chế độ Cộng Hòa và* ***bảo vệ sự sống còn của quốc gia****. Chúng tôi giữ vững niềm hy vọng là dân tộc Việt Nam sẽ có một tương lai sáng lạn để được hưởng thanh bình và thịnh vượng trong Tự Do và Tiến Bộ",* nhưng lời "thỉnh cầu" tâm huyết và cấp thiết nầy của 18 nhân vật ưu tú nhất của miền Nam lúc bấy giờ đã bị hai ông Diệm Nhu không đếm xỉa đến. Dĩ nhiên sau đó, 18 nhân vật nầy đa số đều bị bắt giam.

4- Tháng 11/1960, chỉ 7 tháng sau "Tuyên ngôn Caravelle", trước những biện pháp chính trị thất nhân tâm của chính quyền Diệm và trước tình hình an ninh miền Nam càng lúc càng tồi tệ (Đầu năm 1960, sư đoàn 21 bị tấn công và thiệt hại nặng nề ở Tây Ninh, cuối năm đó, "Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam" ra đời), **binh chủng Nhảy Dù** (với các sĩ quan chỉ huy như Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, Nguyễn Triệu Hồng, Phan Trọng Chinh, Phạm Văn Liễu, Nguyễn Huy Lợi …) cùng nhiều nhân vật [46] đảng phái quốc gia tập họp trong **Liên Minh Dân Chủ** và **Mặt trận Quốc gia Đoàn kết** đã phát động cuộc binh biến, đánh thẳng vào dinh Độc Lập, đòi ông Diệm cải tổ toàn diện cơ cấu lãnh đạo quốc gia để xây dựng lại chính nghĩa và nâng cao hiệu năng chiến đấu của quân dân miền Nam. Bị cô lập và bao vây trong Dinh Độc Lập, ông Diệm hứa sẽ đáp ứng những đòi hỏi đó nhưng thật ra ông chỉ kéo dài thời gian để chờ quân đội ở miền Tây về cứu ứng [47]. Tin vào lời hứa đó nên

---

[46] Gồm các ông Lê Vinh (đảng Duy Dân), Phan Bá Cầm, Nguyễn Bảo Toàn (Hòa Hảo), Vũ Hồng Khanh, Xuân Tùng (Việt Quốc),... cầm đầu. Ngoài ra còn có "**Mặt trận Quốc dân đoàn kết**" do văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và các ông Phan Khắc Sửu (Cao Đài), Nguyễn Thành Vinh, Trương Bảo Sơn (Việt Quốc) lãnh đạo... Tất cả có hàng trăm nhân vật chính trị dân sự đại diện cho các đảng phái trực tiếp hay gián tiếp tham dự các cuộc đảo chánh của Nhảy Dù. "Mặt trận Quốc gia Đoàn kết" của văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam còn liên lạc với Đức cha Từ, Đức cha Hiền, các linh mục như Cha Oánh, Cha Vui, Cha Lộc, Cha Phiên,...

[47] Học giả **Nguyễn Hiến Lê** ghi lại "... khi tôi thấy cuộc Trưng Cầu Dân ý để lật đổ Bảo Đại có tính cách rõ ràng là gian lận: ở Sài Gòn - Chợ Lớn chẳng hạn, kết quả cho biết có 605.025 người bầu cho ông Diệm trong khi số cử tri ghi tên chỉ có 450.000 người và kết quả là ông ta thắng với tỉ số … 98.2% thuận và 1.1% nghịch thì tôi đã

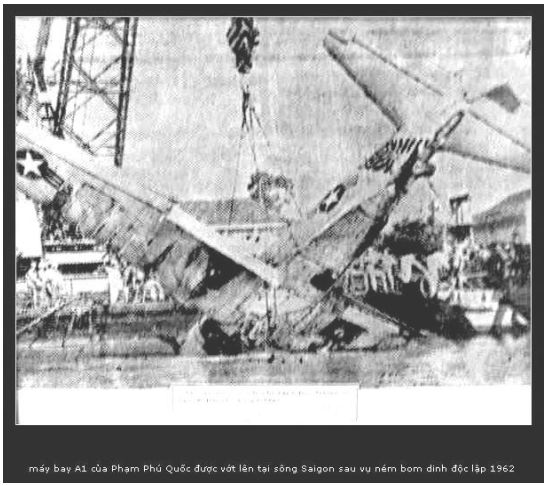
quân Nhảy Dù ngưng chiến, và sau đó trở tay không kịp, bị thua nên cấp lãnh đạo cuộc binh biến một phần bị bắt đưa ra Tòa án kết tội phản loạn, một phần phải trốn sang tị nạn chính trị tại Cam Bốt. Binh chũng Nhãy Dù, từ đó, không được ông Diệm tin tưởng nữa.

5- Tháng 2/1962, hơn một năm sau "Đảo chánh Nhãy dù", hai sĩ quan của một binh chủng khác của quân đội lại hành động: **Trung úy Phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn văn Cử** đã bay 2 chiếc Skyrider A-1 ném bom Napalm và bắn rocket vào dinh Độc Lập với mục đích tiêu diệt đầu não của chế độ ông Diệm (Ngoài ông bà Ngô Đình Nhu ở và làm việc trong Dinh Độc Lập, hôm đó còn có TGM Ngô Đình Thục nữa). Trung úy Quốc là giòng dõi của cụ Phạm Phú Thứ, một nhà cách mạng khí khái ở Quảng Nam mà giòng họ Ngô Đình vừa ghen vừa ghét trong thời Nam triều. Còn trung úy Cử là con của cụ Nguyễn Văn Lực, một lãnh tụ của **Đại Việt QuốcDân Đảng.** Bom và phi tiễn chỉ làm hư hại cánh trái của Dinh Độc Lập mà thôi. Máy bay của Trung úy Quốc bị phòng không Hải quân bắn hạ, ông nhảy dù và bị bắt. Còn Trung úy Cử thì bay qua Cam bốt tị nạn. Sau 1963, hai ông trở về binh chủng Không quân và tiếp tục thi hành các phi vụ oanh kích Việt Cọng trên chiến trường miền Nam.

đâm ngán. **Bịp bợm trắng trợn như thế thì không phải là thông minh được**…. Quả nhiên sau này, trong vụ đảo chánh hụt tháng 11 năm 1960, **ông lại thất hứa và lường gạt phe đảo chánh và quốc dân lần nữa.** Ngày 12 tháng đó, ông long trọng tuyên bố sẽ giải tán nội các, thành lập một chính thể chuyển tiếp mở rộng nội các cho các tướng và các nhà cách mạng độc lập hợp tác "*Quốc dân cứ bình tĩnh và tin ở lòng ái quốc và thương dân vô cùng của Tổng thống*", nhưng khi đạo quân trung thành của ông về kịp Sài Gòn, đánh bật phe đảo chánh thì ông **nuốt lời hứa, không thay đổi nội các mà còn đàn áp dữ dội những người ngây thơ tin ở ông**..." – (Nguyễn Hiến Lê, *Con Đường Thiên Lý*, Văn Nghệ, Hoa Kỳ, tr. 201-203).



*Cánh trái **Dinh Độc Lập**, khu cư trú của Ông bà Nhu, bị bom và phi tiển gây thiệt hại -*



*Chiếc Skyrider A-1 của Trung úy Phi công **Phạm Phú Quốc** bị bắn hạ trên sông Sài Gòn*

6- Một năm sau, vào tháng 5/1963, chính sách kỳ thị Phật giáo của chế độ Diệm lên đến cao điểm với lệnh cấm treo Phật kỳ trong lễ Phật đản tại Huế và sau đó nổ súng giết 8 Phật tử tại Đài Phát thanh. Đây là giọt nước làm tràn sự bất công của chính sách **tiêu diệt Phật giáo một cách có hệ thống để Công giáo hóa miền Nam vốn bắt đầu từ năm 1956**, khi lần đầu tiên Hoà thượng Trí Thủ gửi văn thư chính thức phản đối **Linh mục Vàng**, giảng sư của Trung tâm Nhân Vị Vĩnh Long, đòi cắm cây thánh giá lên núi Ngũ Hành Sơn, nơi có chùa

Non Nước ở Đà Nẵng.[48] Kể từ năm 1956 đó cho đến suốt 7 năm còn lại, Phật giáo đã bị đối xử phân biệt, áp lực đổi đạo, đày đọa đi các vùng dinh điền trên cao nguyên, bị chụp mũ là Cọng sản, chùa chiền bị các cha xứ lấn chiếm tranh dành, công chức quân nhân Phật tử bị trù dập.

Xin ghi lại đây ba tình trạng kỳ thị Phật giáo tiêu biểu và trắng trợn mà ở miến Nam lúc bấy giờ ai cũng biết là: (**a**) Lễ Phật đản không được ghi trong danh sách ngày nghĩ quốc gia trong khi lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh, … của Công giáo thì lại được xem như quốc lễ. Mãi cho đến năm 1957, Hội chủ Phật giáo phải làm đơn "xin", chính phủ mới "cho" nghĩ ngày Phật Đản; (**b**) Khi Phật tử bị ép buộc vào sống trong các khu Trù mật., Dinh điền, Ấp Chiến lược của chính phủ, họ bị đủ mọi áp bức, nhất là áp bức kinh tế để đổi đạo đến nỗi có câu vè thật ai oán rằng "*theo đạo có gạo mà ăn*"; (**c**) Nhưng quan trọng hơn cả là chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn duy trì **Dụ số 10** để khống chế Phật giáo trong quy chế của một Hội bình thường, trong khi Công giáo thì không bị ràng buộc, muốn tự do điều hành và sinh hoạt sao cũng được [49]. Ông Diệm đã truất phế vua Bảo Đại, đã thành lập nền Cọng hòa, đã thủ tiêu tất cả luật lệ thời phong kiến thực dân Tây để lại, vậy **tại sao lại duy trì Dụ số 10** cực kỳ bất công và nham hiểm của phong kiến và thực dân, nếu không phải là để đạp Phật giáo xuống cho Công giáo lên ngôi vị độc tôn tại Việt Nam?

---

[48] Vị Linh mục tên Vàng nầy, vào năm 1960, còn nỗi tiếng về chuyện xúi dục con chiên Nhà thờ Phú Cam đòi lại chùa Thiên Mụ ở Huế với lời giải thích quái đản rằng chùa Thiên Mụ là nơi "*Mẹ của Trời*", tức Đức Mẹ Maria, giáng trần nên phải **trả chùa nầy lại cho Công giáo**! – (Tâm Đức, *Như Áng Mây Bay*, USA 2010, trang 230.)

[49] Điều 1 của đạo dụ số 10 liệt mọi tôn giáo (trừ Công giáo) vào loại hiệp hội thường như đua ngựa, đá banh,... Điều 7 cho phép chính quyền từ chối không cấp giấy phép hoạt động, hoặc cấp rồi mà vẫn có thể rút lại *không cần* phải nói lý do. Điều 10 và 12 cho phép bất cứ nhân viên hành pháp hay tư pháp nào cũng có *quyền kiểm soát* các hiệp hội tôn giáo. Điều 14 và 28 giới hạn tài sản của một tôn giáo ở mức nào đó mà thôi, và dĩ nhiên **điều số 44 dành một chế độ đặc biệt sẽ quy định sau cho các Hội Truyền Giáo Thiên Chúa Giáo** nhưng sau 9 năm cầm quyền, chính phủ Diệm cũng chẳng bao giờ quy định. – (Kiêm Đạt, *Lịch Sử Tranh Đấu của Phật Giáo Việt Nam*, tr.132)

Biến cố ở Huế sau đó trở thành cuộc đấu tranh cho nguyện vọng 5 điểm đòi bình đẳng tôn giáo. Trước sự ngoan cố của chính phủ Diệm, ngày 11/6 Hoà thương **Thích Quảng Đức** tự thiêu để "*trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng bác ái từ bi đối với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa"* khiến cuộc đấu tranh của Phật giáo lan rộng ra với sự hiện diện mạnh mẽ và đông đảo của sinh viên, học sinh và đảng phái. Ngày 7/7, văn hào **Nhất Linh** tự thiêu để cảnh báo chế độ Diệm đang làm "*tội nặng mất vào tay Cọng sản*". Khuya 20/8, ông Nhu ra lệnh cho Cảnh sát dã chiến và Lực lượng Đặc biệt của Đại tá **Lê Quang Tung** phát động chiến dịch **Nước Lũ** ào ạt tấn công chùa Xá Lợi, Giác Minh, Ấn Quang, Từ Quang, Therevada ở Sài Gòn và chùa chiền khắp toàn quốc, bắt Tăng Ni (riêng tại Sài Gòn là 1,400 vị) và Phật tử giam giữ, phản bội Thông cáo Chung và vu khống cho Phật giáo là tay sai của Việt cọng. Hệ quả tức thời của chiến dịch Nước Lũ là toàn bộ thành phần lãnh đạo Phật giáo bị triệt tiêu, phong trào đấu tranh của Phật giáo gần như bị tê liệt, nhưng chính vì vậy mà phong trào đã **trở thành tiền đề văn hóa và sức bật chính trị** cho ngày 1/11/1963 của Quân đội ba tháng sau đó.





Phật tử và Tăng Ni biểu tình đòi chính phủ Diệm chấm dứt đàn áp và cho Phật giáo cùng những tôn giáo khác được bình đẳng với Thiên Chúa giáo

8-1963 Students at the School of Sciences and Pedagogy holding a protest demonstration against the repressive measures of the Diem government



9-1963 Students being taken away in trucks by Diem government police when they tried to demonstrate.



Sinh viên và Giáo chức Sài Gòn biểu tình chống các biện pháp đàn áp của chế độ Diệm bị Cảnh sát bắt đem nhốt vào quân trường

7- Trong ba tháng sau chiến dịch Nước Lũ để dứt điểm Phật giáo, nhiều vị lãnh đạo trên thế giới, **kể cả Đức Giáo hoàng Paul VI và các tổ chức Công giáo, đã lên án chế độ Diệm**. TGM Thục đến Vatican nhưng không được Giáo hoàng tiếp, bà Nhu dẫn phái đoàn Quốc hội đi "giải độc" trên thế giới bị chống đối. Cuối tháng 9/1963, Tổ chức Liên Hiệp Quốc quyết định gửi phái đoàn đến Việt Nam để điều tra tình hình đàn áp Phật giáo. Sinh viên học sinh và đông đảo đồng bào thay thế Phật tử và Tăng Ni ào ạt xuống đường biểu tình …

Những tin đồn về việc ông Nhu sẽ tổ chức đảo chánh (kế hoạch "*Bravo*") để phản đảo chánh và sau đó thay luôn ông Diệm, nhất là tin về hai anh em ông Nhu-Diệm đang thỏa hiệp với chính quyền Cọng sản miền Bắc được truyền đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Trường học đóng cửa, quân nhân bị cắm trại 100%, nhu yếu phẩm bị đầu cơ tích trữ. Sài Gòn như bốc lửa …

Ngày 1/11/1963, quân đội phát động cuộc binh biến **lần thứ ba** để lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Và lần nầy họ thành công. Ngày hôm sau, 2/11, hai anh em ông Nhu và Diệm bị bắn chết. Toàn quân toàn dân trên 35 tỉnh thị miền Nam hân hoan vui mừng ngày Cách mạng.



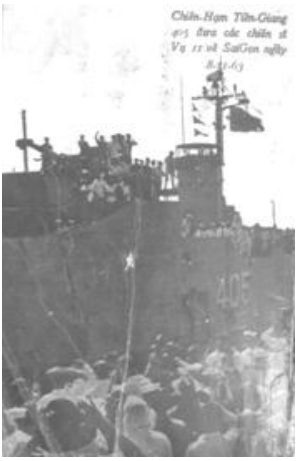


Ngày 1-11-1963: Đồng bào thủ đô Sài Gòn cổ vũ và chào mừng Quân đội thành công lật đổ chế độ Diệm





Tượng "Hai Bà Trưng" tạc theo khuôn mặt và vóc dáng hai mẹ con Bà Nhu nên bị sinh viên kéo sập và phần cái đầu bị dân chúng chở đi bêu xấu trên đường phố Sài Gòn



*Tượng "*Mẹ con bà Nhu*" bị kéo sập - Đồng bào hân hoan tụ họp tại bến Bạch Đằng để chào đón Tù nhân chính trị của chế độ Diệm được Hải vận hạm* ***HQ405*** *chở từ nhà tù Côn Đảo về lại Sài Gòn*

Hai nhà làm văn hóa ở Sài Gòn đã mô tả lại tâm tình của người dân thủ đô trong những ngày đó như sau:

"*Từ 7 giờ sáng ngày 2-11-1963, khi đài phát thanh Sài Gòn báo tin dinh Gia Long bị quân đội chiếm thì già trẻ lớn bé lũ lượt kéo nhau đi xem. Lời hò reo, tiếng cười vang với sắc diện tươi vui của mọi người chứng tỏ sự giải thoát* ***gông cùm kềm kẹp của độc tài đã bóp nghẹt lòng dân*** *trong chín năm trời đăng đẳng*" (Bác sĩ **Dương Tấn Tươi**, *Cười - Nguyên nhân và Thực chất* , Sài Gòn 1968, tr.44).

Còn thi sĩ **Đông Hồ** thì: "*Nỗi ức hiếp, nỗi căm hờn* ***bị đè nén,***

***bị vùi dập một cách tàn nhẫn bất công trong 9 năm trời**, một sớm được giải thoát, được cởi mở, mà phản ứng chỉ có chừng ấy thì tưởng quần chúng nhân dân Việt Nam năm 1963 này cũng đã tỏ ra hiền lành nhiều lắm, và cũng đã biết tự hạn chế, tự biết kềm hãm sức giận dữ hung hãn của mình rồi đó*." (Nguyễn Hiến Lê, *Tôi Tập Viết Tiếng Việt*, 1988, tr. 21).

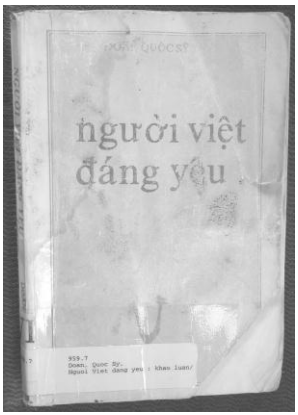
Ba điều đặc biệt về biến cố nầy là:

(**a**) *Thứ nhất*, ngày 1/11 **không tự nó là một kết quả riêng lẽ** đến từ chỉ một nguyên nhân, mà là cao điểm kết tụ của **một chuỗi liên hoàn nhiều biến cố nối tiếp và gối đầu lên nhau** trong thời gian (7 năm bạo trị), cũng như là kết quả tất yếu kết tinh **từ nhiều thành tố đan bện và kết hợp với nhau** (như kỳ thị Phật giáo, đàn áp đảng phái quốc gia, bất công tham nhũng, mâu thuẫn với Mỹ, bè phái gia đình trị, thoả hiệp với Hà Nội, …). Nói như lý Duyên Sinh của nhà chùa: "*Cái nầy có là vì* (nhiều) *cái kia có*". Do đó, nói rằng chỉ quân đội bất mãn nên lật đổ ông Diệm là một cách nói giản lược, phi lịch sử và thiếu tính hệ thống, nếu không muốn nói là **không lương thiện**.

(**b**) *Thứ nhì*, ngày 1/11 đã trình hiện rõ ràng tình trạng **cô lập tuyệt đối của gia đình họ Ngô và các công cụ bạo lực của họ trước cao trào chống đối của quần dân miền Nam**. Đảng Cần Lao, Sở Nghiên cứu Chính trị, Lực lượng Đặc biệt, 4 cơ quan Mật vụ Công an, Phong trào Cách mạng Quốc gia, Thanh Niên Cọng hòa, Phụ nữ Liên đới, các xóm Đạo võ trang… tất cả đều tê liệt rồi tan rã không một phản ứng vì tính phi chánh nghĩa, nặng bè phái và kém tổ chức của bản thân từng tổ chức một. Chế độ đang tan, lãnh tụ đang bôn tẩu, cả cấu trúc chính trị và bạo lực của nó sụp đổ trong 24 tiếng đồng hồ!. **Chế độ Diệm đúng là một chế độ đã tồn tại như một ốc đảo trong dân, không một chút gốc rễ trong dân.**

(**c**) Và *thứ ba*, người Mỹ đã đóng một vai trò vừa quan sát vừa tham dự vào biến cố 1/11 nầy vì sự sống còn của "tiền đồn" mà họ đã đầu tư cả tài lực lẫn vốn liếng chính trị trong chiến lược chống Cọng toàn cầu của họ. **Chính ông Diệm chứ không ai cả, đã là nguyên nhân, từ đầu, làm cho người Mỹ có được một vai trò và thế lực đáng kể, can thiệp quá sâu vào sinh hoạt chính trị của miền Nam sau nầy**. Người Mỹ và Vatican "nặn" ra ông, "bồng" ông về và "đặt" ông lên ngôi Tổng thống. Rồi quân viện và kinh viện, nhân sự và tiền bạc đổ vào miền Nam như thác đổ, từ viên đạn cho đến giọt xăng, từ lương tổng thống cho đến đôi giày bốtđờxô của anh

binh nhì … Nhưng khác với các lãnh tụ cũng độc tài nhưng vì dân tộc và tổ quốc ở Đài Loan và Nam Hàn, **ông độc tài vì gia đình và vì tôn giáo của ông chứ không vì nhân dân và lý tưởng chống Cọng**. Ông đã chấp nhận làm con cờ cho Mỹ, nhưng lại bất lực trong nhiệm vụ làm con cờ, rồi lại thoả hiệp với kẻ thù Hà Nội, phản bội không những "người nặn ra ông" mà còn cả cái Hiến pháp chống Cọng và quân dân miền Nam, thì Mỹ phải đồng ý với và giúp đỡ cho quân dân miền Nam "dứt điểm" ông là đúng rồi. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ tóm tắt trong một câu rất ngắn mà thật tuyệt đối đúng: "*Bảo là người Mỹ đã giết Diệm. Không!* **Diệm đã chết trong lòng dân tộc** *từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm xác sống của y."* [50]



Tàn dư của chế độ Diệm tại hải ngoại **rất sợ** câu chân ngôn sấm sét nầy nên họ phải ráng đánh tráo lịch sử, vận dụng các phương tiện truyền thông mà họ khống chế trong các "Bolsa xóm đạo", để tuyên truyền ngược lại rằng Không! Chẳng có "*dân tộc*" nào ở đây cả, quần chúng miền Nam thương và kính ông Diệm lắm lắm, chỉ có bọn Thầy Chùa Phật giáo là tay sai của Cọng và tướng lãnh là tay sai của Mỹ "*phản bội*" mà thôi. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, nỗ lực bất lương và tội nghiệp đó chỉ khẳng định một điều: Thành phần nào đã **phi dân tộc** từ trong **bản chất** và nằm trong **truyền thống,** thì thế nào cũng **phản dân tộc** trong tư duy và trong hành động. Khó thay đổi được! Đó là quy luật của lịch sử văn hóa Việt Nam.

* * *

Làm tổng thống 7 năm mà bị 7 lần chống đối! Chống đối từ ôn hòa đến bạo động, càng lúc càng mạnh, từ tuyên ngôn, đến biểu tình, đến ám sát, đến chiến khu, đến ném bom, rồi đến 2 lần binh biến…. Chống đối càng lúc càng sâu rộng, từ sinh viên học sinh, đến tôn giáo và trí thức, đến đảng phái và báo chí, đến đồng minh và công luận thế giới, đến quân đội…. Rõ ràng có một điều gì căn bản và trầm trọng

---

[50] Doãn Quốc Sỹ, *Người Việt Đáng Yêu*, (Lời Mở Đầu) Nhà xuất bản **Sáng Tạo**, Sài Gòn, 1965. Đăng lại trên Tạp chí **Việt Nam Hải Ngoại** (của Luật sư Đinh Thạch Bích) số 8 ngày 15-9-1977, San Diego, Hoa Kỳ.

khiến quân dân miền Nam không thể chấp nhận được chế độ Ngô Đình Diệm. Điều không chấp nhận đó có thể tóm gọn trong 2 bản chất cốt lõi của chế độ: **Ngược lòng dân** và **Phản thời đại**.

Chế độ Ngô Đình Diệm đã tiêu vong, để lại bao nhiêu máu lệ cho dân tộc và ngang trái cho lịch sử. Tuy nhiên, phải thẳng thắn một điều: Lịch sử hình thành và quá trình chấm dứt của chế độ đó vẫn còn có thể đóng góp cho dân tộc ta. Đó là chế độ nầy sẽ được xem như **mẫu mực của một chế độ chính trị phi dân tộc, độc tài, và thiếu khả năng.** Do đó, mọi mầm mống và biểu hiện của một chế độ như thế sẽ không bao giờ được phép tồn tại trên nước Việt Nam nữa. Ngoài ra, nó còn là **một kính chiếu yêu để chúng ta điểm mặt nhận diện cái thành phần phi dân tộc và phản thời đại** nào vẫn cứ ngoan cố bóp méo lịch sử để chạy tội cho chế độ nầy, một chế độ đã từng bắt cả nước ê a hai câu kinh "*Ngô tổng thống muôn năm*" và "*Xin Thượng đế ban phước lành cho Người*".

[Nguồn: http://www.sachhiem.net/LICHSU/N/NguyenKha.php]

---

10 TUYÊN BỐ CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO ĐÃ ĐI VÀO LỊCH SỬ VIỆT NAM

1- Cố đạo **Alexandre de Rhodes**: "**Vậy thì ta làm cho Thích Ca, là thằng hay dối người ta, ngã xuống, thì mọi truyện dối trong đạo bụt bởi Thích Ca mà ra, có ngã với thì đã tỏ**." (Sách "*Phép giảng Tám ngày*", Ngày thứ Bốn: Những đạo Vạy – Roma, 1651)

2- Giáo hoàng **John Paul II**: "**Phật giáo đại thể là một hệ thống vô thần**" (*Buddhism is in large measure an "atheistic" system*).- Crossing the Threshold of Hope, 1994

3- Giáo hoàng **Benedict XVI** (khi còn là Hồng y Ratzinger): "**Phật giáo là một loại tâm linh tự dâm**" (*Buddhism was an autoerotic spirituality*), Feb. 1999 – "**Phật giáo sẽ thay thế chủ nghĩa Mácxít như là kẻ thù lớn nhất của Giáo hội kể từ năm 2000**" (*Buddhism would replace Marxism as the church's biggest foe by 2000*), March 1997.

4- Phúc trình của **Đô đốc thực dân Pháp Page**: "**Không có giáo dân**

Việt Nam thì nước Pháp như con cua không có càng", 1859 (Sau khi đức cha Trần Lục dẫn 5000 giáo dân Việt Nam giúp quân thực dân Pháp đánh chiếm chiến lũy Ba Đình của anh hùng Đinh Công Tráng), *Đạo Thiên Chúa và Chủ nghĩa Thực dân tại Việt Nam*, Cao Huy Thuần..

5- "Đức cha **Nguyễn Bá Tòng** đọc bài diễn văn tỏ lòng cám ơn chính phủ (Pháp), **tỏ lòng trung thành con dân Việt-Nam đối với Mẫu Quốc.**" Trong *Autour des Fêtes du 3 Décembre 1940 à Phát Diệm* (trang 33 đến 41) - Trích lại từ "Hội hè Đình đám", Toan Ánh, 1969, Sài Gòn

6- Đức cha Phêrô Máctino **Ngô Đình Thục**: "Chúng con hết lòng thành kính **hiến dâng** Giáo Hội và **tổ quốc Việt Nam** cho Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội" - Diễn văn tại Tiểu Vương cung Thánh đường La Vang, Quảng Trị, 1960. Hơn 90% người Việt **không** theo đạo Chúa có cho phép ông Ngô Đình Thục, dù là anh của tổng thống Diệm, **dâng Tổ quốc của mình cho một người đàn bà Do Thái** xa lạ không? Việt Nam trở thành **toàn tòng Công giáo** lúc nào mà ông muốn dâng tổ quốc cho ai thì dâng?

7- Bà **Trần Lệ Xuân, đạo theo, vợ của Cố vấn Ngô Đình Nhu**, nói về vụ tự thiêu của Hoà thương Thích Quảng Đức: "**Hãy để chúng cháy tiêu và chúng ta sẽ vỗ tay**" (*Let them burn and we'll clap our hands – Our Vietnam the War 1954-1975*, Langguth A.J., 2000, trang 216), và đó chỉ là "**món đồ nướng**" (*Barbecue*) mà *"* **nếu Phật tử có thiếu xăng và hộp quẹt thì tôi sẽ cho**" (New York Times, 25-8-1963, trang E1).

8- Linh mục Tổng Chỉ huy Tự vệ Giáo khu Phát Diệm **Hoàng Quỳnh**: "**Thà mất Nước, không thà mất Chúa**", Nhật báo *Hòa Bình*, tường thuật lại lời tuyên bố trong cuộc biểu tình của giáo dân tại cổng Bộ Tổng Tham mưu, Sài Gòn 1964.

9- Trí thức Công giáo chủ trương "Liên tôn" để chống Cọng **Chu Tất Tiến**: vu khống rằng "**Phật giáo Việt Nam giết hại hơn 100 nghìn người cùng máu đỏ da vàng chỉ vì họ theo đạo Ca Tô**", "*Đòn khiêu khích tôn giáo của bọn tay sai Cộng sản*", phổ biến trên các diễn đàn Internet, California, 12/2010.

10- Trí thức Công giáo **Vũ Linh Châu** muốn chạy tội tay sai theo giặc của Công giáo VN nên đề nghị Phật tử cũng nên cảm ơn Thực dân Pháp: "Như vậy, phải chăng việc Nguyễn Ánh giao Hoàng Tử Cảnh cho Giám Mục Bá Đa Lộc để cầu viện nước Pháp là một sự lựa chọn …sáng suốt. **Một hành động sinh tử đối với Đạo Phật tại nước ta**. Nếu Nguyễn Ánh, thay vì móc nối với Bá Đa Lộc, lại giao Hoàng Tử Cảnh cho một giáo sĩ …Tây Ban Nha, thì Việt Nam đã trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và dân Việt Nam cũng đã toàn tòng 100% Công giáo giống như Philippines và các quốc gia tại Trung và Nam Mỹ châu rồi. Như vậy, **phải chăng các tín đồ Phật Giáo Việt Nam cũng nên nói lời cám ơn Lịch Sử và cám ơn thực dân Pháp?** Phải chăng Phật Giáo Việt Nam cũng nên cám ơn Vua Gia Long, cám ơn Hoàng Tử cảnh và **cám ơn cả Giám Mục Bá Đa Lộc** nữa." (Diễn đàn Internet - Quốc hận 2011). Đây là loại ngụy biện đểu cáng ba xu, cảm ơn người đã rước con rắn độc, thay vì rước con chó điên, vào nhà. "Rắn độc" Pháp hay "Chó Điên" Tây Ban Nha thì cũng thế! Chỉ có đầu óc nô lệ kiểu "*con chiên con cừu*", kiểu "*tôi tớ hèn mọn*" **khấu đầu trước Cha Cố thực dân đang cướp nước mình để cảm ơn**, mới có lý luận phản quốc như thế!

(Tài liệu tổng hợp từ: http://virtualarchivist.wordpress.com/
và http://my.opera.com/honganthienchua/archive/
và
http://vn.360plus.yahoo.com/vanphongtran79/article?mid=740&fid=-1)

NGÔ ĐÌNH DIỆM, BẢY NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI

Bùi Kha

Sinh ra trong một gia đình theo đạo Công Giáo nhiều đời và lớn lên trong hòan cảnh đất nước bị ngọai xâm, hai yếu tố cơ bản và then chốt đó đã tác động sâu đậm lên con người và cuộc đời củaTổng Thống Ngô Đình Diệm.

Làm quan dưới thời Nguyễn mạt, Ngô Đình Diệm thất bại trong việc tranh dành ảnh hưởng với Phạm Quỳnh nên từ chức Thượng Thư Bộ Lại năm 1933. Từ đó ông có một cuộc sống không cố định mà phần nhiều là ở ngọai quốc.

Từ sau nữa năm 1950, ông Diệm đi Nhật Bản gặp Kỳ Ngọai Hầu Cường Để là một chuyện phụ nhưng thực ra là để gặp một cựu sĩ quan tình báo Mỹ là ông Wesley Fishel, rồi đến Vatican yết kiến Giáo Hoàng Pius XII, người nỗi tiếng vì đã từng thúc đẩy chính Phủ Hoa Kỳ thả từ 1 đến 6 quả bom nguyên tử xuống Bắc Việt để giải cứu quân Pháp bị quân Việt Minh bao vây tại Điện Biên Phủ năm 1954. Sau đó ông Diệm đến Hoa Kỳ rồi đi Thụy Sỹ, Bỉ, Pháp, đến Vatican lần thứ hai, và trạm cuối là trở lại và ngừng chân lâu dài tại Mỹ từ năm 1951. Trong khoảng thời gian hai năm, ông sống trong hai tu viện Maryknoll, vùng Lakewood, bang New Jersey và Ossining, bang New York. Nhờ sự gởi gắm của người anh ruột là Giám mục Ngô Đình Thục, ông Diệm được Hồng y Spellman tiếp nhận, nâng đở và tạo cơ hội giao tiếp với dư luận địa phương qua các buổi nói chuyện tại một vài đại học cũng như tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, rồi cuối cùng được lọt vào mắt xanh của một vài chính khácht thời đó như Thượng Nghị sĩ Mike Mansfield, John Kennedy, Dân biểu Walter Judd, Chánh án Williams Douglas.... Tháng 5 năm 1953, ông qua Bỉ và sống trong tu viện Benidictine de St. André-les-Purges, năm sau qua Pháp chờ thời trong khi quân Pháp đang bị bại trận tại Điện Biên Phủ.

Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ năm1954, chính sách thuộc địa của Pháp tại Đông Dương qua bao năm xương máu đã đến hồi chung cuộc. Thay chân Pháp, Hoa Kỳ tiếp tục con đường chính trị mới ở

Đông Dương mà điểm nóng và then chốt là Việt Nam. Với áp lực của chính phủ Mỹ, nhờ sự can thiệp tích cực của Hồng-y Spellman mà đàng sau là Vatican và sức ép của Phong trào Cọng hòa Bình dân thân Vatican, chính phủ Pháp và Quốc trưởng Bảo Đại buộc lòng phải cử Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng trên nữa phần đất phía Nam bằng sắc lệnh 38/ QT do Bảo Đại ký ngày 16. 6. 1954.

Điểm lại một vài dấu tích trên hoạn lộ chính trị của Ngô Đình Diệm, chúng ta sẽ thấy hoạn lộ đó nổi bật hai điểm đã quyết định cuộc đời chính trị thăng trầm của ông. Thứ nhất, Ngô Đình Diệm là một con chiên ngoan ngoãn của Vatican. Thứ hai, Ngô Đình Diệm là con người được lựa chọn để thừa hành chương trình của Mỹ ở Đông Dương sau khi Pháp thất bại.

Bài viết nầy chỉ giới hạn trong phạm vi truy tầm một số nguyên nhân đưa đến sự thất bại của cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, trước là để góp phần vào việc soi sáng lịch sử và định vị trí của ông trong dòng sử Việt, sau là để giảm thiểu tình trạng đánh bóng cho nhau hoặc bôi bẩn người khác vì lý do tín ngưỡng.

Bài nghiên cứu nầy cũng không nhằm so sánh Tổng thống Diệm với Chủ tịch Hồ Chí Minh vì tính bất cân xứng và những dị biệt lớn giữa hai nhân vật. Nhưng vì muốn làm sáng tỏ luận điểm ***Tại Sao Ngô Đình Diệm Thất Bại,*** chúng tôi không thể tránh khỏi một vài đối chiếu lúc nghiên cứu. Do đó, trước lúc đi vào chủ điểm chính của bài viết, tôi xin trình bày vài nét về quan điểm của mình trong những nghiên cứu.

Sau 1975, nhiều người Việt ở nước ngòai phải sống giữa hai "lằn đạn": bên nầy chụp mũ Cọng sản, bên kia vu khống CIA, mà cá nhân tôi là một. Nhưng không phải vì vậy mà tôi lại méo mó trong việc nghiên cứu và viết lách của mình, mặc dầu tôi thấy có rất nhiều cây bút đã bị uốn rất cong. Lại nữa, tôi chỉ là một người nghiên cứu chứ không phải là người hơn thua nhau trong một trận chiến tuyên truyền nào, nên tôi sẽ cố tránh những danh từ xem ra thiếu ái ngữ hay hạ cấp.

Nếu trong bài nầy có những luận điểm mà quí vị không đồng ý hoặc cách xưng hô mà quí vị không hài lòng, thì cũng xin thông cảm rằng, để cho tôi tôi có cái quyền và cái cách được phát biểu quan điểm của mình, dẫu quan điểm đó không hợp với quí vị. Kính mời độc giả cùng tôi tìm hiểu 7 yếu tố căn bản đưa đến sự thất bại của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

MỘT: Tính Truyền Thống.

Đối với phong tục và tập quán Việt Nam, một người xuất thân từ một gia đình có truyền thống cách mạng hay một gia đình thuộc giai cấp "thế gia vọng tộc" thì dễ được xã hội chấp nhận và dễ thành công hơn là những người xuất thân từ một gia đình gốc gác mù mờ. Ngô Đình Diệm (1901-1963) ra làm quan dưới thời Nguyễn mạt, vua chỉ là kẻ bù nhìn sống xa hoa lộng lẫy trên xương máu của những người dân bị trị trong một quốc gia bị Pháp đô hộ. "Tam Cương Ngũ Thường, Lễ Nghĩa Liêm Sỉ " không còn là những khuôn mẫu dẫu là khuôn mẫu thô sơ của nhân thế. Xã hội tiêu điều đến như vậy, mà Ngô Đình Diệm lại còn xuất thân từ một gia đình vượt qua các lằn mức đó nữa thì làm thế nào mà có thể thành tựu được sự nghiệp cách mạng, dù ông có muốn đi nữa. Bức thư (viết tay) được tìm thấy trong thư khố Pháp, do Giám Mục Ngô Đình Thục, anh ruột của Ngô Đình Diệm chứ không phải do "cọng sản ngụy tạo", gởi cho Toàn Quyền Decoux đã cho chúng ta biết gia thế của ông như sau:

BẢN DỊCH THƯ VIẾT TAY BẰNG PHÁP NGỮ CỦA GM NGÔ ĐÌNH THỤC GỞI ĐÔ ĐỐC JEAN DECOUX, TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tòa Truyền Giáo Vĩnh Long ngày 21/8/1944

Thưa Đô Đốc,

Một linh mục từ bổn Tòa được phái đi Sài Gòn để lo việc cho chủng viện vừa cho tôi biết rằng hai người em của tôi đang bị truy tố tại Huế. Vì đã lâu không nhận được tin tức gì từ Huế, tôi không biết là điều tôi vừa được báo cáo có đúng sự thực hay không.

Tuy nhiên, nghĩ đến nỗi đau đớn và sự bất nhẫn rất đúng mà chắc là Đô Đốc đã cảm thấy – nếu sự truy tố các em tôi là có thật, tôi vội viết thư này để bày tỏ với Đô Đốc nỗi đau đớn lớn lao của tôi về việc này.

Nếu hoạt động của hai em tôi được chứng tỏ là có hại cho quyền lợi nước Pháp thì – với tư cách của một Giám mục, của một người An-nam, và với tư cách là người con của ***một gia đình mà thân phụ tôi đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến An-nam, và đã nhiều lần đưa mạng sống cho nước Pháp trong các cuộc hành quân mà cha tôi cầm đầu, dưới quyền Nguyễn Thân, chống lại các kẻ nổi loạn do Phan Đình Phùng chỉ huy, tại Nghệ-an và Hà-tịnh*** *– tôi, tự đáy lòng, không chấp nhận [hoạt động của*

các em tôi].

Thưa Đô Đốc, tôi tuyên bố như vậy không phải với mục đích bảo toàn địa vị cá nhân của tôi: bởi vì nếu xét rằng cá nhân hèn mọn của tôi có thể phương hại đến quyền lợi của đạo [Thiên Chúa], tôi sẽ vui vẻ rời khỏi Tòa Giám mục nầy ngay.

Lời tuyên bố của tôi chỉ có mục đích là tỏ cho Đô Đốc thấy rằng lòng tin tưởng trìu mến của Đô Đốc [đối với tôi] đã không bị đặt vào một kẻ bất xứng hay vô ơn.

Thưa Đô Đốc, tôi chưa bao giờ tiếc là đã xa Huế như thế nầy. Giá có mặt ở đấy thì tôi đã có thể khuyên răn các em tôi tốt hơn, và khi chuyện xẩy đến tôi đã có thể chống lại các chủ đích của các em tôi, nếu quả thật các em tôi có nghĩ đến những dự định có thể gây hại cho quyền lợi nước Pháp.

Có thể tôi lầm, tuy nhiên, thưa Đô Đốc, tôi xin thú thực là ***không tin*** *– cho đến khi được chứng minh ngược lại – rằng các em tôi đã phản lại* ***truyền thống của gia đình chúng tôi đến như thế, một gia đình đã tự mình gắn liền với nước Pháp từ lúc ban đầu, trong khi ông cha của những quan lại bây giờ hầu hết đều chống lại Pháp*** *và chỉ quyết định thiên về Pháp khi thấy có lợi.*

Ngay chính các em tôi đã từng liên tục đưa mạng sống ra vì nước Pháp, trong cuộc nổi loạn của Cộng Sản. Diệm, người em kế tôi, suýt đã phải ngã gục dưới những phát súng của một Hoa kiều Chợ Lớn được phái đến Phan-rang với mục đích hại Diệm, Phan-rang là nơi mà Diệm đã mãnh liệt chống giữ lối xâm nhập vào An-nam của các cán bộ Cộng Sản từ Nam Kỳ phái đến.

Lẽ tất nhiên, sự tận tụy của các em tôi trong quá khứ không phải là điều nêu ra để làm cớ mà biện hộ cho hoạt động bất cẩn của họ ngày hôm nay, nếu sự bất cẩn nầy được chứng tỏ là điều đã gây nên tội. Tuy nhiên, tôi không nghĩ là tôi đã làm chuyện vô ích khi kêu gọi đến sự khoan hồng đầy xót thương của Đô Đốc hầu xét với hảo ý trường hợp các em tôi. Đô Đốc không phải là người chỉ xét đến hiện tại mà lại bỏ quên đi quá khứ. Tôi nêu ra điều nầy khi xét thấy rằng ***thân phụ tôi là Ngô Đình Khả đã từng được vinh dự phục vụ nước Pháp dù sinh mạng bị hiểm nguy,*** *và khi xét đến quá trình lâu dài của các em tôi, một quá trình được hình thành bằng lòng tận tụy vô bờ của các em tôi đối với nước Pháp, mà không sợ phải hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp.*

Thưa Đô Đốc, một lần nữa bày tỏ với Đô Đốc tất cả niềm đau đớn của tôi trong vụ nầy, tôi xin Đô Đốc vui lòng nhận nơi đây lời

kính chào trân trọng nhất của tôi.
NGÔ ĐÌNH THỤC

Nguyên văn Bản tiếng Pháp:

Vicariat Apostolique de Vinh Long
(Cochinchine)
Vinh Long, le 21 Aout 1944
Amiral,

Je viens d'apprendre par un prêtre de ma Mission, envoyé à Saigon pour les affaires du séminaire, que deux de mes frères ont été l'objet de poursuites judiciaires à Hué. N'ayant recu de Hué depuis longtemps aucune nouvelle, je ne sais si ce qu'on m'a rapporté corespondait à la vérité.

Mais, en pensant a la peine immense et à la juste indignation que vous avez du éprouvées, si ce qu'on leur imposait était fondé, je m'empresse de vous écrire, pour vous exprimer, Amiral, ma grande douleur en l'occurence.

S'il était prouvé que leur activité a pu nuire aux intérêts de la France, je la désapprouve du fond du coeur, comme évêque, comme annamite, et comme membre d'une famille dont le père a servi la France dès sa première venue en Annam et a exposé maintes fois sa vie pour elle dans les expéditions memées, comme lieutenant de Nguyễn Thân, contre les rebelles commandés par Phan Đình Phùng à Nghệ An et Hà Tịnh.

Cette déclaration n'a pas pour but, Amiral, de sauvegarder ma situation personnelle: car ce sera avec joie que je quitterai mon évêché si tôt qu'il sera constaté que mon humble personne pourrait porter préjudice aux intérêts de la Religion.

Elle n'a pour objet que de vous montrer que vous n'avez pas accordé votre bienveillante confiance à un indigne ou à un ingrat. Amiral, je n'ai jamais tant regretté mon éloignement de Hué. Là j'aurais pu mieux conseiller mes frères et, à, l'occasion, m'opposer à leur desseins, si vraiment ils en ont concu de nuisibles aux intérêts de la France.

Je puis hélas me tromper, mais je vous confesse, Amiral, que je ne puis croire, jusqu'à preuve du contraire, qu'ils se sont montrés si rebelles aus traditions de notre famille, qui s'était attachée à la France dès le début, tandis que les aieux et les pères des mandarins

actuels, presque tous, combattaient contre elle, et ne s'étaient décidés pour elle que lorsqu'il n'avait plus que profit à le faire.

Mes frères eux-mêmes ont exposé leur vie continuellement pour la France lors de la révolte communiste. Mon cadet Diệm a failli tomber sous les coups de révolver d'un chinois de Cholon envoyé à cet effet à Phan Rang où Diệm défendait énergiquement l'entrée de l'Annam aux émissaires communistes envoyés de la Cochinchine.

Certes, leur dévouement dans le passé n'est pas l'excuse de leur imprudences actuelles; s'il est prouvé qu'elle est coupable. Mais je crois ne pas faire en vain appel à votre miséricordieuse clémence en leur faveur, qui juge du présent sans pourtant oublier le passé. Celà en considération des services que mon père Ngô Đình Khả a eu l'honneur de rendre à la France au péril de sa vie, et de la longue conduite de mes frères faite d'un dévouement sans bornes à la France, sans peur de sacrifier leur vie pour elle.

En vous exprimant de nouveau, Amiral, toute la douleur que je ressens dans cette affaire, je vous prie d'agréer mes hommages les plus respectueux.

NGO DINH THUC

Ngòai việc làm tay sai cho Pháp đã được Giám Mục Ngô Đình Thục thuật lại khá rõ trong lá thư nói trên, lịch sử còn cho thấy rằng ông Ngô Đình Khả, thân sinh ông Diệm, đã cùng với tên Việt-gian Nguyễn Thân đào mã và đốt xác vị anh hùng ái quốc Phan Đình Phùng, rồi lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn cho hả giận. Về sự kiện nầy, thời đó cán bộ của ông Diệm có cho phổ biến tại Huế một câu vừa bào chữa vừa xác nhận hành động ác đức và Việt-gian của ông Ngô Đình Khả: "Đày vua không Khả, đào mã không Bài". Có nghĩa là, ông Ngô Đình Khả không dính đến việc đày vua Thành Thái nhưng ngầm hiểu là có đào mã (cụ Phan), còn Nguyễn Hữu Bài không liên hệ vào việc đào mã nhưng lại chủ xướng việc đày vua.

Trong bài viết cẩu thả vô căn cứ với tựa đề "*Ông Ngô Đình Diệm Dưới Nhãn Quan Của Tinh Thần Nho Học*" đăng trên báo Người Việt ngày 22. 8. 2003, mục "Ông Ngô Đình Diệm Người Thừa Hưởng Tiếng Tăm Của Gia Đình", tác giả Nguyễn Lý Tưởng viết:

"Người ta nói rằng vua Thành Thái có tư tưởng chống Pháp một phần chịu ảnh hưởng của ông Ngô Đình Khả vì ông là thầy dạy và là Thượng Thư, rất gần vua...Tất cả các quan trong triều đình trong đó có người là bà con ruột thịt của vua đều ngoan ngoản đặt bút ký,

ngoại trừ ông Ngô Đình Khả, vị Thượng Thư duy nhất và là người Công Giáo duy nhất trong nội các đã không chịu ký tên đồng ý đày vua".

Đoạn văn của ông Nguyễn Lý Tưởng cho thấy 2 điểm sai. Như thư viết tay của Ngô đình Thục nêu trên đã cho thấy, ông Ngô Đình Khả không bao giờ có tư tưởng chống Pháp như ông Nguyễn Lý Tưởng nhận bừa mà thật sự đã là một tên Việt-gian tận tụy: "**đã phục vụ nước Pháp ngay từ khi Pháp mới đến Annam và đã nhiều lần đưa mạng sống vì nước Pháp".** Thật ra thì chính ông Khả đã tình nguyện để cho thực dân Pháp gài vào **dạy**, cho **làm Thượng Thư,** và **rất gần vua** nên mới biết tư tưởng chống Pháp của nhà vua, rồi thông báo cho Pháp. Pháp tránh tiếng, nên bắt buộc mấy ông Thượng Thư không thân cận vua ký giấy đày, còn Ngô Đình Khả, một người Pháp tay trong, phải giả vờ phản đối để che dấu việc làm nội gián của mình, nhưng thực sự ông là vai chính trong việc đày vua Thành Thái.

Cũng vì muốn đánh bóng mà sử liệu thì không bao giờ có, nên ông Nguyễn Lý Tưởng đã sơ hở làm lộ thêm một chi tiết quan trọng khác: chức Thượng Thư của Ngô Đình Diệm là do thực dân Pháp ban phát: "Pháp muốn trả ghế Thượng Thư lại cho gia đình họ Ngô nên đưa ông Ngô Đình Diệm vào Nội Các" (tr. B6). Là một gia đình Việt-gian, cong lưng xin chức và quì gối nhận quyền nên dân chúng thời bấy giờ tóm lược hành động bán nước đó bằng hai câu thơ khinh miệt:

"*Vậy cánh Ngô Đình ghê gớm thật*
***Mềm lưng dẻo gối chóng lên cao*."**

Một điểm khác cần nói là ông Ngô Đình Khả, một giáo sĩ tu xuất đã từng được huấn luyện ở Pénang (Mã Lai) để làm linh mục nhưng hoàn tục, ông ta **chưa bao giờ** "là người đã đưa ra chương trình xây dựng trường Quốc Học ở Huế vào năm 1896" và **chưa bao giờ "**là hiệu trưởng" trường nầy, mong ông Nguyễn Lý Tưởng nên thận trọng trong lúc viết và báo Người Việt cũng nên dè dặt khi đăng những bài không có sử liệu.

Bài của ông Nguyễn Lý Tưởng còn rất nhiều sự kiện sai lầm khác, nhưng bài viết nầy của tôi không nhắm vào việc biện chính các sai lầm có hậu ý đó của ông nên xin hẹn một dịp khác.

Rõ ràng là không bắt nguồn từ những hoạt động cách mạng và sống trong lòng dân tộc để lên nắm chính quyền như bao nhiêu chính khách khác, ngược lại, ông Ngô Đình Diệm, như trên đã cho thấy, xuất thân từ một gia đình mà một số sử gia cáo buộc là " **Việt Gian**

Ba Đời" (xem Việt Nam Cọng Hòa Toàn Thư của nhà nghiên cứu Sử Nguyễn Mạnh Quang, Seatle) và được "bồng" lên làm thủ tướng rồi tổng thống nhờ áp lực và nhu cầu bảo vệ quyền lợi của ngoại bang mà thôi…

HAI: Chính Nghĩa

Sau khi bại trận tại Điện Biên Phủ, theo thỏa ước Genève, Pháp phải rút về nước, trao trả chủ quyền và độc lập cho Việt Nam. Mỹ thay chân Pháp với sách lược chận đứng làn sóng xâm lăng của Cọng Sản quốc tế mà đứng đầu là Nga Sô. Ông Diệm được Mỹ (và Vatican) đưa về làm Thủ tướng rồi Tổng thống một nữa nước Việt Nam với quốc hiệu Việt Nam Cọng Hoà. Dẫu biện minh hoặc giải thích thế nào chăng nữa, nhưng đối với tâm cảm và truyền thống của người dân Việt bình thường, thì người Mỹ lại chỉ là một loại thực dân mới trên quê hương của dòng giống Việt không khác gì người Pháp, người Nhật, người Tàu trước đó. Chương trình viện trợ ồ ạt và sự hiện diện của các cố vấn và chuyên viên người Mỹ trên mãnh đất miền Nam đã làm cho ông Diệm mất thêm uy tín và dễ tạo sự tuyên truyền hữu hiệu cho chính quyền miền Bắc: "Mỹ là một đế quốc thực dân mới" chẳng khác nào thực dân Pháp trước đây.

Miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của ông Hồ Chí Minh, chính phủ ông cũng nhận viện trợ của Trung Quốc và Nga để đánh Pháp rồi đánh Mỹ, nhưng thành phần nhân sự của hai quốc gia nầy không hiện diện áp đảo và trắng trợn trên đất Bắc như Pháp rồi Mỹ trong Nam, nên bộ máy tuyên truyền của miền Bắc đã tiến hành được một đòn tâm lý chiến vô cùng lợi hại cho việc vận động nhân dân tham gia cuộc chiến gọi là "Chống Mỹ Ngụy cứu nước".

BA: Lực Lượng Chủ Chốt Của Cách Mạng.

Thời kỳ Pháp chiếm và đô hộ Việt Nam, hầu hết những người Công Giáo đều hỗ trợ đắc lực cho thực dân Pháp. Câu nói thời danh của Giám Mục Puginier sau đây đã mô tả trọn vẹn tâm chất và hành động của một thành phần người Pháp tay trong: "**Không có giáo sĩ và giáo dân, thì người Pháp cũng như cua bị bẻ gãy hết càng"** (Sans les missionnaires et les chrétiens, écrit Mgr. Puginier, les Francais seraient comme les crabes auxquels on aurait cassé toutes les pattes).

Chính trong cái nhìn "cua phải có càng" đó mà viên tình báo cao cấp của Hoa Kỳ là Đại tá Edward G. Lansdale đã vận dụng các kế hoạch nhằm di cư trên bảy trăm ngàn giáo dân từ Bắc vào Nam năm

1954, để cùng với số giáo dân sống ở miền Nam, hậu thuẫn và làm lực lượng nòng cốt cho ông Diệm.

Hầu hết các chức vụ quan trọng trong chính phủ như bộ trưởng, tỉnh trưởng, quận trưởng và các tướng lãnh, các chức trọng yếu trong quân đội, Tổng thống Diệm đều sử dụng người Công giáo. Nếu không thể kiếm được người Công giáo ông mới sử dụng đến thành phần các tôn giáo khác, nhưng sau đó đem bả công danh vật chất dụ họ cải đạo như Nguyễn Văn Thiệu là một trường hợp điển hình mà ai cũng biết. Những người không chịu cải đạo thì khó được thăng cấp và bổ nhiệm mặc dầu họ có đầy đủ khả năng và thâm niên công vụ. Trái lại, nhiều người không có khả năng nhưng vì họ là con chiên thì ông Diệm giao phó những trọng trách mà họ thực sự không có khả năng.

Thật vậy, sự thảm bại tại trận Ấp Bắc (tỉnh Mỹ Tho) vào tháng 1, năm 1963 do Đại tá Bùi Đình Đạm (Tư lệnh sư đoàn 7) và Tướng Huỳnh Văn Cao (Tư lệnh quân khu 4) chỉ huy là hậu quả do hai người chỉ huy nầy không có tài nhưng lại được giao phó trọng trách quá lớn vì họ là người cùng một tín ngưỡng với ông Diệm..

Để gia tăng số lượng tín đồ, mà mục tiêu chính là để làm hậu thuẫn cho chế độ và bành trướng nước Chúa; mở mang biên cương cho Vatican, ông Diệm và chính phủ ông một mặt thì dùng các linh mục và bà sơ dụ người vào đạo qua các chương trình giáo dục, cô nhi, ký nhi, và từ thiện. Vì thế mới có câu "*Theo đạo có gạo mà ăn*". Mặt khác, qua mạng lưới công an mật vụ, chính phủ Ngô Đình Diệm tìm cách chụp mũ Cọng sản lên đầu tín đồ các tôn giáo khác, tra tấn hoặc bỏ tù họ cho đến lúc họ chịu theo đạo mới thả ra.

Tóm lại, lực lượng chủ chốt trong việc đối đầu với miền Bắc là thành phần Công giáo, chiếm 7 % dân số miền Nam. Ngoại trừ một số rất ít thuộc thành phần các tôn giáo khác, còn số người Công giáo làm nòng cốt cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm là thuộc thành phần đã từng theo hay cọng tác đắc lực với Pháp, nay Pháp thua bỏ về nước, họ theo chân Mỹ chạy vào Nam dưới sự hướng dẫn của Đại tá tình báo Lansdale với khẩu hiệu "**Đức Mẹ đã vào Nam".**

Trong lúc đó, tại miền Bắc, ông Hồ Chí Minh nhận thức lực lượng cách mạng trong mối tương quan của giai cấp nông dân và thợ thuyền khởi đi từ bản tuyên ngôn của Karl Marx (và Engels) năm 1848. Trong đó, dưới cái nhìn của Marx-Engels, lực lượng chủ chốt của cách mạng là thợ thuyền vì Âu châu thời bấy giờ kỹ nghệ đang phát triển. Lúc đến Trung Quốc là một nước nông nghiệp chiếm đa số, và kỹ nghệ còn thô sơ, lại trọng nam khinh nữ, nên khẩu hiệu của

Mao Trạch Đông là '**nông dân và thợ thuyền là chủ chốt của cách mạng'**, nhưng đã không nhắc gì đến vai trò của người phụ nữ trong xã hội.

Tại Việt Nam, ông Hồ Chí Minh nhận định rằng Việt Nam vẫn còn là một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, nhưng số nhân công thợ thuyền trong các đồn điền cao su, trong các hảng dệt, biến chế... cũng đóng một vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng. Và đặc biệt hơn, là trong xã hội số lượng người đàn bà chiếm 50 % dân số. Đàn bà có thể vận tải lương thực, súng đạn, đào hầm...Như thế, ông Hồ đã vượt qua tầm nhận thức của Mao Trạch Đông về lực lượng cách mạng, ông viết '**không có nông dân, không có thợ thuyền thì không có cách mạng. Từ bỏ nông dân, từ bỏ thợ thuyền là từ bỏ cách mạng. Và từ bỏ nữ giới là từ bỏ nữa công trình cách mạng'**. Còn lực lượng cách mạng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là 7 % người Công Giáo, như đã nói ở trên thì làm sao tránh khỏi sự thất bại?

BỐN: Gia Đình Trị

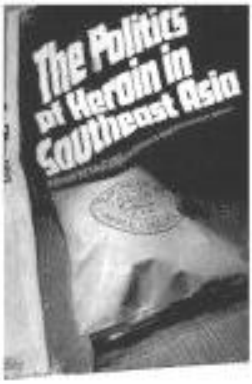
Ngô Đình Diệm làm Tổng thống nhưng hoàn toàn thiếu thực quyền. Ông lại tâm đắc với quan niệm "Cái dù che cái cán" hay "Một người làm quan cả họ được nhờ". Vì thế, ông **Ngô Đình Khôi**, anh ruột ông Diệm, bị Việt Minh giết vì cọng tác với chính phủ bảo hộ thân Pháp thối nát và bù nhìn, thế mà Tổng Thống Diệm bắt dân miền Nam xem ông như một người ái quốc đã hi sinh vì nước, tang lễ lại nâng lên hàng quốc táng.

Giám Mục Ngô Đình Thục, anh ông Diệm và là người con trai thứ nhì trong gia đình, lợi dụng chức quyền của người em làm Tổng thống để bắt các sĩ quan, quận trưởng, tỉnh trưởng và bộ trưởng đi học các lớp nhân vị tổ chức tại Tòa Giám mục Vĩnh Long. Lễ Ngân Khánh ngày 29. 6. 1963 (kỷ niệm 25 năm làm Giám mục) được tổ chức như quốc lễ. Các bộ hạ thân tín của Giám mục Thục thành lập một Ủy Ban mừng lễ Ngân Khánh gồm các nhân vật như Trương Vĩnh Lễ, chủ tịch Quốc hội kiêm chủ tịch lễ Ngân Khánh, Bộ trưởng Nội vụ Bùi Văn Lương, Bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Quang Trình, Viện trưởng viện Đại-học Sài Gòn Lê Văn Thới, Viện trưởng viện Đại Học Huế Cao Văn Luận, và tỉnh trưởng các nơi dĩ nhiên là phải tham gia. Tại các Bộ, các nha, ty, sở, đại học, quân nhân, công, tư chức khắp 43 tỉnh và thị xã tòan miền Nam đều thành lập các tiểu ban để bán vé, và ép công chức và quân nhân cấp uý trở lên mua vé "Mừng Lễ Ngân Khánh". Mỗi vé từ 2.500 đồng đến 5.000 đồng (hối

suất lúc đó:1 Mỹ Kim tương đương khoảng 25 đồng tiền Việt Nam). Có người ra sức đóng góp nhiều hơn để lấy lòng "Đức" Giám Mục. Với hành động dĩ công vi tư và bóc lột trắng trợn nầy, Giám mục Ngô Đình Thục thu lượm được bạc tỷ (Vũ Văn Mẫu *Sáu Tháng Pháp Nạn* 1963, tr. 9, và Hoành Linh Đỗ Mậu *Việt Nam Máu Lữa Quê Hương Tôi*, California, Hoa Kỳ 1986, tr. 512 & 513).

Giám mục, và em là Ngô Đình Nhu, độc quyền khai thác gỗ quí vùng Long Khánh và dọc đường từ Định Quán đến Lâm Đồng, làm chủ đại thương xá Tax đường Nguyễn Huệ, nhà sách Xuân Thu đồ sộ trên đường Tự Do, cư xá cho thuê ở đường Trần Hưng Đạo, biệt thự sang trọng trên bờ sông Thị Nghè...Từ thượng vàng đến hạ cám, Giám mục Ngô Đình Thục đã không từ bỏ bất cứ một cơ hội nào để làm tiền. Lấy ngân sách quốc gia để xây cất trung tâm Nhân Vị Vĩnh Long, cất nhà cho thuê, xây dựng quán ăn, tiệm giải khát chung quanh trung tâm nầy để kiếm lợi nhuận. Lợi dụng cơ hội trùng tu nhà thờ La Văng để hốt bạc. Ngay cả việc nhờ "Tổng Thống Diệm ra lệnh cho Đại Tá Phùng Ngọc Trưng (hiện ở Pháp), đang chỉ huy ngành Quân Nhu ở Quân Khu I, phải mua nước mắm thối của các bà sơ ở Phan Thiết, để bán cho các gia đình binh sĩ" (Hoành *Linh* Đỗ Mậu *Việt Nam Máu Lữa Quê Hương Tôi,* tr. 511).

Ngô Đình Nhu. Tại Sài Gòn, vợ chồng Ngô Đình Nhu có hai biệt thự đồ sộ, một ở đường Phùng Khắc Khoan và một ở góc Pasteur và Hiền Vương. Hai biệt thự nầy thuộc loại sang trọng nhất nhì Sài Gòn. Tại Đà Lạt, biệt thự nghĩ mát của vợ chồng bà Nhu nguy nga đồ sộ hơn, "gồm có sân tennis, hồ tắm, và nhiều loại kiến trúc sang trọng khác, đã xây dựng nhiều năm nhưng cho đến trước lúc bị lật đổ, năm 1963, mà vẫn chưa hoàn thành" (The building of this huge complex, consisting of tennis courts, swimming pool, and several luxurious structures, took several years and had not really been completed before the coup d'état in 1963. (Tran Van Đon, *Our Endless War,* Presidio Press, San Rafael, Ca. 1978, p. 64).



Ngoài ra, cùng với người anh là Ngô Đình Thục, vợ chồng ông Nhu khai thác rừng gỗ quí ở Định Quán và dọc đường Định Quán – Đà Lạt. Khai thác nước suối Vĩnh Hảo, lông vịt ở Chợ Lớn, phân chim ở các đảo Trường Sa, Hoàng Sa, nhà thuốc Tây

O.V.P. Đó là chưa kể thủ lợi qua các chương trình viện trợ của Mỹ, tổ chức các sòng bạc kín và vĩ đại, buôn bán thuốc phiện.

Trong cuốn **"***Chính Trị Thuốc Phiện Tại Đông Nam Á*": *The Politics Of Heroin In Southeast Asia*, tiến sĩ **Alfred W. McCoy**, một chuyên viên bài trừ buôn lậu thế giới và đã từng là cố vấn tại Nha Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An miền Nam Việt Nam, viết như sau dưới tiểu mục:

"**Triều Đại Diệm và Đảng Cướp Nhu**

"*Sau khi băng đảng Bình Xuyên bị đuổi khỏi Sài Gòn vào tháng 5. 1955, Tổng thống Diệm, một người Công giáo rất mộ đạo, nhất quyết bài trừ nạn thuốc phiện bằng chiến dịch công khai đốt các bàn đèn, và đóng cửa các tiệm bán thuốc phiện...Nhưng chỉ ba năm sau, chính phủ Diệm đột nhiên thay đổi chủ trương lành mạnh xã hội nầy bằng việc cho buôn bán thuốc phiện trở lại. Ông Ngô Đình Nhu, em ông Diệm và là giám đốc ngành mật vụ viện cớ thiếu tiền trang trải cho các chương trình tình báo. Mặc dù, gần ba năm qua, chương trình viện trợ của Hoa Kỳ và CIA đã cung cấp nhiều tiền cho các hoạt động tình báo của ông, nhưng vì trở ngại về nhân sự và các khó khăn nội bộ nên toà Đại Sứ Hoa Kỳ chỉ từ chối khoản tăng viện do ông Nhu yêu cầu mà thôi.*

Nhưng ông Nhu vẫn quyết định cho các Bang Trưởng người Hoa Chợ Lớn mở lại các tiệm bán thuốc phiện và các bàn đèn đã bị dập tắt trong ba năm qua...rồi thành lập đường dây chuyên chở thuốc phiện từ Lào về. Cho nhân viên rải khắp nước Lào để mua thuốc phiện sống và dùng hệ thống hàng không quân sự để chỡ nhân viên và thuộc phiện đi lại giữa Việt nam và Lào.

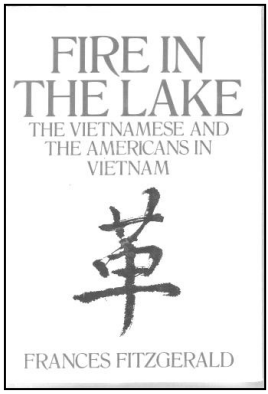
……..

Trong khi Nhu trực tiếp giao thiệp với nhóm Corsicans, thì những điệp vụ tình báo khác được điều khiển bởi trưởng phòng mật vụ, Bác Sĩ Trần Kim Tuyến..." (Sách đã dẫn ở trên, tr.159-161).

"Mặc dù với hệ thống buôn lậu thuốc phiện quy mô cọng với các hình thức tham nhũng to lớn khác đã tạo cho Ngô Đình Nhu một tài sản khổng lồ nhưng chính phủ Diệm không thể tồn tại nếu chính phủ Hoa Kỳ trở mặt chống lại... Tháng 3. 1961, cơ quan tình báo Hoa Kỳ gởi bản phúc trình cho chính phủ Hoa Thịnh Đốn và phê phán ông Diệm như sau:

"*Nhiều người nhận thấy ông Diệm không thể đương đầu được*

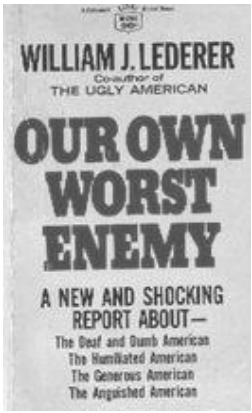
với Cọng Sản vì cai trị độc đoán, nuôi dưỡng tham nhũng ngay cả với những người thân và từ chối dẹp bỏ chế độ kềm kẹp của ông" (VNMLQHT, tr. 523).



Trong cuốn "**Lửa Trong Hồ**", tác giả **Frances Fitzgerald** viết:

"Ngô Đình Cẩn và vợ chồng Ngô Đình Nhu tỵ hiềm ghìm nhau canh giữ các nguồn lợi - nhân viên của hai phía thường có những cuộc chém giết lẫn nhau vượt khỏi lằn mức thù hằn truyền kiếp. Tánh hay lo xa, nên bà Nhu đã chuyển tài sản sang các nước Âu Châu. Ngòai ra, bà còn là chủ Nhà Hát trên đường Champs Elyscees (Paris), một dịch vụ đầu tư lẽ cho những kẻ tự quảng cáo mình là người Công Giáo."

(The two brothers jealously guarded their sources of revenue from each other – their agents occasionally killing each other in an excess of zeal...she owned a large theatre on the Champs Elysées – an odd investment for this most self-advertised of Catholics (**Frances Fitzgerald**, "Fire In The Lake", NY. 1972, pp. 169 & 170).



Trong cuốn **"Kẻ Thù Xấu Nhất Của Chúng Ta"**: *Our Own Worst Ennemy*, tác giả **William J. Lederer** viết:

*"Các mật báo người Hoa và Thụy Sĩ của tôi cho biết, khoảng 18 tỉ Mỹ Kim do một số tư nhân người Việt gởi vào các chương mục ngân hàng ngọai quốc **từ năm 1956**. Gần đây một người cọng tác kín cho biết bà Nhu đã mua đứt bằng tiền mặt một ngân hàng lớn thứ nhì tại Paris" (trang 139). Như thế, số tiền 18 triệu Mỹ Kim ắt hẳn là của vợ chồng bà Nhu, hoặc tiền chung của anh em ông Diệm"* (Dẫn theo VNMLQHT, tr. 519 & 520).

Sử liệu cho thấy rõ như thế, nhưng những người bênh vực nhà Ngô cố ngụy tạo sử liệu để tô son điểm phấn cho vợ chồng ông Ngô Đình Nhu và các anh em của ông.

Thật vậy, bài "**Chuyện Trò Với Bà Ngô Đình Nhu"** của Trương Phú Thứ (không biết tên thật hay giả) đăng trên Phụ Nữ Diễn

Đàn, số 228 tháng 3. 2003, và được đăng lại trên Indianapolis Việt Báo, tháng 4. 2003 (và báo Người Việt Illinois, tháng 5. 2003). Ông Trương Phú Thứ viết rằng ông có đến thăm và chuyện trò với bà Nhu tại một trong hai căn chung cư (apartments) của bà mua ở một vùng rất đắt tiền gần tháp Effeil ở Paris, Pháp:

"Rất nhiều người biết qua báo chí chuyện một người Pháp giàu có biếu Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục một món tiền lớn và Đức Cha Thục đã cho bà Nhu để mua một đơn vị gia cư trong tòa nhà cao tầng nầy và sau đó Bà giành dụm mua thêm được một đơn vị nữa. Sự thật không phải như vậy. Bà Nhu trực tiếp nhận được một số tiền rất lớn từ một vị ân nhân ẩn danh. Có tiền trong tay, Bà đã nhờ một cựu bộ trưởng thời chính phủ De Gaulle giúp mua liền một lúc hai đơn vị gia cư nầy..." Bà Nhu cho một nhà ngoại giao Nhật Bản mướn một căn để lấy tiền sinh sống. "Vị ân nhân tặng bà Nhu số tiền kếch sù đó là Bà Capaci, một cư dân thành Milan nước Ý và cũng là một trong bảy người phụ nữ giàu nhất thế giới. Bà Nhu chưa một lần gặp mặt vị ân nhân nầy mãi đến bốn năm sau khi Bà Capaci tạ thế Bà Nhu mới được biết tên cũng như thanh thế và sự nghiệp của người đã gia ân cho mình." (Trang 28 & 29).

Qua đọan trích dẫn nguyên văn của bài báo như trên, chúng ta thấy sao mà dòng họ Nhà Ngô may mắn đến thế! Một ông Giám Mục tham nhũng nhất nhì Việt Nam, của chìm của nỗi cất dấu trong nhiều ngân hàng Á châu lại còn được một người Pháp giàu có biếu cho một món tiền rất lớn! Rồi đến lượt bà Nhu, có cả hàng tĩ Mỹ Kim trong nhà băng, như sử liệu cho thấy, vậy mà còn được một người trong số 7 người phụ nữ giàu nhất thế giới, dù chưa từng gặp mặt, cũng biếu cho một số tiền vĩ đại! Độc giả nào tin được câu chuyện đó thì cứ tin. Riêng tôi, bài "Chuyện Trò Với Bà Ngô Đình Nhu" là **hư dối** viết để gỡ xấu cho nhau. Với một người khét tiếng và bí ẩn như bà Nhu trong 40 năm qua, mà lúc ông Thứ có "cơ may" chuyện trò với bà lại không có được một tấm hình chụp chung, hay hình một mình bà để có thể thuyết phục độc giả vì trong bài viết ông Thứ cho biết bà là một người rất đẹp lão chứ có xấu xa gì mà ngại người khác thấy hình? Hoặc, chụp một cái hình tổng quát phía ngòai chung cư hay tổng thể của khu vực trong đó có chung cư của bà. Đàng nầy, tác giả Trương Phú Thứ lại đăng một tấm hình của bà Nhu mà nhiều báo tại Việt Nam đã đăng năm 1963: đang đứng và giơ cả hai tay lên, miệng lại chu hú như đang nguyền rủa người nào (trang 7). Hình thứ 2 là bà đang tươi cười, vẫy tay chào và đứng chung với cô con gái, Ngô Đình

Lệ Thủy, cũng chụp vào năm 1963 (tr. 29). Hình cuối là Dinh Độc Lập, chụp năm 1968 do tác giả chú thích như thế (tr.36).

Cũng nằm trong chiều hướng chạy tội cho nhau, gần đây, cuốn "Những Sự Thật Chiến Tranh Việt Nam 1954-1975", không thấy ghi ngày tháng và năm xuất bản, nhưng được biết sách ra đời vào mùa Hè 2003 tại Nam California, Hoa Kỳ. Tác giả "**chính**" là Tiến Sĩ Nguyễn Văn. Tác phẩm nầy cũng thuộc loại viết cẩu thả vô trách nhiệm. Bài viết của tôi chủ đích là nhắm vào việc tìm hiểu Tại Sao Tổng Thống Ngô Đình Diệm Thất Bại, mà một trong những nguyên nhân đưa đến sự thất bại đó là **chính sách tôn *giáo***, *trong đó có Phật Giáo.* Trong cuốn "Những Sự Thật Về Chiến Tranh Việt Nam 1954-1975" nêu trên, tác giả giành một số trang để đề cập đến Biến Cố Phật Giáo 1963 liên hệ đến việc ông Ngô Đình Diệm bị lật đỗ. Vì thế, tôi sẽ nêu lên một số sai lầm của tác giả lúc đề cập đến Biến Cố Phật Giáo 1963 để lịch sử được sáng tỏ:

Sai ngày tháng: Lễ Phật Đản tại Huế là ngày 8.5.1963 (đúng). Nhưng lễ Ngân Khánh của Giám Mục Ngô Đình Thục là ngày 29.6.1963, chứ không phải được "tổ chức vài tuần trước đó" (tr. 157). Sở dĩ tôi nêu lên sự nhầm lẫn về ngày tháng để thấy rằng sau biến cố Phật Đản ngày 8. 5. 63, hầu như toàn dân bất mãn chế độ và dư luận quốc tế cũng không thuận lợi cho chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng Giám Mục Ngô Đình Thục vẫn xem thường dư luận nên ông vẫn tổ chức ngày kỷ niệm 25 năm làm Giám Mục của mình lên hàng quốc lễ; bắt ép dân chúng, trong đó đa số là Phật-tử, mua vé để kiếm tiền.

Sai sự kiện: Phật-tử tập trung trước đài phát thanh Huế đêm 8.5.63 là để muốn biết lý do tại sao không phát thanh chương trình Phật Đản đã được thu băng nhiều ngày trước đó, mà ban giám đốc đài đã đồng ý phát thanh chương trình Phật Đản như những năm trước, chứ không phải muốn nghe đài phát lại cuốn băng thu buổi mít tinh "chống chính quyền" (tr.157) tại chùa Từ Đàm sau khi xảy ra vụ 8 Phật Tử bị lựu đạn chết và bị xe tăng cán xác.

Sách viết: "Theo ông Cao Xuân Vỹ, chính Tổng thống Diệm thúc đẩy việc thành lập Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, và chính ông Diệm giúp tiền xây chùa Xá Lợi" (tr.162). Tên cuốn sách là "Những Sự Thật..." nhưng lại trích dẫn chứng liệu trong cuốn "**Những Huyền Thoại và Sự Thật**..." của Vĩnh Phúc. Vì là **Huyền Thọai** nên ông Nguyễn Văn cứ nhắm mắt trích đại không cần biết đúng hay sai. Thật vậy, **Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất** ra đời sau

năm 1963, nghĩa là sau khi ông Diệm đã chết khoảng nữa năm thì không thể nói rằng: "chính *Tổng Thống Diệm thúc đẩy việc hành lập Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất?*" được!

Chất nổ giết Phật-tử: Theo các nhân chứng và bác sĩ giải phẫu Wulff (người Đức theo đạo Tin Lành) thì xe tăng đã cán xác các Phật-tử và loại lựu đạn giết chết 8 người và một số bị thương tại đài phát thanh Huế đêm 8. 5 .63 là của chính phủ. Trước đây, những người viết sử để bênh vực nhà Ngô thì nói rằng đây là lựu đạn của Việt Cọng. Nay ông Nguyễn Văn trích lời của ông Cao Thế Dung và ông Nguyễn Trân thì lại cho rằng "chất nổ giết người là plastic của CIA mà người ném là James Scott và được James Scott xác nhận với Đại úy Bữu (nào không biết, BK) năm 1965" (tr.158).

Lúc đọc đến đoạn nầy, tôi muốn kiểm lại cho chắc, nên tôi phone hỏi Đại Tá Lê BK: "Các nhân viên tình báo (CIA) sống trên lãnh thổ Việt Nam cũng có quyền mang khí giới sao?" Ông bạn Đại tá trả lời: "Không, nhưng nếu muốn thì phải được phép chính phủ". Qua câu trả lời nầy tôi thấy ông Diệm chết là phải vì quá khờ, thiếu thông minh. Chính phũ Mỹ muốn hại mình nên đã cho CIA ném lựu đạn giết tín đồ Phật-giáo để tạo mâu thuẫn giữa chính quyền và Phật Giáo để đưa mình đến chỗ chết. Ông Diệm, tình báo VNCH, ngay cả những tay chân, bộ hạ và cả những người muốn đánh bóng cho ông Diệm cũng không tố cáo sự ma giáo của ông chủ Mỹ mà lúc đó lại đổ tiết cho Việt Cọng. Thiếu thông minh đến thế, chết là vừa, không nên trách ai!

Trong thực tế, cho đến nay chúng ta không thấy CIA nói đến ông James Scott, ngành tình báo của VNCH cũng không và các sử gia cũng thế, mà chỉ thấy các ông Cao Thế Dung, Nguyễn Trân và nay có sự đồng tình của ông Nguyễn Văn. Giả thiết vụ ném lựu đạn là do Mỹ tạo sự chia rẽ giữa Phật Giáo và chính quyền, thì tại sao chính quyền không đưa xe cứu thương đến cứu mà lại đưa xe tăng, rồi lại cán lên xác những người đã chết làm gì cho mang tiếng? Do đó, việc cố ngụy tạo sử liệu của ba ông rất thiếu thông minh.

Về **Thượng Tọa Trí Quang**, ông Nguyễn Văn liệt kê mấy vấn đề từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau như sau:

"Ông Hoàng Hữu Khác, Chánh Án Tòa Án Huế" đồng thời "giữ chức thư ký trong Ban Trị Sự Hội Phật Học Trung Việt mà Thích Trí Quang là Bí Thư hay Tổng Bí Thư gì đó. Một hôm, ông Khác đọc được một bức thư của Thích Trí Độ từ Hà Nội gởi cho Thích Trí Quang, bảo phải tổ chức phong trào Phật Giáo chống chế

độ Ngô Đình Diệm" (tr.159).

Nhận xét: Có ai tin được một ông Chánh Án Tòa Án lại làm chức thư ký quèn cho ban Trị Sự Hội Phật Học Trung Việt không? Trong Phật Giáo không có chức Bí Thư hay Tổng Bí Thư. Cơ quan công an mật vụ và tình báo thời ông Diệm ngủ đâu hết mà đến nỗi một bức thư thuộc loại tội tử hình như thế, và lại được gởi ngơ ngơ từ Hà Nội vào Huế mà không biết? Và Thích Trí Độ, thầy của nhiều bậc thầy lỗi lạc, lại khờ đến nỗi gởi thư đi ngơ ngơ như vậy nhưng cơ quan tình báo chính phủ Diệm cũng không bắt được, tình báo gì mà "giỏi" đến thế? Do đó, anh em ông Diệm chết là phải.

"Marguerite Higgins có được Trí Quang mời đến chùa Xá Lợi để nói chuyện và được Trí Quang cho biết một cách công khai: Chúng tôi không thể thương thảo với Miền Bắc cho tới khi hạ được Diệm Nhu" (tr. 160).

Nhận xét: Trong giai đoạn tranh đấu Phật Giáo tôi mới học lớp đệ tứ nhưng cũng biết được rằng, thời gian đó, nếu có một vấn đề gì quan trọng hay tối mật thì mấy thầy như cở Thượng tọa Trí Quang không dám nói chuyện trong phòng mà phải đi ra ngòai sân chùa hay một nơi khác vì sợ các cơ quan tình báo đặt máy nghe lén hay máy thu băng. Thế mà T.T. Thích Trí Quang lại dám nói đến việc hạ bệ Diệm Nhu với một người Mỹ rất có cảm tình với anh em ông Diệm? Hơn nữa đoạn trích dẫn trên có câu: "Chúng tôi không thể thương thảo với Miền Bắc...": Nếu sử dụng một loại ngôn ngữ thiếu lịch sự và thiếu bình tĩnh thì có thể nói rằng "Thích Trí Quang là cái gì mà dám nói đến việc thương thảo với Miền Bắc, và thương thảo cái gì, mấy hủ chao và mấy chai nước tương chăng?". Do đó câu chuyện của bà Higgins thuộc loại ngụy tạo.

Cuối trang 160 và đầu trang 161, ông Nguyễn Văn trích trong cuốn Huyền Thọai... của Vĩnh Phúc, câu chuyện T. T. Trí Quang đối đáp với ông Hà Thúc Ký:

"...Thượng Tọa Trí Quang quắc mắt bảo: Anh nên nhớ rằng bên cạnh Phật Giáo còn có khối Cộng Sản Quốc Tế yểm trợ!"

Nhận xét: Thượng Tọa Trí Quang, một người đã từng "làm rung động Mỹ quốc" lại có thể nói một câu vừa thiếu thông minh vừa không đúng với thực tế như vậy sao? Lịch sử đã từng chứng minh rằng sau lưng Phật Giáo chỉ có dân tộc mà không hề có một đảng phái chính trị nào. Huống hồ là có khối Cọng Sản Quốc Tế? Giả sử có, thì một người thông minh như T. T. Trí Quang không bao giờ tiết lộ sự bí mật nguy hiểm như thế cho một ông chính khách.

Mới điểm qua 4 trang mà đã thấy tác giả phạm đến 12 sai lầm nghiêm trọng. Có lẽ chúng ta không nên mất thì giờ để chỉ cho ông Nguyễn Văn thấy sách của ông chỉ thuộc loại tạp nhạp, cẩu thả, vô trách nhiệm và chỉ là một tập sách tuyên truyền có hại cho chính ông Ngô Đình Diệm mà thôi. Một người viết sử cần qua một số tiến trình trong việc sử dụng tài liệu: Thu thập, phân tích, so sánh, kiểm chứng, tổng hợp, kết luận.

Rất buồn để nói rằng tác phẩm của ông Văn rất kém giá trị. Ông thu lượm rất nhiều tài liệu thuộc loại huyền thoại và ngụy tạo, trích chỗ nầy một đoạn, chỗ khác vài câu rồi nhắm mắt bỏ đại vào trong một thùng hồ lốn chứ không cần kiểm chứng, so sánh, phân tích... Do đó, sách ông chứa đựng vô số sai lầm và cho thấy khả năng viết của ông cần phải được bổ túc rất nhiều; để những độc giả như tôi khỏi mất thì giờ đọc một cuốn sách thuộc loại tạp nhạp đến như thế.

Xin tiếp tục về anh em gia đình ông Diệm.

Ở miền Trung, **Ngô Đình Cẩn,** em út của ông Diệm, là một lãnh chúa. Vì ít học nên sự tham nhũng và tàn bạo của ông Cẩn thuộc loại ngoại hạng. Ông Cẩn cho người ném lựu đạn vào tiệm thuốc Tây của dược sĩ Nguyễn Cao Thăng đường Trần Hưng Đạo, Huế, để lấy 200 ngàn đồng (bằng 200 triệu thời ông Thiệu). Ông cùng với bà Cả Lễ (chị ruột ông Cẩn) buôn bán gạo với chính phủ miền Bắc. Dưới trướng có các đảng viên Cần Lao Công Giáo và Đoàn Công Tác Đặc Biệt Miền Trung bủa ra khắp nơi nên Ngô Đình Cẩn tha hồ kinh tài, buôn lậu và nắm trọn vẹn nền kinh tế quốc gia trên toàn lãnh thổ miền Trung và Cao Nguyên. Ông Cẩn còn cho tay chân thân tín đứng đấu thầu các công trình xây cất lớn như khách sạn, cầu cống, phi trường. Ông làm chủ nhiều khách sạn ở các thành phố lớn và các nơi du lịch như Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn, có nhà bào chế thuốc Tây, có hảng kỹ nghệ bông vải lớn nhất miền Nam, Vinatexco. Ngoài ra, ông còn buôn bán thuốc phiện từ Lào về. Không có một dịch vụ nào kiếm ra tiền mà ông Cẩn bỏ qua. Từ việc giết những người giàu có để cướp của, vu khống bắt giam và tra tấn cho đến lúc nào nạn nhân dâng hết tài sản cho ông mới được tha mạng (VNMLQHT, tr. 526-530).

Phác họa lại một vài nét tiêu biểu về chính sách gia đình trị của Tổng thống Ngô Đình Diệm, chúng ta thấy rằng anh em ông Diệm, từ ông Giám Mục đến mấy người em, đã chia nhau quyền hành và quyền lợi để bòn rút tài sản và lũng đoạn quốc gia. Họ không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để có được nhiều tiền, không do dự bất cứ một

tội ác nào kể cả giết người để làm giàu.

NĂM: Diệt Các Đảng Phái Và Giáo Phái

Ông Diệm người Quảng Bình, được xem như là người miền Bắc (vì ở bên kia vĩ tuyến 17) vào làm "vua" miền Nam. Với óc địa phương "Nam Kỳ Quốc", nhiều người miền Nam không ưa. Đã thế, chính phủ Ngô Đình Diệm lại có chính sách đàn áp và tiêu diệt các đảng phái quốc gia, tiêu diệt Cao Đài, Hòa Hảo vốn là hai giáo phái mạnh và được nhiều người miền Nam mến mộ. Tướng Trịnh Minh Thế của Cao Đài bị giết mờ ám, tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh của Hòa Hảo bị lừa rồi bị hành quyết, giáo chủ Phạm Công Tắc bị bôi bẩn để triệt tiêu, phải chạy trốn sang Nam Vang. Hành động thiếu sáng suốt biến bạn thành thù đã tạo thành những thế lực chống đối nhà Ngô lúc ngấm ngầm, lúc công khai ầm ỷ làm lung lay gốc rễ của chế độ.

Trong lúc đó, ông Hồ Chí Minh đã có chủ trương tôn giáo khôn khéo. Năm 1946 tại Paris, ông đề nghị chương trình **Tam Tự** với các bà con người Công Giáo: **Tự Dưỡng, Tự Quản** và **Tự Truyền**; tách rời khỏi sự khống chế quá mức của Vatican. Tại miền Bắc, ông mời Giám mục Lê Hữu Từ làm cố vấn, Nguyễn Mạnh Hà (người Công Giáo) làm bộ trưởng kinh tế trong chính phủ VNDCCH đầu tiên.

SÁU: Kỳ Thị Tôn Giáo Để Bành Trướng Nước Chúa

Ngô Đình Diệm là một con người có đến hai nhiệm vụ. Là một chính khách do Mỹ đưa về, ông phải thỏa mãn đường lối của ông chủ. Là một tín đồ ngoan đạo, ông có bổn phận bành trướng nước Chúa. Đây là lý do chính để giải thích tại sao ông Diệm và anh em ông ta kỳ thị và đàn áp Phật Giáo, một tôn giáo có gốc rễ lâu đời và có số lượng tín đồ đông nhất Việt Nam.

Không riêng gì ở Việt Nam, mà hầu hết bất cứ quốc gia nào, nhất là các nước kém mở mang, lúc trở thành một tín đồ của đạo thờ ngài Giê-Su thì họ có khuynh hướng vọng ngoại, trọng ngoại và thường muốn ly khai với tổ quốc của chính họ. Gần Hoa Kỳ thì có nước **Mễ Tây Cơ**. Giáo hội Công giáo của quốc gia nầy thường chống lại tổ quốc của họ và làm lợi cho ngoại bang là Tây Ban Nha. Vì thế, Hiến Pháp 1917 của Mễ đã ngăn cấm giáo hội Công giáo mở trường học và sở hữu bất động sản. Các tu sĩ lúc ra đường thì bị cấm không cho mặc đồ tu, không có quyền bỏ phiếu...

Gần Việt Nam, nước **Phi Luật Tân** bị người Bồ Đào Nha

chiếm từ thế kỷ 15, cưởng bách dân Phi trên 80 % cải đạo qua Công giáo. Vua Philip của Tây Ban Nha lấy tên mình đặt tên cho quốc gia nầy là *Philippines*, có nghĩa là những hòn đảo của vua Philip. Cái nhục quốc thể nầy không bao giờ gỡ ra được vì hầu hết dân Phi là Công giáo. Ngày nay, tại một vài đảo xa thủ đô Manila, quân thiểu số Hồi Giáo chống lại quân chính phủ và đòi lập một nước độc lập tự trị cũng do những nguyên nhân lịch sử nầy.

Trong kế hoạch cưởng bách đổi đạo, các chính quyền Công giáo đã không từ bỏ bất cứ một hành động tàn ác nào. Chính phủ Ustashi của Ante Pavalic là một thí dụ. Quốc gia Nam Tư (Yugoslavia) nằm trên bán đảo Balkan thuộc khối Đông Âu phía Nam giáp nước Ý. Nam Tư có đến 6 bộ tộc khác nhau. Chủng tộc Serbia có khoảng 8. 5 triệu dân, theo Chính Thống giáo. Bộ tộc Croatia có khoảng 4. 5 triệu, theo Công giáo La Mã. Bốn bộ tộc còn lại dân số khoảng 7. 5 triệu theo Hồi Giáo. Tháng 4.1941, Hitler chiếm Nam Tư rồi biến bộ tộc Croatia thành một quốc gia riêng biệt, lập chính phủ mới có tên là Ustashi do một giáo dân cuồng nhiệt, Ante Palavic, làm Tổng thống với sự hổ trợ của giáo hội Vatican La Mã. Quân đội Đức Quốc Xã và những đội quân của các linh mục chỉ huy đi lùng bắt và khủng bố để cưởng bách tín đồ Chính Thống giáo đổi đạo. Chỉ một thời gian khỏang 8 tháng mà có đến 30 % dân Serbia bị đổi đạo, và khoảng 1. 2 triệu bị giết vì không chịu theo Công giáo La Mã.

Ngô Đình Diệm, một con chiên Việt Nam ngoan đạo, và dòng họ ông ta, không còn nằm trong thành phần vọng ngoại và trọng ngọai nữa mà đã biến thành những người Việt- gian đắc lực. Hành động nầy được Giám mục Ngô Đình Thục, anh ruột của chính Tổng thống Ngô Đình Diệm chứ không phải người nào khác, cho biết trong một bức thư gởi cho Tòan Quyền Decoux năm 1944 như đã trình bày ở đọan trước.

Nói như Linh Mục Hoàng Quỳnh "*Thà mất nước chứ không thà mất Chúa*". Nhưng Chúa (nếu có) thì ở tận mải trên trời xanh không ai thấy, không ai biết. Do đó, câu nói trên phải được hiểu "**Thà mất nước, chứ không thà mất Vatican",** vì Vatican theo tín lý là cơ quan đại diện cho Chúa ở trần gian. Vì thế, Pháp đã gài cô Nguyễn Thị Lan, một tín đồ đạo gốc, làm vợ vua Bảo Đại với hy vọng biến ông vua Việt Nam tương lai, Bảo Long, thành một tín đồ của Vatican làm vua trong một quốc gia có trên 80 % là Phật Giáo. Cũng vậy, hai thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cọng Hòa, người dân miền Nam Việt Nam không có tự do dân chủ, họ không có quyền chọn lựa người đại diện

họ. Hai Tổng thống đều là người Công Giáo trong số dân mà họ chỉ có 7%. Đây cũng là một trong những lý do làm cho dân chúng bất mãn chế độ.

Như đã trình bày ở phần đầu, những chức vụ quan trọng trong quân đội, trong các bộ các ngành, tỉnh trưởng, quận trưởng, viện trưởng, giám đốc, trưởng phòng v.v. đều do người Công Giáo nắm giữ. Nếu thiếu không kiếm được người cùng tôn giáo mới bổ nhiệm người các tôn giáo khác. Sau đó, ông Diệm dùng miếng mồi thăng chức, thăng quyền nhanh chóng cho những ai bằng lòng cải đạo. Thí dụ: Ông Trần Văn Lắm cũng nhờ đổi đạo mà giữ được chức Đại biểu Chính phủ tại Nam Phần, về sau làm đại sứ. Nhờ theo Thiên Chúa giáo mà Nguyễn Đình Thuần từ chức Đổng lý Văn phòng Bộ Quốc Phòng được thăng lên chức Bộ trưởng Phủ Tổng Thống. Đại tá Nguyễn Văn Y nhờ rửa tội nên được bổ nhiệm chức Tổng Giám đốc Nha Cảnh Sát Công An. Nguyễn Văn Thiệu cũng nhờ rửa tội mà lên cấp tá dưới thời ông Diệm, và về sau được Mỹ cho làm Tổng thống Đệ Nhị Cọng Hòa (*Sáu Tháng Pháp Nạn 1963*, Vũ Văn Mẫu, Giao Điểm 2003, trang 53). Thật là nhục nhã cho một số người có học mà chạy theo chức quyền.

Tại các thôn làng, các vùng kinh tế mới, Ấp Chiến Lược, công an mật vụ của ông Diệm, Nhu và Cẩn vu khống, chụp mũ Cọng sản lên đầu dân lành rồi bắt họ bỏ tù. Sau đó, các bà sơ và linh mục, giám mục tìm cách móc nối với gia đình nạn nhân và khuyên họ cải đạo để được thả về còn không thì bị tù rục xương. Có nhiều người thà chết không chịu bỏ đạo nên bị chết trong tù do thương tích tra tấn, hoặc do đổ nước lạnh hay nước xà bong vào miệng, sau đó cai tù đứng lên bụng đạp cho nước tràn ra, và tiếp tục làm như vậy cho đến lúc nạn nhân chỉ còn thoi thóp chờ chết.

Những đơn khiếu nại, rên siết của các khuôn hội Phật Giáo mà nhiều nhất là ở các tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, gởi trong các năm 1961-1962 kêu cứu giáo hội Phật Giáo Trung Phần để xin can thiệp. Một đoạn trích dưới đây được T. T. Thích Trí Quang tóm lược đăng trong Nguyệt san *Liên Hoa* năm thứ 7, phát hành vào tháng 8 năm 1964 (trang 38) cho chúng ta thấy một phần nhỏ trong tòan bức tranh to lớn về chính sách Công Giáo trị của chính phủ Ngô Đình Diệm:

"Ấp Chiến Lược thực là chiến lược và chiến thuật vĩ đại của các chính sách "giáo trị một chiều". Từ sự dụng ý đến sự dùng người, từ sự đặt để đến sự quản trị, từ sự bố trí đến sự tổ chức, Ấp Chiến

Lược như nghững cái nơm sắt lớn và chắc, chụp xuống tất cả tư tưởng, nhất là tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Lợi dụng danh từ "dân chủ pháp trị", người sáng lập quốc sách ấp chiến lược làm một việc thay đổi tòan diện bộ máy cai trị hạ tầng thôn quê không bằng một cuộc cải cách nào khác hơn là đưa thêm người cùng tín ngưỡng Thiên Chúa Giáo vào, đổi bỏ những người cọng tác ngày trước, cứng rắn đến tột độ cái chính sách giáo trị dung hòa bởi **gia** trị và **đảng** trị. Và dĩ nhiên, các nạn nhân đại đa số Phật Giáo đến đây, càng là nạn nhân. Hàng rào ấp chiến lược cố ý tìm cách bỏ ra ngòai nào chùa Phật Giáo, nào nhà Phật tử và dĩ nhiên ngòai hàng rào thì bị xem là Việt Cọng rồi. Hàng rào ấy gần như rào chùa và rào cả sự đi lễ chùa của Phật-tử, nhất là trong những ngày và những giờ đại lễ Phật Giáo thì hàng rào ấy trong không ra, ngòai không vào được. Sống trong chiếc nơm sắt ấp chiến lược đó, Phật-tử tuy nói "liên gia tương bảo" nhưng kỳ thực đó là một hệ thống kiểm soát của thiểu số tín ngưỡng đối với tuyệt đại đa số tín ngưỡng khác." (Dẫn theo Vũ Văn Mẫu, SĐD, trang 65).

Tuy nhiên, một cách công bằng hơn, đây chưa hẳn là chính sách trực tiếp của Tổng thống Ngô Đình Diệm, nhưng là hành động của tay chân bộ hạ của ông. Dẫu gì đi nữa thì ông là người phải chịu trách nhiệm các hành động phi pháp của anh em trong gia đình và thuộc hạ. Để được rõ ràng hơn về luận điểm nầy, dưới đây là lời của một nhân viên trong ủy ban Liên Phái phát biểu trước ủy ban điều tra của Liên Hiệp Quốc:

"Để ngài có một ý niệm rõ ràng về hình thức, tôi phải thưa với ngài rằng, về phương diện chính thức không có kỳ thị trong chính sách của chính phủ, nhưng chính phủ đã dung thứ những hành vi đàn áp, những sách nhiễu và những sự ngược đãi. Đã nhiều lần, chúng tôi gởi khuyến cáo đến chính quyền địa phương, Tổng thống Cọng Hòa và Quốc Hội. Song le điều ấy không có ích gì và đều bị bỏ qua cả.. Năm 1961, Tổng thống có tiếp tôi trong hai giờ mười lăm phút. Tôi có nhắc lại nguyện vọng và có báo cáo với ông rằng: Thưa Tổng thống, nếu Tổng thống không chú trọng đến nguyện vọng của Phật Giáo đồ thì Tổng thống sẽ gặp một phong trào tòan diện trong hàng Phật Giáo đồ với nhiều vụ rắc rối lôi thôi, điều ấy không thể tránh được. Tôi biết rằng Tổng thống không bao giờ có ý định đàn áp Phật Giáo, nhưng nếu Ngài cứ tiếp tục làm ngơ trước những hành vi của cấp dưới trong chính phủ thì Phật Giáo đồ sẽ cho rằng chính Ngài phải chịu trách nhiệm những hành động ấy. Mà những kẻ gây ra

những sự bất công ấy là ai? Đó là những cán bộ, những quân nhân, những nhân viên công an mật vụ, những người nầy đều là Công Giáo. Người ta bảo sỡ dĩ những kẻ chịu trách nhiệm nầy không bị bải chức, hay họ không bị điều tra nữa vì họ là Công Giáo. Thưa Tổng thống, Ngài là một người Công Giáo, người ta sợ làm phật ý Tổng thống nếu dùng biện pháp trừng trị kẻ đó, vì thế họ không cho Tổng thống thấy những điều gì xẩy đến. Tổng thống phải chịu trách nhiệm về phương diện tinh thần đối với những điều ấy." (Trích mục "*Thẩm Vấn Các Nhân Chứng – Vi Phạm Nhân Quyền Tại Việt Nam*", trong "**BẢN BÁO CÁO CỦA PHÁI ĐOÀN ĐIỀU TRA LIÊN HIỆP QUỐC VỀ VỤ ĐÀN ÁP PHẬT GIÁO 1963."** Võ Đình Cường dịch, Hùng Khanh Xuất Bản, Sài Gòn, 1966, in ronéo, khổ lớn trang 110).

Qua đoạn văn nầy, chúng ta đã thấy rõ ông Ngô Đình Diệm chủ trương bành trướng nước Chúa, nên đã không có một hành động nào để ngăn chận những hành vi sai trái và phạm pháp diễn ra thường xuyên do các thuộc cấp của chính phủ ông gây ra cho đồng bào Phật Giáo.

Đối với toàn thể dân chúng miền Nam, trong 9 năm cai trị, chính quyền Ngô Đình Diệm đã giết và tù đày dân chúng như thế nào? Trang 89 trong cuốn "**Tại Sao Chúng Ta Đến Đó?**, Chuyện Bàng Hoàng Về Vai Trò Của Giáo Hội Công Giáo Trong Việc Gây Chiến Tranh Việt Nam", ông **Avro Manhattan**, một cựu bình luận gia chính trị cuả đài BBC Luân Đôn, người đã viết nhiều cuốn sách thuộc loại bán chạy nhất, tường thuật về chế độ Ngô Đình Diệm như sau;

"...Từ năm 1955-1960 ít nhất có 24 ngàn người bị thương tích, 80 ngàn bị xử tử hay bị giết , 275 ngàn bị giam giữ, điều tra hoặc tra tấn, và khỏang 500 ngàn bị đưa vào trại tập trung hay trại giam".

(...From 1955-1960 at least 24,000 were wounded, 80,000 were excuted or otherwise murdered, 275,000 had been detained, interrogated with or without physical torture, and about 500,000 were sent to concentration or detention camps. **Avro Manhattan**, **Vietnam Why Did We Go**? The Shocking Story of the Catholic "Church" Role in Starting the Vietnam War, Chino, Ca. 1984, p. 89).

Các con số trên còn cao hơn nữa nếu tính đến ngày chế độ nhà Ngô sụp đổ năm 1963. Và danh từ trại tập trung hay trại giam nói trên, có lẽ là nói đến các vùng rừng thiêng nước độc mệnh danh là Khu Dinh Điền và Ấp Chiến Lược.

BẢY: Không Đáp Ứng Nhu Cầu và Quyền Lợi Của Ngoại Bang

Những ai có sống trên đất Mỹ nhiều năm hoặc có tìm hiểu về chính sách của chính phủ Hoa Kỳ thì sẽ thấy rằng, họ không có bạn cũng chẳng có thù nhưng chỉ vì quyền lợi mà thôi. Thực vậy, lúc cần phải bang giao với Việt Nam, (một quốc gia thù địch số một vì trong suốt chiều dài lịch sử của Mỹ họ chưa bao giờ thua trận tại một nước nào ngoại trừ Việt Nam), thì mặc cho cọng đồng người Việt nước ngòai (nhất là tại Hoa Kỳ) vận động, biểu tình, chống đối, gởi kiến nghị, dâng thỉnh nguyện thư, nhưng chính phủ Hoa Kỳ sau khi bỏ lệnh phong tỏa kinh tế họ lại ký giao thương với chính phủ Việt Nam, họ có bao giờ quan tâm đến những thành phần mang thù hận ngút ngàn hoặc những kẻ Việt Nam vong bản tha hương đâu!

Ông Ngô Đình Diệm sau bao năm hết đến Vatican thì trở lại Mỹ, thôi ở tu viện nầy lại đến trú tại tu viện khác. Lúc tình hình chín muồi vì Pháp đã bại trận sau gần 100 năm đô hộ Việt Nam, ông Diệm được Hoa Kỳ đưa về và cho làm Thủ Tướng rồi Tổng Thống trên một phần đất có hơn 80 % dân chúng khác tín ngưỡng với ông. Nhưng lúc ông Diệm vụng về và lộ liễu trong vấn đề kỳ thị tôn giáo làm cho chính phủ Hoa Kỳ khó ăn nói với thế giới, và nhất là lúc họ biết được ông liên lạc với miền Bắc để kiếm một thế đứng khác, thì chính phủ Hoa Kỳ bỏ rơi ông. Do đó, biến cố Phật Giáo năm 1963 chỉ là một phụ lực đẩy thêm cái cánh cửa mục nát đã sút hết bản lề. Đây cũng là một bài học mà những người làm chính trị cần lưu ý.

Lúc chính phủ Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ cũng có nghĩa là lúc Chủ nghĩa Thực-dân và phong trào đi chiếm thuộc địa toàn thế giới bị cáo chung. Và sự chiến thắng của quân đội Việt Minh tại Điện Biên Phủ ở miền Bắc Việt Nam cũng có nghĩa là sự thắng lợi của chủ nghĩa Cọng Sản quốc tế. Vì thế, Hoa kỳ thay chân Pháp mà một trong những mục đích chính là chận đứng sự bành trướng của Cọng Sản quốc tế ở vùng Đông Nam Á, nếu không thì thế ngoại giao của Hoa kỳ trên chính trường quốc tế bị thu hẹp, các đồng minh khinh thường hoặc dần dần xa lánh, và thị trường của Mỹ sẽ bị giới hạn. Điều đó cũng có nghĩa là quyền lợi của giới tư bản trong chính quyền Hoa Kỳ bị thương tổn, kéo theo sự lung lay thị trường chứng khóan thế giới mà các cổ phần của giới tư bản và cổ phần của các tổ chức tôn giáo Tây Phương cũng bị ảnh hưởng theo.

Thực vậy, mặc dầu nói là dân chủ tự do, nhưng không giàu có thì không thể trở thành Tổng thống hay nghị sĩ dân biểu trên đất Hoa

Kỳ. Bằng chứng là Bộ trưởng Quốc phòng McNamara từng là giám đốc công ty hảng xe hơi Ford, và ngoại trưởng Dean Rusk từng là giám đốc công ty khí giới. (Cũng như cuộc chiếm đóng Iraq hiện nay, chính phủ Hoa Kỳ gọi đó là cuộc "Giải Phóng Iraq" (*For Iraqi Liberation*), nhưng những đoàn biểu tình tại Mỹ lại cho là hành động "Lấy Máu Đổi Dầu" (*Blood For Oil*) vì Iraq là quốc gia có sản lượng dầu hỏa đứng hàng thứ nhì thế giới. Báo Washington Post số ra ngày 28. 8. 03 cho biết rằng công ty Halliburton, do phó Tổng Thống Dick Cheney làm giám đốc trước đây, nhận được hợp đồng 1.7 tỉ Mỹ-kim và một số các hợp đồng khác trị giá hằng trăm triệu Mỷ-kim mà tất cả đều không thông qua một thủ tục đấu thầu bình thường nào.

Được đắc cử mà không phục vụ quyền lợi của giới tư bản thì cũng khó sống. Cái giá đó nhiều khi phải trả bằng chính mạng sống của mình như trường hợp Tổng Thống Kennedy, người có dự định rút quân ra khỏi Việt Nam sau khi tái đắc cử nhiệm kỳ 2, trong lúc số khí giới và các sản vật cung ứng cho Thế Chiến Thứ 2 còn tồn đọng quá nhiều chưa có cơ hội tiêu thụ hết để thu lợi nhuận.

Cũng thế, Giáo Hòang Pius XII vận động và đề nghị chính phủ Hoa Kỳ thả từ 1 đến 6 qủa bom nguyên tử bậc trung xuống Bắc Việt để giải cứu cho quân đội Pháp bị bao vây tại trận Điện Biên Phủ, cũng nhắm đến hai mục đích chính: Một là Vatican có rất nhiều cổ phần trong tất cả các công ty sản xuất khí giới chiến tranh, mà **khí giới chiến tranh chỉ có thể tiêu thụ bằng chiến tranh khí giới.** Do đó, nếu cuộc chiến Việt Nam chấm dứt thì Vatican và các nhà tư bản có nhiều cổ phần trong các công ty dĩ nhiên là không muốn. Lý do thứ hai là **cần** cuộc chiến và **mượn** tay thực dân đế quốc để biến dân Việt Nam thành một quốc gia tòan tòng Công Giáo (và sau nầy có thêm Tin Lành) để dễ thống trị: Hình ảnh con **cua gãy càng** là một thí dụ rất chính xác của Giám Mục Puginier mà chúng ta nên nhớ làm lòng để giữ gìn quốc gia xứ sở.

Ngô Đình Diệm không thể sống vì ông là một người làm công không đáp ứng được quyền lợi của chủ. Nói như thế không có nghĩa là tôi chê bai ông Diệm, mà nếu giả sử chúng ta là ông Diệm thì cũng bị giết chết nếu chúng ta không chuẩn bị cho mình cái thế dân tộc và nhân dân hậu thuẫn từ ban đầu. Nhưng rất tiếc, vì cái thế dân tộc, nếu có, của Ngô Đình Diệm là tập đòan giáo sĩ và hơn một triệu con chiên ít học và cuồng tín thì làm sao đứng vững được? Lý do khác mà người ta bỏ ông Diệm vào hòm cũng chẳng phải vì ông Diệm có tinh thần quốc gia dân tộc và độc lập tự cường như một số người bênh vực

nhầm, nhưng vì ông Diệm quên rằng khi người ta dẫn ông về thì ông phải biết cái mà người ta **thích,** và phải làm cái mà người ta **muốn.** Điều đó tổ tiên đã dạy rất kỹ nhưng chúng ta có lẽ vì học quá thuộc nên quên chăng: "Ta về ta tắm ao ta".

Thêm vào đó, ông Diệm lại ngầm liên lạc với ông Hồ Chí Minh để được "bảo đảm" cái ghế "Thủ Trưởng Miền Nam trong Liên Bang Việt Nam sau nầy", chứ cũng chẳng phải ông Diệm muốn hai miền thống nhất để tiết kiệm xương máu của nhân dân như một vài tay chân bộ hạ bênh vực thiếu cơ sở. Có người lại không biết sự hứa hẹn cái ghế "Thủ Trưởng Miền Nam" nên lớn tiếng nói rằng "Cụ Còn Thì Miền Nam Không Rơi Vào Tay Cọng Sản". Để làm sáng rõ vấn đề nầy và tránh bị chụp mũ "Cọng Sản", tôi trích một đoạn của Giáo sư Tôn Thất Thiện, tiến sĩ chính trị học, từng là Bộ Trưởng Thông Tin chính phủ Việt Nam Cọng Hòa trước 1975, và cũng là một trong những người bênh vực ông Diệm hết mình và chống Cọng "chết bỏ" ở hải ngoại, đăng trên Nhật Báo *Người Việt*, một tờ báo có khuynh hướng Công giáo cũng thuộc loại chống Cọng hung hản. Báo Người Việt, mục Diễn Đàn, California ngày 19. 8. 2003, bài viết có tựa đề "Một Quan Điểm Mới Về Vụ Đảo Chánh Tháng 11, 1963", cựu bộ trưởng Tôn Thất Thiện viết:

"Nhìn từ một khía cạnh Á-đông, "thảm kịch Việt Nam" được thấy như sau. Ông Ngô Đình Diệm đã thực hiện được một kỳ công lớn: ông đã **dành được một danh vị mà tất cả những người Việt có nguyện vọng làm lãnh tụ quốc gia đều mơ mộng: được công nhận ngang hàng với Hồ Chí Minh**. Điều nầy rõ ràng khi Hồ Chí Minh nói với ký giả cọng sản trứ danh Úc Wilfred Burchett, rằng: "Ông Diệm là một nhà ái quốc theo kiểu của Ông ấy", và " khi nào anh gặp Ông ấy, anh bắt tay Ông ấy hộ tôi".

"Nhân dịp Tết, ông Hồ nhờ Ủy Hội Quốc Tế chuyển cho Ông Diệm một cành đào nở hoa. Ông Diệm cho chưng cành đào nầy trong phòng khách dinh Gia Long cho ngoại giao đoàn thấy. Các nhà ngoại giao lấy việc nầy làm lạ, vì họ không hiểu rằng dữ kiện nầy có một ý nghĩa biểu tượng: đó là một biểu lộ sự tôn kính của Hồ Chí Minh đối với ông Ngô Đình Diệm! (Tôi cho xuống dòng, BK).

"Thêm nữa, qua trung gian Ông M. Maneli, đại diện Poland ở UHQT, Ông Hồ nhắn Ông Diệm rằng, trong liên bang Việt Nam sau nầy, địa vị thủ trưởng Miền Nam của ông sẽ được tôn trọng."(Các chữ **ông** trong đoạn trích ở trên có chỗ viết hoa, chỗ không, tôi ghi lại nguyên văn. Và những chữ in đậm là tôi muốn nhấn mạnh, BK).

Nhận xét:

Mặc dầu thuộc thành phần chống cọng chết bỏ, nhưng ông cựu Bộ trưởng Thông tin Tôn Thất Thiện cũng xác nhận **danh vị** của Hồ Chí Minh là "**một danh vị mà tất cả những người Việt có nguyện vọng làm lãnh tụ quốc gia đều mơ mộng".** Nhưng rất tiếc là một người có học vị tiến sĩ chính trị, kinh nghiệm trường đời và trên 70 tuổi lại không biết lời ca ngợi Tổng Thống Ngô Đình Diệm của Chủ Tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn nầy là nhằm mục đích gì? Và phải chăng đó là một sự ca ngợi thật, hay là một đòn tâm lý sâu sắc của một chính khách lão luyện lúc thấy ông Diệm đã đổi chiều?

Đoạn 2, trong lúc biết được ông Ngô Đình Diệm, Tổng thống miền Nam, đang muốn về với **"ta"** nên Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho một cành hoa là để gây cảm tình thêm và dụ về cho nhanh, chứ chưa hẳn là người tặng tỏ ra có sự kính trọng người được tặng như giáo sư Tôn Thất Thiện hiểu lầm. Một cành đào mà có thể tiết kiệm được sức lực và xương máu của nhân dân, thì thật là tuyệt chiêu.

Đoạn 3, cho thấy ông Hồ Chí Minh hứa tôn trọng (hứa cho thì đúng hơn, BK) "**chức thủ trưởng Miền Nam"** của Tổng Thống Ngô Đình Diệm "**trong liên bang Việt Nam sau này**."

Cựu Bộ trưởng Thông tin Tôn Thất Thiện, trong lúc cặm cụi đánh bóng, đã phơi bày sự giả dối của ông Diệm, và làm cho những ai đã từng ca tụng ông vô cùng thất vọng và choáng váng mặt mày vì lời lẽ và ý tứ, trong đoạn 2 và đoạn 3 nêu trên. Vì bài viết của ông Tôn Thất Thiện đã tố cáo ông Ngô Đình Diệm như sau:

NÓ đang ở bụi nầy, mặt mũi NÓ là thế đó. NÓ cỗ xúy quân dân hi sinh xương máu chống Cọng miền Bắc để nó và anh em nó lấy tiền viện trợ chống cọng của Mỹ! Nhưng thực tế, NÓ đã đi đêm với Bắc Việt từ lâu!

Những thành phần cố xuyên tạc lịch sử, chống Cọng hung hản trả lời thế nào về chiến dịch chụp mũ và vu khống các giáo phái, đảng phái, các thương gia, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, công tư chức...và Phật Tử là Cọng sản để tra tấn, bỏ tù hay thủ tiêu họ dưới thời Ngô Đình Diệm? Hành động ông Diệm đi đêm với cọng sản để kiếm cái chức Thủ Trưởng, một lần nữa đã được xác nhận bởi ông Tôn Thất Thiện, một người có học vị cao và liên tục suốt đời không ngớt viết bài ca tụng Ngô Đình Diệm và được các báo chống Cọng và các báo có khuynh hướng Công Giáo hớn hở đăng tải. Chúng ta cũng nên nhớ thêm rằng, hành động **đi đêm với miền Bắc** của ông Diệm là **vì cái chức thủ trưởng Miền Nam** chứ không phải vì muốn thống nhất đất

nước và tiết kiệm xương máu của nhân dân.

Về hành động đi đêm của Diệm, tuần báo Newsweek ngày 24.12. 2001 cũng viết: " Năm 1963, Chính phủ Kennedy nhận thấy Ngô Đình Diệm Tổng thống miền Nam Việt Nam như là một công cụ của cọng sản và quyết định '**Diệm phải ra đi**'. Nhân viên tình báo Hoa Kỳ phối trí nỗ lực đão chánh và đưa đến cái chết của ông ta vào tháng 11." (1963 The Kennedy Administration begins to see South Vienamese President Ngô Đình Diệm as a communist tool and decides that "Diem must go". The CIA engineers coup attempt that eventually lead to his assassination in November.")

Đọan cuối bài viết nói trên, ông Tôn Thất Thiện tiếp tục:

"Đáng lẽ người Mỹ phải cho rằng họ may mắn được một người đồng minh cở lớn như Ông Diệm, đem lại được hòa bình cho Việt Nam mà đồng thời duy trì được một quốc gia Miền Nam Việt Nam riêng biệt và không cọng sản – và như vậy Hoa Kỳ có thể hảnh diện tuyên bố là họ đã "làm trọn sứ mạng"và rút lui trong danh dự. Đáng lẽ họ phải tuyên dương Ông Diệm là anh hùng và cứu tinh của họ. Thay vì vậy, họ đã chủ mưu lật đỗ và ám sát Ông. "Thảm kịch Việt Nam" là ở đó."

Vì ơn mưa móc, nên ông Tôn Thất Thiện dùng những lời rất đẹp để ca tụng Ngô Đình Diệm nhưng hòan tòan không có chứng cớ. Sau đây là thêm một số dẫn chứng:

Tài liệu mật của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ (The Pentagon Papers) bản in năm 1971, từ trang 8 đến trang 26 viết:

"Năm 1948 và 1949, mối quan tâm càng được gia tăng tại Hoa Kỳ về sự bành trướng của Liên Bang Sô Viết tại Đông A□ chính phủ Hoa Thịnh Đốn trở nên lo âu việc liên hệ của Hồ Chí Minh với Cọng Sản. Tuy nhiên, một bản điều tra của cơ quan Tình Báo và Nghiên Cứu của Bộ Ngọai Giao vào mùa Thu 1948 kết luận rằng cơ quan nầy đã không tìm được một chứng cứ chắc chắn nào cho thấy Hồ Chí Minh thực sự làm theo chỉ thị của Mác Cơ Va"(In 1948 and 1949, as concern about the Soviet Union's expansion in Eastern Europe grew in the United States, Washington became increasingly anxious about Ho Chi Minh's Communist affiliations. Nevertheless, the account disclosed, a survey by the State Department Office of Intelligence and Research in the Fall of 1948 concluded that it could not find any hard evidence that Ho Chi Minh actually took his orders from Moscow) **có nghĩa là cho đến năm mùa Thu năm 1948, Hồ Chí Minh chưa hẳn là Cọng Sản.** Tài Liệu Mật cho biết thêm:

"Từ tháng 10. 1945, đến tháng 2 năm sau, Hồ Chí Minh viết ít nhất là tám bức thư gởi cho Tổng Thống Truman hoặc cho Bộ Ngoại Giao, kêu gọi Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc can thiệp chống lại chủ nghĩa thực dân.

Tài liệu cho thấy, tất cả các bức thư đó không được trả lời."(From October, 1945, until the following February, the account continue, Ho Chi Minh wrote at least eight letters to President Truman or to the Secretary of State, formally appealing for United States and United Nations intervention against French colonialism.

There is no record, the analyst says, that any appealings were answered. P. 8).

Nội dung của 2 trong 8 bức thư đó có mấy điểm chính, Hồ Chí Minh kêu gọi:

(1)Hoa Kỳ ủng hộ Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc, (2) giúp Việt Nam độc lập như mẫu Phi Luật Tân, (3) thừa nhận chính phủ lâm thời Việt Nam, (4) có những hành động cần thiết để duy trì hòa bình thế giới, nền hòa bình nầy đang bị nguy hiểm vì các nỗ lực của Pháp để chiếm lại Đông Dương."

(In 2 letters, Ho Chi Minh request USA as one of United Nations to support idea of Annamese independence according to Philippines example, to examine the case of the Annamese, and to take steps necessary to maintenance of world peace which is being endangered by French efforts to reconquer Indochina, P. 26).

Tài liệu mật nêu trên mới thật sự cho chúng ta thấy cái "Thảm kịch Việt Nam" chứ không phải "Thảm kịch Việt Nam" là vì Mỹ giết ông Diệm như giáo sư Tôn Thất Thiện nhận lầm. Thật vậy, như tôi đã nói trong một đoạn trước, "Hoa Kỳ không có bạn, không có thù mà chỉ vì quyền lợi mà thôi" Tài liệu cho thấy, cho đến mùa Thu 1948, Hồ Chí Minh chưa hẳn là cọng sản, mà Hoa Kỳ là một quốc gia chống Cọng nhưng đâu có ủng hộ các đề nghị chính đáng của Hồ Chí Minh. Vì sao vậy? Vì họ không thể không biết rằng người có tinh thần ái quốc và không thể sai bảo như Hồ Chí Minh thì làm sao mà chính phủ Truman ủng hộ được. Vì vậy mà Hoa Thịnh Đốn và ngay cả Liên Hiệp Quốc do các cường quốc khống chế nên cũng không trả lời thư của Hồ Chí Minh. Thực tế, nói thẳng thì mất lòng nhưng rất đúng, vấn đề mấu chốt nằm trong câu nói thời danh của Giám Mục Puginier nhưng cần phải được bổ túc thêm để có được tính phổ quát: "Không có giáo sĩ, mục sư và giáo dân thì người Pháp **rồi đến người Mỹ** ...như cua bị bẻ gãy hết càng". Vì thế, chúng ta không lấy làm lạ,

Đại Tá Lansdale được chỉ thị phải đem gần 1 triệu người Công giáo từ Bắc di cư vào Nam để làm hậu thuẫn cho ông Diệm, và hai thời kỳ Đệ Nhất, Đệ Nhị Cọng Hòa tại miền Nam Việt Nam, tổng thống là người Công giáo vì dễ sai dễ bảo. Và lúc không vừa lòng thì cũng bị giết. Do đó, mới thấy chúng ta vẫn còn ngây thơ chưa tiêu hóa được câu tổ tiên dạy "*Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*". Một điểm then chốt khác, Giáo sư Tôn Thất Thiện có học vị tiến sĩ chính trị lại tin rằng ông Ngô Đình Diệm có khả năng "đem lại được hòa bình cho Việt Nam mà đồng thời duy trì được một quốc gia Miền Nam Việt Nam riêng biệt và không cọng sản." là một nhận định rất sai lầm khác. Nếu không muốn nói là mị dân một cách quá âu trĩ!

Đúng thế, Ngô Đình Diệm xuất thân từ một gia đình ba đời Việt gian, phụ tá nòng cốt là mấy anh em tham nhũng trong gia đình, cậy chức cậy quyền, lực lượng chính qui là giáo hội Công Giáo Việt Nam và trên một triệu con chiên vừa di cư ngoài Bắc vào, cọng với thành phần đã mai phục sẵn trong Nam. 80 % dân chúng miền Nam còn lại bị đặt trong tình trạng báo động thường trực vì họ không cùng một tín ngưỡng và lưng không mềm như người đồng đạo của ông Diệm. Thành phần đông đảo nầy bị chính phủ ông kỳ thị, dụ dỗ rữa tội hoặc vu khống chụp mũ, bỏ tù, tra tấn, giết chết thì lấy ai làm nòng cốt để có được "Một quốc gia Miền Nam riêng biệt không cọng sản". Hơn nữa, lúc Hồ Chí Minh chưa là cọng sản, mà Hoa Kỳ là quốc gia lãnh đạo chống cọng nhưng có ủng hộ ông Hồ không? Và sau 1975,Việt Nam theo chủ nghĩa nào thì chúng ta đều đã biết. Nhưng người Mỹ có bang giao và bắt tay với họ để làm ăn không? Chúng ta cũng đã thấy. Do đó, xin đừng ngây thơ. Họ theo quyền lợi của họ, ta nên tắm nước ao ta. Nói như vậy không có nghĩa là tôi chống hay chỉ trích ai mà chỉ muốn nói rằng không nên ngây thơ, trọng ngoại và vọng ngoại. Vì bất cứ chính phủ nào cũng phải vì quyền lợi quốc gia của chính phủ ấy. Nếu chúng ta làm Tổng Thống hay Thủ Tướng thì cũng không thể hy sinh quyền lợi của quốc gia mình, ngoại trừ mình là những tên Việt gian bán nước. Tuy nhiên sự khác biệt giữa các lãnh tụ là: Nội chính, biết đặt quyền lợi quốc gia trên quyền lợi cá nhân. Về ngoại giao, tôn trọng quyền lợi của các quốc gia khác để chung sống hòa bình, hay sử dụng luật rừng: **con người là lang sói của nhau?**

TÓM LƯỢC:

Những sử liệu nêu trên cho thấy Tổng thống Ngô Đình Diệm

xuất thân từ một gia đình Công giáo Ba Đời Việt Gian, không để lại được một tác phẩm hoặc một bài diễn văn, tự viết, để cho thấy tư tưởng chính trị và chương trình hành động của mình, không tranh đấu và khó nhọc trên chính trường, được thực dân Pháp cho chức Thượng Thư dưới thời Nguyễn mạt. Ông ra hải ngoại, sống từ tu viện nầy sang tu viện khác. Lúc thời cơ đến, ông được ngoại bang bồng về LÀM CÔNG dưới danh vị Thủ Tướng rồi Tổng Thống để thực hiện chính sách và bảo vệ quyền lợi của CHỦ.

Cọng sự viên thân tín và cũng là những người trực tiếp đẩy ông xuống huyệt là mấy anh em người nhà: tham nhũng, hối lộ, ham quyền, lạm chức.

Lực lượng hậu thuẫn trực tiếp là Giáo Hội Công Giáo Việt Nam và trên một triệu con chiên. Còn 80 % dân chúng khác tín ngưỡng thì bị đối xử bất công hoặc như kẻ thù, người thì bị tra tấn, tù đày, cưỡng bách cải đạo, kẻ thì bị giết.

Dối gạt dân chúng, nhất là thành phần quân nhân, để đấu thầu chống cọng thu lượm đô la Mỹ. Không thực hiện được những điều mà CHỦ muốn, lại còn ngầm liên lạc với miền Bắc để kiếm ghế Thủ Trưởng Miền Nam nên bị CHỦ giết. Con người và sự nghiệp của Ngô Đình Diệm giản dị và rõ ràng như thế.

Tuy nhiên, một cách khách quan hơn, chúng ta có thể thông cảm phần nào cố Tổng thống Ngô Đình Diệm vì trong các sử liệu không thấy có ai nói ông tham nhũng hối lộ và cáo buộc ông trực tiếp thi hành các chính sách độc ác bất công. Hầu hết các sử gia đều chỉ nói nhiều về, và nói một cách khinh miệt, anh em ông và chính phủ ông cũng như chính sách của cái tôn giáo mà ông là một tín đồ. Nhưng dẫu có thông cảm đến mức nào đi nữa, thì cố Tổng thống Ngô Đình Diệm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả những sự thịnh suy của miền Nam trong giai đoạn ông cầm quyền. Ông là một người ngây thơ, đức mỏng nhưng ngôi cao, tài hèn mà làm việc lớn thì chắc chắn thất bại. Do đó, những danh từ như anh minh, chí sĩ, hoặc gán cho ông có tinh thần quốc gia, độc lập, chủ quyền, hoặc "Cụ còn thì miền Nam không mất" v.v. , tất cả những cái đó đều hư dối, sai với thực tế, cần được bải bỏ.

Nếu để khen ngợi một người không tham nhũng, thì tôi xin gởi đến cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm một nén hương lòng. Còn việc tổ chức lễ hàng năm để đánh bóng ông thì hòan toàn nhảm nhí, cũng như có người muốn vận động làm đài kỷ niệm để tôn vinh một người bất xứng trong tất cả mọi lãnh vực, mà sử liệu đã cho thấy, thì không

nên. Hai việc làm thiếu cân nhắc nầy cần được chấm dứt để khỏi nhục cho cộng đồng người Việt chúng ta.

Những khủng hỏang rối ren sau 1963 là lỗi của các vị tướng lãnh không lịch lãm trên trường chính trị. Những rối ren đó là điều bất hạnh cho các nước nhược tiểu, gồm có Việt Nam, bị làm con cờ thí cho ý thức hệ và quyền lợi của các cường quốc. Và sự rối ren ấy cũng khó ngăn cản được nhất là dưới thời ông Diệm, vì giới tư bản, qua những danh từ hoa mỹ, nhưng không ngòai mục đích cần phải tiêu thụ hết các sản phẩm còn tồn đọng sau Đệ Nhị Thế Chiến.

Do đó, tư tưởng và hành động của tất cả mọi người dân phải đặt trên nền tảng "Ta về ta tắm ao ta". Ta thương ta là tình thương trung thành hơn cả. Nên "**Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi"** như ông Bụt đã khuyên.

Bùi Kha

CIA VÀ VIỆT NAM CỘNG HÒA
HAI TÀI LIỆU MẬT CỦA CIA
VỀ CÁC TƯỚNG LÃNH VIỆT NAM
VÀ GIA ĐÌNH HỌ NGÔ

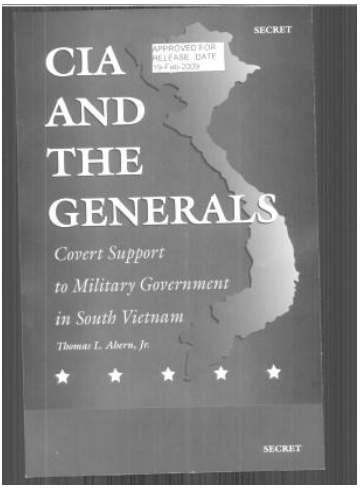
Thomas Ahern, Jr / Nguyễn Kỳ Phong

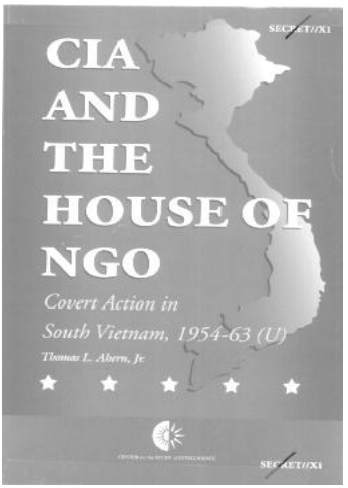
Hai tài liệu của Cục Trung ương Tình báo Mỹ (CIA) được giải mật và phổ biến năm ngoái (ngày 19-2-2009), đã tiết lộ nhiều chi tiết xác nhận sự can thiệp áp đảo và thô bạo của Mỹ vào sinh hoạt và vận mệnh chính trị của hai nền Cọng hòa ở miền Nam Việt Nam. Những thông tin nầy, dù vẫn còn giới hạn, chỉ tái xác nhận một điều mà ai cũng biết nhưng vẫn còn một số người ở hải ngoại không chịu chấp nhận: Từ năm 1954, kể từ khi hình thành, miền Nam hoàn toàn không có độc lập chính trị và, do đó, ***hoàn toàn không có quyền dân tộc tự quyết****. Ngược lại, biết hay không biết, các thế lực chính trị của người Việt Nam ở miền Nam đã thi hành chính sách của Mỹ thông qua các công cụ chính trị và tình báo của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Nói cách khác, cụm từ "*lính đánh thuê*" mà bộ máy tuyên truyền của miền Bắc sử dụng trong mật trận quốc tế vận để chỉ miền Nam,* **không *những có ý nghĩa* quân sự *mà, bây giờ thì đã rõ, bao hàm luôn cả ý nghĩa* chính trị *nữa.***

*Vì vậy, một trong những lý do quan trọng để bây giờ một số người của miền Nam cũ vẫn còn mang thân phận "*lính đánh thuê*" đó dù họ muốn hay không muốn là vì* ***từ buổi đầu của quan hệ Mỹ-Nam Việt Nam, đã có một gia đình họ Ngô chịu làm "con nuôi chính trị" của hai thế lực chính trị và Công giáo Mỹ*** *để khai sinh và nuôi dưỡng nền Đệ nhất Cọng hòa. Do đó mà Sống và Chết của nền Đệ nhất Cọng hòa đó chỉ là cái sống và chết của một* ***đứa con hoang của ngoại bang****, để lại di họa không thoát ra được cho nền Đệ nhị Cọng hòa và cho cả miền Nam chính trị, rồi kết thúc bằng một số phận bi thảm nhưng đúng quy luật lịch sử: 30-4-1975.*

*Những người Việt Nam hôm nay, cả trong và ngoài nước, có học được bài học gì từ cái **Tội Tổ Tông chính trị** đó của gia đình họ Ngô không? Hay lại chấp nhận làm một loại "lính đánh thuê" mới trong thế kỷ thứ 21?*

Trích từ saigonecho.com:
http://saigonecho.com/main/lichsuvn/chientranhvn/tailieumat/9658-Hai%20tài%20liệu%20mật%20của%20CIA%20về%20Các%20Tướng%20Lãnh%20VN%20và%20gia%20đình%20họ%20Ngô.html





Hai tác phẩm: "*CIA and the Generals: Covert Support to the Military Government in South Vietnam*" và "*CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-1963*." Tác Giả: Thomas L. Ahern, Jr. Center for the Study of Intelligence ấn hành.

- 0 -

Một số tiết lộ về cuộc chiến từ tài liệu CIA Lần đầu tiên trong lịch sử của Trung Ương Tình Báo Hoa Kỳ (CIA), ban biên tập của cơ quan cho giải mật hai tập tài liệu quan trọng về liên hệ CIA và Việt Nam. "Lần đầu tiên" trong nghĩa này là hai quyển sách trên thuộc loại (narrative history), có đầu đuôi, chú thích – và quan trọng hơn hết – tác giả là người thật, đọc nhiều tài liệu và viết lại có ngọn ngành cho độc giả.

Đa số những tài liệu giải mật của CIA trước đây thuộc loại nặc danh vì lý do nghề nghiệp, hay là những tường trình do nhân viên báo cáo về để "kính tường."

Gia đình họ Ngô

CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954-1963 (CIA và Những Điệp Vụ Mật ở Miền Nam, 1954-1963) nói về những hoạt động bên trong để giúp đỡ chính phủ Ngô Đình Diệm, từ ngày ông Diệm về làm thủ tướng cho đến ngày tổng thống Diệm bị hạ sát trong cuộc cách mạng 1 tháng 11-1963.

Qua tài liệu này, lần đầu tiên chúng ta biết được, từ năm 1950 cho đến năm 1956, CIA có **hai** Sở tình báo ở Sài Gòn: một Sở CIA Saigon Station nằm dưới sự điều khiển thông thường từ bản doanh CIA ở Langley, Virginia; Sở kia, có tên là *Saigon Military Mission*, làm việc trực tiếp, và chỉ trả lời cho Giám Đốc Trung Ương Tình Báo. Saigon Military Mission, theo Tài Liệu Ngũ Giác Đài (The Pentagon Papers) được giải mật trước đây, do đại tá **Edward G. Lansdale** chỉ huy. Lansdale đến Sài Gòn tháng 6-1954 với hai nhiệm vụ: huấn luyện những toán tình báo Việt Nam để gài lại ở miền Bắc trước ngày "di cư và tập kết" hết hạn; và, dùng mọi phương tiện ngầm (covert action) để giúp tân thủ tướng Ngô Đình Diệm. Nay, theo tác giả Thomas L. Aherns, chính Giám Đốc CIA Allen Dulles chỉ định đại tá Lansdale cho điệp vụ ở Sài Gòn – và cũng ra lệnh Lansdale làm việc trực tiếp cho ông. Tác giả Ahern viết, **CIA có mặt từ năm 1950 để giúp đỡ quân đội Pháp** xâm nhập và thu thập tin tức tình báo.

Nhưng từ cuối năm 1953, khi thấy tình hình quân sự nguy ngập của Pháp, Hoa Thịnh Đốn thay đổi nhiệm vụ của CIA Saigon Station: Liên lạc và thu thập tình báo những thành phần quốc gia để lập một chánh thể chống cộng trong trường hợp Hoa Kỳ thay thế Pháp. Cùng lúc Hoa Thịnh Đốn gởi thêm một toán CIA để lo về quân sự, Saigon Military Mission. CIA and the House of Ngo tiết lộ một số chi tiết ly kỳ như, CIA liên lạc và làm thân với ông Ngô Đình Nhu từ năm 1951, rất lâu trước khi Hoa Kỳ liên lạc với ông Diệm. Đầu năm 1954, khi có tin Hoa Kỳ chuẩn bị để nghị quốc trưởng Bảo Đại và chánh phủ Pháp giải nhiệm hoàng thân Bửu Lộc và thay bằng ông Diệm, thì ông Nhu là người đầu tiên CIA gặp để bàn về liên hệ của Hoa Kỳ đối với thủ tướng tương lai Ngô Đình Diệm.

Liên lạc Ngô Đình Nhu Tháng 4-1954, một nữ nhân viên Mỹ làm việc ở CIA Saigon Station, thông thạo tiếng Pháp, quen biết và

liên lạc thân thiện với Bà Ngô Đình Nhu. Từ nữ nhân viên **Virginia Spence** này, Sở CIA Saigon bắt được nhiều liên lạc với hầu hết những người thân trong gia đình, hoặc thân cận với Nhà Ngô.

Tháng 4-1954, CIA ở Hoa Thịnh Đốn gửi **Paul Harwood** sang làm cố vấn riêng cho ông Nhu. Tuy là nhân viên CIA, nhưng Harwood đóng vai một nhân viên Bộ Ngoại Giao, làm việc từ Tòa Đại Sứ. Trong hai năm, Hardwood cố vấn là làm việc với ông Nhu để **xâm nhập và ảnh hưởng đường lối ngoại giao quân sự của nền đệ nhất VNCH** với tổng thống Diệm. Paul Hardwood thân thiện với gia đình ông bà Nhu đến độ ông ta là **người đỡ đầu cho Ngô Đình Lệ Thủy**, ái nữ của ông bà Nhu.

Từ tài liệu này chúng ta cũng biết thêm, ông bà Nhu được đưa qua thăm viếng Mỹ trước tổng thống Diệm. Để lấy tình cảm và ảnh huởng với ông Nhu, đầu tháng 3-1957 ông bà Nhu được CIA mời qua thăm Hoa Thịnh Đốn. Tuy không có một chức vụ gì chánh thức với chính phủ nhưng ông Nhu được diện kiến tổng thống Dwight Eisenhower, hai Bộ Trưởng Ngoại Giao và Quốc Phòng, và Giám Đốc CIA Allen Dullles. Tài liệu cho biết, với tài ăn nói và sắc diện, bà Nhu gây được nhiều chú ý với các thẩm quyền Mỹ. … "Bà Nhu là một ngôi sao trong dạ tiệc" do CIA khoản đãi. Hai tháng sau chuyến thăm viếng âm thầm của ông bà Nhu, đầu tháng 5-1957, tổng thống Diệm lên đường công du theo lời mời của chánh phủ Hoa Kỳ.

Trong cuộc tranh chấp – rồi sau đó là giao chiến – giữa chánh phủ Diệm và quân phiến loạn Bình Xuyên, CIA biết được hầu hết kế hoạch và khả năng của Bình Xuyên, nhờ một cận thần của Bảy Viễn đang làm việc cho CIA. *Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia*, một đảng chính trị thành lập để hỗ trợ chính phủ Diệm, **nhận tài chính và cố vấn từ CIA**. Nhưng đến đầu năm 1960 thì CIA cắt ngân khoản vì cơ cấu nhân sự không còn hữu hiệu trong công tác tuyên truyền. CIA đã than phiền nhiều lần về những hoạt động của **Đảng Cần Lao và hành vi của ông Ngô Đình Cẩn**. Nhưng mỗi lần CIA than phiền với ông Nhu về những hoạt động bí mật – đôi khi trái phép – của ông Cẩn, thì ông Nhu "*đưa hai tay lên trời*" với một **thái độ buông xuôi vì ông không thể nào làm gì được.**

Ở một tài liệu khác cho biết, khoảng giữa năm 1956, CIA nhận được nguồn tin cho biết ông Cẩn đang bàn kế hoạch để loại trừ Bộ Trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành và Cố Vấn Ngô Đình Nhu ra khỏi vòng ảnh hưởng ở Dinh Tổng Thống. Qua nhiều trang, chúng ta đọc được **sự bất lực của chính phủ Sài Gòn đối với "lãnh chúa"**

Ngô Đình Cẩn ở miền Trung.

Với hai Sở CIA ở Sài Gòn hoạt động độc lập nhau, báo cáo gửi về cho CIA ở Hoa Thịnh Đốn đôi khi trái ngược: Cố vấn Paul Hardwood thì báo cáo tốt, nhân nhượng cho ông Nhu và có ý chỉ trích ông Diệm; Edward Lansdale ngược lại: bảo vệ ông Diệm và nói xấu ông bà Nhu. Cuối năm 1956, sau khi Lansdale bị triệu hồi về Mỹ, Al Ulmer, Trưởng Vụ Viễn Đông CIA, ra lệnh giải tán những gì còn lại của Saigon Military Mission – và thái độ của Hoa Kỳ cũng bắt đầu thay đổi với chính phủ Ngô Đình Diệm.

Liên lạc đối lập

Đầu năm 1958 Hoa Kỳ cho phép CIA Saigon bắt liên lạc với các đảng chính trị đối lập. Tài liệu nói nhân viên của CIA mua chuộc và thành lập một lực lượng đối lập "ngay sau lưng ông Nhu," để trong trường hợp phải thay đổi cấp lãnh đạo mới. Cuộc đảo chánh 11 tháng 11-1960 [của binh chũng Nhãy Dù] là một "hăm dọa" của Hoa Kỳ đối với tổng thống Diệm: Nhân viên CIA có mặt ở tại bộ chỉ huy của đại tá Nguyễn Chánh Thi và kế bên ông Hoàng Cơ Thụy để giới hạn bước tiến của quân đảo chính – điệp viên Russ Miller khuyên đại tá Thi nên thượng lượng với ông Diệm, trong khi biết rõ quân ủng hộ chính phủ của đại tá Trần Thiện Khiêm đang trên đường từ Vùng IV về thủ đô tiếp cứu. Khi thấy thái độ trở mặt của CIA, lưới tình báo của ông Nhu cũng không hoàn toàn thụ động: Phó Sở CIA Saigon, Douglas Blaufarb, ngỡ ngàng khi ông khám phá ra người tài xế Việt Nam của ông không bị điếc như lúc được giới thiệu vào làm việc (do Trần Kim Tuyến giới thiệu); người tài xế không điếc mà còn thông thạo hai ngoại ngữ Anh và Pháp!

Tài liệu thú nhận vào năm sau cùng của Nhà Ngô, Hoa Kỳ có một phần lớn trách nhiệm trong kế hoạch hạ bệ tổng thống Diệm. Nhưng **chính gia đình ông Diệm cũng hủy hoại, vì sự chia rẽ từ anh em trong nhà**. Từ mùa xuân năm 1963 **ông Nhu yêu cầu CIA đừng nói lại những gì ông và CIA trao đổi**. Và qua nhiều lần nói chuyện với CIA, **ông Nhu tuyên bố ông muốn thay tổng thống Diệm**! Trong khi đó bà Nhu thì thường làm hùng làm hổ với tổng thống Diệm: trong cuộc bầu cử Hạ Viện năm 1963, bà Nhu muốn ủng hộ 30 ứng cử viên mà ba ta ưng ý. Ông Diệm không đồng ý, nhưng bà Nhu "căn nhằn, to tiếng" cho đến khi tổng thống **Diệm nhượng bộ**. Bà Nhu cũng thắng thêm một lần nữa, khi đòi làm người chủ tọa và đọc diễn văn ngày Lễ Hai Bà Trưng – thay phó tổng thống Nguyễn

Ngọc Thơ như ông Diệm đã chỉ định. Riêng về ông Ngô Đình Cẩn: ông Cẩn từ chối **không ủng hộ hay giúp ông Nhu** về Chương Trình Ấp Chiến Lược ở Miền Trung. Ngày Lễ Quốc Khánh Hoa Kỳ, 4 tháng 7-1963, lần đầu tiên tổng thống Diệm cho phép các tướng lĩnh VNCH tham dự tiệc ăn mừng do tòa đại sứ tổ chức. Sau tiệc rượu ở khuôn viên tòa đại sứ Hoa Kỳ, một vài tướng lĩnh VNCH và nhân viên CIA kéo nhau ra quán để uống nữa. Tại quán rượu, tướng Trần Văn Đôn nói với nhân viên CIA là các tướng muốn đảo chính tổng thống Diệm. Thảm kịch của Nhà Ngô bắt đầu từ đó.

Các tướng lĩnh miền Nam

Tài liệu thứ hai, *CIA and the Generals: Covert Support to the Military Government in South Vietnam* (CIA và Các Tướng Lĩnh: Những Hỗ Trợ Ngầm Cho Chính Phủ Quân Sự Việt Nam Cộng Hòa), cũng tương đối "tối mật" so với những tài liệu được CIA công bố trước đây. Tài liệu trong CIA & Generals bắt đầu **sau** cuộc đảo chính 1 tháng 11-1963. Những gì đến từ tài liệu cho thấy ngay sau đảo chính, như một tập thể, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng không được hòa thuận; và, như những liên hệ cá nhân, các tướng đã nghi kỵ, ngờ vực lẫn nhau trước khi đảo chính.

Trước khi đảo chính, tướng Nguyễn Khánh đã **nói xấu** về hai tướng Dương Văn Minh và Trần Thiện Khiêm với tổng thống Diệm và một số nhân viên CIA. Qua nhiều chi tiết, chúng ta thấy các **tướng làm việc chung vì phải tựa vào nhau để mưu cầu lợi quyền lợi riêng**, chứ không thật sự có chung một lý tưởng. Trước ngày tướng Khánh "chỉnh lý" tướng Minh và bốn tướng Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân, và Trần Văn Đôn, tướng Khánh thường xuyên rỉ tai với CIA về tin đồn những tướng nói trên sẽ theo Pháp để biến Việt Nam thành trung lập.

Tháng 2-1964 tướng Nguyễn Văn Thiệu đã đưa nhiều sĩ quan thuộc **Đảng Đại Việt nằm vào những chức vụ quan trọng trong quân đội.** Khi được hỏi để làm gì, tướng Thiệu trả lời để triệt hạ cộng sản và những thành phần thân cộng. Nhưng CIA có nguồn tin cho biết ông Thiệu sẽ dùng sĩ quan Đại Việt để đảo chính ông Khánh. Và chuyện xảy ra đúng như vậy.

Tướng Khánh rất ngây thơ khi "hù" tướng Thiệu là Mỹ sẽ "chơi" ông. Nhưng, như chúng ta đã thấy, Mỹ chơi ông Khánh trước ông Thiệu!

Chân dung một số vị tướng

Những chi tiết được giải mật trong CIA & Generals: Trong các tướng VNCH, CIA kính trọng kiến thức của tướng **Lê Văn Kim** nhất. Trong một buổi thuyết trình về các kế hoạch "kín" đang thực hiện trên đất Bắc, trong khi mặt tướng Dương Văn Minh "ngớ" ra với những chi tiết tình báo quân sự, tướng Kim lấy được sự kính trọng của tình báo Hoa Kỳ với những câu hỏi rất chuyên nghiệp.Tướng **Nguyễn Đức Thắng** được người Mỹ kính nể. Trong một báo cáo, Giám Đốc CIA Richard Helms đề nghị cho tướng Thắng cùng một lúc giữ hai Bộ Quốc Phòng và Xây Dựng Nông Thôn, với tất cả cơ cấu và cố vấn Hoa Kỳ "nằm dưới quyền thống thuộc của tướng Thắng."

Về tướng **Nguyễn Ngọc Loan**, mặc dù người Mỹ không thích tướng Loan vì sự thẳng thắn của ông, nhưng họ nhận định tướng Nguyễn Ngọc Loan là một người thật thà, can đảm, biết được ẩn ý của người Mỹ. Tướng Loan không sợ khi nói thật ý nghĩ của ông với tình báo Mỹ. Đầu năm 1967, khi biết được Hoa Kỳ đang đi sau lưng chính phủ VNCH, liên lạc với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, ông Loan nói với CIA là người Mỹ từ đây sẽ đi sau lưng người quốc gia … và sau cùng người Mỹ sẽ bỏ đi, chỉ còn VNCH một mình đơn thân chống lại Bắc Việt.

Cuối **năm 1966** Hoa Kỳ có ý định "bắt liên lạc" với một vài nhân sự của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN). Lý luận của CIA là họ muốn xâm nhập vào nội bộ để gây chia rẽ giữa cấp lãnh đạo MTGPMN và Hà Nội. Muốn lấy lòng tin của MTGPMN, CIA xin chính phủ VNCH phóng thích vài nhân sự quan trọng của MTGPMN đang bị Cảnh Sát Quốc Gia VNCH giam giữ, trong đó có **vợ của Trần Bạch Đằng** (bà Mai Thị Vàng) và **Trần Bửu Kiếm** (bà Phạm Thị Yến), và một số cán bộ giao liên. Ban đầu VNCH phản đối, nhưng sau cùng vì áp lực cũng phải cộng tác với Hoa Kỳ trong kế hoạch liên lạc với MTGPNM. Từ tháng 2-1967 cho đến tháng -1968, VNCH thả bà Vàng và bà Yến, cộng thêm 10 cán bộ giao liên phía bên kia. Đổi lại, phía MTGPMN chỉ thả ba tù binh Hoa Kỳ. Nhưng từ đó VNCH – nhất là tướng Nguyễn Ngọc Loan – thấy Hoa Kỳ sẵn sàng "xé lẻ" nếu tình thế phù hợp với đường lối ngoại giao của họ.

Qua các tài liệu giải mật sau này, chúng ta thấy CIA có một hồ sơ rất chi tiết về nhân sự và cơ cấu của MTGPMN. Thêm vào đó, CIA cũng có luôn những báo cáo của Chánh Phủ Lâm Thời Miền Nam Việt Nam (là hậu thân của MTGPMN từ tháng 6-1969) gởi về cho

Trung Ương Cục Miền Nam, cập nhật những diễn tiến ở Hội Đàm Paris 1968-1973.

Nội bộ Việt Nam Cọng Hòa

CIA xâm nhập sâu vào cơ cấu hành chính và nhân sự của VNCH trong khoảng 1967-1975, nhất là sau cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng Hòa (1967). Vì kết quả bầu cử phải được Hạ Viện VNCH chứng nhận hợp pháp – nhất là một cuộc bầu cử mà hai ứng viên cùng chung liên danh (Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao Kỳ), đã **cấu xé nhau trước khi ngồi lại với nhau**, và hầu hết liên danh thất cử nào cũng phản đối kết quả – Hoa Kỳ chỉ thị cho CIA phải tìm mọi cách bảo đảm Hạ Viện sẽ chứng nhận kết qủa bầu cử. Hạ viện bỏ phiếu thuận 58 trên 43, xác nhận liên danh Thiệu-Kỳ đắc cử.

Tài liệu trong CIA & Generals nói **tình báo Mỹ đã khuynh đảo một số dân biểu** trong hai bầu cử tổng thống 1967 và 1971 (và bầu cử Quốc hội của năm 1970). CIA **mua chuộc được 10 dân biểu**, "nhưng muốn có thêm 10 tiếng nói" ủng hộ nữa, để chắc ăn về những dự luật đang nghị luận! Tài liệu cho biết CIA đã tốn bao nhiêu tiền để thành lập hay giúp đỡ các đảng phái chính trị với hy vọng các lực lượng này sẽ ủng hộ và xây dựng một thế lực phía sau tổng thống Thiệu. Đảng Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc, (của thượng nghị sĩ Trần Văn Đôn) được CIA tài trợ với hy vọng trên. Nhưng khi biết được người đứng ra tổ chức là Đặng Đức Khôi – một thân tín của ông Kỳ – ông Thiệu từ chối ủng hộ. Để có một tổ chức riêng, ông Thiệu cho ra đời *Lực Lượng Dân Chủ*. Sau Đảng Dân Chủ, CIA tài trợ một lực lượng chính trị khác, có tên *Đảng Liên Minh Cách Mạng Xã Hội*, với hy vọng gom lại tất cả lực lượng chính trị thành một mặt trận chung, dưới sự lãnh đạo chung của tổng thống Thiệu và phó tổng thống Kỳ. Nhưng vấn đề là hai ông Thiệu, Kỳ không còn muốn xuất hiện chung với nhau ngoài công cộng! Sau cùng, với sự nài nỉ của người Mỹ, và vì lợi ích quốc gia, Khối Liên Minh được khai mạc ngày 4 tháng 7-1968, với sự chủ tọa của hai ông Thiệu và Kỳ. Khối Liên Minh tập họp hơn **25 đảng phái chính trị lớn nhỏ ở Miền Nam**. CIA tài trợ Đảng này cho đến cuối năm 1969. Tuy nghe theo lời cố vấn của Hoa Kỳ, nhưng tổng thống Thiệu lúc nào cũng nghi ngờ dụng ý của người Mỹ. Ông nói với nhân viên CIA là không những VNCH phải đương đầu với sự xâm nhập của quân đội Bắc Việt vào Nam, mà còn phải đương đầu với sự xâm nhập của CIA vào nhân sự của chính phủ!

Những tiết lộ khác trong CIA & Generals: Tình báo của MACV biết rõ ngày giờ Bắc Việt sẽ tấn công qua vùng Phi Quân Sự trong trận tổng công kích Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, nhưng **Hoa Kỳ không thông báo cho VNCH**, hay tấn công vào các đơn vị Bắc Việt đang tập trung quân. Ngược lại, thái độ của đại tướng Creighton Abrams và đại sứ Bunker rất lạc quan, hai ông tuyên bố – trong cao điểm của cuộc tấn công – là Bắc Việt sẽ mất hết quân sau trận tổng tấn công. Những chi tiết này làm người đọc không khỏi thắc mắc, là có phải Hoa Kỳ đã **cố ý để cho cuộc tấn công xảy ra?** Chi tiết này làm cho đọc giả nhớ lại câu đối thoại của tổng thống Richard Nixon với Henry Kissinger là "… sau trận này, hai bên phải có một bên hết quân."

Từ tháng 8-1972, để chuẩn bị cho những thương lượng sau cùng của Kissinger và Lê Đức Thọ ở Paris, CIA được lệnh phải **làm hao mòn sức chống đối của tổng thống Thiệu** về một số điều khoản trong bản hiệp định (một trong những điều khoản ông Thiệu cực lực phản đối, là Hoa Kỳ đồng ý cho Bắc Việt để lại quân ở Miền Nam, Lào, Cam Bốt). Một số tài liệu giải mật ở giai đoạn này (tháng 8 1972 cho đến lúc ký Hiệp Định Paris, tháng 1-1972) cho thấy **CIA có điệp viên nằm trong Trung Ương Cục**, qua những tin tức họ nhận được về cuộc nói chuyện giữa Lê Đức Thọ và Kissinger.

Tuy là tài liệu được giải mật, nhưng một số lớn chi tiết, tên tuổi của những điệp viên, điềm chỉ viên trong sách vẫn còn bị kiểm duyệt. Nhưng nếu độc giả gom những chi tiết trong CIA & Ngo, trong CIA & Generals, và so sánh với một số tài liệu đã được giải mật từ Bộ Ngoại Giao (Foreign Relations of the United States, Vietnam), đọc giả có thể suy luận ai là ai nằm dưới những lằn đen kiểm duyệt.

Tác Giả: **Thomas L. Ahern, Jr. / Nguyễn Kỳ Phong** lược dịch
November 3, 2010

Muốn tham khảo hai tác phẩm bằng Anh ngữ, xin mở theo địa chỉ sau:

1. CIA and The Generals:
http://www.saigonecho.com/pdfs/CIA_AND_THE_GENERALS.pdf
2. CIA and The House of Ngo (xin chờ khoảng một phút để máy download)
http://www.saigonecho.com/pdfs/CIA_AND_THE_HOUSE_OF_NGO.pdf

Tài liệu mật của CIA về chiến tranh Viêt Nam
http://www.foia.cia.gov/vietnam/3_CIA_AND_RURAL_PACIFICATION.pdf
http://www.foia.cia.gov/vietnam/4_GOOD_QUESTIONS_WRONG_ANSWERS.pdf
http://www.foia.cia.gov/vietnam/5_THE_WAY_WE_DO_THINGS.pdf
http://www.foia.cia.gov/vietnam/6_UNDERCOVER_ARMIES.pdf

TOÀN TRỊ VÀ NGOẠI THUỘC

Cao Huy Thuần

Sách vở, báo chí, dân chúng ở miền Nam trước đây gọi chế độ ông Diệm là độc tài, hoặc độc tài gia đình trị. *Dictature, despotisme, tyrannie, autocratie, despotisme oriental* ... tất cả những khái niệm chính trị đó của phương Tây đều có thể áp dụng được - và đã áp dụng - cho chế độ Ngô Đình Diệm. Tôi dùng chữ "toàn trị" ở đây trước hết là để nhấn mạnh một trong hai tiêu chuẩn chính mà Hannah Arendt đã dùng để định nghĩa khái niệm *totalitarisme*: ý thức hệ. Chế độ ông Diệm đã khẩn trương dựng lên từ đầu và càng ngày càng bắt dân chúng nuốt một thứ chủ nghĩa mà chẳng ai hiểu là gì: chủ nghĩa nhân vị. Dân không hiểu đã đành, đại trí thức dùi mài kinh sử trên chủ nghĩa đó cũng chẳng thông gì hơn, chỉ loáng thoáng biết rằng đây là thứ chủ nghĩa lấy hứng từ thuyết *personnalisme chrétien* của một ông tác giả Pháp nào đó tên là Mounier. Cái chết của ông Diệm bắt đầu từ đó: từ chỗ ông nghĩ rằng có thể dùng tôn giáo để cai trị, từ chỗ ông bắt tất cả dân chúng, bất kỳ theo tín ngưỡng nào, đều phải nhất nhất *"xin Thượng Đế ban phước lành cho Người"*.

Tất cả những yếu tố khác của một chế độ toàn trị cũng đều hội đủ dưới thời ông Diệm, nhất là việc đưa toàn thể xã hội vào trong guồng máy của đảng Cần Lao Nhân Vị, của Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, của Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng, của Thanh Niên Cộng Hòa, của Phụ Nữ Liên Đới. Mọi người dân và lãnh đạo mọi cấp, dân sự cũng như quân sự, đều phải nằm trong một tổ chức, nếu không phải của ông Diệm thì là ông Nhu, nếu không phải của ông Nhu thì là bà Nhu, nếu không phải của bà Nhu thì là ông Cẩn, nếu không phải của ông Cẩn thì là ông Thục, nếu không phải của một ông thì là nhiều ông, cả phần xác lẫn phần hồn.

Tôi biết: chế độ ông Diệm chưa đạt đến mức toàn trị như trong định nghĩa của H. Arendt. Nhưng, cũng như Weber, Arendt chỉ đưa ra một mô hình lý tưởng để nhận diện những chế độ có thể xếp vào mô hình đó. Điều quan trọng mà các tác giả về sau nhấn mạnh là *cố gắng* không ngừng để đạt đến mức toàn trị tối đa, thâu tóm hết trong tay tất

cả đời sống riêng tư của con người, loại trừ tất cả mọi sinh hoạt xã hội tự nhiên, tự phát (1). Người dân miền Nam ngày xưa còn nhớ: nam phụ lão ấu đi xem chiếu bóng giải trí đều phải răm rắp đứng dậy suy tôn Ngô Tổng Thống. *Cố gắng* đó, chính là đặc điểm cốt lõi của chế độ Diệm-Nhu, và bộ đồng phục của Thanh Niên Cộng Hòa chỉ khác với Les Chemises Noires của phát xít ngày trước ở cái màu xanh, chủ đích là một.

Trên đường củng cố chế độ toàn trị, ông Diệm gặp ngày Phật Đản 8 tháng 5 tại Huế. Cũng Phật Đản như mọi năm, nhưng năm ấy, 1963, ông Diệm ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo trước nhà. Một số nhà treo cờ, cảnh sát đến triệt hạ. Phật tử phản đối. Tất cả mọi chuyện xảy ra sau đó ăn khớp với cái lô gích toàn trị như hàm răng trên ăn khớp với hàm răng dưới. Hoặc là ông Diệm nhượng bộ yêu cầu chính đáng của Phật tử, và như vậy thì chế độ toàn trị sẽ không toàn trị. Hoặc là ông Diệm không chấp nhận một rạn nứt nào trong chế độ toàn trị của ông, và như vậy thì chỉ có một sống một chết. Ông lựa chọn giải pháp thứ hai một cách lô gích, và, một cách lô gích, ông Nhu tấn công chùa chiền đêm 20 tháng 8. Chế độ toàn trị không chấp nhận bất kỳ một phản kháng nào. Đối với đồng minh đã sinh thành ra ông, nghĩa là người Mỹ, lô gích toàn trị cũng được áp dụng một cách triệt để. Hoặc là ông Diệm nhượng bộ áp lực của Mỹ khuyên ông nên mềm dẻo vì chính quyền lợi của ông và như vậy thì bộ máy toàn trị sẽ bị trục trặc. Hoặc là ông cưỡng lại lời khuyên nhủ và như vậy thì ông phải tìm cách làm săng-ta. Trong cách ứng xử với Phật giáo và với người Mỹ, ông Diệm chỉ tuân theo một lô gích. Chỉ khác nhau ở kết quả. Nắm trọn quyền lực trong tay, ông Diệm tưởng có thể để cho bà Nhu chế diễu ngọn lửa Quảng Đức là lửa nướng thịt ngoài vườn, lửa *barbecue*. Với người Mỹ, chủ tiền bạc, chủ khí giới, chủ sách lược chiến tranh, chủ cả cái chìa khóa để vô ra nhà ông, ông toàn trị thế nào được? Ông lấy vung úp voi? Nói như vậy không có nghĩa rằng người Mỹ không có vấn đề và ông Diệm không có cái thế của ông. Vấn đề của người Mỹ là làm chiến tranh và thế của ông Diệm nằm ở cái xác quyết rằng "Mỹ chỉ có thể làm chiến tranh thành công với Diệm". Trên cái thế đó, ông Nhu làm săng-ta. Vì cái thế đó, người Mỹ dùng dằng cho đến phút cuối. Tôi phân tích dưới đây sự dùng dằng đó qua tài liệu của Bộ Ngoại Giao Mỹ vừa công bố.

Năm 1963 bắt đầu với một trái bom nổ giữa lòng tin của người Mỹ đối với ông Diệm: bản phúc trình Mansfield. Mansfield, thượng nghị sĩ uy tín nhất của Mỹ, trước đây là một trong những người đầu

tiên ủng hộ ông Diệm nhiệt thành nhất. Qua Việt Nam quan sát tình hình theo lời yêu cầu của Kennedy từ 1 đến 3-12-1962, Mansfield xác nhận sự thất vọng về ông Diệm mà ông đã phát biểu trước đó trong diễn văn đọc tại Michigan vào mùa hè 1962 (2). "*Ta có thể thắng với Diệm không?"* Đó là câu hỏi mà bản phúc trình nêu ra - câu hỏi then chốt của mọi văn thư trao đổi giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn sau đó.

Đọc bản tin về phúc trình Mansfield ngày 1-3-1963 tại Huế, ông Diệm giận lắm. Có kẻ dám chỉ trích chế độ của ông! Khối Nhân Vị tại Quốc Hội ra tuyên bố với báo chí phản kháng bản phúc trình "đã bày tỏ nghi ngờ về sự ổn định chính trị của Việt Nam" (3). Ông Nhu giận không kém, gọi bản phúc trình là "phản bội", là làm "thay đổi mọi chuyện", là "dấu hiệu của người Mỹ muốn rút lui" (4).

Phúc trình Mansfield phù hợp với cái nhìn của các ký giả Mỹ ở Sài Gòn về chế độ ông Diệm. Báo chí! Đó là một trong những lực lượng hùng mạnh nhất đã góp phần lớn trong việc lật đổ ông Diệm, là tai, là mắt, là miệng mà chế độ Diệm và tòa đại sứ Mỹ không che, không bịt, không bưng bít được. Báo chí vừa là ống loa phóng tin tức vào tận Quốc Hội Mỹ, vừa là duyên cớ đào sâu xích mích, tạo căng thẳng giữa chính quyền Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tin tức mà báo chí đưa ra phần nhiều trái hẳn với xác quyết của hai chính quyền, về tình hình chiến sự cũng như về đàn áp chính trị. Ông Diệm muốn trị báo chí đó, nhưng chính ông tổng thống Mỹ cũng không trị nổi vì ông phải trả lời lập luận này của Quốc Hội: chúng tôi chi tiền, chúng tôi cung cấp khí giới, chúng tôi viện trợ, chúng tôi đổ máu ở Việt Nam, vậy dân chúng Mỹ phải có quyền biết tiền đó, phương tiện đó, máu đó đã được tiêu dùng như thế nào. "Tin cậy thì phải có qua có lại, không phải con đường một chiều" (5). Ông Diệm càng căng thẳng với dân chúng, báo chí càng chỉ trích ; báo chí càng chỉ trích, quan hệ với Mỹ càng xấu, xấu đến mức chính chính phủ Mỹ rốt cuộc cũng phải dùng đến chữ "toàn trị" trong công văn để chỉ chế độ ông Diệm (6).

Chưa có một chế độ nào trên thế giới chứng kiến quang cảnh bi hài này: ông đại sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại Mỹ, cha vợ của ông Nhu, gặp và nói thẳng với Tòa Bạch Ốc, nhân vụ phúc trình Mansfield, rằng chế độ ông Diệm là một chế độ độc tài, toàn trị, và tệ hơn thế nữa, một chế độ vô hiệu. Ông Trần Văn Chương là người đầu tiên dùng chữ "toàn trị" trong hồ sơ năm 1963: "Hoa Kỳ đã làm nhiều áp lực trên ông Diệm để nới rộng chế độ, nhưng những áp lực đó chỉ thất bại mà thôi, bởi vì cai trị trong một chế độ toàn trị cũng như ngồi trên lưng cọp - không thể rời khỏi cái lưng đó" (7). Ông nói thêm:

chính ông muốn từ chức lâu rồi, nhưng không dám, bởi vì ông sẽ không có an ninh khi về nước như một người thường dân. Ngay cả viết thư cho em ruột của ông là ông Trần Văn Đỗ mà ông cũng không dám. Kết luận của ông có mục đích trả lời câu hỏi của Mansfield: "dù viện trợ Mỹ có đổ vào nước này bao nhiêu đi nữa, viện trợ đó cũng không được dùng thích hợp ... Chế độ Diệm không thể thắng trong chiến tranh chống Việt Cộng".

Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, Nolting, rất thân với ông Diệm, triệt để ủng hộ ông đến tận cùng, và do đó chống phúc trình Mansfield về tình hình nội bộ, cũng phải trả lời câu hỏi: ta có thể thắng với Diệm? Đứng về mặt quân sự, Nolting trả lời: "Chính phủ Việt Nam không thể thắng được nếu không có cố vấn quân sự Mỹ đông như mật độ hiện nay, ít nhất là cho đến sang năm"(8). Đông như hiện nay là thế nào? Đầu năm 1963, Mỹ có từ 12.000 đến 13.000 người, tức là "từ 10 đến 11 lần nhiều hơn cách đây một năm" theo lời Kennedy trong buổi họp báo ngày 12-12-1962 (9). Con số đó đã tăng nhanh như vậy là do thỏa thuận giữa ông Diệm với Mỹ vào tháng 12 năm 1961. Các cố vấn đó được gởi đến đâu? Đến tận các tỉnh, các địa phương, tận các đơn vị chiến đấu nhỏ. Ở trung ương, sự có mặt đó ít thấy. Ở các đơn vị địa phương, mật độ cố vấn như vậy quả là dày. Bình thường có lẽ cũng chẳng sao. Đến khi cơm không lành, canh không ngọt thì ông Diệm hoảng hồn, nhận ra hiểm nguy của lệ thuộc, vì địa phương có triệu chứng lọt ra khỏi kiểm soát của trung ương. Tình trạng đó, Nolting có lần mô tả là có nhiều nét hao hao giống tình trạng "bảo hộ" (10). Đáng lo quá chứ! Cho nên ông Diệm than phiền: có quá nhiều người Mỹ! Sự thực, con số không phải là quan trọng nhất. Hiểm nguy nằm ở chỗ cố vấn Mỹ đã nắm thế chủ động, điều khiển, trong guồng máy quân sự, dân sự ở các địa phương. Công văn Mỹ tóm tắt tình hình như sau: "vào giữa tháng 4-1963, căng thẳng nghiêm trọng đã xảy ra giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Mỹ về diễn biến quân sự ở Nam Việt Nam. Cả ông Diệm lẫn ông Nhu đều quan ngại về những "vi phạm" chủ quyền gần đây. Phái bộ quân sự MAAG bị xem như kẻ vi phạm, nhưng Lực Lượng Đặc Biệt bị điểm mặt như kẻ gây nhức nhối nhất" (11). Như vậy là: cùng với ba căng thẳng - căng thẳng về lòng tin, căng thẳng về báo chí, căng thẳng về chỉ trích nội bộ, bây giờ căng thẳng về chủ quyền nuôi dưỡng tâm lý tình phụ nơi ông Diệm và làm nẩy sinh tư tưởng phụ tình nơi người Mỹ. Công điện của Bộ Ngoại giao Mỹ chỉ thị cho Đại Sứ quán Mỹ ở Sài Gòn nói với ông Diệm rằng "chính sách của Hoa Kỳ là ủng hộ hoàn toàn

chính phủ của ông" và "phúc trình Mansfield không có nghĩa là Hoa Kỳ thay đổi chính sách" (12). Thế nhưng, từ tháng 2-1963, Mỹ đã mớm ý cho Nolting - tuy ông này phản đối - phải tiếp xúc với đối lập ở Sài Gòn "để có một chính sách độc lập hơn" với ông Diệm (13).

"Ta có thể thắng với Diệm không?" Hầu như tất cả các nhân vật trách nhiệm ở Bộ Ngoại giao và ở Hội đồng An ninh Quốc gia đều hoài nghi. Thế nhưng Mỹ không có chính sách nào khác đối với chiến tranh và đối với ông Diệm. Đối với chiến tranh, chính sách của Mỹ vẫn là "thắng", *winning the war*. Đối với ông Diệm, Mỹ không có ngựa để thay. Trong tranh luận liên miên giữa những người trách nhiệm, duy chỉ có độc nhất một ý kiến táo bạo, dám đưa ra một lập luận khác: đó là ý kiến của Chester Bowles, cố vấn đặc biệt của Tổng thống về các vấn đề Á Phi và Mỹ la tinh, trong thư ông gởi cho Kennedy ngày 7-3-1963 Tuy là đơn độc, ý kiến của Bowles phản ánh một khuynh hướng khác đang manh nha, trù liệu thối lui.

Bowles nhắc lại một câu tuyên bố của đô đốc Radford ngày 22-3-1954 trước báo chí: "Người Pháp sắp thắng. Đây là cuộc chiến sắp đến hồi kết thúc với sự giúp đỡ của chúng ta". Sáu tuần sau đó, Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ. "Chín năm qua rồi, và bây giờ chính chúng ta, để chống lại những lực lượng chính trị và quân sự bản xứ hùng mạnh, chính chúng ta bảo vệ sự sống còn của một chế độ Việt Nam bị dân chúng chán ghét, không bám rễ đủ giữa lòng dân. Thế mà bây giờ, cũng như hồi 1954, nhiều giới chức trách quân sự Mỹ có thẩm quyền tin rằng tình hình đang chuyển biến có lợi cho ta và chiến thắng có thể thấy trước mắt trong vòng hai, ba năm nữa" (14).

Bowles đề nghị Kennedy xét lại toàn bộ chính sách Mỹ bằng cách đặt lại những câu hỏi căn bản: Thế nào là lợi ích dài hạn của Mỹ ở Đông Nam Á và ở Nam Việt Nam? Thế nào là một Nam Việt Nam có khả năng thực hiện được lợi ích dài hạn đó? Một căn cứ quân sự của Mỹ? Một quốc gia độn mà nếu cần thì có thể trung lập hóa? Nhưng trước hết, phải định nghĩa lại cho hợp với thực tế: thế nào là "thắng trận", là *"winning the war"*? Giết thật nhiều Việt Cộng? Giết hết? Chỉ có quân sự mà thôi? Dù thế nào chăng nữa, cũng phải "làm áp lực trên Diệm để buộc ông ta phải mở rộng nền tảng chính trị ở thành phố, chia bớt quyền hành chính trị và quân sự, đưa ra những biện pháp mới để đem lại thêm an cư lạc nghiệp cho nông dân và hãm bớt chính sách gia đình trị quá lộ liễu". Bowles đòi thay Nolting, quá gắn bó với ông Diệm.

Trong bối cảnh mặn nồng phôi pha đó, nổ ra ngày 8 tháng 5.

Phật Đản 1963 ở Huế cũng tổ chức như thường lệ thôi, nhưng năm ấy, dưới ảnh hưởng của Tổng giám mục Ngô Đình Thục vừa rời Vĩnh Long về Huế, ông Diệm hạ lệnh cấm treo cờ Phật giáo trước nhà. Trước đó, cờ Vatican treo đầy đường Huế trong dịp lễ ngân khánh của ông Thục. Con người có thể khiếp sợ trong 99% trường hợp. Nhưng dù chỉ còn lại 1% thôi, nhân phẩm vẫn không chịu nổi uất ức đến mức ấy. Tối hôm đó, dân chúng tụ tập trước đài phát thanh Huế để đòi nghe lại cuốn băng ghi âm buổi lễ diễn ra hồi sáng và lời yêu cầu thu hồi lệnh cấm treo cờ. Xe bọc sắt của quân đội (8 chiếc!), xe cảnh sát và lính tráng ào đến bao vây đài phát thanh. Lính bắn vào dân, tám em bé tử thương. Ông Diệm, ông Thục, ông Nhu, ông Cẩn, bà Nhu, đinh ninh năm miệng một lời song song: không phải đâu, lựu đạn của bọn Việt Cộng đấy.

Từ ngày 8-5 đến đêm 20-8 - đêm quân đội tấn công chùa chiền trong khắp thành phố lớn - các vị lãnh đạo Phật giáo cố giữ sự phản kháng trong bản chất thuần túy tôn giáo, về nội dung cũng như về hình thức. Về nội dung, họ chỉ đòi hỏi bình đẳng tôn giáo. Về hình thức, họ không làm gì khác ngoài biểu tình im lặng, tuyệt thực, tự thiêu. Ở một chính thể khác, những nguyện vọng mà họ phát biểu có gì gay cấn đâu! Phật giáo, ở một nước có văn hóa Phật giáo truyền thống, đòi bình đẳng tôn giáo! Nghe lạ đời! Nghe ngược tai! Người Mỹ, thấy yêu cầu chẳng có gì khó chấp nhận, khuyên ông Diệm làm một cử chỉ hòa hoãn để tình hình lắng dịu, hòng tiếp tục làm chiến tranh. Họ bức tóc bức tai thấy chuyện đối với họ sao dễ thế mà đối với ông Diệm sao kinh thiên động địa thế! Nói với ông Diệm như nước đổ đầu vịt. Đầu tháng 6, công văn than thở: "Cách xử lý vấn đề phi lý, xuẩn ngốc, có khả năng khiến một biến cố địa phương ở Huế lớn lên thành một khủng hoảng chính trị. Nếu ông Diệm không đạt được một hòa hoãn nhanh chóng với Phật tử, vấn đề có thể gây ảnh hưởng trầm trọng đến sự ổn định chính trị" (15). Giữa tháng 6, Bộ Ngoại giao xác quyết: "Nếu Diệm không lấy biện pháp nhanh chóng và hữu hiệu để tái lập sự tin tưởng của Phật tử nơi ông, chúng ta sẽ phải xét lại toàn diện quan hệ với chế độ của ông ta" (16).

Ấy là ý kiến của ông Rusk, bộ trưởng ngoại giao. Nói dễ mà làm khó! Bởi vì Bộ Quốc phòng không đồng ý với Bộ Ngoại giao, tướng tá không đồng ý với dân sự, Phái bộ quân sự không đồng ý với Đại sứ quán, trong Đại sứ quán nhân vật số 1 Nolting không đồng ý với nhân vật số 2 Trueheart, và sau đó tân đại sứ Cabot Lodge cũng ngất ngư giữa phe ủng hộ và phe phản biện ông ngay ở Sài Gòn cũng

như ở Hoa Thịnh Đốn. Cũng vẫn câu hỏi đó thôi: *"ta có thể thắng chiến tranh? ",* quân sự nói có, dân sự nói không (17). Hoặc là: có, nếu ... Ôi, khổ sở thay là cái chữ *nếu* này. Bởi vì, trái với quân sự, dân sự cho rằng chiến tranh này không phải chỉ thuần túy quân sự mà còn là chính trị, hai lĩnh vực phải đi đôi với nhau. "Giết Việt Cộng không phải là đường lối để thắng chiến tranh ở Nam Việt Nam ; cách duy nhất để thắng là nắm được ủng hộ của quần chúng" (18). Cho nên phúc trình của Taylor-Harkins thì toàn màu hồng, sắp thắng đến nơi rồi, phúc trình của sứ quán thì nhiều mây hơn nắng. Trong cả ngàn trang công điện, công văn, phúc trình ngược ngạo nhau như thế, xin chọn phúc trình này làm tiêu biểu, vừa phản ánh đúng sự đánh giá bên trắng bên đen giữa giới chức Mỹ với nhau, vừa thú vị quá. Trong buổi họp tối cao với sự có mặt của Kennedy ngày 10-9, tướng Krulak của Bộ Quốc phòng kết luận chuyến thám sát tình hình ở miền Nam rằng: "Chiến tranh chống Việt Cộng sẽ thắng nếu chương trình quân sự và xã hội hiện tại của Hoa Kỳ được tiếp tục, mặc dù có những khuyết điểm trầm trọng trong chế độ cầm quyền hiện nay". Mendelhall của Bộ Ngoại giao tiếp lời, trình bày phúc trình của mình cũng sau chuyến thám sát đó. Ông nói: chiến tranh chống Việt Cộng đã thành ra thứ yếu so với "chiến tranh chống chế độ ; suốt các tỉnh miền Trung, Việt Cộng lớn dần, dân chúng ghét chế độ ngã theo Việt Cộng, sinh viên ở Huế và Sài Gòn thà chọn Việt Cộng hơn là chính phủ". Ông Nhu lãnh trách nhiệm về chuyện đánh chùa và đàn áp, nhưng ông Diệm càng ngày càng lãnh chung trách nhiệm với ông Nhu. Ông kết luận: "chiến tranh chống Việt Cộng không thể thắng nếu ông Nhu còn ở Việt Nam". Kennedy lắng nghe hai phúc trình, xong hỏi: "có thật hai ông cùng viếng một nước đấy chứ?" (19). Tổng thống hỏi câu tếu quá!

Dù sao, về ông Nhu, dân sự lẫn quân sự đều đồng ý: ông Nhu còn đó thì chiến tranh không thắng được. Tại sao? Tại vì ông Nhu có ý trung lập? Tại vì ông Nhu có thể yêu cầu Mỹ rút quân? Ý định về trung lập của ông Nhu, người Mỹ gọi là "bí mật ống loa" - "*open secret"* (20) - một bí mật mà ai cũng nghe nói, nhất là nói thế nào để vừa có vẻ bí mật, vừa lọt đến tai người Mỹ. Sợ người Mỹ điếc tai, ông Nhu còn đem chuyện bí mật ra nói toang hoang với các ông tướng (tướng Khiêm, tướng Big Minh, tướng Nghiêm ...) chiều 16-9, kể vanh vách vai trò liên lạc của đại sứ Ba Lan Maneli và vai trò trợ tá của đại sứ Pháp Lalouette giữa ông với Hà Nội (21). Đó là thời gian mà các ông tướng đang ngầm tổ chức đảo chánh, chưa ai tin ai hẳn,

nhưng ai cũng chống ông Nhu vì nhiều chuyện trong đó có chuyện quả bóng trung lập được tung lên trời Sài Gòn. Đưa tin cho người Mỹ biết nội dung buổi thổ lộ tâm tình của ông Nhu, tướng Khiêm kết luận dứt khoát: "tướng lãnh chúng tôi không ai đi với ông Nhu bất kỳ dưới hoàn cảnh nào nếu ông ta tiếp xúc với Bắc Việt, dù là để thống nhất theo lối Lào" (22).

Tại sao phải dùng đến súng cà-nông để bắn tin mật? Chuyện đại sự của dân tộc Việt Nam hay chuyện săng-ta với Mỹ ở bước đường cùng? Bởi vì biết ông Nhu đang là"người bị dồn đến chân tường" (23), đang "hốt hoảng đến mức tuyệt vọng" (24), người Mỹ không đánh giá thấp khả năng làm liều của ông Nhu. Công văn ngày 26-9 phân tích ba lý do trong bụng ông Nhu. Một, là tìm biện pháp trả đũa để chống lại đe dọa cắt viện trợ và áp lực của Mỹ. Hai, là tìm đường lối khác để thoát thân trong trường hợp khủng hoảng, chẳng hạn khi mất ủng hộ quân sự của Mỹ khiến ông thảm bại trong chiến tranh. Ba, là dựa hơi Pháp để dọa Mỹ. Nhưng người Mỹ không tin rằng Hà Nội ở trong cái thế bắt buộc phải thương thuyết theo những điều kiện không phải là điều kiện do chính Hà Nội đưa ra. Mà điều kiện trước sau như một của Hà Nội để đi đến thống nhất là: Mỹ chấm dứt ủng hộ và rút lui toàn bộ quân đội ở miền Nam ; thành lập chính phủ liên hiệp với sự tham dự của các thành phần chính trị ở miền Nam trong đó có Mặt Trận Giải Phóng ; chính phủ liên hiệp đó sẽ thương thuyết với Hà Nội để thống nhất. Chính thế Nhu-Diệm nuốt nổi những điều kiện đó chăng? Vậy thì, theo người Mỹ, điều đáng quan tâm là ông Nhu đưa ra một đề nghị gì đấy ở mức thấp, chẳng hạn đình chiến, và Hà Nội nhân đấy đòi Mỹ rút lui. Nhưng ngay cả giả thuyết đó, người Mỹ không thấy ông Nhu có thể thực hiện. Nền tảng xã hội của chế độ ông, và nhất là nền tảng quân đội trên đó ông làm chiến tranh không cho phép ông làm gì hơn là ma-nớp – *maneuver*, trong nguyên văn (25). Nhưng ấy là giả sử ông Nhu tính toán như một người có lý trí. Người Mỹ sợ nhất là ông Nhu ở bước đường cùng hành động bất hợp lý. Trong công văn qua lại, xuất hiện chi tiết ông Nhu hút thuốc phiện (26).

Nhưng cứ giả sử ông Nhu chơi ngon, công khai lớn tiếng đòi Mỹ rút quân thì sao? Câu hỏi động đến tận căn bản của chiến tranh. Trong suốt hồ sơ của Bộ Ngoại giao năm 1963, ngoài ý kiến của Chester Bowles đã nói ở trên, chỉ một mình Mansfield đặt lại vấn đề từ gốc. Trong thư riêng gởi Kennedy ngày 19-8, ông hỏi: "Nam Việt Nam có thật sự quan trọng cho chúng ta như cho chính người Việt

Nam không?" Ông trả lời: không. Lợi ích của Mỹ ở Việt Nam, theo ông, không phải là thiết yếu cho sự phòng vệ của Mỹ, mà chỉ là ngoại vi. Đã là ngoại vi thì sự can thiệp phải có giới hạn, về nhân mạng cũng như về tiền bạc, đáng giúp thì giúp, không đáng giúp thì thôi. Bởi vậy, để trả lời ông Nhu than phiền có nhiều quân đội Mỹ quá ở miền Nam, Mansfield đề nghị cứ rút quân, lúc nào cũng được, 10% chẳng hạn, để cảnh cáo chế độ rằng người Mỹ làm ăn sòng phẳng, *business is business* (27).

Thế nhưng chính phủ Mỹ thì không nghĩ như vậy. Kennedy có tiên liệu chuyện rút 1000 quân cuối 1963, nhưng căn bản lý thuyết và sách lược chiến tranh thì không đổi. Miền Nam vẫn là "lợi ích sinh tử" của Mỹ ; Mỹ "sẵn sàng rút lui, nhưng trước khi rút lui Mỹ phải để lại một miền Nam độc lập, tự do, không cộng sản" (28). Vào thời điểm 1963, Mỹ vạch ra hai thái cực phải tránh: một là rút lui và trao miền Nam cho cộng sản, hai là xô quân vào ào ạt và trực tiếp cai trị miền Nam (29). Nói một cách khác, mục tiêu của Mỹ vẫn là "thắng chiến tranh". Cái gì cản trở mục tiêu đó thì đừng có hòng làm nên trò trống (30).

Huống hồ ông Nhu đã mất hẳn tay chân để làm ma-nớp ; tất cả căm giận đều đổ trên đầu ông và vợ ông, kể cả căm giận của thân phụ thân mẫu bà Nhu, của những người thân tín nhất của ông Diệm, từ bộ trưởng Phủ Tổng thống Nguyễn Đình Thuần đến chánh văn phòng đặc biệt Phủ Tổng thống Võ Văn Hải (31). Những người trung thành nhất với ông Diệm lại là những người van nài Mỹ tha thiết nhất hãy gạt ông Nhu để cứu ông Diệm. Ở bước đường cùng, ông Nhu định chơi một ván bài cuối táo bạo: làm một cú đảo chánh để tự mình nắm quyền. Cuối tháng 8, người Mỹ đứng trước một cơn sốt lạm phát âm mưu đảo chánh, toàn là lăm le: này cú của tướng Đôn, kia cú của tá Phạm Ngọc Thảo, nọ cú của mật vụ Trần Kim Tuyến, rồi bây giờ cú của chính ông Nhu. Chưa biết ai đảo chánh ai, nhưng chắc chắn là tướng tá phải hạ thủ ông Nhu trước để khỏi bị ông Nhu hạ thủ. Trong con mắt của Cabot Lodge, khi nói chuyện với ông Nhu vào cuối tháng 10, có chút gì ái ngại: ông biết người ngồi trước mặt ông sẽ chẳng còn ngồi đó nữa để dọa dẫm trung lập. Ông chỉ không biết một điều thôi là Nam Tào đã sắp sửa rút tên ông Nhu ra khỏi hộ khẩu.

Sau đêm đánh chùa 20-8, ông Diệm tưởng đã dập tắt được phản kháng. Thì còn gì nữa! Chùa chiền đã nằm sau hàng rào kẽm gai, lãnh đạo đã vào tù. Quen nịnh hót và dối trá, ông không thấy sự thật rằng

dân chúng đang muốn quật ông đổ và một phần lớn sĩ quan cấp tá, cấp úy chỉ chờ đảo chánh. Cho đến 20-8, sự phản kháng có tính cách tôn giáo. Sau đó, quần chúng và sinh viên tiếp nối phong trào, thổi bùng ngọn lửa đã nhen với phẫn uất chính trị. Người Mỹ rất lúng túng. Họ lúng túng từ đầu đến cuối, và cho đến phút cuối, họ vẫn còn muốn bám ông Diệm, kể cả Rusk, đưa đến sự mất nhất trí ở đầu não Hoa Thịnh Đốn. Phe Harriman-Hilsman-Forrestal-Sullivan (32) nói: "cách hữu hiệu duy nhất để chống lại đe dọa cộng sản là đem lại cho dân chúng một sự lựa chọn khác xứng đáng để tranh đấu". Phe McNamara-Taylor trả lời: "nếu kẻ thù được nhận diện và giết theo phương pháp mà ta đã áp dụng thành công cho đến nay, thì cứ tiếp tục như vậy rồi sau này sẽ đến lúc dồn sức lực vào lĩnh vực xã hội và chính trị ..." Phe này chê phe kia là không tưởng (33). Bởi vậy, để kéo trọng tài Kennedy về phe mình, giới quân sự báo tin lành: những xáo trộn chính trị ở thành phố không có ảnh hưởng gì trên chiến trường. Phe dân sự (Mecklin, Trueheart, Philip) báo tin dữ: dân chúng ngã theo Việt cộng. Chính sách đề ra từ đầu não và chỉ thị cho Lodge áp dụng ở Sài Gòn phản ánh tranh chấp đó. Đó là chính sách nửa vời, nửa dơi nửa chuột, cố làm vừa lòng cả hai phe: hòa hoãn với Diệm và đồng thời làm áp lực trên Diệm để thay đổi chế độ. Thay đổi chế độ? Bảo ông Diệm gạt ông Nhu? Rời bà Nhu? Phải chi ông Diệm có vợ! Sớm ngõ trưa sân, thím Nhu đứng ngồi quanh quẩn bên mình ông như một bà Đệ Nhất Phu Nhân, khiến nhiều nhân chứng xầm xì về một quan hệ thiếu minh bạch, thậm chí bệnh lý (34). Trong những lần gặp ông Diệm để thông báo yêu cầu của Hoa Thịnh Đốn đòi ông "thay đổi chế độ", Lodge chỉ nghe ông Diệm độc thoại về "mẫu mực dân chủ" của miền Nam Việt Nam mà ông Diệm tin là sẽ trở thành mô hình dân chủ lý tưởng của cả Á châu (35). Ông Lodge thuộc lòng bài ca đó vì đã bao nhiêu lần nghe ông Nhu độc thoại về mẫu mực dân chủ của Ấp Chiến Lược.

Đến giữa tháng 9 thì người Mỹ sốt ruột lắm rồi. Về chiến sự, Ấp Chiến Lược mà ông Nhu giương cao thành tích như thành công vĩ đại của chế độ và của chính ông bị báo chí Mỹ khám phá ra những sơ hở trầm trọng (36). Về chính trị, thiết quân luật không dẹp nổi sự chống đối của dân chúng, thành phố hỗn loạn đến mức nhân viên công sở chỉ còn ngồi đọc báo. Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần nói nhỏ với Mỹ là muốn chuồn ra ngoại quốc (37). Kennedy gởi chính những người ủng hộ ông Diệm qua điều tra tình hình lần chót cuối tháng 9 với sự đồng ý của Lodge. Tường trình lần này của phái đoàn

McNamara-Taylor hết hồ hởi, gần với thực tế bi đát (38). Thú vị nhất là lần nói chuyện với Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ ngày 30-9. Ông Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa thổ lộ: tình hình đã quá trầm trọng, dân chúng đã quá bất mãn, ở thành phố cũng như ở thôn quê. Hỏi ông về chính sách tát ao bắt cá của Ấp Chiến Lược, ông nói: ban đêm dân chúng vào ngủ trong Ấp, ban ngày, ngủ hoài sao được, phải ra đồng làm việc chứ, và ra đồng thì gặp ai, Việt Cộng chứ ai! Hỏi ông về chiến sự, ông cười: hai năm trước đây, người Mỹ các ông ước tính quân đội Việt Cộng có từ 20 đến 30.000 đầu. Ông Diệm được báo cáo rằng mỗi tháng ta giết 1000 tên. Ấy thế mà bây giờ chúng đông hơn trước! Hỏi ông có người Việt Nam nào giỏi để tham khảo ý kiến không, ông lắc đầu: người giỏi trốn ra nước ngoài hết rồi. Hỏi ông thêm nữa về chính trị, ông xua tay: tôi không có tự do để nói thêm gì nữa với quý ông (39). Ấy, ông Phó Tổng thống tếu quá!

Phái đoàn McNamara-Taylor mang theo một thư của Kennedy gởi ông Diệm. Thư bắt đầu: *"Thưa Tổng Thống thân mến, Tôi gởi đến ông thư này bởi vì tình hình bang giao giữa hai nước chúng ta đã trở nên vô cùng trầm trọng ..."* (40). Dưới ảnh hưởng của Lodge, người thấy rõ nhất tính chất độc tài không thay đổi được của gia đình ông Diệm, đầu não ở Hoa Thịnh Đốn dần dần ngã theo ý kiến "không thể thắng được với Diệm". Hilsman, từ Bộ Ngoại giao, gởi thư riêng cho Lodge, viết: *" Chúng tôi đã cảm thấy rằng càng ngày quan điểm của chúng ta càng có nhiều người ủng hộ. Nếu anh ở Sài Gòn và chúng tôi ở đây giữ vững tay súng, mọi người sẽ theo chúng ta. Như Forrestal sẽ nói với anh, một nhóm người quyết tâm ở đây sẽ ủng hộ anh đi trọn con đường. Tôi nghĩ rằng chắc là anh có lý khi phán đoán rằng không có áp lực nào - kể cả cúp viện trợ - có thể làm Diệm và Nhu thay đổi chế độ như ta muốn, và vì vậy điều chúng ta phải làm là thay đổi chính phủ"* (41). Ông Diệm đánh chùa, thiết quân luật, cử Tôn Thất Đính làm tướng tổng trấn Sài Gòn, tưởng khuất phục được dân với uy lực. Đính là bộ hạ của ông Nhu, vậy là ông Nhu làm chủ tình thế. Với Mỹ và với dân, cả hai ông đều lếu, lếu quá, vì bỗng chốc quân đội, nghĩa là tướng tá, hôm qua còn phủ phục, hôm nay nhảy lên địa vị trọng tài. Đảo chánh trở thành chuyện có thể. Hơn thế nữa, chuyện chờ đợi, mong mỏi, nôn nóng, hợp lòng người, được lòng dân.

Nhưng không phải dễ gì Lodge thuyết phục được tất cả mọi người. Harkins luôn luôn thọc gậy vào bánh xe của ông: một ngày trước khi đảo chánh, ông tướng này còn viết một công văn rất dài, cực lực bênh vực ông Diệm, kịch liệt phản đối việc "thay ngựa giữa

đường" (42). Công điện của Bạch Ốc đánh đi ngày 17-9 căn dặn Lodge đừng "hành động để thay đổi chính phủ hiện tại trong những ngày trước mắt" (43). Ngày 2-10, công văn của McNamara-Taylor vẫn nói:"triển vọng một đảo chánh tự phát không nhiều. Hai lực lượng chính là tướng tá và sinh viên đã bị thúc thủ vì thiếu khả năng và vì chế độ đã phản công kiểm soát một cách hiệu quả". Mà đảo chánh thì cũng chưa chắc làm tình hình sáng sủa hơn, cũng chỉ 50 phần trăm, 50 phần trăm (44). Ngày 29-10, hai ngày trước đảo chánh, bộ trưởng ngoại giao Rusk còn luẩn quẩn tóm tắt tình hình như thế này:"Nếu ta ủng hộ Diệm, ta sẽ làm hỏng cố gắng chiến tranh bởi vì ta chống lại các tướng lãnh đang chiến đấu chống Việt Cộng. Nếu ta ủng hộ các tướng lãnh đảo chánh thì ta phải bảo đảm rằng họ thành công trong việc lật đổ Diệm" (45). Nhưng khả năng thành công là bao nhiêu? Nghe báo cáo từ mọi phía, Kennedy phán: như vậy thì lực lượng hai bên ngang ngửa nhau. "Trong tình trạng như vậy, làm đảo chánh là ngu xuẩn. Nếu Lodge đồng ý với nhận định đó, phải ra chỉ thị bảo Lodge chận đảo chánh" (46). Ông nói thêm: "những người làm đảo chánh phải chứng minh được rằng họ có thể lật đổ Diệm chứ không phải tạo ra một tình thế bất phân thắng bại" (47).

Khốn thay, trong một chế độ mà mọi người nghi mọi người, không ai làm đảo chánh mà tự hô hoán lên lạy ông tôi ở bụi này. Cũng không ai làm đảo chánh ở Sài Gòn mà không muốn được Mỹ hứa chắc là sẽ không chống. Nghĩa là cái vòng luẩn quẩn: Mỹ bảo phải có khả năng thành công thì mới ủng hộ ; những người định đảo chánh thì cần Mỹ ủng hộ mới thành công. Mỹ hỏi tướng Đôn: ông định làm đảo chánh đấy à, ông làm với ai, chương trình vạch ra thế nào, đưa tôi xem thử có thành công không. Cho kẹo tướng Đôn cũng chẳng dám vạch bụng cho người xem lỗ rốn. Hoặc là ông nói thế này với Harkins, nói thế kia với CIA. Mỹ dơi chuột với ông thì ông cũng dơi chuột với Mỹ. Rốt cục: 50 phần trăm từ miệng Bạch Ốc.

Một ngày trước đảo chánh, Bundy ở Bạch Ốc còn chỉ thị cho Lodge thế này: "Ta không thể chấp nhận như một căn bản của chính sách Hoa Kỳ rằng ta không có quyền lực để làm trì hoãn hoặc ngăn chận một đảo chánh ... [Bởi vậy] ông phải hành động để thuyết phục những người đảo chánh hãy chấm dứt hoặc hoãn lại mọi chiến dịch mà ông nhận xét tường tận là rõ ràng không có triển vọng thành công cao ... Các cơ quan của Hoa Kỳ sẽ từ khước mọi lời kêu gọi can thiệp trực tiếp từ phe này hay phe kia ... Hoa Kỳ không có lợi gì làm khí cụ cho chính phủ hiện tại hoặc cho đảo chánh ... " Như vậy là cánh

Harkins thỏa mãn. 50 phần trăm đấy, nhưng có phần nghiêng về nửa vơi, không phải thiên vị nửa đầy. Nhưng Bundy chỉ thị thêm: "Nhưng khi một cú đảo chánh có chỉ đạo tốt đã bắt đầu, và trong những hạn chế vừa nói, Hoa Kỳ có lợi ích thấy nó thành công" (48).

Cùng một chỉ thị, nhưng Harkins diễn dịch khác Lodge. Ông nhấn mạnh ở điểm ngăn chận. Cho nên ông đã ngăn chận tướng Đôn. Ông Đôn chẳng hiểu Mỹ muốn gì, bởi vì tín hiệu của Conein, sếp CIA, khác hẳn với cảnh cáo của Harkins, khác hẳn với thái độ của Lodge. Về đảo chánh, Lodge nói rõ với Bộ Ngoại giao: "Ta phải nhớ rằng đó là cách duy nhất để dân chúng Việt Nam có thể thay đổi chế độ" (49). Ông nói thêm: vả chăng, tình trạng đưa đến đảo chánh đang diễn tiến như hòn đá đang lăn (50), chận cũng không được. Nhưng chỉ thị không cho phép Lodge chính thức bật đèn xanh. Chỉ dặn: phải thuyết phục và làm áp lực trên Diệm.

Áp lực là thế nào? Cắt viện trợ? Viện trợ gì? Cắt viện trợ gì mà không gây ảnh hưởng trên cố gắng chiến tranh? Buộc ông Diệm phải gánh trên vai của chính ông gánh nặng của ngân khoản dành cho Ấp Chiến Lược? Cắt viện trợ nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng? Chừng nào thì vừa đủ để gây áp lực? Vừa đủ để đừng có hại cho chiến tranh? Vừa đủ để chứng tỏ với những Fullbright, những Mansfield, với Liên Hợp Quốc, với dư luận Mỹ đang chấn động vì ngọn lửa Quảng Đức, vì lựu đạn cay, vì dùi cui đốp đốp trên đầu sinh viên, rằng chính quyền Kennedy không dung túng độc tài? Cúp viện trợ trên cơ sở gì? Chỉ thị của Kennedy đáng được trí thức chiêm nghiệm: "Tổng thống muốn rằng cơ sở để xây dựng chính sách của ta là chỉ trích hành động chính trị của Diệm có hại cho cố gắng thắng Việt Cộng chứ không phải chỉ trích Diệm vì ta chống chế độ của ông ấy trên mặt đạo đức" (51).

Trên cơ sở đó, các tướng đảo chánh củng cố tính chính đáng của họ trước mắt các giới chức Mỹ dù là - hoặc nhất là - quân sự: không thể thắng chiến tranh được với chế độ này. Lý lẽ của họ vừa có tính chính đáng vừa có tính thuyết phục, vì họ là quân nhân, không phải chính trị gia. Họ chỉ chờ chiêu dụ cho được ông tổng trấn Đính hám danh đang nắm thực quyền trên Sài Gòn. Đính ngã rồi, thời cơ về tay phe đảo chánh. Đánh giá đúng thời cơ, Lodge thuyết phục được Hoa Thịnh Đốn cắt viện trợ cho Lực Lượng Đặc Biệt đã đánh chùa - lực lượng của Lê Quang Tung - lấy lý do rằng lực lượng đó chỉ biết đánh sư sãi và sinh viên chứ chưa đánh Việt Cộng ngày nào. Biện pháp đó hoàn toàn trung thành với chỉ thị của Kennedy, nhưng tác

dụng trên quần chúng miền Nam quả là to lớn: trong đêm tối của khủng bố, họ tưởng đã thấy tín hiệu đèn xanh của Mỹ.

Đảo chánh nổ ra chiều 1-11. Hầu hết tướng tá và binh chủng đều tham gia đảo chánh. Nhanh chóng, cả Sài Gòn ngã vào tay phe nổi dậy. Nhanh chóng, Dinh ông Diệm bị bao vây. Harkins tường trình: "Cho đến phút cuối, ông Diệm vẫn cứng đầu ; khi Đính, với tư cách chỉ huy chiến thuật, gọi điện thoại cho ông Diệm lúc 00600 giờ, ông Diệm ra lệnh cho phe đảo chánh phải đầu hàng tức khắc" (52). Ông Diệm đã ra những lệnh như vậy suốt chín năm cầm quyền.

Ngày 1-11-1963 là một ngày hồ hởi của dân chúng, một ngày giải phóng (53). Đối với lịch sử, lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới, 1963 là năm bùng lên ngọn lửa, một sự kiện phi thường làm chấn động lương tri. Đối với Phật giáo, 1963 là trái tim, trái tim còn nguyên, không cháy, khi nhục thân Quảng Đức thành tro. Trái tim đó không nói hận thù. Không nói *winning the war*. Nên nhắc lại điều đó để hiểu 1964, 1965 và về sau, để hiểu sự chống đối của các lực lượng chiến tranh đối với một phong trào không nói: *winning the war.*

Chú thích:

(1) Leszek Kolakowski, Totalitarism and the Lie, *Commentary*, tháng 5 1983, in lại trong Irving Howe (ed) 1984 *Revisited Totalitarism in our Century,* Harper & Row, New York, 1983.

(2) Ghi chú (memorandum) của Mecklin, cố vấn Đại sứ quán gởi Manell, cố vấn Vụ Viễn Đông, Bộ Ngoại giao, 15-3-1963, Hồ Sơ Bộ Ngoại giao, Tập III.

(3) Công điện của Bộ Ngoại Giao (BNG) gởi Đại sứ quán (Nolting) 25-2-1963, Tập III.

(4) Xem chú thích (2).

(5) Nolting gởi BNG 5-4-1963, Tập III.

(6) Ví dụ: Ghi chú của phái đoàn Taylor-McNamara gởi Kennedy 2-10-1963, mụcVIII, điểm B, chú thích 4 ; ghi chú của Sullivan, Vụ trưởng phụ trách Vụ chính trị BNG gởi Hilsman, thứ trưởng ngoại giao phụ trách Vụ Viễn Đông 3-10-1963 ; hai công điện của Cabot Lodge gởi BNG 28-10-1963, 6 giờ chiều và 9 giờ chiều, Tập IV.

(7) Ghi chú của Forrestal, Hội đồng An ninh Quốc gia, gởi Harriman, thứ trưởng ngoại giao, phụ trách Vu Viễn Đông, 8-3-1963, Tập III.

(8) Nolting gởi BNG 7-9-1963, Tập III.

(9) Ghi chú gởi Nolting và Harkins 3-5-1963, Tập III.

(10) Công điện Nolting gởi BNG 7-4-1963, Tập III.

(11) Phúc trình CIA Washington 22-4-1963, Tập III.

(12) BNG gởi Nolting 29-3-1963, Tập III.

(13) Ghi chú của Forrestal gởi Harriman 8-2-1963, Tập III.

(14) Ghi chú của Bowles gởi Kennedy 7-3-1963, Tập III.

(15) Ghi chú của CIA Washington 3-6-1963, Tập III.

(16) BNG gởi Trueheart (tạm giữ trách nhiệm ĐSQ thay Nolting về nghỉ phép từ 24-5 đến 11-7) 11-6-1963, Tập III.

(17) Phúc trình của tướng Krulak 10-9-1963 ; ghi chú của Mecklin 10-9-1963, Tập IV.

(18) Ghi chú của Forrestal gởi Kennedy 10-5-1963, Tập III.

(19) Ghi chú buổi nói chuyện, Washington, 10 giờ 30 sáng, Tập IV. Kể từ đây là Tập IV.

(20) Công điện CIA Sài Gòn 2-9-1963.

(21) và (22) Công điện CIA Sài Gòn 17-9-1963.

(23) và (24) Phúc trình của McNamara từ Sài Gòn 26-9-1963.

(25) Ghi chú soạn thảo cho Giám đốc CIA McCone, Washington, 26-9-1963.

(26) Ví dụ: Lodge gởi BNG 10-10-1963.

(27) Ghi chú của Mansfield gởi Kennedy 19-8-1963.

(28) Ghi chú buổi nói chuyện, Washington, 11-9-1963, 6 giờ chiều.

(29) BNG gởi Lodge (đại sứ mới, thay Nolting) 12-9-1963.

(30) BNG gởi Lodge 18-9-1963 ; BNG gởi Phái đoàn Mỹ tại LHQ 1-10-1963.

(31) Lodge gởi BNG 24-8-1963.

(32) Harriman, Hilsman, Sullivan ở BộNgoại giao, Forrestal ở HĐANQG Tòa Bạch Ốc, Bundy là Phụ tá đặc biệt của Tổng thống.

(33) Ghi chú của Forrestal gởi Bundy 16-9-1963.

(34) Xem chứng từ của tướng Đôn trong công điện CIA Sài Gòn 24-8-1963, Tập III.

(35) Ghi chú buổi nói chuyện 29-9-1963.

(36) Bài báo của Halberstam trong New York Times 16-9-1963 đến tay Kennedy. Kennedy hỏi: đúng hay sai?

(37) Lodge gởi BNG 19-9-1963.

(38) Phúc trình McNamara, Sài Gòn, không đề ngày, tiếp theo sau công điện của Lodge 27-9-1963.

(39) Lodge gởi BNG 30-9-1963.

(40) BNG gởi Lodge 24-9-1963.

(41) Hilsman gởi Lodge 23-9-1963.

(42) Harkins gởi Taylor 30-10-1963.

(43) Xem công điện 17-9.

(44) Ghi chú Taylor-McNamara gởi Tổng thống, Washington 2-10-1963.

(45) Ghi chú buổi họp với Kennedy 29-10-1963 lúc 4 giờ20 chiều.

(46) như trên

(47) Ghi chú buổi họp với Kennedy 29-10-1963 lúc 6 giờ chiều.

(48) Bundy gởi Lodge 30-10-1963.

(49) Lodge gởi Bundy 25-10-1963.

(50) Ghi chú buổi họp với Kennedy 29-10-1963 lúc 6 giờ chiều.

(51) Tóm tắt ghi âm buổi họp thứ 519 của HĐANQG 2-10-1963.

(52) Harkins gởi Taylor 2-11-1963 lúc 10 giờ 42 sáng.

(53) Theo công điện số 2324 đánh đi từ Paris ngày 13-11-1963 thì Tổng Đại Diện Pháp tại Hà Nội De Buzon vừa gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng ; Thủ tướng nói: "đảo chánh ở Sài Gòn, dù là do Hoa Kỳ gợi ý, vẫn là một bước tiến trên hướng tốt". Xem Ghi chú của Forrestal gởi Bundy: Chuyện trò với đại sứ Alphand 14-11-1963.

NGÔ ĐÌNH DIỆM
MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ TÀI, ĐỨC VÀ BẢN-CHẤT CỦA ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

Sưu tầm của Lê Xuân Nhuận

■ Theo ông **LÂM LỄ TRINH**

(Cựu Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ trong chính-phủ Ngô Đình Diệm [1957-1960]):

" ... Hồi tưởng dĩ vãng, người viết không thể quên được thái độ khinh thường của hai ông Diệm, Nhu đối với Sihanouk mà họ xem như một chính trị gia thời cơ, non nớt, thích múa rối, hết bị De Gaulle đến bị Mao giựt dây. VNCH phải **trả một giá đắt về nhận định thiếu thực tế** ấy..."

(trích từ bài "Cuộc Đấu Trí Sihanouk - Ngô Đình Nhu")

■ Theo ông **NGUYỄN HỮU HANH**

(Cựu Cố-Vấn Kinh-Tế, Tài-Chánh của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm;

Cựu Tổng-Giám-Đốc Ngân-Hàng Quốc-Gia Việt-Nam [1955-1962]):

" ... Ông Diệm có nhiều nhược điểm, ảnh hưởng rất mạnh đến việc chọn người cộng sự hay nhân viên chánh phủ. Ông thích được khen, ông thích nghe những lời nịnh bợ. Ông thích người ta nói đến những công việc của ông làm, nhất là những dự án "ruột" của ông. Ông **không hề biết thực tế bên ngoài, ông không có một ý niệm về đời sống của dân chúng**, nên những người làm việc với ông phần nhiều hay nói láo với ông, che giấu sự thật, làm cho ông không thấy rõ thực tế ở đời và mất sự xét đoán về người và về công việc.

Ông không tin người, nên ông hay chọn người làm cho ông trong số những người đồng hương đồng xứ với ông, bà con bạn bè thân thuộc với ông, hoặc là bà con bạn bè với những người bạn xa bạn gần của ông.

Ông là người rất mộ đạo Thiên Chúa, nên ông hay chọn người có đạo Thiên Chúa và ông **tin họ hơn những người không có đạo.**

Ông tin những người có vào Đảng Cần lao của ông Nhu hơn là người thường, nên ông hay chọn người là đảng viên Đảng Cần lao.

Khi chọn người để đưa vào chánh phủ hay thăng thưởng công chức ông đặt nặng ba điều đó* hơn là công việc làm hay công tâm. Vấn đề chuyên môn không cần thiết lắm, vấn đề đạo lý, vấn đề tư cách con người, ông ít để ý đến, mặc dầu ông là người rất có tư cách, một nhân vật rất có đạo lý, chịu rất nhiều ảnh hưởng Khổng giáo. Cho nên chung quanh ông và trong chính phủ, ít có người tài giỏi, và **phần nhiều chỉ có những người bà con thân thuộc của ông, những người có đạo Thiên Chúa và những người vào Đảng Cần lao**, những người mà ông có thể tin được. Những người này chỉ biết nịnh bợ ông; họ che mắt ông, họ giấu sự thật, làm cho ông mất hết sự xét đoán, và khó lòng cho ông biết bề trái bề mặt ở đời...

... Ông làm việc rất nhiều, cả ngày lẫn đêm, bởi ông chẳng có trò giải trí nào, không chơi môn thể thao nào, không có món tiêu khiển bất cứ kiểu nào. Môn giải trí duy nhất của ông là đi thanh tra các dự án xây dựng mới, các vùng kinh tế mới, các khu định cư mới, những gì mà ông tin rằng ông đã làm vì quyền lợi dân chúng. Bởi vì ông rất nôn nóng nhìn thấy những việc này tiến triển nhanh chóng, nên những **viên chức có trách nhiệm thường gian lận và nói dối** ông. Một ngày nọ, khi tôi đi thăm vùng đồng bằng sông Cửu Long, dân chúng trong vùng đã chỉ tôi xem những cái cây mới mà viên tỉnh trưởng bắt họ trồng trong một dự án tái định cư để ông Diệm đi thanh sát. Theo lời đề nghị của các bô lão địa phương, người tài xế của tôi đã nhổ thử một cây lên cho tôi xem: đó là một cành cây mới cắt được cắm xuống đất ướt! Ở nông thôn người ta biết tôi rất gần gũi với Tổng thống và tôi dám nói sự thật với ông, vì vậy họ không ngần ngại tiết lộ các trò gian lận và những cuộc trình diễn dỏm của đám tỉnh trưởng và quận trưởng.

... Nhưng nhân dân trong các làng quê thường rất nghèo, và những người tình nguyện chỉ có thể bỏ công việc đồng áng của mình một vài ngày thôi. Biết rằng ông Diệm thích nhìn thấy một số lượng lớn người tình nguyện không đòi tiền công làm việc tại các dự án mới, các viên tỉnh trưởng thường **bắt dân làng làm việc ròng rã hàng tháng trời không tiền, thậm chí không hỗ trợ thức ăn hay chỗ ở**. Thế rồi họ nói dối với Diệm, tâu với ông rằng hàng trăm người ông nhìn thấy trên công trường đều là dân tình nguyện. Một ngày kia tôi tới thăm Sóc Trăng nơi đang xây dựng một sân bay địa phương. Khi tới đó vào giữa buổi trưa, tôi trông thấy mấy trăm người dân đang

ngồi ăn bữa cơm trưa đạm bạc của họ và nghỉ ngơi ở hai vệ đường; họ nằm la liệt trên đất, có người có chiếu, có người không. Tò mò muốn coi tận mắt cái dự án này và nói chuyện với dân chúng, tôi dừng xe và bước ra ngoài nói chuyện với mấy người nông dân. Một vị bô lão địa phương đi theo tôi trong chuyến thanh tra này nói với những người đang đứng quây quanh tôi rằng họ có thể nói thật hết với tôi, vì tôi là cố vấn của Tổng thống Diệm và tôi luôn luôn báo sự thật cho ông hay. Thế rồi một vài người nông dân đến bên cạnh tôi, và trong khi mắt đảo quanh coi có mật thám hay không, ngập ngừng nói với tôi rằng họ **bị ép phải tình nguyện làm việc theo lệnh viên tỉnh trưởng**, rằng họ phải bỏ mọi công việc đồng áng, phải rời gia đình, tự đem theo thức ăn để đến đây làm việc mà không có lấy một xu tiền công, thức ăn hay chỗ ở, trong thời gian ít nhất là một tháng mỗi lần.

Khi tôi quay trở về Sài Gòn và báo cáo chuyện này với Tổng thống Diệm, ông nổi trận lôi đình và biểu người phụ tá gọi viên tỉnh trưởng Sóc Trăng ngay lập tức. Tôi không biết chuyện gì xảy ra sau khi tôi rời Dinh Độc Lập, nhưng ngày hôm sau khi tôi trở lại, **ông Diệm nói với tôi rằng những người nông dân mà tôi gặp đã nói láo**, thật ra mọi người đều sung sướng được tình nguyện xây dựng phi trường cho tỉnh nhà. Tôi nói gì bây giờ với ông ta? Người của ông nói dối ông và phản bội ông bởi vì ông thích nghe những câu chuyện êm tai; họ biết rõ điều ấy và sẵn sàng bịt mắt ông.

Một lần khác tôi tới thăm một vùng kinh tế mới gần Mỹ Tho; tôi nhìn thấy một dãy hàng cây ăn quả dọc lộ có vẻ như sắp chết héo. Tôi dừng xe lại, bước tới coi. Một người nông dân tiến tới phía tôi và hỏi nhỏ tôi có muốn coi mấy cây hay không. Anh ta nhổ lên một cây và đưa cho tôi: đó là một cái cành được cắt khỏi cây và cắm xuống đất. Anh ta lập tức biến mất, rõ ràng sợ bị nhìn thấy nói chuyện với người lạ. Sau này tôi được biết là những việc như vậy **xảy ra rất thường xuyên**, bởi vì các viên tỉnh trưởng và quận trưởng đều muốn tỏ cho Diệm thấy là họ đã mở mang các dự án mới một cách mau chóng, họ muốn được ông Diệm đánh giá cao, muốn "ghi điểm", và thăng chức. Tôi nghe nói một lần ông đến thăm một dinh điền mới với một ông trung tá, trách nhiệm về dinh điền này, ông cầm lên xem một cành cây có trái; bỗng nhiên cành cây rơi xuống đất, ông biết là cành cây mới được cắm. Ông quay lại nhìn ông trung tá, mặt ông đỏ bừng; ông hét lên, **ông cầm cây ba ton của ông đánh vào người ông trung tá.** Ông này quì xuống lạy xin tha tội, mặt tái mét và nước mắt rưng rưng; vài ngày sau ông trung tá bị cách chức và **đày đi nước độc**.

Ông Diệm rất ngây thơ. Ông dễ tin người, đặc biệt là với những ai biết cách nói láo khi phụ trách những dự án "cưng" của ông. Ông là một loại thầy tu kín suốt đời. Ông chỉ ở trong nhà, trong văn phòng, và trước đây là trong tu viện, không bao giờ ra ngoài trà trộn với người dân. Ông không bao giờ lấy vợ, chỉ sống với anh em của mình. Ông không biết gì về cuộc sống và cũng không có một ý thức nào về trị giá tiền bạc. Có một lần, để thưởng cho một người giúp việc đã phục vụ ông ngày đêm, ông cho phép người này ra phố xả hơi và giải trí. Ông cho anh ta 2 đồng bạc để hớt tóc. Thế nhưng vào lúc ấy, giá hớt tóc cao hơn nhiều.

Một vị bộ trưởng của ông muốn tỏ cho ông thấy là anh ta nghèo khổ và thanh liêm như thế nào, đã nói với ông rằng anh ta chỉ có 2 cái áo sơ-mi! Diệm tin ông ta! Vậy nhưng vị bộ trưởng này sau khi thoát khỏi Việt Nam sau cuộc đảo chánh 1963 đã sống một cuộc đời xa hoa suốt 40 năm mà không cần phải làm việc! Chỉ với **số tiền mà anh ta đã tích luỹ được sau mấy năm làm bộ trưởng!** Diệm không có ý thức gì về thực tại. Ai cũng có thể lừa ông nếu biết được điểm yếu của ông, biết ông thích những gì và muốn nghe những gì....

... Năm 1962 TT Diệm gởi một phái đoàn do tướng Kim cầm đầu qua Nhật. Cũng vào lúc đó ông Diệm gởi tôi tới Tokyo để thăm dò với chính quyền Nhật về việc mở rộng hợp tác kinh tế tài chánh. Ông đã phạm một sai lầm khi không nói cho tướng Kim biết là tôi có một nhiệm vụ riêng biệt. Tướng Kim không biết gì về lãnh vực kinh tế tài chánh và cứ nghĩ rằng tôi nằm trong phái đoàn của ông. Khi tôi từ chối không đi cùng với đoàn của ông, thì ông tức giận tôi. Đây là cung cách làm việc đặc trưng của ông Diệm. Ông luôn luôn làm theo ý kiến riêng mà không chia sẻ với bất cứ ai trong chính phủ.

Những chuyện như vậy đã làm cho tôi thất vọng, làm cho tôi mất dần niềm tin nơi ông và góp phần vào việc tôi từ chức năm 1962 sau này."

(trích từ cuốn hồi-ký "Brushing the World Famous" ("Làm việc với các nhân vật danh tiếng thế giới")

Lê Xuân Nhuận cho biết có 4 [không phải chỉ 3] "tiêu chuẩn" để Diệm tin dùng: đồng Đoàn, đồng Đảng, đồng Đạo, đồng Địa (gọi là 4-Đ) – "Về Vùng Chiến-Tuyến" (hồi-ký, Văn Nghệ, 1996).

■ Theo ông **ĐỖ THỌ**
(cựu đại-úy, Tùy Viên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm):

"...Tổng Thống Diệm phổ biến văn thư xuống các Bộ, chính quyền địa phương bãi bỏ chữ 'Ngài' trong đơn từ, kiến nghị gửi cho Tổng Thống.

"Thế mà bọn 'nịnh thần' vẫn khư khư giữ lấy chữ 'Ngài', 'Cụ' khi chỉ đến Tổng Thống Diệm.

"Ngoài ra bọn chúng đứng trước Tổng Thống thì khúm núm, vò tay, gãi đầu, Tổng Thống vừa tra điếu thuốc lên mồm là vội vàng qùi mộp, cúi đầu, bật quẹt cho Tổng Thống châm lửa. Không những bọn nịnh hót làm cử chỉ đó với Tổng Thống Diệm mà còn làm với ông Cẩn, ông Nhu. Một đứa thấy đồng bọn làm như vậy thì bắt chước làm theo. Ông Diệm, ông Nhu, ông Cẩn thấy thế thành thói quen. **Bận sau người khác không làm như thế thì thấy xúc phạm**. Vì thế bọn nịnh hót đã làm 'hư' Tổng Thống. Và cái cốt cách quan lại phong kiến tràn ngập cá tính Tổng Thống Diệm như "Ngài Thượng Thư Diệm" của triều đình Huế.

"Các Tư Lệnh Vùng, Tư Lệnh Sư Đoàn đủ mọi binh chủng, Bộ Trưởng, Chủ Tịch các phong trào ủng hộ chế độ đều đến Huế trước khi bước qua thềm năm mới. Nếu vị nào không đến Huế chúc thọ cụ Cố vì muốn hưởng xuân với gia đình trong mấy ngày Tết bị tức tưởi lo âu sợ ông Cố Vấn Chỉ Đạo để ý thì toi cuộc đời. Thành thử không mấy ai dám vắng mặt. Và đến khi chúc thọ thì tức khắc là bộ mặt nịnh hót quyết liệt.

"Những lúc như thế này tôi được thấy Tướng Huỳnh Văn Cao, Tư Lệnh Vùng IV, tướng Trần Văn Đôn, tướng Đỗ Cao Trí, tướng NLL, tướng TTĐ, tướng TTX, Đại Tá NVY, đại tá TVĐ, đại tá Lê Quang Tung, đại tá Huỳnh Hữu Hiền, đại tá Đinh Sơn Thung, trung tá Huỳnh, trung tá Kỳ Quang Liêm, tướng Nguyễn Khánh.

"Tất cả đều bái lạy Cụ Bà chúc thọ, sau khi Tổng Thống Diệm, Đức Cha Ngô Đình Thục, ông Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và toàn gia đình... đã lạy xong Cụ Bà.

"Trong khi ấy một số Bộ Trưởng cũng nối gót ra Huế. Tôi thấy có mặt ông Nguyễn Đình Thuần, Ngô Trọng Hiếu, Nguyễn Lương, Bùi Văn Lương, Cao Xuân Vỹ, và nhiều nhân viên mật vụ từ Saigon ra."

(trích từ "Nhật Ký Đỗ Thọ", các trang 30-31)

"Những kẻ **đáng chết** là ông bà Ngô Đình Nhu, Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống kiêm Phụ Tá Quốc Phòng Nguyễn Đình Thuần, Nguyễn Lương, Trương Vĩnh Lễ (Chủ Tịch Phản Đảo Chánh năm 1960), Trương Công Cừu, Bùi Văn Lương, Ngô Trọng Hiếu. Tướng

lãnh thì có Nguyễn Khánh, Huỳnh Văn Cao, Lê Như Hùng, Nguyễn Huỳnh. Về phía Quốc Hội Hà Như Chi... Phong Trào Liên Đới Phụ Nữ thì lắm mệnh phụ **đáng chém.***"*

(trích từ "Nhật Ký Đỗ Thọ", trang 278)

■ Theo ông **LÊ CHÂU LỘC**

(Cựu Sĩ-Quan Tuỳ-Viên của Tổng-Thống Ngô Đình Diệm):

"Tôi nghĩ rằng Tổng Thống Diệm quá hiền từ, nên đã có những người lợi dụng điều đó để mưu tư lợi. Nếu có trách thì trách những "nịnh thần" lợi dụng vị thế một thời được Tổng Thống tin cẩn, đã bày đặt ra chung quanh Tổng Thống những hình thức tiếp xúc phong kiến lỗi thời, ví dụ vào gặp Tổng Thống phải xưng hô Cụ - con, khi cáo từ phải đi dật lùi ra cửa. Cũng có người đã trông thấy có kẻ qùy, lạy Tổng Thống trong dịp lễ, Tết

Đừng nghĩ rằng Tổng Thống không biết sự thật, thường bị các nhân viên chung quanh lường gạt để thủ lợi. Tổng thống đã dùng những chuyến đi thị sát để tìm hiểu sự tình, thăm dò tin tức giá cả qua bà bếp, nhân viên của nhà may Chya v.v.*"*

(Trích từ bài "Pháo thủ Lê Châu Lộc nói chuyện về Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm" phổ biến trên Net - [ChinhNghiaViet] Wednesday, June 3, 2009 8:48 PM

■ Theo ông Xuân Vũ **TRẦN ĐÌNH NGỌC**

(Giáo-sư, cựu Dân Biểu VNCH):

*"*cụ Ngô ... Người trí mà không đủ thủ đoạn để bọn tiểu nhân như đám khố xanh khố đỏ giết chết thì chưa được gọi là người trí trong khi đang nắm quyền lực.

Điều này thật quan trọng. Cụ phải hiểu VC có cả quốc tế CS giúp đỡ người và võ khí, miền Nam chỉ có Hoa Kỳ, phải cần Hoa Kỳ để cân bằng lực lượng. Người Mỹ đòi đổ quân vào, cụ không thể từ chối phắt một cách quá cứng rắn vì làm bẽ mặt người Mỹ mà phải từng bước, khéo léo, sao cho có được sự yểm trợ hết mình của Mỹ vừa giữ được quốc thể, danh dự của mình. Như thế mới là vẹn toàn. Cụ không hiểu rằng lực lượng của miền Nam còn thô sơ, yếu kém không cách chi đối chọi với cả khối CS quốc tế đổ người và vũ khí tối tân vào, nếu không có Hoa Kỳ giúp đỡ. Cụ đã để người Mỹ hiểu lầm rằng cụ cứng đầu nhưng thực ra đôi bên chưa có sự thông cảm sâu xa.

Cờ Phật giáo ... Đúng ra Cụ phải hóa giải nó ngay và lấy được lòng kính phục của Phật tử ...Vụ cờ Phật giáo **là một sai lầm chết**

người của chính phủ cụ mà anh em cụ không nhìn ra ngay để nó trở nên chứng ung thư giết hại cả một chế độ Từ dân, Vì dân và Cho dân.

Khi nghe VC, báo chí đối lập tuyên truyền để hạ uy tín cụ, cụ phải gặp riêng anh chị em trong gia đình như bà Nhu, GM Ngô đình Thục, ông Ngô đình Cẩn v.v...yêu cầu những người này giúp cụ hóa giải những tin độc hại bằng chính hành động của họ, sửa đổi nếu lỗi lầm...

Cụ Ngô còn một số nhược điểm cần phải có những Cố Vấn già dặn kinh nghiệm, khôn ngoan và trung kiên giúp cụ giải tỏa bế tắc.

Dĩ nhiên cụ Ngô đình Diệm còn nhiều khuyết điểm mà chính cụ cũng như thuộc cấp gần cận cụ phải nhắc nhủ khéo để mọi khuyết điểm được sửa sai đúng lúc, đúng chỗ. (TD: Có những quận, tỉnh trưởng đã lừa dối cụ về sự trù phú cấp thời của Ấp Chiến lược trong khi đó chỉ là giả tạo...*"*

(Trích từ bài "BỐN MƯƠI BA NĂM MIỀN NAM LẠC HƯỚNG" của Trần Đình Ngọc phổ biến trên Net - [HOATUDO] Monday, November 24, 2008 8:36 PM)

■ Theo ông **NGUYỄN VĂN LỤC**

(Nhà văn, nhà báo):

" ... Thần quyền và thế quyền là thế đối đầu, và lịch sử đã chứng minh được rằng tôn giáo nào như **Công giáo ở một số thời kỳ đang 'hưng thịnh' lại chứng tỏ rằng nó đang mục rữa, đang sa đọa**. Cái mạnh của nó bề ngoài lại là cái yếu nhất của nó. Thời kỳ ông Diệm đã loáng thoáng **những chiếc bóng áo chùng đen làm cho chế độ ấy mất đi uy tín** không phải là ít.

"Đến nỗi tôi nghĩ rằng, nếu ông Diệm đừng có mang cái nhãn hiệu công giáo thì số phận ông đã không đến nỗi như thế.

"Cái thế của ông không có, một lúc nào đó, trước sau ông cũng sẽ hành xử bất cập, cộng thêm đám bầy tôi cả công giáo lẫn Phật giáo đẩy ông ngã xuống.

"Lấy trường hợp như ông Nhu là kiểu người làm chính trị tách ra khỏi ảnh hưởng tôn giáo, khác hẳn với ông Diệm. Và đó là cái yếu của ông Diệm, cái dở của ông ấy, cái ngây thơ của ông ấy."

(trích từ bài "Twenty years and twenty days miền Nam Việt Nam")

"Cụ Đoàn Thêm nhận xét: 'Về phương diện trí thức, trình độ của ông Nhu rất cao. Học vấn cổ điển và nhân bản của ông rộng và

vững. Qua lời nói ề à, kẻ chú ý có thể bắt gặp những nhận xét sâu sắc về người và việc, một sự **khó thấy ở ông Diệm**, và ít thấy ở người chung quanh'."

(trích từ bài "2 tháng 11, 1963 – Nhớ về ông bà Ngô Đình Nhu" - Tuần báo Thời Báo, số 825 – Nov. 10-2007, trang 37)

Ý Chính: tức là ông Diệm không có nhận xét sâu sắc về người và việc.

■ Theo ông **VĂN BIA**

(Cựu chủ-bút báo "Hoa Lư" của ông Ngô Đình Diệm [1947-1948]):

" ... Nửa đường, Ngô Tổng Thống tạt vào một ngôi nhà phía bên trái kế bên đường, là nhà của thầy giáo Ngôn có người con tên Hiếu, một tu xuất dòng Chúa Cứu Thế như tôi. Hai cha con đã bị Pháp bắt đem ra cầu Xe Lửa bắn chết từ hồi đầu Kháng Chiến.

Tổng Thống vào khu vườn trước nhà, ngắm cây trái và rờ vào một trái bưởi. Bà chủ nhà hái gọt đem ra mời Tổng Thống. Một hầu cận **chận lại không cho Tổng Thống bóc ăn, mà đi hái trái bưởi khác, dùng dao găm xẻ lột vỏ tại chỗ** đưa cho Tổng Thống.

Hôm ấy Tổng Thống luôn luôn được hầu cận bao vây kín mít chung quanh chặt chẽ đến mức có thể nói là không còn chỗ trống để thọt tay vô lọt được

hình ảnh Ngô Tổng Thống đi kinh lý họ đạo Tân Qui tóm lượt phản ảnh con người và chế độ của ông. Ông có muốn trực tiếp thân thiện với dân chúng cách mấy, cũng không nhận được những gì dân muốn cho ông thấy hay hưởng. Nhóm người vây quanh ông chọn lựa những gì họ muốn cho ông thấy hay hưởng mà thôi."

(trích từ cuốn hồi-ký "Những Ngày Chung Sống với Chí Sĩ Ngô Đình Diệm")

■ Theo ông **VIỆT THƯỜNG**

(Ký-Giả):

"...Cái sáng suốt và nhiệt tình của nhà ái quốc Ngô Đình Diệm theo thời gian mà bốc hơi, chỉ còn lại cái hình hài của quan '*Tuần vũ Phan Thiết*', vừa cố chấp của người 'quá mộ đạo', vừa hợm hĩnh về giòng họ và thành tích, **chỉ tin vào quan hệ máu thịt và địa phương cũng như cùng tôn giáo**. Cái sai lầm nữa là ông Ngô Đình Diệm dựng ra đảng Cần-Lao Nhân-Vị có cái gì đó hao hao giống cơ chế tổ chức và xử dụng như của đảng cộng sản. Tổng Thống họ Ngô đã

không lợi dụng thành tích đạt được để mở rộng dân chủ, thu hút nhân tài của đất nước v.v... mà lại khép lại như mô hình cộng sản nhưng lại không đủ quỷ quyệt tàn nhẫn như cộng sản. Đáng ra phải đặt cho mình làm cái nhiệm vụ lãnh tụ của cả nước Việt Nam thì ông Diệm đã lược bớt đi chỉ giành lại cho mình những cái rất *'khiêm tốn'* là lãnh tụ của giáo dân, là một thứ ***'tù trưởng' của 'bộ lạc Ngô, Trần'***. Chính sách đối ngoại của ông Diệm có nhiều sai lầm khi làm mất tình hòa hiếu với ông hoàng Xi-Ha-Núc, khiến Hà-nội lợi dụng để dùng mảnh đất Mỏ Vẹt của Cam-Bốt cũng như cảng Kôm-Pông-Xôm của Cam-Bốt để xâm lăng miền Nam… Xung quanh ông Diệm có rất nhiều người giỏi, nhưng ông không dùng…

...anh em ông Diệm, Nhu tuy làm cuộc phế truất Bảo Đại, nghĩa là *'phản thực'* rồi lại *'phản phong'*, nhưng **từ máu thịt của gia đình họ Ngô là quan lại**, cho nên anh em ông ta rất khinh người…"

(trích từ bài" Chuyện 30 Năm VềTrước")

■ Theo ông **BÙI TÍN**

(Cựu đại-tá, Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân của CSVN):

" **...** Nhưng cũng trong thời gian chấp chính, ông Ngô Đình Diệm cũng đã phạm những sai lầm nặng nề: để cho người trong gia đình tham gia ngày càng sâu vào việc nước, từ anh ông là giám mục NĐ Thục, đến em ông là NĐ Nhu, NĐ Cẩn, và đặc biệt là cô em dâu ngổ ngáo Trần Lệ Xuân, tạo nên hình ảnh **gia đình trị độc đoán kiểu phong kiến**.

" ... từ năm 1960, chế độ Ngô Đình Diệm bước vào thời kỳ khủng hoảng.

Lẽ ra phải tỉnh táo đối phó, sửa chữa sai lầm, bổ khuyết những thiết sót, thì chính quyền Ngô Đình Diệm lại trở nên kiêu ngạo, tự phụ và chủ quan, độc đoán hơn.

" ... Một bằng chứng mà ai cũng thấy được là vào tháng 11/1960, sau khi dẹp được cuộc đảo chính của một số sỹ quan dù, đáng lẽ phải xem xét lại những khiếm khuyết trong cách quản trị xã hội và những chính sách đối nội và đối ngoại thì gia đình Ngô Đình Diệm **lại chủ quan, tự đắc hơn nữa** và thế là để đến giữa năm 1963 nổ bùng ra cuộc khủng hoảng nghiêm trọng cả đối nội và đối ngoại, dẫn đến kết liễu bi đát của chế độ Ngô Đình Diệm.

" ... Trong thời kỳ khủng hoảng nói trên, Ngô Đình Diệm vẫn một mực giữ niềm tin ở sứ mệnh thiêng liêng trong vai trò **lãnh tụ trời sai xuống để cứu dân**, ông sống trong hoang tưởng mình là một

vĩ nhân châu Á, tự cho VN dưới quyền ông đang làm mẫu mực về chiến đấu chống CS vô thần và xây dựng xã hội mới ở châu Á. Ông phạm thêm sai lầm liên tiếp: bỏ ngoài tai những khuyên can và yêu cầu từ bỏ vai trò cố vấn của NĐ Nhu, nhất là từ bỏ sự can thiệp nhố nhăng của cô em dâu Lệ Xuân, tự cô lập mình, gây thù oán với giới Phật giáo chiếm đa số dân cư, còn nể nang ông anh NĐ Thục khi ông này được đưa về làm giám mục địa phận Huế, và tổ chức quá lố lễ 'Ngân khánh 25 năm phong giám mục' của ông Thục như một quốc lễ, còn ra lệnh cấm cắm cờ Phật giáo, làm nổ ra cuộc chống đối quy mô rộng và cuộc tự thiêu của Thích Quảng Đức, làm chấn động dư luận trong, ngoài nước."

(trích từ bài "Ông Ngô Đình Diệm và Hậu Quả..." − Paris, tháng 10/2003)

■ Theo ông **TÚ GÀN**

(Ký-Giả - nhà văn Lữ Giang, cựu Thẩm-Phán Nguyễn Cần):

" **... MỌI SỰ GẦN NHƯ TIỀN ĐỊNH**

"Ông Diệm mới về chấp chánh ngày 7.7.1954, ngày 20.8.1954, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ đã họp và đưa ra **Quyết Nghị số NSC 5429/2**, ***thành lập một chính phủ bản xứ mạnh*** (a strong indigenous government) và ***Diệm phải mở rộng căn bản chính phủ, bầu cử quốc hội, soạn thảo hiến pháp và truất phế Bảo Đại một cách hợp pháp.*** (Diem must broaden the governmental base, elect an assembly, draft a constitution and legally dethrone Bao Dai).

"Cứ thế chính phủ Hoa Kỳ đã đẩy chính phủ Ngô Đình Diệm đi theo...

"Để có **một chính phủ bản xứ mạnh** (a strong indigenous government), Washington đã hướng dẫn ông Diệm thành lập một chế độ độc đảng theo kiểu Trung Hoa Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Trung Hoa Dân Quốc Dân Đảng lấy "*chủ nghĩa Tam Dân"* của Tôn Nhật Tiên làm căn bản để xây dựng đất nước, Miền Bắc lấy chủ nghĩa cộng sản làm kim chỉ đạo, còn miền Nam lấy cái chủ nghĩa gì bây giờ?

"Cuối cùng, bộ tham mưu của ông Nhu quyết định lấy *"chủ nghĩa nhân vị*" (personalism). Nhưng "chủ nghĩa nhân vị" là chủ nghĩa như thế nào?

"Lúc đó ở Pháp mới chỉ có khái niệm triết học về thuyết nhân vị, nó chưa được xây dựng thành chủ thuyết chứ đừng nói thành một chủ nghĩa khoa học như Léninsim, Stalinism hay Maoisms, làm sao

đem ra áp dụng được? Nhưng mặc kệ, cứ thành lập môt cái đảng mang tên là "**Cần Lao Nhân Vị Đảng"** để kết họp các anh em lại, còn đường lối và phương pháp hành động sẽ bàn sau...

*"*Tướng Lansdale, người cố vấn hình thành các toán chiến đấu dân sự cho miền Nam, rất thắc mắc về chuyện lập cái chế độ độc đảng này. Nhưng ông Reinhardt, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa [1955–1957], đã nhỏ nhẹ nói với Tướng Lansdale: ***"một quyết định về chính sách của Hoa Kỳ đã được định rồi*** (a U.S. policy decision had been made). Về sau, trong bản phúc trình ngày 17.1.1961, Tướng Lansdale có ghi rõ: *"Đảng Cần Lao không phải là ý kiến của nhà Ngô;* ***"trước tiên nó được đề xướng bởi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ" để loại bỏ cộng sản ra khỏi đất nước*** (the CLP was not their idea; it *"*was originally promoted by the U.S. State Department" to rid the country of communists).

*"*Đại Sứ Elbridge Durbrow, người thay thế Đại Sứ Reinhardt, cũng đã mô tả rõ: *"Tổ chức Cần Lao đã gần như theo mô thức của một đảng Cộng Sản, với các chi bộ, cán bộ, v.v., và cũng* ***có thể so sánh với Quốc Dân Đảng của Trung Hoa****."*

*"*Nhưng ông Diệm, ông Nhu và ông Cẩn không có khả năng xây dựng tại miền Nam một đảng gióng Trung Hoa Quốc Dân Đảng được. Trái lại, một số tay chân bộ hạ đã lợi dụng tổ chức này để lộng hành và tranh giành nhau quyền lợi... gây xáo trộn trong quân đội...

*"*Việc thành lập cơ quan mật vụ cho chính phủ Ngô Đình Diệm cũng do Mỹ đề xướng. Ông Trần Kim Tuyến cho biết chính ông McCarthy, Trưởng trạm CIA của Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn đã soạn thảo sẵn văn kiện tổ chức rồi đưa cho ông Nhu và ông Nhu chuyển cho Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống để làm Sắc Lệnh thành lập **"Sở Nghiên Cứu Chính Trị và Xã Hội"**... Người đầu tiên làm Giám Đốc là Đốc Phủ Sứ Vũ Tiến Huân, sau đó mới đến ông Trần Kim Tuyến...

*"***AMERICA'S MANDARIN!**

*"*Ngoài trở ngại về sự khác biệt giữa chủ trương và đường lối của chính phủ Hoa Kỳ và VNCH, ông Diệm còn gặp một khó khăn khác khá quan trọng đối với Mỹ, đó là phương pháp làm việc của ông.

*"*Lúc nhỏ ông Diệm có học chương trình Pháp (trường Pellerin, Huế) và sau đó học Trường Hậu Bổ. Nhưng ông đã một thời làm quan lại cho triều đình Huế nên chịu ảnh hưởng phương thức làm việc của giới quan lại rất nhiều. Do đó, khi làm Tổng Thống của một chế độ

cộng hòa, người ta thấy ông vẫn chưa bỏ được phong thái của một Tuần Vũ hay một Thượng Thư. Vì thế, làm việc với ông quả thật gặp nhiều khó khăn...

*"*Ông Diệm đã làm việc theo cung cách của một quan thượng thư, một nhà hành chánh hơn là một nhà lãnh đạo chính trị. Cả ông Diệm lẫn ông Nhu đều không thích ủy quyền... Trong cuốn *'Fire in the Lake',* Frances Fitzgerald, nhận xét: *'Tổng Thống... không thể tách chuyện quan trọng ra khỏi chuyện tầm thường.'...*

*"*Năm 1955, khi Tướng J. Lawton Collins được cử làm đại sứ toàn quyền của Tổng Thống Eiseinhower tại Việt Nam, đã bày tỏ ý muốn chính phủ Ngô Đình Diệm làm việc theo **"teamwork**", tức mọi người cùng làm việc với nhau như một toán hay tổ (team)... Nhưng ông Diệm không bao giờ chấp nhận lối làm việc đó.

*"*Người Mỹ, ông Ngô Đình Nhu cũng như các viên chức cao cấp trong chính phủ đã phải chịu đựng khá nhiều phiền hà khi làm việc với ông Diệm vì cái lối làm việc thiếu khoa học của ông. Đây cũng là một nguyên nhân đưa đến sự thất bại của ông.

*"***VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA**

*"*Với một vài nét đại cương chúng tôi vừa trình bày trên, độc giả cũng có thể nhận thấy rằng người Mỹ đã tốn khá nhiều công sức và tiền của để xây dựng nên chế độ Ngô Đình Diệm: Từ việc truất phế Bảo Đại, bầu cử quốc hội, soạn thảo và ban hành hiến pháp, cải cách ruộng đất... đến việc thành lập một chế độ độc đảng (Cần Lao Nhân Vị Đảng) và cơ quan mật vụ (Sở Nghiên Cứu Chính Trị)... để có một chính quyền mạnh có thể đương đầu với cộng sản, các chuyên Hoa Kỳ đã làm việc rất vất vả với chính phủ Ngô Đình Diệm...*"*

(trích từ bài "Trả lại sự thật cho lịch sử" - Saigon Nhỏ ngày 26.10.2007)

■ Theo ông **VŨ KHÁNH THÀNH**

(Ký-giả):

*"*Tôi muốn kể lại về một người cũng có liên quan đến ông Phạm Xuân Ẩn. Đó là bác Sĩ Trần Kim Tuyến (1925-1995)

*"*Ông kể chuyện Đảng Đại Việt Hà Thúc Ký chống đối mạnh, ông Hà Thúc Ký bị bắt, Tổng Thống Diệm gọi Bác Sĩ Tuyến vào báo cáo cho Tổng Thống biết. Tổng Thống Diệm gắt gỏng nói với ông Tuyến '***giết hắn đi!***' Hôm sau B Sĩ Tuyến vào gặp Tổng Thống việc khác, Tổng Thống hỏi Hà Thúc Ký thế nào rồi? Sau TT Diệm nhắc

đến thân sinh ông Hà Thúc Ký và Đảng Đại Việt cũng là Đảng chống Cộng, hãy tha cho ông Ký. Bác sĩ Tuyến kể cho tôi chuyện này nói rằng với những người khác, họ có thể thủ tiêu ông Hà Thúc Ký, nhưng tôi biết tính Cụ Diệm, tôi biết người và việc phải làm, để trình cụ sau.*"*

(trích từ bài viết "Trần Kim Tuyến và Phạm Xuân Ẩn" của Vũ Khánh Thành, gửi đến đài BBC từ London, qua email của "hatien" <vanctngvuyen@yahoo.com phổ-biến vào Fri, 21 Sep 2007 03:28:39 -0700 'PDT')

Ý Chính: Tổng-Thống của một nước Cộng-Hòa, có Hiến-Pháp, có Tư-Pháp nằm ngoài Hành-Pháp, mà đã hấp-tấp tự ý ra lệnh miệng cho Trưởng Cơ-Quan Tình-Báo thuộc quyền thủ-tiêu đối-lập chính-trị của mình ("giết hắn đi!") trong lúc ngoài miệng thì vẫn đề-cao chủ-nghĩa "Nhân Vị".

■ Theo Linh-Mục **CAO VĂN LUẬN**

(Cộng-sự-viên thân+tín của cố TT Ngô Đình Diệm, cựu Viện Trưởng Viện Đại-Học Huế):

" ... Ông Diệm đặc biệt chú ý đến việc thành lập củng cố và phát triển đại học Huế... Ông có thể sai lầm về chính trị, nhưng những nỗ lực phát triển văn hóa, điển hình là thành lập và mở mang đại học Huế, thì tôi thấy cần phải công tâm và nhận định rằng ông Diệm đã có công đáng kể...

*"*Những năm 1956-1961 là những năm cực thịnh của chế độ Ngô Đình Diệm. Lúc bấy giờ Việt cộng chỉ bắt đầu khuấy phá một vài nơi, và phần lớn chỉ là những sự phá hoại, giật mìn, đánh lén những đồn bót hẻo lánh. Tuy nhiên lúc này ông Diệm đã chú ý đến mối đe dọa của cộng sản, cho nên một mặt ông tung ra phong trào tố cộng, mặt khác bắt đầu thực hiện kế hoạch ấp chiến lược.

*"*Uy quyền ông Diệm quá lớn nhưng thuộc hạ chẳng mấy ai là người tài giỏi hay có tư cách vững chãi, cho nên mọi quyết định ông Diệm đưa ra chẳng bao giờ có ai cản trở hay can gián.

"Chung quanh chiến dịch tố cộng thời bấy giờ, tôi nhận thấy nhiều lạm dụng, lộng quyền, vu khống, oan ức.

*"*Nhưng bởi vì tôi không nắm đầy đủ mọi sự kiện, lại không có thẩm quyền gì, nên không thể đưa ra ý kiến trái ngược nào với ông Diệm hoặc ông Nhu. Tôi nghe nói lại một vài nơi ở thôn quê, cách thức tố cộng đã học đòi lối tố khổ, đấu tố của cộng sản.

*"*Các giáo sư trong Viện đại học Huế, cũng được phân phát những tài liệu học tập tố cộng, nhưng vì tôi không đặc biệt quan tâm, cho nên họ cũng hội họp bàn bạc lấy lệ, không có tính cách bắt buộc ai cả.*"*

(trích từ cuốn hồi ký "BÊN GIÒNG LỊCH SỬ 1940–1965" của Linh-Mục Cao Văn Luận)

Ý Chính: Đang viết về "Ông Diệm và văn hóa giáo dục" (Chương 37) thế mà LM Luận lại đề cập đến chuyện tố cộng học đòi tố khổ, đấu tố của cộng sản; điều đó chứng tỏ là nạn "lạm dụng, lộng quyền, vu khống, oan ức" quá lớn, khiến ông bức xúc, đã nhiều năm qua sau cuộc Cách-Mạng lật Diệm mà ông vẫn còn nôn nóng viết ra.

■ Theo ông **TRẦN TÚ UYÊN**

(Ký-Giả trên mạng):

[Thao Luan] Re: Ong Diem khong the can thiep vao quyen xu an cua toa an vi la che do dan chu: Tam Quyen Phan Lap *Subject này là của... một kẻ không biết gì*

Monday, June 30, 2008 6:19 PM

From: "Trần Tú Uyên" <ttuuyen@gmail.com>

To: ThaoLuan@yahoogroups.com

" ... Tôi không phục Tướng Lê Quang Vinh là vì ông ta không biết thức thời về hợp tác với ông Diệm để chống *"*kẻ thù chung là Cộng Sản Xâm Lăng*"*. Tôi cũng không phục ông Diệm là vì **không có đủ tài trí để thu phục** Tướng Lê Quang Vinh để phải giết chết một tướng tài cùng chí hướng chống Cộng như ông Lê Quang Vinh.*"*

■ Theo ông **LÊ TÙNG MINH**

(Nhà văn):

"Năm 1958, khi làm tỉnh trưởng Bến Tre, Phạm Ngọc Thảo đã nổi danh là *'*Tỉnh trưởng sát cộng sản*'* - bắt được *'*tên cộng sản nằm vùng' nào là giết bỏ, không chùn tay súng (?) Nhưng, sự thật thì không đúng như vậy! Phải nói: PNT là *'*Tỉnh trưởng sát những người từ trong hàng ngũ Việt Cộng về cộng tác với Chính phủ Quốc gia, tiêu diệt bọn cộng sản nằm vùng!' PNT ra lệnh giết họ với lý do thật là hợp lý rằng: *'Hắn là tên cộng sản giả đầu hàng để ngầm đánh phá nội bộ của chính quyền quốc gia. Bắn bỏ đi để trừ hậu hoạn (!)'*. Chính vì lẽ đó mà một số người trong hàng ngũ cộng sản nằm vùng ở Bến Tre muốn về với Chính phủ Quốc gia, đều phải hoảng sợ, không

dám ra 'chiêu hồi' tại tỉnh Bến Tre, khi PNT còn làm tỉnh trưởng! PNT hành động như thế, vừa được cấp trên khen là *'thẳng tay diệt trừ Cộng Sản'*, vừa bảo toàn được *'lực lượng giải phóng'* của Bến Tre!*"*

(trích từ bài "Từ PHẠM NGỌC THẢO Đến PHẠM XUÂN ẨN - Cùng Ôm Khối Hận Đời Mang Theo Xuống Tuyền Đài!" − New England-USA − Ngày 20-02-2007)

Ý Chính: Chỉ là cấp Tỉnh Trưởng mà ra lệnh giết người, ("giết bỏ"), "không chùn tay súng" (dù là quân địch ra hàng), huống chi là cấp cao nhất - Tổng Thống); điều đó chứng tỏ chính quyền Ngô Đình Diệm tàn ác và phi pháp đến độ nào.

■ Theo nhóm **LÝ TRẦN LÊ NGUYỄN**

(Ký-Giả trên mạng - Paris):

"Tướng Ba-Cụt Lê Quang Vinh bị bắt ngày **13.4. 1956**.

"Do **Thượng Lệnh của TT Diệm**, Toà án Quân Sự *mặc dù đã có Tòa Án Dân Sự (cả Sơ Thẩm lẫn Thượng Thẩm) xét xử rồi* được triệu tập tại Cần-Thơ ngày **3.07.1956.**

"Ngày **04.07.1956** Toà án Quân Sự tuyên án tử hình.

"Ngày **13.07.1956** Tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh bị hành quyết chém đầu!

"Từ lúc bị bắt cho đến lúc bị hành quyết đúng 03 tháng!

"Từ lúc bị kết án tử hình cho đến lúc bị hành quyết là 09 ngày!

"Trong một Chế độ Pháp trị thật sự, điều đó không thể xảy ra trong một thời gian ngắn ngủi như vậy!

"Dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm: Lập pháp, Tư pháp đều phải sắ'p hàng đứng sau Hành Pháp, đó là sự thật:

"Sau Hiến Pháp còn có Tôi (lời TT Ngô Đình Diệm)*"*

*(trích từ bài viết của Nho'm **LyTranLeNguyen** / Paris 2008/6/30 lytran lenguyen <lytranlenguyen75@ yahoo.fr>)*

■ Theo luật-sư **HOÀNG DUY HÙNG**

(Nhà văn, Nhà báo):

" ... Dù cho Tổng-Thống Diệm... đã đạt được nhiều thành-quả, ông cũng đã vấp phải nhiều lỗi-lầm góp phần vào sự suy-sụp của triều-đại dòng họ Ngô.

"1/ Diệm quá sức tín-cẩn các anh+em và thân-nhân của mình đến nỗi dân-chúng gán cho chính-quyền của ông là "**gia-đình-trị**". Thí-dụ, ông Ngô Đình Nhu và vợ ông này là Trần Thị Lệ Xuân, đều

là Dân-Biểu Quốc-Hội, nhưng ông Nhu không bao giờ tham-dự một buổi họp nào của Quốc-Hội! Mặc dù Nhu và vợ chỉ là cố-vấn trong chính-quyền Diệm, nhưng quyền-lực của họ đã vượt lên trên mọi người, chỉ trừ có Diệm mà thôi. Nhu và vợ gần giống như "thủ-tướng" trong chính-quyền Diệm. Nhu là một người thông-minh, song không thích-hợp trước công-chúng vì ông ấy nói-năng không lưu-loát. Cũng giống như Diệm, Nhu quá tự-tin, và nhiều người cho rằng đó là thói kiêu-ngạo. Trong lúc đó thì Bà Nhu là một phụ-nữ đầy tham-vọng, tuy nhiên, đối với nhiều người, bà ấy không có khả-năng giao-thiệp, khiến gây nên nhiều sự chống-đối nhằm vào chính-quyền Diệm... *(xem Mục "Ngô Đình Nhu")*

Ngay chính thân-phụ của Bà Nhu là ông Trần Văn Chương cũng được bổ-nhiệm làm Đại-Sứ tại thủ-đô Hoa Thịnh Đốn, và thân-mẫu Bà Nhu là bà Chương cũng là Đại-Sứ tại Liên Hiệp Quốc...

Một thí-dụ khác, là ông Ngô Đình Cẩn, người không chính-thức giữ một chức-vụ gì trong chính-quyền, nhưng lại là "lãnh-chúa" của Miền Trung Việt-Nam... Thế nhưng ông ấy cũng đã lạm-dụng quyền-hành tỉ như chiếm giữ độc-quyền trong nhiều lãnh-vực kinh-doanh, bắt giam nhiều phần-tử đối-lập chính-trị mà không hề xét xử... *(xem Mục "Ngô Đình Cẩn")*

Sau cùng, nhưng không phải chỉ chừng ấy mà thôi, Tổng-Giám-Mục Ngô Đình Thục dựa vào chính-quyền Diệm để tổ-chức các đại lễ tiệc Ky-Tô-Giáo tại thành-phố Huế, nơi mà đa-số dân-chúng là Phật-Tử hoặc thờ-cúng tổ-tiên, với hy-vọng là Tòa Thánh Vatican sẽ công-nhận các hoạt-động của mình và tấn-phong mình làm vị Hồng-Y đầu tiên của Việt-Nam. Năm 1959, Diệm ký sắc-lệnh cho phép Tổng-Giám-Mục Ngô Đình Thục khai-thác gỗ tại khu rừng Định Quán thuộc Tỉnh Long Khánh... *(xem Mục "Ngô Đình Thục")*

"2/ Diệm bổ-nhiệm bác-sĩ Trần Kim Tuyến làm Giám-Đốc Sở Nghiên-Cứu Chính-Trị và Xã-Hội. Trong thực-tế, sở này là một cơ-quan tình-báo nhằm mục-đích giúp Diệm và Đảng Cần-Lao củng-cố thế-lực trong chính-quyền. Đối với nhiều người, cơ-quan tình-báo này là một sở "khủng-bố", vì đã **lạm-quyền bắt-bớ và giam-cầm người dân mà không buộc tội gì cả**. Nhiều lãnh-tụ chính-trị đã bị cơ-quan tình-báo này bắt-bớ và bí-mật giam-cầm suốt nhiều năm trời, tỉ như Hà Thúc Ký, là Thủ-Lãnh của Đại-Việt Cách-Mạng-Đảng, Phạm Thái, là một trong các lãnh-tụ của Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Các lãnh-tụ chính-trị khác thì bị bí-mật thủ-tiêu, như trong trường-hợp ông Nguyễn Bảo Toàn. Cảnh-trạng đó càng thảm-hại hơn, khi,

vào ngày 6 thang 5 năm 1959, Tổng-Thống Diệm ban-hành một loạt các đạo Luật gọi là Luật 10/59 cho phép **bắt giam bất cứ kẻ nào bị nghi là cộng-sản mà không cần thủ-tục chính-thức buộc tội**. Các đạo luật này đã gây bất-bình cho các nhà hoạt-động nhân-quyền khắp nơi trên thế-giới. **Dựa vào các đạo luật này, một số đảng-viên Đảng Cần-Lao cũng đã trả thù các kẻ thù của mình bằng cách giản-dị cáo buộc họ là "nghi-can cộng-sản"**. Hẳn là, trong nhiều trường-hợp, cộng-sản đã đứng đằng sau giựt dây và khích-động quần-chúng, đặc-biệt là Phật-Tử, đứng lên chống-đối chính-quyền Diệm, do tính cứng-rắn của ông cũng như do các hành-động bất-lương của đám thuộc-hạ của ông.

"3/ Diệm là một tín-đồ Ky-Tô-Giáo; đáng lẽ ông nên đối xử tế-nhị hơn với giới Phật-Tử để tránh những sự hiểu lầm giữa hai tôn-giáo. Dưới thời Bảo Đại, đã có một đạo luật, là Luật số 10, xem Giáo-Hội Phật-Giáo như là một "hội" trong lúc xem Giáo-Hội Ky-Tô-Giáo như là một "tôn-giáo". Điều này thật rất bất-công, và Diệm, với tư-cách là Tổng-Thống, đáng lẽ đã hủy-bỏ đạo luật này để tránh những sự xung-đột không cần-thiết giữa hai tôn-giáo ấy...

"4/ Diệm và người nhà của ông không có một chính-sách hữu-hiệu để lôi kéo sự hợp-tác của các đảng-phái quốc-gia khác... Đảng Cần Lao vừa mới được thành-lập và nó vẫn còn quá non trẻ so với các đảng quốc-gia khác như Đại Việt và Quốc-Dân Đảng. Các đảng ấy đã có một quá-trình dài hoạt-động cách-mạng rồi, nhiều người trong họ đã hy-sinh cho chính-nghĩa và nền độc-lập của tổ-quốc. Các đảng ấy không có may-mắn cầm nắm quyền-lực trong chính-phủ, do đó, họ không thể phát-triển hoạt-động của họ dễ-dàng như Đảng Cần-Lao, và, đương-nhiên, nếu các lãnh-tụ Đảng Cần-Lao không đối-xử với họ một cách khôn-ngoan và tế-nhị, thì sự bất-mãn sẽ nổ bùng dễ-dàng... Từ đó, không có bao nhiêu đảng-viên của các đảng-phái quốc-gia khác muốn hợp-tác với chính-quyền Diệm.

"5/ **Diệm tín-nhiệm các giám-mục và linh-mục Ky-Tô-Giáo một cách sâu rộng đến độ ông luôn luôn tin dùng những người nào mà các giám-mục và linh-mục giới-thiệu**. Cộng-sản nhận thấy đó là một khe hở, cho nên họ đã phái nhiều điệp-viên xâm-nhập vào hoạt-động bên trong chính-phủ Diệm, qua đường dây này, thí dụ Vũ Ngọc Nhạ, Phạm Ngọc Thảo, v.v...

"6/ Đảng Cần Lao *(xem Mục "Đảng Cần Lao")*

"Diệm tin-tưởng vào anh+em và quyến-thuộc của mình cũng như cầm quyền một cách độc-tài và thiếu linh-động... ông không tin-

cậy bất-cứ người nào bên ngoài gia-đình của ông..."

(trích và phỏng-dịch từ tác-phẩm "A Common Quest For Vietnam's Future, a brief of Vietnam War, the First and Second Republic of Vietnam" [Cùng Tìm Tương Lai cho Việt Nam, tóm lược Chiến Tranh Việt Nam, hai nền Đệ-Nhất và Đệ-Nhị Cộng-Hòa] của Hoàng Duy Hùng)

■ Theo Tiến Sĩ **PHILIPE. CATTON**

(Giáo-Sư phụ khảo về lịch sử tại Stephen F. Austin State University [MN, USA], tác giả "Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam"):

" ... Sự nghiên cứu một cách thấu đáo của Philip Catton đã cung cấp cho chúng ta nhiều hơn hình ảnh phức tạp của ông Diệm về cả một nhà yêu nước nhiệt tình lẫn một kiến trúc sư thất bại trong việc canh tân hoá. Bằng cách đó, tác giả tỏa ra ánh sáng mới về một chế độ có nhiều tranh luận...

"Catton cho thấy rằng kế hoạch của ông Diệm cho Miền Nam Việt Nam đụng chạm với kế hoạch của Hoa Kỳ và tỏ ra không địch được với cộng sản Việt Nam."

"Đặc biệt vào những khi tình hình đất nước xấu đi, người Mỹ thúc Diệm sửa chữa cái mà họ xem là khiếm khuyết của chính thể: sự lộn xộn trong bộ máy hành chính do **Diệm không muốn san sẻ quyền hành, sự thiếu dân chủ và thiếu ủng hộ chính phủ trong dân chúng.**

"Người Mỹ lo ngại rằng quá thừa sự chuyên quyền, mà không đủ nỗ lực chinh phục thêm người ủng hộ. Nhưng họ bực tức thấy Diệm vẫn cứ làm theo ý mình.

"Diệm tin rằng chỉ có bàn tay sắt mới giải quyết được các vấn nạn của miền Nam.

"Những căng thẳng này cũng có thể kiềm chế được nếu dự án dựng xây một miền Nam vững chắc đã diễn ra suôn sẻ. Trong trường hợp đó, hai bên sẽ cảm thấy lợi ích của mối quan hệ lớn hơn sự bực mình.

"người cộng sản bắt đầu tổ chức du kích chống lại chính quyền Diệm, bằng sự thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Du kích nhanh chóng kiểm soát nhiều khu vực quan trọng ở nông thôn miền Nam.

"Lại có những dấu hiệu cho thấy **Diệm để mất ủng hộ trong những người chống cộng**, cụ thể là vụ đảo chính bất thành tháng 11.1960.

"Trong không khí căng thẳng này, Khủng hoảng Phật giáo trở thành giọt nước tràn ly. Phản ứng bản năng của Diệm là không nhượng bộ. Ông còn nghi ngờ người Mỹ tìm cách phá ông khi cứ đòi ông nhượng bộ người biểu tình. Ông cũng lo việc Henry Cabot Lodge trở thành tân đại sứ Mỹ báo hiệu chính sách kém thân thiện với chính quyền miền Nam.

"Với nhiều viên chức Mỹ, khủng hoảng Phật giáo và việc Diệm khăng khăng không chịu nhượng bộ xác nhận sự phá sản chính trị và đạo đức của chính quyền. Họ lý luận để cứu miền Nam, phải thay chính phủ Diệm. Cuộc đảo chính tháng 11.1963 diễn ra vì Diệm để mất ủng hộ của Mỹ.*"*

(trích từ bài viết "Liên Minh Bất Hòa" [dựa vào Website BBCVietnamese.com ngày 17.9.2008] của ký giả Lữ Giang phổ biến ngày 23 Oct 2008)

■ Theo giáo-sư **RONALD B. FRANKUM**

(Tiến sĩ, dạy Khoa Lịch sử, Đại học Millersville):

" ... Diệm có viễn kiến riêng về giải phóng Việt Nam khỏi ngoại bang, chống nhà nước cộng sản, dù rằng đây là hai mục tiêu mâu thuẫn vì để mục tiêu sau thành công thì phải có hỗ trợ của một ngoại cường, Mỹ.

"Ban bệ của Diệm lại không có mấy người có kinh nghiệm quản trị, nhiều người thì nuôi dưỡng sự nghi ngờ chính quyền Sài Gòn.

"Rốt cuộc, việc Diệm không thể củng cố sự ủng hộ của dân chúng.

"Tổng thống Dwight D. Eisenhower và sau đó, John F. Kennedy, tìm cách kiềm chế ảnh hưởng cộng sản tại châu Á, và xây dựng một hình mẫu cho các nước khác noi theo.

"Vị đại sứ [Durbrow] cũng không tin Diệm có thể thắng cuộc bầu cử tháng Tư 1961 không phải nhờ gian lận mà nhờ uy tín, thành tích hoặc sự yếu kém của các ứng viên khác.

"Khi Durbrow ra đi tháng Tư 1961, quan hệ đặc biệt giữa Diệm và Hoa Kỳ đã bị đầu độc; nó đặt ra những khác biệt mà không người Mỹ nào, dù là Kennedy hay Johnson, có thể hàn gắn.

"Đến khi Kennedy đã có chỗ ngồi vững chãi tại Tòa Bạch Ốc, thí nghiệm Ngô Đình Diệm có vẻ chỉ tạo ra kết quả giảm sút. Sáu năm xây dựng quốc gia đã không đem lại một nhà nước mẫu mực mà

Mỹ hy vọng có để chứng tỏ về một lựa chọn thay thế cộng sản

ở châu Á.*"*

(trích từ cuốn sách "Silent Partners: The United States and Australia in Vietnam, 1954-1968" [2001] qua BBCVietnamese.com)

■ Theo ông **HOÀNG NGỌC NGUYÊN** *(Ký-giả)*:

"Cực Điểm của Khủng Hoảng

Những người có thể biết được biến động Phật Giáo và cuộc đảo chánh quân đội lật đổ chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm... nhưng những người đã biết hay đã sống trong những ngày đó cách đây 45 năm hẳn phải đồng ý với nhau rằng cuộc "cách mạng" đó hẳn phải xảy ra, và "cách mạng" đó phải thành công.

"Biến động Phật Giáo trong năm 1963 đã chỉ ra **sự bế tắc của chế độ** của ông Ngô Đình Diệm trong việc nhận diện và giải quyết những vấn đề ngày càng nghiêm trọng của miền Nam. Những vấn đề này dĩ nhiên đã nổi lên từ lâu, ít nhất là từ năm 1960, khi nhóm **nhân sĩ Caravelle** vào tháng tư đưa ra một kiến nghị yêu cầu cải cách, và sáu tháng sau đó là cuộc đảo chánh của **lực lượng nhảy dù** của tướng Nguyễn Chánh Thi và trung tá Vương Văn Đông, nhưng được không ít giới dân sự ủng hộ. Ngày 27-2-1962, hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử **ném bom** nhắc nhở cho những người ở Dinh Độc Lập nhận thức rằng những vấn đề đã được đặt ra vẫn còn nguyên vẹn không giải quyết. Những biến cố Phật giáo xảy ra năm sau đó, bắt đầu là ở Huế, rồi lan ra ở Saigon và một số tỉnh miền trung, là những diễn tiến có tính cách tất nhiên. Có một ít hy vọng về một khả năng thỏa hiệp giữa chính quyền và lực lượng tranh đấu của Phật Giáo qua các cuộc thương lượng vào tháng năm, tháng sáu, nhưng sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói rằng "*Sau Hiến Pháp còn có tôi*", và vụ tấn công vào các chùa Phật giáo xảy ra vào tối ngày 20-8, dường như tất cả đã bị mất hết đối với chính quyền ông Diệm.

"... Trong nhiệm kỳ đầu, ông làm được công tác bình định và phần nào thu phục dân tâm, nhưng lại **không làm được nhiệm vụ đoàn kết**, là một nhiệm vụ cấp bách nhưng cũng rất khó khăn. Muốn đoàn kết, người ta phải đi ra ngoài và cúi xuống. Ông Diệm chẳng mấy khi đi ra ngoài, và ông thấy rất khó khăn khi phải cúi xuống. Chính quyền của ông là một chính quyền "thiểu số", về mặt tôn giáo, địa phương và cả chính trị trong nghĩa tập hợp các đảng phái chính trị. Sau khi bình định được những lực lượng quốc gia chống đối, ông chỉ nhìn thấy một mục tiêu duy nhất là Cộng Sản mà quên rằng **ông**

không thể một mình chống cộng được. Ông đã làm rất ít để giảm đi tính chất "thiểu số" nơi căn bản chính trị của ông, đó là tôn giáo, địa phương và đảng phái. Ngược lại, ông đi tìm sự ủng hộ mong manh từ những lực lượng được lập ra từ chế độ nhưng thiếu thực chất vì không đi vào được các thành phần trong dân chúng, như Phong trào Cách mạng Quốc gia, phong trào thanh niên thanh nữ Cộng hòa, chủ thuyết Nhân Vị và đảng Cần Lao của ông Ngô Đình Nhu. Chế độ của ông đã **dành nhiều đặc ân cho thiểu số một cách lộ liễu** qua uy thế và khả năng ban ơn mưa móc của hai ông Ngô Đình Thục và Ngô Đình Cẩn mà những người lãnh đạo cao nhất như ông Diệm, ông Nhu chẳng làm gì được, thì "cách mạng" 1-11 hẳn phải xảy ra.

"Cuộc "cách mạng" đó phải thành công, không chỉ vì chế độ của ông Diệm đã không cho thấy một lãnh đạo có khả năng đáp ứng được những thách đố của lịch sử, mà còn vì các tướng lãnh quân đội, một thời vâng dạ với hai ông Diệm và Nhu, nay phần lớn đã "thức thời", tham gia Hội đồng Quân nhân Cách mạng đứng đầu là tướng Dương Văn Minh...

"Cuộc đảo chánh ngày 1-11 là cực điểm của cuộc khủng hoảng của Đệ nhất Cộng hòa. Ủng hộ ông Diệm hay chống ông Diệm, đối với nhiều người, một chương cũ đã khép lại và một chương mới chất chứa nhiều mong đợi, hy vọng của người dân đã được mở ra..."

*(Trích từ bài viết "**45 Năm Trước Đi Vào Đường Hầm**" của ký-giả Hoàng Ngọc Nguyên, trong mục "Nhận Định Thời Cuộc" [là một chuyên-mục của báo Saigon Nhỏ, nơi mà ký-giả Tú Gàn thường-xuyên đăng bài bênh-vực cố Tổng-Thống Ngô Đình Diệm cũng như đả-kích các cấp lãnh-đạo Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất] trên báo Saigon Nhỏ số 884 ra ngày 31-10-2008)*

■ Theo ông **LÝ CHÁNH TRUNG**
(Chính-khách):

" ... Ông [Ngô Đình Diệm] đã tưởng mình có thể nhảy vào vòng tay người Mỹ trong một giai đoạn ngặt nghèo rồi thoát khỏi vòng tay đó khi tình hình sáng sủa hơn, ông đã tưởng có thể chấp nhận làm con cờ trong một ván cờ rồi ngay trong ván cờ đó, có thể tự động đi một nước cờ riêng của ông.

Khi ông nhìn thấy đó chỉ là ảo tưởng thì đã quá trễ: Ông đã chết vì ảo tưởng đó. Và cái chết bi thảm của ông cho thấy một sự thật hết sức tầm thường: **Không một con cờ nào có thể tự động đi một nước cờ cho riêng nó, dầu con cờ đó mang tên Ngô Đình Diệm**, và

không một nước nhỏ nào có thể lợi dụng một nước lớn, nhất là nước đó mang tên Hoa Kỳ.*"*

(Lý Chánh Trung, Những Ngày Buồn Nôn [Sàigòn: Đối Diện, 1971], tr. 137).

■ Theo ông **TRẦN PHONG VŨ**

(nhà văn, nhà báo):

Trong cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Văn Ngân, cựu Phụ Tá Đặc Biệt về Chính Trị của cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu:

"Trần Phong Vũ (hỏi:) Dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng như Tổng Thống Thiệu, sự lãnh đạo đều có tính cách chuyên hoạnh cá nhân. Điều này có phải vì **đầu óc độc tôn, tham quyền cố vị của lãnh tụ** như hiện tượng phổ quát trong hầu hết các quốc gia chậm tiến?*"*

(trích từ loạt bài "Phỏng Vấn Phụ Tá Đặc Biệt Nguyễn Văn Ngân" của Trần Phong Vũ − Friday, September 29, 2001)

<u>Câu hỏi về tổng-thống của Đệ-Nhị Cộng-Hoà tự nó đã nói lên một nhận-định của người phỏng-vấn về tổng-thống của Đệ-Nhất Cộng-Hoà</u>.

■ Theo ký giả **PHỤNG HỒNG**

(một cây bút chủ-lực của Văn Nghệ Tiền Phong):

"Fairfield, ngày 18.11.1993

"Kính ông Hồ Anh, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Văn Nghệ Tiền Phong

"Tôi đọc bài "Ai Giết Tổng thống Ngô Đình Diệm" của Phụng Hồng (đăng ở trang 24, 25, và 92 của VNTP số 429), thấy có một đoạn (đoạn giữa, cột 4, trang 25) mà tôi chưa hiểu rõ ý, nên nêu ra đây để nhờ ông giải đáp cho...

"Tác giả Phụng Hồng viết:

1) Linh mục Cao Văn Luận đã viết: 'Tôi còn nhớ một đoạn trong câu chuyện của ông đại sứ Đức: Tôi không theo tôn giáo nào cả, nhưng tôi tin rằng giờ đây linh hồn ông Diệm sẽ phảng phất nơi đây và sẽ gieo nhiều tai hoạ cho xứ sở mình'. Gieo nhiều tai họa cho xứ sở mình. Đúng lắm! Lời tiên tri của ông đại sứ Đức...

2) Cho đến thời điểm 30.4.75 mọi người phải bỏ nước ra đi, hoặc vào lò luộc người cải tạo mút mùa, hoặc vượt biên tìm đất sống, hoặc vùi thây trên biển Đông. Như thế là đủ chưa? Rồi đây oan hồn

anh em các ông Diệm Nhu còn gây ra những đại hoạ nào khác nữa chăng? Và sẽ kéo dài đến bao giờ?"

"Sau đây là những điểm tôi nhờ ông giải thích:

"1. Nhiều người tin rằng ma quỷ gieo tai hoạ cho con người. Linh hồn ông Diệm gieo nhiều tai hoạ cho xứ sở mình, vậy có phải là **linh hồn ông Diệm đã trở thành ma quỷ, hoặc đã nhập bọn với ma quỷ** hay không?

"2. Oan hồn anh em các ông Diệm Nhu đã gây ra những đại hoạ, rồi đây còn gây ra những đại hoạ nào khác nữa chăng? Và sẽ kéo dài đến bao giờ? Những đại hoạ ấy thì mọi người đều đã biết rồi. Nhưng, tại sao oan hồn anh em các ông Diệm Nhu không chỉ gieo tai hoạ cho một số ít trong tổng số nhiều người đã trực tiếp hoặc gián tiếp giết họ, mà lại gây ra những đại hoạ **cho toàn dân**, đặc biệt là cho toàn khối công chức, quân nhân, cán bộ, chính khách Việt Nam Cộng Hoà [là những người chỉ biết chiến đấu và hy sinh cho chính nghĩa quốc gia], trong đó gồm cả một số Ky Tô hữu và đồng chí của họ, là những người vốn trung thành với họ, mà nay cũng trở thành nạn nhân của những đại hoạ do họ gây ra?...

"Kính thư,

"LÊ XUÂN NHUẬN

"(California)*"*

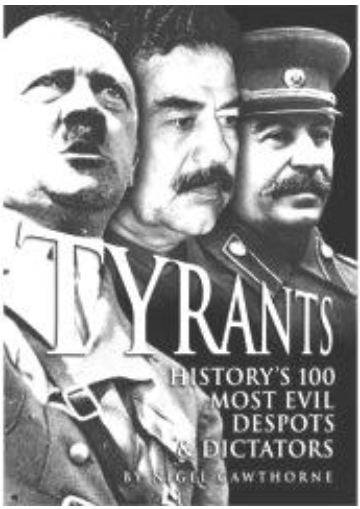
(trích từ bán-nguyệt-san "Văn Nghệ Tiền Phong" xuất bản tại Virginia, USA, số 432, từ ngày 16 đến ngày 31.1.1994, bài Lời Tiên Tri của ông Đại Sứ trang 50-51)

Theo số người hoài-Ngô này thì oan-hồn các ông Diệm & Nhu đã trở thành ma quỷ, gây đại-hoạ cho toàn dân Việt Nam.

[Source: http://lexuannhuan.tripod.com/NgoDinhDiem.html]

TÊN "*NGÔ ĐÌNH DIỆM*" TRONG DANH SÁCH 100 KẺ BẠO NGƯỢC ĐỘC ÁC VÀ ĐỘC TÀI NHẤT TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Nigel Cawthorne



Một tập sử biên niên mà đọc đến lạnh xương sống đã li**ệt kê những nhà độc tài và các tội ác chống lại nhân loại** của họ với tựa đề là ***Tyrants: History's 100 Most Evil Despots and Dictators*** (Những Bạo chúa: 100 kẻ Bạo ngược độc ác và Độc tài nhất trong Lịch sử) nhằm giới thiệu *một trăm* nhân vật lịch sử nam và nữ khát máu nhất (most bloodthirsty) đã từng sử dụng quyền lực chống lại đồng loại bất hạnh của họ.

Từ Đại đế Herod, người ngược đãi hài đồng Giêsu, đến Hitler, kẻ giết người hàng loạt và chủ mưu cuộc chiến tranh tàn phá nhất trong lịch sử nhân loại, cuốn sách nầy đã khảo sát lịch sử của những tên bạo chúa ô nhục nhất trong Lịch sử. Nội dung cuốn sách mô tả những chi tiết sống động cuộc đời của những bạo chúa nầy, họ đã leo lên nấc thang quyền lực như thế nào, và đã để lại những gì trong quá

trình tàn phá và gieo rắc đau thương của họ.

Không do dự trong sự chọn lựa của mình, cuốn *Bạo Chúa* [nhà xuất bản Arcturus, 2005] là một chân dung chặt chẽ và thôi thúc về mặt trái tối tăm của chính trị và quyền lực, và đã phát hiện ra những chuyện kỳ lạ cũng như ghê tởm đàng sau thế giới của những kẻ chuyên quyền ô nhục.

Trong cuốn sách nầy, tên "***Ngô Đình Diệm***" được xếp loại cùng với những bạo chúa như ***Stalin*** (Nga Sôviết), ***Lenin*** (Nga Sôviết), ***Hitler*** (Germany), ***Causescu*** (Rumania), ***Kim Il Sung*** (North Korea), ***Batista*** (Cuba), ***Pinochet*** (Chile), ***Khomeine*** (Iran), ***Marcos*** (Philippines), ***Hussein*** (Irak), ***Polpot*** *(Cambodia)…*

Ngo Dinh Diem – President of South Vietnam – From exile he returns as Prime minister in Bao Dais government in South Vietnam. 1955 Ousts Bao Dai in fixed election; declares himself a republic & names himself president. Ruthlessly repressed political dissenters * religious factions, and installed members of his family in important jobs. Responds to failed coup with brutal repression, killing hundreds of Buddhists on the grounds they are aiding the Communist North. [***Ngô Đình Diệm- Tổng thống Nam Việt Nam – Đang sống lưu vong, ông ta trở về làm Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại ở Nam Việt Nam. Năm 1955, ông ta lật đổ Bảo Đại trong một cuộc bầu cữ gian lận, tuyên bố thành lập nền Cọng hòa và tự phong làm Tổng thống. Đàn áp dã man những người bất đồng chính kiến chính trị và thành phần tôn giáo và bổ nhiệm thành viên gia đình vào những vai trò quan trọng. Đàn áp tàn bạo thành phần đảo chánh hụt, giết hàng trăm Phật tử trên cơ sở những tín đồ nầy giúp đở cho Cọng sản miền Bắc***]

Tác giả Tuyển tập sử nầy**,** Nigel Cawthorne, sinh năm 1951, là một nhà nghiên cứu và là một chủ bút. Ông đã viết hơn 80 cuốn sách về các thể tài khác nhau. Bài của ông đăng trên các tạp chí *The Guardian* (Anh), *Daily Telegraph Daily Mail* (Anh) và *The New York Times* (Mỹ), và đã từng xuất hiện trên chương trình truyền thanh và truyền hình *Today* của BBC.

Tyrants: History's 100 Most Evil Despots and Dictators

Nigel Cawthorne

210 pages (2005) Arcturus Publishing; ISBN: arct-00005

A spine-chilling chronicle of dictators and their crimes against humanity, *Tyrants: History's 100 Most Evil Despots and Dictators*

introduces one hundred of the most bloodthirsty men -- and women -- ever to wield power over their unfortunate fellow human beings.

From Herod the Great, persecutor of the infant Jesus, to Adolf Hitler, mass murderer and instigator of the most devastating war in human history, this book examines history's most infamous despots. It tells in vivid detail the story of the lives they led, their climb to power and the destruction and sorrow they left in their wake.

Unflinching in its coverage, *Tyrants* is a gripping and compelling portrait of the darker side of politics and power, and reveals the strange and grisly stories behind the world's most infamous autocrats.

Comments

MODERN TYRANTS VIA A COUP / OUTSIDE OF AFRICA……

Vladimir Lenin – Leader of the USSR – Returns to Russia in closed train; seizes power; signs armistice with Germany; begins civil war. Orders the execution of the tsar and his family. Wins civil war. 1921 – 1923 Famine caused by collectivization of farming – six million dead.

Josef Stalin – Leader of the USSR – Plays prominent part in October Revolution – When Lenin died, Stalin tool over, ruthlessly crushing all opposition. 1928 came the Five Year Plan to industrialize Russia, funded by the export of grain, and continued the collectivization of farming which resulted in famine, mostly in Ukraine…

Benito Mussolini – Dictator of Italy – 1918 – advocates the emergence of a dictator; hints that he might be the man. Marches on Rome; becomes Italy's youngest prime minister with dictatorial powers. 1924 Secures power with fraudulent election; murder opponents. 1935 Invades Abyssinis, gassing & bombing the populace. 1936 – Annexes Abyssinia, announcing new Roman Empire; signs Pact of Steel with Hitler; Invades Albania, joins war on Hitler's side; attacks France, Greece & Egypt.

Rafael Trujillo – Dictator of the Dominican Republic – 1927 Becomes commanding General of the Army. 1930 Ousts President Horacio Vasquez; seizes power and instigates one-party rule. Put members of his family in key political offices & murdered all those who opposed him. The Dominican Republic's one political party also

controlled the press. Members of congress handpicked by Trujillo& competing units of secret policemen reporting directly to Trujillo suppressing any political activity. 1937 – Massacred 20,000 migrant farmers.

Francisco Franco – Dictator of Spain. Youngest General in the Army, he rose to become chief. Popular Front won election – Franco exiled to the Canary Islands. From there he organized a Nationalist conspiracy that led to outbreak of Spanish Civil War. Nationalists established their own government with Franco at its head. It is estimated 50,000 were executed, murdered or assassinated. A further half a million were killed in the Spanish Civil War, with another half-a-million dead from starvation and disease. With the end of the Civil War, Franco became dictator of Spain. He outlawed all opposition parties & imprisoned & executed thousands of Loyalists.

Ngo Dinh Diem – President of South Vietnam – From exile he returns as Prime minister in Bao Dais government in South Vietnam. 1955 Ousts Bao Dai in **fixed election**; declares himself a republic & names himself president. **Ruthlessly repressed political dissenters * religious factions, and installed members of his family in important jobs**. Responds to failed coup with **brutal repression, killing hundreds of Buddhists** on the grounds they are aiding the Communist North.

Achmed Sukarno - President of Indonesia - When the Dutch were forced to concede sovereignty in 1949, Sukarno quickly established himself in the lavish palace. Won the election, but his government were notoriously corrupt. After extracting a billion dollars worth of aid from the US, he switched sides in the Cold War & took a billion dollars from the Soviet Union. In 1959 he dissolved parliament & in 1963 made himself president for life. He became fearful of a military coup and in 1965 approved a Communist backed plot to kidnap six top army generals who were tortured, mutilated and murdered. General **Suharto**, reacted by slaughtering more than 300,000 Communist suspects.

Francois Duvalier – President of Haiti - After serving as minister of health, he became president in a fixed election in 1957. Consolidating his power, employing ruthless thugs called 'Tonton Macoutes' to terrorize the populace & assassinate suspected opponents of the regime. Imprisons deputy, later murdering him. 1961 Fixes legislative elections; extends term of office. 1963 –

Begins cult of personality. 1964 – Becomes president for life.

Augusto Pinochet – President of Chile – Stages coup 1973. 14,000 people were tried and executed or expelled from the country. Under Pinochets tyrannical rule, it is estimated that 20,000 people were killed and torture widespread.

Efrain Montt - Dictator of Guatemala - Stages coup – begins genocide of Mayans. A report by UN found that at least 448 villages – mostly Indian – had been wiped off the map. According to Amnesty International, in four months more than 2,000 fully documented extra judicial killings by the Guatemalan army: People of all ages were shot, burned alive, hacked to death, disembowelled, drowned & beheaded. Uncovering the truth behind a massacre or disappearance of upwards of 200,000 people during the civil war & the genocide of the Mayan people continues.

Pol Pot – Leader of Cambodia – Overthrows US-backed government; declares Year Zero. Money & property were abolished. Books were burnt. Private houses were demolished; temples desecrated every symbol of Western technology – from cars to medical equipment destroyed. Cambodia was transformed into a slave labor camp. All professional people - including doctors & teachers – were killed. Any person who spoke French or wore glasses, which was considered the mark of an intellectual. Their children buried alive. 4years rule saw 1.7million people die as a result of disease, starvation, maltreatment, forced labor, torture & execution.

Info gleaned from **TYRANTS – History's 100 most evil Despots & Dictators by Nigel Cawthorne.**

[Source: http://www.camara.dk/_bantaba/00004081.htm]

CẢM NGHĨ VỀ SỰ CÁO CHUNG CỦA MỘT CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI

Tiểu Dân

(*Trích Bán Nguyệt san BÁCH KHOA [trang 1] số 165 Ngày 15-11-1963 – Sài Gòn*)

Một chế độ **lỗi thời phản tiến hoá, vừa bị đào thải**. Một chế độ mới, hướng về Tự do thực sự, Dân chủ chân chính đang được xây dựng.

Những ngày hăng say, phấn khởi đầu tiên trong không khí Cách mạng thắng lợi qua rồi. Âm vang cuối cùng của một chế độ sụp nhào đã tắt lặng và tình cảm nhiệt nồng của con người cũng đã lắng xuống theo nhịp sống trở lại bình thường.

Và như thế là phải. Vì lịch sử từ bao giờ đến bây giờ vẫn không hẳn làm bằng cảm tính và nếu nhiệt tình là một yếu tố có giá trị động lực của phong trào cách mạng thì lý trí, nhận thức, mới là kim chỉ nam hướng dẫn cách mạng đi lên.

Người dân Việt còn nhiều việc phải làm, có thể nói, còn tất cả công việc phải làm. Một chế độ mới bắt đầu cũng có nghĩa là chúng ta bắt đầu một công cuộc xây dựng từ khởi điểm mới.

Đối với biến cố lịch sử vừa rồi, lẽ tất nhiên người trí thức với các tầng lớp nhân dân cùng chung một phản ứng: vui mừng và hy vọng một trật tự mới, tốt đẹp hơn.

Tuy nhiên nếu đi sâu vào tâm tư của mỗi lớp người, ta có thể ghi nhận một vài sắc thái riêng tư. **Nhân dân chịu áp bức, bóc lột nhiều, căm hờn sâu sắc những kẻ cầm đầu chế độ cũ và những phần tử đồng lõa có ý thức. Chế độ độc tài đổ sụp, họ đòi những kẻ ấy thanh toán tội lỗi nợ nần.**

Người trí thức đau khổ nhất về mặt tinh thần. Họ đã **tủi buồn, cay đắng nhìn những kẻ vô tài, vô đức hoặc hữu tài vô đức, trắng trợn múa may quay cuồng trên sân khấu xã hội, những thứ ngụy giá trị được chế độ độc tài khoác vào một lớp hào quang giả trá, dối lừa**. Và bây giờ, trong vận hội mới, người ta đòi một sự minh định giá trị.

Cho nên, nếu nhân dân *đòi hỏi một sự phục hồi Công Lý* thì người trí thức lại có một nguyện vọng riêng: *họ đòi hỏi phục hồi Chân giá trị.*

Nhưng Chân giá trị nầy, chúng ta phải khách quan và thẳng thắng mà nhận rằng nó không phải là một thực thể toàn thiện. **Qua chín năm dài sống dưới một chế độ độc tài phong kiến tàn ác sâu độc nhất trong quốc sử**, mấy ai có thể nói lớn lên không hổ thẹn rằng đôi tay mình trắng, lương tâm mình nhẹ nhàng?

Không. **Chân giá trị đã bị chế độ cũ vùi lấp phũ phàng.** Nhưng không phải vì thế mà khi vùng dậy nó không tự thấy bị hoen ố ít nhiều vì bụi đất.

Để ý-thức sự thật nầy mà dựa vào đó ấn định một phương châm tranh đấu xây dựng một nền Tự do thật sự và Dân chủ chân chính, chúng ta nên suy gẫm ít nhiều về một chế độ độc tài đã ngự trị trên đất nước chín năm, và về trách nhiệm của mỗi người đối với chế độ ấy.

*

* *

Đến đây người viết nhớ đã dùng đến hai lần ngôn từ "*Tự do thật sự*" và "*Dân chủ chân chính*". Đáng lẽ chỉ cần nói: Dân chủ, Tự do. Cẩn thận như thế là vì **chế độ cũ đã có thủ đoạn biến hoá nhiệm mầu của một tay phù thủy hiểm ác: bao nhiêu giá trị thiêng liêng, tốt đẹp, bao nhiêu danh từ cao qúi, đều bị tước đoạt thực chất, nội dung chân chính, để trở thành những yếu tố dối gạt, bịp lừa**.

Tự do chỉ là tự do của những kẻ cầm đầu chế độ mặc tình thao túng, **xem sinh mạng dân như cây cỏ, xem tài sản dân và nước như của riêng**; mặt khác, Tự do còn là **tự do xu-nịnh, tâng công, đàn áp, khủng bố những người không đồng quan niệm** với giai tầng thống trị.

Dân chủ - mà báo chí Tây-phương gọi là Démocratie - chỉ là một chế độ quái dị, kết hợp tài tình sự tàn bạo dã man của Phong-kiến Trung-cổ và sự ác độc "khoa học" của Phát-xít.

Tình hình xuyên tạc các giá trị và ý niệm, danh từ, đã đưa đến một trạng nghịch phản lạ lùng trong sự việc nhận thức và đối chiếu giữa giá trị danh từ và sự thật.

Khi gia đình thống trị nói *trắng*, ta phải hiểu là *đen* và ngược lại. Khi họ nói Tổ-quốc, Quốc-gia, ta phải hiểu thêm: của kẻ cầm quyền.

Và **chế độ Nhân-vị chính là chế độ trong đó có nhân vị con người bị chà đạp đau thương hơn đâu hết.**

Tấn thảm kịch ấy đã kéo dài. Và nói chung, phải chăng người trí thức ít nhiều trong sạch, đã sống thu mình trong tình trạng "giải nhiệm tinh thần", tuy không chấp nhận nhưng cũng không phản ứng hoặc phản ứng bằng lối sống "tiết sạch, giá trong"?

Nếu sự **thiết lập một trật tự ngụy giả trị là một đặc điểm của chế độ cũ thì sự ngự trị bằng đường lối khủng bố là một đặc điểm khác của chế độ ấy**. Và đứng về chúng ta, có lẽ điều đáng suy gẫm là kiểm điểm lại xem yếu tố nào nơi chúng ta đã bị những kẻ cầm đầu chế độ cũ khai thác để trong suốt một thời gian dài một nền thống trị xây dựng trên niềm sợ hãi đè nặng trên toàn thể nhân dân.

Năm 1958 – cách đây năm năm – trong một bài nhan đề "*Những kẻ phá hoại chê độ*", đăng ở Bách Khoa số 43, ra ngày 15 tháng 10, ông **Huỳnh-Văn-Lang**, đã viết:

" *Xưa nay, ở trong gia đình ta quen sợ cha, sợ mẹ, sợ ông, sợ bà, sợ ma, sợ quỉ; sợ đây không có nghĩa là "kính" chút nào. Khi lớn lên ra ngoài đời sợ làng, sợ xã, sợ lính, sợ tráng. Khi hoạt động cái gì lại sợ Tây, sợ tà, sợ quan, sợ tướng. Chao ôi! Còn bao nhiêu thứ sợ nữa? Sợ mất lòng người – cái thứ sợ nầy nó gần có nghĩa như nịnh - sợ liên lụy đến thân phận, đến chức tước, đến gia đình.*

"*Lúc làm tôi thì mảng lo nghĩ về sợ, làm chủ thì làm cho sợ. Ở dưới thì sợ trên, ở trên thì sợ trên nữa và như thế mãi. Rồi lại ở trên thì làm sợ dưới, ở dưới thì làm sợ dưới nữa và cũng như thế mãi …*"

Tiếng nói phẫn uất ấy, cách đây năm năm, lẽ tất nhiên tắt biến trong những lời ca ngợi, những tiếng hoan hô chế độ.

Chính vì sự sợ hãi đã ngự trị ở mọi nơi, khắp chốn, cho nên ở các cấp, các ngành, cán bộ có một tác phong vô trách nhiệm triển khai đến độ lạ lùng. Quyền hành, địa vị, còn có thể có một thiểu số không thiết tha cho lắm nhưng trách nhiệm về công việc thì ai cũng lo gạt sang người bên cạnh, đẩy lên trên hay đùn xuống dưới, để người gánh chịu không phải là mình. Người ta trở thành quá dè dặt quá khôn ngoan, luôn luôn ngờ vực, né tránh những gì có thể gây phiền phức cho mình, có thể làm thương tổn mình về quyền hành, địa vị hay an ninh bản thân.

Tình trạng vô trách nhiệm phổ biến nầy đưa đến sự khoán trắng quyền hành cho những kẻ cầm đầu chế độ cũ. Một mặt chế độ độc tài bị suy yếu đi về sinh lực, mặt khác nó lại độc tài hơn trong

tính chất.

Tuy nhiên, tiếng nói phẫn uất trên đây cũng có thể vọng vào tâm tư những người tự hiểu mình và âm thầm chua xót vì sự hiểu nầy.

Người trí thức hiểu nhưng không làm gì, hiểu mà đành thoái từ trách nhiệm. **Không khí e dè, ngờ vực** cắt đứt nguồn thông cảm. Người ta chỉ yên tâm khi đối diện với mình. Nhưng sự yên tâm ấy cũng rất là tương đối bởi vì cái Ta thật, thiết tha với Chân Thiện Mỹ bỗng chập chờn như cánh bướm vô tâm và người ta chỉ gặp một cái Ta giả định, dồi dào lý thuyết biện minh và ngôn từ phủ dụ.

Nhân dân đau khổ nhìn lên, tìm người trí thức. Nhưng người trí thức còn phải đi tìm mình. Giữa bên nầy và bên kia có sự xa cách của hai bờ đại dương; giữa người trí thức và chính mình có sự dối lừa của một huyễn tượng. Chưa bao giờ có những nỗi niềm cô đơn như thế!

*

* *

Có thể nói những người cầm đầu chế độ cũ là những phần tử có ý thức trách nhiệm vô cùng sâu xa: đối với chính họ và gia đình thống trị.

Trong bài toán đối tượng phục vụ, họ đã **dứt khoát loại trừ các dữ kiện xứ sở và nhân dân**. Họ có trọng tội nhưng họ đã chọn một con đường, và cứ tiến bước trên con đường ấy.

Điều đáng quan tâm là chúng ta, với quyền lợi và nguyện vọng khác biệt về căn bản, cũng đã bước theo con dường ấy.

Người ta nghe quen thuộc đến chán chường điệp khúc hùng hồn "Gia-đình, Cơm-áo" và điệp khúc khiêm tốn "mình làm gì được trong cái tệ chung?"

Thành thử có hai cảnh tượng lạ lùng: một bên là chế độ bơ vơ, một bên canh bạc sinh tồn đầy gian lận: ai cũng chăm chú giành phần được cho mình, nhưng cho kẻ khác phần thua thiệt.

Nhà độc tài không mong muốn gì hơn là được tự do uốn nắn chế độ nhằm phục vụ quyền lợi của mình. Với tác phong vô trách nhiệm đối với chế độ, ta đã trao toàn quyền cho họ. Thay vì cũng cố, khi còn có thể, và trên tinh thần trách nhiệm đối với xứ sở, nhân dân, nghĩa là chống lại ý hướng độc tài sơ khởi, ta đã vô tình **làm suy yếu thêm một chế độ vốn đã bệnh hoạn**. Bây giờ đây, khi ngọn gió Cách mạng đã quét sạch nhà độc tài và chế độ độc tài, chúng ta bỗng thấy xao xuyến trong lòng một nỗi niềm phức tạp: nửa vui hưởng

nhờ thành qủa Cách mạng, nửa buồn tự thấy cũng bị thua thiệt, về một mặt nào.

Chế độ độc tài đã tạo nên một sự trạng oái oăm nữa: không chỉ lãnh tụ mà từ trên xuống dưới , từ trong ra ngoài, người ta đều có tác phong độc tài. Tác phong này phát triển theo tỷ lệ nghịch. Càng xa Trung ương, càng ở cấp nhỏ, người ta càng thấy có những mặc cảm dị kỳ: sợ quyền uy của mình bị ngờ vực hay không được chấp nhận đúng mức, sợ mình trở thành một bánh xe không ăn khớp, lạc lõng, phiêu lưu.

Trong guồng máy vận chuyển một cách nghiệt ngã nầy, người trí thức đã phản ứng như thế nào? Có lẽ phải nhận rằng người trí thức chống độc tài ngay từ trong bản chất của mình. Nhưng sự nhiễm độc không dành ngoại lệ. Nó vẫn diễn ra, tuy phức tạp, tinh vi hơn. Nếu có thể làm cái việc cắt xén trí thức ra làm nhiều phần thì người ta thấy rằng một phần bị nỗi niềm cô đơn da diết làm mòn góc cạnh, một phần tê liệt vì sự suy luận độc lập đã bị huyễn tượng của một niềm tin thần thánh hoá dối gạt loại trừ và phần cuối cùng – có nên nói chăng? – chìm sâu trong ý thức tự tồn.

Thỉnh hoặc, có những phút giây đau xót quá người ta vùng dậy, chửi đổng vào thực tại. Nhưng chế độ độc tài vốn không chấp nhận tiếng xôn xao phản kháng, vốn bắt buộc phải có sự lặng im chịu đựng hay đầu hàng. Bởi vậy trong vắng lặng hãi hùng, dư âm của lời nguyền rủa hay tiếng chửi lại chỉ vọng vào tai mình, đầy mỉa mai.

*

Nghĩ đến những người cầm đầu chế độ cũ, chúng tôi liên tưởng đến nhà độc tài Kassem đã ngự trị ở quốc gia Irak một thời. Và đó không phải là đối tượng duy nhất để so sánh.

Chúng ta có thể nhận thấy ở các nhà độc tài nhiều điểm tương đồng: **cảnh cô đơn, sự khinh rẻ của quần chúng, nhân dân, bệnh chủ quan hết sức trầm trọng và ngày chung cuộc bi thảm.**

Người ta bảo rằng nhóm độc tài quá cố đã xây những cái hầm đặc biệt mà nóc trần dầy hai thước, tường vách dày một thước bốn mươi. Một sự kiện nhiều ý nghĩa vì nói lên được sự cô đơn càng ngày càng sâu xa của bọn độc tài.

Họ ngờ vực tất cả và chỉ tin ở chính họ.

Và họ sống càng ngày càng thu mình lại trong những công trình phòng ngự vật chất; họ chỉ lo bom đạn, không biết sợ dư luận búa rìu, chỉ bám vào một cái ghế, một dinh lũy, không biết sợ mất chân đứng trong lòng người và trong thực tế khách quan.

Cho đến một lúc nào họ bỗng trông thấy sự thật thì đây cũng là lúc họ chợt nhận ra rằng không có công sự, sào huyệt nào kiên cố tuyệt đối cả và thực tại đã xuất hiện trước mắt họ dưới hình thức lưỡi dao hay họng súng Cách mạng.

Ngày tàn của kẻ độc tài phần nhiều bi thảm là vậy, dù họ ở Đại-Hàn, I-Rắc, Việt-Nam hay bất cứ nơi nào.

*

Gẫm cho cùng không phải một con người cầm quyền nào hễ muốn độc tài là bỗng dưng có thể trở nên kẻ độc tài dễ dàng.

Về chế đô độc tài Staline, Djilas đã viết: "…*Ở đây trong một phạm vi rộng hơn, chính thức hơn, sự thần thánh hoá con người Staline lộ liễu hơn và trực tiếp hơn. Bây giờ, tôi có thể nói rằng sự thần thánh hoá ít ra cũng là do những kẻ tả hữu của Staline và bộ máy thư lại của Nga-Xô vốn cần một lãnh tụ như thế, đã góp sức xây dựng nên. Trở nên một vị thánh thần, Staline đầy quyền uy đến nỗi dần dần ông ta không còn lưu ý đến những đổi thay trong các nhu cầu và nguyện vọng của những người đã ca ngợi ông. Khi con người nhỏ thấp, dị dợm ấy đi ngang qua các cung điện huy hoàng, tráng lệ, người ta lui ra hai bên, người ta nhìn theo với những đôi mắt kính phục và hớn hở và những kẻ cận thần thì lắng tai chờ đón những lời lẽ nhỏ nhặt của ông …*"

Chúng tôi thấy rằng, do bản chất của họ, những người cầm đầu chế độ cũ đã tự "phong thần" cho họ rồi. Nhưng chúng ta – hay một phần đáng kể trong chúng ta – đã thần thánh hoá họ. Chính vì những người chung quanh đã thần thánh hoá kẻ độc tài đến độ mà cuối cùng y cũng tưởng y là linh thiêng thật.

Hàng rào quần thần xu nịnh suy tôn y mỗi ngày mỗi cao hơn, trong khi người dân mỗi ngày mỗi cúi đầu, khom lưng xuống; mãi đến lúc người dân muốn ngóc đầu lên, đứng thẳng dậy thì đã không được nữa rồi.

*

Vấn đề của chúng ta không phải là triền miên ngắm nhìn những xác chết - của chế độ và con người độc tài – mà là rút kinh nghiệm lịch sử để suy gẫm và hành động trong những ngày mới.

Có lẽ ta nên để mặc thần Phục Hận đeo đuổi vong hồn nhà độc tài quá cố, lặp lại câu hỏi của lão Cain: "*Mầy đã làm gì anh em của mầy?*"

Mà ta nên nghiền ngẫm chân lý nầy để đấu tranh xây dựng một chế độ chân chính Dân chủ và thực sự Tự do: "Một dân tộc thế nào thì có một chính quyền thế ấy."

Nói khác đi, nếu chúng ta không muốn độc tài, không đớn hèn thụ động thoả hiệp, đầu hàng, thì không bao giờ có được chế độ độc tài. Nếu có chế độ độc tài – **như đã xảy ra trong chín năm đau buồn** – thì chính chúng ta bất cứ ai cũng đều có một phần trách nhiệm không nhỏ.

TIỂU DÂN

(*Trích Bán Nguyệt san BÁCH KHOA [trang 1] số 165 Ngày 15-11-1963 – Sài Gòn*)

THÁNG 11, CHỢT NHỚ VÀI BÀI THƠ VỀ CHẾ ĐỘ DIỆM

Phùng Quân

Ngô Đình Diệm đã chết gần nữa thế kỷ nhưng tương lai của *con chiên* Ngô Đình Diệm, dưới bàn tay phù thủy của Vatican, thì vẫn còn nhiều hứa hẹn. Thật vậy, ý đồ của Vatican là:

Về mặt *đạo*, Diệm sẽ được nhào nặn vẽ vời để bôm lên thành một **thánh tử đạo** Công giáo Việt Nam như các "thánh" phản quốc đã từng được Giáo hoàng Gioan Phaolồ II hối hả và ồ ạt, thâu ngắn mọi thủ tục, bất chấp sự thực lịch sử, bôm lên 117 con chiên Tây Ta chỉ trong một năm 1988. Hành động gấp rút nầy là để cứu nguy và hà hơi tiếp sức cho cái giáo hội Việt Nam, lúc đó, đang bị tơi tả trong nước và tan tác ngoài nước. Còn trường hợp "thánh tử đạo" Diệm tương lai, là để tô son trét phấn cho cái tội gần 400 năm theo Tây phản quốc của lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Về mặt *đời*, Diệm sẽ được rửa mặt và đánh bóng để làm một **biểu tượng chính trị** hầu xây dựng lực lượng Công giáo và tập hợp các lực lượng chính trị vệ tinh (loại "đối kháng" trong nước hay "liên tôn chống Cọng" ngoài nước) để bây giờ thì tìm cách thanh toán thế lực đương quyền tại Hà Nội, và tương lai thì lại thiết lập một chế độ "*Diệm không Diệm*" để Công giáo hóa nhân dân Việt Nam.

"Tương lai" hai vế *đạo* - *đời* đó phù hợp hoàn toàn với sách lược bành trướng đạo Công giáo tại Á châu đã được huấn thị trong Tông huấn "Giáo hội tại Á châu" (*Ecclesia in Asia* – John Paul 2, New Delhi, 1999). Đồng thời, hình ảnh tương lai đó cũng sẽ nuôi dưỡng và khích động được đám con chiên Việt Nam ở hải ngoại đang chao đảo trước tình trạng mục rã và thoái trào của Giáo hội Công giáo trên toàn thế giới mà cao điểm là đại biến cố hơn **5000** Linh mục sách nhiễu tình dục gần **10.000** nạn nhân ấu dâm trên **26** quốc gia kéo dài trên **nửa thế kỷ**![51]

[51] http://en.wikipedia.org/wiki/Roman_ Catholic_sex_abuse_cases_b y_country

Đó là ý đồ tôn giáo và thế cờ chính trị của Vatican mà ai tinh mắt một chút thì đều biết.

Vì thế nên từ gần 10 năm nay, tại hải ngoại, ta thấy một phong trào "tâm lý chiến" mà các Linh mục thì xảo ngôn về văn hóa (như "ông Trời" trong tín ngưỡng và phong tục Việt Nam vốn là hình ảnh … Chúa Trời trong Cựu Ước!; hay Nguyễn Du được gợi hứng từ Kinh Thánh để sáng tác Truyện Kiều, …); còn các con chiên loại Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Văn Lục, Tú Gàn Nguyễn Cần, Cao Thế Dung, Tôn Thất Thiện, và đám lau nhau mới nổi như Chu Tất Tiến, Minh Võ, Nguyễn Lý Tưởng, …thì pha chế tài liệu, ngụy trang nhân chứng để xuyên tạc và viết lại lịch sử thời đệ nhất Cọng hòa. Phong trào nầy, dĩ nhiên, chỉ huy động được các con chiên múa may ngòi viết mà thôi, còn **những thành phần khác của dân tộc thì tuyệt đại đa số chẳng ai thèm tham dự** vào cái màn phịa sử bất lương nầy cả.

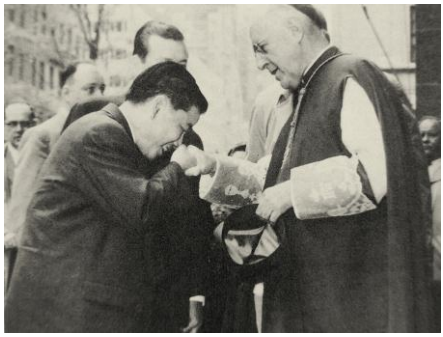
Hai luận điệu của đám "sử gia" hoài Ngô nầy thường dùng là:

1- Phong trào Phật giáo chống Diệm là do Cọng sản lãnh đạo, còn tướng lãnh lật đổ Diệm là tay sai của CIA, cả hai phối hợp với nhau để giết ông Diệm vì ông Diệm bảo vệ quyền tự quyết chống lại Mỹ. Đây là một luận điệu vừa phi lịch sử vừa … ngu! Ông Diệm đã được Mỹ "bồng" về, kinh viện quân viện đổ vào miền Nam như thác cho Diệm làm con cờ xây dựng tiền đồn chống Cọng (Đầu năm 1963, đã công khai có 16,000 Cố vấn Mỹ tại miền Nam Việt Nam). Đến lúc vì độc tài thối nát nên bất lực **không đóng nỗi vai trò con cờ nữa, lại phản chủ bắt tay với kẻ thù** Cọng sản nên bị chủ dẹp đi, thì đó là **thân phận đương nhiên** của kẻ, từ đầu, đã chịu nhận làm con cờ cho ngoại bang. "Tự quyết" chổ nào, càng nói càng thêm nhục!

Thật ra thì Mỹ không dẹp cũng không được vì nhân dân miền Nam chống Cọng, trong đó có Phật giáo, muốn như thế. Đó là tất cả cái *dynamique* của chính trị miền Nam trong 4 năm 1960, 1961, 1962 và 1963. Không có lòng công phẫn cuồn cuộn của toàn quân toàn dân miền Nam, thì chẳng CIA nào, chẳng Cọng sản nào, chẳng Phật giáo nào *một mình* lật đổ được triều đình Diệm-Nhu-Cẩn với 1 đảng Cần Lao sắt đá, 5 cơ quan công an mật vụ tàn bạo, 4 đoàn thể quần chúng, và 1 Giáo hội Công giáo thiên la địa võng cả. Chỉ trong 8 năm cầm quyền (1955-1963) mà đã 7 lần bị phe cùng chiến tuyến chống đối [52]

[52] 7 lần: (i) Vụ mưu sát ông Diệm của tín đồ Cao Đài Hà Minh Trí tại Ban Mê Thuột, (ii) Vụ nổi loạn có võ trang của Quốc Dân đảng tại chiến khu Ba Lòng, (iii) Vụ 18 nhân sĩ và cựu cọng tác viên ra

, nghĩa là hầu như năm nào cũng có chống đối, thì đủ biết dù có Mỹ và Vatican sau lưng, Diệm đã chết trong lòng quân dân miền Nam từ lâu rồi. Nói như nhà văn Doãn Quốc Sỹ: *Mỹ chỉ đến để lượm cái xác của Diệm* [53] mà thôi.

... dù có Mỹ và Vatican sau lưng,
Diệm đã chết trong lòng quân dân miền Nam từ lâu rồi

2- Vì lật đổ ông Diệm cho nên …..mất nước vào tay Cọng sản! Làm như ông Diệm bị đổ năm 1963 thì đến năm 1965 đã phải "*tháng tư gãy súng*" rồi. Tương quan *nhân-quả* dĩ nhiên là có nhưng sự kiện lật đổ Diệm, **sau 12 năm** dài và phức tạp (1963 đến 1975), không phải là cái "*nhân*" chính yếu và duy nhất dẫn đến sự sụp đổ của miền Nam vào năm 1975. Ta biết rằng đệ nhị Cọng hòa kéo dài được những 12 năm thăng trầm, vậy thì "mất nước" chủ yếu là tại vì những yếu tố gì khác trong 12 năm dài đó chứ không thể giản lược **quy về chỉ *một* nguyên nhân "lật đổ ông Diệm" từ hơn một thập kỷ trước** như nhóm hoài Ngô gian xảo ngụy biện. Ngược lại là khác, nếu ông Diệm còn tại vị thì miền Nam đã tiêu tùng ngay sau khi Ngô Đình Nhu lén lút quân dân miền Nam (và đạp lên Hiến Pháp nhân vị chống Cọng 1956) để đi đêm với "đồng chí" Phạm Hùng từ năm

---

tuyên ngôn tại khách sạn Caravelle tố cáo và đòi cải cách chế độ, (iv) Vụ binh chủng Nhảy Dù và đảng phái chính trị làm binh biến, (v) Vụ hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử ném bom dinh Độc Lập, (vi) Vụ Phật giáo đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội, và cuối cùng (vii) Cách mạng của quân đội vào tháng 11 năm 1963.

[53] Doãn Quốc Sỹ , *Người Việt đáng yêu*, Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965

1963 rồi!

Nhưng khổ một nỗi là hai điều ngụy biện đó vẫn có người nghe vì ở hải ngoại không phải ai cũng chịu khó nghiên cứu, biết cách tìm tòi và xử lý tài liệu, và nhất là chịu suy nghĩ. Đã thế, **tuyệt đại đa số các cơ sở truyền thông đều do Công giáo không chế**, tạo thành một bệ phóng để tung hỏa mù lịch sử đầu độc người đọc. Ngoài ra, những cái gọi là "nghiên cứu lịch sử" nầy bao giờ cũng được bảo chứng bằng những con dấu "chống Cọng" to tổ bố và vài cái nón cối phất phơ trên đầu để uy hiếp những ai "dám" phản biện lại họ.

Tuy nhiên, nỗ lực **bất lương chính trị và mạo hóa lịch sử đó của các con chiên Vatican** dù có thuyết phục được một số người nào đó trong một khoảng thời gian nào đó, thì cũng không thay đổi được lịch sử, và nhất là không thay đổi được **bản án mà dân tộc đã dành cho chế độ Diệm**. Nhân chứng lịch sử và vong linh những nạn nhân của chế độ Diệm, cả Quốc gia lẫn Cọng sản, còn nằm trên bàn thờ hương khói hầu như khắp miền Nam (cũ). Số lượng tài liệu cả bằng Việt ngữ và ngoại ngữ, trong cũng như ngoài nước, còn tràn đầy ra đấy…

Đặc biệt, có một mảng tài liệu mà người viết cho rằng có giá trị trung thực và lâu bền nhất, đó là **thơ văn và phong dao truyền tụng trong dân chúng vào thời gian đó**. Những tài liệu nầy thì *trung thực* vì mô tả sự kiện có thực ngay thời điểm vừa xảy ra, và *lâu bền* vì được nhân dân chấp nhận có đãi lọc, rồi học thuộc lòng mà truyền khẩu vượt thời gian từ thế hệ nầy sang thế hệ khác.

Người viết bài viết nầy đã gần 70 tuổi, hiện ở Mỹ, chỉ căn cứ trên trí nhớ của mình và vài người bạn cùng trang lứa, cọng thêm cái tủ sách Việt ngữ của người con rễ, mà hôm nay cũng có thể ghi lại được một số bài thơ và câu vè "không bao giờ quên" về chế độ Diệm, để gửi đến Vatican với lời khuyên đừng "xía" vô chuyện của dân tộc Việt Nam nữa. Gần 400 năm đào tạo con chiên Việt Nam **cúi đầu làm đạo quân thứ Năm cho giặc ngoại xâm** chưa đủ sao?

* * *

Văn hóa nào đã tạo nên con người chính trị Ngô Đình Diệm.

Con người ông Diệm là tổng hợp của ba chiều kích văn hóa: Văn hóa **phong kiến** Tống nho, văn hóa **Công giáo** thời Trung cổ, và văn hóa **Tây thuộc địa**, trong đó ứng xử chính trị của "ông quan" Ngô Đình Diệm là phần thể hiện rõ nét nhất ba thuộc tính nầy. Vì vậy mà khi nói đến chế độ Ngô Đình Diệm thì người Việt Nam gọi ngay bằng hai chử "*Ngô Triều*".

Ông Diệm lớn lên và được đào tạo bởi những quan lại già nua lạc hậu không theo kịp với dân trí mỗi ngày một tiến bộ, và đa số những vị quan này là những nịnh thần tham nhũng, làm tay sai cho Pháp. Bài thơ của Cụ Nghè Ngô Đức Kế dưới đây đủ nói lên cái tư cách "cu li" của lớp quan lại áo mão xênh xang nầy:

Cu li đành phận chớ ra oai,
Chuyên chế ăn quen thói cũ hoài.
Quân chủ cờ bay vui trước mắt,
Dân quyền trống đánh chán bên tai.
***Bài, Liêm** giảo hiểm khoe tài trí*
***Huề, Thụ** thông minh gọi bất tài.*
Cấm hết công môn tiền hối lộ,
Ngoài ra Tiềm Để mặc lòng ai.[54]

"Bài, Liêm, Huề, Thụ" là tên bốn vị Thượng thư mà *Bài* là ông Nguyễn Hữu Bài, **người đỡ đầu cho ông Diệm**; và *Huề* là ông Thân Trọng Huề, **ông ngoại của bà Ngô Đình Nhu.**

Trong cái môi trường "*giảo hiểm*", "*bất tài*", "*công môn tiền hối lộ*" đó mà anh em giòng họ Ngô Đình lại thăng quan tiến chức vượt bực (Trong chế độ phẩm trật phong kiến phức tạp và nặng nề đó mà ông Diệm mới 33 tuổi đã làm Thượng thư đầu triều, tương đương với Thủ tướng) thì hẳn phải nhờ một lý do đặc biệt nào đó. Lý do đặc biệt đó đã được giới quan trường đương thời thú vị làm thơ chế giễu "vây cánh Ngô Đình" như sau:

LÀM QUAN NAM TRIỀU
Lênh đênh chiếc bách buổi ba đào,
Chèo lái xem chừng khó biết bao.
Tôi tớ mấy người dâng lễ hậu,
Quan thầy mấy kẻ nặng hầu bao.
Chật trong bể hoạn thêm mình nữa,
Theo hết rừng "Hàn" biết kiếp nao.
*Vây cánh **Ngô Đình** ghê gớm thật,*
***Mềm lưng dẻo gối** chóng lên cao.* [55]

---

[54] Hoàng Trọng Thược, *Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế*, Sài Gòn 1973, tr. 317.

[55] Hoàng Trọng Thược, *Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế*, Sài Gòn 1973, tr. 273.

"Vây cánh Ngô Đình" chủ yếu gồm những ai? Gồm Ngô Đình Khả, Nguyễn Hữu Bài, Thân Trọng Huề … mà con đường hoạn lộ là những bước làm tay sai đắc lực cho hai thế lực là Bộ máy Thực dân đô hộ Pháp và Hội Truyền giáo Hải ngoại Paris (MEP: *Société des Missions Etrangères de Paris*).

Bản chất chế độ Diệm

Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, đường Công Lý thì đi một chiều, đường Tự Do thì cấm xe xích lô, xe đạp, còn cổng chính của Tòa án thì bị đóng kín, thường dân phải đi cổng bên, nên thời đó có câu truyền tụng lúc đầu còn ở Sài Gòn nhưng sau lan ra khắp nước, rằng:

*Công Lý **một chiều***
*Tự Do **hạn chế***
*Tòa án **đi cổng hậu***

để mô tả nền độc tài và xã hội bất công của chế độ lúc đó[56], một chế độ tuy gọi là "Cọng hòa" với tam quyền phân lập, nhưng thực tế là do một gia đình phong kiến và cuồng tín thao túng mọi định chế và sinh hoạt của quốc gia. Vì thế mà từ đầu năm 1961, dân chúng miền Trung đã âm thầm viết thành bản án lịch sử để lại cho hậu thế đời đời qua hai câu ca dao truyền miệng về bốn nhân vật trụ cột của gia đình đó:

Nhà Ngô có bốn gian hùng
***Diệm** ngu, **Nhu** ác, **Cẩn** khùng, **Thục** điên*

Bản chất của chế độ và chân tướng của cấp lãnh đạo lại càng hiện rõ hơn vào tháng 2 năm 1962 trong và sau khi dinh Độc Lập của anh em Ngô Đình Diệm bị 2 phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử oanh tạc. Ông Nguyễn Đôn Dư, bút hiệu Quỳ Ưu, ở Thừa Thiên đã ví sự kiện nầy như tình trạng "cháy nhà ra mặt chuột" và đã bí mật phổ biến bài thơ sau đây trong vòng bạn bè:

CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT
Đục khoét xưa rày núp ở đâu?
Cháy nhà thấy chuột chạy lao nhao
Dương oai bà Hỏa vừa lên mái

---

[56] Tôn Nữ K.C., *Bây Giờ Tháng Mấy*, bán nguyệt san Việt Nam Hải Ngoại (số 23 ngày 1-5 1978), tr. 43.

Khiếp vía ông Thiên vội ló đầu
Rường cột rã rời phơi mặt địa
Cống chù quay quắt chống hàm râu
Tai bay vạ gió đà ra rứa
Chĩnh nếp dòm vô đã sạch làu.[57]

Rồi đến mùa Hè năm 1963, sau 9 năm kềm kẹp nhân dân miền Nam và đẩy đại bộ phận quần chúng vào vòng tay "Mặt trận Giải phóng", đồng thời làm tiêu hao sinh lực quốc gia, gia đình Ngô Đình phóng tay đàn áp Phật giáo và định dứt điểm tôn giáo nầy, ít nhất là trên nước Việt Nam, với kế hoạch *Nước Lũ* đêm 20 tháng 8. Ngày 22 tháng 8, với tư cách là Ngoại trưởng của chính phủ Diệm, ông Vũ Văn Mẫu cạo trọc đầu và sau đó từ chức Ngoại trưởng để phản đối nhà Ngô.

"Cảm phục khí phách và phong độ kẻ sĩ Vũ Văn Mẫu, ông Hoàng Đại Sâm (tức thi sĩ Hoàng Hoa Trang), một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại Giao, bèn nhờ bạn là ông Võ Khắc Văn viết cho mấy chữ Hán để khắc vào bức hoành phi tặng cho vị chỉ huy khả kính của mình. Ông Văn bèn viết bốn chữ: "*Ngoại Vật Hoàn Giao*", vừa có chữ của nhà Phật, vừa có chữ "ngoại giao", vừa nói lên được ý nghĩa thâm thúy của một hành động đầy triết lý sâu sắc.

Sau khi viết cho bạn bốn chữ để tặng vị Bộ trưởng vì chính nghĩa mà "cạo đầu từ quan", Võ Khắc Văn cảm xúc trước một biến cố vừa đau thương vừa chua chát bèn làm một bài thơ, ghi lại một sự kiện lịch sử có tính cách "Giai thoại Làng Nho" hầu lên án Ngô triều để làm gương cho hậu thế. Bài thơ này may mắn được một bạn thân của ông Võ Khắc Văn hiện ở Hải ngoại còn nhớ, viết lại rồi gởi cho tôi để hiện diện trọng tập hồi ký này:

TRANH THỜI SỰ 1963
Chín năm bốn bận tráo quân bài,
Lừa lọc toàn tay dễ khiến sai,
*Hót Cụ: **Thuần Lương** mồm bép xép,*
*Ôm Bà: **Hiếu Nghĩa** miệng lai rai,*
***Vỹ** đem hiến Cố màu xanh trẻ,*

[57] Hoàng Trọng Thược, *Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế*, tr. 272.

***Khương** ước dâng Cha áo đỏ dài,*
*Riêng **Mẫu** cạo đầu, **Tâm** bị bắt,*
Hỏi hàng khanh tướng đến phiên ai?

Bài thơ nhằm mô tả và đánh giá bản chất của chế độ qua những nhân sự tay sai mà trong chín năm cầm quyền, nào là cụ Diệm, nào là bà Nhu, nào là Cố vấn Nhu, nào là cha Thục, dù có muốn tráo trở quân bài thì cũng chỉ dùng toàn những tay "dễ khiến sai" như các Bộ trưởng Nguyễn Đình *Thuần*, Bùi Văn *Lương*, Ngô Trọng *Hiếu*, Huỳnh Hữu *Nghĩa*. Cũng bị liệt vào "hạng lừa lọc" là Cao Xuân *Vỹ*, Tổng Giám đốc Thanh niên Cộng hòa áo xanh, và Nguyễn Xuân *Khương*, Đại biểu Chính phủ Trung Việt đã quyết liệt đàn áp Phật giáo để Cha Thục được mặc áo Hồng Y màu đỏ. Trong hàng khanh tướng sạch dơ lẫn lộn đó chỉ còn ôngVũ Văn *Mẫu* là khí tiết từ chức và Bác sĩ Phạm Biểu *Tâm*, Khoa trưởng Đại học Y khoa Sài Gòn, công phẫn chống đối nên bị Mật vụ nhà Ngô bắt." [58]

Tội ác của chế độ công an trị Ngô Đình Diệm

Nói đến chế độ Ngô Đình Diệm là nói đến chế độ *gia đình trị*, chế độ *Công giáo trị*. Và dĩ nhiên, *Công an trị*. Ở ngoài Trung, Ngô Đình Cẩn có cho tân trang chín cái hầm chứa vũ khí của quân đội Nhật dưới đất ở ngoại ô thành phố Huế để nhốt tù chính trị, nhốt Phật tử và những kẻ mà Cẩn định làm tiền. Ái Huyên, một nữ sinh Đồng Khánh Huế, nạn nhân của Cẩn, trong khi bị giam ở Chín Hầm đã sáng tác bài thơ:

Trước phong cảnh hữu tình ai có biết,
Rằng nơi đây địa ngục trần gian,
*Nơi chứa chấp **một chế độ bạo tàn**,*
Và cạnh đấy là cung vàng điện ngọc.
Du khách hỡi! Dừng lại đây nghe tiếng khóc,
Của oan hồn tử sĩ chết đau thương,
Những nấm mồ vô chủ suốt đêm trường,
Như quằn quại theo từng cơn gió buốt!
*Trên nệm ấm **kẻ bạo tàn đâu có biết,***
***Bao thân người** chui rúc dưới tanh hôi,*

[58] Hoành Linh Đỗ Mậu, *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, Văn Nghệ, 1993, Chương 15, trang 511

Và nghe hồn khóc kể mãi không thôi! [59]



Di tích Hầm số 2 (nơi giam tù chính trị đối lập)
trong hệ thống Chín Hầm của Ngô Đình Cẩn tại Huế

Nhà ngục Chín Hầm đó của Ngô Đình Cẩn ghê rợn đến nỗi trong bài thơ *Vịnh Chuồng Cọp*, một ẩn sĩ ở Huế đã tặng cho ông Cẩn một hỗn danh để lưu truyền lại cho hậu thế:

*Một kiếp tàn hung **Hùm Xám** đó,*
Muôn dân ghê rợn ác ôn này! [60]

Trong khi đó thì tại Sài Gòn, gần sở thú đô thành, Ngô Đình Nhu cho xây trại giam P-42 để tra khảo những thành phần quốc gia đối lập với chế độ. Một trong những người đó là cụ Trần Văn Hương, một trí thức "uy vũ bất năng khuất" của miền Nam, và sau nầy là Tổng thống một tuần (từ 21 đến 28-4-1975), đã từng cùng với 17 nhân sĩ khác ký bản Tuyên bố "Caravelle" để phản đối chế độ Diệm..

Ngồi trong tù, mỗi lần hồi phục được một chút tàn lực sau những lần thẩm vấn và tra tấn, cụ Hương thường làm thơ để giết thì giờ.

NGỒI TÙ MỘT LŨ
Này anh, này cụ, này là chú,

---

[59] Hoàng Trọng Thược, *Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế*, tr. 275.

[60] Hoàng Trọng Thược, *Tinh Thần Trào Phúng trong Thi Ca Xứ Huế*, tr. 274

Lóc cóc vào đây ngồi một lũ,
Những tưởng buồn như chó mất nhà,
Nào ngờ vui quá bàn xôm tụ,
Thân này dẫu vướng chốn lao lung,
Nỗi ấy vẫn ghi trong phế phủ,
Xuống chó lên voi lắm chuyện đời,
Xưa nay diễn biết bao nhiệm vụ. [61]

Và hãy nghe cụ Hương tả cảnh nhà ngục P.42 để thấy chế độ Diệm đã đày đọa người quốc gia như thế nào:

P.42 – SỞ THÚ
Danh đồn khét tiếng đã từng nghe,
P.42 đúng thiệt nè!
Điện tụ, bình quay kêu ới ới,
Xà bông nước đổ, nuốt the the,
Tra đi tra lại kinh chưa hả?
Khai tới khai lui mệt quá hè.
***Cụ, Cố, Cậu** trù, **Ma** trổ ngón,*
Thân tù dưới búa lại trên đe. [62]

(Ghi chú: *Cụ* là ông Diệm, *Cố* là ông Nhu, *Cậu* là ông Cẩn, *trù* là trù yểm, *Ma trổ ngón* là bọn mật vụ Cần Lao trổ tài tra tấn)

Bài hịch hài tội chế độ

Năm 1960, khi binh chủng Nhãy Dù tiến hành cuộc binh biến tại Sài Gòn để định lật đổ chế độ Diệm thì trong hàng ngũ của họ có sự tham gia của một số đảng viên của các đảng phái quốc gia yêu nước, nhất là các đảng có gốc gác tại miền Trung..

"Tại Quảng Nam, Một cán bộ cấp cao của Việt Quốc là ông Duy Nghĩa đã làm sẵn bài Hịch để khi cướp được Chính quyền thì sẽ tung ra kêu gọi toàn dân đứng lên cứu nước, nhưng chẳng may cuộc đảo chánh bất thành, bài Hịch bị chôn vùi trong bóng tối của bí mật cho mãi đến sau ngày 1-11-1963, bài Hịch mới được phổ biến. Tôi được một đồng chí của ông Duy Nghĩa là ông Lê Nguyên Long (hiện sống tại tỉnh Fresno, Hoa Kỳ) trao lại cho một bản sao của bài hịch này, xin ghi lại đây như một sử liệu để lưu truyền:

---

[61] Trần Tương, *Biến cố 11-11-60,* tr. 82. Sài Gòn: Đức Phổ, 1971
[62] Trần Tương, *Biến cố 11-11-60*, tr. 58. Sài Gòn: Đức Phổ, 1971.

Hãy đứng lên, đứng lên như vũ bão,
Răng nghiến răng, tay nắm chặt, vung tràn,
Mắt long lên, hùng khí ngập không gian,
*Cho điếng lạnh **thứ tham tàn Cẩn, Diệm**.*
Vạn cánh tay giờ đây cùng tuốt kiếm,
Để lòe lên Chính nghĩa của non sông,
Để lòe lên tình đoàn kết nhiệt nồng,
Muôn màu sắc quốc gia non nước Việt.

Hỡi những ai, những con người khí tiết,
Đang trong tù hay đau khổ trùm chăn,
Hay khuất thân sống tạm bợ nhục nhằn,
Hãy đứng dậy giờ vinh quang lâm trận!
Như thác đổ, mưa nguồn, chớp sấm,
Như đảo điên một vũ trụ hôm nay,
Hớp men nồng cách mạng máu cuồng say:
Xưa "Sát đát" ngày nay ta "Sát địch".

Hỡi muôn tim lặng nghe lời truyền hịch:
Nước diệt vong vì Cộng Sản bạo tàn,
***Nước nguy vong vì lũ Diệm tham gian**,*
Gây nghiêng ngửa cơ đồ tuy nửa mảnh.
Muôn tim, muôn tim cùng nhau sát cánh,
Đạp phăng phăng chướng ngại lũ sài lang,
Để cùng nhau trong cách mạng huy hoàng,
Cùng xây dựng một chánh quyền "Vì Dân tộc",
Một "Chính quyền Công bộc"
Với "Tự do, Dân chủ" được nêu cao. "[63]

Nhiệm ý Thiên Chúa

Ông Diệm và những người đồng đạo của ông tin rằng mọi sự trên đời đều do Chúa định đoạt. Nhưng khi gặp những sự kiện cực kỳ vô lý không thể giải thích được (như vì sao Chúa lòng lành mà lại tạo ra dịch hạch giết hàng vạn người, hoặc tại sao Giáo hoàng có Chúa Thánh Thần che chở mà vẫn phải di hành bằng xe Pop Moble bọc thép chống đạn, …) thì họ cho rằng đó là Ý muốn mầu nhiệm

[63] Hoành Linh Đỗ Mậu, *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, Văn Nghệ, 1993, Chương 11, trang 344

của Thiên Chúa, loài người kh6ng thể hiểu được. Vì vậy mà cuối những bài diễn văn chính thức gửi quốc dân đồng bào, bất chấp 93% dân chúng không tin vào Chúa, ông Diệm vẫn luôn luôn kết thúc bằng câu "*Xin Thượng Đế ban phước lành cho chúng ta*". Nhưng mặc bao nhiêu cầu xin của chính ông và đồng đạo, cuối cùng ông vẫn chết thê thảm đúng luật Nhân-Quả. Biết sẽ chết như thế là "*Nhiệm ý của Thiên Chúa*" nhưng trước đó ông vẫn cãi lời Chúa của ông với lời trối trăn cho tàn dư của ông rằng "*nếu tôi chết thì trả thù cho tôi*".

Một "nhiệm ý Thiên Chúa" khác là sau ngày cách mạng 1-11-1963, một trong các biểu tượng của chế độ là tượng Hai Bà Trưng ở bến Bạch Đằng tại Sài Gòn đã bị sinh viên và dân chúng kép đổ sập. Đây là bức tượng tạc Hai Bà nhưng từ khuôn mặt cho đến vóc dáng thì lại giống như Bà Nhu và con gái Ngô Đình Lệ Thủy. Bà Nhu là Đệ Nhất Phu nhân, là Thủ lãnh Lực lượng Phụ nữ Bán Quân sự, là Chủ tịch Phong trào Phụ nữ Liên đới, và nhất là vợ ông Cố vấn thét ra lửa trong dinh Độc Lập… nên bà nghĩ bà và con gái nếu không hơn thì cũng bằng hai bà Trưng Trắc Trưng Nhị khởi nghĩa chống quân Hán và dẹp yên 65 thành ở đất Lĩnh Nam, nên bà đáng được dựng tượng cho nhân dân miền Nam tôn thờ..





Tượng "Hai Bà Trưng" tạc theo khuôn mặt và vóc dáng hai mẹ con Bà Nhu nên bị sinh viên kéo sập và phần cái đầu bị dân chúng chở đi bêu xấu trên đường phố Sài Gòn

Trước hành động kiêu căng vô văn hóa đó của bà Nhu, nhà thơ Đông

Hồ đã có bài thơ "*Tượng Ai Đâu Phải Tượng Bà Trưng*" [64] như sau:

Tượng ai đâu phải tượng bà Trưng
Tóc uốn lưng eo kiểu lố lăng
Đón gió lại qua người ưỡn ẹo
Chờ chim Nam Bắc dáng tung tăng
Khuynh thành mặt đó y con ả,
Điêu khắc tay ai khéo cái thằng!
Chót vót đứng cao càng ngã nặng
Có ngày gãy cổ đứt ngang lưng.

Đây một hình xưa nhục nước non
Thay hai hình mới đứng thon von
Mình ni lông xát lưng eo thắt
Ngực xú chiêng nâng vú nở tròn.
Tưởng đứng hiên ngang em với chị
Hóa ra dìu dắt mẹ cùng con
Dòng sông Bến Nghé, dòng sông Hát
Lưu xú lưu phương tiếng để còn.

Ngoài ra, khi nhìn gia đình họ Ngô tán gia bại sản để tiếng xấu muôn đời (không biết có do ý Chúa không), nhà văn lão thành Lãng Nhân Phùng Tất Đắc đã ví von anh em ông Diệm, từ *em ruột* đến *em dâu*, như giặc "Hoàng Sào", một đám giặc cỏ ở tỉnh Sơn Đông cuối đời nhà Đường bên Tàu:

NGÔ TRÀO
Trải qua một cuộc bể dâu,
Trông vời cố quận biết đâu là nhà?
Khéo oan gia, của phá gia,
*Này **là em ruột** này là **em dâu**!*
Cửa nhà dù tính về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào! [65]

Vì là một loại Hoàng Sào nên dù ông Diệm không chết trong

[64] Tạp chí *Bút Hoa* ngày 1-4-1964. Trích lại từ *Đời Viết Văn Của Tôi*" (trang 200, 201). Nguyễn Hiến Lê
[65] Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *Chơi Chữ*, tr.73, Texas: Zielekz, 1979.

ngày chế độ ông bị lật đổ thì ông cũng đã chết trong lòng dân tộc từ lâu rồi. Cái chết của ông Diệm là một sự sụp đổ thê thảm của **danh phận phẩm giá**. Thê thảm đến độ học giả Lãng Nhân Phùng Tất Đắc và nhân sĩ Hoàng Trọng Thược đã phải ghi vào sách sử lời lên án năm anh em nhà Ngô bằng những câu thơ "nghìn năm bia miệng" để lại muôn đời [66]

Vùi nông đôi nấm giữa đêm sâu,
Mười thước sau chùa đủ bể dâu.
Ba cỗ quan tài bốn lỗ huyệt,
Năm thằng Trời đánh một con Mầu.
Mới vừa Hăm Sáu còn nguyên thủ,
Mà đến Mồng Hai đã vỡ đầu.
Bảy Tám thu trường Ngô với Đĩ,
Ngô thì chín rụng Đĩ chơi đâu?

[Ghi chú: "*Năm thằng*" là các ông Thục, Diệm, Nhu, Cẩn, và Luyện. Và "*con Mầu*" là Trần thị Lệ Xuân, tức bà Nhu]

* * *

Chép và đọc lại mấy bài thơ trên để thấy một khi dân tộc đã lên tiếng, rằng:

Nhà Ngô có bốn gian hùng
***Diệm** ngu, **Nhu** ác, **Cẩn** khùng, **Thục** điên*

Và:

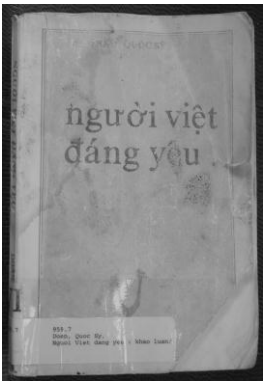
Nước nguy vong vì lũ Diệm tham gian,
Gây nghiêng ngửa cơ đồ tuy nửa mảnh.

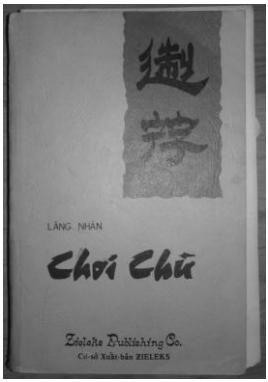
thì nỗ lực của đám tàn dư hoài-Ngô tại hải ngoại, càng **theo lệnh Vatican đánh tráo lịch sử thì càng làm rõ thêm căn tính nô lệ phi dân tộc** của họ mà thôi. Thật tội nghiệp!

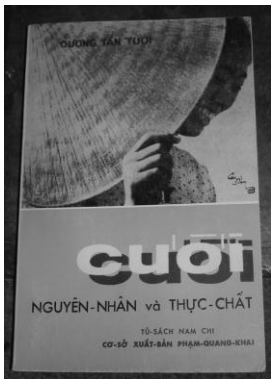
Phùng Quân
Long Beach, cuối tháng 10/2010

---

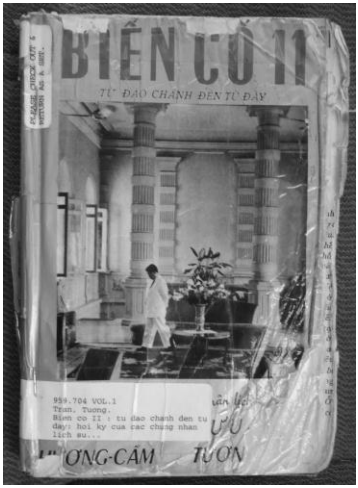
[66] Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, *Chơi Chữ*, tr.186, Texas: Zielekz, 1979. Và Dương Tấn Tươi, *Cười - Nguyên Nhân và ThựcChất*, Sài Gòn: Phạm Quang Khai 1986, tr.170.







Người Việt đáng yêu (Doãn Quốc Sỹ), ***Chơi Chữ*** (Phùng Tất Đắc); ***Cười, Nguyên Nhân và Thực Chất*** (Bs. Dương Tấn Tươi)





Biến cố 11-11-60
Trần Tương

Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi
Hoành Linh Đỗ Mậu

QUY LUẬT CỦA THÁNG TÁM ĐỊNH MỆNH

Lý Nguyên Diệu

Tất cả bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm từ Paris trở về Sài Gòn sau 5 năm "*từng lê gót nơi quê người*" để "*cứu đất nước và tranh đấu cho tự do*" tại … quê người!.

Uy tín của ông ở trong nước là một vị quan thanh liêm, không màng danh lợi, cương quyết chống thực dân Pháp và Cọng sản. Uy tín của ông ở ngoại quốc là vua Bảo Đại đã phong cho ông làm Thủ tướng cọng với sự ủng hộ tài lực và nhân sự của đại cường Mỹ và ủng hộ tinh thần cùng uy tín của toà thánh Vatican. Thật là đầy đủ "danh chánh ngôn thuận".

Trong bối cảnh ông Hồ Chí Minh đã nắm quyền ở Hà Nội, thực dân Tây còn quân đội ở trong Nam, ông Ngô Đình Diệm đã đủ uy tín để được sự ủng hộ của người dân Việt không chấp nhận thực dân Tây và cọng sản. Hai lực lượng chính yếu là chính trị và quân đội đã tin tưởng ông đến mức phiá dân sự, chính quyền của ông có ông Phan Khắc Sửu làm Bộ trưởng, ông Trần Văn Đỗ cầm đầu phái đoàn họp Hội nghị Genève, ông Trần Văn Hương làm Đô trưởng Sài Gòn ..., và phía quân nhân có sự ủng hộ của các sĩ quan như Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Nguyễn Ngọc Lễ, Đỗ Mậu, Thái Quang Hoàng...

Trong những ngày đầu lãnh đạo lực lượng cơ bản xây dựng chế độ đó, ông Diệm đã bắt đầu lộ ra dấu hiệu độc tài và yếu kém chính trị khi tổ chức Trưng cầu Dân ý ngày 23/10/1955 để truất phế vị vua đã giao cho mình quyền Thủ tướng với tỉ số phiếu 98.2% cho mình và 1.1% cho đối thủ Bảo Đại đang ở bên Tây. Hành động **phản bội** vua Bảo Đại đó đã làm cho "danh ông Diệm không còn chánh" và **bầu cử gian lận** quá lộ liễu đã làm cho "ngôn ông Diệm không còn thuận" nữa.

Nhưng tuần trăng mật của Tổng thống Diệm với miền Nam Việt Nam vẫn kéo dài được 5 năm. Đây là thời kỳ Đệ Nhất Cộng Hoà của Việt Nam được yên ổn phát triển mà những người viết sử sau nầy

thường nhắc đến. Có hai nguyên nhân chính cho sự "yên ổn" nầy: Cả hai chính quyền ông Hồ và ông Ngô cần thời gian chấn chỉnh để bắt đầu một cuộc thư hùng đầy núi xương sông máu. Nguyên nhân thứ hai là chính quyền Mỹ vẫn còn viện trợ tuy chưa ồ ạt nhưng rất căn bản nên chưa cần phải cân nhắc mức độ ủng hộ.

Cho đến năm **1960**, *ba biến cố* xảy ra báo hiệu sự sụp đổ phải đến cho chế độ Tổng thống Diệm: **(i)** Cuối tháng 4 là cuộc họp báo của **18 nhân sĩ và chính trị gia của miền Nam** để công khai trình bày một bản tuyên ngôn yêu cầu chính phủ ông Diệm cải tổ vì những lý do chính trị độc tài, chính quyền tham nhũng, quân sự lũng đoạn, kinh tế yếu kém, xã hội băng hoại. Trong số những người ký tên trên bản tuyên ngôn nầy lại có chính các người cọng sự cũ của ông Diệm là các ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Hương, … **(ii)** Giữa tháng 11 là cuộc nổi dậy của **binh chủng Nhảy Dù**, lực lượng thiện chiến nhất của chế độ ông Diệm. Tuy thất bại nhưng cuộc nổi dậy đã làm thức tỉnh ý thức chính trị của một tập thể kỷ luật đã ủng hộ ông Diệm từ ngày đầu tiên khi ông trở lại Sài Gòn. Và **(iii)**, cuối tháng 12, là sự ra đời của **Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam** cho thấy miền Bắc đã nhận thức được chính quyền ông Diệm chỉ sống chủ yếu nhờ quân kinh viện của Mỹ và họ đủ mạnh để khởi đầu cuộc chiến tranh thống nhất đất nước.

Nhưng ông Diệm đã không thấy qua ba biến cố đó ông **đã mất đi sự ủng hộ chính trị và quân sự** trong miền Nam đồng thời kẻ thù miền Bắc đã sẵn sàng để tấn công. Vì không thấy nên ông vẫn tiếp tục càng ngày càng lún sâu vào con đường độc tài và chủ quan của ông bà Nhu ở Sài Gòn, thối nát và tàn bạo của ông Cẩn ở Huế và cuồng tín và tham ô của ông Thục trên toàn miền Nam cho đến năm 1963.

Giọt nước làm tràn ly là lệnh cấm treo cờ Phật giáo nhân lễ Phật Đản ngày 7 tháng 5 ở Huế ngay sau khi cờ Thiên Chúa giáo Vatican (màu vàng và trắng) bay đầy thành phố Huế để đón Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục. Giọt nước nầy đưa đến sự phẫn nộ trên toàn quốc qua những cuộc biểu tình, đình công bãi thị, sinh viên học sinh bãi khoá, giáo sư từ chức, các vị sư Phật giáo tự thiêu. Đây là những biểu lộ của quần chúng còn sâu đậm và toàn diện hơn cả những gì chúng ta đang thấy ở Syria, Ai Cập, … Từ bà bán hàng ở chợ Đông Ba đến ông Viện trưởng Linh mục Cao Văn Luận, từ giáo sư Phạm biểu Tâm, khoa trương Y khoa Sài Gòn đến ông già đạp xích lô ở NhaTrang, từ Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đến người lính Thủy quân Lục chiến gác biểu tình, … nhưng ông Diệm vẫn không thấy.

Hoặc là ông Ngô Đình Nhu không muốn cho anh của mình thấy. Dù cuộc tự thiêu đầu tháng 6 của Hoà thượng Thích Quảng Đức và cuộc tự vẫn đầu tháng 7 của nhà văn Nhất Linh đã làm xúc động trên toàn thế giới, hai cái chết nầy cũng **không làm rung chuyển ba người sống trong dinh Gia Long** là ông bà Nhu và ông Diệm. Họ không ra khỏi tháp ngà đó nên đêm 20 rạng ngày 21 tháng 8 họ tổ chức một biến cố đã làm vở toang ly nước đời họ.

Tạp chí **Hợp Lưu**, xuất bản tại Little Saigon ở miền Nam California, số 88, 89, 90, đã trích đăng lại một bài viết kể lại biến cố được gọi là "***chiến dịch Nước Lũ***" đêm 20/8/1963 nầy như sau:

Khoảng nửa giờ sau khi Thiết Quân luật có hiệu lực, Nhu cho lệnh tấn công các chùa trên toàn quốc. Tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, nơi đặt bản doanh Ủy ban Tranh đấu Liên Phái, hai đại đội thuộc ***Liên đoàn 31 Lực Lượng Đặc Biệt*** *[LLĐB], Đại đội 16 Bảo An, và Cảnh Sát mặc giả quân phục đánh chiếm mục tiêu. Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Tâm Châu, cùng nhiều tăng sĩ bị bắt giam sau một giờ chống cự. Khoảng 30 tăng sĩ bị thương, và 2 người bị mất tích. Đích thân Đại tá* ***Lê Quang Tung****, Chỉ huy trưởng LLĐB, và Giám đốc Cảnh sát CA Đô thành,* ***Trần Văn Tư*** *[tài liệu Pháp ghi là Cò Túc?], chỉ huy, dưới sự điều động của* ***Đính.*** *Do mật báo từ Dinh Độc Lập, ký giả ngoại quốc biết trước tin này và có mặt tại chùa Xá Lợi để chứng kiến cuộc "vét chùa", và quyết tâm bảo vệ đạo pháp của các tăng ni. Các chùa Ấn Quang, Chantareansay (Sài Gòn) đều bị chiếm. Các tăng trụ trì, Thiện Hoa và Lâm Em, bị bắt. (168) Đồng thời, hai chùa Linh Mụ và Từ Đàm (Huế), cùng các chùa ở Đà Nẵng, Nha Trang v.. v... đều bị chìm trong "nước lũ" bạo lực.*

Tại Huế, khoảng 3 giờ đêm, tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng kêu cầu cứu vang lên khắp nơi. Đồng bào quanh chùa đánh mõ, gõ thùng thiếc báo nguy. Đợt tấn công đầu, Cảnh sát bị đẩy lui. Sau đó, ***Đỗ Cao Trí*** *cho lệnh nổ súng. Những giáo sư, sinh viên và học sinh tranh đấu cũng bị bắt giữ.(169) Tổng cộng khoảng 1,400 tăng sĩ, bị bắt trên toàn quốc. Chỉ có hai sư từ chùa Xá Lợi thoát được tới Phái Bộ Kinh Tế [USOM] gần đó xin tị nạn. Qua ngày 23/8, Trí Quang cũng trốn được vào Toà Đại sứ Mỹ.*

[Trích từ "*Mùa Phật Đản Đẫm Máu*" của tác giả Chính Đạo - Tạp chí Hợp Lưu số 88,89,90)]

Tạp chí **Bách Khoa** của giới trí thức Việt Nam, do ông Hùynh

Văn Lang sáng lập theo ý của ông Ngô Đình Nhu, số 169 và 170, sau 1963, đã đăng một bài của tác giả Phạm Trọng Nhân với đề tựa: "**Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi**". Sau đây là một vài trích đoạn (nhấn mạnh của LND):

■ *..."Đầu tháng 8 dương lịch. Tình thế ngày thêm trầm trọng. Vì vấn đề Phật giáo trước dư luận quốc tế; uy tín quốc gia xuống quá thấp!*

Một vị Bộ trưởng, một hôm nhận xét:

*- Nguy quá! Nhiều sinh viên, học sinh bị bắt bớ, giam cầm ... Động đến tôn giáo, đến sinh viên ... Chánh phủ không thể đứng vững, nếu còn tiếp tục như hiện nay. Lịch sử cổ kim chứng tỏ khi chánh quyền **đàn áp tôn giáo, khủng bố thanh niên, ấy là chánh quyền bắt đầu tự diệt** ...*

Sau này, chúng ta được biết có lần ô. Vũ Văn Mẫu nhân danh là Giáo sư Đại học, đã can thiệp để trả tự do cho một số sinh viên. Và cấp thẩm quyền khi đó, thản nhiên, bình tỉnh, trả lời:

Sinh viên, thanh niên, làm loạn thì phải bỏ tù. Các trường có đóng cửa một năm cũng chẳng hại gì ...".

■*... "Ngày 16-8, lễ độ nhưng cứng rắn Ô. Trần Văn Chương (thân phụ của bà Ngô Đình Nhu) Đại sứ Việt Nam tại Mỹ, tường trình vị Nguyên thủ về tình thế nước nhà trước công luận quốc tế. Các báo Mỹ sau có đăng tải bản phúc trình, đại cương có thể tóm tắt:*

*" Tôi hân hạnh kính trình Tổng thống tường: dư luận quốc tế và nhất là ở Mỹ, tin rằng chánh thể do Tổng thống lãnh đạo không thể mang thắng lợi cho đất nước. **Cuộc khủng hoảng Phật giáo vốn dĩ chẳng phải là nguyên nhân, mà là hậu quả**: thật chẳng khác giọt nước làm tràn chiếc ly đã quá đầy. Vấn đề không thể giải quyết bằng một công trình vá víu hay dối trá. Cần phải chân thành triệt để từ bỏ chánh thể này đã mất hết hậu thuẫn và tín nhiệm của quốc dân. Đó là điều mà chính Tổng thống không ngờ và không biết!*

■ *..."Tổng thống chỉ có thể tiếp tục lãnh đạo quốc gia, với điều kiện tất yếu **từ bỏ hẳn chánh sách độc tài chuyên chế, mà trong thực tế, Tổng thống đã ủy quyền cho hai em là NHU và CẨN**. Tổng thống không biết rằng hai người này đã lạm quyền ...*

■ *..."Quốc dân **chán ghét chánh thể** này quá lắm rồi!"*

■*..."Ba ngày sau, bất thình lình, trong đêm tối, đoàn Mật vụ chiến đấu tấn công chùa Xá Lợi. Có tiếng súng nổ, tiếng hò reo, tiếng kêu rên, rồi máu chảy đầu rơi, và một đoàn người ra đi, không hẹn ngày trở lại! ...*

Một nhân viên cao cấp nhà ở gần chùa Xá Lợi, được ông Bộ trưởng Ngoại giao điện thoại cho biết nên nhờ đó được thưởng thức một màn khẩu trình bất ngờ, bi đát; lời nói nghẹn ngào hoà với tiếng chuông ngân kêu cứu, tiếng súng nổ hãi hùng ... Điện đàm được chừng 15 phút thì dây điện thoại bị cắt."

■*..."Chi tiết vụ tấn công chùa Xá Lợi không hề được chánh thức công bố. Các nhân viên nội các đã tự truy tầm tìm hiểu, bằng những phương tiện riêng. Và ai nấy kết luận: "Cộng sản thâm nhập ngay ngưỡng cửa thủ đô" (như Tổng thống tuyên bố đầu buổi họp hội đồng nội các sáng sớm ngày 21/8)* ***là điều sai sự thực****. Hôm trước (20-8) Hội đồng liên bộ họp tại Hội trường Diên Hồng từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, mà nào có ai nghe thấy ông Bộ trưởng Nội vụ (ông Lâm Lễ Trinh) nói tới vấn đề Cộng sản ..."*

Cũng trên hai số 169 và 170 của tạp chí **Bách Khoa** đó, ta đọc được những phản ứng của các quốc gia **đồng minh với Việt Nam** sau khi chính quyền ông Diệm tấn công chùa chiền đêm 20 tháng 8 năm 1963 như sau:

■ *Ngày 22-8-1963:*

- Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu cạo đầu từ chức sau 8 năm làm Ngoại trưởng.

- ***Thái Lan****: Thủ tướng Sarit Thanarat đòi đưa vấn đề Việt Nam ra trước Liên Hiệp Quốc.*

- ***Mỹ****: Báo Washington Post: Chính quyền đã khủng bố, trong khi đáng lẽ phải thuyết phục. Đối với Hoa Kỳ, sự kiện nêu lên một câu hỏi quan hệ và trầm trọng: cần duyệt lại chánh sách viện trợ. Viện trợ nhằm mục đích chống Cọng chớ không phải giúp Cộng sản thành công ..."*

- ***Úc****: Tổng trưởng Ngoại giao tuyên bố trước Quốc hội: "rất lo ngại về chánh sách kỳ thị và cố chấp của các nhà đương cuộc Việt Nam."*

- ***Anh****: báo Daily Telegraph (Bảo thủ) viết: "Chánh thể đã tự hạ phẩm đến mức thuộc quyền sở hữu của một gia đình, khiến những thiện chí qúy hoá nhất cũng bị xuyên tạc."*

■ *Ngày 23-8:*

- Đại sứ Trần Văn Chương, thân phụ bà Trần Lệ Xuân, từ chức.

"Tin ông Trần Văn Chương từ chức (Đại sứ) được loan sáng 23-8. Và nhật báo New York World Telegram trong nhóm Scripps Howard nêu câu hỏi: "Ô. Trần Văn Chương mà còn không thể tiếp

tục cộng tác, thì chúng ta làm sao có thể tiếp tục ủng hộ chánh phủ này đã mất hết hậu thuẫn của quốc dân?"

*- **Miến Điện**: Báo The Guardian viết: " ... nhá cầm quyền Việt Nam đã lâm tình trạng thác loạn. Hành động qủa là một lầm lỗi phi thường, ra ngoài trí tưởng tượng của nhân loại."*

*- **Nhật**: Thứ trưởng Ngoại giao, ông Shigenobu Shima hội kiến với Đại sứ Việt Nam yêu cầu cho biết sự thực về chùa Xá Lợi.".*

*- **Mỹ**: Thượng nghị sĩ Wayne Morse xứ Oregon tuyên bố: - Mỹ ủng hộ chánh phủ Ngô Đình Diệm chỉ là làm lợi cho Cộng sản."*

■ *Ngày 25-8:*

*- **Đại Hàn**: Tướng Chang Chung Son (một nhân viên trong Hội đồng Quân nhân Cách mạng) đã gay gắt lên án nhà cầm quyền Việt Nam đàn áp Phật giáo đồ.*

*- **Ấn độ**: Dân tộc Ấn độ lấy làm công phẫn trước những hành động tàn ác hiển nhiên kia ..."*

*- **Phi Luật Tân** (đa số dân theo Ki-tô giáo): Báo Manila Chronicle: "Nếu công cuộc đàn áp Phật giáo không chấm dứt, lện giới nghiêm không bãi bỏ, Phi có thể sẽ là một trong những nước đầu tiên đoạn giao với Việt Nam."*

■ *Ngày 26-8:*

*- Hội nghị Phật giáo **Tích Lan** yêu cầu các đoàn thể Phật giáo toàn quốc treo cờ rũ để tang cho các Phật tử Việt Nam bỏ mình vì tín ngưỡng."*

■ *Ngày 27-8:*

*- **Cao Mên** đoạn giao với Việt Nam và hợp với Tích Lan đem vấn đề đàn áp Phật giáo của chính quyền Diệm ra trước Liên Hiệp Quốc.*

■ *Ngày 28-8:*

*- **Pháp**: Chủ tịch "Hội nghị Tranh đấu cho Tự do Văn hoá", Denis Rougemont tuyên bố: "Hội nghị phản đối kịch liệt chánh phủ Việt Nam đã chà đạp những quyền căn bản của người Phật giáo".*

■ *Ngày 29-8:*

*- **Trung hoa Dân quốc**: "... rất lo ngại về tình hình tại Việt Nam."*

Cuối cùng là ý kiến của hai nhân vật với uy tín toàn cầu:

■ Ngày 30-8-1963, 10 ngày sau chiến dịch "Nước Lũ": Thông điệp của **Giáo hoàng Paul VI** có đoạn: "*Chúng tôi có bổn phận nói lên nỗi ưu tư đau đớn của chúng tôi, đứng trước **những diễn biến***

đáng buồn đang đè nén dân tộc Việt Nam *thân mến. Mối lo ngại của chúng tôi mỗi ngày thêm thâm trầm bi đát*."

■ Ngày 31-8-1963: Ông **U Thant, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc** gửi thư cho Tổng thống Diệm có câu: "*Thúc dục bởi những ý niệm nhân đạo mà toàn thể chúng tôi đều tôn trọng, nhân danh là thành phần của đại gia đình nhân loại, tôi cảm thấy có bổn phận gửi thư nầy tới Ngài, cùng với lời kêu gọi tha thiết của cá nhân tôi …*"

Ngày 12-9-1963: Ông U Thant đã họp báo và tuyên bố như một tiên đoán: "*Tình hình tại Việt Nam mỗi ngày thêm trầm trọng. Những đức tính cần thiết của dân chủ, ví dụ trách nhiệm thay đổi chánh phủ theo thủ tục hiến pháp không cần bạo động, và điều động công quyền với phương pháp thuyết phục không cần võ lực,* ***đối với Việt Nam hiện nay đều hoàn toàn xa lạ*** *...*"

KẾT LUẬN

Ngày 1-11-1963, hậu qủa tất yếu mà ông U Thant cảnh báo đã xảy ra tại Sài Gòn với cuộc cách mạng khởi đầu từ quân đội để lật đổ một chế độ chỉ trong 2 ngày ngắn gọn với hai anh em ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đi qua bên kia của "cõi đi về" để trùng phùng với Hoà thượng Thích Quảng Đức và văn hào Nhất Linh trong cõi vĩnh hằng.

Nhà văn nhà giáo **Doãn Quốc Sỹ**, đã nói về cái chết của hai ông Diệm Nhu như sau: "***Bảo là người Mỹ đã giết Diệm. Không! Diệm đã chết trong lòng dân tộc từ lâu. Mỹ chỉ đến lượm xác sống của y***." [Người Việt Đáng Yêu, (Lời Mở Đầu) Nhà xuất bản Sáng Tạo, Sài Gòn, 1965. Đăng lại trên Tạp chí *Việt Nam Hải Ngoại* số 8 ngày 15-9-1977, San Diego, Hoa Kỳ.]

Từ Louis XVI ở Pháp đến Ngô Đình Diệm ở Việt Nam đến Mubarak ở Ai Cập, bài học lịch sử lập đi lập lại cho những nhà lãnh đạo quốc gia là gìn giữ yếu tố LÒNG DÂN. Dù được hay mất Tây, dù được hay mất Mỹ, dù được hay mất Tàu, dù được hay mất Vatican, ... mà mất yếu tố lòng dân là mất tất cả.

Quy luật đó là bà mẹ đẻ ra nguyên tắc dân chủ làm cho nước Mỹ ngày càng hùng mạnh khi áp dụng hiến pháp một cách trung thực. Những ai đang/sẽ làm chính trị ở Việt Nam chỉ cần thuộc nguyên tắc "dân vi qúy, xã tắc thứ chi" nầy.

Lý Nguyên Diệu
(extracted from Internet, Aug.20, 2011)

Nhà Xuất bản
THIEN TRI THUC Publications
P.O. Box 4805
Garden Grove, CA.92842-4805 – USA

đã xuất bản:

● Tran Nhan Tong: The King who founded a Zen School (2010)
● The Wisdom Within (2010)